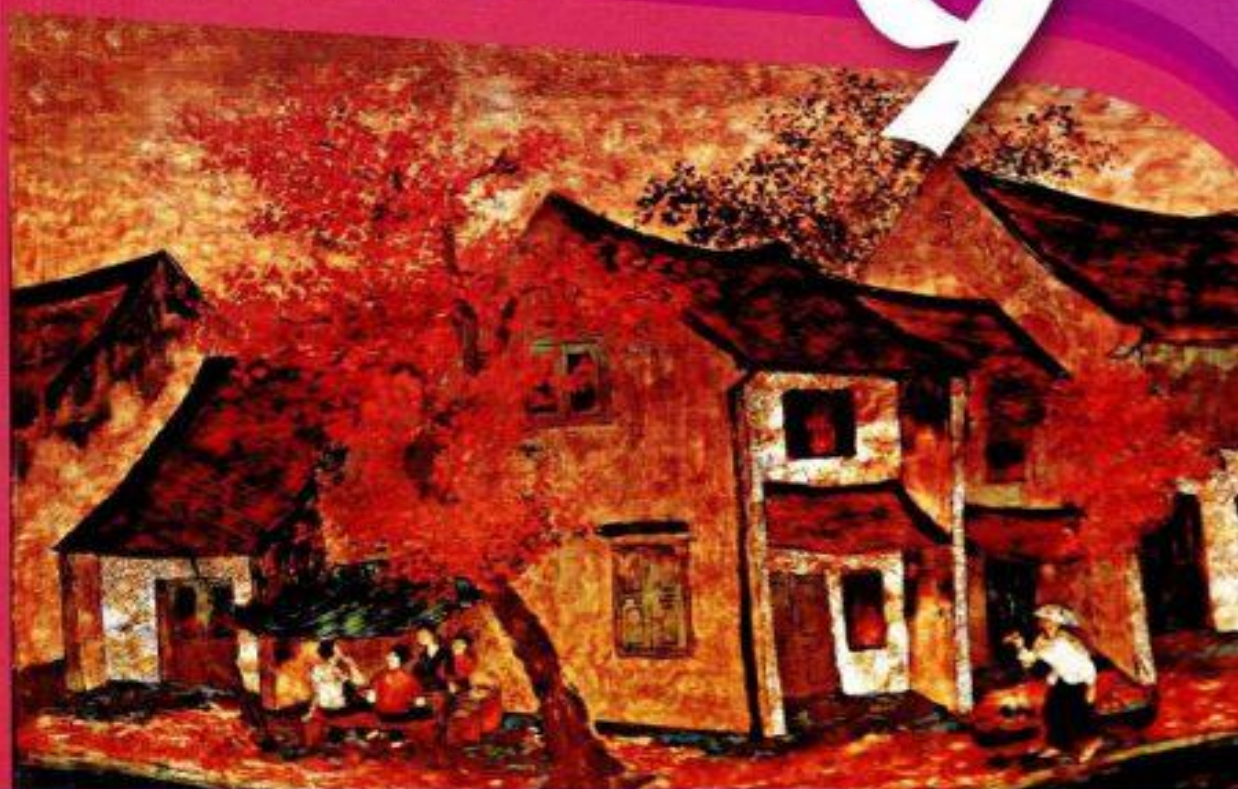


SACHHOC.COM

Các chuyên đề

Ngữ văn

9



SACHHOC.COM

**SACHHOC.COM**

**CÁC CHUYÊN ĐỀ**  
**NGỮ VĂN 9**

# CHUYÊN ĐỀ 1: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

## CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Nguyễn Dữ)

### I. Tác phẩm

#### 1. Tác giả Nguyễn Dữ

- Là gương mặt nổi bật của văn học VN thế kỉ XVI
- Quê ở Hải Dương, chưa rõ năm sinh, năm mất, là học trò xuất sắc của Nguyễn Bình Khiêm.
- Sống trong cảnh chế độ phong kiến mục nát, “đông bão nổi trăm miền”, xã hội là cái “vực thẳm đòi nhân loại” chỉ thấy “bóng tối đùn ra trận gió đen”, nên sau khi đỗ hương cống, Nguyễn Dữ chỉ làm quan một năm rồi lui về ở ẩn. Đó là hình thức bày tỏ thái độ chán nản trước thời cuộc của một trí thức tâm huyết nhưng sinh ra không gặp thời.

#### 2. Tác phẩm “Truyện kì mạn lục”

##### a. Thể loại

- Truyện kì là thể văn xuôi trung đại, phản ánh các yếu tố kì lạ, hoang đường, trong truyện thể giới cõi âm và con người có sự tương giao với nhau.

##### b. Truyện kì mạn lục

- Truyện kì mạn lục của Nguyễn Dữ (chỉ chép tản mạn những điều kì lạ được lưu truyền) được viết bằng chữ Hán ra đời vào nửa đầu thế kỷ XVI, tập truyện được khai thác từ các truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam từ các thời kì Lí, Trần, Hồ, Lê Sơ...

- Nội dung chính: Lấy xưa nói nay, lấy ảo để nói thực, lấy âm để nói dương, nhằm phơi bày, vạch trần phê phán hiện thực xã hội

##### - Nhân vật:

+ Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát sống cuộc sống yên bình, hạnh phúc, nhưng lại bị những thế lực tàn bạo và lễ giáo phong kiến nghiệt ngã đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, bi thương, bất hạnh vì oan khuất.

+ Hoặc một kiểu nhân vật khác, những trí thức tâm huyết với cuộc đời nhưng bất mãn với thời cuộc, không chịu trói mình trong vòng danh lợi, sống ẩn dật để giữ được cốt cách thanh cao.

- **Nhan đề: truyện kì mạn lục:** lục là ghi chép, mạn là tản mạn, kì là kì ảo, truyện là lưu truyền. Như vậy có nghĩa là ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền.

##### c. Tác phẩm “chuyện người con gái Nam Xương”

- “Chuyện người con gái Nam Xương” là truyện thứ 16, có nguồn gốc từ một truyện cổ tích Việt Nam có tên là “Vợ chàng Trương”.

- So với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, “Chuyện người con gái Nam Xương” phức tạp hơn về tình tiết và sâu sắc hơn về cảm hứng nhân văn

### 3. Tóm tắt văn bản

“Chuyện người con gái Nam Xương” viết về một cuộc đời, một số phận đầy oan khuất của một thiếu phụ tên là Vũ Thị Thiết. Đó là người con gái thùy mị, nét na, đức



hạnh và xinh đẹp. Lấy chồng là Trương Sinh chưa được bao lâu thì chàng phải đi lính, nàng ở nhà phụng dưỡng mẹ già và nuôi con nhỏ. Để dỗ con, tối tối, nàng thường chỉ bóng mình trên tường mà bảo đó là cha nó. Khi Trương Sinh về, lúc đó mẹ già đã mất, đưa con bấy giờ đang tập nói, ngây thơ kể với chàng về người đêm đêm vẫn đến nhà chàng. Sẵn có tính hay ghen, nay thêm hiểu lầm, Trương Sinh mắng nhiếc đuổi vợ đi. Phần uất, Vũ Nương chạy ra bến Hoàng Giang tự vẫn và được Linh Phi cứu. Phan Lang là người cùng làng trong 1 lần chạy nạn đã bị đắm thuyền và được vợ vua Nam Hải là Linh Phi cứu. Để bày tỏ ơn cứu mạng ngày xưa nên đã bày tiệc tiếp đãi, lúc đó Phan Lang gặp Vũ Nương dưới thủy cung. Sau đó Vũ Nương nhờ Phan Lang đem chiếc hoa vàng về cho Trương Sinh và khi Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ thì đã muộn, chàng lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về thoát ần thoát hiện và biến mất.

## II. Phân tích

### 1. Chi tiết cái bóng

#### a. Cách kể chuyện

- Cái bóng là một chi tiết đặc sắc, là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn so với truyện cổ tích.

- Cái bóng là đầu mối, điểm nút của câu chuyện. Thất nút là nó, mà mở nút cũng là nó.

#### b. Góp phần thể hiện tính cách nhân vật

- Đối với Vũ Nương: Trong những ngày chồng đi xa, vì thương nhớ chồng, vì không muốn con nhỏ thiếu vắng bóng người cha nên hàng đêm, Vũ Nương đã chỉ bóng mình lên tường nói dối con đó là cha, lời nói dối đó hoàn toàn mục đích tốt đẹp -> **thể hiện sự thương yêu chồng con hết mực**

- Đối với bé Đản: Mới ba tuổi còn ngây thơ, chưa hiểu hết những điều phức tạp nên đã tin những điều Vũ Nương nói là có một người cha đêm nào cũng đến, mẹ đi cũng đi, mẹ ngồi cũng ngồi, nhưng nín thin thít và không bao giờ bế nó => sự ngây thơ hồn nhiên của bé Đản.

- Đối với Trương Sinh: Lời nói ngây thơ của bé Đản về người cha khác (chính là cái bóng) đã làm nảy sinh sự nghi ngờ vợ không thủy chung, nảy sinh thái độ ghen tuông và lấy đó làm bằng chứng mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi, đẩy Vũ Nương vào bi kịch đó là cái chết => sự hồ đồ, đa nghi của Trương Sinh cũng là biểu hiện của chế độ phong kiến mục nát đẩy số phận người phụ nữ vào bi kịch cái chết.

### 2. Nhân vật Vũ Nương

#### a. Vẻ đẹp phẩm chất

Mở đầu tác phẩm, tác giả đã có lời giới thiệu bao quát về Vũ Nương “Tính đã thủy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp” tạo ấn tượng về một chân dung phụ nữ hoàn hảo. Sau đó ông đi sâu miêu tả vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật trong các mối quan hệ khác nhau, trong các tình huống khác nhau.

**\* Trước hết Vũ Nương là người phụ nữ thủy chung, son sắc trong tình nghĩa vợ chồng**

- Trong cuộc sống vợ chồng, biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn “giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”. Nàng luôn giữ

cho tình cảm gia đình đầm ấm, yên vui. Nàng là một người vợ hiền thực, khôn khéo, nét na đúng mực!

- Hạnh phúc êm ấm tưởng bền lâu, không ngờ đất nước xảy ra binh biến, Trương Sinh phải đầu quân ra trận ở biên ải xa xôi. Buổi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”. Ước mong của nàng thật bình dị, lời lẽ dịu dàng ấy, chứng tỏ nàng luôn coi trọng hạnh phúc gia đình mà xem thường mọi công danh phú quý. Nàng cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng: “Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triều miên lo lắng.”

=> **Một người vợ rất mực thủy mị, dịu dàng, biết chịu đựng, giàu lòng yêu thương, biết chờ đợi để yên lòng người đi xa.**

- **Khi xa chồng**, Vũ Nương ngày ngày đợi chờ, ngóng trông đến thôn thức “Giữ trọn tấm lòng thủy chung, son sắt”, “*tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót*”. Nỗi nhớ thương dài theo năm tháng “*Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được*”. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò vố. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

*"... Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời  
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu  
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong..."*

=> Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.

- **Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ**: Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả thân phận và tấm lòng của mình để thuyết phục chồng “Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu.....cách biệt ba năm giữ gìn một tiết.....” Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.

- Rồi những năm tháng sống ở chốn thủy cung nàng vẫn không nguôi nỗi thương nhớ chồng con.

- Vừa gặp lại Phan Lang, nghe Lang kể về tình cảnh gia đình nàng đã ứa nước mắt xót thương. Mặc dù đã nặng lời thề sống chết với Linh Phi nhưng nàng vẫn tìm cách trở về với chồng con trong giây lát để nói lời đa tạ tấm lòng chồng. Rõ ràng trong trái tim người phụ nữ ấy, không gợn chút thù hận, chỉ có sự yêu thương và lòng vị tha.

\* **Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo với mẹ chồng.**

- **GV: Trong ba năm** chồng đi chiến trận, một mình nàng vừa làm con vừa làm cha vừa làm mẹ để chăm sóc phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ.

- Nàng là một cô con dâu hiếu thảo. Chồng xa nhà, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo. Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên răn để bà vui bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hết như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết người mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâu “Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ”.

\* **Vũ Nương một người mẹ hiền đầy tình yêu thương con.**

- Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chệnh mảng việc con cái. Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ: để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha. Bởi vậy đây cũng chính là một trong những nguyên nhân mà khiến Vũ Nương lâm vào bi kịch.

\* **Vũ Nương là người phụ nữ giàu lòng tự trọng, lòng vị tha và rất coi trọng tình nghĩa.**

- **Đối với chồng:** Khi bị nghi oan là thất tiết, mới đầu nàng đã dùng những lời lẽ hết sức tha thiết để biện bạch cho chính bản thân mình “*Thiếp vốn là con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót*” .... Mặc dù đã tha thiết biện bạch và hàng xóm khuyên ngăn nhưng Trương Sinh vẫn một mực không tin, bởi vậy để chứng minh cho sự chung thủy của mình nàng đã ra sông Hoàng Giang tự vẫn.

- **Đối với người làng là Phan Lang thì trọng tình nghĩa, đối với người cứu mình là Linh Phi giữ chữ tín**

+ Khi gặp Phan Lang ở dưới thủy cung đã nhận ra ngay đó là người quen biết, và nhờ Phan Lang đem chiếc hoa vàng, nói với Trương Sinh lập đàn giải oan để Vũ Nương trở về.

+ Khi được Linh Phi cứu thì nàng đã quyết tâm ở lại thủy cung để đền đáp ân đức của người, mặc dù khi trở về giải oan xong nàng cũng không ở lại nhân gian vì lời hứa đối với Linh Phi.

=> Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.

**b. Số phận bất hạnh của Vũ Nương**

\* **Là nạn nhân của chế độ nam quyền, một xã hội mà hôn nhân không có tình yêu và tự do.**

- Cái thua thiệt đầu tiên làm nên bất hạnh của Vũ Nương là thua thiệt về vị thế. Cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh có phần không bình đẳng. Vũ Nương “vốn con kẻ khó” còn Trương Sinh lại là “con nhà giàu” đến độ khi muốn Sinh có thể xin mẹ trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương về. Sự cách bức giàu nghèo ấy khiến Vũ Nương mặc cảm và cũng là cái thế khiến Trương Sinh có thể đối xử thô bạo, gia trưởng với nàng.

\* **Là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa:**

- Nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm không chỉ là nạn nhân của chế độ phụ quyền phong kiến mà còn là nạn nhân của chiến tranh phong kiến, của cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn. Nàng lấy Trương Sinh, cuộc sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng kéo dài chưa được bao lâu thì chàng phải đi lính để lại mình Vũ Nương với mẹ già và đứa con còn chưa ra đời. Suốt ba năm, nàng phải gánh vác trọng trách gia đình, thay chồng phụng dưỡng mẹ già, chăm sóc con thơ, phải sống trong nỗi nhớ chồng triền miên theo năm tháng.

- Chiến tranh đã làm xa cách, tạo điều kiện cho sự hiểu lầm trở thành nguyên nhân gây bất hạnh. Đó cũng là ngòi nổ cho thói hay ghen, đa nghi của Trương Sinh nảy nở, phát triển, dẫn đến cái chết oan uổng của Vũ Nương.

**\* *Đỉnh điểm của bi kịch là khi gia đình tan vỡ, bản thân phải tìm đến cái chết.***

- Là người vợ thủy chung nhưng nàng lại bị chồng nghi oan và đối xử bất công, tàn nhẫn.

- Nghe lời ngây thơ của con trẻ Trương Sinh đã nghi oan cho vợ, mắng nhiếc, đánh đuổi nàng đi bất chấp lời van xin khóc lóc của nàng và lời biện bạch của hàng xóm.

- Vũ Nương đau đớn vô cùng vì tiết giá của mình bị nghi kị, bôi bẩn bởi chính người chồng mà mình yêu thương.

- Bé tắc, Vũ Nương đã phải tìm đến cái chết để giải nỗi oan ức, thoát khỏi cuộc đời đầy đau khổ, oan nghiệt

### **c. Nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương**

#### **a. Nguyên nhân trực tiếp**

- Do lời nói ngây thơ, hồn nhiên của bé Đản đã vô tình đẩy người mẹ vào cái chết.

#### **b. Nguyên nhân gián tiếp**

- Do Trương Sinh có tính hay ghen, đa nghi bảo thủ nên khi nghe lời của bé Đản đã vội vàng tin đó là sự thực mà chưa hỏi cho rõ đầu đuôi, ngay cả khi Vũ Nương biện bạch và hàng xóm khuyên ngăn.

- Do chế độ nam quyền độc đoán đã đẩy người phụ nữ vào một số phận bất hạnh.

- Do cuộc hôn nhân bất bình đẳng giữa Trương Sinh và Vũ Nương, một bên giàu còn một bên nghèo.

- Do chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã làm cho hai vợ chồng xa cách, từ đó đẩy Trương Sinh đến sự ghen tuông mù quáng.

#### **d. Sự trở về của Vũ Nương**

- Có thể coi đây là một kết thúc có hậu, thể hiện niềm mơ ước của tác giả về một kết thúc tốt lành cho người lương thiện, niềm khát khao một cuộc sống công bằng với cái thiện cái đẹp sẽ chiến thắng cái xấu, cái ác.

- Nhưng sâu xa, cái kết thúc ấy không hề làm giảm đi tính chất bi kịch của tác phẩm. Vũ Nương hiện về uy nghi, rực rỡ nhưng đó chỉ là sự hiển linh trong thoáng chốc, là ảo ảnh ngắn ngủi và xa xôi. Sau giây phút đó nàng vẫn phải về chốn làng mây cung nước, vợ chồng con cái vẫn âm dương đôi ngả. Hạnh phúc lớn nhất của VN là được sum họp bên chồng bên con cuối cùng vẫn không đạt được. Sự trở về trong thoáng chốc và lời từ biệt của nàng đã hé ra cái sự thực cay đắng là cái nhân gian đầy oan nghiệt, khổ đau này không có chốn dung thân cho người phụ nữ vì thế mà “Thiếp chẳng thể trở lại chốn nhân gian được nữa”

=> Vũ Nương tuy có những phẩm chất tâm hồn đáng quý nhưng nang đã phải chịu một số phận cay đắng, oan nghiệt. Nghịch lí ấy tự nó đã là tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công phi lí chà đạp lên hạnh phúc của con người.

=> Xây dựng hình tượng Vũ Nương, một mặt nhà văn ngợi ca những phẩm chất tâm hồn đáng quý của người phụ nữ, mặt khác thể hiện thái độ cảm thông thương xót cho số phận bất hạnh của họ và cực lực lên án xã hội phong kiến đương thời bất công, phi lí chà đạp, rẽ rúng con người đặc biệt là người phụ nữ. Có lẽ chưa cần nhiều, chỉ cần khai thác chân dung Vũ Nương đã đủ thấy chiều sâu hiện thực và nhân đạo của ngòi bút Nguyễn Dữ.

### **e. Các chi tiết kì ảo**

#### **a. Những chi tiết kì ảo**

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.
- Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi yến và gặp, trò chuyện với Vũ Nương; được trở về dương thế.
- Vũ Nương hiện về sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng ở bến Hoàng Giang.

#### **b. Ý nghĩa**

- Tăng sức hấp dẫn bằng sự li kì và trí tượng tượng phong phú.
- Hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của Vũ Nương, một người dù đã ở thế giới khác, vẫn quan tâm đến chồng con, nhà cửa, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.
- Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng: người tốt dù có phải trải qua bao oan khuất, cuối cùng sẽ được minh oan.
- Khẳng định niềm cảm thương của tác giả đối với sự bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

### **G. Giá trị hiện thực và nhân đạo:**

#### **a. Giá trị hiện thực:**

- Về giá trị hiện thực, tác phẩm đã đề cập tới số phận bi kịch của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương. Vốn là người con gái xuất thân từ tầng lớp bình dân thủy mị, nết na ; tư dung tốt đẹp. Khi chồng đi lính. Vũ Nương một mình vừa chăm sóc, thuốc thang ma chay cho mẹ chồng vừa nuôi con, đảm đang, tận tình, chu đáo. Để rồi khi chàng Trương trở về, chỉ vì câu nói ngây thơ của bé Đản mà Trương Sinh đã nghi ngờ lòng thủy chung của vợ. Từ chỗ nói bóng gió xa xôi, rồi mắng chửi, hắt hủi và cuối cùng là đuổi Vũ Nương ra khỏi nhà, Trương Sinh đã đẩy Vũ Nương tới bước đường cùng quẫn và bế tắc, phải chọn cái chết để tự minh oan cho mình. - Ngoài ra, truyện còn phản ánh hiện thực về xã hội phong kiến Việt Nam với những biểu hiện bất công vô lí. Đó là một xã hội dung túng cho quan niệm trọng nam khinh nữ, để cho Trương Sinh – một kẻ thất học, vũ phu ngang nhiên chà đạp lên giá trị nhân phẩm của người vợ hiền thực nết na.
- + Xét trong quan hệ gia đình, thái độ và hành động của Trương Sinh chỉ là sự ghen tuông mù quáng, thiếu căn cứ (chỉ dựa vào câu nói vô tình của đứa con ba tuổi, bỏ ngoài tai mọi lời thanh minh của vợ và lời can ngăn của hàng xóm).
- + Nhưng xét trong quan hệ xã hội : hành động ghen tuông của Trương Sinh không phải là một trạng thái tâm lí bột phát trong cơn nóng giận bất thường mà là hệ quả của một loại tính cách – sản phẩm của xã hội đương thời.



- Tuy nhiên, nếu Trương Sinh là thủ phạm trực tiếp gây nên cái chết của Vũ Nương thì nguyên nhân sâu xa là do chính xã hội phong kiến bất công – xã hội mà ở đó người phụ nữ không thể đứng ra để bảo vệ cho giá trị nhân phẩm của mình, và lời buộc tội, gỡ tội cho người phụ nữ bất hạnh ấy lại phụ thuộc vào những câu nói ngây thơ của đứa trẻ ba tuổi (lời bé Đản). Đó là chưa kể tới một nguyên nhân khác nữa : do chiến tranh phong kiến – dù không được miêu tả trực tiếp, nhưng cuộc chiến tranh ấy đã tác động hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tới số phận từng nhân vật trong tác phẩm (người mẹ sầu nhớ con mà chết; Vũ Nương và Trương Sinh phải sống cảnh chia lìa; bé Đản sinh ra đã thiếu thốn tình cảm của người cha và khi cha trở về thì mất mẹ). Đây là một câu chuyện diễn ra đầu thế kỉ XV (cuộc chiến tranh xảy ra thời nhà Hồ) được truyền tụng trong dân gian, nhưng phải chặng qua đó, tác phẩm còn ngầm phê phán cuộc nội chiến đẫm máu trong xã hội đương thời (thế kỉ XVI).

### **b. Giá trị nhân đạo:**

#### **\* Nhận định khái quát về tư tưởng nhân đạo trong văn học:**

- Văn học là một hoạt động sáng tạo của con người nhằm khám phá và khẳng định những giá trị của đời sống, nhằm vươn tới những điều tốt đẹp và hoàn thiện của con người và cuộc đời. Tư tưởng nhân đạo thường là một tư tưởng lớn thấm nhuần trong những nền văn học tiên bộ, trong những tác phẩm văn học ưu tú.

- Nói tới tư tưởng nhân đạo là nói tới thái độ của nhà văn trong cách khám phá đời sống và con người . Nhà văn đã nhìn thấy những bất công, nghịch cảnh, nghịch lí đối với con người và thủ phạm của nó; nhà văn thể hiện sự quan tâm, niềm cảm thương sâu sắc đối với những con người phải chịu áp bức, khổ đau, thiệt thòi; thể hiện thái độ căm ghét, lên án, tố cáo những cái xấu, cái ác. Quan trọng hơn, nhà văn khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của con người, thể hiện niềm tin vào cái đẹp, vào công lí, hướng tới những giải pháp đem lại hạnh phúc cho con người...

- Giá trị nhân đạo thường không tách rời giá trị hiện thực( phải khổ người ta mới thương; phải bất công, ngang trái người ta mới lên án, tố cáo) và luôn được làm sáng rõ, thuyết phục trong những tìm tòi, sáng tạo về nghệ thuật.

#### **\* Giá trị nhân đạo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”:**

- Trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương. - Thể hiện niềm tin vào điều tốt đẹp: Đề cao giá trị nhân nghĩa “ở hiền gặp lành” qua kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân.

- Qua số phận nhiều thiệt thòi, bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến có nhiều bất công (Bi kịch của Vũ Nương)

+ Cát lên tiếng nói tố cáo xã hội đã chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người.

+ Thể hiện niềm cảm thông, thương xót cho số phận oan trái.

### **3. Thành công về nghệ thuật:**

- Xây dựng được cốt truyện có phạm vi khái quát được hiện thực xã hội và đời sống ( chuyện Trương Sinh đi lính, cảnh ngộ neo đơn của người phụ trong thời loạn lạc, cuộc hôn nhân sắp đặt, thói gia trưởng của người đàn ông phong kiến...); tạo được tình huống

đơn giản mà đặc sắc làm nổi bật được tính chất éo le, bi kịch trong cuộc đời người phụ nữ thời xưa; làm rõ được cái trở trêu với hạnh phúc của con người.

- Miêu tả tính cách nhân vật một cách sắc sảo, già dặn. Nhân vật Vũ Nương hiện lên rõ nét cả về đức tính và thân phận. Việc nàng trở cái cái bóng nói là chồng để đỡ con, cái chết của nàng và việc nàng trở về trên sông... tuy không nhiều chi tiết nhưng đủ gây ấn tượng về một Vũ Nương chung thủy, tiết liệt nhưng vị tha... Nhân vật Trương Sinh cũng được khắc họa khá điển hình với tính ghen tuông và gia trưởng đến mức hồ đồ...

- Việc vận dụng linh hoạt các loại hình ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại cùng sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố thực và kỳ ảo cũng góp phần làm nên thành công cho tác phẩm, tạo ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.

---

---

## HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

( *Ngô Gia Văn Phái* )

### I. Tác giả

*Ngô Gia Văn phái*: Ngô Gia Văn Phái: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí (1753-1788), làm quan thời Lê Chiêu Thống, và Ngô Thì Du (1772-1840), làm quan dưới triều nhà Nguyễn.

### II. Tác phẩm

#### 1.1. Vài nét chính về tác phẩm

**1. Nhan đề:** “*Hoàng Lê nhất thống chí*” viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Nó không chỉ dừng lại ở sự thống nhất của vương triều nhà Lê, mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào 30 năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.

**2. Thể loại:** (chỉ là một lối văn ghi chép sự vật, sự việc).

Cũng có thể xem Hoàng Lê nhất thống chí là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi.

**3. Hoàn cảnh:** hồi thứ 14, viết về sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh.

#### 4. Khái quát nội dung và nghệ thuật

- **Nội dung:** Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả “*Hoàng Lê nhất thống chí*” đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

- **Nghệ thuật:** Kể chuyện xen kẽ miêu tả một cách sinh động cụ thể, gây được ấn tượng mạnh.

#### 5. Tóm tắt hồi 14 “*Hoàng Lê nhất thống chí*”

- Trước thế mạnh của giặc, quân Tây Sơn ở Thăng Long, rút quân về Tam Điệp và cho người vào Phú Xuân cấp báo với Nguyễn Huệ.

- Nhận được tin ngày 24/11, Nguyễn Huệ liền tổ chức lại lực lượng chia quân làm hai đạo thủy – bộ.

- Ngày 25 tháng Chạp, làm lễ lên ngôi lấy hiệu là Quang Trung, trực tiếp chỉ đạo hai đạo quân tiến ra Bắc.
- Ngày 29 tháng Chạp, quân Tây Sơn ra đến Nghệ An, Quang Trung cho dừng lại một ngày, tuyển thêm hơn 1 vạn tinh binh, mở một cuộc duyệt binh lớn.
- Ngày 30, quân của Quang Trung ra đến Tam Điệp, hội cùng Sở và Lân. Quang Trung đã khẳng định: “*Chẳng quá mười ngày có thể đuổi được người Thanh*“. Cũng trong ngày 30, giặc giã chưa yên, binh đao hãy còn mà ông đã nghĩ đến kế sách xây dựng đất nước mười năm sau chiến tranh. Ông còn mở tiệc khao quân, ngầm hẹn mừng 7 sẽ có mặt ở thành Thăng Long mở tiệc lớn. Ngay đêm đó, nghĩa quân lại tiếp tục lên đường. Khi quân Tây Sơn ra đến sông Thanh Quyết gặp đám do thám của quân Thanh, Quang Trung ra lệnh bắt hết không để sót một tên.
- **Rạng sáng ngày 3 Tết**, nghĩa quân bí mật bao vây đồn Hạ Hồi và dùng mưu để quân Thanh đầu hàng ngay, hạ đồn dễ dàng.
- **Rạng sáng ngày mừng 5 Tết**, nghĩa quân tấn công đồn Ngọc Hồi. Quân giặc chống trả quyết liệt, dùng ống phun khói lửa ra nhằm làm ta rối loạn, nhưng gió lại thổi chiều thành ra chúng tự hại mình. Cuối cùng, quân Thanh phải chịu đầu hàng, thái thú Điền châu Sâm Nghi Đồng thất cố tự tử.
- **Trưa mừng 5 Tết**, Quang Trung đã dẫn đầu đoàn quân thẳng trận tiến vào Thăng Long. Đám tàn quân của giặc tìm về phía đê Yên Duyên gặp phục binh của ta, trốn theo đường Vịnh Kiều lại bị quân voi ở Đại Áng dồn xuống đầm Mực giày xáo, chết hàng vạn tên. Một số chạy lên cầu phao, cầu phao đứt, xác người ngựa chết làm tắc cả khúc sông Nhị Hà. Mừng 4 Tết nghe tin quân Tây Sơn tấn công, Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống đã vội vã bỏ lên biên giới phía bắc. Khi gặp lại nhau, Nghị có vẻ xấu hổ nhưng vẫn huyênh hoang. Cả hai thu nhặt tàn quân, kéo về đất Bắc.

## **B. Phân tích tác phẩm**

### **1. Vẻ đẹp của người anh hùng áo vải Quang Trung**

#### ***a. Trước hết Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán***

- Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết.
- Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “*định thân chinh cầm quân đi ngay*”.
- Rồi chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “*tể cáo trời đất*”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc...

#### ***b. Đó là một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén***

Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị hùng hổ kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, vận mệnh đất nước “*ngàn cân treo sợi tóc*”, Nguyễn Huệ đã quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung.

Việc lên ngôi đã được tính kỹ với mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “*để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người*”, được dân ủng hộ.

#### ***\* Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta***

- Qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, Quang Trung đã chỉ rõ “*đất nào sao ấy*” người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác”. Ông còn

vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “*Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại dân ta, vợ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi*”.

- Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông ta từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành...

- Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người Phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính chí tình, vừa nghiêm khắc: “các người đều là những người có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”.

#### \* **Sáng suốt trong việc xét đoán bề tôi**

- Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ra thì “*quân thua chém tướng*” nhưng không hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen.

- Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sĩ “*đa mưu túc trí*” việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm chủ mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao.

#### c. **Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng**

- Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tấc đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “*phương lược tiến đánh đã có tính sẵn*”.

- Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 tới ta hoà bình. Đối với địch, thường thì biết là thắng việc binh đao không thể dứt ngay được vì xi nhục của nước lớn còn đó. Nếu “*chờ 10 năm nữa ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì chúng*”.

#### d. **Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người**

- Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ 25 tháng chạp đến mùng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tiết ở Thăng Long, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày.

- Hành quân xa, liên tục như vậy nhưng đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân.

#### e. **Hình ảnh vị vua lâm liệt trong chiến trận**

- Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa. Ông làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự.

- Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy này, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh những trận thật đẹp, thắng áp đảo kẻ thù.



- Khí thế đội quân làm cho kẻ thù khiếp vía và hình ảnh người anh hùng cũng được khắc hoạ lẫm liệt: trong cảnh “*khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì*” nổi bật hình ảnh nhà vua “*cười voi đi đốc thúc*” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng.

- Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần; là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại.

**2. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân đã được miêu tả như thế nào? Em có nhận xét gì về lối văn trần thuật ở đây?**

**a. Đối lập với hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn là chân dung của kẻ thù xâm lược.**

- Tôn Sĩ Nghị kiêu căng, tự mãn, chủ quan:

+ Kéo quân vào Thăng Long dễ dàng “*ngày đi đêm nghỉ*” như “*đi trên đất bằng*”, cho là vô sự, không đề phòng gì, chỉ lảng vảng ở bên bờ sông, lấy thanh thế suông để dọa dẫm.

+ Hơn nữa y còn là một tên tướng bất tài, cầm quân mà không biết tình hình thực hư ra sao. Dù được vua tôi Lê Chiêu Thống báo trước, y vẫn không chút đề phòng suốt mấy ngày Tết “*chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất chắc*”, cho quân lính mặc sức vui chơi.

- Khi quân Tây Sơn đánh đến nơi, tướng thì sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp... chuồn trước qua cầu phao, quân thì lúc lâm trận “*ai nấy đều rụng rời, sợ hãi, xin ra hàng hoặc bỏ chạy toán loạn, giày xéo lên nhau mà chết*”, “*quân sĩ các doanh nghe thấy đều hoảng hốt, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều*”, “*đến nổi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa*”. Cả đội binh hùng, tướng mạnh, chỉ quen điều võ dương oai bây giờ chỉ còn biết tháo chạy, mạnh ai nấy chạy, “*đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi*”

\* **Nghệ thuật:** kể chuyện, xen kẽ với những chi tiết tả thực thật cụ thể, chi tiết, sống động với nhịp điệu nhanh, dồn dập, gấp gáp gợi sự hoảng hốt của kẻ thù. Ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa tâm trạng hả hê, sung sướng của người viết cũng như của dân tộc trước thắng lợi của Sơn Tây.

**b. Số phận thảm hại của bọn vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân**

- Lê Chiêu Thống và những bè tôi trung thành của ông ta đã vì lợi ích riêng của dòng họ mà đem vận mệnh của cả dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược, lẽ tất nhiên họ phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh, van xin, không còn đâu tư cách bậc quân vương, và kết cục cũng phải chịu chung số phận bi thảm của kẻ vọng quốc.

- Khi có biến, quân Thanh tan rã, Lê Chiêu Thống vội vã cùng mấy bè tôi thân tín “*đưa Thái hậu ra ngoài*”, chạy bán sống bán chết, cướp cả thuyền dân để qua sông, “*luôn mấy ngày không ăn*”. May gặp người thổ hào thương tình đón về cho ăn và chỉ đường cho chạy trốn. Đuối kịp Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ còn biết nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt, và sau khi sang đến Trung Quốc phải cạo đầu, tết tóc, ăn mặc giống người Mãn Thanh và cuối cùng gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người.

**Nghệ thuật:** Xen kẽ kể với tả sinh động, cụ thể gây ấn tượng mạnh. Ngòi bút đậm chút xót thương của tác giả bè tôi trung thành của nhà Lê.

***So sánh ngòi bút của tác giả khi miêu tả hai cuộc tháo chạy (một của quân tướng nhà Thanh và một của vua tôi Lê Chiêu Thống) có gì khác biệt? Giải thích vì sao có sự khác biệt đó?***

- Tất cả đều là tả thực, với những chi tiết cụ thể, nhưng âm hưởng lại rất khác nhau:
- Đoạn văn trên nhịp điệu nhanh, mạnh, hồi hả “*ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp*”, “*tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau...*”, ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa tâm trạng hả hê, sung sướng của người thắng trận trước sự thảm bại của lũ cướp nước.
- Ở đoạn văn dưới, nhịp điệu có chậm hơn, tác giả dừng lại miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt thương cảm của người thổ hào, nước mắt tủi hổ của vua tôi Lê Chiêu Thống, cuộc thiết đãi thịnh tình “*giết gà, làm cơm*” của kẻ bề tôi... âm hưởng có phần ngậm ngùi, chua xót. Là những cựu thần của nhà Lê, các tác giả không thể không cúi lòng trước sự sụp đổ của một vương triều mà mình từng phụng thờ, tuy vẫn hiểu đó là kết cục không thể tránh khỏi.

***\*Tại sao nhóm tác giả Ngô Gia văn phái là những người rất trung thành với nhà Lê mà lại viết về hình ảnh vua Quang Trung – Nguyễn Huệ đến vậy?***

Các tác giả Ngô gia văn phái vốn là những trung thần chịu ơn sâu nặng của nhà Lê, vậy mà lại viết hay và thực về người anh hùng Nguyễn Huệ vì:

- Họ là những người viết tiểu thuyết lịch sử, phải tôn trọng sự thật lịch sử và phản ánh khách quan nhân vật, sự thật lịch sử mà hình tượng vua Quang Trung – Nguyễn Huệ trong lịch sử là hoàn toàn có thật.
- Các tác giả dòng họ Ngô Thì vốn là những người yêu nước nên chiến thắng của dân tộc đối với quân Thanh không thể không làm họ nức lòng, tự hào. Mặt khác, các tác giả cũng được chứng kiến tận mắt sự thối nát, kém cỏi, hèn mạt của nhà Lê cùng sự độc ác, hống hách, ngang ngược của giặc Thanh nên các ông không thể không thở dài ngao ngán, cảm thấy nhục nhã, ý thức dân tộc không thể không được dâng cao.
- Vai trò của Quang Trung trong chiến thắng của dân tộc là điều không thể phủ nhận. Như vậy, các nhà viết sử đã có cái nhìn tiến bộ, vượt qua những định kiến giai cấp, phản ánh trung thực về hình ảnh người anh hùng dân tộc.

=====

## **TRUYỆN KIỀU**

(Nguyễn Du)

### **A. Nguyễn Du và Truyện Kiều**

**I. Nguyễn Du** (1765-1820), tên chữ là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên.

#### **1. Quê hương và gia đình**

a. Quê hương

- Quê ông ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Đó là một vùng quê nghèo, thiên nhiên khắc nghiệt nhưng cũng là địa linh, nơi sinh ra những bậc anh tài, hào kiệt.
- Nguyễn Du sinh ra và lớn lên ở kinh thành Thăng Long nghìn năm văn hiến, lộng lẫy và hào hoa.

## b. Gia đình

- Nguyễn Du xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan to dưới triều vua Lê, chúa Trịnh và có truyền thống về văn học:
  - + Cha ông là Nguyễn Nghiễm, từng ở ngôi Tể tướng mười lăm năm.
  - + Mẹ ông là Trần Thị Tần, vợ thứ, người Bắc Ninh, có tài hát xướng.
  - + Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản, làm chức Tham tụng (ngang Thừa tướng) trong phủ chúa Trịnh.
- => Vì thế, mà lúc bấy giờ, trong dân gian người ta thường truyền tụng câu ca:

*“Bao giờ Ngàn Hồng hết cây  
Sông Rum hết nước họ này hết quan”.*

(“Ngàn Hồng”: núi rừng Hồng Lĩnh; “Sông Rum”: sông Lam, ở đây là chữ Nôm cổ. Ý cả câu: Khi nào mà núi rừng Hồng Lĩnh không còn cây, dòng sông Lam không còn nước thì lúc đó dòng họ này mới hết người làm quan)

## 2. Thời đại

- Nguyễn Du sống vào nửa cuối TK XVIII – nửa đầu TK XIX trong hoàn cảnh xã hội có nhiều biến động dữ dội
  - + Chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực, chém giết lẫn nhau, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, xã hội loạn lạc, tăm tối. Nhà thơ Chế Lan Viên đã viết về thời đại Nguyễn Du sống
- “Cha ông ta từng đấm nát tay trước cánh cửa cuộc đời  
Cửa vẫn đóng và đời im ỉm khoá  
Những pho tượng chùa Tây Phương không biết cách trả lời  
Cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ”.*
- + Bão táp phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn phong kiến thống trị, quét sạch hai mươi vạn quân Thanh xâm lược.
  - Thời đại ấy đã được Nguyễn Du viết trong “Truyện Kiều” bằng hai câu thơ mở đầu
- “Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.  
Trải qua một cuộc bể dâu,  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”.*

## 3. Cuộc đời

- Sinh trưởng trong một gia đình quý tộc, bản thân lại có năng khiếu văn chương nhưng thời đại Nguyễn Du do những biến động xã hội nên gia đình cũng như bản thân ông cũng có những thăng trầm, sa sút.
- Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, cuộc đời Nguyễn Du phải trải qua những năm tháng gian truân, trôi dạt, vất vả, long đong ( Trải qua “mười năm gió bụi” Nguyễn Du lang thang hết ở quê vợ, rồi quê mẹ, quê cha trong nghèo túng, hết sức khổ cực và tủi nhục).
- Nguyễn Du có ra làm quan cho triều Nguyễn Gia Long, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau: Tham tri bộ Lễ, Cai bạ Quảng Bình, Chánh sứ bộ... Nhưng đó là những năm tháng làm quan bất đắc chí.
- Ông mất tại Huế năm 1820, thọ năm mươi lăm tuổi.

#### 4. Bản thân

- Là người có hiểu biết sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc.  
- Nhà thơ đã sống nhiều năm lưu lạc, tiếp xúc với nhiều con người, nhiều cảnh đời, nhiều số phận khác nhau, đã tạo cho ông một vốn sống phong phú và niềm cảm thông sâu sắc với mọi kiếp người bị đày đọa.

- Nguyễn Du là người có trái tim giàu lòng nhân ái, nhìn đời với con mắt của một người đứng giữa đông tố cuộc đời và điều đó khiến tác phẩm của ông hàm chứa một chiều sâu chưa từng có trong văn thơ Việt Nam.

#### 5. Sự nghiệp sáng tác

- Nguyễn Du là tác giả có nhiều thành tựu kiệt xuất về văn chương, ở thể loại nào ông cũng đạt được sự hoàn thiện ở trình độ cổ điển.

- Về thơ chữ Hán, ông có ba tập thơ

+ “Thanh Hiên thi tập” ( 78 bài) được viết trước khi ông ra làm quan cho nhà Nguyễn.

+ “Nam trung tạp ngâm”(40 bài) viết trong thời gian ông ở Huế, Quảng Bình.

+ “Bắc hành tạp lục” ( 131 bài) viết trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.

- Về chữ Nôm: có bài “Văn chiêu hồn” ( Văn tế thập loại chúng sinh) được viết theo thể thơ song thất lục bát dài 184 câu. Đặc biệt là “Truyện Kiều”, với tác phẩm này đã đưa Nguyễn Du lên đỉnh cao của nền thi ca dân tộc, xứng đáng được tôn vinh “Thiên cổ văn chương thiên cổ sự”.

=> **Tiểu kết:** *Năng khiếu văn chương, vốn sống phong phú kết tinh ở một trái tim yêu thương vĩ đại đối với con người trong một bối cảnh lịch sử cụ thể đã tạo nên thiên tài Nguyễn Du. Thiên tài ấy được thể hiện trước hết ở tác phẩm “Truyện Kiều”.*

## II. Truyện Kiều

### 1. Nguồn gốc và sự sáng tạo

- Nguyễn Du viết “Truyện Kiều” vào đầu thế kỉ XIX( 1805 –1809). Truyện dựa theo cốt truyện “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân ( Trung Quốc). Lúc đầu, Nguyễn Du đặt tên là “Đoạn trường tân thanh” ( Khúc ca mới đứt ruột hay Tiếng kêu đứt ruột) say này, người ta quen gọi là “Truyện Kiều”.

- Một biểu hiện nữa về sự sáng tạo của Nguyễn Du qua “Truyện Kiều” là:  
+ “Kim Vân Kiều truyện” viết bằng chữ Hán, thể loại văn xuôi, có kết cấu thành từng chương (hồi). Toàn bộ tác phẩm gồm 20 chương.

+ Đến Nguyễn Du đã trở thành tác phẩm trữ tình, viết bằng chữ Nôm, theo thể lục bát có độ dài 3254 câu. Ông đã có những sáng tạo lớn về nhiều mặt nội dung cũng như nghệ thuật.

### 2. Tóm tắt tác phẩm: ( Đọc trong sgk )

- Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước.

- Phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc.

- Phần thứ ba: Đoàn tụ.

### 3. Giá trị nội dung và nghệ thuật

#### a. Về nội dung

\* Giá trị hiện thực



- Phơi bày hiện thực xã hội phong kiến bất công.
- Phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ.
- \* Giá trị nhân đạo: Giá trị chính của “Truyện Kiều” là giá trị nhân đạo. Giá trị này được thể hiện ở hai phương diện sau:
  - “Truyện Kiều” là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lí và ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của con người:
    - + Viết “Truyện Kiều”, Nguyễn Du đã thể hiện ước mơ đẹp đẽ của mình về một tình yêu tự do, trong sáng, chung thủy trong xã hội mà quan niệm hôn nhân phong kiến còn hết sức khắc nghiệt. Mỗi tình Kim – Kiều được xem như là bài ca tuyệt đẹp về tình yêu lứa đôi trong văn học dân tộc.
    - + Viết “Truyện Kiều”, Nguyễn Du còn thể hiện khát vọng công lí tự do, dân chủ giữa một xã hội bất công, tù túng đầy ứ ố, tàn bạo. Nguyễn Du đã xây dựng nhân vật Từ Hải – người anh hùng hảo hán, một mình dám chống lại cả cái xã hội bạo tàn ấy. Từ Hải là khát vọng của công lí, là biểu tượng cho tự do dân chủ.
    - + Viết “Truyện Kiều”, Nguyễn Du còn ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của con người: vẻ đẹp tài sắc, trí tuệ thông minh, lòng hiếu thảo, trái tim nhân hậu, ý thức vị tha, đức thủy chung. Thúy Kiều, Từ Hải là hiện thân cho những vẻ đẹp đó!
  - “Truyện Kiều” còn là tiếng nói lên án các thế lực tàn bạo, chà đạp lên quyền sống con người. Thế lực tàn bạo đó, khi là bộ mặt bọn quan lại tham lam, đê tiện, bỉ ổi – đầu mối của mọi xấu xa trong xã hội ( Hồ Tôn Hiến, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà...), có khi lại là sự tàn phá, hủy diệt hung hiểm của đồng tiền trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ, trong tay bọn người bất lương tàn bạo đã phát huy tất cả sức mạnh của nó, đổi trắng thay đen, biến con người thành thứ hàng hóa để mua bán.

## **b. Về nghệ thuật**

- Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại.
- Với “Truyện Kiều”, ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ.
  - Với “Truyện Kiều”, nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người. => Từ tất cả những giá trị nội dung và nghệ thuật của “Truyện Kiều”, chúng ta có thể khẳng định: “Truyện Kiều” chính là một kiệt tác trong văn học trung đại nói riêng và văn học dân tộc nói chung.
- \* Nhận xét về “Truyện Kiều”, Mộng Liên Đường chủ nhân có nói:
 

*“...Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt ngàn đời, thì tài nào có bút lực ấy...”*

## **4. Ảnh hưởng của tác phẩm**

- “Truyện Kiều” hàng trăm năm được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả.

+ “Truyện Kiều” không biết tự bao giờ đã đi vào đời sống của nhân dân, và đã trở thành lời ăn tiếng nói của những người dân bình dị nhất cho đến những người trí thức, am hiểu về văn chương bác học.

+ Trong ca dao, người ta thấy có rất nhiều câu có vận dụng những hình ảnh trong “Truyện Kiều”. Ví dụ:

*“Sen xa hồ, sen khô hồ cạn,  
Liễu xa đào liễu ngả liễu nghiêng.  
Anh xa em như bến xa thuyền.*

*Như Thúy Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hội!”*

+ “Truyện Kiều” đã trở thành sức sống của dân tộc, là thứ thưởng ngoạn cho tao nhân mặc khách của mọi thời. Có câu:

*“Làm trai biết đánh tổ tôm  
Uống trà mạn hảo, xem Nôm Thúy Kiều”.*

- “Truyện Kiều” còn được giới thiệu rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Người ta đã dịch “Truyện Kiều” ra nhiều thứ tiếng và nhiều người nước ngoài đã nghiên cứu về “Truyện Kiều”

### **5. Tổng kết**

- Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một bậc thầy về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

- “Truyện Kiều” là một kiệt tác văn học, được lưu truyền rộng rãi và chinh phục nhiều thế hệ người đọc từ xưa đến nay.

- Rất nhiều những nhà văn, nhà thơ đã viết về “Truyện Kiều”:

*“Trải qua một cuộc bể dâu*

*Câu thơ còn đọng nỗi đau nhân tình*

*Nổi chìm kiếp sống lênh đênh*

*Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều!”*

( Tố Hữu )

Đã mấy trăm năm trôi qua rồi, nhưng “Truyện Kiều” vẫn có sức sống mãnh liệt trong dân tộc Việt Nam. Nhà thơ Tố Hữu đã thay chúng ta trả lời cho Nguyễn Du câu hỏi mà người nhắn nhủ:

*“Bất tri tam bách dư niên hậu*

*Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”*

### **III. Các tác phẩm chính**

=====

## **BÀI 1: CHỊ EM THÚY KIỀU**

### **1. Vị trí đoạn trích**

Nằm ở phần đầu của tác phẩm: *Gặp gỡ và đính ước*. Đoạn trích là đoạn mở đầu nói về vẻ đẹp và cuộc sống đức hạnh của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân.

### **2. Bố cục: 4 phần**

- 4 câu đầu : Giới thiệu khái quát hai chị em Thúy Kiều.

- 4 câu tiếp theo : Gợi tả vẻ đẹp Thúy Vân.

- 12 câu tiếp theo : Gợi tả vẻ đẹp Thúy Kiều .

- 4 câu cuối : Cuộc sống của 2 chị em.

=>Bố cục hợp lí : Tác giả tập trung miêu tả kĩ nhân vật Thúy Kiều vì vậy đây là nhân vật chính của truyện, nhân vật Thúy Vân chỉ làm nền cho Thúy Kiều.

#### **1. Chân dung Thúy Vân, Thúy Kiều:**

##### **a. Giới thiệu khái quát nhân vật:**

- Trước hết, Nguyễn Du giới thiệu chung về hai chị em trong gia đình, lời giới thiệu cổ điển, trang trọng rằng họ là “*tố nga*”, đẹp và trong sáng:

*Đầu lòng hai ả tố nga*

*Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.*

- Tiếp đến, tác giả miêu tả chung vẻ đẹp của hai chị em trong một nhận xét mang tính chất lí tưởng hóa, tuyệt đối hóa ( đẹp một cách hoàn thiện):

*Mai cốt cách tuyết tinh thần*

*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*

+ **Với bút pháp ước lệ tượng trưng**, tác giả đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh tao, trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thúy Kiều: “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*”. Vóc dáng mảnh mai, tao nhã như mai; tâm hồn trắng trong như tuyết. => Đó là vẻ đẹp hài hòa đến độ hoàn mỹ cả hình thức lẫn tâm hồn, cả dung nhan và đức hạnh.

+ Hai chị em đều tuyệt đẹp, không tì vết “*mười phân vẹn mười*”, song mỗi người lại mang nét đẹp riêng khác nhau “*mỗi người một vẻ*”.

=> Bốn câu thơ đầu là bức tranh nền để từ đó tác giả dẫn người đọc lần lượt chiêm ngưỡng sắc đẹp của từng người.

##### **b. Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân:**

- Câu thơ mở đầu: “*Vân xem trang trọng khác vời*” đã giới thiệu khái quát vẻ đẹp của Thúy Vân: **một vẻ đẹp cao sang, quý phái.**

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, phép ẩn dụ, nhân hoá: “*khuôn trăng*”, “*nét ngài*”, “*hoa cười ngọc thốt*”, “*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*”

=> Vẻ đẹp của Thúy Vân là vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu; tính cách thì đoan trang, thùy mị: khuôn mặt đầy đặn, tươi sáng như trăng đêm rằm; lông mày sắc nét như mày ngài; miệng cười tươi thắm như hoa; giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngọc ngà là những lời đoan trang, thùy mị. Mái tóc của nàng đen mượt hơn mây, da trắng mịn màng hơn tuyết.

=> Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ của thiên nhiên – một vẻ đẹp tạo sự hòa hợp, êm đềm với xung quanh. Cũng là hương sắc của tạo hóa, báu vật của nhân gian.

=> **Dự báo về một cuộc đời bình lặng, suôn sẻ.**

### c. Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Kiều:

\* **Sắc:** - Nguyễn Du đã miêu tả Thúy Vân trước để làm nổi bật Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Tả kĩ, tả đẹp để Vân trở thành tuyệt thế giai nhân, để rồi khẳng định Kiều còn hơn hẳn: “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*”. Từ “*càng*” đứng trước hai từ láy liên tiếp “*sắc sảo*”, “*mặn mà*” làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều: sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn.

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, phép ẩn dụ: “*Làn thu thủy nét xuân sơn*” gợi đôi mắt trong sáng, long lanh như làn nước mùa thu; hàng lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Vẻ đẹp của Kiều hội tụ ở đôi mắt – cửa sổ tâm hồn thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ.

- Vẻ đẹp của Kiều khiến “*hoa ghen*”, “*liễu hờn*”, nước phải nghiêng, thành phải đổ. Thi nhân không tả trực tiếp vẻ đẹp mà tả sự đố kị, ghen ghét với vẻ đẹp ấy; tả sự ngưỡng mộ, mê say trước vẻ đẹp ấy. “*Nghiêng nước nghiêng thành*” là cách nói sáng tạo điển cố để cực tả giai nhân. Rõ ràng, cái đẹp của Kiều có chiều sâu, có sức quyến rũ làm mê mẩn lòng người. Vẻ đẹp ấy như tiềm ẩn phẩm chất bên trong cao quý – tài và tình rất đặc biệt của nàng.

\* **Tài:** - Trí tuệ thông minh tuyệt đối

- Kiều là người con gái đa tài mà tài nào cũng đạt đến độ hoàn thiện, xuất chúng: đủ cả cầm, kì, thi, họa.

- Đặc biệt, tài đàn của nàng vượt trội hơn cả. Nàng đã soạn riêng một khúc bạc mệnh mà ai nghe cũng náo lòng. Khúc nhạc thể hiện tâm hồn, tài năng, trái tim đa sầu đa cảm.

=> Chân dung Thúy Kiều mang tính cách số phận. Ngòi bút Nguyễn Du nhuộm màu định mệnh. Sắc đẹp và tài năng của Kiều nổi trội quá mà thiên nhiên, tạo hóa thì:

*Lạ gì bỉ sắc tư phong*

*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*

=> Cuộc đời của nàng sẽ gặp nhiều éo le, đau khổ.

### d. Nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thúy Kiều.

- Thúy Vân, Thúy Kiều dưới ngòi bút của Nguyễn Du không chỉ nhan sắc tuyệt vời mà còn đức hạnh khuôn phép. Dù đã đến tuổi “*cài trâm, búi tóc*” nhưng hai chị em vẫn giữ gìn nề nếp, gia phong :

*Êm đềm trướng rủ màn che,*

*Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

## 2. Cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du qua đoạn trích:



- Ngợi ca vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã trân trọng, đề cao giá trị, phẩm giá của con người như nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh; qua đó, dự cảm về kiếp người tài hoa nhưng bạc mệnh. Sự ngưỡng mộ, ngợi ca người phụ nữ trong xã hội “*trọng nam khinh nữ*” chính là biểu hiện sâu sắc của cảm hứng nhân văn trong ngòi bút Nguyễn Du

### \* NGHỆ THUẬT

Sử dụng bút pháp miêu tả ước lệ tượng trưng của văn học cổ điển, với ngòi bút tài hoa, chất lọc, trau chuốt ngôn từ, Nguyễn Du đã khắc họa thật sinh động hai bức chân dung Thúy Vân và Thúy Kiều, mỗi người một vẻ đẹp riêng, toát lên từ tính cách, từng số phận riêng, không lẫn vào nhau, không thể phai nhạt trong tâm hồn người đọc. Đây là thành công trong bút pháp nghệ thuật miêu tả người của Nguyễn Du. Đã hơn hai thế kỉ rồi, với truyện Kiều và nghệ thuật tả người đặc sắc, tinh tế của Nguyễn Du, đã là bậc thầy làm rung động và sự cảm phục, trân trọng của bao thế hệ đối với đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

---

## BÀI 2: CẢNH NGÀY XUÂN - NGUYỄN DU

### \* Vị trí đoạn trích

“Cảnh ngày xuân” là đoạn thơ tả cảnh ngày mùa xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Kiều, nằm sau đoạn tả tài sắc hai chị em Kiều, trước đoạn Kiều gặp năm mộ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng. Đoạn trích là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, náo nhiệt.

\* **Kết cấu đoạn trích:** theo trình tự thời gian của cuộc du xuân.

+ Bốn câu đầu: Khung cảnh ngày xuân.

+ Tám câu tiếp: khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.

+ Sáu câu cuối: cảnh chị em Kiều du xuân trở về.

### 1. Bốn câu thơ đầu: Khung cảnh ngày xuân.

- Hai câu đầu là hình ảnh khái quát về một ngày xuân tươi đẹp với hình ảnh cánh én chao liệng trên bầu trời thanh bình tràn ngập ánh xuân tươi tắn trong sáng. Đồng thời, thông qua bút pháp nghệ thuật ẩn dụ tinh tế, nhà thơ cũng gợi ý thời gian trôi nhanh quá, ngày xuân qua nhanh quá như “con én đưa thoi”, chín mươi ngày xuân mà nay “đã ngoài sáu mươi”. Cách tính thời gian, sự cảm nhận về thời gian của thi nhân thật sâu sắc, tinh tế và thi vị. Hai chữ “thiều quang” không chỉ gợi lên cái màu hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân mà còn gợi lên cái mênh mông bao la của đất trời mùa xuân.

- Hai câu thơ tiếp theo mới thực là bức tranh tuyệt mỹ: “Cỏ non xanh tận chân trời Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”. Đây là bức chân dung của cảnh ngày xuân, chỉ giản đơn có cỏ xanh, hoa trắng mà đủ cảnh, đủ màu, làm hiện lên cả một không gian mùa xuân khoáng đạt, một không gian nghệ thuật hữu hình, hữu sắc, hữu hương. Trên không gian bao la rộng lớn của bầu trời, mặt đất là thảm cỏ xanh non mơn mớn, ngào ngạt hương thơm trải dài tới tận tận chân trời. Nổi bật trên màu xanh thanh bình của bầu trời, trên màu xanh non ngọt ngào của thảm cỏ là màu trắng tinh khiết của hoa lê. Chữ “trắng” đảo lên trước tạo bất ngờ sự mới mẻ, tinh khôi, thanh khiết như kết tinh những tinh hoa của

trời đất. Chữ “điểm” gợi bàn tay người họa sĩ vẽ nên thơ nên hoa, bàn tay tạo hoá tô điểm cho cảnh xuân tươi, làm bức tranh trở nên có hồn, sống động.

- Hai câu thơ tả cảnh thiên nhiên của Nguyễn Du quả là tuyệt bút! Ngòi bút của Nguyễn Du tài hoa giàu chất tạo hình, ngôn ngữ biểu cảm, gợi tả. Tác giả đã rất thành công trong bút pháp nghệ thuật kết hợp giữa tả và gợi. Qua đó, ta thấy tâm hồn con người tươi vui, phấn chấn trong cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn, hồn nhiên, nhạy cảm tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên.

## **2. Tám câu thơ giữa: khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh**

- Nguyễn Du đã rất tài tình khi tách hai từ Lễ hội ra làm đôi để gợi tả hai hoạt động diễn ra cùng một lúc: Lễ tảo mộ, Hội đạp thanh. Vào ngày Thanh minh, tiết đầu tháng ba, mùa xuân khí trời mát mẻ, người ta đi quét tước, sửa sang lại phần mộ của người thân nên có lễ tảo mộ. Mùa xuân cũng là dịp để đi chơi ở chôn đồng quê, được giẫm lên cỏ xanh giữa đất trời mùa xuân trong trẻo là một cái thú, nên việc chơi xuân ấy mới trở thành ngày hội, gọi là hội đạp thanh.

- Không khí lễ hội được gợi tả từ một hệ thống từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm:  
+ Nhiều danh từ ghép (yến anh, tài tử, giai nhân, chị em, ngựa xe, áo quần) gợi tả sự đông vui tấp nập, nhiều người đi hội mà chủ yếu là trai thanh gái lịch, nam thanh nữ tú.  
+ Đoạn thơ sử dụng nhiều tính từ (nô nức, gần xa, ngồn ngàng) gợi tả tâm trạng háo hức người đi hội.

+ Các động từ (sắm sửa, dập dìu) gợi tả được không khí rộn ràng, náo nhiệt của ngày hội.  
+ Cụm từ “nô nức yến anh” là một ẩn dụ gợi lên hình ảnh từng đoàn nam thanh, nữ tú nô nức đi chơi xuân như những đàn chim én, chim oanh bay ríu rít. Trong lễ hội mùa xuân náo nhiệt nổi bật những nam thanh nữ tú, những “tài tử giai nhân” tay trong tay dạo chơi, niềm vui lễ hội như bao trùm cả nhân gian. Những so sánh rất giản dị “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” giúp người đọc hình dung cảnh ngày hội vô cùng đông vui, náo nhiệt: ngựa xe nối nhau như dòng nước bất tận, người đi dự hội mặc trang phục đẹp đi lại đông đúc, chật như nêm cối.

- Thông qua buổi du xuân của chị em Thúy Kiều, tác giả khắc hoạ hình ảnh một truyền thống văn hoá lễ hội xa xưa.

- “Lễ là tảo mộ” là lễ thăm viếng, sửa sang, quét tước phần mộ người thân. Trong lễ tảo mộ, người ta rắc những thoi vàng vó, đốt tiền giấy hàng mã để tưởng nhớ những người đã khuất. “Hội là đạp thanh” – vui chơi chôn đồng quê, đạp lên những thảm cỏ xanh, là một cuộc sống hiện tại và có thể tìm đến những sợi tơ hồng của mai sau. “Lễ” là hoài ức và tưởng niệm quá khứ theo truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “hội” là khát khao và hoài vọng nhìn về phía trước của cuộc đời. Lễ và hội trong tiết Thanh minh là một sự giao hoà độc đáo.

- Thông qua lễ hội du xuân của chị em Thúy Kiều, tác giả khắc hoạ hình ảnh một truyền thống đẹp về văn hoá lễ hội xa xưa. Chứng tỏ nhà thơ rất yêu quý, trân trọng vẻ đẹp và giá trị truyền thống văn hoá dân tộc.

## **3. Sáu câu thơ cuối: gợi tả khung cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về.**

- Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân, một vẻ đẹp dịu dàng, thanh nhẹ: nắng nhạt, khe nước nhỏ, một nhịp cầu bắc ngang nhưng đã nhuộm màu tâm trạng.

-Mọi hoạt động cũng thật nhẹ nhàng: bóng tịch dương đã chênh chếch xế chiều: “Tà tà bóng ngả về đây”, bước chân người thơ thần, dòng nước uốn quanh. Nhưng đây không chỉ là hoàng hôn của cảnh vật mà dường như con người cũng chìm trong một cảm giác băng khuâng khó tả. Cuộc du ngoạn xuân cảnh đã tàn, lễ hội tung bùng, náo nhiệt đã chấm dứt, tâm hồn con người như cũng chuyển điều cùng cảnh vật, một tâm trạng băng khuâng xao xuyên mà người ta vẫn thường có sau một cuộc vui. Cảnh như nhạt dần, lặng dần, mọi chuyển động đều nhẹ nhàng, không gian mang dáng dấp nhỏ nhoi, bé hẹp, phẳng phất buồn. Tâm trạng con người có cái băng khuâng xao xuyên về cuộc du xuân đã tàn, có cả linh cảm về việc gặp năm mộ Đạm Tiên và cuộc gặp gỡ chàng thư sinh Kim Trọng “phong tư tài mạo tót vời”.

- Sử dụng nhiều từ láy như nao nao, tà tà, thanh thanh, tác giả không chỉ biểu đạt sức thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người, đặc biệt hai chữ “nao nao” thoáng gợi nên một nét buồn khó hiểu. Hai chữ “thơ thần” có sức gợi rất lớn, chị em Kiều ra về trong sự bần thần, nuối tiếc, lặng buồn. “Dan tay” tưởng là vui nhưng thực ra là chia sẻ cái buồn không nói hết. Cảm giá băng khuâng xao xuyên về một ngày vui xuân đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn thiếu nữ tha thiết với niềm vui cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng. Chính các từ này đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật.

Đoạn thơ còn hay bởi đã sử dụng bút pháp cổ điển: tả cảnh gắn với tả tình, tả cảnh ngụ tình, tình và cảnh tương hợp.

### **Nghệ thuật:**

- Đoạn thơ có kết cấu hợp lý, ngôn ngữ giàu chất tạo hình, kết hợp giữa bút pháp tả với bút pháp gợi có tính chất điểm xuyết chấm phá...

-Nguyễn Du đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên mùa xuân thật đẹp, tươi vui, sống động, hữu hình, hữu sắc, hữu hương; một khung cảnh lễ hội mùa xuân tươi vui, nhộn nhịp, trong sáng.

-Với nét bút tài hoa, với tấm lòng nhân đạo sâu sắc, Nguyễn Du đã làm dâng lên trong lòng người đọc một vẻ đẹp thanh xuân, một niềm vui xôn xao náo nức...về cảnh về tình, đậm đà dân tộc

**\*Mở Bài:** Nguyễn Du là một đại thi hào của dân tộc Việt Nam. Tên tuổi của nhà thơ không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn vang xa trên thi đàn thế giới. Sở dĩ tác giả đạt được niềm vinh quang đó là vì ông đã có một sự nghiệp sáng tác giá trị, trong đó xuất sắc nhất là Truyện Kiều - tác phẩm lớn nhất của nền văn học Việt Nam. Cảm hứng nhân đạo và vẻ đẹp ngôn từ của truyện thơ này đã chinh phục trái tim bao thế hệ bạn đọc trong gần hai trăm năm qua. Đọc đoạn trích "Cảnh ngày xuân", chúng ta càng cảm phục bút pháp miêu tả cảnh vật giàu chất tạo hình và man mác xúc cảm của tác giả:

## **BÀI VIẾT THAM KHẢO**

### **ĐỀ: Phân tích đoạn trích "Cảnh ngày xuân"**

Nguyễn Du là một đại thi hào của dân tộc Việt Nam. Tên tuổi của nhà thơ không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn vang xa trên thi đàn thế giới. Sở dĩ tác giả đạt được niềm vinh quang đó là vì ông đã có một sự nghiệp sáng tác giá trị, trong đó xuất sắc nhất là

Truyện Kiều - tác phẩm lớn nhất của nền văn học Việt Nam. Cảm hứng nhân đạo và vẻ đẹp ngôn từ của truyện thơ này đã chinh phục trái tim bao thế hệ bạn đọc trong gần hai trăm năm qua. Đọc đoạn trích "Cảnh ngày xuân", chúng ta càng cảm phục bút pháp miêu tả cảnh vật giàu chất tạo hình và man mác xúc cảm của tác giả:

*Ngày xuân con én đưa thoi,*

.....

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

Bên cạnh nghệ thuật tả người, nghệ thuật tả cảnh là một thành công đặc biệt của "Truyện Kiều". Bút pháp ước lệ tuy nghiêng về sự gợi tả, kích thích trí tưởng tượng của người đọc nhưng vẫn giữ ta hình dung rất rõ về bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp và tâm trạng của người du xuân trong giây phút trở về. Đoạn thơ có kết cấu theo trình tự thời gian của một cuộc du xuân. Bốn dòng thơ đầu là khung cảnh mùa xuân. Tám dòng thơ tiếp theo là cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh. Và sáu dòng thơ cuối là cảnh và nỗi lòng của chị em Thúy Kiều lúc bóng chiều buông xuống.

Mở đầu, Nguyễn Du đã phác họa một bức tranh mùa xuân thật ấn tượng. Không gian, thời gian hiện ra trong hai dòng thơ khơi gợi trí tưởng tượng của người đọc:

*Ngày xuân con én đưa thoi,*

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.*

Khung cảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp riêng của mùa xuân. Giữa bầu trời cao rộng, từng đàn chim én rộn ràng bay lượn như chiếc thoi trên khung dệt vải. Hình ảnh "con én đưa thoi" gợi bước đi của mùa xuân tương tự cách nói trong dân gian "Thời giờ thấm thoát thoi đưa / Hết mưa lại nắng, hết ngày lại đêm". Xung quanh tràn ngập "ánh thiều quang" - ánh sáng tươi đẹp - đang rọi chiếu lên toàn cảnh vật. Ánh nắng mùa xuân có nét riêng, không nóng bức như mùa hè cũng không dịu buồn như mùa thu mà trái lại, tạo một cảm giác tươi vui, trẻ trung, mới mẻ trong sự nồng ấm của những ngày đầu năm. Thời gian đầu năm trôi qua thật nhanh làm sao! Cho nên cả hai câu thơ vừa miêu tả cảnh thiên nhiên tươi sáng đồng thời thể hiện niềm tiếc nuối trước sự trôi nhanh của thời gian. Thoắt một cái đã cuối xuân rồi, cái đẹp của mùa mở đầu một năm sắp hết.

Chỉ bằng một câu thơ lục bát, bức họa xuân hiện ra đẹp đến không ngờ:

*Cỏ non xanh tận chân trời,*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Cách viết của Nguyễn Du khiến ta không phân biệt được đâu là thơ, đâu là họa nữa. Thảm cỏ xanh non trải ra mênh mang đến "tận chân trời" là gam màu nền cho bức tranh xuân. Trên nền xanh mượt mà ấy được điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Đây chính là cái hồn, cái thần, là nét vẽ trung tâm của bức tranh. Tiếp thu từ câu thơ cổ trung Quốc: "Phương thảo liên thiên bích / Lê chi sở điểm hoa" (Cỏ thơm liền với trời xanh / Trên cành lê có mấy bông hoa), Nguyễn Du đã vận dụng sáng tạo khi thêm màu trắng vào câu thơ. Cả một không gian xuân hiện lên khoáng đạt, trong trẻo vô cùng. Màu sắc có sự hài hòa đến mức tuyệt diệu. Chỉ hai màu thôi mà có thể gợi nên vẻ mới mẻ, tinh khôi, tươi sáng, trẻ trung đầy thanh khiết đến như vậy. Tính từ "trắng" kết hợp với động từ "điểm"

đã thể hiện được cái đẹp, cái sống động của câu thơ lẫn bức tranh xuân, gợi hình ảnh lay động của hoa làm cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn chứ không tĩnh lại. Những đường nét mềm mại, thanh nhẹ, sắc màu không sắc sỡ mà hài hòa, không tả nhiều mà vẫn gợi được vẻ đẹp riêng của mùa xuân. Phải là người sống chan hòa với thiên nhiên, cỏ cây và nhất là có tâm hồn rung động tinh tế, thi nhân mới có thể viết được những câu thơ nhẹ nhàng mà đầy biểu cảm tuyệt vời đến thế. Dường như Nguyễn Du đã thay mặt tạo hóa dùng ngòi bút để chấm phá bức tranh nghệ thuật cho riêng mình. Nhà thơ Hàn Mặc Tử trong bài "Mùa xuân chín" cũng đã ít nhiều ảnh hưởng Nguyễn Du khi vẽ cảnh mùa xuân:

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,  
Bao cô thiếu nữ hát trên đồi.*

Đoạn thơ có sự chuyên tiếp nhịp nhàng, tự nhiên. Từ khung cảnh mùa xuân tươi mới, êm đềm ấy, nét bút của Nguyễn Du bắt đầu tập trung khắc họa những hoạt động của con người. Họ là những người đi tảo mộ, đi chơi xuân ở miền quê kiểng. Và trong lễ hội đập diều đó có những nhân vật của Nguyễn Du - chị em Thúy Kiều - đang thong thả chơi xuân:

*Thanh minh trong tiết tháng ba  
Lễ là tảo mộ, hội là đập thanh.*

Tiết Thanh minh vào đầu tháng ba, khí trời mát mẻ, trong trẻo. Người người đi viếng, quét dọn, sửa sang và lễ bái, khẩn nguyện trước phần mộ tổ tiên. Sau "lễ tảo mộ" là đến "hội đập thanh", khách du xuân giẫm lên cỏ xanh - một hình ảnh quen thuộc trong các cuộc chơi xuân đầy vui thú ở chốn làng quê. Cách sử dụng điệp từ "lễ là", "hội là" gợi ấn tượng về sự diễn ra liên tiếp của các lễ hội dân gian, niềm vui tiếp nối niềm vui.

Không khí lễ hội rộn ràng, huyên náo bỗng hiện ra thật sinh động trong từng dòng thơ giàu hình ảnh và nhạc điệu:

*Gần xa nô nức yến anh,  
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.  
Đập diều tài tử giai nhân,  
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.*

Tài năng của Nguyễn Du được thể hiện qua cách sử dụng ngôn từ. Sự xuất hiện của hàng loạt các từ ngữ hai âm tiết bao gồm danh từ, động từ, tính từ như: gần xa, yến anh, chị em, tài tử, giai nhân, nô nức, sắm sửa, đập diều,... đã gợi lên bầu không khí rộn ràng của lễ hội đồng thời làm rõ hơn tâm trạng của người đi trải hội. Hầu hết các câu thơ đều được ngắt nhịp đôi (2/2) cũng góp phần gợi tả không khí nhộn nhịp, đông vui của lễ hội. Cách nói ẩn dụ "nô nức yến anh" gợi hình ảnh từng đoàn người nô nức du xuân như chim én, chim oanh bay ríu rít. Câu thơ "Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân", Nguyễn Du không chỉ nói lên một lời thoong báo mà còn giúp người đọc cảm nhận được những trông mong, chờ đợi của chị em Kiều. Trong lễ hội mùa xuân, nhộn nhịp nhất là những am thanh nữ tú, trai thanh gái lịch vai sánh vai, chận nổi chân nhịp bước. Họ chính là linh hồn của ngày hội. Cặp tiểu đối "tài tử"/"giai nhân", "ngựa xe như nước"/"áo quần như nêm" đã khắc họa rõ nét sự hăm hở của tuổi trẻ. Họ đến với hội xuân bằng tất cả niềm vui sống của tuổi xuân. Trong đám tài tử giai nhân ấy có ba chị em Thúy Kiều. Có lẽ,



Nguyễn Du đã miêu tả cảnh lễ hội bằng đôi mắt và tâm trạng của hai cô gái "đến tuổi cập kê" trước cánh cửa cuộc đời rộng mở nên cái náo nức, dập diu từ đó mà ra. Toàn bộ dòng người đông vui, tung bừng đó tấp nập ngựa xe như dòng nước cuốn, áo quần đẹp đẽ, thướt tha đồng đúc "như nêm" trên các nẻo đường. Thật là một lễ hội tung bừng, sang trọng và phong lưu.

Cái hay, cái khéo của Nguyễn Du còn được thể hiện ở chỗ chỉ bằng vài nét phác thảo, nhà thơ đã làm sống lại những nét đẹp văn hóa ngàn đời của người Phương Đông nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng. Lễ tảo mộ, hội đạp thanh không chỉ là biểu hiện đẹp của lòng biết ơn tổ tiên, của tình yêu con người trước cảnh sắc quê hương, đất nước mà còn gợi lên một vẻ đẹp của đời sống tâm linh với phong tục dân gian cổ truyền:

*Ngón ngang gò đồng kéo lên,  
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.*

Người đã khuất và người đang sống, quá khứ và hiện tại như được kéo gần lại. Ta nhận ra một niềm cảm thông sâu sắc mà Nguyễn Du đã gợi vào những dòng thơ: có thể hôm nay, sau hơn hai trăm năm, suy nghĩ của chúng ta có ít nhiều thay đổi trước cảnh: "Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay" thế nhưng giá trị nhân đạo được gửi gắm vào những vần thơ của Nguyễn Du vẫn làm ta thực sự xúc động. "Ngày vui ngắn chẳng tày gang". Cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn. Buổi du xuân vui vẻ cũng đã tới chỗ phải nói lời tạm biệt. Vẫn là cảnh mùa xuân, vẫn là không khí của ngày hội lễ, nhưng bây giờ là giây phút cuối ngày:

*Tà tà bóng ngả về tây,*

.....

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghènh bắc ngang.*

Nếu câu thơ mở đầu của "Cảnh ngày xuân" chan hòa ánh sáng "thiều quang" thì đến đây, hoàng hôn dường như bắt đầu nhuộm dần xuống phong cảnh và con người. Hội đã hết, ngày đã tàn nên nhịp thơ không còn cái rộn ràng, giục giã mà trái lại thật chậm rãi, khoan thai. Cảnh vật vì thế mang cái vẻ nên thơ, diu êm, vắng lặng trong ánh nắng nhạt dần. Dòng khe có chiếc cầu nho nhỏ cuối ghènh tạo thành đường nét thể hiện linh hồn của bức tranh một buổi chiều xuân. Nhịp chân có chút tâm tình man mác nên "thơ thần" và đến đây là "bước dần", chẳng có gì nao nức, vội vàng. Các từ láy "tà tà", "thanh thanh", "nho nhỏ", "nao nao" góp phần làm nên sự yên ắng và nỗi buồn của cảnh vật, của con người. Cảnh vật và thời gian được miêu tả bằng bút pháp ước lệ cổ điển nhưng vẫn gợi cho người đọc cảm giác gần gũi, thân quen vì nó đã thấm hồn dân tộc, mang bóng dáng cảnh sắc quê hương Việt Nam.

Rõ ràng, cảnh ở đây được nhìn qua tâm trạng nhân vật tham gia vào lễ hội. Hai chữ "nao nao" (Nao nao dòng nước uốn quanh) đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật. Dòng nước nao nao, trôi chậm lưu luyến bên chân cầu nho nhỏ, phải chăng cũng là nỗi lưu luyến, tiếc nuối của lòng người khi ngày vui chóng qua? Nguyễn Du đã từng viết: "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?". Vì vậy, khi vào lễ hội, người vui thì cảnh sắc rộn ràng tươi mới. Lúc lễ hội tan rồi, người về sao tránh khỏi sự xao xuyến, cảnh sắc sao tránh khỏi màu âm đạm! Dường như có một nỗi niềm man mác, bàng khuâng thấm sâu, lan tỏa

trong tâm hồn vốn đa tình, đa cảm như Thúy Kiều. Và ở sáu dòng cuối này, Nguyễn Du không chỉ nhằm nói tâm trạng buồn tiếc khi lễ hội vừa tàn, mà hình như, ông chuẩn bị đưa nhân vật của mình vào một cuộc gặp gỡ khác, một thế giới khác. Như ta đã biết, ngay sau buổi Thanh minh, Nguyễn Du đã sắp đặt để Thúy Kiều gặp Đạm Tiên và Kim Trọng. Vì thế, cảnh vật trong hoàng hôn này cũng là một dự báo, một linh cảm cho đoạn trường mà đời Kiều sắp phải bước qua. Tả cảnh, tả tình như thế thật khéo, cách chuyển ý cũng thật tinh tế, tự nhiên.

Nhà thơ, ngôn ngữ như chạm khắc, như thoát khỏi khuôn khổ trói buộc của công thức, ước lệ để làm sống lại bức tranh xuân và tâm trạng con người. Cả một khung cảnh xuân thơ mộng, tràn đầy ấy như hiện ra trước mắt. Ta bỗng nhớ đến những ngày ngây thơ, trong sáng của kiều rồi ngẫm lại chẳng đường trôi dạt mười lăm năm của người phụ nữ tài sắc ấy mà cảm thương cho số phận một con người. Bỗng nhớ tới lời thơ của Chế Lan Viên đến nao lòng:

*Ta yêu những Hịch, những Bình Ngô gọi lòng ra hỏa tuyến,  
Nhưng không quên ngọn lau trắng bên đường Kiều thổi lại tự xa xưa.*

**Đề bài: Bức tranh mùa xuân trong "Cảnh ngày xuân" ( Trích Truyện Kiều- Nguyễn Du) và "Mùa xuân nho nhỏ" ( Thanh Hải).**

*( Trích bài làm đạt giải Nhất, kì thi HSG môn Ngữ Văn 9- Hải Phòng, năm học 2007-2008)*

Mùa xuân vốn là đề tài vô tận của thi nhân xưa và nay. Nếu như họa sĩ dùng đường nét và sắc màu, nhạc sĩ dùng giai điệu và âm thanh thì thi sĩ lại dùng hình ảnh và ngôn từ để diễn tả cảm xúc của mình-đặc biệt là diễn tả tình yêu thiên nhiên, yêu cái men say nồng của sắc xuân hương xuân. Hãy lật từng trang sách đến với bốn câu thơ đầu trong đoạn trích Cảnh ngày xuân trong kiệt tác Truyện Kiều của Nguyễn Du. Hãy hoà nhịp tâm hồn vào đất trời xứ Huế với bốn câu thơ đầu trong Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, bạn sẽ thấy non sông gấm vóc, quê hương Việt Nam đẹp biết bao!

*Ngày xuân con én đưa thoi  
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi  
Cỏ non xanh tận chân trời  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Và:

*Mọc giữa dòng sông xanh  
Một bông hoa tím biếc  
Ơi! Con chim chiền chiện  
Hót chi mà vang trời*

Nguyễn Du và Thanh Hải - Họ tuy không cùng một thể hệ thơ, hoàn cảnh sống khác nhau nhưng trong tâm hồn của những người nghệ sĩ ấy luôn tràn đầy một tình yêu thiên nhiên đến lạ kì! Ngòi bút của các thi sĩ đã thăng hoa, đã đồng điệu với vạn vật tự nhiên, thổi vào đó một tình xuân, ý xuân ngọt ngào say đắm. Sao không yêu chứ, sao không ngây ngất chứ! Vẻ đẹp của xuân quê hương, xuân của lòng người rộn rã lắm, náo nức lắm.

Mùa xuân ấy là màu xanh bát ngát của sự sống, của những chồi non lộc biếc đang cựa quậy trong từng vằn thơ. Hai nguồn thi cảm ở hai thời đại cùng nhả những sợi tơ lòng dệt nên bức hoạ tuyệt đẹp của mùa xuân có hình khối màu sắc, có xa, có gần, có tĩnh có động, có nhịp đập trái tim thồn thức, có âm thanh rộn rã, có tình người đắm say. Chỉ một vài nét chấm phá mà sao hai bức tranh xuân ấy lại đẹp đến vậy.

Ở mỗi đoạn thơ lại có những nét riêng độc đáo. Nếu như Nguyễn Du tài hoa, uyên bác trong ngôn từ thì Thanh Hải lại đắm thắm, ngọt ngào với những vằn thơ đầy ắp hình ảnh. Nguyễn Du khi gọi tả mùa xuân đã kế thừa và sáng tạo từ một câu thơ cổ Trung Quốc “Phương thảo thiên liên bích/Lê chi sở diễm hoa”. Nếu như nhà thơ cổ Trung Quốc đã phác hoạ bức tranh xuân có màu xanh của cỏ non, có vẻ đẹp của mấy bông hoa lê trên cành thì Nguyễn Du lại thể hiện được cả sức xuân căng tràn, dào dạt của cỏ...Cỏ càng xanh, hoa càng trắng, chỉ mấy chữ “non”, “xanh”, “trắng” mà như chứa cả hương thơm, cả sắc màu, cả tình người gửi vào đó. Nguyễn Du báo tín hiệu mùa xuân bằng “én đưa thoi” thì với Thanh Hải là một bông hoa tím biếc “mọc” giữa dòng sông xanh. Nguyễn Du đã dùng không gian để vẽ thời gian. Thời gian - thấm thoát đã trôi qua hai tháng, nhanh như thoi đưa, chỉ đọng lại ánh sáng rực rỡ, cuối cùng của mùa xuân trong tiết thanh minh. Còn Thanh Hải với cách đảo động từ “mọc” đã phác hoạ một hình ảnh rất ấn tượng về sự sống mãnh liệt của loài hoa lục bình xứ Huế đang vươn lên giữa phong nền của dòng sông xanh căng tràn sức sống. Nguyễn Du dùng những thi liệu là “cỏ non”, cánh “én đưa thoi”, “thiều quang”, “hoa lê trắng” để vẽ lên bức tranh xuân cao rộng, thoáng đãng đầy thi vị thì Thanh Hải đã dùng những hình ảnh “dòng sông xanh”, “bông hoa tím biếc”, tiếng “chim chiền chiện hót vang trời “để làm nên cái độc đáo mà chỉ ở quê hương xứ Huế mộng mơ mới có. Tiếng gọi của thanh Hải “ơi”, “hót chi” nghe sao mà tha thiết, ngọt ngào như con người Huế vốn rất đẹp, rất chân thành đó thôi.

Bức tranh xuân của Nguyễn Du non xanh như tâm hồn của các cô thiếu nữ Thúy Kiều, Thúy Vân trong buổi du xuân. Bức tranh xuân của Thanh Hải tươi sáng, ân tình, chứa chan cảm xúc, thấm thía lòng người. Tâm hồn họ đều rất thẳng hoa, rất thiết tha, nhưng mỗi người lại có một bút pháp nghệ thuật riêng để ghi đậm cái tôi cá nhân trong lòng độc giả. Nếu như Nguyễn Du đã vận dụng khéo léo thể thơ lục bát của dân tộc thì Thanh Hải cũng rất mượt mà với thể thơ ngũ ngôn ngân nga như điệu nhạc xứ Huế - trong bản hoà ca của đất nước đang xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Nguyễn Du với mười lăm năm lưu lạc, còn Thanh Hải đang phải giáp ranh với cái chết nhưng ở họ vẫn nồng cháy tình yêu thiên nhiên, đất trời, Tình cảm ấy đã hoà chung dòng chảy với các tác phẩm khác viết về mùa xuân.

Đã nhiều năm trôi qua, nhưng khi đọc những dòng thơ trên, lòng người đọc vẫn không khỏi xúc động, rạo rục, mê say. Có lẽ Nguyễn Du cũng như Thanh Hải sẽ còn sống mãi trong trái tim người đọc bởi những vằn thơ như thế, bởi tâm lòng yêu mùa xuân, yêu thiên nhiên, đất trời và con người tha thiết. Bởi chính ngòi bút của họ đã thẳng hoa thành những nét vẽ khắc sâu trong hồn ta một mùa xuân bất diệt, vĩnh hằng và truyền vào lòng ta khát vọng được cống hiến, được làm "Một mùa xuân nho nhỏ/ Lặng lẽ dâng cho đời..."

---

---

### BÀI 3: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH - NGUYỄN DU

#### \* Vị trí đoạn trích

- Đoạn trích nằm ở phần thứ hai Gia biến và lưu lạc. Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú bà mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh. Đau đớn, phẫn uất, tủi nhục, nàng định tự vẫn. Tú bà sợ mất vốn bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng cho người tử tế. Tú bà đưa Kiều ra sống riêng ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn.

- Đoạn trích miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi đáng thương; nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thuý Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. Đồng thời thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong việc sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình.

#### \*Bố cục

Phần 1 (6 câu đầu): Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều.

Phần 2 (8 câu tiếp): Kiều thương nhớ Kim Trọng và cha mẹ.

Phần 3 (8 câu cuối): Cảnh được cảm nhận qua tâm trạng. Cảnh nói lên tâm trạng đau buồn lo âu của Kiều.

#### 1. Sáu câu thơ đầu: Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của Kiều.

- Kiều ở lầu Ngưng Bích thực chất là bị giam lỏng (**khóa xuân**). Sáu câu thơ đầu là một không gian nghệ thuật và một tâm trạng nghệ thuật đồng hiện.

- Kiều trở trời giữa một không gian mênh mông, hoang vắng: “bốn bề bát ngát xa trông”. Cảnh “non xa”, “trăng gần” gợi hình ảnh lầu Ngưng Bích đơn độc, chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Từ trên lầu cao nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Cái lầu chơi vơi ấy giam một thân phận trở trời, không một bóng hình thân thuộc bầu bạn, không cả bóng người.

Hình ảnh “non xa” “trăng gần”, “cát vàng”, “bụi hồng” có thể là cảnh thực mà cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ được **liệt kê** để gợi sự mênh mông, rợn ngợp của không gian, qua đó diễn tả tâm trạng cô đơn của Kiều.

- Cụm từ “**mây sớm đèn khuya**” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bẽ bàng, chán ngán, buồn tủi “bẽ bàng mây sớm đèn khuya”. Sớm và khuya, ngày và đêm, ngày lại qua ngày, Kiều “thui thủi quê người một thân”, chỉ biết làm bạn với áng mây buổi sớm, ngọn đèn canh khuya. Đối diện với mây đèn, nàng càng thấm thía cái bẽ bàng của thân phận. Lốp lốp những nỗi niềm chua xót, đau thương khiến tấm lòng Kiều như bị chia xẻ: “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”. Vì vậy, dù cảnh có đẹp đến mấy, tâm trạng Kiều cũng không thể vui được. Nào rơi vào cảnh cô đơn tuyệt đối.

#### 2. Tám câu tiếp: Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của Kiều:

\* **Nhớ Kim Trọng:** Nhớ người tình là nhớ đến tình yêu nên bao giờ Kiều cũng nhớ tới lời thề đôi lứa. Kiều “tưởng” như thấy lại kỷ niệm thiêng liêng đêm thề nguyện, đính ước “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng”. Cái đêm ấy, khi mà đôi lứa “Đinh ninh hai miệng một lời song song” hình như chỉ mới ngày hôm qua. Một lần khác nàng nhớ về Kim Trọng cũng là “Nhớ lời nguyện ước ba sinh”. Kiều xót xa hình dung người yêu vẫn chưa biết tin nàng bán mình, vẫn ngày đêm mòn mỏi chờ trông chốn Liêu Dương xa xôi. Nàng nhớ người yêu với tâm trạng đau đớn: “Tắm son gột rửa bao giờ cho phai”. Có lẽ “tắm son” ấy là tấm lòng Kiều son sắt, thủy chung, không nguôi nhớ thương Kim Trọng. Cũng có thể là Kiều đang tủi nhục khi tấm lòng son sắt đã bị dập vùi, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa cho được. Những câu thơ độc thoại nội tâm đã diễn tả thật sâu sắc, tinh tế tâm trạng ngập tràn nhớ thương, đau đớn vò xé tâm can của Kiều khi nhớ về Kim Trọng.

\* **Nhớ cha mẹ:** nàng thấy “xót” khi tưởng tượng, ở chốn quê nhà, cha mẹ nàng vẫn tựa cửa ngóng chờ tin tức người con gái yêu. Nàng xót thương da diết và day dứt khôn nguôi vì không thể “quạt nồng ấp lạnh”, phụng dưỡng song thân, bản khoản không biết hai em có chăm sóc cha mẹ chu đáo hay không. Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh”, điển cố “sân Lai”, “gốc tử” đều nói lên tâm trạng nhớ thương, tấm lòng hiếu thảo của Kiều. Nàng tưởng tượng nơi quê nhà tất cả đã đổi thay, gốc tử đã vừa người ôm, cha mẹ ngày thêm già yếu. Cụm từ “cách mấy nắng mưa” vừa cho thấy sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi được sự tàn phá của thời gian, của thiên nhiên lên con người và cảnh vật. Lần nào nhớ về cha mẹ, Kiều cũng “nhớ ơn chín chữ cao sâu” và luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dạy của cha mẹ.

\* **Nỗi nhớ thương của Kiều đã nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng.** Hoàn cảnh của nàng lúc này thật xót xa, đau đớn. Nhưng quên đi cảnh ngộ bản thân, nàng đã hướng yêu thương vào những người thân yêu nhất. Trái tim nàng thật giàu yêu thương giàu đức hi sinh. Nàng thật sự là một người tình thủy chung, một người con hiếu thảo, một người có tấm lòng vị tha cao cả đáng quý.

\* **Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau.** Theo nhiều nhà nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, nhưng thật ra điều này vừa phù hợp với qui luật tâm lý, vừa thể hiện sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du. Kiều bán mình cứu cha và em là đã đền đáp được một phần công lao cha mẹ, giải quyết xong mối xung đột giữa chữ hiếu và chữ tình:

*“Duyên hội ngộ, đức cù lao  
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?  
Để lời thề hải minh sơn,  
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.”  
Trong lòng nàng luôn ám ảnh mặc cảm phụ tình chàng Kim:  
Ôi Kim lang, hỡi Kim lang!  
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!*

Chính vì vậy, trong hoàn cảnh cô đơn ngập tràn thương nhớ, Kiều nhớ đến Kim Trọng trước là phù hợp với logic tình cảm, thể hiện được trái tim giàu lòng nhân đạo của Nguyễn Du.



### **3. Bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du trong 8 câu cuối “Kiều ở lầu Ngưng Bích”: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình**

- Đoạn thơ này được xem là kiêu mẫu của **lối thơ tả cảnh ngụ tình** trong văn chương cổ điển, là một minh chứng cho nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của ngòi bút thiên tài Nguyễn Du. Để khắc họa tâm trạng của Kiều lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”.

- Đây là 8 câu thơ thực cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi biểu hiện của cảnh đồng thời là **một ẩn dụ** về tâm trạng của người; mỗi một cảnh lại khơi gợi ở Kiều những nỗi buồn khác nhau, với những lý do buồn khác nhau trong khi nỗi buồn đã đầy ắp tâm trạng để rồi tình buồn lại tác động vào cảnh, khiến cảnh mỗi lúc lại buồn hơn, nỗi buồn mỗi lúc một ghê gớm, mãnh liệt hơn.

- **Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ** cũng thật sâu sắc và tinh tế. Bốn bức tranh, bốn nỗi buồn đều được tác giả khắc họa qua điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu có nghĩa là buồn mà trông ra bốn phía, trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng. “Buồn trông” có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ khuất tầm nhìn, có cả dự cảm hãi hùng của người con gái ngây thơ lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang ngược. Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau. Điệp ngữ lại được kết hợp với các từ láy chủ yếu là những từ láy tượng hình, dồn dập, chỉ có một từ láy tượng thanh ở câu cuối tạo nên nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày một tăng, dâng lên lớp lớp, nỗi buồn vô vọng, vô tận. Điệp ngữ tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

#### **Cảnh 1: Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.**

Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển là một hình ảnh rất đắt để thể hiện nội tâm nàng Kiều. Một cánh buồm nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của mặt trời sắp tắt; cũng như Kiều trong không gian vắng lặng của hiện tại nhìn về phương xa với nỗi buồn nhớ da diết về gia đình, quê hương. Con thuyền gần như mất hút, vẫn còn lênh đênh giữa dòng đời, biết bao giờ mới được trở về sum họp, đoàn tụ với những người thân yêu.

#### **Cảnh 2: Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác biết là về đâu?**

Những cánh hoa nhỏ bé, mong manh, tàn lụi, trôi man mác trên ngọn nước mới sa khiến Kiều càng buồn hơn bởi nàng như nhìn thấy trong đó thân phận mình lênh đênh, vô định, ba chìm bảy nổi giữa sóng nước cuộc đời, không biết rồi sẽ trôi dạt đi đâu, sẽ bị dập vùi ra sao.

- Việc sử dụng câu hỏi tu từ “Hoa trôi man mác biết là về đâu?” đã càng làm rõ được số phận bất hạnh, trôi nổi của Thúy Kiều.

#### **Cảnh 3: Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu...**

Nội cỏ "rầu rầu", "xanh xanh" - sắc xanh héo úa, mù mịt, nhạt nhòa trải dài từ chân mây đến mặt đất. Còn đâu cái "xanh tận chân trời" như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi Kiều còn trong cảnh đăm ám. Màu xanh này gợi cho Kiều một nỗi chán ngán, vô vọng vì cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày vô vị, tẻ nhạt, một tương lai mù mịt, héo tàn

không biết kéo dài đến bao giờ. Sắc cỏ rầu rầu tàn úa ấy nàng đã một lần nhìn thấy mới ngày nào trên nấm mồ Đạm Tiên: Sè sè nắm đất bên đường.

#### **Cảnh 4: Buồn trông gió cuốn mặt duềnh...**

Dường như nỗi buồn càng lúc càng tăng, càng dồn dập. Một cơn "gió cuốn mặt duềnh" làm cho tiếng sóng bỗng nổi lên âm âm như vây quanh ghé Kiều ngồi. Cái âm thanh "âm âm tiếng sóng" ấy chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đã, đang ập đổ xuống đời nàng và còn tiếp tục đè nặng lên kiếp người nhỏ bé ấy trong xã hội phong kiến cổ hủ, bất công. Tất cả là đợt sóng đang gầm thét, rì rào trong lòng nàng. Lúc này Kiều không chỉ buồn mà còn lo sợ, kinh hãi như rơi dần vào vực thẳm một cách bất lực. Nỗi buồn ấy đã dâng đến tột đỉnh, khiến Kiều thực sự tuyệt vọng. Thiên nhiên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là cảnh được nhìn qua tâm trạng theo quy luật "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

=> Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động để diễn đạt nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến bão táp nội tâm cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Tất cả là hình ảnh về sự vô định, mong manh, sự dạt trôi bấp táp, sự chao đảo, nghiêng đổ dữ dội. Lúc này Kiều trở nên tuyệt vọng, yếu đuối nhất. Cũng vì thế mà nàng đã mắc lừa Sở Khanh để rồi dần thân vào cuộc đời "thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần".

## **CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH (PHẠM ĐÌNH HỒ)**

### **I. Tìm hiểu chung:**

#### **1. Tác giả:**

- Phạm Đình Hồ (1768-1839), quê ở tỉnh Hải Dương.
- Ông sống vào thời buổi đất nước loạn lạc nên muốn ẩn cư.
- Ông để lại nhiều công trình biên soạn, khảo cứu có giá trị thuộc nhiều lĩnh vực bằng chữ Hán.

#### **2. Tác phẩm:**

- **Thể loại:** Tùy bút trung đại là một thể văn thuộc loại hình kí, ghi chép những sự việc, con người, phong tục tập quán, những sự kiện cụ thể có thực, qua đó, tác giả bộc lộ những cảm xúc, suy tư và nhận xét, đánh giá của mình.

- “*Vũ trung tùy bút*” (Tùy bút viết trong những ngày mưa) được viết vào khoảng đầu đời Nguyễn (đầu thế kỉ XIX).

- Gồm 88 mẩu chuyện nhỏ viết theo thể tùy bút.

- “*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*” ghi chép về cuộc sống nơi phủ chúa thời Thịnh Vương Trịnh Sâm.

(**Mở rộng:** Lúc mới lên ngôi, Trịnh Sâm là con người “*cứng rắn, thông minh, quyết đoán, sáng suốt, trí tuệ hơn người*” nhưng dần dần kiêu căng, đắm chìm trong cuộc sống xa hoa, ăn chơi hưởng lạc. Chúa say mê Đặng Thị Huệ, phế con trưởng, lập con thứ gây nhiều biến động, các vương tử tranh giành quyền lực, chém giết lẫn nhau, đất nước hỗn loạn, đời sống nhân dân cực khổ. Đó chính là hiện thực đen tối của lịch sử nước ta thời đó.)

## II. Đọc - hiểu văn bản:

### 1. Thái ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận:

#### a. Thú chơi đèn đuốc, thú dạo chơi:

- Chúa cho xây dựng nhiều cung điện, đình đài ở khắp nơi để thỏa thú chơi đèn đuốc, ngắm cảnh đẹp. Ý thích đó không biết bao nhiêu cho vừa vì việc xây dựng đình đài cứ liên miên, hao tiền tốn của.

- Những cuộc dạo chơi của chúa ở Tây Hồ được miêu tả rất tỉ mỉ:

+ Diễn ra thường xuyên “*mỗi tháng ba bốn lần*”.

+ Huy động rất đông kẻ hầu người hạ “*Binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ*”, các nội thân, quan hộ giá, bọn nhạc công.

+ Còn bày đặt nhiều trò chơi giải trí lố lăng và tốn kém:

- Giả trò mua bán: “*các nội thân thì đầu bịt khăn, mặc áo đàn bà, bày bách hóa chung quanh bờ hồ để bán*”, để “*Thuyền ngự đi đến đâu thì các quan hồ tưng đại thần tùy ý ghé vào bờ mua bán các thứ như ở cửa hàng trong chợ*”.

- Bồi trí dàn nhạc khắp nơi để tấu nhạc làm vui: “*bọn nhạc công ngồi trên gác chuông chùa Trấn Quốc, hay dưới bóng cây bên đá nào đó, hòa vài khúc nhạc*”.

=> **Kể, tả một cách chân thực, cụ thể, sinh động có tính liệt kê.**

=> **Tốn kém, lố lăng, xô bồ và thiếu văn hóa.**

#### b. Thú chơi cây cảnh:

- Ngoài ra, chúa còn cho tìm thu, thực chất là cướp đoạt những của quý trong thiên hạ: “*những loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian*” về tô điểm nơi phủ chúa.

- Chúa còn lấy cả một cây đa to, cành lá rườm rà, rễ dài đến vài trượng từ bên Bắc chở qua sông đem về, phải một cơ binh hàng trăm người mới khiêng nổi.

- Trong phủ bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bên bể đầu non.

=> **Các sự việc vẫn kể một cách chân thực, khách quan, không xen lời bình của tác giả, nhiều từ Hán Việt, có liệt kê và miêu tả tỉ mỉ vài sự kiện để khắc họa ấn tượng.**

\* **Cảnh nơi phủ chúa được miêu tả là cảnh thực được bày vẽ, tô điểm như “bến bể đầu non”, xa hoa lộng lẫy.** Nhưng âm thanh lại gợi những cảm giác ghê rợn, bí hiểm, ma quái trước một cái gì đang tan tác đau thương, chứ không phải trước cảnh đẹp yên

binh,phồn thực. “*Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng,tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường*”. Cảm xúc chủ quan của tác giả đến đây mới được bộc lộ, nhất là khi ông xem đó là “*triệu bất tường*”- tức là điềm gỡ, điềm chẳng lành. Nó như báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đại chỉ biết chăm lo đến việc ăn chơi hưởng lạc trên mồ hôi, nước mắt và xương máu của dân lành. Và lịch sử cũng đã ứng nghiệm: sau khi Thịnh Vương mất thì nhà Trịnh cũng đi vào hồi kết, khép lại một trang sử thắm đẫm những bi kịch và cũng là để mở ra một trang sử khác với những bi kịch mới báo trước sự suy vong tất yếu của chế độ phong kiến Việt Nam.

## **2. Sự tham lam,những nhiễu của bọn quan lại trong phủ chúa:**

- Bọn hoạn quan hậu cần trong phủ chúa rất được sủng ái, bởi chúng giúp chúa đắc lực trong việc bày các trò ăn chơi hưởng lạc.

- Ý thế hoành hành, tác oai, tác quái. Thủ đoạn của chúng là thủ đoạn vừa ăn cướp, vừa la làng:

+ Ra ngoài dọa dẫm.

+ Dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay,thì biên ngay hai chữ “*phụng thủ*” (dâng chúa ).

+ Đêm đến lén ra thành, sai lính đem về, có khi phá nhà hủy tường để đưa cây hoặc non bộ đi.

+ Dọa nạt tổng tiến bằng cách vu cho là giấu vật cung phụng.

=> **Đây là thái độ nhiễu nhiễu, ngang ngược của bọn hoạn cung giám “nhờ gió bẻ măng”**, ý thế nhà chúa mà ngang nhiên hoành hành, tác oai tác quái, giở trò bịp bợm,dùng mọi thủ đoạn để dọa dẫm lấy tiền cướp của của nhân dân. Điều bất công vô lí ở đây là những tên hoạn quan đó vừa vơ vét ních đầy túi tham, vừa được tiếng miễn cán trong việc nhà chúa. Chúng đã khiến cho dân chúng quanh vùng phải rơi vào một cuộc sống bất ổn, cơ cực,khi thì phải bỏ của ra để kêu oan, khi thì phải tự mình đập bỏ núi non bộ, chặt cây cảnh để tránh tai vạ...

- Để tăng thêm sức mạnh tố cáo, tác giả kể thêm một sự việc của chính gia đình mình: bà mẹ của tác giả đã phải sai chặt đi một cây lê và hai cây lựu quý, có hoa thơm quả đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai họa. Tác giả còn nêu những địa danh “*phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương*” -> càng làm tăng thêm tính chân thực và vì thế sức thuyết phục càng lớn. -> Tác giả kín đáo bày tỏ thái độ căm giận trước một vương triều thối nát.

**Câu hỏi 3, sgk, trang 63: Theo em, thể văn “tùy bút” trong bài có gì khác so với thể “truyện” mà các em đã học ở bài trước?**

=> **Trả lời:**

- Tùy bút: ghi chép về những con người, những sự việc cụ thể có thực. Qua đó tác giả bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, đánh giá của mình. Sự ghi chép ở đây là theo cảm hứng chủ quan, không gò bó theo hệ thống kết cấu, lối ghi chép của tùy bút giàu chất trữ tình.

- Truyện: hiện thực của cuộc sống được phản ánh thông qua số phận con người cụ thể, có cốt truyện, có nhân vật. Cốt truyện được triển khai,nhân vật được khắc họa nhờ một hệ thống chi tiết nghệ thuật phong phú, đa dạng,và cả những chi tiết tưởng tượng, hoang đường.

### **III – Tổng kết:**

#### **1. Nội dung:**

- Đoạn trích đã phản ánh đời sống xa hoa của phủ chúa và sự những nhieu của bọn quan lại thời Lê – Trịnh.

#### **2. Nghệ thuật:**

- Lối văn ghi chép sự việc cụ thể, chân thực, sinh động:

+ Các chi tiết, sự việc miêu tả về thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và quan lại được đưa ra cụ thể, sinh động, chân thực, khách quan, để tự sự việc lên tiếng nói, đem lại ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc.

+ Với thể loại tùy bút, các sự việc được ghi chép theo cảm hứng chủ quan, tản mạn, không gò bó theo hệ thống, kết cấu chặt chẽ, nhưng vẫn tuân theo một tư tưởng, cảm xúc chủ đạo, đó là thái độ phê phán thói ăn chơi xa xỉ và tệ những nhieu nhân dân của bọn vua chúa và lũ quan lại hậu cần.

---

## **LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ** **(NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU)**

### **I. Đọc- tìm hiểu chung**

#### **1. Tác giả**

Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ (1 tháng 7 năm 1822), tại quê mẹ là làng Tân Thới [2], phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (thuộc phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay).

Ông xuất thân trong gia đình nhà nho. Cha ông là Nguyễn Đình Huy, người xã Bồ Điền [3], huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên; nay thuộc huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Lớn lên, cha ông cưới vợ ở đây và đã có hai con (một trai và một gái). Mùa hạ, tháng 5 năm Canh Thìn (1820) Tả quân Lê Văn Duyệt được triều đình Huế phái vào làm Tổng trấn Gia Định Thành. Đến đầu mùa thu, Nguyễn Đình Huy đi theo Tả quân, để tiếp tục làm thư lại ở Văn hàn ty thuộc dinh Tổng trấn. Ở Gia Định, ông Huy có thêm người vợ thứ là bà Trương Thị Thiệt, người làng Tân Thới, sinh được 7 con (4 trai, 3 gái), và Nguyễn Đình Chiểu chính là con đầu lòng.

Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu được mẹ nuôi dạy. Năm lên 6, 7 tuổi, ông theo học với một ông thầy đồ ở làng.

Năm 1832, Tả quân Lê Văn Duyệt mất. Năm sau (1833), con nuôi Tả quân là Lê Văn Khôi, vì bất mãn đã làm cuộc nổi dậy chiếm thành Phiên An ở Gia Định, rồi chiếm cả Nam Kỳ. Trong cơn binh biến, cha của Nguyễn Đình Chiểu bỏ trốn ra Huế, nên bị cách hết chức tước. Song vì thương con, cha ông lén trở vào Nam, đem ông ra gửi cho một người bạn đang làm Thái phó ở Huế để tiếp tục việc học. Nguyễn Đình Chiểu sống ở Huế từ 11 tuổi (1833) đến 18 tuổi (1840), thì trở về Gia Định.

Năm Quý Mão (1843), ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định lúc 21 tuổi. Khi ấy, có một nhà họ Võ hứa gả con gái cho ông [4].



Năm 1847, ông ra Huế học để chờ khoa thi năm Kỷ Dậu (1849)[4]. Lần này, ông cùng đi với em trai là Nguyễn Đình Tự (10 tuổi).

Ngày rằm tháng 11 năm Mậu Thân (10 tháng 12 năm 1848), mẹ Nguyễn Đình Chiêu mất ở Gia Định. Được tin, ông bỏ thi, dẫn em theo đường bộ trở về Nam chịu tang mẹ.

Trên đường trở về, vì quá thương khóc mẹ, vì vất vả và thời tiết thất thường, nên đến Quảng Nam thì Nguyễn Đình Chiêu bị ốm nặng. Trong thời gian nghỉ chữa bệnh ở nhà một thầy thuốc vốn dòng dõi Ngự y, tuy bệnh không hết, nhưng ông cũng đã học được nghề thuốc. Lâm cảnh đui mù, hôn thê bội ước, cửa nhà sa sút... Nguyễn Đình Chiêu đóng cửa chịu tang mẹ cho đến năm 1851, thì mở trường dạy học và làm thuốc ở Bình Vi (Gia Định). Truyện thơ Lục Vân Tiên của ông có lẽ được bắt đầu sáng tác vào thời gian này [5].

Năm 1854, Nguyễn Đình Chiêu cưới Lê Thị Điền (1835-1886, người làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc, trước thuộc Gia Định; nay thuộc tỉnh Long An) làm vợ. Bà Điền là em gái thứ năm của Lê Tăng Quýnh, học trò ông, vì cảm phục và mến thương thầy, đã xin gia đình tác hợp. Truyện thơ Dương Từ-Hà Mậu của ông có lẽ được bắt đầu sáng tác vào thời gian này [5].

Khi thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ, Nguyễn Đình Chiêu tích cực tham gia phong trào kháng chiến, cùng các vị lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc đánh giặc và sáng tác thơ văn khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân. Lúc cả Nam Kỳ đã rơi vào tay giặc, ông về sống tại Bến Tre, nêu ra tinh thần bất khuất trước kẻ thù, giữ trọn lòng trung thành với tổ quốc, với nhân dân

Năm 1886, vợ ông là bà Lê Thị Điền mất lúc 51 tuổi. Buồn rầu vì vợ mất, vì cảnh nước mất nhà tan đã bấy lâu, vì bệnh tật ngày càng trầm trọng [14], hai năm sau, ngày 24 tháng 5 năm Mậu Tý (3 tháng 7 năm 1888), Nguyễn Đình Chiêu cũng qua đời tại Ba Tri, thọ 66 tuổi. Ngày đưa tiễn nhà thơ Nguyễn Đình Chiêu về cõi vĩnh hằng, cánh đồng An Đức rợp trắng khăn tang của những người mến mộ ông [15]. Ông được an táng cạnh mộ vợ, nay thuộc ấp 3, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre [16].

-Tác phẩm tiêu biểu của ông: Lục Vân Tiên, Dương Từ-Hà Mậu, Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca. ngoài ra ông còn để lại 37 bài thơ và văn tế.

## LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA -NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

### 1. Tác giả

### 2. Tác phẩm

- **Vị trí:** Đoạn trích LVT cứu Kiều Nguyệt Nga nằm ở phần đầu truyện Lục Vân Tiên.
- **Xuất xứ:** Tác phẩm được viết khoảng đầu những năm 50, thế kỉ XIX, dài hơn hai nghìn câu thơ, theo thể lục bát.
- **Kết cấu:** kết cấu theo kiểu truyền thống của loại truyện Phương Đông, theo chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời nhân vật chính: người tốt gặp nhiều gian truân, trắc trở

trên đường đời, bị kẻ xấu hãm hại, lừa lọc nhưng họ vẫn được phù trợ, cứu mạng (khi thi nhờ con người, khi thi nhờ các thế lực thần linh), để rồi cuối cùng đều nạn khỏi tai qua, được đền trả xứng đáng, kẻ xấu phải bị trừng trị.

- **Nội dung (đạo lí)** của truyện nhằm truyền dạy đạo lí làm người: đề cao tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội; nêu cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy; thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời.

- **Đặc điểm thể loại:** đây là truyện thơ Nôm mang tính chất là truyện kể hơn là để đọc, để xem. Vì thế, nó dễ biến thành những hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian như "kể thơ", "nói thơ", "hát", nó chú trọng hành động của nhân vật hơn là miêu tả nội tâm. Do đó tính cách nhân vật cũng thường bộc lộ qua việc làm, lời nói, cử chỉ của họ.

## II. Phân tích văn bản

### 1. Nhân vật Lục Vân Tiên

- **Tóm tắt truyện theo nhân vật:** trên đường đi thi trở về, tình cờ gặp bọn cướp, Lục Vân Tiên bèn ra tay đánh tan lũ cướp, cứu được một người thiếu nữ. Chàng hỏi chuyện và biết được nàng là Kiều Nguyệt Nga con quan. Chàng từ chối ý định báo đáp ơn nghĩa của nàng, vì làm người như thế cũng phi anh hùng.

- **Đây là nhân vật chính của tác phẩm.** Hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc họa theo mô típ quen thuộc ở truyện Nôm truyền thống: chàng trai tài giỏi, cứu cô gái khỏi tình huống hiểm nghèo, rồi ân nghĩa đến tình yêu. Mô típ này thể hiện mong ước của nhân dân và của tác giả: trong thời buổi nhiễu loạn này, người ta trông mong những người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời.

- Tác giả đã xây dựng Lục Vân Tiên là nhân vật lí tưởng. Chàng trai trẻ ấy vừa rời trường học bước vào đời, hăm hở muốn lập công danh, thi thố tài năng giúp đời. Gặp bọn cướp hãm hại dân lành là một thử thách, một cơ hội hành động cho chàng.

#### a. Lục Vân Tiên đánh cướp:

+ Hành động đánh cướp, cứu người trước hết bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa của Lục Vân Tiên. Chỉ một mình, không vũ khí trong khi bọn cướp đông lại gươm giáo đủ đầy, thanh thế lẫy lừng. Lục Vân Tiên vẫn dũng cảm ra tay “bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”.

+Lời nói: Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ - Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân” (tuyên chiến với bọn cướp hung ác, không để chúng hại dân lành.

-->Hành động mạnh mẽ của Lục Vân Tiên thể hiện cái đức của con người "vị nghĩa vong thân" (vì việc nghĩa quên mình), cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bên trong kẻ yếu, chiến thắng thế lực bạo tàn.

-**Giặc:** +Số lượng: truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng.

+Vũ khí: gươm, giáo --> *Bọn cướp đông được trang bị vũ khí.*

-**Nghệ thuật:** tương phản để làm nổi bật hình ảnh Lục Vân Tiên nổi bật tính cách anh hùng về tài năng tấm lòng vị tha.

Hành động đánh cướp trước hết bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa của Vân Tiên. Chàng chỉ có một mình, hai tay không trong khi bọn cướp đông người “Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng”, gươm giáo đủ đầy, thanh thế lẫy lừng

“Người đều sợ nó có tài khôn đờng”. Vậy mà Vân Tiên vẫn bẻ cây làm gậy xông vô đánh cướp “Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”. Vân Tiên đã anh dũng tuyên chiến với bọn cướp để cứu dân làng “Bớ đảng hung đồ - Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”. Ở đây Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng nghệ thuật tương phản để làm nổi bật tính cách anh hùng về tài năng và tấm lòng vị tha của Lục Vân Tiên. Hình ảnh LVT trong trận đánh được miêu tả thật đẹp-vẻ đẹp của người dũng tướng cũng theo phong cách văn chương thời xưa nghĩa là so sánh với những hình mẫu lí tưởng như dũng tướng Triệu Tử Long mà người Việt Nam đặc biệt Nam Bộ vẫn mê truyện Tam quốc. Hành động của Vân Tiên chứng tỏ cái đức của con người “Vì nghĩa vong thân”, cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bênh vực kẻ yếu, chiến thắng những thế lực tàn bạo.

### ***b.Lục Vân Tiên sau khi đánh cướp:***

-**Tóm tắt:** Sau khi đánh tan bọn cướp, Vân Tiên nghe tiếng khóc trong xe liền hỏi vọng vào. Từ trong xe, Nguyệt Nga giải bày sự việc gặp nạn, xin được đền ơn. Vân Tiên gạt đi vì theo chàng: Làm ơn há để trông người trả ơn.

+ Thái độ cư xử của Lục Vân Tiên sau khi đã dẹp tan bọn cướp lại bộc lộ tư cách của một con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm, nhân hậu, rất có văn hóa. Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên “động lòng”, an ủi họ “Ta đã trừ dòng lâu la” và ân cần hỏi han. Khi họ muốn lạy tạ ơn, chàng gạt đi ngay "Khoan khoan ngồi đó chớ ra", phần vì giữ lễ, phần vì khiêm nhường . Ở đây có phần câu nệ của lễ giáo, nhưng chủ yếu do đức tính khiêm nhường của VT "Làm ơn há để trông người trả ơn". Chàng cũng từ chối lời mời về thăm nhà của Nguyệt Nga để cha nàng đền đáp. Ở đoạn sau, chàng còn từ chối nhận chiếc trâm vàng của nàng, chỉ cùng nhau xướng họa một bài thơ rồi thanh thân ra đi, không hề vẩn vương. Đối với chàng, làm việc nghĩa như là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán. Giữa cuộc đời lắm nhiều nhường, cái ác, cái xấu hoành hành, những con người như thế thật cần thiết và đáng quý biết bao.

=>***Qua hành động, cử chỉ cho thấy Lục Vân Tiên là 1 người hào hiệp, chính trực, trọng nghĩa khinh tài, nhân hậu.***

### **3. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga**

-**Tóm tắt theo nhân vật:** Kiều Nguyệt Nga là một thiếu nữ con quan, trên đường đi đến nơi cha làm việc bị bọn cướp vây bắt, may được Lục Vân Tiên giải thoát. Cảm kích trước hành động này, nàng muốn bày tỏ ơn nghĩa, nhưng chàng đã từ chối vì làm ơn há để trông người trả ơn

- Đây cũng là một nhân vật chính và là một nhân vật lí tưởng trong tác phẩm. Những lời giải bày của Kiều Nguyệt Nga với Lục Vân Tiên đã bộc lộ phẩm chất tốt đẹp của nàng.

-Quê nhà ở quận Tây Xuyên – Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê. -->Chân thật

-Làm con dâu dám cãi cha – Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành. -->Hiếu thảo

-Lâm nguy chẳng gặp giải nguy – Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi. -->Trong trắng.

-Trước xe quân tử tạm ngồi – Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa-->Nết na

-Hà Khê qua đó cũng gần – Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng. -->Ân nghĩa+ Đó là lời lẽ của một cô gái khuê các, thùy mị, nết na: cách xưng hô "quân tử", "tiện thiếp"

khiêm nhường, cách nói năng vui vẻ, dịu dàng, mực thước, cách trình bày vấn đề rõ ràng, khúc triết, vừa đáp ứng đủ những lời thăm hỏi ân cần của Vân Tiên, vừa thể hiện tấm lòng cảm kích chân thành của mình.

+ Kiều Nguyệt Nga trọng ơn nghĩa, coi cái ơn của Vân Tiên với mình còn hơn cả ơn cứu mạng, đó là cả cuộc đời trong trắng của mình, vì vậy nàng áy náy, băn khoăn tìm cách trả ơn, dù hiểu rằng có đền đáp bao nhiêu cũng chưa đủ. Bởi thế, cuối cùng nàng đã tự nguyện gắn bó cả cuộc đời với Vân Tiên, dám liều mình để giữ trọn ân tình, thủy chung với chàng.

Ở đoạn thơ này, hình ảnh Kiều Nguyệt Nga chỉ được biểu hiện qua những lời lẽ mà nàng giải bày với LVT. Trước hết, đó là lời lẽ của một cô gái khuê các, thùy mị, nét na, có học thức: cách xưng hô “quân tử”, “tiện thiếp” khiêm nhường; cách nói năng văn vẻ, dịu dàng mực thước “Làm con đâu dám cãi cha”, “Chút tôi liễu yếu đào thơ

- Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần”, cách trình bày vấn đề rõ ràng, khúc chiết. Tiếp theo hành động của nàng còn rất chân thành thể hiện niềm cảm kích, xúc động của mình “Trước xe quân tử tạm ngồi, - Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa”. Nguyệt Nga là người chịu ơn, lại là một cái ơn trọng, không chỉ là ơn cứu mạng mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng: “Lâm nguy chẳng gặp giải nguy-Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi”. Nàng rất áy náy, băn khoăn tìm cách trả ơn chàng, dù hiểu rằng đền đáp đến mấy cũng không thể đủ: “Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi”. Bởi thế, cuối cùng nàng đã tự nguyện gắn bó cuộc đời với chàng trai khảng khái, hào hiệp đó và đã dám liều mình để giữ trọn ân tình, thủy chung với chàng. Nét đẹp tâm hồn đó đã làm cho hình ảnh Kiều Nguyệt Nga chinh phục được tình cảm yêu mến của nhân dân, những con người bao giờ cũng xem trọng ơn nghĩa “Ơn ai một chút chẳng quên”.

### **III. Tổng kết**

#### **1. Nội dung**

- Đoạn trích thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả và khắc họa những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật: Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trong nghĩa khinh tài, Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nét na, ân tình.

#### **2. Nghệ thuật**

- Nhân vật chủ yếu được miêu tả qua hành động, cử chỉ, lời nói, ít khắc họa ngoại hình, càng ít đi sâu vào diễn biến nội tâm, mang tính chất của văn học dân gian; ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường và mang tính chất địa phương Nam bộ, phù hợp với ngôn ngữ người kể chuyện; ngôn ngữ thơ đa dạng, phù hợp với diễn biến tình tiết và tính cách nhân vật

---

## **PHẦN 2: VĂN HỌC HIỆN ĐẠI ĐỒNG CHÍ - CHÍNH HỮU**

### **A. Kiến thức cần nhớ.**

#### **1. Tác giả**

- Chính Hữu tên là Trần Đình Đắc, (1926-2007), quê ở Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
- Ông tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ. Từ người lính Trung đoàn Thủ đô trở thành nhà thơ quân đội. - Chính Hữu làm thơ không nhiều, thơ ông thường viết về người lính và chiến tranh, đặc biệt là những tình cảm cao đẹp của người lính, như tình đồng chí, đồng đội, tình quê hương đất nước, sự gắn bó giữa tiền tuyến và hậu phương.
- Thơ ông có những bài đặc sắc, giàu hình ảnh, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc.
- Chính Hữu được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000.

## 2. Tác phẩm

- Bài “Đồng chí” sáng tác đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông năm 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc. *Trong chiến dịch ấy, cũng như những năm đầu của cuộc kháng chiến, bộ đội ta còn hết sức thiếu thốn. Nhưng nhờ tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu và tình đồng chí, đồng đội, họ đã vượt qua tất cả để làm nên chiến thắng. Sau chiến dịch này, Chính Hữu viết bài thơ “Đồng chí” vào đầu năm 1948, tại nơi ông phải nằm điều trị bệnh. Bài thơ là kết quả của những trải nghiệm thực và những cảm xúc sâu xa, mạnh mẽ, tha thiết của tác giả với đồng đội, đồng chí của mình trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947)*
- Bài thơ là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất viết về người lính cách mạng của văn học thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).
- Bài thơ đi theo khuynh hướng : Cảm hứng thơ hướng về chất thực của đời sống kháng chiến, khai thác cái đẹp, chất thơ trong cái bình dị, bình thường, không nhấn mạnh cái phi thường.
- Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng – mà phần lớn họ đều xuất thân từ nông dân. Đồng thời bài thơ cũng làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội trong thời kì của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn rất khó khăn, thiếu thốn. (Đó là hai nội dung được đan cài và thống nhất với nhau trong cả bài thơ)
- Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.
- **Mạch cảm xúc (bố cục)**
  - Bài thơ theo thể tự do, có 20 dòng. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn, sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7,17 và 20)
  - Phần 1: 7 câu thơ đầu: Lý giải về cơ sở của tình đồng chí. Câu 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ với một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.
  - Phần 2: 10 câu thơ tiếp theo: Những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí, đồng đội của người lính
  - + Đó là sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau (Ruộng nương anh gửi bạn thân cày..... nhớ người ra lính)



- + Đó là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính (Áo anh rách vai.... Chân không giày)
- + Sự lạc quan và tinh đồng chí đồng đội đã giúp người lính vượt qua được những gian khổ, thiếu thốn ấy.
- Phần 3: 3 câu cuối: Biểu tượng giàu chất thơ về người lính.

### 3. Phân tích bài thơ.

**Đề bài: Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy bài thơ đã diễn tả sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.**

**Dàn ý chi tiết:**

#### I. Mở bài:

**Cách 1:**

- Chính Hữu là nhà thơ quân đội trưởng thành trong cuộc k/c chống Pháp.
- Phần lớn thơ ông hướng về đề tài người lính với lời thơ đặc sắc, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ hàm súc, cô đọng giàu hình ảnh
- Bài thơ “Đồng chí” là một trong những bài thơ viết về người lính hay của ông. Bài thơ đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

**Cách 2:** Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, hình ảnh người lính mãi mãi là hình ảnh cao quý nhất, đẹp đẽ nhất. Hình tượng người lính đã đi vào lòng người và văn chương với tư thế, tình cảm và phẩm chất cao đẹp. Một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất, tiêu biểu và thành công nhất viết về tình cảm của những người lính Cụ Hồ là “Đồng chí” của Chính Hữu. Bằng những rung động mới mẻ và sâu lắng, bằng chính sự trải nghiệm của người trong cuộc, qua bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

#### II – Thân bài

Chính Hữu viết bài thơ : “Đồng chí” vào đầu năm 1948, khi đó ông là chính trị viên đại đội, đã từng theo đơn vị tham gia chiến dịch Việt Bắc, và cũng là người đã từng sống trong tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó vượt qua những khó khăn gian khổ trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

**\* Trong 7 câu thơ đầu, nhà thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng**

- **Cùng chung cảnh ngộ xuất thân:** Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính. Từ già trẻ hương, họ ra đi tình nguyện đứng trong đội ngũ những người chiến đấu cho một lí tưởng chung cao đẹp, đó là độc lập tự do cho dân tộc. Mở đầu bài thơ là những tâm sự chân tình về con người và cuộc sống rất bình dị và cũng rất quen thuộc:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua.*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

+ Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là con em của những vùng quê nghèo khó, là những nông dân ở nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi

đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả, mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuyễn khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung được những miền quê nghèo khổ, nơi sinh ra những người lính. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

=> Hai câu thơ đầu theo cấu trúc sóng đôi, đối ứng: “*Quê anh – làng tôi*” đã diễn tả sự tương đồng về cảnh ngộ. Và chính sự tương đồng về cảnh ngộ ấy đã trở thành niềm đồng cảm giai cấp, là cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính.

- **Cùng chung lí tưởng chiến đấu:** Trước ngày nhập ngũ, những con người này vốn “xa lạ”:

*“Anh với tôi đôi người xa lạ  
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”*

Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mẫn mà như một lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nghèo, người lao động. Nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy, mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả: chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Hình ảnh : “*Anh – tôi*” riêng biệt đã mờ nhoà, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu: “*Súng bên súng đầu sát bên đầu*”. “Súng” và “đầu” là hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lí tưởng cao đẹp. Điệp từ “súng” và “đầu” được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí.

- **Tình đồng chí nảy nở bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui,** đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: “*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*”. Đêm Việt Bắc thì quá rét, chăn lại quá nhỏ, loay hoay mãi không đủ ấm. Đắp được chăn thì hở đầu, đắp được bên này thì hở bên kia. Chính trong những ngày thiếu thốn, khó khăn ấy từ “xa lạ” họ đã trở thành tri kỉ của nhau. “Tri kỉ” là người bạn thân thiết hiểu rất rõ về ta. Vất vả nguy nan đã gắn kết những người đồng chí khiến họ trở thành người bạn tâm giao gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chắt lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính gian khổ. Bao nhiêu yêu thương được thể hiện qua những hình ảnh vừa gần gũi vừa tình cảm hàm súc ấy. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng, sức nặng của tình cảm triu mến, yêu thương với đồng đội. Hình ảnh thật giản dị nhưng rất cảm động.

- Từ trong tâm khảm họ, bỗng bật thốt lên hai từ « đồng chí ». Từ “đồng chí” được đặt thành cả một dòng thơ ngắn gọn mà ngân vang, giản dị mà thiêng liêng. Từ “đồng chí” với dấu chấm cảm như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này. Đồng chí là cùng chí hướng, cùng mục đích. Nhưng trong tình cảm ấy một khi có cái lõi bên trong là « tình tri

kỉ » lại được thử thách, được tôi rèn trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. Không còn anh, cũng chẳng còn tôi, họ đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp (xuất thân từ nông dân), có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí” họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lí tưởng cao cả vì đất nước quê thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc. Câu thơ vền vẹn có 2 chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo. Quả thật ngôn từ Chính Hữu thật là hàm súc.

**2. Nhưng Chính Hữu đã không dừng lại ở việc biểu hiện những xúc cảm về quá trình hình thành tình đồng chí. Trong mười câu thơ tiếp theo nhà thơ sẽ nói với chúng ta về những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí**

**Trước hết, đồng chí là sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau.**

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

+ Họ là những người lính gác tình riêng ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với những bản khoán, trần trở. Từ những câu thơ nói về gia cảnh, về cảnh ngộ, ta bắt gặp một sự thay đổi lớn lao trong quan niệm của người chiến sĩ: “Ruộng nương” đã tạm gửi cho “bạn thân cày”, “gian nhà không” giờ để “mặc kệ gió lung lay”. Lên đường đi chiến đấu, người lính chấp nhận sự hi sinh, tạm gạt sang một bên những tính toán riêng tư. Hai chữ “mặc kệ” đã nói lên được cái kiên quyết dứt khoát mạnh mẽ của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, khi mục đích đã lựa chọn. Song dù dứt khoát, mạnh mẽ ra đi nhưng những người lính nông dân hiền lành chân thật ấy vẫn nặng lòng với quê hương. Chính thái độ gồng mình lên ấy lại cho ta hiểu rằng những người lính càng cố gắng kiềm chế tình cảm bao nhiêu thì tình cảm ấy càng trở nên bỏng cháy bấy nhiêu. Nếu không đã chẳng thể cảm nhận được tính nhớ nhung của hậu phương: “*giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*”. Hình ảnh thơ hoán dụ mang tính nhân hoá này càng tô đậm sự gắn bó yêu thương của người lính đối với quê nhà, nó giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình. Giếng nước gốc đa kia nhớ người ra lính hay chính tâm lòng người ra lính không nguôi nhớ quê hương và đã tạo cho giếng nước gốc đa một tâm hồn? Quả thực giữa người chiến sĩ và quê hương anh đã có một mối giao cảm vô cùng sâu sắc đậm đà. Tác giả đã gọi nên hai tâm tình như đang soi rọi vào nhau đến tận cùng. Ba câu thơ với hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ấm áp một tình quê, một nỗi nhớ thương vui đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Tâm tư ấy, nỗi nhớ nhung ấy của “anh” và cũng là của “tôi”, là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương đất nước ấy.

**- Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính:**

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh  
Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi  
Áo anh rách vai  
Quần tôi có vài mảnh vá*

- Là người lính, các anh đã từng trải qua những cơn sốt rét nơi rừng sâu trong hoàn cảnh thiếu thuốc men, lại thêm trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá: “áo rách vai, quần tôi vài mảnh vá, chân không giày...” Tất cả những khó khăn gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không một chút tô vẽ. Ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân đội Cụ Hồ mới được thành lập, thiếu thốn đủ đường, quần áo rách bươm phải buộc túm lại nên người lính vệ quốc còn được gọi là “vệ túm”. Đọc những câu thơ này, ta vừa không khỏi chạnh lòng khi thấu hiểu những gian nan vất vả mà thế hệ cha ông đã từng trải qua vừa trào dâng một niềm kính phục ý chí và bản lĩnh vững vàng của những người lính vệ quốc.

- **Cùng hướng về một lí tưởng, cùng nếm trải sự khắc nghiệt của chiến tranh, người lính chia sẻ cho nhau tình thương yêu ở mức tốt cùng.** Chi tiết “miệng cười buốt giá” đã ấm lên, sáng lên tình đồng đội và tinh thần lạc quan của người chiến sĩ. Rồi đến cái cử chỉ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” đã thể hiện được tình thương yêu đồng đội sâu sắc. Cách biểu lộ tình thương yêu không ồn ào mà thấm thía. Trong buốt giá gian lao, những bàn tay tìm đến để truyền cho nhau hơi ấm, truyền cho nhau niềm tin, truyền cho nhau sức mạnh để vượt qua tất cả, đẩy lùi gian khổ. Những cái nắm tay ấy đã thay cho mọi lời nói. Câu thơ ấm áp trong ngọn lửa tình cảm thân thương! Nhà thơ đã phát hiện rất tinh cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Sức mạnh tinh thần ấy, trên cơ sở cảm thông và thấu hiểu sâu sắc lẫn nhau đã tạo nên chiều sâu và sự bền vững của thứ tình cảm thầm lặng nhưng rất đổi thiêng liêng này.

### **3. Ba câu thơ cuối là bức tranh đẹp về tình đồng chí:**

*Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo.*

- Ba câu thơ tả một đêm phục kích giặc. Nền bức tranh là đêm – “rừng hoang sương muối” gợi ra một cảnh tượng âm u, hoang vắng và lạnh lẽo. Không chỉ cái giá, cái rét cứ theo đuổi mà còn bao nguy hiểm đang rình rập người chiến sĩ.

- Nổi bật trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy là những người lính đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới trong cái nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc. Từ “chờ” cũng đã nói rõ cái tư thế, cái tinh thần chủ động đánh giặc của họ. Rõ ràng khi những người lính đứng cạnh bên nhau vững chãi, truyền cho nhau hơi ấm thì tình đồng chí đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm họ để họ có sức mạnh vượt qua cái cái gian khổ, ác liệt, giá rét ấy... Tâm vóc của những người lính bỗng trở nên lớn lao anh hùng.

- Câu thơ cuối là một hình ảnh đẹp được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích giặc của chính người lính. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tâm nhìn nào đó, vầng trăng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Rõ ràng, tình cảm đồng chí ấm áp, thiêng liêng đã mang đến

cho người lính nét lãng mạn, cảm hứng thi sĩ trong hiện thực đầy khắc nghiệt qua hình ảnh “Đầu súng trăng treo”. Trong hoàn cảnh hết sức gian khổ khốc liệt: đêm đông giá lạnh, rừng hoang sương muối, cái chết cận kề, tâm hồn nhạy cảm của người chiến sĩ vẫn tìm thấy chất thơ bay bổng trong vẻ đẹp bất ngờ của trăng. Bốn chữ “Đầu súng trăng treo” chia làm hai vế làm nhịp thơ đột ngột thay đổi, dồn nén, như nhịp lắc của một cái gì đó chông chênh, trong bát ngát... gây sự chú ý cho người đọc. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau - mặt đất và bầu trời, gọi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, “trăng” là biểu tượng của cái đẹp, cho niềm vui lạc quan, cho sự bình yên của cuộc sống. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là “một cặp đồng chí” tô đậm vẻ đẹp của những cặp đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng.

=> Hiếm thấy một hình tượng thơ nào vừa đẹp vừa mang đầy ý nghĩa như “Đầu súng trăng treo”. Đây là một sáng tạo đầy bất ngờ góp phần nâng cao giá trị bài thơ, tạo được những dư vang sâu lắng trong lòng người đọc.

**4. Suy nghĩ về tình đồng chí:** Như vậy tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại vì một lý tưởng chung. Đó là mối tình có cơ sở hết sức vững chắc: sự đồng cảm của những người chiến sĩ vốn xuất thân từ những người nông dân hiền lành chân thật gắn bó với ruộng đồng. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở tình yêu Tổ Quốc, cùng chung lý tưởng và mục đích chiến đấu. Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt lại tôi luyện thử thách làm cho mối tình đồng chí đồng đội của những người lính càng gắn bó, keo sơn. Mối tình thiêng liêng sâu nặng, bền chặt đó đã tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để những người lính “áo rách vai”, “chân không giày” vượt lên mọi gian nguy để đi tới và làm nên thắng trận để viết lên những bản anh hùng ca Việt Bắc, Biên giới, Hoà Bình, Tây Bắc.... tô thắm thêm trang sử chống Pháp hào hùng của dân tộc.

### III. Kết luận:

Bài thơ “Đồng chí” vừa mang vẻ đẹp giản dị lại vừa mang vẻ đẹp cao cả thiêng liêng, thơ mộng. Cấu trúc song hành và đối xứng xuyên suốt bài thơ làm hiện lên hai gương mặt người chiến sĩ rất trẻ như đang thủ thi, tâm tình, làm nổi bật chủ đề tư tưởng: Tình đồng chí gắn bó keo sơn. Chân dung người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp hiện lên thật đẹp đẽ qua những vần thơ mộc mạc, chân tình mà gợi nhiều suy tưởng. Với những đặc điểm đó, bài thơ xứng đáng là một trong những tác phẩm thi ca xuất sắc về đề tài người lính và chiến tranh cách mạng của văn học Việt Nam.

### B. Một số câu hỏi luyện tập

**Câu 1: *Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về đoạn cuối bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.***

(tham khảo phần 3 của bài phân tích)

Câu hỏi tương tự: Sửa lỗi câu văn sau : Với hình ảnh « đầu súng trăng treo » đã diễn tả đầy sức gợi cảm mối tình tình đồng chí keo sơn trong bài thơ « đồng chí » được sáng tác năm 1954 sau chiến thắng Việt Bắc.



Triển khai đoạn văn có câu chủ đề trên.

**Câu 2: Phân tích hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí”**

- Bài thơ về tình đồng chí đã cho ta thấy vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng, cụ thể ở đây là anh bộ đội hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.
- + Hoàn cảnh xuất thân: họ là những người nông dân nghèo ra đi từ hai miền đất xa nhau: “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá.”
- + Họ ra đi vì nghĩa lớn (hai chữ “mặc kệ” nói được cái dứt khoát, mạnh mẽ ...mặc dù vẫn luôn lưu luyến với quê hương “giếng nước gốc đa....”
- + Họ đã trải qua những gian lao, thiếu thốn tột cùng, những cơn sốt rét run người, trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá => Những gian khổ càng làm nổi bật vẻ đẹp của anh bộ đội: sáng lên nụ cười của người lính (miệng cười buốt giá)
- + Đẹp nhất ở họ là tình đồng chí đồng đội sâu sắc, thắm thiết
- + Kết tinh hình ảnh người lính và tình đồng chí của họ là bức tranh đặc sắc trong đoạn cuối của bài thơ.

**Câu 3. Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?**

Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng. Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.

**Câu 4: Phân tích giá trị nghệ thuật của hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hoá trong câu thơ: “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”**

(Tham khảo bài tập làm văn)

**Câu 5 : 1. Giả sử em phải làm bài văn phân tích bài thơ “Đồng chí”, em hãy xét xem phần thân bài của bài làm có được trình bày theo dàn ý đại cương dưới đây không? Vì sao? Nếu thấy dàn ý chưa đúng em hãy sửa lại cho hợp lí:**

- a. Phân tích 7 câu thơ đầu
- b. Bài thơ nói lên tình đồng chí gắn kết những người chiến sĩ trong một cuộc chiến đầy gian khổ
- c. Bài thơ còn nêu lên một hình ảnh rất đẹp vào một đêm chờ giặc giữa rừng trong đêm trăng lạnh

**Nhận xét dàn ý:** Không chia theo một căn cứ nhất định: mục a chia theo bố cục; mục b, c chia theo nội dung.

Mục b chưa phân tích rõ và sâu ý nghĩa cao đẹp của tình đồng chí trong 10 câu thơ.

Mục c lạc ý, mang nặng tả cảnh, chưa xoay quanh vấn đề về tình đồng chí.

**Sửa lại dàn ý:**

- a. Bảy câu đầu: sự lí giải về tình đồng chí.
- b. Mười câu tiếp theo: là những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí.
- c. Ba câu cuối cùng: biểu tượng đẹp để giàu chất thơ của tình đồng chí.

**Câu 6. Phân tích bài thơ để thấy rõ chủ đề đồng chí hiện lên trong thơ Chính Hữu với rất nhiều dáng vẻ:**

Chủ đề đồng chí hiện lên trong thơ Chính Hữu với rất nhiều dáng vẻ. “Anh với tôi” khi thì riêng rẽ trong từng dòng thơ để nói về cảnh ngộ của nhau: “Quê hương anh nước mặn đồng chua/ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”; khi lại chen lên đứng vào cùng một dòng: “Anh với tôi đôi người xa lạ/ Tụ phương trời chẳng hẹn quen nhau”. Từ riêng lẻ đã nhập thành “đôi”, thành chung kháng khí khó tách rời: “Súng bên súng, đầu sát bên đầu”/ “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ”. Đây là những hình ảnh đầy ắp kỉ niệm và âm áp tình đồng chí. Câu thơ đang từ trải dài, bỗng cô đọng lại thành hai tiếng “Đồng chí!” vang lên thiết tha, âm áp, xúc động như tiếng gọi của đồng đội và nó khắc ghi trong lòng người về hai tiếng mới mẻ, thiêng liêng đó. Tình đồng chí là cùng giai cấp, cùng nhau từ những chi tiết nhỏ nhất của đời sống: “áo anh rách vai/ Quần tôi có vài mảnh vá/ Miệng cười buốt giá/ Chân không giày”. Trong buốt giá gian lao, các anh chuyển cho nhau hơi ấm tình đồng đội: “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Những bàn tay không lời mà nói được tất cả, các anh sát cánh bên nhau để cùng đi tới một chiều cao: “Đêm nay rừng hoang sương muối/ Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới/ Đầu súng trăng treo”. Cùng chung chiến hào, cùng chung sống chết, đó chính là biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng chí. Chính tình đồng chí đã khiến các anh ngay giữa nguy hiểm gian lao vẫn thấy tâm hồn thanh thản và lãng mạn. Và đó cũng chính là tình cảm xã hội thiêng liêng nhất, là cội nguồn của tình yêu nước, của sức mạnh con người Việt Nam

#### **Câu 7: Viết đoạn văn quy nạp (15 câu) :**

Tám câu thơ (Đồng chí – Chính Hữu) đã nói thật giản dị những thiếu thốn của cuộc kháng chiến. Và tình đồng đội đầy mến thương đã tiếp thêm sức mạnh giúp họ vượt qua mọi thử thách.

#### **Gợi ý :**

- 5 câu đầu : những câu thơ dung dị nói về những gian khổ của người lính : người nông dân mặc áo lính giản dị, nghèo khó...áo rách, quần vá... hình ảnh thơ giản dị như đời sống.

- Nói đến những thiếu thốn của người chiến sĩ nhưng ở những câu thơ tiếp theo, ta thấy những thiếu thốn ấy đâu chỉ tồn tại riêng rẽ với hai cá thể anh và tôi mà đã hoà nhập yêu thương gắn bó. Nụ cười buốt giá, cái cười lạc quan, xua đi cái lạnh giá ... nụ cười của những con người như đang cố gắng vượt qua cái rét buốt ruột buốt gan ấy. Hình ảnh thơ vừa tô đậm những gian nan, thiếu thốn, vừa thể hiện nghị lực vượt qua mọi khó khăn của những anh lính vệ quốc (sốt rét - rụng tóc) => Những câu thơ được viết theo thể thơ tự do rất dung dị với những hình ảnh thơ chân thực càng giúp ta thêm hiểu về cuộc chiến tranh đã qua, những vất vả mà người lính đã nếm trải, vừa cảm phục quá khứ hào hùng....

- Đến câu cuối khổ, nhịp thơ thay đổi, dài ra trầm lắng, âm điệu câu thơ lan toả như bộc lộ tình cảm. Đây có thể là hình ảnh cảm động nhất của bài, từ « thương nhau » đứng ở đầu câu như bộc lộ tình yêu da diết, sâu nặng của những con người cùng lí tưởng chiến đấu, họ nắm lấy bàn tay nhau như truyền cho nhau hơi ấm...Chân không giày giữa vùng rừng núi gập ghềnh, hiểm trở . Áo rách, quần vá giữa cái lạnh cắt da cắt thịt, tình đồng chí đã giúp họ vượt qua tất cả : « thương nhau tay nắm lấy bàn tay » => Tình đồng đội và tình người ấy cũng là sức mạnh chiến thắng.

- 3 câu thơ cuối cùng kết lại trong một hình ảnh đẹp, lãng mạn đến bất ngờ, thú vị bằng hai âm bằng : « Đầu súng trăng treo ». Âm điệu câu thơ như ngân vang, câu thơ như mở ra, ánh trăng như soi sáng khắp núi rừng. Phải chăng chính tình đồng chí, đồng đội đã đem lại cho họ những khoảng lặng hiếm hoi trong đời lính gian nan.

## **BÀI THƠ VỀ TIÊU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH** **(PHẠM TIẾN DUẬT)**

### **A. Kiến thức cần nhớ.**

#### **1. Tác giả**

- Phạm Tiến Duật sinh năm 1941, quê ở tỉnh Phú Thọ. Sau khi tốt nghiệp đại học, năm 1964 vào bộ đội, hoạt động ở tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào thơ trẻ những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

- Thơ ông giàu chất liệu hiện thực, chiến trường, thể hiện sinh động, có giọng điệu ngang tàng, tinh nghịch, sôi nổi, tươi trẻ, đã làm sống lại hình ảnh thế hệ trẻ ở Trường Sơn và những khó khăn của thời đánh Mỹ gian khổ.

- Phạm Tiến Duật thể hiện hình ảnh thế hệ thanh niên trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ qua những hình tượng cô gái thanh niên xung phong và anh bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn.

- Tác phẩm chính: Vàng trắng -Quầng lửa(1970), Thơ một chặng đường ( 1971), Ở hai đầu núi (1981). Nhiều bài thơ đã đi vào trí nhớ của công chúng như các bài: *Trường Sơn Đông, Trường Sơn tây, Lửa đèn, Gửi em cô thanh niên xung phong....*

#### **2. Tác phẩm:**

##### **a. Hoàn cảnh.**

- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* rút từ tập thơ *Vàng trắng -Quầng lửa* của tác giả. Là tác phẩm đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ trong báo Văn nghệ (1969 - 1970).

- Bài thơ được ra đời trong thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác liệt. Mĩ trút hàng ngàn, hàng vạn tấn bom trên con đường chiến lược Trường Sơn. Trong khi đó những đoàn xe vận tải vẫn băng ra chiến trường vì Miền Nam phía trước.

##### **b. Nội dung.**

- Bài thơ đã sáng tạo một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính, qua đó khắc họa nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, thái độ bất chấp khó khăn coi thường gian khổ hiểm nguy, niềm lạc quan sôi nổi của tuổi trẻ và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, trái tim yêu nước nồng nhiệt của tuổi trẻ thời chống Mĩ.

##### **c. Nghệ thuật:**

- Thể thơ tự do, câu dài ngắn khác nhau, gieo vần ở tiếng cuối cùng của dòng thơ.
- Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm nhưng có sự gia tăng đáng kể của các yếu tố tự sự. Điều đó tạo nhiều cơ sở để biểu cảm đồng thời tăng sức phản ánh hiện thực cho thơ.
- Tác giả đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, cùng với ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ tự nhiên, khoẻ khoắn, có nét khá đặc biệt gần với văn xuôi, gần với lời nói bình thường hàng ngày. Nét nổi bật là giọng điệu vui, tinh nghịch, lạc quan. Nó làm nên chất trẻ trong thơ Phạm Tiến Duật nói riêng và thơ chống Mĩ nói chung.

#### **4. Phân tích những nội dung chính của bài thơ.**

##### **a. Ý nghĩa nhan đề bài thơ.**

Bài thơ có một nhan đề khá dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng chính nhan đề ấy lại thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật rõ hình ảnh của toàn bài: những chiếc xe không kính. Hình ảnh này là một sự phát hiện thú vị của tác giả, thể hiện sự gắn bó và am hiểu của nhà thơ về hiện thực đời sống chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn. Nhưng vì sao tác giả còn thêm vào nhan đề hai chữ “Bài thơ”? Hai chữ “bài thơ” nói lên cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả: không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính hay là cái hiện thực khốc liệt của chiến tranh, mà chủ yếu là Phạm Tiến Duật muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam dũng cảm, hiên ngang, vượt lên những thiếu thốn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến tranh.

##### **b. Hình ảnh những chiếc xe không kính.**

Trong bài thơ nổi bật lên một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính vẫn băng ra chiến trường.

-Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền nếu đưa vào thơ thì thường được “mĩ lệ hoá”, “lãng mạn hoá” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Người đọc đã bắt gặp chiếc xe tam mã trong thơ Pus-kin, con tàu trong “tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên, đoàn thuyền đánh cá trong bài thơ cùng tên của Huy Cận.

- Ở bài thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực. Lẽ thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá nhất là trong địa hình hiểm trở Trường Sơn thì xe phải có kính mới đúng. Ấy thế mà chuyện “xe không kính” lại là một thực tế, những chiếc xe “không kính” rồi “không đèn”, “không mui” ấy vẫn chạy băng ra tiền tuyến.

+ Hai câu thơ mở đầu có thể coi là lời giải thích cho “sự có” có phần không bình thường ấy:

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi”*

Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Câu thơ rất gần với văn xuôi lại có giọng thần nhiên, ngang tàng trong đó ngày càng gây ra sự chú ý về vẻ đẹp khác lạ của nó. Hình ảnh “bom giạt, bom rung” vừa giúp ta hình dung được một vùng đất từng được mệnh danh là “túi bom” của địch

vừa giúp ta thấy được sự khốc liệt của chiến tranh và đó chính là nguyên nhân để những chiếc xe vận tải không có kính.

- Những chiếc xe như vậy vốn không hiếm trong chiến tranh, nhưng phải có một hồn thơ nhạy cảm với nét ngang tàng, tinh nghịch thích cái lạ như Phạm Tiến Duật mới nhận ra được và đưa nó vào thơ thành hình tượng thơ độc đáo của thời chiến tranh chống Mỹ. Hơn nữa, viết về những người lái xe thì không gì gắn họ với hình ảnh chiếc xe, qua xe mà làm nổi bật hình ảnh người lái xe.

**b. Hình ảnh những chiếc xe không kính đó làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn.** Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là một cơ hội để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ, đặc biệt là lòng dũng cảm, tinh thần bất chấp khó khăn, gian khổ.

**\* Trước hết là tư thế hiên ngang, sự ung dung, bình tĩnh giữa chiến trường hiểm nguy.**

- Những câu thơ tả thực, chính xác đến từng chi tiết. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, xe lại chạy nhanh nên người lái phải đối mặt với bao khó khăn nguy hiểm: nào là “gió vào xoa mắt đắng”, nào là “con đường chạy thẳng vào tim”, rồi “sao trời”, rồi “cánh chim” đột ngột, bất ngờ như sa, như ùa- rơi rụng, va đập, quăng ném.... vào buồng lái, vào mặt mũi, thân mình. Dường như chính nhà thơ cũng đang cầm lái, hay ngồi trong buồng lái của những chiếc xe không kính nên câu chữ mới sinh động và cụ thể, đầy ấn tượng, gợi cảm giác chân thực đến thế.

- Cảm giác, ấn tượng căng thẳng, đầy thử thách. Song người chiến sĩ không run sợ, hoảng hốt, trái lại tư thế các anh vẫn hiên ngang, tinh thần các anh vẫn vững vàng.... “ung dung.... nhìn thẳng. Hai câu thơ “ung dung.... thẳng” đã nhấn mạnh tư thế ngồi lái tuyệt đẹp của người chiến sĩ trên những chiếc xe không kính. Đảo ngữ “ung dung” với điệp từ “nhìn” cho ta thấy cái tư thế ung dung, thông thả, khoan thai, bình tĩnh, tự tin của người làm chủ, chiến thắng hoàn cảnh. Bầu không khí căng thẳng với “Bom giạt, bom rung”, vậy mà họ vẫn nhìn thẳng, cái nhìn hướng về phía trước của một con người luôn coi thường hiểm nguy. Nhịp thơ 2/2/2 với những dấu phẩy ngắt khiến âm điệu câu thơ trở nên chậm rãi, như diễn tả thái độ thản nhiên đàng hoàng. Với tư thế ấy, họ đã biến những nguy hiểm trở ngại trên đường thành niềm vui thích. Chỉ có những người lính lái xe với kinh nghiệm chiến trường dày dạn, từng trải mới có được thái độ, tư thế như vậy.

=> Vậy đây, hai khổ thơ mở đầu tả thực những khó khăn gian khổ mà những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn đã trải qua. Trong khó khăn, các anh vẫn ung dung, hiên ngang bình tĩnh nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm gan góc chuyển hàng ra tiền tuyến. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, đoàn xe vẫn lăn bánh bình thường. Lời thơ nhẹ nhõm, trôi chảy như những chiếc xe vun vút chạy trên đường.

**\* Thái độ bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ, tinh thần lạc quan hồn nhiên, yêu đời của người lính trẻ.**

- Nếu như hai khổ trên là những cảm giác về những khó khăn thử thách dù sao cũng vẫn mơ hồ thì đến đây, thử thách, khó khăn ập tới cụ thể, trực tiếp. Đó là “bụi phun tóc trắng” và “mưa tuôn xối xả” (gió, bụi, mưa tượng trưng cho gian khổ thử thách ở đời). Trên con đường chi viện cho miền Nam ruột thịt, những người lính đã nếm trải đủ mùi gian khổ.



+ Trước thử thách mới, người chiến sĩ vẫn không nao núng. Các anh càng bình tĩnh, dũng cảm hơn. “mưa tuôn, mưa xối xả”, thời tiết khắc nghiệt, dữ dội nhưng đối với họ tất cả chỉ “chuyện nhỏ”, chẳng đáng bận tâm, chúng lại như đem lại niềm vui cho người lính. Chấp nhận thực tế, câu thơ vẫn vút lên tràn đầy niềm lạc quan sôi nổi: “*không có kính ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo*”. Những tiếng “ừ thì” vang lên như một thách thức, một chấp nhận khó khăn đầy chủ động, một thái độ cứng cỏi. Dường như gian khổ hiểm nguy của chiến tranh chưa làm mấy may ảnh hưởng đến tinh thần của họ, trái lại họ xem đây là một dịp để thử sức mình như người xưa xem hoạn nạn khó khăn để chứng tỏ chí làm trai.

+ Sau thái độ ấy là những tiếng cười đùa, những lời hứa hẹn, quyết tâm vượt gian khổ hiểm nguy: “*Chưa cần rửa... khô mau thôi*”. Cấu trúc câu thơ vẫn cân đối, nhịp nhàng theo nhịp rung cân đối của những bánh xe lăn. Câu thơ cuối 7 tiếng cuối đoạn có đến 6 thanh bằng “*mưa ngừng gió lùa khô mau thôi*” gợi cảm giác nhẹ nhõm, ung dung rất lạc quan, rất thanh thản. Đó là khúc nhạc vui của tuổi 18 - 20 hoà trong những hình ảnh hóm hỉnh: “*phì phèo chằm điếu thuốc - nhìn nhau mặt lúm cười ha ha*” ... ý thơ rộng rãi, sôi động như sự sôi động hồi hả của đoàn xe trên đường đi tới. Những vần thơ ít chất thơ nhưng càng đọc thì lại càng thấy thích thú, giọng thơ có chút gì nghịch ngợm, lính tráng. Ta nghe như họ đang cười đùa, tếu táo với nhau vậy. Có lẽ với những năm tháng sống trên tuyến đường Trường Sơn, là một người lính thực thụ đã giúp Phạm tiến Duật đưa hiện thực đời sống vào thơ ca - một hiện thực bộn bề, một hiện thực thô tháp, trần trụi, không hề trau chuốt, giọt rữa. Đây phải chăng chính là nét độc đáo trong thơ Phạm Tiến Duật. Và những câu thơ gần gũi với lời nói hàng ngày ấy càng làm nổi bật lên tính cách ngang tàng của những anh lính trẻ hồn nhiên, yêu đời, trẻ trung. Đó cũng là một nét rất ấn tượng của người lính lái xe Trường Sơn. Cái cười sáng khoái vô tư, khác với cái cười buốt giá trong bài thơ “Đồng chí”, nụ cười hồn nhiên ấy rất hiếm khi gặp trong thơ ca chống Pháp, nụ cười ngạo nghễ của những con người luôn luôn chiến thắng và tràn đầy niềm tin.

#### **\* *Tình đồng chí, đồng đội thấm thiết.***

- Sau mỗi trận mưa bom bão đạn cùng với những chiếc xe bị tàn phá nặng nề hơn, họ lại gặp nhau trong những phút dừng chân ngắn ngủi tạo thành một “tiểu đội xe không kính” - tiểu đội những chàng trai lái xe quả cảm, hiên ngang mà hồn nhiên tinh nghịch. Hình tượng người chiến sĩ lái xe thêm một nét đẹp nữa về tâm hồn và tình cảm. Đây là tình cảm gắn bó, chia sẻ ngọt bùi của những chàng trai vui vẻ, sôi nổi, yêu đời. Cái bắt tay độc đáo là biểu hiện đẹp đẽ ấm lòng của tình đồng chí, đồng đội đầy mộc mạc nhưng thấm thía : “*bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*”, cái bắt tay thay cho lời nói. Chỉ có những người lính, những chiếc xe thời chống Mĩ mới có thể có những cái bắt tay ấy, một chi tiết nhỏ nhưng mang dấu ấn của cả một thời đại hào hùng.

- Lúc cắm trại, các anh trò chuyện, ăn uống, nghỉ ngơi thoải mái, xuềnh xoàng, nhường nhịn nhau như anh em ruột thịt.: chung bát, chung đĩa, mắc võng chông chênh... chỉ trong một thoáng chốc. Tình cảm gia đình người lính thật bình dị, ấm áp thân thương tạo nên sức mạnh, nâng bước chân người lính để rồi các anh lại tiếp tục hành quân: “*Lại đi lại đi trời xanh thêm*”, đi đến thắng lợi cuối cùng. Trong tâm hồn họ, trời như xanh thêm chứa chan hi vọng lạc quan dào dạt. Câu thơ bay bay, phơi phới, thật lãng mạn, thật mộng mơ.

Nhịp điệu câu thơ vừa sôi nổi, vừa nhịp nhàng cùng với điệp từ “lại đi” được lặp lại hai lần gợi tả nhịp sống chiến đấu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh đạn bom nào có thể ngăn cản nổi. Sự sống không chỉ tồn tại mà còn tồn tại trong một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang – tư thế của người chiến thắng.

**d. *Khổ cuối dựng lên hai hình ảnh đối lập đầy kịch tính, rất bất ngờ và thú vị khái quát nội dung cả bài thơ.***

- Hai câu đầu là hình ảnh những chiếc xe không còn nguyên vẹn về phương tiện kĩ thuật, dòn dập những mất mát, khó khăn do quân địch gieo xuống, do đường trường gây ra: những chiếc xe bị hư hỏng nhiều hơn “không kính, không mui, không đèn, thùng xe có xước...” và biết bao chiến sĩ đã dũng cảm hi sinh. Ấy vậy mà những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích đó lại như những chiến sĩ kiên cường vượt lên trên bom đạn, hăm hở lao ra tiền tuyến với một tình cảm thiêng liêng:

*“Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước.*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

- Vậy là đoàn xe đã chiến thắng, vượt lên bom đạn, hăm hở tiến ra phía trước, hướng ra tiền tuyến lớn với một tình cảm thiêng liêng “vì Miền Nam”, vì cuộc chiến đấu giành độc lập thống nhất đất nước đang vẫy gọi. Bởi vì trong những chiếc xe đó lại nguyên vẹn một trái tim dũng cảm. Hình ảnh trái tim là một hình ảnh hoán dụ tuyệt đẹp gợi ra biết bao ý nghĩa. Trái tim là hình ảnh hội tụ về đẹp tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ sống cao đẹp và thiêng liêng: tất cả vì Miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh hiên ngang, lòng dũng cảm tuyệt vời. Trái tim mang tinh thần lạc quan và một niềm tin mãnh liệt vào ngày thống nhất Bắc Nam. Thì ra cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ, phẩm chất anh hùng của người cầm lái tích tụ, đọng kết lại ở cái “trái tim” gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa tình yêu thương này. Nhà văn đã tô đậm những cái “không” để làm nổi bật cái “có” để làm nổi bật chân lí của thời đại: bom đạn, chiến tranh có thể làm méo mó những chiếc xe, huỷ hoại những giá trị vật chất nhưng không thể bẻ gãy được những giá trị tinh thần cao đẹp...đề rồi một nước nhỏ như Việt Nam đã chiến thắng một cường quốc lớn.

=> Điệp ngữ “không có”, các từ ngữ tương ứng “vẫn ... chỉ cần có” đã làm cho giọng thơ, ý thơ trở nên mạnh mẽ, hào hùng. Vẫn là cách nói thản nhiên ngang tàng của lính nhưng câu thơ lại lắng sâu một tinh thần trách nhiệm và có ý nghĩa như một lời thề thiêng liêng. Quyết tâm chiến đấu và chí khí anh hùng của người lính không có đạn bom nào của kẻ thù có thể làm lay chuyển được.

## **B. Câu hỏi luyện tập.**

**Câu 1:** “Không có kính rồi xe không có đèn”

Chép tiếp câu thơ trên để hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 4 dòng.

Cho biết, đoạn thơ vừa chép trong bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ

Từ “trái tim” trong câu thơ cuối cùng của đoạn vừa chép được dùng với nghĩa như thế nào?

Viết một đoạn văn diễn dịch từ 6 đến 8 câu phân tích hình ảnh người lính lái xe trong đoạn thơ.

## Gợi ý:

Chép tiếp:

*Không có kính rồi xe không có đèn.  
Không có mui xe thùng xe có xước.  
Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước  
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

b. (tham khảo phần kiến thức cần nhớ)

c. Từ “Trái tim” trong câu thơ cuối cùng có thể hiểu theo nghĩa chuyên:

- Chỉ người lính lái xe
- Chỉ sự nhiệt tình cứu nước, lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

d. Đoạn văn phải đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức (tham khảo câu 3,4)

- Cuộc chiến đấu ngày càng gian khổ, ác liệt (qua hình ảnh những chiếc xe ngày càng méo mó, biến dạng)
- Bất chấp gian khổ, hi sinh, những chiếc xe vẫn thẳng đường ra tiền tuyến.
- Những người lính lái xe quả cảm vững tay lái vì họ có một trái tim tràn đầy nhiệt tình cách mạng, tình yêu tổ quốc nồng nàn, ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam sắt đá.

### **Tham khảo đoạn văn phân tích:**

Hai câu cuối của “bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã khắc đậm hình ảnh đẹp đẽ của người chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn :

*Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước  
Chỉ cần trong xe có một trái tim*

Những chiếc xe ấy đã bị bom đạn chiến tranh phá hủy nặng nề, mất đi cả những hệ số an toàn, tưởng như không thể lăn bánh. Vậy mà những người chiến sĩ lái xe đâu có chịu dừng. Những chiếc xe vận tải của họ chở lương thực, thuốc men, đạn dược vẫn chạy trong bom rơi đạn lửa bởi phía trước là miền Nam đang vẫy gọi. Công cuộc giành độc lập tự do của nửa nước vẫn phải tiếp tục. Dù hình ảnh tương phản đối lập, câu thơ không chỉ nêu bật được sự ngoan cường, dũng cảm, vượt lên trên gian khổ, ác liệt mà còn nêu bật được ý chí chiến đấu giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Hơn thế hình ảnh hoán dụ “một trái tim” là hình ảnh đẹp nhất của bài thơ chỉ người lính lái xe, chỉ sự nhiệt tình cứu nước, lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất Tổ quốc. Hình ảnh này kết hợp cùng kết cấu câu “vẫn - chỉ cần” đã lý giải về sức mạnh vượt khó, khẳng định hơn tinh thần hiên ngang bất khuất, sự lạc quan tự tin trong cuộc chiến của người lính lái xe. Chính điều đó đã tạo nên cho họ sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng để chúng ta mãi mãi yêu quý và cảm phục.

**Câu 2 : Triển khai câu chủ đề sau : Cả bài thơ là dòng cảm xúc của người lính lái xe trên con đường xe ra tiền tuyến.** Thật vậy, dòng cảm xúc ấy tuôn chảy dào dạt trong suốt bài thơ. Đi vào cuộc chiến đấu với tất cả tính chất chủ động, tự tin của những người có lý tưởng cao đẹp, có sức mạnh và tiềm lực nên tâm hồn người lính cũng có những nét thanh thản, vui tươi. Điều khiển những chiếc xe không kính với một tốc độ phi thường như lướt nhanh trong bom đạn họ có cảm giác thích thú, như cảm nhận cả con đường như “chạy thẳng vào tim”. Qua khung cửa qua những chiếc xe không kính, các anh cảm nhận được

vẻ đẹp của những “cánh chim chiều” và “cả những ánh sao đêm” lấp lánh trên bầu trời.. như “sa như ủa” vào buồng lái. Gió cũng được nhân hoá và chuyển đổi cảm giác thật ấn tượng: “gió vào xoa mắt đắng”, mắt đắng, mắt cay là những con mắt đói ngủ vì phải thức thâu đêm. Trong gian khổ ấy, họ vẫn cất lên những nụ cười lạc quan, yêu đời từ những khuôn mặt lấm lem khi đồng đội gặp nhau. Những câu thơ lạc quan yêu đời như thách thức với mọi khó khăn : “không có kính, ừ thì có bụi. Bụi phun tóc trắng như người già. Chưa cần rửa phì phèo châm điều thuốc. Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”. Cái bắt tay của người lính cũng thật hồn nhiên, mộc mạc mà thấm thía tình đồng chí đồng đội: “bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”. “Từ trong bom rơi” mà vẫn có cái bắt tay như thế thì thật mừng vui, tự tin và tự hào biết mấy. Đời người lính là đi, nhất là lính lái xe, nhưng trong những phút dừng chân ngắn ngủi, ta càng thấy rõ sự gắn bó tự nhiên mà cao đẹp của tình đồng đội. Chỉ là “bếp Hoàng Cầm” và “võng mắc chông chênh” Rồi cả những bữa cơm hội ngộ thân mật, tình đồng chí cũng như tình anh em ruột thịt: “chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây”. Đến cả giấc ngủ ngắn cũng rất đặc biệt thú vị : “võng mắc chông chênh đường xe chạy. Lại đi, lại đi trời xanh thêm”. Trong tâm hồn họ, trời như xanh hơn chứa chan hy vọng. Không dễ gì có được thái độ lạc quan đến như thế nếu không mang trong mình một trái tim yêu nước của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ. Phải nói rằng hình ảnh người chiến sĩ lái xe trong thơ Phạm Tiến Duật thật tươi tắn và yêu đời. Chúng ta mãi mãi yêu quý và tự hào về họ.

### ***Câu 3: Triển khai câu chủ đề:***

***Bài thơ gây được ấn tượng mạnh về các anh, những chiến sĩ lái xe rất dũng cảm, rất đáng yêu bởi những nét nghịch ngợm, ngang tàng.*** Thật vậy, người lính trong thơ Phạm Tiến Duật đi vào cuộc chiến đấu với tất cả tính chất chủ động, tự tin của những người có lý tưởng cao đẹp, có sức mạnh và tiềm lực nên họ rất dũng cảm và mang những nét thanh thản, vui tươi. Lái xe trên con đường Trường Sơn khói lửa, con đường ấy trong bom đạn, mưa tuôn phải trả giá bằng bao mồ hôi, xương máu nhưng các vẫn tràn đầy nghị lực bất chấp gian khổ, hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ. Xe “không kính, không mui, không đèn” mà tâm thế vẫn ung dung thanh thản, khó khăn nhiều mà mắt vẫn “nhìn trời, đất, gió chim”, vẫn hiên ngang: “nhìn đất nhìn trời, nhìn thẳng”. Những câu thơ dí dỏm, tinh nghịch, ngang tàng đầy sức trẻ của những chàng trai như thách thức với mọi khó khăn:

- *Không có kính, ừ thì có bụi*  
*Bụi phun tóc trắng như người già*  
*Chưa cần rửa phì phèo châm điều thuốc*  
*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*  
- *Không có kính, ừ thì ướt áo*  
*Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời*  
*Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa*  
*Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi*

Chuyện vặt ấy mà, có hề gì ! Nhịp điệu câu thơ, đặc biệt là các từ “ừ thì” đã nói lên rất rõ điều đó. Đọc những câu thơ trên, ta tưởng như nhìn thấy mái đầu bụi trắng, bộ mặt lấm lem và nghe rõ tiếng cười ha ha, sảng khoái của người lính. Nhưng đằng sau những dòng chữ bông đùa đáng yêu này là một bản lĩnh chiến đấu rất vững vàng của họ, bởi không

vững vàng thì không thể đùa vui như vậy giữa cái tuyến đường Trường Sơn ác liệt này. Và điều đó đã ngân lên câu hát nâng bước chân người lính đi tiếp những chặng đường mới: “lại đi, lại đi trời xanh thêm”. Không dễ gì có được một thái độ dũng cảm đến ngang tàng và lạc quan đến như thế nếu không mang trong mình một trái tim yêu nước can trường!

**Câu 4: Cảm nhận của em về hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.**

Người lái xe trong bài thơ là những người chiến sĩ trẻ trung. Các anh rất trẻ trung, hồn nhiên, tâm hồn gần gũi với thiên nhiên. Khó khăn gian khổ các anh coi thường: ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo. Thái độ “chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc, chưa cần thay, lái trăm cây số nữa là sự thách thức, coi thường khó khăn gian khổ. Những chiếc xe từ trong bom rơi, bị bom giạt, bom rung, nhưng người chiến sĩ vẫn ung dung. Các anh nhìn thẳng phía trước, vui vẻ bắt tay nhau. Xe hư hỏng không có kính, không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước, nhưng xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước. Tất cả vì tiền tuyến, vì mặt trận, đó là khẩu hiệu của họ. Và những chiếc xe mang đầy thương tích vẫn lăn bánh ra mặt trận. Có thể nói những người lái xe, người làm chủ phương tiện là yếu tố quyết định làm nên thắng lợi trên mặt trận vận tải và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

---

## **ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ -HUY CẬN**

### **A. Kiến thức cần nhớ.**

#### **1. Tác giả:**

- Huy Cận bút danh là Cù Huy Cận, sinh năm 1919, quê ở Hà Tĩnh. Ông mất năm 2005 tại Hà Nội.
- Huy Cận là một cây bút nổi tiếng của phong trào thơ mới với tập thơ “Lửa thiêng”.
- Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945. Sau cách mạng tháng Tám, ông giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam từ sau năm 1945.
- Thơ Huy Cận sau cách mạng tràn đầy niềm vui, niềm tin yêu cuộc sống mới. Thiên nhiên, vũ trụ là nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ Huy Cận và nó mang những nét đẹp riêng.

#### **2. Tác phẩm.**

##### **a. Hoàn cảnh sáng tác:**

- Bài thơ được viết vào năm 1958, khi đất nước đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và đi vào xây dựng cuộc sống mới. Không khí hào hứng, phấn chấn, tin tưởng bao trùm trong đời sống xã hội và ở khắp nơi dấy lên phong trào phát triển sản xuất xây dựng đất nước. Chuyến thâm nhập thực tế ở vùng mở Quảng Ninh vào nửa cuối năm 1958 đã giúp nhà thơ Huy Cận thấy rõ và sống



trong không khí lao động ấy của nhân dân ta, góp phần quan trọng mở ra một chặng đường mới trong thơ Huy Cận.

**b. Bố cục:** 3 đoạn

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu: Cảnh đoàn thuyền ra khơi lúc hoàng hôn và tâm trạng náo nức của người đi biển.

+ Đoạn 2 : 4 khổ tiếp: Cảnh lao động của đoàn thuyền đánh bắt cá giữa không gian biển trời ban đêm.

+ Đoạn 3: khổ thơ cuối: Cảnh đoàn thuyền trở về trong cảnh bình minh lên.

- Trong bài thơ có hai nguồn cảm hứng bao trùm và hài hoà với nhau: **cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kì miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ, vốn là một nét nổi bật của hồn thơ Huy Cận.** Sự thống nhất của hai nguồn cảm hứng ấy đã tạo ra những hình ảnh rộng lớn, tráng lệ, lung linh như những bức tranh sơn mài của bài thơ này.

**c. Nội dung:**

- Bài thơ thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.

**d. Nghệ thuật.**

- Nhiều hình ảnh thơ đẹp, tráng lệ.

- Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo.

- Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan.

**3. Phân tích bài thơ.**

**a. Hai khổ đầu.**

\* *Cảnh hoàng hôn trên biển được miêu tả bằng một hình tượng độc đáo:*

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa”

- Với sự liên tưởng so sánh thú vị, Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật kì vĩ, tráng lệ như thần thoại. Vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ với những lượn sóng hiền hoà gối đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa. Phác hoạ được một bức tranh phong cảnh kì diệu như thế hẳn nhà thơ phải có cặp mắt thần và trái tim nhạy cảm.

\**Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc*

- Màn đêm mở ra đã khép lại không gian của một ngày. Giữa lúc vũ trụ, đất trời như chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi thì ngược lại, con người bắt đầu hoạt động: “*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi. Câu hát căng buồm trong gió khơi.* -> Sự đối lập này làm nổi bật tư thế lao động của con người trước biển cả.

+ Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết định dứt khoát. Đoàn ngư dân ào xuống đầy thuyền ra khơi và cất cao tiếng hát khởi hành. Từ “lại” vừa biểu thị sự lặp lại tuần tự, thường nhật, liên tục mỗi ngày của công việc lao động vừa biểu thị ý so sánh ngược chiều với câu trên: đất trời vào đêm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động không ít vất vả.

+ Hình ảnh “câu hát căng buồm” - cánh buồm căng gió ra khơi- là ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh buồm. Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

\*. Bốn câu thơ tiếp theo nói về những câu hát để làm nổi bật một nét tâm hồn của người dân chài:

*Hát rằng cá bạc biển Đông lặng  
Cá thu biển đông như đoàn thoi  
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng  
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi.*

- Họ hát khúc hát ca ngợi sự giàu có của biển cả. Họ hát bài ca gọi cá vào lưới, mong muốn công việc đánh cá thu được kết quả tốt đẹp.

b. Nếu hai khổ thơ đầu miêu tả đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khung cảnh rất đẹp và con người rất yêu lao động, yêu thiên nhiên thì bốn khổ thơ sau ***lại tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển bao la, hùng vĩ***. Mỗi khổ thơ là một nét vẽ về biển trời, sóng nước, trăng sao có nhiều yếu tố lãng mạn, tràn đầy tưởng tượng dựa trên những yếu tố hiện thực của đời sống trong đó con người hiện lên trong dáng vẻ trẻ trung, khỏe mạnh và yêu đời.

\*. Biển rộng lớn mênh mông và khoáng đạt trong đêm trăng sáng. Trên mặt biển đó, có một con thuyền đang băng băng lướt đi trên sóng:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng  
Ra đậu dặm xa dò bụng biển  
Dàn đan thế trận lưới vây giăng*

- Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây đã trở thành một con thuyền đặc biệt có gió là người cầm lái, còn trăng là cánh buồm. Con thuyền băng băng lướt sóng ra khơi để “dò bụng biển”. Công việc đánh cá được dàn đan như một thế trận hào hùng. Tư thế và khí thế của những ngư dân thật mạnh mẽ, đầy quyết tâm giữa không gian bao la của biển trời. Như vậy, tầm vóc của con người và đoàn thuyền đã được nâng lên hòa nhập vào kích thước của thiên nhiên vũ trụ. Không còn cái cảm giác nhỏ bé lẻ loi khi con người đối diện với trời rộng sông dài như trong thơ Huy Cận trước cách mạng. Hình ảnh thơ thật lãng mạn bay bổng và con người có tâm hồn cũng thật vui vẻ, phơi phới. Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên

\*. Biển giàu đẹp nên thơ và có thật nhiều tài nguyên:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé  
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng  
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc  
Đêm thờ sao lùa nước Hạ Long*

- Huy Cận đã ngợi ca sự giàu có của biển cả bằng cách liệt kê tên các loài cá và tập trung miêu tả màu sắc của chúng trong đêm trăng. Những con cá song giống như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh quả là hình ảnh ẩn dụ độc đáo. Tuy nhiên “cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc” lại là hình ảnh đẹp nhất. Ánh trăng in

xuống mặt nước, những con cá quẫy đuôi như quẫy ánh trăng tan ra vàng chóa. Phải thật tinh tế mới có được những phát hiện tuyệt vời ấy. Cảnh biển về đêm mới đẹp đẽ và thi vị làm sao!

- “Đêm thở sao lùa nước Hạ Long” là hình ảnh nhân hóa đẹp. Đêm được miêu tả như một sinh vật đại dương: nó thở. Tiếng thở của đêm chính là tiếng rì rào của sóng. Nhưng tưởng tượng của nhà thơ lại được cất nghĩa bằng một hình ảnh bất ngờ: sao lùa nước Hạ Long làm nên tiếng thở của đêm. Đây là một hình ảnh đảo ngược, sóng biển đu đưa lùa bóng sao trời nơi đáy nước chứ không phải bóng sao lùa sóng nước. Đây là một hình ảnh lạ - một sáng tạo nghệ thuật của Huy Cận khiến cho cảnh thiên nhiên thêm sinh động.

\*.Biển không những giàu đẹp mà còn rất ân nghĩa thủy chung, bao la như lòng mẹ. Biển cho con người cá, nuôi lớn con người. Những người dân chài đã hát bài ca gọi cá vào vớt họ:

*Ta hát bài ca gọi cá vào  
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*

Không phải con người gõ thuyền để xua cá vào lưới mà là “trăng cao gõ”. Trong đêm trăng sáng, vàng trăng in xuống mặt nước, sóng xô bóng trăng dưới nước gõ vào mạn thuyền thành hình ảnh “nhịp trăng cao gõ”. Có thể nói đây là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc lao động đánh cá trên biển. Thiên nhiên đã cùng với con người hòa đồng trong lao động.

- Câu thơ “biển cho ta cá như lòng mẹ. Nuôi lớn đời ta tự buổi nào” là một lời hát ân tình sâu sắc trong bài ca lao động say sưa thơ mộng, hùng vĩ và đầy lòng biết ơn.

\*.Một đêm trôi đi thật nhanh trong nhịp điệu lao động hào hứng hăng say:

*Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng  
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng  
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông  
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*

Những đôi bàn tay kéo lưới nhanh thoăn thoắt gọi lên vẻ đẹp rắn rỏi, khỏe mạnh với những bắp tay cuộn cuộn của người dân chài khi kéo mẻ lưới đầy cá nặng. Từ phía chân trời bắt đầu bừng sáng. Khi mẻ lưới được kéo lên, những con cá quẫy dưới ánh sáng của rạng đông và lóe lên màu hồng gọi khung cảnh thật rạng rỡ huy hoàng, tươi đẹp. Câu thơ “lưới xếp buồm lên đón nắng hồng” tạo một sự nhịp nhàng giữa sự lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ. Con người muốn chia sẻ niềm vui với ánh bình minh.

**C, hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên đường trở về:**

*Câu hát căng buồm với gió khơi  
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời  
Mặt trời đội biển nhô màu mới  
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

- Đoàn thuyền đánh cá đã ra đi vào lúc hoàng hôn trong tiếng hát và trở về vào lúc bình minh cũng trong tiếng hát. Những câu thơ được lặp lại như một điệp khúc của một bài ca lao động. Nếu như tiếng hát lúc trước thể hiện niềm vui khi lao động thì tiếng hát sau lại thể hiện sự phấn khởi vì kết quả lao động sau một đêm làm việc hăng say. Họ trở

về trong tư thế mới “chạy đua cùng mặt trời”. Từ “chạy đua” thể hiện khí thế lao động mạnh mẽ, sức lực vẫn dồi dào của người lao động. Đoàn thuyền được nhân hóa, cả mặt trời cũng tham gia vào cuộc chạy đua này và kết quả con người đã chiến thắng.

- Hai câu kết khép lại bài thơ nhưng lại mở ra một cảnh tượng thật kì vĩ và chói lọi. Phải nói rằng Huy Cận đã rất tinh tế khi miêu tả sự vận hành của vũ trụ. Mặt trời từ từ nhô lên trên sóng nước xanh lam, chiếu tỏa ánh sáng rực rỡ, cảnh biển bừng sáng và còn đẹp hơn với kết quả lao động. Con thuyền chở về khoang nào cũng đầy ắp cá. Mắt cá phản chiếu ánh mặt trời giống như muôn vàn mặt trời nhỏ li ti. Đó thật sự là một cảnh tượng đẹp, huy hoàng giữa bầu trời và mặt biển, giữa thiên nhiên và thành quả lao động.

### **Kết luận**

“Đoàn thuyền đánh cá” là một bài thơ ca ngợi cuộc sống mới, con người mới. Bài thơ tràn ngập niềm vui phơi phới, niềm say sưa hào hứng và những ước mơ bay bổng của con người muốn chinh phục thiên nhiên bằng công việc lao động của mình. Đây cũng là bài ca ca ngợi vẻ đẹp lung linh, hùng vĩ và nên thơ của thiên nhiên đất nước qua cái nhìn và tâm trạng hứng khởi của nhà thơ. Bài thơ vừa cổ kính vừa mới mẻ trong hình ảnh, ngôn ngữ. Âm điệu tạo nên âm hưởng vừa khỏe khoắn sôi nổi lại phơi phới bay bổng. Điều đó đã tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ để cho đến bây giờ đọc lại ta vẫn thấy hay trong khi một số bài thơ khác cùng viết về đề tài này đã rơi vào quên lãng.

### **B. Câu hỏi luyện tập.**

**Câu 1:** Viết một đoạn văn phân tích khổ đầu hoặc khổ thơ cuối bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận. (Tham khảo bài tập làm văn trên)

**Câu 2:** Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp, tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động. Em hãy chọn và phân tích một số hình ảnh đặc sắc trong các khổ thơ 1,3,4, 7. Bút pháp xây dựng hình ảnh của tác giả trong bài thơ có đặc điểm gì nổi bật?

**Gợi ý:** Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp, tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động được vẽ bằng bút pháp vừa tả thực, vừa ẩn dụ, tượng trưng với cảm hứng lãng mạn.

- Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi khi mặt trời lặn (khổ 1- cảnh biển về đêm)

+ Cảnh vừa rộng lớn lại vừa gần gũi với con người do một liên tưởng so sánh thú vị của nhà thơ:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

Chi tiết “mặt trời xuống biển” có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc, vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở bờ biển nước ta, trừ vùng tây nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Thực ra, hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển hoặc từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như mặt trời xuống biển. Từ những quan sát thực, sức tưởng tượng và liên tưởng của nhà thơ đã bồi đắp và tạo nên một hệ thống hình ảnh vừa gần gũi vừa mới mẻ: vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ với những lượn sóng là then cửa... như mọi ngôi nhà thân thuộc của mỗi người.

+ Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khoẻ, lạ mà thật từ sự gắn kết ba sự vật và hiện tượng: cánh buồm, gió khơi và câu hát của người đánh cá “câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn của người lao động như đã có một sức mạnh vật chất để cùng với ngọn gió làm căng buồm cho con thuyền lướt nhanh ra khơi, bắt đầu công việc đánh cá không ít khó khăn vất vả. Đó là khí thế hăm hở và đầy hào hứng của những con người yêu nghề, yêu biển.

- Trong phần thứ hai của bài thơ nổi bật là những bức tranh đẹp, rộng lớn, lồng lẫ, kế tiếp nhau về thiên nhiên vùng biển và tư thế của con người lao động trước thiên nhiên, vũ trụ.

+ Cảm hứng lãng mạn khiến nhà thơ phát hiện những vẻ đẹp của cảnh đánh cá giữa biển đêm, trong niềm vui phơi phới, khoẻ khoắn của người lao động làm chủ công việc của mình.

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng  
Ra đậu dặm xa dò bụng biển  
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.”*

+ H/a con thuyền được miêu tả rất lãng mạn. Có thực đây nhưng lại lẫn vào trong ảo. Với sự tưởng tượng bay bổng, thuyền có người cầm lái là gió trời, cánh buồm là trăng trời. Thuyền và người hoà nhập vào thiên nhiên, lâng lâng trong cái thơ mộng của gió, trăng, trời, biển. Hình ảnh con người hiện lên là hình ảnh con người lớn ngang tầm vũ trụ và chan hoà với khung cảnh trời nước bao la tuyệt đẹp. Công việc đánh cá do đó bỗng nhiên trở nên rất thơ mộng.

+ Nhưng đây không phải là cuộc du ngoạn bằng thuyền. Đây là một cuộc chiến đấu thực sự để giành lấy từ bàn tay thiên nhiên những của cải, tài nguyên bằng tất cả sức lực, trí tuệ của con người: “Dàn đan thế trận lưới vây giăng”

*- Ta hát bài ca gọi cá vào  
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao  
- Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng  
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.*

- Cứ như thế, bút pháp lãng mạn và trí tưởng tượng của nhà thơ như dẫn ta đi lạc lối vào một cõi huyền ảo của biển trời. Đó là hình ảnh đẹp lồng lẫ của các loài cá trên biển.

*Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng  
- Cá song lấp lánh đuốc đen hồng  
Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé  
Đêm thở sao lùa nước Hạ Long  
- Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông  
- Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

+ Những đoàn cá thu dày đặc lướt đi trong biển. Những đàn cá lướt trong sóng nước tạo nên những luồng sáng trắng loang loáng như dệt biển. Cá vào lưới dày đặc mà tưởng như cá dệt lưới vậy.



+ Cá song đêm xuống thường nổi lên mặt biển hàng đàn cho đến lúc rạng đông. Cá song thường có màu sắc rất sặc sỡ. Trên nền da sẫm có nhiều đốm vằn đỏ hồng như lửa, như những ngọn đuốc đỏ rực sáng lên giữa đêm trăng sao, vẻ đẹp hư ảo, lạ kì.

+ Tôn lên vẻ đẹp rực rỡ, kì diệu của biển cả là sắc màu của những đuôi cá, vây cá, mắt cá với những màu sắc rực rỡ. Trong đêm sao lung linh, những con cá tươi rói quăng mạnh những chiếc đuôi vẩy nước làm ánh trăng lấp lánh “vàng chói” sáng lên giữa biển đêm. Rồi cái nhịp thở của vũ trụ về đêm: nhịp thủy triều lên xuống và những con sóng dập dờn, bầu trời đêm chi chít sao chiếu xuống mặt biển, nhà thơ cảm nhận như là “sao lùa nước Hạ Long”.

+ Khi những mẻ lưới nặng trĩu được những bắp tay cuộn cuộn săn chắc kéo lên khỏi mặt nước. Những con cá nhảy nhót trong lưới, vẩy, đuôi phản chiếu ánh sáng những sắc màu rực rỡ cùng với ánh hồng rực rỡ, tinh khiết của bình minh khiến cho bức tranh có những gam màu tươi sáng, lộng lẫy đến kì lạ: “vẩy bạc..... nắng hồng”

=> Những hình ảnh này có vẻ đẹp của tranh sơn màu lung linh, huyền ảo, được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng bay bổng từ sự quan sát hiện thực. Trí tưởng tượng của nhà thơ quả là kì diệu, bút pháp lãng mạn của nhà thơ quả là bay bổng, điều đó đã chấp cánh cho hiện thực trở nên kì ảo, làm giàu thêm cái đẹp vốn có trong tự nhiên.

**Câu 3:** Viết đoạn văn: Khổ 2,3,4 của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” đã miêu tả cảnh biển đẹp, biển giàu (tương tự câu trên)

=====

## **BẾP LỬA - BẰNG VIỆT**

### **A. Kiến thức cần nhớ.**

#### **1. Tác giả**

- Bằng Việt là bút danh của Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941 tại Huế, nhưng quê gốc ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 1960 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

- Tác phẩm chính: Hương cây - Bếp lửa (thơ in chung với Lưu Quang Vũ – 1968), Những gương mặt, những khoảng trời (1973), đất sau mưa (thơ – 1977), Khoảng cách giữa lời (thơ – 1983). Cát sáng (thơ 1986), Bếp lửa - Khoảng trời (thơ tuyển 1988)...

- Thơ Bằng Việt, cảm xúc tinh tế, có giọng điệu tâm tĩnh trầm lắng, giàu suy tư, triết luận.

#### **2. Tác phẩm.**

a. **Hoàn cảnh sáng tác :** “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi BV đang là sinh viên khoa pháp lí trường Đại học tổng hợp Ki – ép (Liên xô cũ).

**b. Nội dung:** Qua hồi tưởng, suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ “Bếp lửa” gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương đất nước.

**c. Nghệ thuật:** Bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

**d. Bố cục :** 3 phần:

+ Phần 1: 3 dòng đầu: hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc hồi tưởng về bà

+ Phần 2: Từ “lên bốn tuổi” đến “niềm tin dai dẳng”: những kỉ niệm tuổi thơ và hình ảnh người bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa trong hồi tưởng của cháu.

+ Phần 3: Từ “lận đận đời bà... đến “thiên liêng bếp lửa”: suy ngẫm về bà và cuộc đời bà.

+ Phần 4: (4 dòng cuối): Hình ảnh bà và bếp lửa sống mãi trong tâm hồn cháu.

- Mạch cảm xúc của bài thơ rất tự nhiên, đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm: hình ảnh bếp lửa gợi về những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh bà với bao vất vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu; từ kỉ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà; cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm nhớ mong về bà.

**3. Chú ý: Cần cảm nhận và thuộc một số câu thơ nói về:**

- Hình tượng bếp lửa, ngọn lửa

- Hình tượng con chim tu hú

- Hình ảnh người bà nhóm lửa và đứa cháu bé thơ.

- Những câu thơ cảm thán và câu hỏi tu từ làm cho giọng thơ tha thiết bồi hồi.:

VD: ....Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

..... Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

Hoặc: “Ôi kì lạ và thiên liêng bếp lửa!”

“Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”

**4. Phân tích nội dung bài thơ.**

**a. Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu.**

\* **Khổ 1 nói về bếp lửa và lòng cháu thương bà.** Khi nhớ về quê hương, người ta thường nhớ về những kỉ niệm gắn liền trong quá khứ như dòng sông, bến đò, cây đa.... Đối với Bằng Việt, sự hồi tưởng được bắt đầu từ hình ảnh thân thương, ấm áp về bếp lửa:

*Một bếp lửa chòn vòn sương sớm*

*Một bếp lửa áp iu nồng đượm*

- Ba tiếng “một bếp lửa” trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, hình ảnh quen thuộc trong mọi gia đình. Hình ảnh bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh của “chòn vòn sương sớm”, thật thân thương với bao tình cảm “áp iu nồng đượm”. Từ “áp iu” vừa diễn tả công việc nhóm bếp, vừa gợi ra bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng của người nhóm bếp.( Các chữ “áp iu”, “nồng đượm”, “chòn vòn” rất hình tượng, gợi tả; Áp iu: là một sáng tạo từ mới mẻ -> đó là sự kết hợp và biến thể của hai từ “áp ủ” và “nâng niu”. Bếp lửa ấm áp “nồng đượm” ấy còn mang tình thương chở che, ôm ấp, “áp iu” của lòng bà)

- Hình ảnh bếp lửa, rất tự nhiên đánh thức dòng cảm xúc hồi tưởng của cháu về bà, người nhóm lửa, người nhóm bếp mỗi sớm mai - một hình ảnh xuyên suốt bài thơ, lúc nào cũng chập chờn lay động: “*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*”. Bếp lửa của bà là bếp lửa của một cuộc đời đã trải qua “*biết mấy nắng mưa*”, nghèo khổ và vất vả. Nghĩ về bếp lửa, nhớ về bếp lửa mà trong lòng đứa cháu đi xa trào dâng một cảm xúc thương bà mãnh liệt. Chữ “*thương*” dùng thật đắt qua vần thơ cảm thán, làm cho cảm xúc lan toả, thấm sâu vào hồn người.

**\* Từ đó, bài thơ gọi lại cả một thời thơ ấu bên người bà ( Khổ 2,3,4)**

- Kí ức đưa nhân vật trở về những năm “*đói mòn đói mỏi*” của nạn đói năm 1945: “*cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ*” (Chê Lan Viên). Thành ngữ “*đói mòn đói mỏi*” – cái đói kéo dài làm mỗi mệt, kiệt sức, con ngựa gầy rạc cùng với người bố đánh xe chắc cũng gầy khô... Giọng thơ trĩu xuống, nao nao lòng người đọc. Tuy nhiên cái đói chỉ là cái cớ để nhà thơ nhớ về một ***tuổi thơ cay cực, thiếu thốn trăm bề***:

*“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói  
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi  
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy*

- Ấn tượng nhất là ***mùi khói bếp***: “*Khói hun nhèm mắt cháu. Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay*”. Hai câu thơ có giá trị biểu cảm cao. Hình ảnh tả thực : khói nhiều cay, khét vì củi ướt vì sương nhiều và lạnh và vừa là hình ảnh tượng trưng: sự xúc động- nghĩ mà thương tuổi thơ gian khó, nghĩ mà còn cao một nỗi nhớ thương bà. Cảm xúc quá khứ hoà lẫn hiện tại và chắc hẳn cảm xúc quá khứ phải sâu sắc lắm mới có thể trở dậy mạnh mẽ thế. Cho dù năm tháng trôi qua nhưng kí ức ấy trở thành một vết thương lòng đau dễ nguôi ngoai. Qua đó, nhà thơ khẳng định, tuổi thơ đâu thiếu thốn vật chất nhưng không bao giờ thiếu thốn nghĩa tình.

- Từ mùi khói bếp, nhân vật trữ tình lại nhớ về ***tiếng chim tu hú*** trong suốt tám năm ròng của tuổi thơ - những kỉ niệm đầy ấp âm thanh, ánh sáng và những tình cảm sâu sắc xung quanh cái bếp lửa quê hương được nhắc tới trong đoạn thơ thứ ba.

*“Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa  
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

....

+ Thật là hồn nhiên, trong sáng và xúc động làm sao khi nhà thơ tâm tình với chim tu hú. Tiếng chim tu hú là tiếng chim quen thuộc của đồng quê mỗi độ vào hè. Tiếng chim râm ran trong vườn lá, trên cánh đồng cứ khắc khoải kêu mãi, kêu hoài, trong hiện thực đã tha thiết, tiếng chim trong nỗi nhớ như giục giã, khắc khoải một điều gì da diết lắm, khiến lòng người trở dậy những hoài niệm nhớ mong: “*tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*”. Nhà thơ đang kể chuyện về bà mà như tách hẳn ra để trò chuyện trực tiếp với bà: “*bà còn nhớ không bà...?*” .... Còn gì hơn với những chi tiết tự sự xúc động như thế?

+ Âm điệu tha thiết của câu thơ còn gợi ra tình cảnh vắng vẻ, cô cút, vơi vơi nhớ thương của hai bà cháu:

*Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà  
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

Câu thơ mới thăm thía làm sao, xót xa làm sao! Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên, nuôi dưỡng cả tâm hồn lẫn thể chất cho cháu, vậy mà bây giờ cháu cũng đi xa, để bà một mình khó nhọc. Tiếng chim tu hú giờ đây trở thành một mảnh tâm hồn tuổi thơ để gợi nhớ gợi thương. Cháu thương bà vất vả, lo toan, biết ngỏ cùng ai, chỉ có thể tâm tình với chim tu hú mà thôi. Như vậy, bếp lửa đánh thức kỉ niệm tuổi thơ, ở đó lung linh hình ảnh người bà và có cả hình ảnh quê hương.

- Đặc biệt hình ảnh người bà bỗng nhiên trở nên cao lớn, vĩ đại khi Bằng Việt nhớ về những năm tháng đau thương, vất vả, giặc tàn phá xóm làng – hoàn cảnh chung của nhiều gia đình Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. “*Mẹ và cha công tác bận không về*”, cháu sống trong sự cưu mang, dạy dỗ của bà, sớm có ý thức tự lập, sớm phải lo toan. Bên bếp lửa: “*bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*”, “*bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*”, bà dặn cháu đinh ninh:

*“Bố ở chiến khu bố còn việc bố  
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ,  
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

Bà là hiện thân cụ thể nhất, sinh động nhất cho hậu phương lớn. Trong nhiều gia đình Việt Nam, do nhiều cảnh ngộ khác nhau, mà vai trò của người bà – bà nội, bà ngoại – đã thay thế vai trò của người mẹ hiền. Sống trong những năm dài chiến tranh, thế nhưng bà vẫn vững lòng trước mọi tai hoạ, thử thách. Các từ ngữ như “*bà bảo*”, “*bà dạy*”, “*bà chăm*” đã diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng đôn hậu, tình thương bao la, sự chăm chút của bà đối với cháu nhỏ. Chữ “*bà*” và chữ “*cháu*” được điệp lại 4 lần gợi tả tình bà cháu quấn quýt yêu thương. Được sống trong tình thương là hạnh phúc. Người cháu trong bài thơ “*bếp lửa*” tuy phải sống xa cha mẹ, tuy gặp nhiều thiếu thốn khó khăn, nhưng em thật hạnh phúc khi được sống trong vòng tay yêu thương của bà. Vì thế cháu mới cảm thấy một cách thiết tha nồng hậu: “*nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc*”.

=> Tóm lại, làm nên thành công của đoạn thơ nhớ về bà, qua dòng chảy cảm xúc của nhân vật trữ tình chính là sự kết hợp, đan cài nhuần nhuyễn với nhau giữa các yếu tố biểu cảm, miêu tả và tự sự. Đây cũng là nét bút pháp quen thuộc của nhà thơ. Chính sự kết hợp nhuần nhị độc đáo đó khiến cho hình ảnh của bà thật gần gũi, những mảng kí ức tuổi thơ lại hiện về sống động và chân thành, giản dị.

#### **b. Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa.** (Khổ 5,6)

- Từ những kỉ niệm hồi tưởng về tuổi thơ và bà, người cháu trở về hiện tại để suy ngẫm về cuộc đời và lẽ sống của bà và cũng là để thương bà nhiều hơn, nhớ bà nhiều hơn. Hình ảnh bà luôn gắn liền với hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa. Có thể nói bà là “*người nhóm lửa*”, lại cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và toả sáng trong mỗi gia đình.

+ Từ “*bếp lửa*”, đứa cháu nghĩ về “*ngọn lửa*”- một hình ảnh ẩn dụ rất tráng lệ.

*“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen.  
Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn  
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”*

“*Bếp lửa bà nhen sớm sớm chiều chiều*” không phải chỉ bằng nhiên liệu bên ngoài mà đã sáng bừng lên thành ngọn lửa bất diệt, ngọn lửa của tình yêu thương “*luôn ủ sẵn*” trong

lòng bà, ngọn lửa của niềm tin vô cùng “dai dẳng”, bền bỉ và bất diệt. Ngọn lửa là những kỉ niệm lòng, niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu. Cùng với hình tượng “ngọn lửa”, các từ ngữ chỉ thời gian: “rời sớm rời chiều”, các động từ “nhen”, “ủ sẵn”, “chứa” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến. Điệp ngữ “một ngọn lửa” cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào. Tình thương, đức hi sinh, tính kiên trì nhẫn nại của bà là nguồn nhiên liệu vô tận làm bùng sáng lên ngọn lửa vĩnh cửu truyền cảm ấy. Như thế, hình ảnh bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa - ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

+ Tám câu thơ tiếp theo là những suy nghĩ sâu sắc của nhà thơ, của đứa cháu về người bà kính yêu, về bếp lửa trong mỗi gia đình Việt Nam chúng ta. Cuộc đời của bà nhiều “lận đận”, trải qua nhiều “nắng mưa” vất vả. Bà cần mẫn lo toan, chịu thương chịu khó, thức khuya dậy sớm vì bát cơm, manh áo của con cháu trong gia đình. Cảnh nghèo nên bà suốt đời vất vả. Từ “lận đận” thể hiện tấm lòng đôn hậu và đức hi sinh của bà:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa  
Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ  
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm.  
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm”*

Bà đã nhóm bếp lửa trong suốt cuộc đời bà, đã trải qua nắng mưa “mấy chục năm rồi”. Bà không chỉ nhóm bếp lửa bằng đôi bàn tay già nua, gầy guộc, mà là bằng tất cả tấm lòng đôn hậu “ấp iu nồng đượm” của bà đối với con cháu. Điệp từ “nhóm” được nhắc đi nhắc lại 4 lần trong 4 câu thơ đan kết với những chi tiết rất thực... có điểm chung là cùng gắn với hành động nhóm bếp, nhóm lửa của bà nhưng lại khác nhau ở những ý nghĩa cụ thể: khi thì nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm để sưởi ấm cho bà cháu qua cái lạnh buốt của sương sớm; đến câu tiếp theo thì đã vừa nhóm bếp luộc khoai, luộc sắn cho cháu ăn đỡ đói lòng mà như còn đem đến cho đứa cháu nhỏ cái ngọt bùi của sắn khoai, của tình yêu thương vô hạn của bà. Đến câu tiếp theo thì lòng bà còn mở rộng hơn cùng với nỗi xôi gạo mới mùa gặt là tình cảm xóm làng đoàn kết, gắn bó, chia ngọt, sẻ bùi và đến câu thứ tư thì hoàn toàn mang nghĩa trừu tượng: nhóm dậy cả tâm tình tuổi nhỏ. Tình cảm của bà bao la giản dị như khoai sắn và cũng đậm đà như khoai sắn. Các từ ngữ “ấp iu nồng đượm”, “yêu thương”, “ngọt bùi”, “chung vui” thể hiện sự tinh luyện của một ngòi bút nghệ thuật, đã diễn tả thật hay tình thương, niềm vui, sự no ấm, hạnh phúc mà bà đã mang lại cho con cháu. Bà đã “nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”, nuôi dưỡng và làm bùng sáng những ước mơ, những khát vọng của đàn cháu nhỏ. Bếp lửa bà nhen đã nhóm lên ngọn lửa của tình thương ấm áp. Chính vì thế mà nhà thơ đã cảm nhận được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc sự kì diệu, thiêng liêng: “Ôi! Kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa”. Như vậy, từ ngọn lửa của bà, cháu nhận ra cả một “niềm tin dai dẳng” về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa.

### **c. Niềm thương nhớ của cháu:**

- Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành

*“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu.*



*Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả  
..... Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa”*

- Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với những điều mới mẻ. Cháu đã được sống với những niềm vui rộng mở, nhưng giữa “ngọn khói trăm tàu, ngọn lửa trăm nhà, cháu vẫn không thể quên bếp lửa của bà, vẫn không nguôi nhớ thương bà.... Mỗi ngày đều tự hỏi: “sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?, mỗi ngày đều nhớ về bà và bếp lửa của bà. Hình ảnh ấy đã trở thành kỉ niệm thiêng liêng làm ấm lòng, nâng đỡ cháu trên những bước đường đời.

d. **Bài thơ chứa đựng một ý nghĩa triết lí thâm kín:** những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu thương và lòng biết ơn bà chính là một biểu hiện cụ thể của tình yêu thương, sự gắn bó với gia đình, quê hương, và đó cũng là sự khởi đầu của tình yêu con người, tình yêu đất nước.

Bằng Việt đã sáng tạo hình tượng bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự và bình luận; giọng điệu và thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm. Bài thơ như ngọn lửa ấm áp toả sáng và cháy mãi trong tình cảm của người đọc.

## **B. Câu hỏi luyện tập**

**Câu 1: Hãy nêu nhận xét về hình ảnh tượng trưng của hình tượng “bếp lửa”**

**Gợi ý:** Hình ảnh bếp lửa vốn là hình ảnh thật của bếp lửa mà ngày ngày người bà nhen lửa nấu cơm. Nhưng bếp lửa lại trở thành hình ảnh tượng trưng, gọi lại tất cả những kỉ niệm ấm áp của hai bà cháu. Lửa thành ra ngọn lửa tình yêu, lửa niềm tin, ngọn lửa bất diệt của tình bà cháu, tình quê hương đất nước. Bếp lửa mà người bà ấp iu hay chính là tình yêu thương mà bà nâng niu dành tất cả cho cháu, từ việc dạy cháu làm, chăm cháu học, bảo cháu nghe. Bếp lửa cũng là nơi bà nhóm lên tình cảm, khát vọng cho người cháu. Nhóm lửa do đó cũng vừa có nghĩa thực, vừa có ý nghĩa tượng trưng.

**Câu 2: Phân tích giá trị nghệ thuật của điệp từ “nhóm” trong khổ thơ sau**

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  
Nhóm niềm yêu thương khoa sản ngọt bùi  
Nhóm nồi xôi gạo mới xẻ chung vui  
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

- Điệp từ “nhóm” được nhắc lại 4 lần làm toả sáng hơn nét “kì lạ” và thiêng liêng bếp lửa. Bếp lửa của tình bà đã nhóm lên trong lòng cháu bao điều thiêng liêng, kì lạ. Từ “nhóm” đứng đầu mỗi dòng thơ mang nhiều ý nghĩa: Từ bếp lửa của bà những gì được nhóm lên, khơi lên?

+ Khơi dậy tình cảm nồng ấm

+ Khơi dậy tình yêu thương, tình làng nghĩa xóm, quê hương

+ Khơi dậy những kỉ niệm tuổi thơ, bà là cội nguồn của niềm vui, của ngọt bùi nồng đượm, là khởi nguồn của những tâm tình tuổi nhỏ.

=> Đó là bếp lửa của lòng nhân ái, chia sẻ niềm vui chung.

---

---

## **ÁNH TRĂNG - NGUYỄN DUY**

### **A. Kiến thức cần nhớ:**

#### **1. Tác giả:**

- Nguyễn Duy sinh năm 1948, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, quê ở làng Quảng Xá, xã Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá.
- Năm 1966, ông nhập ngũ vào bộ đội thông tin, tham gia chiến đấu ở nhiều chiến trường.
- Nguyễn Duy được trao giải nhất cuộc thi thơ báo văn nghệ 1973 với chùm thơ bốn bài (Tre Việt Nam, Hơi ấm ổ rơm, Giọt nước mắt và nụ cười, Bầu trời vuông). Từ giải thưởng này, Nguyễn Duy trở thành một gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ và tiếp tục bền bỉ sáng tác.
- Sau năm 1975, ông chuyển về làm báo Văn nghệ giải phóng. Từ năm 1977, Nguyễn Duy là đại diện thường trú báo Văn nghệ tại các tỉnh phía Nam ở thành phố HCM.

#### **2. Tác phẩm:**

- Hoàn cảnh: Bài thơ “Ánh trăng” được viết năm 1978 tại thành phố HCM, in trong tập “Ánh trăng” - tập thơ của Nguyễn Duy được giải A của Hội nhà văn Việt Nam 1984. Nguyễn Duy viết bài thơ này vào lúc cuộc kháng chiến đã khép lại ba năm. Ba năm sống trong hoà bình, không phải ai cũng còn nhớ những gian khổ và kỉ niệm nghĩa tình trong quá khứ. Nguyễn Duy viết “Ánh trăng” như một lời tâm sự, một lời nhắn nhủ chân tình với chính mình, với mọi người về lẽ sống chung thuỷ, nghĩa tình.
  - Thể thơ: 5 tiếng: nhiều khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng, vần chân, dãn cách.
  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm thông qua tự sự
  - Bố cục: 2 đoạn
- + Đoạn 1: hai khổ đầu: cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ  
+ Đoạn 2: Còn lại: cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại.

### **A. PHÂN TÍCH**

#### **I. Mở bài**

##### **Cách 1**

- Giới thiệu đôi nét về nhà thơ Nguyễn Duy: là một trong những gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ.
- Giới thiệu đôi nét về bài thơ “Ánh Trăng”
  - + In trong tập “Ánh Trăng”- tập thơ được giải A của Hội nhà văn Việt Nam
  - + Thể thơ 5 chữ kết hợp kết hợp chặt chẽ giữa tự sự với trữ tình
  - + Viết vào thời điểm cuộc kháng chiến đã khép lại 3 năm, Nguyễn Duy viết “Ánh trăng” như một lời tâm sự, một lời nhắn nhủ chân tình với chính mình, với mọi người về lẽ sống chung thuỷ, nghĩa tình.

**Cách 2:** Thơ xưa cũng như nay, thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà văn, nhà thơ. Đặc biệt là ánh trăng. Xưa, Lý Bạch khi đối diện với vầng trăng đã giật mình thảng thốt nhớ cố hương. Nay, Nguyễn Duy, một nhà thơ tiêu biểu cho thế

hệ trẻ sau năm 1975 cũng góp vào mảng thơ thiên nhiên một ánh trăng. Và đối diện trước vầng trăng, người lính đã giật mình về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua. Bài thơ “Ánh trăng” giản dị như một niềm ân hận trong tâm sự sâu kín ấy của nhà thơ.

**Cách 3:** Ta gặp đầu đây ngòi bút tài hoa của Nguyễn Duy trong tác phẩm : “Tre Việt Nam”, “Hơi ấm ổ rơm”..... Nhưng khi hoà bình lập lại, ông đã chuyển sang một trang mới viết về sự chuyển mình của đất nước, của con người cuộc sống đời thường đang che lấp mất dần những điều đáng quý mà họ vốn có. Bài thơ “Ánh trăng” là một bài thơ tiêu biểu cho chủ đề đó. Bài thơ như một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước đồng thời thức dậy trong tâm hồn người lính lòng trung hiếu trọn vẹn với nhân dân.

**Cách 4:** Trăng trong thơ vốn là một vẻ đẹp trong trẻo, tròn đầy, đó là cái gì lãng mạn nhất trong cuộc đời, nhất là trong hai trường hợp: khi con người ta còn ở tuổi ấu thơ hoặc khi có những tâm sự cần phải chia sẻ, giải bày. Ánh trăng của Nguyễn Duy là cái nhìn xuyên suốt cả hai thời điểm vừa nêu. Chỉ có điều, đây không phải là một cái nhìn xuôi, bình lặn từ trước đến sau, mà là cách nhìn ngược: từ hôm nay mà nhìn lại để thấy có cái hôm qua trong cái hôm nay. Bài thơ như một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian nhắc nhở về một thời đã qua của người lính gắn bó với thiên nhiên, bình dị, hiền hoà, với nghĩa tình đậm thắm sáng trong.

## II. Thân bài.

### 1. Đề tài “Ánh trăng”

- Đây là một đề tài quen thuộc của thơ ca xưa đặc biệt là thơ lãng mạn: (Thuyền ai đậu bến sông trăng đó. Có chở trăng về kịp tối nay (Hàn Mặc Tử); khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền (HCM); Ngẩng đầu nhìn trăng sáng. Cúi đầu nhớ cố hương (Lý Bạch)
- Với Nguyễn Duy, ánh trăng không chỉ là niềm thơ mà còn được biểu đạt một hàm nghĩa mới, mang dấu ấn của tình cảm thời đại: Ánh trăng là biểu tượng cho quá khứ trong mỗi đời người.

### 2. Phân tích tâm sự sâu kín của Nguyễn Duy qua bài thơ “Ánh trăng”.

#### a. Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ

Trước hết là hình ảnh vầng trăng tình nghĩa, hiền hậu, bình dị gắn liền với kỉ niệm một thời đã qua, một thời nhà thơ hằng gắn bó.

- Ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê:

*“Hồi nhỏ sống với rừng  
Với sông rồi với biển”*

- Nhớ đến trăng là nhớ đến không gian bao la. Những “đồng, sông, bể” gọi một vùng không gian quen thuộc của tuổi ấu thơ, có những lúc sung sướng đến hả hê được chan hoà, ngụp lặn trong cái mát lành của quê hương như dòng sữa ngọt.

- Những năm tháng gian lao nơi chiến trường, trăng thành người bạn tri kỉ, gắn với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu: khi trăng treo trên đầu súng, trăng soi sáng đường hành quân. Vầng trăng ấy cũng là “quầng lửa” theo cách gọi của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trăng thành người bạn chia sẻ

ngọt bùi, đồng cảm cộng khổ và những mát mát hi sinh, vàng trắng trở thành người bạn tri kỉ với người lính.

*“Hồi chiến tranh ở rừng  
Vàng trắng thành tri kỉ  
Trần trụi với thiên nhiên  
Hồn nhiên như cây cỏ  
Ngỡ không bao giờ quên  
Cái vàng trắng tình nghĩa”*

- Con người khi đó sống giản dị, thanh cao, chân thật trong sự hoà hợp với thiên nhiên trong lành: “trần trụi với thiên nhiên - hồn nhiên như cây cỏ”. Cuộc sống trong sáng và đẹp đẽ lạ thường.

- Hôm nay, cái vàng trắng tri kỉ, tình nghĩa ấy đã là quá khứ kỉ niệm của con người. Đó là một quá khứ đẹp đẽ, ân tình, gắn với hạnh phúc và gian lao của mỗi con người và của đất nước.

- Lời thơ kể không tả mà có sức gợi nhớ, âm điệu của lời thơ như trùng xuống trong mạch cảm xúc bồi hồi.

*b. Cảm nghĩ về vàng trắng hiện tại.*

\* Vàng trắng - người dung qua đường.

- Sau tuổi thơ và chiến tranh, người lính từ già núi rừng trở về thành phố - nơi đô thị hiện đại. Khi đó mọi chuyện bắt đầu đổi khác:

*Từ hồi về thành phố  
Quen ánh điện cửa gương  
Vàng trắng đi qua ngõ  
Như người dung qua đường*

- Vàng trắng tri kỉ ngày nào nay đã trở thành “người dung” - người khách qua đường xa lạ, còn con người đâu còn son sắt thuỷ chung? => Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa.

- NT đối lập với khổ 1,2, giọng thơ thâm thì như trò chuyện tâm tình, giải bày tâm sự với chính mình. Tác giả đã lí giải sự thay đổi trong mối quan hệ tình cảm một cách lô gíc.

- Vì sao lại có sự xa lạ, cách biệt này?

+ Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt: Từ hồi về thành phố, người lính xưa bắt đầu quen sống với những tiện nghi hiện đại như “ánh điện, cửa gương”. Cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trắng trong tâm hồn con người. Trắng lướt nhanh như cuộc sống hiện đại gấp gáp, hối hả không có điều kiện để con người nhớ về quá khứ. Và anh lính đã quên đi chính ánh trắng đã đồng cam cộng khổ cùng người lính, quên đi tình cảm chân thành, quá khứ cao đẹp nhưng đầy tình người. Câu thơ dung dung - lạnh lùng - nhứt nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Có lẽ nào sự biến đổi về kinh tế, về điều kiện sống tiện nghi lại kéo theo sự thay dạ đổi lòng? (liên hệ: bởi thế mà ca dao mới lên tiếng hỏi: “Thuyền về có nhớ bến chăng?”; Tố Hữu, nhân dân Việt bắc ở lại cũng băn khoăn một tâm trạng ấy khi tiễn đưa cán bộ về xuôi:

*Minh về thành thị xa xôi  
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?  
Phố đông còn nhớ bản làng  
Sáng đêm còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?*

=> Từ sự xa lạ giữa người với trăng ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở : đừng để những giá trị vật chất điều khiển chúng ta....

\* Niềm suy tư của tác giả và tâm lòng của vàng trăng.

- Sự xuất hiện trở lại của vàng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ. Tình huống mất điện đột ngột trong đêm khiến con người vốn đã quen với ánh sáng, không thể chịu nổi cảnh tối om nơi căn phòng buyn đin hiện đại. Ba động từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau diễn tả sự khó chịu và hành động khẩn trương, hồi hã của tác giả để đi tìm nguồn sáng. Và hình ảnh vàng trăng tròn tình cờ mà tự nhiên, đột ngột hiện ra vàng vạc giữa trời, chiếu vào căn phòng tối om kia, chiếu lên khuôn mặt đang ngửa lên nhìn trời, nhìn trăng kia.

=> Tình huống gặp lại trăng là bước ngoặt tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong tình cảm và suy nghĩ của nhân vật trữ tình với vàng trăng. Vàng trăng đến đột ngột đã làm sáng lên cái góc tối ở con người, đánh thức sự ngủ quên trong điều kiện sống của con người đã hoàn toàn đổi khác.

- Bất ngờ đối diện với vàng trăng, con người đã có cử chỉ, tâm trạng:

*Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*Có cái gì rung rung.*

- Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vàng trăng tròn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc!

- Cảm xúc “rung rung” là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gọi nhớ gọi thương khi gặp lại bạn tri kỉ. Ngôn ngữ bây giờ là nước mắt dưới hàng mi. Một tình cảm chùng như nén lại nhưng cứ trào ra đến thốn thức, xót xa. Cuộc gặp gỡ không tay bắt mặt mừng này đã lắng xuống ở độ sâu của cảm nghĩ. Trăng thì vẫn phóng khoáng, vô tư, độ lượng biết bao, như “bể”, như “rừng” mà con người thì phụ tình, phụ nghĩa.

- Trước cái nhìn sám hối của nhà thơ, vàng trăng một lần nữa như gọi lên bao cái “còn” mà con người tưởng chừng như đã mất. Đó là kỉ niệm quá khứ tốt đẹp khi cuộc sống còn nghèo nàn, gian lao. Lúc ấy con người với thiên nhiên - vàng trăng là bạn tri kỉ, là tình nghĩa. Nhịp thơ hồi hã dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Bài thơ khép lại ở hình ảnh:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh*

*.....Đủ cho ta giật mình”*

- Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào. Ở đây có sự đối lập giữa “tròn vành vạnh” và “kẻ vô tình”, giữa cái im lặng của ánh trăng với sự “giật mình” thức tỉnh của con người.

+ Trăng tròn vành vạnh, trăng im phăng phắc không giận hờn trách móc mà chỉ nhìn thôi, một cái nhìn thật sâu như soi tận đáy tim người lính đủ để giật mình nghĩ về cuộc



sống hoà bình hôm nay. Họ đã quên mất đi chính mình, quên những gì đẹp đẽ, thiêng liêng nhất của quá khứ để chìm đắm trong một cuộc sống xô bồ, phồn hoa mà ít nhiều sẽ mất đi những gì tốt đẹp nhất của chính mình.

+ Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

- Sự không vui, sự trách móc trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái “giật mình” ở câu thơ cuối. Cái “giật mình” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “giật mình” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

### **III. Kết luận:**

#### **Cách 1:**

Bài thơ “Ánh trăng” là một lần “giật mình” của Nguyễn Duy về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua. Thơ của Nguyễn Duy không hề khai thác cái đẹp của trăng, nhưng ánh trăng trong thơ ông vẫn mãi làm day dứt người đọc - sự day dứt về những điều được và mất, nên và không, khi sống trong cuộc đời. Vẻ đẹp ấy mới chính là vẻ đẹp của văn chương cách mạng vì thơ không chỉ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người mà còn “dạy” ta cách học làm người. Thì ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người đâu cứ phải tìm trong sách vở hay từ những khái niệm trừu tượng xa xôi. Ánh trăng thật sự đã như một tấm gương soi để thấy được gương mặt thực của mình, để tìm lại cái đẹp tinh khôi mà chúng ta tưởng đã ngủ ngon trong quên lãng.

**Cách 2:** Bài thơ khép lại nhưng đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Nguyễn Duy - một phong cách rất giản dị nhưng mang triết lí sâu xa. Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người “uống nước nhớ nguồn” ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ.

#### **B. Câu hỏi luyện tập:**

##### **Câu 1 : Ánh trăng là một nhan đề đa nghĩa. Hãy phân tích**

- Chúng ta đã từng biết đến vầng trăng nhớ cố hương của tiên thi Lý Bạch, từng rung cảm trước vẻ đẹp của ánh trăng - người bạn tri âm với người tù cộng sản HCM (Vọng nguyệt-NKTT). Và với bài thơ Ánh trăng, Nguyễn Duy đã làm phong phú và giàu có thêm vẻ đẹp cũng như ý nghĩa của vầng trăng đã quen thuộc từ ngàn đời.

+ Trước hết, ánh trăng của Nguyễn Duy là hình ảnh đẹp của thiên nhiên với tất cả những gì là thi vị, gần gũi, hồn nhiên, tươi mát. Trong hai khổ thơ đầu, vầng trăng hiện ra trong không gian của ruộng đồng, sông biển, núi rừng. Đó là vầng trăng của “hồi nhỏ sống với

đồng”, Ánh trăng gắn với tuổi ấu thơ của tác giả (d/c). Vàng trắng ấy hồn nhiên như cuộc sống, như đất trời (d/c)

+ Nhưng nếu chỉ có vậy, ánh trăng của Nguyễn Duy sẽ lẫn với vô vàn ánh trăng khác trong thơ ca hiện đại. Cũng giống như trăng của người bạn tù, vàng trắng của Nguyễn Duy đã thành “tri kỉ”- người bạn tình nghĩa. Ánh trăng thời chiến như chia sẻ những thử thách của chiến tranh, như cùng nhà thơ và đồng đội trải qua những kỉ niệm của thời “ở rừng”. Vàng trắng tri kỉ, vàng trắng tình nghĩa ấy: dấu ấn của một thời gian khó : “ngỡ không bao giờ quên”.

+ Nhưng nhan đề “ánh trăng” còn thực sự sâu sắc, ý nghĩa bởi vàng trắng ấy còn là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình - kí ức gắn với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước cam go mà hào hùng. Cuộc sống hoà bình “ánh điện cửa gương, buyn đinh” đã khiến cho nhà thơ nhìn ánh trăng như một “người dung qua đường”. Con người từng một thời chiến đấu, từng ngang dọc trên nhiều chiến trường đã có lúc như lãng quên quá khứ. Nhưng rồi thình lình đèn điện tắt... :”đột ngột vàng trắng tròn”. Vàng trắng ấy đã đánh thức kí ức của tác giả, của thế hệ trẻ Việt Nam trong những ngày đánh Mĩ, thắng Mĩ.

- Ánh trăng lặng lẽ toả sáng trong bài thơ hay lặng lẽ như lời nhắc nhở giản dị mà sâu lắng: không được phép lãng quên quá khứ, có những thử thách, những hi sinh, những tổn thất thời đánh Mĩ ác liệt mới có cuộc sống hoà bình ngày hôm nay.

### ***Câu 2: Phân tích 2 khổ thơ cuối của bài thơ “ánh trăng”***

- Trăng và con người đã gặp nhau trong một giây phút tình cờ. Con người không còn muốn trốn chạy vàng trắng, trốn chạy cả bản thân mình được nữa. Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vàng trắng tròn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc- dùng những từ không trực tiếp để diễn tả sự xúc động, cảm động chợt dâng trào trong lòng anh khi gặp lại vàng trắng.

- Cảm xúc “rung rung”: tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương. Nhịp thơ hối hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Sự xuất hiện đột ngột của vàng trắng làm ùa dậy ở tâm trí nhà thơ bao kỉ niệm quá khứ tốt đẹp khi cuộc sống còn quá nghèo nàn, gian lao. Lúc ấy con người với thiên nhiên trăng là tri kỉ, tình nghĩa.

Khổ thơ kết lại bài thơ bằng hai vế đối lập mà song song:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh*

*.....Đủ cho ta giật mình”*

- Ở đây có sự đối lập giữa “tròn vành vạnh” và “kẻ vô tình”, giữa cái im lặng của ánh trăng với sự “giật mình” thức tỉnh của con người. Vàng trắng có ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Hình ảnh “vàng trắng tròn vành vạnh”, ngoài nghĩa đen là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng của cuộc sống còn có nghĩa tượng trưng cho vẻ đẹp của nghĩa tình quá khứ, đầy đặn, thủy chung, nhân hậu bao dung của thiên nhiên, của cuộc đời, con người, nhân dân, đất nước.

- Hình ảnh “ánh trăng im phăng phắc” có ý nghĩa nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình

quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt. Sự không vui, sự trách móc trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái “giật mình” ở câu thơ cuối. Cái “giật mình” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “giật mình” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Thiên nhiên thật nghiêm khắc, lạnh lùng nhưng cũng thật ân tình, độ lượng bao dung, vầng trăng và thiên nhiên là trường tồn, bất diệt. Thì ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người đâu cứ phải tìm trong sách vở hay từ những khái niệm trừu tượng xa xôi. Ánh trăng thật sự đã như một tấm gương soi để thấy được gương mặt thực của mình, để tìm lại cái đẹp tinh khôi mà chúng ta tưởng đã ngủ ngon trong quên lãng.

**Câu 3: Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ tượng trưng cho điều gì? Ý nghĩa khái quát của bài thơ “Ánh trăng”.**

**Gợi ý:**

a. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ trước hết là vầng trăng của tự nhiên. Nhưng vầng trăng còn là biểu tượng của quá khứ đầy tình cảm, khi con người trần trụi giữa thiên nhiên, hồn nhiên, không so đo, tính toán. Khi đó, tâm hồn con người rộng mở, khoáng đạt như sông, như đồng, như bể, như rừng. Toàn là những hình ảnh thiên nhiên rộng dài, hùng vĩ. Nhưng khi kháng chiến thành công thì con người nhốt mình vào cửa kính, buyn – đinh, sống riêng cho mình, cho cái cá nhân nhỏ bé. Bởi thế mà không gần gũi, không mặn mà với vầng trăng. Lúc này trăng tượng trưng cho quá khứ ân tình, cho những tình cảm lớn lao mộc mạc nhưng bất tử, sáng trong mãi mãi. Con người có thể quên quá khứ, nhưng quá khứ không bao giờ quên. Trăng cứ tròn vành vạnh cũng như quá khứ tươi đẹp không bao giờ mờ phai, không bao giờ khuyết thiếu. Chỉ có những ai mê mải với cái riêng mới có thể dửng dưng. Nhưng vầng trăng ấy bao dung, không “kể chi người vô tình”. Chính thái độ lặng im cao thượng ấy càng làm những ai sớm quên quá khứ nghĩa tình phải giật mình.

b. Bài thơ “Ánh trăng” là tâm sự của Nguyễn Duy, là suy ngẫm của nhà thơ trước sự đổi thay của hoàn cảnh sống, khi mà con người từ chiến tranh trở về cuộc sống hoà bình. Những sông, đồng, biển, rừng là hình ảnh tượng trưng, nhưng cũng là hình ảnh thật của những người kháng chiến. Thành phố là môi trường mới, là vùng đất mà trước đây những người kháng chiến không đặt chân tới (trừ các chiến sĩ hoạt động bí mật). Môi trường mới, tiện nghi mới, hoàn cảnh mới làm cho con người sống cách biệt với thiên nhiên, cũng có nghĩa là xa dần quá khứ, lạnh nhạt dần với quá khứ. Ánh trăng cảnh báo hiện tượng suy thoái về tình cảm, sẽ dẫn đến suy thoái lối sống, suy thoái đạo đức. Nó nhắc nhở con người cần thủy chung với quá khứ, với những điều tốt đẹp của quá khứ (không có mới nới cũ)

**Câu 4: Phân tích đoạn cuối bài thơ “Ánh trăng”.**

Khổ thơ cuối cùng là nơi tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng:

*Trăng cứ tròn vành vạnh  
Kể chi người vô tình*

## *Ánh trăng im phăng phắc*

*Đủ cho ta giật mình.*

- Vàng trắng nằm toả sáng, tròn đầy, đó là một hiện tượng bình thường của thiên nhiên: trăng khuyết rồi lại tròn. Hình ảnh trăng được Nguyễn Duy miêu tả tròn đầy, vành vạnh, toả sáng khắp nơi. Trong không gian buyn đình tối om, đèn điện tắt, ánh trăng càng trở nên có giá trị.

- Mặc cho con người vô tình, “trăng cứ tròn vành vạnh”, đó là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng. Đó còn là hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

- “Ánh trăng im phăng phắc”=> VẮNG trăng cứ lặng lẽ toả sáng, không lời, phép nhân hoá khiến hình ảnh vầng trăng hiện ra như một con người cụ thể, một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc đang nhắc nhở con người, một lời nhắc nhở thâm thía, độ lượng nhưng đủ làm để làm con người “giật mình” nhận ra sự vô tình lãng quên quá khứ tốt đẹp, tức là con người đang phản bội lại chính mình. Nó còn có ý nhắc nhở con người nên trân trọng, giữ gìn vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

**Câu 5: Phân tích, so sánh hình ảnh “Trăng” (vầng trăng, mảnh trăng, ánh trăng....) trong các bài thơ “Đồng chí”, “Đoàn thuyền đánh cá”, “Ánh trăng”.**

**Gợi ý:**

Trăng trong cả ba bài thơ đều là hình ảnh thiên nhiên đẹp, trong sáng, người bạn tri kỉ của con người trong cuộc sống lao động và chiến đấu, trong sinh hoạt hàng ngày.

- Trăng trong “Đồng chí” là biểu tượng của tình đồng chí, gắn bó keo sơn trong cuộc sống chiến đấu gian khổ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, biểu tượng của hiện thực và lãng mạng, trở thành nhan đề của cả tập thơ “Đầu súng trăng treo”

- Trăng trong “Đoàn thuyền đánh cá” là cánh buồm chuyên chở và nâng bổng niềm vui hào hứng trong lao động làm chủ tập thể của những ngư dân đi đánh cá đêm, vẽ nên bức tranh sơn mài biển vàng biển bạc.

*“Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé*

*Đêm thờ sao lùa nước Hạ Long”*

- Trăng trong “Ánh trăng” là vầng trăng tròn vành vạnh, im phăng phắc đột ngột ủa vào phòng buyn đình tối om trong đêm hoà bình mất điện ở thành phố Hồ Chí Minh đã khiến nhà thơ giật mình, ân hận, day dứt về suy nghĩ và cách sống hiện tại của mình. Ánh trăng như người bạn thân nhắc nhở, lay tỉnh lương tâm của tác giả: không được vô ơn với quá khứ, với đồng đội đã hi sinh với thiên nhiên nhân hậu và bao dung

**Câu 7: Chép thuộc lòng đoạn kết bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ có ý nghĩa gì? Từ đó em hiểu gì về chủ đề của bài thơ? (viết một đoạn diễn dịch khoảng 10 – 12 câu)**

**Gợi ý:** Vầng trăng trong bài thơ là một hình ảnh đa nghĩa

+ Vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ tuổi, rồi thời chiến tranh ở rừng.

+ Vầng trăng là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, hơn thế trăng còn là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.

+ Ở khổ thơ cuối cùng, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ, là người bạn, là nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

3. Từ đó, em hiểu chủ đề của bài thơ là: Bài thơ là tiếng lòng, là những suy ngẫm thấm thía, nhắc nhở ta về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao, nghĩa tình đối với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Bài thơ có ý nghĩa nhắc nhở, cũng cố người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

**Câu 8: Có bạn không hiểu vì sao suốt bài thơ, tác giả bốn lần gọi là “vàng trắng” mà nhan đề và khổ thơ cuối lại viết về “ánh trăng”. Bạn ấy cũng không hiểu vì sao cùng viết về ánh trăng mà bài thơ “Ánh trăng” lại có một sức hấp dẫn riêng. Em hãy giải thích cho bạn ấy đó chính là sự sáng tạo độc đáo của Nguyễn Duy góp phần thể hiện chủ đề.**

**Gợi ý:**

- Vàng trắng là một thi đề rất cổ điển của thi ca. Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy có một sức hấp dẫn riêng.

- Nếu trước đây, vàng trắng chỉ tượng trưng cho thiên nhiên đất nước tươi đẹp và vĩnh hằng: “một nửa vàng trắng thôi. Một nửa cứ đứng yên ở cuối trời” hay tượng trưng cho tình yêu son sắt, thủy chung không bao giờ phai như ánh trăng trong lời thề nguyện của TKiều và KT, trong lời tỏ tình của Rômêo và Juliét thì nay vàng trắng của Nguyễn Duy còn thêm một lớp nghĩa mới. Vàng trắng đó còn biểu hiện cho quá khứ nghĩa tình của con người, gợi nhớ cái tuổi thơ êm ấm, được hoà mình vào thiên nhiên tươi đẹp hay những đêm gian khổ, khó khăn ác liệt của cuộc đời người lính. Vàng trắng còn là một phần đẹp đẽ trong con người, vẻ đẹp của sự sáng trong và thánh thiện. Nguyễn Duy đã mở rộng và phát triển ý nghĩa của vàng trắng, nâng cao khái niệm tình yêu thành mối tình quá khứ của chính mình. Không những thế, tác giả còn hấp dẫn người đọc bởi khả năng tạo tình huống của mình:

*“Thình lình đèn điện tắt.... tròn”*

Nay đã gặp xưa, trong một hoàn cảnh mà con người khó lòng ngoảnh mặt đi như thế. Tình huống đã đã phân nào chỉ ra rằng: trong dòng đời hối hả ta đã vô tình quên đi vàng trắng thì có những khoảnh khắc vàng trắng xuất hiện nhưng vẫn tròn vành vạnh. Bài thơ như một lời tự sự của chính mình. Chính vì thế nó có sức thuyết phục cao, dễ đi vào lòng người chứ không khô khan như một bài triết lí. Thể thơ 5 chữ trước đây vốn rất phù hợp với những câu chuyện nhẹ nhàng mang tính ngụ ngôn nay được tác giả sử dụng kết hợp với giọng điệu tâm tình làm bài thơ khi thì trôi chảy, tự nhiên nhịp nhàng như lời kể chuyện, khi thì thiết tha xúc động và cuối cùng lại trầm lắng suy tư. Và đặc biệt hơn nữa là thể thơ 5 chữ cũng được tác giả thay đổi và viết theo kiểu thơ vắt dòng làm ý thơ liền mạch như một câu chuyện bằng văn xuôi nhẹ nhàng tình cảm.

Nhưng đặc sắc nhất là trong bài thơ 4 lần tác giả viết là vàng trắng trong khi nhan đề và khổ cuối lại là “Ánh trăng”. Đối với tác giả, vàng trắng là một người bạn tri âm, tri kỉ, từ hồi thơ ấu và khi ở chiến trường. Vì thế xuyên suốt bài thơ là hình ảnh “vàng trắng”. Còn



hình ảnh “ánh trăng” là ánh sáng của vầng trăng, quang sáng của vầng trăng, là sự tinh tế, nhẹ nhàng của thiên nhiên. Vầng trăng có lúc tròn, lúc khuyết nhưng ánh trăng luôn luôn có màu vàng không đổi, soi sáng toả mát xuống cõi lòng của con người làm mỗi người thêm thanh thản nhẹ nhàng. Khó có thể nói “vầng trăng theo suốt ta cả cuộc đời” vì vầng trăng không phải lúc nào cũng xuất hiện nhưng rất phù hợp nếu nói rằng: “ánh trăng theo ta suốt cả cuộc đời” vì ánh trăng không chỉ là ánh sáng của vầng trăng mà còn là ánh sáng trong mỗi tâm hồn. Rõ ràng, hình ảnh “ánh trăng” mang ý nghĩa rộng hơn hình ảnh “vầng trăng”

Tác giả đã rất tinh tế trong việc dùng “ánh trăng” thay vì “vầng trăng” trong nhan đề và khổ thơ cuối. Đó cũng là một sáng tạo rất độc đáo của ông, góp phần làm tác phẩm ánh trăng có giá trị nội dung và nghệ thuật cao.

---

## **KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (NGUYỄN KHOA ĐIỀM)**

### **A. Kiến thức cần nhớ.**

**1. Tác giả:** Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên - Huế trong một gia đình trí thức cách mạng. Sau khi tốt nghiệp trường ĐHSP năm 1964, NKĐ về lại quê hương tham gia cuộc chiến đấu chống Mỹ. Ông bắt đầu làm thơ từ năm 1968, và là một nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ những năm kháng chiến chống Mỹ. Thơ NKĐ giàu chất suy tư, dồn nén xúc cảm thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia vào cuộc chiến đấu của nhân dân. Tác phẩm chính: tập thơ : Đất ngoại ô (1972); Trường ca Mặt đường khát vọng (được hoàn thành ở Bình Trị Thiên 1971, in lần đầu 1974)

### **2. Tác phẩm:**

- Bài thơ được in trong tập “Đất và khát vọng” (1984). Bài thơ ra đời vào những năm tháng quyết liệt của kháng chiến chống Mỹ. Giai đoạn này, cuộc sống của cán bộ và nhân dân ta trên các chiến khu rất gian nan, thiếu thốn. Ở những chiến khu sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ căn cứ.

- Tác phẩm thể hiện tình yêu con và ước vọng của người mẹ dân tộc qua đó bày tỏ lòng yêu quê hương đất nước và khát vọng tự do của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Nhà thơ đã thể hiện cảm nghĩ về người mẹ Tà Ôi trong ba khúc hát, tương đương với ba đoạn, ba khúc hát ru:

+ *Khúc thứ nhất: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương bộ đội*

+ *Khúc thứ hai: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương dân làng*

+ *Khúc thứ ba: khúc hát ru của người mẹ thương con, thương đất nước.*

- Bài thơ có cấu trúc trùng điệp: lặp lại lời và lặp câu. Từng khúc đều mở đầu bằng hai câu thơ: “Em Cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi. Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ (...)” và kết thúc bằng lời ru trực tiếp của người mẹ: Ngủ ngoan A-kay ơi, ngủ ngoan A-kay hỡi. Lặp nhịp: Ở từng lời ru trực tiếp này, nhịp thơ lại được ngắt đều đặn ở giữa dòng 4/4. Cách lặp đi lặp lại, cách ngắt nhịp như thế đã tạo nên âm điệu dịu dặt, vắn vưng của lời

ru gần với loại hình âm nhạc. Giọng điệu trữ tình đã thể hiện một cách đặc sắc tình cảm thiết tha, trù mến của người mẹ.

### 3. Một số câu hỏi:

**Câu 1: Tại sao chỉ có một em cu Tai mà tác giả lại viết là “những em bé lớn trên lưng mẹ? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa như thế nào?**

- Chỉ có một em cu Tai, nhưng tác giả lại viết là “những em bé”. Đây là cách khái quát trong thơ. Em cu Tai là một hình ảnh cụ thể, nhưng có bao nhiêu em bé đã lớn trên lưng của những bà mẹ người dân tộc Tà Ôi. Cũng có bao nhiêu bà mẹ ngoài đời nhưng nhà thơ lại chỉ viết một bà mẹ mà thôi. Một em bé để nói rất nhiều em bé. Nhiều bà mẹ, nhưng chỉ để nói về một người mẹ. Nhan đề của bài thơ do đó cũng là một ý thơ. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền núi, cũng là người mẹ Việt Nam, kết hợp lòng thương con, yêu con với yêu thương bộ đội, yêu thương dân làng, yêu nước. Hình ảnh người mẹ là hình ảnh tượng trưng đã nuôi lớn những người con của mình để hiến dâng cho cuộc kháng chiến giành độc lập tự do cho Tổ Quốc.

**3. Có bao nhiêu người ru trong bài thơ “Khúc hát ru....”? Khúc hát này có điều gì đặc biệt về nhịp điệu, nội dung tình cảm?**

**Gợi ý:**

Có hai lời ru của hai người ru em cu Tai, một là lời ru của tác giả, một lời ru khác là của mẹ em “Lưng đưa nôi và tim hát thành lời”. Hai lời ru này hoà quyện vào nhau trong suốt bài thơ, tạo thành khúc hát ru độc đáo. Hai lời ru trong một khúc hát. Mỗi lời ru gồm hai phần: Lời ru của tác giả và lời ru của mẹ em. Lời ru của tác giả kể ra những công việc mẹ em làm. Lời ru của mẹ em mong ước về em và về kết quả công việc. Âm điệu có phần lặp lại nhưng vẫn có phần phát triển làm cho lời ru vừa du dương lại vừa biến hoá. Không phải là lời ru buồn quen thuộc với những “sung chát đào chua”, với những “con cò” và “con mưa mù mịt”. Nội dung bài thơ là những công việc của một bà mẹ kháng chiến: giã gạo nuôi bộ đội; phát rẫy tía bắp, lấy lương thực cho làng kháng chiến; chuyển lán, đạp rừng đánh Mĩ. Tình cảm của mẹ không chỉ dành cho con trai bé bỏng, mà còn dành cho bộ đội, cho dân làng, cho lãnh tụ và đất nước. Đây chính là những nét mới mẻ, độc đáo của bài hát ru.

**4. Phân tích hai câu thơ: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi**

*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.”*

- Câu dẫn dắt mở đầu (giới thiệu tác giả, tác phẩm)

- Hai câu thơ có lẽ là những câu thơ đặc sắc nhất trong bài thơ.

- Phân tích (ý chính)

+ MT của bắp là mặt trời của tự nhiên, đem lại ánh sáng cho vạn vật, nếu thiếu đi ánh sáng đó thì mọi sinh vật đều sẽ bị huỷ diệt (bắp cần ánh sáng)

+ em Cu Tai là ánh sáng, là nguồn sống, là mặt trời bé nhỏ của người mẹ, là cuộc đời của người mẹ. Thế gian không thể thiếu ánh mặt trời cũng như người mẹ Tà ôi không thể thiếu vầng mặt trời bé nhỏ trên lưng.

(Mẹ gửi gắm mọi niềm hi vọng vào em Cu Tai)

=> Dù ở miền núi hay miền đồng bằng, tình mẫu tử thiêng liêng bao giờ cũng sâu nặng.

- Cách thể hiện thơ và ngôn từ rất gần gũi với đời sống của người dân tộc. Cách thể hiện tình cảm chất phác mà sâu sắc.

**Câu 5: Đọc kĩ hai câu thơ sau:**

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

*Mặt trời của mẹ, con nằm trên lưng”*

(Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ- Nguyễn Khoa Điềm)

Từ “mặt trời” trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo biện pháp tu từ từ vựng nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao?

**Gợi ý:**

Từ “*mặt trời*” trong câu thơ được sử dụng theo biện pháp tu từ ẩn dụ

- Không thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa.

Vì: Nhà thơ gọi em bé (đứa con của người mẹ Tà ôi là “mặt trời” dựa theo mối quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng được cảm nhận theo chủ quan của nhà thơ. Sự chuyển nghĩa của “mặt trời” trong câu thơ chỉ có tính chất lâm thời, nó không làm cho từ có thêm nghĩa mới và không thể đưa vào để giải thích trong từ điển.

**Câu 6. Viết đoạn văn quy nạp với câu chủ đề sau: “Khúc hát ru” ngọt ngào, tha thiết của Nguyễn Khoa Điềm là tình yêu thương con là ước vọng của người mẹ dân tộc Tà ôi dành cho con. (15 câu). Đoạn văn có sử dụng phép nối liên kết câu.**

**Gợi ý:**

- Đề tài của đoạn văn (thơ)

- Các khúc thơ lặp đi lặp lại đều đặn mang lại cho bài thơ âm hưởng mượt mà, ngọt ngào, sâu lắng => đúng là một lời hát ru.

- Tình thương dành cho đứa con gắn bó sâu sắc với những tình cảm lớn lao

- Ước mơ con lớn lên trở thành chàng trai khoẻ mạnh, trở thành những Đam San của thời đại mới.

- Từ trên lưng mẹ em vào Trường Sơn: Cách nói rất cụ thể. Trong tình cảm yêu thương của người mẹ mà con lớn khôn, mẹ mong em sẽ trở thành người chiến sĩ.

- Câu cuối: Con sẽ lớn lên, trưởng thành trong nền độc lập tự do.

=> Ty con gắn liền với ty đất nước, tha thiết với nền độc lập tự do => hoà quyện vào nhau sâu sắc

- Chú ý phân tích: mặt trời

- lưu ý chất dân tộc trong các khổ thơ từ nhan đề đến h/ảnh

+ Hình ảnh đứa con trên lưng mẹ trở đi trở lại trong đoạn thơ. Khắc sâu tình mẫu tử sâu nặng, thể hiện hồn dân tộc

\* Nếu như những bài hát ru xưa thuần túy chỉ là tình mẫu tử, thì ở đây, bên cạnh tình cảm ấy, ta còn thấy được t/y của mẹ với đất nước, xóm làng. Gắn liền với cuộc kháng chiến gian khổ vĩ đại của dân tộc, mang hơi thở của thời đại.

- Chú ý phân tích kĩ h/a: nhấp nhô....

## **II. PHÂN TÍCH**

### **1. Phân tích tình cảm của người mẹ Tà Ôi trong khúc hát ru thứ nhất**

Người mẹ Tà Ôi là một người mẹ giàu tình thương con và giàu lòng yêu nước

- Người mẹ ấy luôn địu con trên lưng trong lúc làm việc, dù cho công việc có nặng nhọc, dù mẹ có vất vả thì em Cu Tai vẫn luôn bên mẹ:

*“Mẹ giã gạo, mẹ nuôi bộ đội  
Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng  
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi”*

- Sự sóng đôi của từ “nghiêng” trong câu thơ giàu chất tạo hình đã vẽ lên hình ảnh người mẹ đang giã gạo chày tay trong khi địu con nhỏ đang ngủ trên lưng, nhịp chày nghiêng, kéo theo giấc ngủ con nghiêng. Nhịp chày giã gạo thực ra nó không nghiêng nhưng vì giấc ngủ của em bé không được ngay ngắn như đặt trên giường mà phải dựa vào tấm lưng người mẹ lúc lên xuống phải chao đảo, dập dờn nên nghiêng lệch hẳn đi. Người mẹ ấy vẫn để Cu Tai có giấc ngủ trọn vẹn trên lưng mẹ. Tưởng như trong từng động tác của nhịp chày giã gạo cũng đã ngân lên nhịp điệu ru ngọt ngào và nhịp địu em đều đặn an bình như trên một cánh võng êm.

- Bằng ngòi bút tả thực, tác giả giúp người đọc nhận ra mồ hôi mẹ rơi “nóng hổi”, vai mẹ gầy - bao vất vả như đọng cả trên đôi vai mẹ, nhận ra tấm lòng mẹ mênh mông trong hình ảnh mẹ con không cách xa:

*“Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gôi  
Lưng địu nôi và tim hát thành lời”*

- Nghệ thuật nhân hoá đã diễn tả sâu sắc và cảm động tình mẹ yêu con. Người mẹ Tà ôi lấy thân mình làm nôi, vai gầy làm gôi và ru con không chỉ bằng lời ru thông thường như mọi lời ru của cuộc sống thanh bình mà ru con bằng lời ru thầm từ trái tim, từ tình yêu con tha thiết sâu thẳm trong lòng mẹ. Âm vang lòng mẹ cất thành lời ru đầy xúc cảm..

- Lòng yêu con gắn liền với tình thương bộ đội: “Mẹ thương A -Kay, mẹ thương bộ đội”  
Điệp ngữ “mẹ thương” xuất hiện trong câu thơ ngắt hai vế đều đặn đã cho thấy người mẹ thương con như thương bộ đội, lòng yêu con gắn liền với tình yêu người kháng chiến.

- Vì thế nên trong những lời mẹ ru con ta thấy được những ước mơ của mẹ:

*“Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần  
Mai sau con lớn vung chày lún sân”*

=> Người mẹ Tà Ôi mong có gạo để nuôi bộ đội, mong con khôn lớn để làm ra lúa gạo góp phần nuôi bộ đội bởi cuộc sống của những người Tà ôi những năm chống Mĩ còn bao cơ cực, thiếu thốn. -> Điều ước ấy thật chân thật và cao quý vì đó là điều mong mỏi của người mẹ lao động nghèo cho kháng chiến.

## **2 Phân tích khúc hát ru thứ 2.**

Hình ảnh người mẹ Tà Ôi với công việc lao động sản xuất trên chiến khu.

*“Mẹ tía bấp trên núi Ka -lưi”  
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ”*

- Sự tương phản giữa “lưng núi” và “lưng mẹ” gợi ra rất rõ sự nhọc nhằn, vất vả của người mẹ lao động giữa núi rừng mênh mông.

- Đặc biệt trong đoạn này có hai câu thơ rất gợi cảm:

*“Mặt trời của bấp thì nằm trên đôi  
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng”*

“Mặt trời của mẹ” là một ẩn dụ độc đáo, có ý nghĩa sâu sắc. Nếu như mặt trời của bắp đem lại hạt mảy hạt chắc thì em Cu Tai là mặt trời của mẹ. Cu Tai là nguồn hạnh phúc ấm áp vừa gần gũi vừa thiêng liêng của đời mẹ. Chính em đã góp phần sưởi ấm lòng mẹ, đã nuôi giữ lòng tin yêu, hy vọng và ý chí của mẹ trong cuộc sống.

- Sự sống của A -Kay cũng là sự sống của buôn làng. Bởi thế cũng rất tự nhiên khi: “*mẹ thương A-kay, mẹ thương làng đói*”. Dân làng đang đói khổ - cuộc sống của người Tà ôi những năm chống Mĩ còn bao cơ cực, thiếu thốn, mẹ muốn cuu mang, chia sẻ. Sức mạnh của tình thương yêu cộng đồng sẽ giúp mẹ vượt lên tất cả. Bàn tay mẹ cần mẫn “*trỉa bắp*”, gieo mầm sự sống với niềm mong mỏi thật bình dị: “*con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều*”.

*Mai sau con lớn phát mùi ka-lui*”.

Tình cảm thương yêu ấy đã thăng hoa trong những ước mơ về sự sống buôn làng - mong được mùa và chứa đựng niềm mong ước về tương lai của con- có sức khoẻ làm nương giỏi. Đó là một điều ước giản dị, chân thật, chính đáng của người mẹ Tà Ôi.

=> Tình thương gắn liền với những điều ước đó đã nói với ta về một người mẹ giàu tình thương người và luôn biết sống vì người khác.

### **3. Phân tích khúc hát ru thứ 3.**

- Cảm hứng của khúc hát ru cuối gắn liền với hiện thực khốc liệt và khản trương của cuộc kháng chiến chống Mĩ, với nhịp sống ở chiến khu Trị - Thiên. Hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong đoạn thơ này có một sự thay đổi, không chỉ yêu thương con mà còn hành động vì tình yêu một cách dứt khoát mạnh mẽ:

*“Mẹ đi chuyển lán mẹ đi đập rừng.*

*Mẹ đi em đi để giành trận cuối*

*Từ trên lưng mẹ em tới chiến trường”*

- Hai động từ “*đi*” đã gọi tả tư thế chủ động với những công việc tiếp sức chiến đấu: “*chuyển lán, đập rừng*”. Con người trong tư thế đối mặt với kẻ thù, quyết tâm chiến đấu giữ đất, giữ rừng. Người mẹ thật can đảm và dũng cảm cùng với “*anh trai cầm súng, chị gái cầm chông*” và “*em Cu -Tai cũng theo mẹ vào trận cuối*”. Những câu thơ hùng hực tinh thần bất khuất của người dân tộc miền Tây Thừa Thiên, đem lại cảm hứng lạc quan của cuộc chiến đấu chống Mĩ. Sự trưởng thành từ nhận thức đến hành động của mỗi con người đã được khẳng định bằng hai câu thơ thật khoẻ khoắn:

*“Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường*

*Từ trong đói khổ, em vào Trường Sơn”*

- Người mẹ Tà -Ôi muốn góp công sức của mình vào việc bảo vệ Tổ Quốc bởi giặc Mĩ với dã tâm “*đuổi ta phải dời con xuôi*”- không để cho gia đình, bản làng của mẹ được sống bình yên.

=> Từ tình thương con, thương bộ đội đến tình thương làng, thương đất nước, ta thấy tình thương của mẹ ngày càng rộng mở, người mẹ thật giàu đức hi sinh.

- Đó là cơ sở cho những ước mơ thật đẹp:

*“Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ.*

*Mai sau con lớn làm người Tự do”*



Trong tình cảm của người Tà -ôi cũng như của những người con Miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ thì Bác Hồ - người cha của dân tộc luôn là nguồn động viên, là biểu tượng của chiến thắng, là hình ảnh của đất nước tự do. Bởi vậy mong được gặp Bác là cảm xúc thường trực, dù cho lúc này Bác đã mất, bởi lẽ chỉ có thống nhất mẹ mới được ra với Bác. Giấc mơ đẹp gắn liền với ước mơ giành trọn vẹn non sông, thoả lòng Bác mong. Lời ru kết lại cùng hình ảnh em Cu -Tai của tương lai là “người Tự do” của một đất nước hoà bình. Đó cũng là mong ước chung của nhân dân, của những người Việt Nam yêu nước.

=>Người mẹ Tà Ôi quả là một người mẹ yêu nước nồng nàn và luôn tha thiết với độc lập tự do của Tổ Quốc.

=====

## LÀNG - KIM LÂN

### A. Kiến thức cần nhớ.

#### 1. Tác giả

- Kim Lân tên là Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920 quê ở làng Phù Lưu, huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Bắc.

- Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn.

- Kim Lân am hiểu sâu sắc và gắn bó với nông thôn và người nông dân. Truyện của ông hầu như chỉ viết về sinh hoạt nông thôn và cảnh ngộ của người nông dân

=>Chính hai đặc điểm trên đã tạo nên thành công của tác giả trong truyện “Làng”.

#### 2. Hoàn cảnh sáng tác:

- Truyện “Làng” được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948.

#### 3. Truyện “Làng” có những đặc điểm cần lưu ý sau:

- Truyện “Làng” khai thác một tình cảm bao trùm và phổ biến trong con người thời kì kháng chiến: tình cảm quê hương đất nước. Đây là một tình cảm mang tính cộng đồng. Nhưng thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lý chung ấy trong sự thể hiện cụ thể, sinh động ở một con người, trở thành một nét tâm lý sâu sắc ở nhân vật ông Hai, vì thế nó là tình cảm chung mà lại mang rõ màu sắc riêng cá nhân, in rõ cá tính của nhân vật.

- Truyện thuộc loại có cốt truyện tâm lý, không xây dựng trên các biến cố, sự kiện bên ngoài mà chủ trọng đến các tình huống bên trong nội tâm nhân vật, miêu tả các diễn biến tâm lý, từ đó làm nổi rõ tính cách nhân vật và chủ đề tác phẩm.

- Những biện pháp nghệ thuật chính để miêu tả nhân vật ông Hai - nhân vật chính của truyện:

+ Miêu tả nội tâm

+ Ngôn ngữ đối thoại và độc thoại

- Văn bản “làng” đã kết hợp các phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. Tự sự là chính vì câu chuyện được triển khai theo hệ thống các sự việc.

- Truyện được kể theo ngôi thứ ba. Nó đảm bảo tính khách quan của những cái được kể, gợi cảm giác chân thực cho người đọc.

- Tình huống cơ bản của truyện là khi ở nơi tản cư lúc nào cũng da diết nhớ về làng và tự hào về nó thì bỗng nghe được tin làng mình đã lập tề theo giặc. Chính tình huống ấy đã cho thấy lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến đã bao trùm và chi phối tình cảm quê hương ở ông Hai, đồng thời làm bộc lộ sâu sắc và cảm động tình yêu làng, yêu nước ở ông.

#### 4. Tóm tắt

Trong kháng chiến, Ông Hai - người làng chợ Dầu, buộc phải rời làng. Sống ở nơi tản cư, lòng ông luôn day dứt nhớ về quê hương. Ngày nào ông cũng ra phòng thông tin vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc tin rồi nghe lỏm chẳng xót một câu nào về tin tức của làng. Bao nhiêu là tin hay về những chiến thắng của làng ... ruột gan ông lão cứ múa cả lên, trong đầu bao nhiêu ý nghĩ vui thích.

Tại quán nước đó, ông Hai nghe tin làng Dầu làm việt gian theo giặc, ông rất khổ tâm và xấu hổ. Về nhà ông nằm vật ra giường nhìn lũ con, nước mắt cứ trào ra. Lòng ông đau xót và nhục nhã khôn cùng. Ông không dám đi đâu, chỉ ru rú ở nhà. Nghe bất cứ ai nói chuyện gì, ông cũng nơm nớp lo sợ, sợ rằng người ta nói chuyện ấy... Bà chủ nhà đã đuổi khéo vợ chồng con cái nhà ông. Ông Hai lâm vào hoàn cảnh bế tắc: không thể bỏ về làng vì về làng là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ, cũng không thể đi đâu khác vì không đâu người ta chứa người làng chợ Dầu. Ông cảm thấy nhục nhã xấu hổ, chỉ biết tâm sự với đứa con về nỗi oan ức của mình.

Chỉ khi tin này được cải chính, ông mới vui vẻ và phấn chấn, ông cứ múa cả hai tay lên mà đi khoe với mọi người: Nhà ông bị giặc đốt, làng ông bị giặc phá. Và ông lại tiếp tục sang nhà bác Thứ để khoe về cái làng của mình.

### B. PHÂN TÍCH

#### \*Tình yêu làng nói chung:

- Ở mỗi người nông dân, quả thực tình yêu làng quê là bản chất có tính truyền thống. Yêu làng, gắn bó với làng, tự hào về làng của mình vốn là tâm lý rất quen thuộc có tính gốc rễ. Vậy người nông dân thường tự hào, hãnh diện về làng:

Làng ta phong cảnh hữu tình

Dân cư giang khúc như hình con long

**Luận điểm bao trùm bài nghị luận : Ở nhân vật ông Hai, tình yêu quê hương, yêu làng Dầu đã quyện chặt với lòng yêu nước.** Đây là vẻ đẹp đáng quý của nhân vật, cũng là điều tâm huyết nhất mà nhà văn muốn nói với người đọc.

#### **Luận điểm 1 : Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi đi tản cư.**

- Cũng như bao con người Việt Nam khác ông Hai cũng có một quê hương để yêu thương, gắn bó. Làng chợ Dầu luôn là niềm tự hào, kiêu hãnh của ông. Kháng chiến bùng nổ, người dân phải dời làng đi sơ tán, ông Hai cũng theo dòng người ấy sơ tán đến một miền quê xa xôi, heo lánh. Ông Hai thực sự buồn khi phải xa làng. Ở nơi tản cư, lòng ông đau đáu nhớ quê, cứ “ *nghĩ về những ngày làm việc cùng anh em*”, ông nhớ làng quá.

- Ông Hai luôn khoe và tự hào về cái làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn bởi nó tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc.

- Ông luôn tìm cách nghe tin tức về kháng chiến “*chẳng sót một câu nào*”. Nghe được nhiều tin hay, những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên, náo nức, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc.

**Luận điểm 2: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:**  
(Nhưng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc thì bao nhiêu tình cảm tốt đẹp ấy trong ông Hai bỗng nhiên biến thành những nỗi lo âu, dằn vặt)

- Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức: “*cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được*”. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy”. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “*vừa ở dưới ấy lên*” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay cũng đã lại quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một nửa.

- Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông tìm cách lảng tránh những lời bàn tán và cúi gằm mặt xuống ra về. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “*cúi gằm mặt mà đi*”, về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “*nước mắt ông lão cứ giàn ra*”. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt.. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

- Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài. “*Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”*”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam –nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

- Nhưng chính lúc này, tình cảm đẹp trong con người ông Hai lại càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đau đớn, dằn vặt, sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn. Quê hương và Tổ Quốc, bên nào nặng hơn? Quê hương đáng yêu, đang tự hào... Nhưng giờ đây.... dường như mới chỉ nghĩ tới đó, lòng ông Hai đã nghẹn đắng lại. Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông. Một ý nghĩ tiêu cực thoáng qua trong đầu: Hay là quay về làng. Nhưng rồi ông cảm thấy “*rợn cả người*”. Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng “*vừa chớm nghĩ, lập tức ông lão phản đối ngay*” bởi vì “*về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ*”. Cuối cùng ông đã quyết định: “*không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù*”. Như vậy, tình yêu làng dầu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.

- Chuẩn mực cho tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đối với ông Hai lúc bấy giờ là cuộc kháng chiến. Tuy đau xót tưởng chừng bẽ tắc nhưng trong cõi thẳm sâu của tâm lòng, người nông dân ấy vẫn hướng về kháng chiến, vẫn tin ở những điều tốt đẹp, cố giữ cho tâm hồn không vẩn đục, để đón đợi một điều gì đỡ đau đớn, tuyệt vọng hơn.

+ Khi tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ, nghe con nói: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”, nước mắt ông Hai cứ giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má, giọng ông như nghẹn lại: “ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ?”. Phải chăng, trong tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn không phút nào nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương, yêu quê hương và nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương rời xa công việc chiến đấu chung của đất nước bấy giờ? Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “nhà ta ở làng chợ Dầu”. Đồng thời ông nhắc con- cũng là tự nhắc mình “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”. Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng: “Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”.

**Luận điểm 3: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng kháng chiến (Niềm vui của ông Hai khi tin Làng được cải chính.**

- Đến khi biết đích xác làng Dầu yêu quý của ông không phải là làng Việt gian, nỗi vui mừng của ông Hai thật là vô bờ bến: “*Ông cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người*”, mặt ông “*tươi vui, rạng rỡ hẳn lên*”. Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời, vậy mà ông sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin “*Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ*” một cách tự hào như một niềm hạnh phúc thực sự của mình. Đó là nỗi lòng sung sướng trào ra hồn nhiên như không thể kìm nén được của người dân quê khi được biết làng mình là làng yêu nước đầu cho nhà mình bị giặc đốt. Tình yêu làng của ông Hai thật là sâu sắc và cảm động.

- So với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao trước cách mạng tháng Tám, rõ ràng ta thấy ông Hai có những điểm tiến bộ vượt bậc trong nhận thức, tâm hồn, tình cảm và tính cách. Đó chính là nhờ vào đường lối giác ngộ cách mạng của Đảng, Bác Hồ mà học có được. Lão Hạc và ông Hai có những điểm tính cách khác nhau nhưng họ vẫn có những phẩm chất của những người nông dân giống nhau, đều hiền lành, chất phác, lương thiện. Khi cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến sự đổi đời cho mỗi người nông dân. Từ một thân phận nô lệ phụ thuộc họ trở thành một người tự do làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước. Từ đó đã củng cố và làm nền tảng vững chắc cho tình yêu quê hương, đất nước, trở thành một tình cảm vững bền, thiêng liêng sâu nặng, nồng cháy.

=> Trong hoàn cảnh toàn dân đang hướng tới cuộc kháng chiến chống pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, ông Hai đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu cá nhân của mình với làng chợ Dầu, ông dành tất cả cho cách mạng. Đó chính là nét đẹp trong con người ông Hai nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung.

- Văn hào E ren bua có nói: ...” Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu tổ quốc. Ông Hai đúng là một con người như thế. Niềm vui, nỗi buồn của ông đều gắn bó với làng. Lòng yêu làng của ông chính là cội nguồn của lòng yêu nước.

**Luận điểm 4: . Nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Hai**

- Nhà văn Kim Lân đã khá thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai, một lão nông cần cù, chất phác, yêu mến, gắn bó với làng quê như máu thịt.

+ Nhà văn đã chọn được một tình huống khá độc đáo là sự thử thách bên trong bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

+ Tâm lý nhân vật được nhà văn miêu tả cụ thể, gợi cảm qua các diễn biến nội tâm, qua các ý nghĩ, cảm giác, hành vi, ngôn ngữ. Đặc biệt là nhà văn đã diễn tả đúng và gây được ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật.

VD1 (tâm trạng) : Khi nghe tin làng theo giặc thì bị đần vật, đau khổ : « Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. .... thôi lại chuyện ấy rồi ». Khi tin đồn được cải chính thì « cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên ».

VD2 : Miêu tả đúng các « phản ứng » bằng hành động của một người nông dân hiền lành, chất phác và chưa đọc thông, viết thạo : Khi muốn biết tin tức thì : « ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm ». Khi nghe tin làng theo giặc thì « ông Hai cứ cúi gằm mặt xuống mà đi » rồi « nắm chặt hai bàn tay mà rít lên : « chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này ». Khi tin đồn được cải chính thì « ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin đồn ấy với mọi người.

VD3 : Ngoài ra còn phải kể đến các hành động, lời nói, suy nghĩ của nhân vật ông Hai trong mối quan hệ với các nhân vật khác như : Bà Hai, các con, mụ chủ nhà....

+ Các hình thức trần thuật (đối thoại, độc thoại....)

=====

## LẶNG LẼ SAPA - NGUYỄN THÀNH LONG

### A. Kiến thức cần nhớ.

#### I. Tác giả

- Nguyễn Thành Long (1925 -1991), quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 -1954) hoạt động văn nghệ ở liên khu V, sau 1954 ông tập kết ra Bắc, chuyên sáng tác.

- Ông là một trong những cây bút văn xuôi đáng chú ý trong những năm 1960 -1970, chỉ chuyên viết truyện ngắn và ký. Đề tài hướng vào cuộc sống sinh hoạt, lao động đời thường.

- Phong cách văn xuôi nhẹ nhàng, tình cảm, giàu chất thơ và ánh lên vẻ đẹp con người, mang ý nghĩa sâu sắc. Truyện của ông thường mang chất ký, mang vẻ đẹp thơ mộng trong trẻo.

- Ông viết nhiều, đã cho in hàng chục tập truyện ngắn và ký. Tác phẩm chính: Bát cơm cụ Hồ (1955), Gió bắc gió nồm (1956), Chuyện nhà chuyện xưởng (1962), Trong gió bão (1963), Những tiếng vỗ cánh (1967), Giữa trong xanh (1972) , Lý Sơn mùa tối (1980), Sáng mai nào, xế chiều nào (1984)...

#### II. Tác phẩm.

**1. Hoàn cảnh :** Truyện được viết năm 1970, là kết quả của chuyến đi thực tế lên Lào Cai của tác giả. Truyện rút từ tập *Giữa trong xanh* xuất bản năm 1972.

**2. Một số nét về tác phẩm :**



- Truyện “LLSP” có cốt truyện rất đơn giản, xoay quanh một tình huống gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ già, cô kỹ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa. Nhân vật chính của truyện – anh thanh niên chỉ hiện ra trong chốc lát nhưng để lại cho các nhân vật khác trong truyện những tình cảm tốt đẹp. Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để nhân vật chính được hiện ra qua sự quan sát, suy nghĩ của những nhân vật khác, đặc biệt là ông họa sĩ già. Chính vì thế nhân vật chính không chỉ hiện ra một cách tự nhiên mà còn được soi chiếu, đánh giá từ cái nhìn và cảm xúc của những nhân vật khác, rồi lại tác động đến tình cảm và suy nghĩ của những nhân vật ấy.

- Điểm đáng chú ý trong nghệ thuật trần thuật của truyện ngắn này là truyện được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn và ý nghĩa của nhân vật ông họa sĩ. Vì vậy, dù không phải là nhân vật chính nhưng nhân vật ông họa sĩ có vị trí quan trọng trong truyện. Cùng với nhân vật anh thanh niên, các nhân vật khác (bác lái xe, cô kỹ sư trẻ mới ra trường, ông họa sĩ) và cả những nhân vật gián tiếp như ông kỹ sư ở vườn ra dưới Sa Pa, anh cán bộ kỹ thuật nghiên cứu về sét) đều góp phần thể hiện chủ đề và tư tưởng của tác phẩm.

- Các nhân vật trong truyện đều không có tên riêng, chỉ được nhà văn gọi theo giới tính và tuổi tác (anh thanh niên, cô kỹ sư nông nghiệp, ông họa sĩ già...) => Dụng ý của tác giả muốn người đọc liên tưởng đến những nhân vật tốt đẹp mà trong truyện không phải chỉ là những cá nhân riêng lẻ mà là số đông. Điều này tăng thêm sức khái quát đời sống của câu chuyện.

- Truyện có chất thơ bàng bạc toát lên từ các chi tiết, từ khung cảnh thiên nhiên Sa Pa đẹp như những bức tranh và chất thơ ấy còn ở chính trong tâm hồn các nhân vật với những suy nghĩ, cảm xúc thật trong sáng, đẽ. Chất thơ của truyện lại đi liền với chất họa. Truyện cũng có thể xem là những bức tranh đẹp, những bức tranh về cảnh thiên nhiên Sa Pa, về cuộc gặp gỡ giữa ba nhân vật và bức chân dung kí họa về nhân vật chính – anh thanh niên.

### **3.Nội dung**

- Truyện giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật chính – anh thanh niên - với những suy nghĩ sâu sắc và lòng yêu nghề nghiệp, với cách sống đẹp, trong công việc thảnh thơi một mình giữa núi cao mà vẫn không cô độc, buồn tẻ. Truyện còn ca ngợi và thể giới những con người như anh. Tác giả muốn nói với người đọc trong cái lặng lẽ của Sa Pa có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước. Qua câu chuyện, tác giả gợi ra vấn đề về ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác vì những mục đích chân chính của con người.

### **4.Tóm tắt**

Rời cây cầu số 4, chiếc xe chở hành khách lên Lai Châu trèo lên núi. Bác lái xe, ông họa sĩ già, cô kỹ sư trẻ mới ra trường trò chuyện với nhau về Sa Pa, về hội họa, về hạnh phúc, tình yêu. Chiếc xe dừng lại để lấy nước và cho hành khách nghỉ ngơi. Bác lái xe giới thiệu với ông họa sĩ và cô gái về một người cô độc nhất thế gian. Đó là anh thanh niên 27 tuổi, làm công tác vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Anh mời hai người lên nhà chơi, sau đấy họ nói chuyện với nhau khoảng 30 phút. Anh kể chuyện mình sống và làm việc tại đây. Anh rất yêu và gắn bó với công việc của mình. Anh còn thích đọc sách,

trồng cây thuốc, trồng hoa, nuôi gà. Nơi anh ở ngăn nắp, gọn gàng. Nói chuyện với anh, ông hoạ sĩ đã vẽ anh. Nhưng anh đã giới thiệu với ông hoạ sĩ về ông kĩ sư dưới vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét- những người cũng giống như anh, say mê làm việc, công hiến tuổi trẻ, trí tuệ, hạnh phúc cá nhân cho đất nước. Cô kĩ sư sau khi nói chuyện với anh TN nhận thấy bàng hoàng mới tình đầu nhạt nhẽo của mình từ bỏ là đúng đắn và yên tâm với quyết định nhận công tác miền núi. Sau 30 phút nói chuyện, đến giờ ộp, anh TN phải chia tay mọi người trong sự bịn rịn và quyến luyến. Anh không quên tặng hai người một làn trứng, tặng cô gái một bó hoa thật đẹp.

### **III. Phân tích truyện.**

#### **1. Vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa.**

Có một Sa Pa của những rặng đào, những đàn bò lang cổ đeo chuông đang thung thắng gặm cỏ, khung cảnh chỉ có thể thấy ở rừng núi. Có một Sa Pa của nắng, nắng đem lại cho Sa Pa một vẻ đẹp mới : rực rỡ và bất ngờ. Ánh nắng dường như sáng dần lên trong khung cảnh thiên nhiên. Cái nắng chói chang được Nguyễn Thành Long miêu tả « đốt cháy rừng cây » và cái nắng vào cuối buổi trưa lại gay gắt hơn « ánh nắng như phủ khắp , mạ bạc cả con đèo » Cảnh được quan sát từ trên cao trở xuống. Và ở góc độ ấy, thiên nhiên càng trở nên khoáng đạt, hùng vĩ hơn. Rừng cây như « một bó đuốc khổng lồ », ánh nắng khiến thiên nhiên Sa Pa lặng lẽ, trầm mặc mà đầy sức sống. « Nắng bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây », đọc câu văn, ta cảm giác như nắng đang di chuyển, đang chạy dần trên các triền núi. Có thể nói câu văn miêu tả thiên nhiên đã làm thêm chất trữ tình cho câu chuyện. Bên cạnh Sa Pa của nắng còn có Sa Pa của mây : « mây cuộn tròn từng cục, rơi trên các vòm lá ướt sương... » Dường như con người đang đi trong mây. Mây cũng hồn nhiên, tinh nghịch chui vào gầm xe. Và với thủ pháp nhân hoá rất thú vị ấy, Sa Pa còn hiện lên với hình ảnh cây thông và những cái cây tử kinh – chú bé nghịch ngợm nhô « cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng ». Cây tử kinh như hài hoà, nổi bật giữa màu xanh của rừng núi. Khung cảnh rất nên thơ và câu văn cũng đầy chất thơ. Khung cảnh mang vẻ đẹp bình yên, êm ả như không hề biết đến bom đạn, khói thuốc của chiến tranh. Dường như những thay đổi của cuộc sống không chạm được đến nơi đây. Nhan đề của truyện, thiên nhiên trong truyện cũng rất êm đềm, nhưng lặng lẽ mà không phẳng lặng, bình yên mà rất sống động.

#### **2. Vẻ đẹp của con người.**

##### **a. Phân tích nhân vật anh thanh niên.**

\*. Vị trí của nhân vật và cách miêu tả của tác giả:

Anh TN là nhân vật chính của truyện, dù không xuất hiện ngay từ đầu truyện mà chỉ hiện ra trong cuộc gặp gỡ chốc lát giữa các nhân vật kia với anh, khi xe của họ dừng lại nghỉ nhưng đã đủ để các nhân vật khác kịp nghỉ nhận một ấn tượng, một “kí hoạ chân dung” về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thưở của núi cao Sa Pa.

\*Những nét đẹp của nhân vật.

- **Hoàn cảnh sống và làm việc:** Một mình trên đỉnh núi cao 2600m quanh năm suốt tháng cô đơn giữa cỏ cây và mây mù lạnh lẽo. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,

tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất và chiến đấu. Ngày đêm 4 lần (1 giờ, 4 giờ, 11 giờ, 19 giờ) đều đặn và chính xác, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao dù mưa nắng, gió bão, nửa đêm tuyết rơi đều phải đi ốp. Tuy nhiên cái gian khổ của công việc chưa đáng sợ bằng cái gian khổ của hoàn cảnh sống: đó là sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức “thèm người” quá phải kiểm kè dừng xe qua đường để được gặp người.

- Quả thực, điều kiện sống và làm việc đó là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn khát khao và hành động nhưng **anh đã vượt qua hoàn cảnh ấy**.

+ Trước hết đó là **ý thức về công việc** của mình và lòng yêu nghề, thấy được **ý nghĩa cao quý** trong công việc thầm lặng của mình là có ích cho c/s, cho mọi người. Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc, nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình đã góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó “*không quân ta hạ được bao nhiêu phần lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng*”.

+ Anh đã có những **suy nghĩ và quan niệm đúng đắn và sâu sắc về cuộc sống và công việc** đối với cuộc sống con người. Công việc của anh gắn bó với bao người, hằng ngày anh vẫn phải 4 lần nói chuyện với trung tâm. Huống chi còn bao người làm việc trong hoàn cảnh khó khăn, cô độc hơn, chẳng hạn như anh bạn ở đỉnh Hoàng Liên Sơn cao 3142m mới là độ cao lí tưởng! Nếu không có công việc, không vì công việc thì đó mới là cuộc sống cô đơn thực sự, buồn đến chết. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành mà sâu sắc nhất của anh: “*khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất*”.

- Nhưng C/s của anh không hề cô đơn vì anh còn có những nguồn vui khác nữa ngoài công việc - đó là **niềm vui đọc sách** mà anh thấy như lúc nào cũng có người để trò chuyện. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh “mừng quýnh” như bắt được vàng

+ Anh biết **tổ chức, sắp xếp cuộc sống khoa học, ngăn nắp, tươi tắn, chủ động**: đọc sách, chăm hoa, nuôi gà, tự học... Thế giới riêng của anh là công việc: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thông kê, máy bộ đàm”. Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách”.

- Ở người anh thanh niên ấy còn có nhiều **nét tính cách và phẩm chất rất đáng mến**:

+ Sự **cởi mở, chân thành, rất quý trọng tình cảm của mọi người**, khao khát được gặp gỡ và trò chuyện với mọi người. Biểu hiện (*tình thân với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo, tặng gói tam thất cho vợ bác vừa mới ốm dậy. Vui mừng đến luống cuống, háp tấp cùng thái độ ân cần chu đáo khi tiếp đãi những người khách xa đến thăm bất ngờ: pha nước, hái hoa tặng khách - cô gái Hà Nội đầu tiên sau 4 năm làm việc, đến thăm anh, thành thực bộc lộ “những điều mà đáng lẽ người ta chỉ nghĩ” đến cảm động. Đếm từng phút vì sợ hết mắt ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu. Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải “quay mặt đi” và ấn vào tay ông họa sĩ già cái làn trứng làm quà, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “ốp”*)

+ Anh còn là người rất **khiêm tốn, thành thực** cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn còn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông họa sĩ kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...)

=> Tóm lại, chỉ bằng một số chi tiết và anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, nhưng tác giả đã phác họa được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

### ***b. Phân tích nhân vật ông họa sĩ.***

- Dù không phải là nhân vật chính nhưng ông họa sĩ có vai trò rất quan trọng trong truyện: người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và những ý nghĩ của ông họa sĩ để trần thuật, để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện. Qua nhân vật này, tác giả muốn gửi gắm những suy nghĩ về con người, về cuộc sống, về nghệ thuật.

- Ông họa sĩ là người nghệ sĩ có tâm hồn nhạy cảm. Ngay từ những lời giới thiệu của bác lái xe về anh thanh niên, ông họa sĩ đã xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ”. Sau đó ông lại ngạc nhiên khi thấy anh thanh niên đang hái hoa, cảm động và bị cuốn hút trước sự cởi mở chân thành của anh. Rồi ông lại cảm giác “mình bối rối” khi nghe anh thanh niên kể về công việc. Bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ sáng tạo đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông biết mình đang xúc động và bối rối vì đã “bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài”. Anh thanh niên là một con người như thế và có thể là nhân vật tương lai trong một tác phẩm của ông.

- Cảm hứng được khơi gợi đã thôi thúc người họa sĩ sáng tác. Anh thanh niên muốn dành 20 phút để nghe chuyện dưới xuôi. Ông họa sĩ hứa mười ngày nữa trở lại, còn bây giờ ông muốn dành trọn vẹn hai mươi phút ngắn ngủi để hiểu thật kĩ về người thanh niên, về đối tượng mà ông đang định thể hiện trong bức tranh của mình. Ông muốn làm một bức phác họa chân dung về anh thanh niên nhưng làm thế nào “cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài”.

- Ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác, đã bắt cảm hứng của mình hiện lên trang giấy: “cũng may mà bằng mấy nét, họa sĩ đã ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ”

- Những xúc cảm và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và về những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo nên chiều sâu tư tưởng.

### ***c. Nhân vật cô kĩ sư.***



- Đây là cô gái dám rời Hà Nội, bỏ lại sau lưng « môi tình đầu nhạt nhẽo » để lên công tác ở miền cao Tây Bắc. Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, những điều anh nói, câu chuyện anh kể về những người khác đã khiến cô « bàng hoàng », cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới ? ». Nhờ cái bang hoàng ấy, cô mới nhận ra môi tình của mình bấy lâu nay nhạt nhẽo biết bao, cuộc sống của mình lâu nay tầm thường biết bao, thế giới của mình lâu nay nhỏ bé biết bao ! Khoảnh khắc bàng hoàng ấy chính là sự bùng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta bắt gặp được những ánh sáng đẹp để tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn người khác.

- Cùng với sự bàng hoàng ấy là « một ấn tượng hàm ơn khó tả đọng lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những hào hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh dành cho thêm cô ». Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Qua tâm tư của cô gái, ta nhận ra vẻ đẹp và sức ảnh hưởng của nhân vật anh thanh niên.

#### **d. Các nhân vật khác :**

Bác lái xe, ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa hằng ngày ngồi trong vườn chăm chú quan sát cách lấy mật của ong, rồi tự tay thụ phấn cho hàng vạn cây su hào để hạt giống làm ra tốt hơn, anh cán bộ nghiên cứu đã mười một năm ròng túc trực chờ sét để lập bản đồ sét tìm tài nguyên cho đất nước. Họ tạo thành cái thế giới những con người như anh thanh niên ở trạm khí tượng, những con người miệt mài lao động khoa học lặng lẽ mà khẩn trương vì lợi ích của đất nước, vì cuộc sống của con người.

=> Tóm lại, qua những xúc cảm và suy nghĩ cùng thái độ cảm mến của các nhân vật phụ, hình ảnh nhân vật anh thanh niên được hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn, chủ đề tác phẩm được mở rộng thêm, gợi ra nhiều ý nghĩa như là đã được lọc qua thứ ánh sáng tâm hồn trong trẻo và rục rờ khiến hình ảnh ấy rạng rỡ hơn, ánh lên nhiều sắc màu hơn.

**3. Ý nghĩa :** Truyện ngợi ca những con người lao động như anh thanh niên làm công tác khí tượng và cái thế giới những con người như anh. Tác giả muốn nói với người đọc : « Trong cái lặng im của Sa Pa » (...), có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước ». Đồng thời qua câu chuyện về anh thanh niên, tác phẩm cũng gợi ra những vấn đề về ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác, vì những mục đích chân chính đối với con người.

#### **B. Một số câu hỏi luyện tập.**

**Câu 1:** Tình huống cơ bản của truyện “LLSP” là như thế nào? Vai trò của tình huống ấy đối với việc thể hiện nhân vật và chủ đề của truyện.

- Tình huống cơ bản của truyện “LLSP” chính là cuộc gặp gỡ của người thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe và hai hành khách trên chuyến xe ấy – ông họa sĩ và cô kĩ sư lên thăm trong chốc lát nơi ở và làm việc của anh thanh niên.

- Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để nhân vật chính được hiện ra qua sự quan sát, suy nghĩ của những nhân vật khác, đặc biệt là ông họa sĩ già. Chính vì thế nhân vật chính không chỉ hiện ra một cách tự nhiên mà còn được soi chiếu, đánh giá từ cái nhìn và



cảm xúc của những nhân vật khác, rồi lại tác động đến tình cảm và suy nghĩ của những nhân vật ấy.

**Câu 2.** Nêu cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện “lặng lẽ Sa Pa”.

**Câu 3:** Nêu cảm nhận về nhân vật ông họa sĩ trong truyện “lặng lẽ Sa Pa”.

**Câu 4 :** Nhân vật cô gái trong « Lặng lẽ Sa Pa ».

**Câu 5.** Hãy triển khai mỗi câu chủ đề dưới đây thành một đoạn văn:

a. “ Dưới vẻ đẹp lặng lẽ, thơ mộng của Sa Pa - nơi thường gợi đến sự nghỉ ngơi vẫn có những con người hăng say làm việc cho đất nước.

b. “Lặng lẽ Sa Pa” là tiếng nói của tình yêu thương.

**Gợi ý: Đoạn văn a phải đảm bảo các ý sau:**

- Là những con người có hoàn cảnh lao động đặc biệt : khó khăn, vất vả, cô đơn

- Công việc nghe qua có vẻ thông thường, giản đơn, thậm chí nhàm chán nhưng đòi hỏi sự kiên trì và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Họ là những con người ý thức, cống hiến hết sức mình cho công việc, cho đất nước.

+ Đó là anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m giữa núi rừng Sa Pa ngút ngàn sương gió. Anh đã phải vượt qua tất cả để sống một cuộc sống thật đẹp để từ ý nghĩ, tình cảm đến hành động, một cuộc sống có ích đóng góp cho đời. Anh gắn bó với công việc bằng tất cả tình yêu, niềm say mê của mình. Anh đã có những suy nghĩ và quan niệm đúng đắn về cuộc sống, công việc

=> với tinh thần trách nhiệm và trình độ chuyên môn vững vàng, những việc làm của anh đã góp phần quan trọng vào lợi ích chung của đất nước.

- Ở chốn Sa Pa lặng lẽ kia, anh thanh niên ấy không phải là người duy nhất có một cuộc sống lặng lẽ hăng say. Qua lời kể của anh ta thấy còn có những người khác ngày đêm miệt mài lao động khoa học trong lặng lẽ mà khăn trương cống hiến cho đất nước.

+ Đó là ông kĩ sư vườn rau Sa Pa nghiên cứu tìm cách thụ phấn cho hoa su hào để có được năng suất và chất lượng tốt hơn.

+ Đó còn là anh cán bộ nghiên cứu khoa học làm bản đồ sét giúp tìm ra tài nguyên cho đất nước.

=> Họ là những con người rất mực khiêm tốn, luôn muốn học hỏi và chính những con người bình dị ấy đã làm nên một vẻ đẹp mới cho SP

-Câu kết : Hình ảnh những con người đã tìm được một lẽ sống đầy ý nghĩa cho cuộc đời mình thật là đẹp đẽ.

**b. Đoạn văn b.**

**Về nội dung, cần chú ý đến các biểu hiện của tình người đậm thắm, tha thiết:**

- Ông họa sĩ và cô kĩ sư trẻ chỉ mới gặp nhau mà coi nhau như cha con

- Anh thanh niên và bác lái xe trở nên thân thiết gắn bó, dành cho nhau những tình cảm chân thành.

- Anh thanh niên đón những vị khách bất ngờ bằng tình cảm nồng hậu, sự trân trọng và quý mến. Lưu luyến khi chia tay.

- Anh dành để nói về ông kĩ sư ở vườn rau và anh cán bộ khoa học nghiên cứu sét...

=> Những con người đó sống rất đẹp, và tình cảm thương yêu gắn bó giữa họ góp phần tạo nên nét đẹp ấy

### **Đoạn mẫu tham khảo :**

Truyện ngắn “Lặng lẽ Sapa” chan chứa tình yêu thương. Trong truyện, tình tiết rất ít, nếu có thì cũng rất đơn giản nhưng ta đều cảm nhận được một niềm yêu thương ấm áp trong từng hành động, cử chỉ, lời nói, cách ứng xử của những nhân vật. Anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn trên đỉnh Yên Sơn, sống âm thầm trên đỉnh Sapa, bởi vậy anh rất quý trọng tình cảm của những con người đến thăm anh. Có những lúc con “thèm người” trào dâng trong huyết quản, anh đã chặn một khúc gỗ giữa đường dừng cả một đoàn xe lại chỉ để có người nói chuyện. Anh luôn tâm niệm: “*Người thì ai chả “thèm” hả bác. Mình sinh ra ở đâu? Mình vì ai mà làm việc?*” Bởi vậy, anh đã dành cho mọi người, ngay kể cả những vị khách lần đầu gặp một tình cảm thương yêu nồng ấm thật đáng trân trọng. Anh luôn quan tâm đến mọi người, tìm bằng được củ tam thất để biếu người vợ mới ốm dậy của bác lái xe. Bác lái xe chuyên nào cũng cho khách nghỉ nửa tiếng để lên thăm anh và mua sách cho anh. Và anh còn hái hoa tặng cô gái, biếu làn trứng cho những vị khách bất chợt đến thăm. Và cả ông họa sĩ và cô kĩ sư nữa, họ mới gặp nhau lần đầu, ngay trên một chuyến xe bất ngờ đến Sapa, hơn nữa hai người lại tuổi tác cách biệt, nhưng không hiểu sao giữa họ lại có một tình cảm gắn bó sâu sắc. Mới gặp mà dường như họ đã quen nhau lâu lắm, hiểu nhau lắm rồi. Bởi vậy, người họa sĩ coi cô gái như là con vậy. Gặp anh thanh niên, ông kĩ sư vô cùng cảm động trước cái cuộc sống công hiến lặng lẽ của anh, và đã không đắn đo vẽ tấm chân dung anh với lòng cảm mến. Còn cô gái thì ngay lập tức có tình cảm với anh thanh niên, khi chia tay mà trong lòng vẫn xiết bao bồi hồi xao xuyến. Và tình cảm đậm ấm mà họ trao tặng nhau dường như làm đẹp cả một vùng đất trời Sa Pa.

**Câu 6. Trong « lặng lẽ Sa Pa », bác lái xe đã giới thiệu với ông họa sĩ về anh thanh niên là « người cô độc nhất thế gian ». Theo em, ý kiến của bác lái xe có đúng không? Ghi lại văn tắt ý kiến của em.**

Gợi ý : Trong « lặng lẽ Sa Pa », bác lái xe đã giới thiệu với ông họa sĩ : « anh thanh niên là người cô độc nhất thế gian ». Đây là một cách nói của bác lái xe nhằm gây ấn tượng, gây chú ý về nhân vật anh thanh niên. Quả thực anh thanh niên ít có điều kiện tiếp xúc với mọi người, anh sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Anh lại làm công việc đo nắng, đo gió, đo mưa nên càng ít có cơ hội gặp gỡ, nói chuyện với người khác. Chính vì thế mà anh đã từng lấy cây chặn xe để mong có dịp được chuyện trò, làm quen với mọi người đi ngang qua.

- Nhưng mặc dù vậy, anh không hề cô đơn. Cho dù phải sống và làm việc một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m quanh năm chỉ có mây mù, cây cỏ. Nhưng anh rất yêu công việc. Với anh, khi làm việc, anh với công việc là đôi, công việc của anh gắn với bao anh em đồng chí. Công việc của anh đã góp phần vào việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc (việc phát hiện một đám mây khô..... bộ đội bắn rơi máy bay Mĩ...) Ngoài ra, anh còn biết cách tự tạo cho mình những niềm vui trong cuộc sống, biết cách làm cho cuộc sống của mình trở nên giàu có, phong phú. Anh thích đọc sách bởi đọc sách cũng có nghĩa là có người để trò chuyện. Rảnh rỗi, anh còn trồng hoa, trồng cây thuốc, nuôi gà. Ngày lại ngày, anh bị cuốn đi trong công việc, vậy làm sao anh có thể cô độc ? Nói đúng hơn anh là con người sống thật hạnh phúc !

### **Câu 7 : Viết đoạn văn quy nạp : dùng phép thế đồng nghĩa (12 câu)**

Ông họa sĩ (« LLS P » - NTL) là một con người có tâm hồn nhạy cảm, có nhiều suy nghĩ sâu sắc về nghề nghiệp.

#### **Gợi ý :**

- Tâm hồn nhạy cảm, mẫn cảm : Ông họa sĩ trong câu chuyện với người thanh niên mặc dù gặp gỡ rất ít phút, chỉ thoáng nghe người thanh niên kể chuyện về công việc của mình, ông cảm nhận ngay được nét đẹp tâm hồn của anh, ông cảm thấy rối bời bởi ông đã bắt gặp điều mà ông vẫn ao ước được biết » - vẻ đẹp tâm hồn cao quý của người thanh niên.

- Là con người từng trải, hiểu đời, hiểu người sâu sắc

- Là con người gắn bó với hội họa, có nhiều trăn trở về nghề nghiệp => lòng yêu nghề, say mê với nghề. Dấu ấn nghề nghiệp đã in dấu lên vẻ ngoài của ông

+ Sắp nghỉ hưu vẫn muốn vẽ tranh. ông hiểu vẽ là một công việc gian nan. Ông cảm thấy ngòi bút của mình dường như bất lực trong việc tái hiện lại vẻ đẹp cuộc sống con người. Chỉ có những người thực sự giỏi mới không tự bằng lòng với mình, tự thấy mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

+ Ông càng xúc động trước những nét đẹp bình dị, đáng quý của anh thanh niên, ông càng khát khao sáng tác. Làm thế nào để phác họa được bức chân dung chàng trai, làm thế nào để người xem phát hiện được, cảm nhận được nét đẹp của anh như ông đang xúc động, làm thế nào để gửi gắm suy tư của ông vào bức tranh đó.

=> Quả thực ta thấy ông là một con người có tâm hồn nhạy cảm, có nhiều suy nghĩ sâu sắc về nghề nghiệp.

### **Câu 8 : Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật cô kĩ sư trẻ.**

- Tâm hồn nhạy cảm, phong phú. Những điều cô cùng ông họa sĩ nghe anh thanh niên nói, cuộc gặp gỡ ngắn ngủi ấy .... Đã khiến cô bàng hoàng, bàng hoàng nhận ra nhiều điều (sgk)

Cô lên công tác để chia tay mối tình nhạt nhẽo của mình, cô xúc động mãnh liệt trước vẻ đẹp tâm hồn của một người mà cô không hề quen biết. Những cảm nhận, phát hiện ấy khiến cô tin hơn vào quyết định của mình, dũng cảm tự tin hơn trên con đường đi tới cuộc sống mới, nơi công tác mới.

- Cô ước ao có một chút gì đó kỉ niệm cho chàng trai mà cô đã yêu mến, khâm phục

=> Phải nói rằng đó là cuộc gặp gỡ trong khoảnh khắc nhưng rất khó quên.

- Tâm hồn lãng mạn của tuổi trẻ :

+ Ngạc nhiên sung sướng, mừng rỡ, ồ lên khi nhìn thấy hoa, quên mất e lệ còn bởi vì cô rất yêu hoa.

=> Tâm hồn lãng mạn và thơ mộng của người con gái Hà Nội đã khiến cô dừng cảm nhận công tác ở vùng núi xa xôi này. Bởi thế cô cũng rất xúc động, xao xuyến khi nghe người con trai nói chuyện, chứng kiến những suy nghĩ, tình cảm hết sức chân thành của anh thanh niên, cô rất bối rối rung động bởi cô hiểu rằng những con người như vậy rất khó gặp trong cuộc sống => Nâng niu những giây phút ấy.

**Câu 9 : Viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu : Những trang văn của Nguyễn Thành Long đã khắc họa thiên nhiên Sa Pa thật rực rỡ, nên thơ, giàu cảm xúc.**

(Đoạn văn có sử dụng một câu thẩm thán. Gạch 1 gạch chỉ rõ. )

Có một Sa Pa của những rặng đèo, những đàn bò lang cô đeo chuông đang thung thũng gặm cỏ, khung cảnh chỉ có thể thấy ở rừng núi. Có một Sa Pa của nắng, nắng đem lại cho Sa Pa một vẻ đẹp mới : rực rỡ và bất ngờ. Ánh nắng dường như sáng dần lên trong khung cảnh thiên nhiên. Cái nắng chói chang được Nguyễn Thành Long miêu tả « đốt cháy rừng cây » và cái nắng vào cuối buổi trưa lại gay gắt hơn « ánh nắng như phủ khắp , mạ bạc cả con đèo » Cảnh được quan sát từ trên cao trở xuống. Và ở góc độ ấy, thiên nhiên càng trở nên khoáng đạt, hùng vĩ hơn. Rừng cây như « một bó đuốc khổng lồ », ánh nắng khiến thiên nhiên Sa Pa lộng lẫy, trầm mặc mà đầy sức sống. « Nắng bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây », đọc câu văn, ta cảm giác như nắng đang di chuyển, đang chạy dần trên các triền núi. Có thể nói câu văn miêu tả thiên nhiên đã làm thêm chất trữ tình cho câu chuyện. Bên cạnh Sa Pa của nắng còn có Sa Pa của mây : « mây cuộn tròn từng cục, rơi trên các vòm lá ướt sương... » Dường như con người đang đi trong mây. Mây cũng hồn nhiên, tinh nghịch chui vào gầm xe. Và với thủ pháp nhân hoá rất thú vị ấy, Sa Pa còn hiện lên với hình ảnh cây thông và những cái cây tử kinh – chú bé nghịch ngợm nhô « cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng ». Cây tử kinh như hài hoà, nổi bật giữa màu xanh của rừng núi. Khung cảnh rất nên thơ và câu văn cũng đầy chất thơ. Khung cảnh mang vẻ đẹp bình yên, êm ả như không hề biết đến bom đạn, khói thuốc của chiến tranh. Dường như những thay đổi của cuộc sống không chạm được đến nơi đây. Nhan đề của truyện, thiên nhiên trong truyện cũng rất êm đềm, nhưng lộng lẫy mà không phẳng lặng, bình yên mà rất sống động.

**Câu 10 : Nhan đề « lộng lẫy Sa Pa » có ý nghĩa như thế nào ?**

-Vẻ đẹp của Sa Pa, vẻ đẹp lộng lẫy, êm đềm và rất thơ mộng, lộng lẫy mà không hề quạnh hưu.

- Khắc họa vẻ đẹp của những con người lao động lộng lẫy. Những công việc, thành quả mà họ đạt được cũng hết sức bình dị, họ làm việc say mê không hề nghĩ đến nghỉ ngơi và cũng không cần ai biết đến mình. Họ là những con người rất đỗi khiêm tốn, những anh hùng vô danh.

=>Nhan đề giúp ta cảm nhận sâu sắc hơn vẻ đẹp của những con người nơi Sa Pa lộng lẫy. « Lộng lẫy » được đưa lên đầu câu để nhấn mạnh vẻ đẹp thắm lộng lẫy, bình dị của họ. Và phải chăng đó cũng là nhịp sống bình yên, êm ả của vùng đất xa xôi và thơ mộng ấy.

**Câu 11 : Cho câu chủ đề sau :**

«Lộng lẫy Sa Pa » như tác giả nói là bức chân dung – chân dung của các nhân vật, trong đó có ông họa sĩ.

Viết đoạn văn khoảng 15 câu (sử dụng thành phần phụ chú và phép thế) nêu cảm nhận của em về ông họa sĩ (những suy nghĩ về nghệ thuật, về con người, cảm xúc trước người thanh niên ở trạm khí tượng)

**Gợi ý :**

- Giới thiệu ngòi bút điềm tĩnh và giàu chất thơ của Nguyễn Thành Long.

- « Bối rối, xúc động, một nét thôi cũng đủ khơi gợi một tâm hồn », lời kể giản dị và chân thật của anh thanh niên đã làm ông xúc động. Hoá ra cái đẹp thật giản dị, nó nằm ngay trong cuộc sống, ở quanh ta. Nhiều khi một nét, một chút cảm xúc « đủ đem lại ý nghĩa cho chuyến đi của ông, nó không hề vô ích ». Bối rối, ấy là tâm trạng xúc động, xao xuyến trước vẻ đẹp của cuộc sống. Người thanh niên không phải là một người anh hùng lao động được vinh danh như ta thường thấy, nhưng phải chăng chính nét đẹp dung dị như cuộc sống và lặng thầm như Sa Pa lại có sức thuyết phục nhất đối với những con người từng trải như ông ? Và người hoạ sĩ lại càng thấm thía...

-« Vẽ bao giờ... » (dẫn chứng sgk) => Suy nghĩ hết sức nghiêm túc về hội hoạ và nghề nghiệp. Phải là một con người giỏi nghề mới thấy được sự bất lực của hội hoạ trước cuộc đời, trước con người để luôn cố gắng vượt qua giới hạn của chính mình- những ngưỡng cửa đầy khó khăn. Phải làm thế nào để truyền lại cho người xem những cảm xúc ấy của ông về người thanh niên...

-Ông hoạ sĩ là người như vậy. Với ông, vẽ là một công việc gian nan và đầy khó khăn, không hề đơn giản. Không phải ai cũng có được những suy nghĩ sâu sắc như vậy.

=> Những suy nghĩ ấy không chỉ bó hẹp trong hội hoạ, điều ấy đáng để cho chúng ta ngẫm ngợi, nghĩ suy.

## **ĐỀ VĂN THAM KHẢO: Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long có đoạn:**

*"... Nhân dịp Tết một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đây. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế (...)*

*Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ở bác vẽ cháu đấy ư? Không, không đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn"*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 185).

Và tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê Có đoạn:

*"Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần, Ngày nào Ít ba lần. Tôi cố nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đừng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi,, mằn mằn, cát lạo xạo trong miệng. "*

(Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 118) Cảm nhận của em về hai đoạn trích trên. Từ đó, hãy nhận xét ngắn gọn về vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

## **GỢI Ý:**

### **I. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và hai nhân vật

+ Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.



- Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

## **II. Thân bài:**

- Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

### **1. Vẻ đẹp trong cách sống**

#### **a. Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa**

– Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất..

– Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.

– Anh đã vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.

– Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.

– Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học..

#### **b. Cô thanh niên xung phong Phương Định**

– Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.

– Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.

– Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...

### **2. Vẻ đẹp tâm hồn**

#### **a. Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa**

– Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.

– Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.

– Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.

– Là người nhân hậu, chân thành, giản dị.

– Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.

– Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.

– Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.

=> Các tác giả đã miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.

- Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.

=> Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

### III. Kết bài

– Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.

– Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.

## CHIẾC LƯỢC NGÀ - NGUYỄN QUANG SÁNG

### A. Kiến thức cần nhớ.

#### 1. Tác giả :

- Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau năm 1954, tập kết ra Bắc công tác tại phòng văn nghệ Đài tiếng nói Việt Nam và bắt đầu viết văn. Từ đó ông công tác ở Hội nhà văn Việt Nam, làm biên tập cho tuần báo Văn nghệ và Hội nhà văn. Trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, ông tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học.

- Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng có nhiều thể loại : truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hoà bình.

- Lối viết của Nguyễn Quang Sáng giản dị, mộc mạc, nhưng sâu sắc, đậm đà chất Nam Bộ.

**2. Hoàn cảnh sáng tác :** « Chiếc lược ngà » được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ, trong thời kì kháng chiến chống Mĩ và được đưa vào tập truyện cùng tên. Văn bản đoạn trích là phần giữa của truyện, tập trung thể hiện tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu.

**3. Ngôi kể :** - Tác giả đã kể chuyện từ nhân vật “Tôi”- một người chứng kiến câu chuyện. Ngôi kể này đã tạo được một giọng điệu kể chuyện thủ thỉ, gợi cảm giác chân thực và gần

gửi với người đọc. Khi cần có thể bày tỏ trực tiếp cảm xúc, thái độ đối với sự kiện và nhân vật.

**4. Tên truyện** “chiếc lược ngà” là câu nổi tình cảm giữa hai cha con ông Sáu. Chiếc lược ngà là kỉ vật của người cha vô cùng yêu con để lại cho con trước lúc hy sinh....

**5. Tình huống cơ bản của truyện. (Truyện ngắn « Chiếc lược ngà » đã sáng tạo được tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí. Đó là tình huống nào ? Tình huống ấy đã thể hiện tâm trạng của người cha và đứa con như thế nào ? )**

- Cuộc gặp gỡ của hai cha con sau 8 năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha. Đến lúc em nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi

- Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con, nhưng chiếc lược chưa gửi đến tay con thì ông Sáu đã hi sinh.

- Tình huống thứ nhất là tình huống cơ bản. Và nếu tình huống này bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha thì tình huống thứ hai bộc lộ tình cảm sâu sắc của người cha đối với đứa con.

#### **6. Tóm tắt**

- Ông Sáu ở chiến khu về thăm nhà với hy vọng gặp lại đứa con sau tám năm xa cách, hai bố con chưa hề gặp mặt.

- Một ngày đầu, do vết sẹo trên mặt ông Sáu khác với tấm hình chụp ở nhà nên bé Thu không nhận bố.

- Đến hôm ông Sáu phải lên đường, nghe bà ngoại giải thích về vết sẹo, bé Thu đã nhận ba của mình.

- Ở khu căn cứ, người cha dồn hết tình cảm yêu quý, nhớ thương đứa con vào việc làm cho con gái một chiếc lược chải tóc bằng ngà. Lúc hấp hối (do bị trúng đạn máy bay Mỹ) ông đã nhờ đồng đội chuyển chiếc lược ngà cho con.

#### **7. Nghệ thuật trần thuật của truyện :**

- Truyện «Chiếc lược ngà » khá tiêu biểu cho những đặc điểm trong nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng. Là một nhà văn Nam Bộ, rất am hiểu và gắn bó với mảnh đất ấy, Nguyễn Quang Sáng, hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong chiến tranh và sau hoà bình.

- Một trong những điểm tạo nên sức hấp dẫn của truyện là tác giả đã xây dựng được một cốt truyện khá chặt chẽ, có những yếu tố bất ngờ tự nhiên nhưng hợp lí : Bé Thu không nhận ra cha khi ông Sáu về phép thăm nhà, rồi lại biểu lộ những tình cảm thật nồng nhiệt, đầy xúc động với người cha trước lúc chia tay. Sự bất ngờ càng gây được hứng thú cho người đọc khi hiểu được tính hợp lí của các sự việc, hành động bề ngoài có vẻ mâu thuẫn. Ở phần sau của truyện, tác giả còn tạo thêm một bất ngờ nữa, đó là cuộc gặp gỡ tình cờ của nhân vật người kể chuyện với Thu, bấy giờ đã thành một cô giao liên dũng cảm, trong một lần ông cùng một đoàn cán bộ đi theo đường dây giao liên, vượt qua một quãng nguy hiểm ở Đồng Tháp Mười.

- Một yếu tố nghệ thuật nữa góp phần tạo nên thành công của truyện ngắn này là việc lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp. Người kể chuyện trong vai một người bạn thân thiết của ông Sáu, không chỉ là người chứng kiến khách quan và kể lại mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật. Đồng thời qua những ý nghĩ, cảm xúc nhân vật kể chuyện,

các chi tiết, sự việc và nhân vật khác trong truyện bộc lộ rõ hơn, ý nghĩa tư tưởng của truyện thêm sức thuyết phục.

+ Truyện được trần thuật theo lời của người bạn ông Sáu, người đã chứng kiến những cảnh ngộ éo le của cha con ông. Cảnh ngộ ấy đã gợi lên bao nhiêu xúc động ở nhân vật kể chuyện : « *tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng « ba » mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng « ba » như vỡ tung ra từ đáy lòng nó* ». Lòng trắc ẩn, sự thấu hiểu những hi sinh mà bạn mình phải chịu đựng khiến cho ông « bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim ».

+ Chọn nhân vật kể chuyện như vậy khiến cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy hơn. Người kể chuyện lại hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể theo trạng thái cảm xúc của mình, chủ động xen vào những ý kiến bình luận, suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc, người nghe. (VD : trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy, « cây lược ngà chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh »)

## **B. Luyện tập.**

**Câu 1 :** Vì sao câu chuyện về tình cha con cảm động trong chiến tranh lại được Nguyễn Quang Sáng đặt tên là « Chiếc lược ngà » ?

**Gợi ý :**

- Nhan đề của tác phẩm thường bộc lộ chủ đề của truyện hoặc ít nhiều nói tới cốt truyện... »Chiếc lược ngà» của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một nhan đề giản dị và sâu sắc.

- Chiếc lược ngà là kỉ vật thiêng liêng của tình cha con sâu nặng. Với bé Thu : ban đầu là ước mơ của một cô bé 8 tuổi, một ước ao rất giản dị, trong sáng, rất con gái. Có lẽ đó cũng là món quà đầu tiên nhưng cũng lại là món quà cuối cùng người cha tặng cho cô con gái bé bỏng. Nó là tất cả tình yêu thương, kỉ niệm của ba dành cho Thu khi ba hi sinh. Với bé Thu, chiếc lược ấy chính là hình ảnh người cha (trong tâm khảm)

- Với ông Sáu : Những ngày xa con ở chiến khu, bao nhiêu nhớ thương, day dứt, ân hận và cái cái niềm khát khao được gặp con, anh dồn cả vào việc làm chiếc lược ngà rất tỉ mỉ, rất cẩn thận (dũa từng chiếc răng lược chau chuốt). Dường như khi dũa từng chiếc răng như vậy, anh cũng bớt áy náy vì đã đánh con, đã không phải với con. Cây lược làm xong, mỗi khi thương nhớ con, anh lại ngắm nhìn cây lược. Phải chăng với người cha, chiếc lược nhỏ xinh xắn ấy cũng là hình ảnh cô con gái bé bỏng. Và trước khi anh Sáu hi sinh, chiếc lược ngà chính là lời trăng trối anh gửi lại, là tất cả tình cảm của người cha dành cho con, cho gia đình.

**Câu 2 :** ( đề thi vào THPT năm học 2005 – 2006)

Trong tác phẩm « Chiếc lược ngà » của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, đoạn ghi lại cảnh chia tay của cha con ông Sáu có đoạn viết : « Nhìn cảnh ấy.... trái tim mình ».

? Vì sao khi chứng kiến cảnh này, bà con xung quanh và nhân vật « tôi » lại có cảm xúc đó ?

? Người kể chuyện ở đây là ai ? Cách chọn vai kể đã góp phần như thế nào vào sự thành công của tác phẩm ?

? Kể tên hai tác phẩm khác viết về đề tài chống Mĩ, ghi rõ tên tác giả ?

**Gợi ý :** a.

- Ông Sáu phải chịu đựng quá nhiều sự hi sinh, mất mát : chiến tranh khiến cho ông mang một nỗi đau về thể xác và trong những ngày phép ngắn ngủi ở nhà, ông lại phải chịu thêm nỗi đau tinh thần do bé Thu nhất quyết không chịu nhận ông là cha, không gọi một tiếng « ba » mà ông hằng khao khát suốt 8 năm trời.

- Trong buổi sáng trước giờ phút ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi « ba » và tiếng kêu như tiếng xé, rồi « nó vừa kêu vừa chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó », « Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa, « hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi cầu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run ». Như vậy, cho đến lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc quá ngắn ngủi. Trước cử chỉ của bé Thu, “anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Đó là giọt nước mắt sung sướng, hạnh phúc của một người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình.

- Thì ra trong đêm về nhà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu được giải tỏa và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận, hối tiếc. Vì thế trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi nhớ mong với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.

=> Chúng ta thấy những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con ông Sáu phải chia tay, có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

**b.** Truyện được trần thuật theo lời của ông Ba- người bạn ông Sáu, nhân vật « Tôi », người đã chứng kiến những cảnh ngộ éo le của cha con ông. Cảnh ngộ ấy đã gợi lên bao nhiêu xúc động ở nhân vật kể chuyện : « *tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng « ba » mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng « ba » như vỡ tung ra từ đáy lòng nó* ». Lòng trắc ẩn, sự thấu hiểu những hi sinh mà bạn mình phải chịu đựng khiến cho ông « bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim ».

=> Chọn nhân vật kể chuyện như vậy khiến cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy hơn. Người kể chuyện lại hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể theo trạng thái cảm xúc của mình, chủ động xen vào những ý kiến bình luận, suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc, người nghe. (VD : trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy, « cây lược ngà chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh »)

**c.** Kể tên hai tác phẩm :

1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính của nhà thơ Phạm Tiến Duật.



2. Truyện « Những ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê

**Câu 3 :** Viết lại đoạn văn dưới đây thay vai kể là bé Thu : « Chắc anh cũng muốn .....lấy cổ ba nó »

---

## TẬP LÀM VĂN

**Đề bài 1: Cảm nhận về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích « Chiếc lược ngà » của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.**

### A. Mở bài :

- Truyện « Chiếc lược ngà » được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, tại chiến trường Nam Bộ trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Truyện viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nhưng lại tập trung nói về tình người - cụ thể ở đây là tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đặc biệt tình là tình cảm của ông Sáu - người cha cán bộ cách mạng đối với đứa con gái nhỏ - Bé Thu thật sâu sắc và cảm động.

### B. Thân bài :

**1. Tóm tắt qua về cuộc đời của ông Sáu :** Ông Sáu là một nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước đã tham gia hai cuộc kháng chiến (đánh Pháp và đánh Mỹ), và đã anh dũng hi sinh. Ông Sáu là một người cha hi sinh cả cuộc đời để gìn giữ tinh cha con bất diệt. Vì cuộc chiến đấu chung của dân tộc, ông Sáu đã mang vết sẹo trên mặt, đã hi sinh cả vẻ đẹp của một thời trai trẻ. Đây là nỗi đau thể xác. Mấy ngày về thăm nhà, ông lại phải trải qua nỗi đau về tinh thần : đứa con gái duy nhất ông hằng mong nhớ, không chịu nhận ông cha, không một lời gọi « ba ». Cho đến phút cuối cùng trước lúc chia tay, ông mới được hưởng hạnh phúc của người cha. Nhưng phút ấy ngắn ngủi quá. Để rồi cuối cùng ông vĩnh viễn phải xa con. Ông đã ngã xuống lặng thầm mà không một lời trăng trối, không một nắm mồ, không bia mộ...

### 2. Trong những ngày về phép thăm nhà.

- Ra đi đánh giặc từ năm 1946, mãi đến năm 1954 hoà bình lập lại, ông mới được về phép thăm nhà và quê hương một vài ngày. Ngày ra đi bộ đội, đứa con gái bé bỏng thân yêu của ông mới lên một tuổi, ngày về thì con bé đã tám, chín tuổi. *Cái khao khát của một người lính sau những năm dài vào sinh ra tử trở lại quê hương, được gặp lại vợ con, được nghe con cất tiếng gọi « ba » một tiếng cũng không được trọn vẹn. Đó là bi kịch thời chiến tranh.*

+ Gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy đứa con. Ông vừa bước, vừa khom người đưa tay chờ đón con”, có lẽ ông rất vui, rất xúc động và hạnh phúc, tin rằng đứa con sẽ đến với mình. Nhưng bé Thu đã từ chối, chạy và kêu thét lên gọi má. Ông Sáu vô cùng buồn bã, thất vọng, đau đớn.

+ Trong hai ngày phép ngắn ngủi, ông Sáu không đi đâu chỉ quanh quẩn ở nhà với con, chăm sóc con nhưng bé Thu không nhận cha khiến ông vô cùng buồn. ....nhưng ông sẵn lòng tha thứ cho con. Tình yêu thương của người cha dành cho con trở nên bất lực khi ông Sáu đánh con bé một cái vào mông vì nó đã hất miếng trứng cá mà ông gắp ra khỏi

bát cơm làm cơm văng tung toé.....Bom đạn giặc đã làm thay đổi hình hài ông. Vết sẹo dài trên má phải - vết thương của chiến tranh – đã làm cho đứa con gái thương yêu, bé bỏng không nhận ra bóng dáng người cha nữa !

- Cho đến lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc khi đứa con gái ngây thơ chợt nhận ra ba mình và kêu thét lên: “Ba..... ba!”. Trước cử chỉ của bé Thu, “anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Đó là giọt nước mắt sung sướng, hạnh phúc của một người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình. Và ông Sáu đã ra đi với nỗi thương nhớ vợ con không thể nào kể xiết.

3. *Tình cảm của ông Sáu với con đã được thể hiện phần nào trong chuyện về phép thăm nhà, nhưng biểu hiện tập trung và sâu sắc ở phần sau của truyện, khi ông Sáu ở trong rừng tại khu căn cứ.*

- Trước hết là nỗi nhớ thương xen lẫn sự day dứt, ân hận ám ảnh ông suốt nhiều ngày vì ông đã đánh con khi nóng giận. Ông Sáu đúng là một người cha hiền lành, nhân hậu, biết nâng niu tình cảm cha con. Mang lời hẹn ước của con gái ra đi : “Ba về, ba mua cho con một cây lược ngà nghe ba!” đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con. Ông quả là một người cha chiều con và luôn biết giữ lời hứa với con, đó là biểu hiện tình cảm trong sáng và rất sâu nặng

- Kiếm được khúc gỗ, anh vui sướng như đứa trẻ được quà, rồi để hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược, cưa răng, chuốt bóng, khắc chữ... tỉ mỉ, cần mẫn, công phu. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong cuộc đời. Cho nên nó không chỉ là chiếc lược xinh xắn và quý giá mà đó là chiếc lược kết tụ tất cả tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm, sâu xa, đơn sơ mà kì diệu làm sao! Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng ông. Nó trở thành vật thiêng, an ủi ông, nuôi dưỡng trong ông tình cha con và sức mạnh chiến đấu. Hằng đêm, ông đã nhìn ngắm chiếc lược, cố mài lên mái tóc, cho chiếc lược thêm bóng, thêm mượt. Tác giả không miêu tả rõ song người đọc vẫn hình dung cái kỉ vật nhỏ bé mà thân thương ấy, mỗi ngày một đẹp lên, trắng ngà, toả sáng lung linh. Đó là biểu tượng trắng trong, quý giá, bất diệt của tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu. Chiếc lược nhỏ bé mà thiêng liêng đã làm dịu nỗi ân hận và ánh lên niềm hi vọng khắc khoải sẽ có ngày anh Sáu được gặp lại con, trao tận tay nó món quà kỉ niệm này.

- Nhưng tình cảnh thật đáng thương, anh không kịp đưa cây lược ngà đến tận tay cho con, người cha ấy đã hi sinh trong một trận càn. Trước khi vĩnh biệt con, ông Sáu vẫn nhớ chiếc lược, đã chuyển nó cho người bạn như một cử chỉ chuyển giao sự sống, một sự uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân: ước nguyện của tình phụ tử. Điều đó đúng như ông Ba nói: “chỉ có tình cha con là không thể chết được”. Đó là điều trăng trời không lời, nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả một lời di chúc.

=> Hình ảnh ông Sáu, hình ảnh người cha trong chuyện “Chiếc lược ngà” là hình ảnh sâu nặng về tình cha – con. Ông Sáu quả là một người cha chịu nhiều thiệt thòi nhưng vô cùng độ lượng và tận tụy vì tình yêu thương con, một người cha để bé Thu

suốt đời yêu quý và tự hào. Chiếc lược ngà với dòng chữ mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt đã để lại nhiều ám ảnh bi thương trong lòng ta. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng mở đường đi trước đã nếm trải nhiều thử thách, gian khổ và hi sinh.

### **C. Kết luận**

Câu chuyện về chiếc lược ngà làm người đọc cảm động vì tình cha con thắm thiết, đẹp đẽ. Nhưng cảm động hơn nữa, nó còn khiến cho ta nghĩ đến những đau thương, mất mát, éo le mà con người phải gánh chịu vì cuộc chiến tranh. Ông Sáu đã hi sinh trong những ngày đen tối và gian khổ. Ngôi mộ ông là “ngôi mộ bằng” giữa rừng sâu. Nhưng chỉ có tình cha con là không thể chết được.

=====

## **Đề bài 2 : Suy nghĩ của em về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn : « Chiếc lược ngà » của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.**

### **A.Mở bài.**

Chiến tranh tàn khốc đã cướp đi hạnh phúc của biết bao nhiêu trẻ thơ : niềm vui đến trường, niềm vui sống trong vòng tay êm ấm của cha mẹ, gia đình.... Nhân vật Thu trong truyện ngắn « Chiếc lược ngà » của nhà văn Nguyễn Quang Sáng cũng là một cô bé đáng thương để lại trong ta nhiều cảm xúc.

### **B.Thân bài.**

#### ***1.Hoàn cảnh của Thu :***

- Mỗi chúng ta khi sinh ra và lớn lên đều được cha mẹ dạy dỗ, nâng niu và hết mực yêu thương. Vậy mà suốt tám năm trời Thu không được một lần gặp cha, không được thấy cái nhìn âu yếm, trùi mền của cha, một phút vuốt ve đầm thắm tình cha con.Em chỉ biết mặt cha qua tấm hình ba chụp với má, chưa bao giờ em được cất tiếng gọi « cha ». Ôi ! Chiến tranh tàn khốc đã khiến gia đình Thu li tán, khiến Thu không được đón nhận tình cảm của cha đến nỗi khi gặp cha, em không nhận ra cha.

- Càng thương Thu, càng thấy Thu thiệt thòi bao nhiêu thì ta càng căm ghét chiến tranh bấy nhiêu. Tạo hoá đã ban tặng cho con người hai thứ tình cảm rất thiêng liêng : tình mẫu tử và tình phụ tử. Vậy mà chiến tranh đã cướp đi tình cha con của Thu. Thật khổ cho bé Thu quá !

#### ***2.Diễn biến, thái độ, tình cảm của Thu trong thời gian ông Sáu về phép thăm nhà.***

- Thu thương cha như thế. Ta tưởng chừng như khi được gặp cha, nó sẽ bồi hồi, sung sướng và sà vào vòng tay của ba nó nũng nịu với tình cảm mãnh liệt hơn bao giờ hết. Nhưng không Thu đã làm cho người đọc phải bất ngờ qua hành động quyết liệt không chịu nhận ông Sáu là ba. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn, ngơ ngác, lạ lùng... khi ông Sáu đến gần, lặ đi lặ lại: ba đây con ! Nó lạ quá, mặt bỗng tái đi, chớp chớp mắt nhìn người đàn ông thứ hai (vẫn im lặng) như muốn hỏi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: Má! Má !

- Đáp lại sự vô vậ của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực, lảng tránh. Ông Sáu càng muốn gần con thì đưa con lại càng tỏ ra lạnh nhạt, xa cách. Trong hai ngày đêm tiếp theo, mặc kệ những lời nói, cử chỉ âu yếm, làm thân, vỗ về tình cảm của anh Sáu, bé Thu một

mực thờ ơ, lạnh lùng đến mức bướng bỉnh, ngang ngạnh bất cần....Ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông càng khao khát được nghe tiếng “ba” từ lòng con, nó càng cố tình cự nự. ( D/C : lúc cơm sôi, một mình nó bé, không thể tự nhắc nổi để chất nước, nó sẽ phải cầu cứu người lớn giúp đỡ, người đọc cứ ngỡ rằng nó sẽ phải chịu thua, không thể chiến tranh lạnh được nữa - nó buộc phải gọi ba ... Nhưng không. Nó vẫn không chịu cất lên cái tiếng mà ba nó từng mong mỏi. Nói vãn hành động theo sự bướng bỉnh, bất cần - tự mình làm lấy công việc nguy hiểm và quá sức. Nghĩa là nó không chịu nhượng bộ... )

+ Khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái thì nó bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuống còn cố ý khua dây cột xuống kêu rồn rảng thật to.

- Nhưng việc Thu không nhận ông Sáu là cha có nguyên nhân của nó. Bởi vì ông Sáu có vết sẹo dài trên má. với suy nghĩ của một đứa trẻ hồn nhiên và đáng yêu, em luôn mừng rỡ ra người cha của nó đẹp như trong ảnh chụp chung với má. Trong sâu thẳm tâm hồn Thu, em rất yêu cha vì vậy nên nó không muốn người nào khác thế chỗ của ba mình. Nó muốn giữ mãi hình ảnh người cha đẹp đẽ của nó. Hiểu như vậy, ta thấy sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách mà còn có phần đáng yêu. Đó là phản ứng tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ. Phản ứng tâm lí của em là hoàn toàn tự nhiên, nó còn chứng tỏ em có cá tính mạnh mẽ, tình cảm của em sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là ba. Chính cái thái độ quyết liệt ngang ngạnh đó lại là biểu hiện tuyệt vời của tình cảm người con dành cho cha - người trong tấm hình chụp chung với má em. một tình yêu chân thực, sâu sắc và mãnh liệt .

**3. Trong buổi sáng cuối cùng, trước giờ phút ông Sáu phải đi xa thì thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột, thay đổi hoàn toàn.**

- Nó đã dành cho ba một tình cảm thật mãnh liệt. Nỗi nhớ mong với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hồi hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận. Giờ đây người cha sắp phải đi xa, xa mẹ, xa con và tiếp tục cuộc đời người lính gian khổ, Lần đầu tiên, Thu cất tiếng gọi “Ba” và tiếng kêu như tiếng “xé”, không còn là tiếng kêu biểu lộ sợ hãi mà là tiếng nói của tình yêu thương ruột thịt. Rồi nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó, nó hôn lên ba nó cùng khắp, hôn cả vết sẹo dài trên má như để nhận lỗi. Hai tay nó siết chặt lấy cổ , chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi cầu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run. Thu không muốn rời xa cha. Có lẽ Thu đã ân hận, xót xa vì lỗi lầm của mình. Thì ra trong đêm bỏ về nhà bà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết sẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu đã được giải tỏa và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận, hối tiếc: “nghe bà kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thờ dài như người lớn”. Giờ đây cô mới vỡ lẽ ra người cha của cô thật đẹp và thật anh hùng. Cô bé không chỉ yêu cha, thương cha mà còn tự hào về cha. Thu xiết chặt cổ ba như sự đền bù cho nỗi niềm hụt hẫng đã qua. Xót thương thay cho Thu bởi cô đâu hiểu rằng cuộc gặp gỡ đầu tiên này cũng là lần cuối cùng. Ba cô đã hi sinh trong một trận càn. Chứng kiến những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con

ông Sáu phải chia tay, có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

**4. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật :** Xây dựng tính cách nhân vật qua tâm lí và hành động.

- Qua biểu hiện tâm lí và thái độ, tình cảm, hành động của bé Thu, ta thấy đó là cô bé có tình cảm thật sâu sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật rút khoát, rạch ròi. Ở Thu còn có nét cá tính là sự cứng cỏi đến mức tưởng như ương ngạnh, nhưng Thu vẫn là một đứa trẻ với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của con trẻ.

- Qua những diễn biến tâm lí của bé Thu được miêu tả trong truyện ta thấy tác giả tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ em và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến trân trọng những tình cảm trẻ thơ.

=> Hình ảnh bé Thu và tình yêu cha sâu sắc của Thu đã gây xúc động mạnh trong lòng người đọc, để lại những ấn tượng sâu sắc.

C. Kết luận

- Đọc « Chiếc lược ngà », ta thấy tình cảm cha con trong chiến tranh có những xa cách, trắc trở nhưng rất thiêng liêng, mãnh liệt và cao quý.

- Người đọc thực sự xúc động về tình cảm của họ nhưng không khỏi có những trăn trở suy ngẫm.

=====

**Đề bài 3 : Suy nghĩ về đời sống và tình cảm gia đình trong chiến tranh qua truyện ngắn « chiếc lược ngà » của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.**

1. Tình cha con : Chiến tranh là 1 nhân tố thử thách

- Xa cách gần 7 năm, không nhìn thấy mặt nhau

- Ông Sáu chỉ được ở lại nhà 3 ngày vì chiến tranh. Trong 3 ngày ấy, bé Thu nhất quyết không nhận cha.

- Chỉ đến khi ông Sáu sắp đi, bé Thu mới được sống trong tình cha con thật sự, đó cũng là lần gặp cuối cùng.

=> Dù chiến tranh khốc liệt nhưng tình cha con vẫn luôn sâu đậm, không làm tình thương yêu ruột thịt ấy phai nhạt.

**2. Tình cảm gia đình.** : được hi sinh để nhường chỗ cho tình yêu đất nước. Sự hi sinh vật chất đã lớn lao rồi, nhưng sự hi sinh về gia đình là vô giá. Đó chính là những tình cảm gia đình : anh Sáu, chị Sáu, bé Thu. Họ đều phải chịu thiệt thòi. Tuổi thơ của bé Thu thiếu đi tình phụ tử là một thiệt thòi lớn do hoàn cảnh đưa lại (Liên hệ với bài Bếp lửa của Bằng Việt. Nếu như tình bà cháu giản dị, gần gũi theo tác giả đến tận nước Nga xa xôi đến suốt cuộc đời thì tâm hồn bé Thu ít nhiều thiếu hụt tình cảm của người cha. Đó cũng là một sự hi sinh.

- Với anh Sáu, chị Sáu cũng như thế, với người mẹ, người vợ, tình cảm gia đình cách chia đàng đẵng, rõ ràng đó là sự hi sinh đặc biệt to lớn, nhất là người phụ nữ. Chị Sáu thiếu thốn tình cảm người chồng, lại phải thay chồng lo việc nhà, nuôi dạy con cái trưởng thành giữa những vất vả nhọc nhằn của cuộc sống thời chiến. (Liên hệ với : Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ ... => sức nặng biểu cảm)



- Rõ ràng là chiến tranh kéo dài « lớp cha trước, lớp con sau » đã bắt con người phải hi sinh những tình cảm riêng tư kể cả tình cảm gia đình. Đó là một sự hi sinh thầm lặng mà cuộc kc của chúng ta đi đến đích.

- Những tình cảm của gia đình, dòng họ thì thường rất bền vững, đó là niềm an ủi động viên lớn, sâu sắc nhất giúp con người vượt qua mọi hoàn cảnh khó khăn.

+ Với chị Sáu, vượt rừng thăm chồng, bao nhiêu trắc trở, một thân một mình. Càng thương nhớ, thủy chung với chồng lại càng gắng gỏi hoàn thành công việc gia đình => Đó cũng là cuộc sống của người phụ nữ ở hậu phương trong thời chiến.

+ Với anh Sáu, chính tình cảm gia đình, tình cha con, vợ chồng đã thực sự là ngọn lửa sưởi ấm giúp mọi người chiến sĩ thêm niềm tin, sức mạnh, là nguồn động lực lớn lao nhất. Phải chăng khi ông Sáu chiến đấu, hi sinh chính là để bảo vệ quê hương, gia đình. Bà mẹ Tà Ôi mơ cho con lớn lên khỏe mạnh, làm công dân của đất nước tự do... chính vì thế mà mẹ không quản nhọc nhằn... Ông Sáu, ông Ba là những người như vậy.

---

## MÙA XUÂN NHỎ - THANH HẢI

### A. Kiến thức cần nhớ.

**1. Tác giả:** Thanh Hải (1930 – 1980) tên thật là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế.

- Tham gia hoạt động văn nghệ từ cuối năm kháng chiến chống Pháp. Là cây bút có công xây dựng nền văn học giải phóng miền Nam từ những ngày đầu. Thanh Hải từng là một người lính trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với tư cách là một nhà văn.

- Thơ TH chân chất và bình dị, đôn hậu và chân thành.

- Các tác phẩm chính: Các tập thơ “những đồng chí trung kiên” (1962), Huế mùa xuân (hai tập 1970 và 1975), Dấu võng Trường Sơn (1977)

- Năm 1965, được tặng giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu.

- Sau ngày giải phóng, Thanh Hải vẫn gắn bó với quê hương xứ Huế, sống và sáng tác ở đó cho đến lúc qua đời.

### 2. Tác phẩm:

**a. Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt:** (tháng 11- 1980, chỉ ít ngày sau, nhà thơ qua đời. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách gay gắt.

(Năm 1980, Thanh Hải ốm nặng phải vào BV Huế điều trị khoa nội. Tuy căn bệnh được các bác sĩ chẩn đoán là không thể qua được nhưng Thanh Hải luôn là người lạc quan yêu đời. Nằm ở tầng 4 của bệnh viện, những lúc khỏe, Thanh Hải thường ra ngắm cảnh và làm thơ.... Nhưng rồi vào một ngày cuối đông, trời Huế bỗng trở lạnh và mưa lâm thâm.... Những người bạn của Thanh Hải nhận được tin như sét đánh: Thanh Hải đã qua đời. Thương tiếc người bạn tài hoa ra đi khi tuổi đời vừa bước sang 50, mọi người đến viếng và đưa nhà thơ về nơi an nghỉ cuối cùng. Đang lúc làm lễ, thì vợ Thanh Hải tìm

gặp nhạc sĩ Trần Hoàn và trao cho ông một bài thơ cuối cùng mà Thanh Hải đã sáng tác khi nằm viện vào tháng 11 năm 1980. Đó chính là bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ - bài thơ cuối cùng của Thanh Hải. Nỗi thương bạn và niềm cảm xúc trào dâng mãnh liệt, nhạc sĩ Trần Hoàn đã phổ nhạc ngay bài thơ chỉ trong vòng không đầy ba mươi phút và bài hát đó đã được vang lên ngay trong buổi lễ tiễn đưa ấy.)

**b. Thể thơ :** 5 chữ, không ngắt nhịp trong từng câu, chia nhiều khổ, mỗi khổ từ 4 đến 6 dòng. Nhịp điệu và giọng điệu của bài có biến đổi theo mạch cảm xúc.

### **c. Mạch cảm xúc**

Bài thơ bắt đầu bằng những xúc cảm trực tiếp, hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất trời. Từ đó, mở rộng ra thành hình ảnh mùa xuân của đất nước hôm nay và cả đất nước bốn ngàn năm. Từ đó mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được góp “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. Mạch thơ phát triển tự nhiên để rồi khép lại cũng tự nhiên, đắm thắm trong một điệu dân ca xứ Huế.

### **d. Bố cục:**

- + Khổ 1 (gồm 6 dòng thơ): cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời
- + Khổ 2,3: Cảm xúc về mùa xuân đất nước.
- + Khổ 4,5: suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ trước mùa xuân đất nước.
- + Khổ cuối: Lời ca ngợi quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

### **e. Nội dung, nghệ thuật:**

- **Nội dung:** Bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.

#### **- Nghệ thuật:**

- + Bài thơ theo thể 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc. nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo.
- + Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị đi từ thiên nhiên với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân).
- + Cấu tứ của bài chặt chẽ, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ mùa xuân của đất trời sang mùa xuân của đất nước và mùa xuân của mỗi người góp vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.
- + Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Giọng điệu có sự biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn: vui, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, hơi trang nghiêm mà thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết.

## **3. Gợi ý phân tích bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”**

### **a. Mùa xuân của thiên nhiên đất nước (khổ 1)**

\* Cảm hứng xuân phơi phới của Thanh Hải đã dệt nên một bức tranh xuân rất đẹp, đầy sức sống và tràn ngập niềm vui rạo rực.

- Bức tranh ấy được chấm phá bằng rất ít chi tiết: một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một tiếng chim chiền chiện. Những nét chấm phá ấy đã vẽ ra được một không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm của mùa xuân và cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện.

+ Ngay hai câu mở đầu đã gặp một cách viết khác lạ. Không viết như bình thường : một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh” mà đảo lại: “Mọc giữa dòng sông xanh. Một bông hoa tím biếc”. Động từ “mọc” đặt ở đầu khổ thơ của bài thơ là một dụng ý NT của tác giả => khắc sâu ấn tượng về sức sống trỗi dậy và vươn lên của mùa xuân. Tưởng như bông hoa tím biếc kia đang từ từ, lồ lộ mọc lên, vươn lên, xoè nở trên mặt nước xanh của dòng sông xuân.

+ Tại sao màu nước sông lại xanh mà không là “dòng nước trong mát” (bài “Vàm cỏ đông” của Hoài Vũ), hay không là “dòng sông đỏ nặng phù sa” trong thơ Nguyễn Đình Thi – bài Đất nước)? Có phải đây là màu nước của Hương Giang, hay chính là tín hiệu báo mùa xuân đang về? Mùa xuân trang trải êm trôi một dòng xanh dịu mát. Màu xanh lam của dòng sông hương hoà cùng màu tím biếc của hoa, một màu tím giản dị, thủy chung, mộng mơ và quyến rũ. Đó là màu sắc đặc trưng của xứ Huế.

+ Tiếng chim chiền chiện tạo nên một nét đẹp nữa của mùa xuân: “Ơi con chim chiền chiện. Hót chi mà vang trời”=>. nhạc điệu của câu thơ như giai điệu của mùa xuân tươi vui và rạo rực. Các từ than gọi “ơi, chi, mang chất giọng ngọt ngào đáng yêu của người xứ Huế (thân thương, gần gũi) . Câu thơ cứ như câu nói tự nhiên không trau chuốt từ ngữ nhưng vẫn mang âm hưởng thi ca. Câu hỏi tu từ “hót chi” thể hiện tâm trạng đùa vui, ngỡ ngàng, thích thú của tác giả trước giai điệu của mùa xuân.

- Quả thật, thiên nhiên nhất là mùa xuân vốn hào phóng, sẵn sàng trao tặng con người mọi vẻ đẹp nếu con người biết mở rộng tấm lòng. Thanh Hải đã thực sự đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn. Nhà thơ lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo:

*“Từng giọt long lanh rơi.  
Tôi đưa tay tôi hứng”*

Về hai câu thơ trên, có hai cách hiểu: từng giọt ở đây là giọt mưa xuân long lanh trong ánh sáng của trời xuân; nhưng cũng còn có thể hiểu hai câu này gắn với hai câu trước: Tiếng chim đang vang xa bỗng gần lại, rõ ràng, tròn trịa như kết thành những giọt sương óng ánh sắc màu, rơi rơi, rơi mãi tưởng chừng không dứt và nhà thơ đưa tay hứng từng giọt âm thanh ấy. Như vậy từ một hình tượng, một sự vật được cảm nhận bằng âm thanh (thính giác), tác giả đã chuyển đổi biến nó thành một sự vật có thể nhìn được bằng mắt (thị giác) bởi nó có hình khối, màu sắc rồi lại được như cảm nhận nó bằng da thịt, bằng sự tiếp xúc (xúc giác). Nghệ thuật ví ngầm, chuyển đổi cảm giác quả đã đạt tới mức tinh tế đáng khâm phục. Hai câu thơ đã biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất, xôn xang, rạo rực của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc vào xuân. Chắc hẳn trong lòng thi sĩ đang dạt dào tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu cuộc đời.

***b. Từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời, cảm hứng thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước một cách tự nhiên.***

- Đây là mùa xuân của con người đang lao động và chiến đấu, của đất nước vất vả và gian lao đang đi lên phía trước. Hình ảnh “người cầm súng, người ra đồng” biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động dựng xây lại quê hương sau những đau thương mất mát. Ai cũng có nhiệm vụ của mình: người lính tiếp tục bảo vệ quê hương, vòng là nguy trang của người chiến sĩ đang nảy những chồi non, lộc biếc như mang theo cả mùa xuân cùng các anh ra trận. Người nông dân ra đồng làm nên hạt lúa, trên nương mạ, ruộng lúa của bác nông dân, mầm non, sức sống thanh xuân đang đua nhau trỗi dậy, giục giã, thôi thúc lòng người. Sức gọi cảm của câu thơ được thể hiện qua hình ảnh “lộc” của mùa xuân gắn với người cầm súng, người ra đồng. “Lộc” là chồi non, nhưng “lộc” còn có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc. Câu thơ vừa tả thực, vừa tượng trưng cho sức sống của mùa xuân đất nước, sức sống của mỗi con người.

- Âm hưởng thơ hồi hả, khẩn trương với nhiều điệp từ, điệp ngữ láy lại ở đầu câu.

- Sức sống của mùa xuân còn được cảm nhận trong nhịp điệu hồi hả, trong âm thanh rộn rã. Và đất nước được hình dung bằng một hình ảnh so sánh đẹp: đất nước như vì sao. Cúi đi lên phía trước”. Hình ảnh so sánh gợi liên tưởng đến vẻ đẹp, ánh sáng và hi vọng. “Đất nước bốn nghìn năm”, hoá thành những vì sao đi lên, bay lên, ngời sáng lung linh => Cảm xúc của nhà thơ đối với đất nước: say mê, tự hào, tin tưởng con người và c/s của quê hương, đất nước khi vào xuân.

***c. Từ cảm xúc về mùa xuân của thiên nhiên, đất nước, mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân đất nước.***

( Đoạn này, tác giả dùng phương thức biểu cảm trực tiếp. Nhân vật “ta” trực tiếp bộc lộ tâm niệm của mình. )

- Điều tâm niệm của nhà thơ: là khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp – dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.

- Điều tâm niệm ấy được thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh tự nhiên, giản dị và đẹp.

Đẹp và tự nhiên vì nhà thơ đã dùng những hình ảnh đẹp của thiên nhiên để nói lên ước nguyện của mình. Một con chim hót để cất tiếng thơ ngợi ca đất nước, làm một nhành hoa để đem lại hương thơm cho cuộc đời. Bao trùm tất cả, ông ước nguyện hoá thành « một mùa xuân nho nhỏ », lặng lẽ, âm thầm dâng hiến toàn bộ tâm hồn, trí tuệ, sức lực và cả sự sống của mình góp cùng mọi người : « Dù là tuổi hai mươi. Dù là khi tóc bạc ».

- Những hình ảnh bông hoa, tiếng chim hót được tác giả phác hoạ ở phần đầu bài thơ giờ đây lại trở lại trong khổ thơ này trong giọng thơ êm ái, ngọt ngào. Cách cấu tứ lặp lại như vậy tạo ra sự đối ứng chặt chẽ và mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương sắc cho đời. Trong bài “một khúc ca xuân” Tố Hữu cũng có những suy ngẫm tương tự:

*Nếu là con chim, chiếc lá*

*Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình?*

=> Điều tâm niệm ấy thật cao đẹp, chân thành, là sự phát triển tự nhiên trong mạch cảm xúc của bài thơ. Điệp từ “ta” như một lời khẳng định. Và cái “ta” vốn chỉ để nói về mình bỗng như trở thành cái “ta” chung của nhiều người, khát vọng của nhiều người. Điệp ngữ “dù là” như một lời tự khẳng định, tự nhủ với lương tâm -> sự kiên trì, thử thách với thời gian, tuổi già, bệnh tật để mãi làm một mùa xuân nho nhỏ trong mùa xuân rộng lớn của quê hương, đất nước. Giọng thơ nhỏ nhẹ, chân tình nhưng mang sức khái quát lớn.

= > Ước nguyện của nhà thơ cho ta hiểu mỗi người phải biết sống, cống hiến cho cuộc đời. Thế nhưng dâng hiến, hoà nhập mà vẫn giữ được nét riêng mỗi người...

**d. Kết thúc:** Một điệu dân ca xứ Huế quen thuộc, ngọt ngào, êm dịu., sử dụng ngôn ngữ giàu nhịp điệu, các vần bằng tha thiết, êm ái.

Kết cấu đầu cuối tương ứng tạo ra sự đối ứng chặt chẽ, hài hoà cân đối cho bài thơ đồng thời thể hiện rõ hơn mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên.

- Kết thúc bài thơ là câu hát “Câu Nam ai, nam bình...” Nam Ai nam Bình là những điệu ca Huế nổi tiếng

- Đó là ý nguyện của người tha thiết với vẻ đẹp của tâm hồn quê hương đất nước mình.

## **B. Luyện tập :**

1. Mở đầu bài thơ « Mùa xuân nho nhỏ », Thanh Hải viết :

Mọc giữa dòng sông xanh.

Một bông hoa tím biếc.

**Em hãy viết đoạn văn khoảng 8 câu phân tích nét đặc sắc về cách đặt câu của câu thơ trên.**

Gợi ý :

- Cách đặt câu đặc biệt theo cấu trúc đảo ngữ : từ «mọc» được đặt ở đầu câu.

- Tác dụng : gợi ấn tượng về sự xuất hiện của bông hoa tím -> diễn tả sức sống mãnh liệt của mùa xuân. Diễn tả cảm xúc ngạc nhiên, thú vị của nhà thơ trước một hình ảnh của mùa xuân.

**2. Em hiểu ý nghĩa nhan đề bài thơ « Mùa xuân nho nhỏ » như thế nào ? Từ đó nêu chủ đề của bài thơ.**

**Sự sáng tạo đặc sắc nhất của nhà thơ Thanh Hải trong bài thơ là hình ảnh « mùa xuân nho nhỏ ».** Người ta dùng nhiều định ngữ gắn với mùa xuân như : mùa xuân chín, mùa xuân xanh, xuân ý, xuân lòng... nhưng « mùa xuân nho nhỏ » là một phát hiện mới mẻ và sáng tạo độc đáo trong ý tưởng thơ và ngôn ngữ của nhà thơ. Từ láy « nho nhỏ » vừa chỉ ra cái mùa xuân riêng trong lòng nhà thơ trước mùa xuân lớn của cuộc đời vừa gợi lên cái vẻ xinh xinh đáng yêu của nó. Hình ảnh ấy cùng với những hình ảnh cảnh hoa, con chim, nốt nhạc trầm xao xuyến... tất cả đều mang một vẻ đẹp bình dị, khiêm nhường, thể hiện điều tâm niệm chân thành, tha thiết của nhà thơ. Nhà thơ tự nguyện làm một mùa xuân nghĩa là ông muốn sống đẹp, có ích, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình và mang đến cho cuộc đời chung một nét riêng, cái phần tinh túy của mình, dù nhỏ bé.

**3. Trong phần đầu, tác giả dùng đại từ “Tôi”, sang phần sau, tác giả lại dùng đại từ “Ta”. Em hiểu như thế nào về sự chuyển đổi đại từ nhân xưng ấy của chủ thể trữ tình?**



- Sự chuyển đổi đại từ nhân xưng đó không phải là sự ngẫu nhiên vô tình mà là dụng ý nghệ thuật tạo nên hiệu quả sâu sắc
- Đó là sự chuyển từ cái “tôi” cá nhân nhỏ bé hoà vào cái “ta” chung của cộng đồng, nhân dân, đất nước. Trong cái “Ta” chung vẫn có cái “tôi” riêng, hạnh phúc là sự hoà hợp và công hiến. Thể hiện niềm tự hào, niềm vui chung của dân tộc trong thời đại mới
- Sự chuyển đổi diễn ra rất tự nhiên, hợp lí theo mạch cảm xúc

**4. Trong hai câu thơ: “Từng giọt long lanh rơi. Tôi đưa tay tôi hứng”, có người hiểu “giọt long lanh” là giọt mưa xuân, có người lại cho là giọt âm thanh tiếng chim ở câu thơ trước đó. Nêu cách hiểu của em và phân tích hai câu thơ đó?**

- Nếu hiểu là “giọt mưa xuân” cũng có chỗ hợp lí: nét quen thuộc của khung cảnh mùa xuân và dễ gợi cảm xúc xôn xao trong lòng người. Nhưng có chỗ chưa thật hợp lí: mưa xuân thường nhẹ và ẩm ... (Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay - Nguyễn Bính), chứ không thể tạo thành giọt.

- Cách hiểu thứ hai hợp lí hơn:

+ Liên mạch với câu thơ trước

+ NT ẩn dụ chuyển đổi cảm giác : Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt âm thanh tiếng chim (chuyển đổi cảm giác). Tiếng chim từ chỗ là âm thanh, chuyển thành từng giọt, từng giọt ấy lại long lanh ánh sáng và màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác. -> Diễn tả niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, trời đất lúc vào xuân.

**5: Giải nghĩa từ “lộc” trong đoạn thơ:**

*“Mùa xuân người cầm súng.  
Lộc giắt đầy quanh lưng  
Mùa xuân người ra đồng  
Lộc trải dài nương mạ”.*

- Lộc: chồi non, lá non. Nhưng “lộc” còn là hình ảnh ẩn dụ cho mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc.

**Viết đoạn văn phân tích đoạn thơ trên.**

Từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời, nhà thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Đất nước và con người cũng mang vẻ đẹp của sức sống vô tận, rộn ràng bước vào một mùa xuân mới. Lộc xuân theo người cầm súng, lộc xuân trải dài nương mạ. Hình ảnh “người cầm súng” và “người ra đồng” biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động dựng xây đất nước. Âm hưởng thơ hối hả, khẩn trương với nhiều điệp từ, điệp ngữ láy lại ở đầu câu. Câu thơ vừa tả thực, vừa tượng trưng, hàm chứa nhiều ý nghĩa trong hình ảnh người lính và người nông dân với từ “lộc” nhiều nghĩa. “Lộc” là chồi non, lá non, nhưng lộc còn có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc. Từ “Lộc” khiến sắc xanh như tràn ngập khắp đất trời, sắc xanh hay sắc xuân bao phủ lên đất nước. Người cầm súng giắt lộc để nguy trang ra trận như mang theo sức xuân vào trận đánh, người ra đồng như gieo mùa xuân trên từng nương mạ. Những con người lao động, chiến đấu ấy đã mang cả mùa xuân ra trận địa của mình để gặt hái mùa xuân về cho đất nước.

**6: Trong đoạn thơ: “Mùa xuân người cầm súng....**

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xuân xao*

- a. Từ “lao xao” có thể thay thế cho từ “xôn xao” trong câu thơ trên được không? Vì sao?  
b. Viết đoạn văn quy nạp từ 8 đến 10 câu văn phân tích đoạn thơ trên với câu chủ đề sau:  
Sáu câu thơ là những xúc cảm về mùa xuân đất nước trong chiến đấu, lao động.

**Gợi ý:**

a. Từ “lao xao” không thể thay thế cho từ “xôn xao” trong câu thơ trên. Từ “lao xao” chỉ đơn giản là gọi âm thanh, âm thanh của thiên nhiên hoặc của con người. Còn “xôn xao” khi đặt trong khổ thơ này, không chỉ là âm thanh rộn ràng của cuộc sống nhộn nhịp lao động khẩn trương của đất nước sau thống nhất, mà còn là những xúc cảm mãnh liệt, phấn chấn trước mùa xuân thiên nhiên, trời đất tươi đẹp của con người.

b. Viết đoạn văn: (tham khảo bài tập làm văn).

**7. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 8 câu, phân tích để làm rõ giá trị của các điệp ngữ trong đoạn thơ sau:**

Mùa xuân người cầm súng.

*Lộc giắt đầy trên lưng.*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ.*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao.*

**Gợi ý:**

-Chỉ rõ các điệp ngữ trong đoạn là: mùa xuân, lộc, tất cả.

-Vị trí điệp ngữ: đầu câu.

-Cách điệp ngữ: cách nhau.-Tác dụng: tạo nhịp điệu cho câu thơ, các điệp ngữ tạo nên điểm nhấn trong câu thơ như nốt nhấn trong bản nhạc, góp phần gợi không khí sôi nổi, tập nập của bức tranh đất nước lao động, chiến đấu.

**8. Viết đoạn văn quy nạp từ 9 -> 15 câu với chủ đề: Bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp và tràn đầy sức sống.**

**Gợi ý:**

- Viết đoạn văn quy nạp tức là câu chủ đề phải đưa xuống cuối đoạn văn (chú ý có từ liên kết : Quả thật, có thể nói...)

- Để làm rõ câu chủ đề trên, cần phân tích khổ thơ đầu tiên của bài thơ: Mùa xuân của thiên nhiên, đất trời

(tham khảo phần phân tích)

**Gợi ý:** Bức tranh thiên nhiên mở đầu bằng không gian thoáng đãng, yên ả, thơ mộng. Đó là không gian của một dòng sông xanh. Dòng sông ấy gợi nhắc đến sông Hương thơ mộng của Xứ Huế và không gian của mùa xuân không ngừng đợc mở rộng với tiếng hót vang trời của con chim chiền chiện. Chiền chiện vốn là loài chim báo tin xuân, hình ảnh của nó xuất hiện trong khổ thơ khiến người đọc có cảm giác không gian nh đợc trải đầy một sắc xuân. Thanh Hải lựa chọn màu sắc trẻ trung, tươi tắn và căng tràn sức sống cho bức tranh mùa xuân của mình. Đó là màu xanh của dòng sông hoà lẫn màu xanh của bầu trời. Là một màu tím biếc đến nao lòng của xứ Huế. Nhưng bức tranh này không chỉ có hình ảnh, màu sắc mà còn có cả âm thanh. Chỉ có điều ở đây tiếng chim hót nh trở nên cụ thể, hữu

hình, thành hình khối long lanh náo nức để có thể đa tay ra mà hứng lấy, mà nâng niu. Quả thật, Thanh Hải với lòng yêu thiên nhiên say đắm đã thể hiện một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy sức sống.

2. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 câu theo cách tổng hợp – phân tích - tổng hợp, nội dung trình bày những cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân xứ Huế trong đoạn thơ đầu của bài thơ. (trùng tự câu 1)

9. Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng diễn tả những suy nghĩ về nguyện ước chân thành của Thanh Hải trong đoạn thơ trên.

=====

## **VIẾNG LĂNG BÁC - VIỄN PHƯƠNG**

### **\* Giới thiệu bài học:**

Bác Hồ là tên gọi thân yêu vang âm trong trái tim bao người, là niềm tin, là sức mạnh, là phẩm giá của con người Việt Nam, một người bạn lớn đối với tâm hồn mỗi con người, đối với thiên nhiên tạo vật... Sự vĩ đại, vẻ đẹp của Bác, lòng kính yêu với Bác đã trở thành cảm hứng cho các các nghệ sĩ sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật bất hủ. Đến sau trong đề tài thơ về Bác do điều kiện, hoàn cảnh: là người con miền Nam, cầm súng ở ngoài tiền tuyến... nhà thơ Viễn Phương đã để lại bài thơ "Viếng lăng Bác" độc đáo, có sức cảm hóa sâu sắc bởi tình đẹp, bởi lời hay.

### **I. Tìm hiểu chung:**

#### **1. Tác giả:**

- Viễn Phương (1928 – 2005), tên khai sinh là Phan Thanh Viễn, quê ở tỉnh An Giang.
- Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông hoạt động ở Nam Bộ, là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kì chống Mỹ cứu nước.
- Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm, giàu chất mộng mơ ngay trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến trường.
- Tác phẩm tiêu biểu: *Mắt sáng học trò* (1970); *Như mây mùa xuân* (1978); *Phù sa quê mẹ* (1991); ...

#### **2. Tác phẩm:**

##### **a. Hoàn cảnh sáng tác:**

- Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỗi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực

hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

- In trong tập thơ “Như mây mùa xuân” (1978)

**b. Bố cục:** 4 phần, tương ứng với bốn khổ thơ.

- Khổ 1: Cảm xúc của nhà thơ khi đến lăng Bác

- Khổ 2: Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác

- Khổ 3: Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng

- Khổ 4: Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác.

=> Mạch vận động của cảm xúc trong bài theo trình tự của một cuộc viếng thăm, thời gian kết hợp với không gian. Theo hocvancungcoLeMai

**c. Cảm xúc bao trùm:** Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ từ miền Nam vừa được giải phóng ra thăm lăng Bác.

## II. Đọc – hiểu văn bản:

**1. Cảm xúc của nhà thơ khi đến lăng Bác:** Cảm xúc của một người con đã đi từ một nơi rất xa cả về không gian và thời gian, giờ đây giờ phút được trở về bên Bác đã được diễn tả sâu sắc trong khổ thơ này:

- Nhà thơ kể: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”. Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa đựng trong nó biết bao điều sâu xa, Nhà thơ nói mình ở miền Nam, ở tuyến đầu của Tổ quốc, ở nơi máu đổ suốt mấy chục năm trời. Như vậy, không đơn giản là chuyên đi thăm công trình kiến trúc, không chỉ chiêm ngưỡng trước di hài một vĩ nhân mà đó là cây tìm về cội, lá tìm về cành, máu chảy về tim, sông trở về nguồn. Đó là cuộc trở về để báo công với Bác, để được Bác ôm vào lòng và ngợi khen.

- Nhà thơ xưng “con” và chữ “con” ở đầu dòng thơ, đầu bài thơ. Trong ngôn từ của nhân loại không có một chữ nào lại xúc động và sâu nặng bằng tiếng “con”. Cách xưng hô này thật gần gũi, thật thân thiết, ấm áp tình thân thương mà vẫn rất mực thành kính, thiêng liêng. Đồng thời, cũng diễn tả tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha sau bao nhiêu năm xa cách.

- Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng”:

+ “Viếng”: là đến chia buồn với thân nhân người chết.

+ “Thăm”: là gặp gỡ, trò chuyện với người đang sống.

=> Cách nói giảm, nói tránh -> giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát -> khẳng định Bác vẫn còn mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, trong lòng dân tộc. Đồng thời gọi sự thân mật, gần gũi: Con về thăm cha – thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao mong nhớ bấy lâu.

=> Câu thơ không có một dụng công nghệ thuật nào nhưng lại vô cùng gợi cảm, dồn nén biết bao cảm xúc. Cách xưng hô và cách dùng từ của Viễn Phương giúp cho người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ thương của một người con đối với cha. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

- Đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên mà tác giả quan sát được, cảm nhận được, và có ấn tượng đậm nét là hình ảnh hàng tre. Khi xây dựng lăng Bác, các nhà thiết kế đã đưa về từ mọi miền đất nước các loài cây, loài hoa, tiêu biểu cho mọi miền quê hương đất nước để trồng ở lăng Bác bởi Bác là một tâm hồn rộng mở trước thiên nhiên và Bác cũng là biểu tượng cho tinh hoa, cho đất nước, cho dân tộc Việt Nam. Và ai đã từng đến lăng Bác đều có thể nhận thấy hình ảnh đầu tiên về cảnh vật hai bên lăng là những hàng tre đàng ngà bát ngát. Nhà thơ Viễn Phương cũng vậy!

+ Sự xuất hiện của hàng tre trong thơ Viễn Phương không chỉ có ý tả thực, nhà thơ đã viết hình ảnh hàng tre với bút pháp tượng trưng, biểu tượng (gợi ra một điều gì đó từ một hình ảnh ẩn dụ lớn).

+ Hình ảnh thực: Trước hết, hàng tre là hình ảnh hết sức thân thuộc và gần gũi của làng quê, đất nước Việt Nam.

+ Hình ảnh ẩn dụ: Hình ảnh hàng tre còn là một biểu tượng con người, dân tộc Việt Nam.

- **Thành ngữ “bão táp mưa sa”** nhằm chỉ những khó khăn, gian khổ, những vinh quang và cay đắng mà nhân dân ta đã vượt qua trong trường kì dựng nước và giữ nước, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ vừa qua.

- **“Đứng thẳng hàng”** là tinh thần đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục, tất cả vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.

=> Từ hình ảnh hàng tre bát ngát trong sương quanh lăng Bác, nhà thơ đã suy nghĩ, liên tưởng và mở rộng khái quát thành một hình ảnh hàng tre mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường, bất khuất của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Dù gặp bão táp mưa sa – gặp những thăng trầm trong cuộc kháng chiến cứu nước và giữ nước, vẫn “đứng thẳng hàng”, vẫn đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục. Niềm xúc động và tự hào về đất nước, về dân tộc, về những con người Nam Bộ đã được nhà thơ bộc lộ trực tiếp qua từ cảm thán “Ôi” đứng ở đầu câu.

- Hàng tre ấy như những đội quân danh dự cùng với những loài cây khác đại diện cho những con người ở mọi miền quê trên đất nước Việt Nam tụ họp về đây xum vầy với Bác, trò chuyện và bảo vệ giấc ngủ cho Người. Nơi Bác nghỉ vẫn luôn xanh mát bóng tre xanh.

=> Chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ thể hiện những cảm xúc chân thành, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là của nhân dân đối với Bác kính yêu.

## 2. Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác:

- Nhà thơ đã sử dụng một ẩn dụ nghệ thuật tuyệt đẹp để nói lên cảm nhận của mình khi đứng trước lăng Bác:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

+ Hình ảnh **“mặt trời đi qua trên lăng”** là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

+ Hình ảnh **“mặt trời trong lăng”** là một ẩn dụ đầy sáng tạo, độc đáo – đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “mặt trời”, Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh. “Mặt



trời” – Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vịnh, trọn vẹn. “Mặt trời” – Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam. Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như: “Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”. Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

+ Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng  
Mà để quốc là loài dơi hốt hoảng  
Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*  
( Tố Hữu – “Sáng tháng năm”)

Nhưng cái so sánh ngầm Bác Hồ nằm trong lăng rất đồ trong cái nhìn chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên (biện pháp nhân hóa “thấy”) là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặt ca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con người Việt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặt trời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiên nhiên.

+ Từ láy “ngày ngày” đứng ở đầu câu vừa diễn tả sự liên tục bất biến của tự nhiên vừa góp phần vĩnh viễn hóa, bất tử hóa hình ảnh Bác Hồ trong lòng mọi người và giữa thiên nhiên vũ trụ.

- Hình ảnh dòng người vào thăm lăng Bác đã được nhà thơ miêu tả một cách độc đáo và để lại nhiều ấn tượng:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ  
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

+ Từ láy “ngày ngày” có nghĩa tương tự như câu thơ câu đầu trong khổ thơ -> diễn tả cảnh tượng có thực đang diễn ra hàng ngày, đều đặn trong cuộc sống của con người Việt Nam: Những dòng người nặng trĩu nhớ thương từ khắp mọi miền đất nước đã về đây xếp hàng, lặng lẽ theo nhau vào thăm viếng Bác – “Dòng người đi trong thương nhớ”.

+ Bằng sự quan sát trong thực tế, tác giả đã tạo ra một **hình ảnh ẩn dụ** đẹp và sáng tạo: “tràng hoa”.

- Chúng ta có thể hiểu “tràng hoa” ở đây theo nghĩa thực là những bông hoa tươi thắm kết thành vòng hoa được những người con khắp nơi trên đất nước và thế giới về thăm dâng lên Bác để bày tỏ tình cảm, tấm lòng nhớ thương, yêu quý, tự hào của mình.

– “Tràng hoa” ở đây còn mang **nghĩa ẩn dụ** chỉ từng người một đang xếp hàng viếng lăng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm. Những dòng người bất tận đang ngày ngày vào thăm viếng Bác nối kết nhau thành những tràng hoa bất tận. Những bông hoa – tràng hoa rực rỡ đó dưới ánh mặt trời của Bác đã trở thành những bông hoa – tràng hoa đẹp nhất dâng lên “bảy mươi chín mùa xuân” – 79 năm cuộc đời của Người.

=> Hình ảnh thơ trên biểu lộ tấm lòng thành kính, và biết ơn sâu sắc của nhà thơ, của nhân dân đối với Bác Hồ.

### 3. Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng:

- Vào trong lãng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian, không gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lãng Bác.

- Đứng trước Bác, nhà thơ cảm nhận Người đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vàng trắng sáng dịu hiền.

- Hình ảnh “vàng trắng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trắng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. -> Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quý những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy!

- Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một **hình ảnh ẩn dụ** sâu xa: “Vẫn biết **trời xanh** là mãi mãi”.

+ “Trời xanh” trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực đó là hình thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

+ Mặt khác, “trời xanh” còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như “trời xanh” vĩnh hằng. Nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Bác sống như trời đất của ta”, bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc.

- Dù tin như thế nhưng mấy chục triệu người dân Việt Nam vẫn đau xót và nuối tiếc khôn nguôi trước sự ra đi của Bác – “Mà sao nghe nhói ở trong tim”.

+ “Nhói” là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột quặn thắt. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận trong đáy sâu tâm hồn mình: nỗi đau uất nghẹn tột cùng không nói thành lời. Đó không chỉ là nỗi đau riêng tác giả mà của cả triệu trái tim con người Việt Nam.

+ Cặp quan hệ từ “vẫn, mà” diễn tả mâu thuẫn. Cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Như vậy, giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng. Chính đau xót này đã làm cho tình cảm giữa lãnh tụ và nhân dân trở nên ruột già, xót xa. Cảm xúc đau đớn này, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:

*Trái bưởi kia vàng ngọt với ai  
Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài  
Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm...*

Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

#### **4. Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lãng Bác:**

- Nếu ở khổ thơ đầu, nhà thơ giới thiệu mình là người con miền Nam ra thăm Bác thì trong khổ thơ cuối, nhà thơ lại đề cập đến sự chia xa Bác. Nghĩ đến ngày mai về miền Nam, xa Bác, xa Hà Nội, tình cảm của nhà thơ không kìm nén, ẩn giấu trong lòng mà được bộc lộ thể hiện ra ngoài:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”.*

+ Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” như một lời giã biệt.

+ Lời nói giản dị diễn tả tình cảm sâu lắng.

+ Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.

+ Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.

- Mặc dù lưu luyến muốn được ở mãi bên Bác nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam. Và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật quanh lăng để được luôn ở bên Người trong thế giới của Người:

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

+ **Điệp ngữ** “muốn làm” cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên “con chim”, “đóa hoa”, “cây tre” đã thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt của tác giả.

+ Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, thành đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

+ Đặc biệt là ước nguyện “Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này” để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là **hình ảnh ẩn dụ** thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam, của mỗi chúng ta nói chung với Bác.

### **III. Tổng kết:**

#### **1. Nội dung:**

Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ từ miền Nam vừa được giải phóng ra thăm lăng Bác.

#### **2. Nghệ thuật:**

- Giọng điệu thơ phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc: vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào.

- Thể thơ 8 chữ, xen lẫn những dòng thơ 7 hoặc 9 chữ. Nhịp thơ chủ yếu là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính và những cảm xúc sâu lắng. Riêng khổ cuối nhịp thơ nhanh hơn, phù hợp với sắc thái của niềm mong ước.

- Hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo, kết hợp hình ảnh thực với hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. Những hình ảnh ẩn dụ - biểu tượng như “mặt trời trong lăng”, “tràng hoa”, “trời xanh” vừa quen thuộc, vừa gần gũi với hình ảnh thực, vừa sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm.

## A. Kiến thức cần nhớ:

### 1. Tác giả:

- Nguyễn Hữu Thỉnh sinh năm 1942 - quê ở Tam Dương - Vĩnh Phúc
- Là nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.
- Thơ Hữu Thỉnh âm áp tình người và giàu sức gợi cảm. Ông viết nhiều và hay về con người, cuộc sống ở nông thôn về mùa thu.
- Có nhiều tập thơ, trường ca nổi tiếng.
- Hiện là Chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam.

### 2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác:

- + 1977, in lần đầu trên báo văn nghệ, in lại nhiều lần trong các tập thơ.
- + Rút từ tập “Từ chiến hào đến thành phố”, NXB Văn học, Hà Nội, 1991

b. Thể thơ: Năm tiếng - ngũ ngôn

c. Phương thức biểu đạt: trữ tình kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

### 3. Phân tích bài thơ:

#### \* Giới thiệu:

Mùa thu không chỉ làm rung động lòng thi nhân mà còn đem đến cho ta những xúc cảm nhẹ nhàng, êm ái gợi nhiều thương nhớ bâng khuâng.... Thường thường, các nhà thơ chỉ cảm nhận về mùa thu ở một số hình ảnh tiêu biểu như *sắc trời xanh ngắt, gió thu se lạnh* và màu vàng tượng trưng cho mùa thu. Ở một số thi nhân có thêm những cảm nhận riêng: với Xuân Diệu là : “Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang....”, với Lưu Trọng Lư là tiếng lá kêu xào xạc và tiếng chân con nai vàng đạp trên lá vàng khô, với Nguyễn Đình Thi là hương cốm đầu mùa.... Nét đặc biệt của Hữu Thỉnh trong bài thơ này là nhà thơ đã cảm nhận cái thời khắc sang thu bằng cả một hệ thống hình ảnh thiên nhiên qua nhiều yếu tố và bằng nhiều giác quan với sự rung động thật tinh tế. Mười hai câu thơ ngắn mà có đến mười hình ảnh thiên nhiên được nói đến lúc đất trời chuyển sang thu: hương ổi, gió se, sương, sông, chim, mây, nắng, mưa, sấm và cuối cùng là hàng cây đứng tuổi. Toàn là những hình ảnh gần gũi, quen thuộc đối với mỗi người chúng ta và điều này làm cho bài thơ dễ đến với người đọc. Nhưng điều quan trọng nhất chính là sự cảm nhận tinh tế của ông đối với từng hiện tượng thiên nhiên lúc giao mùa và những rung động ấy đã lan truyền sang ta như một tiếng nói đồng điệu.

#### \* **Khổ 1: Là những cảm nhận ban đầu của nhà thơ về cảnh sang thu của đất trời.**

**a. Thiên nhiên** được cảm nhận từ những gì vô hình (hương, gió), mờ ảo (sương chùng chình), nhỏ hẹp và gần (ngõ) => Đó là những cảm nhận rất riêng của nhà thơ.

- Đầu tiên là sự cảm nhận về hương vị. Cái hương ổi chín thường khó đọng lại trong những cơn gió nồm nam thổi mạnh của mùa hè, giờ đây bỗng “phả vào trong gió se”, đem đến hương vị dịu ngọt, đậm thắm của mùa thu khiến nhà thơ ngạc nhiên đến ngỡ ngàng trước sự thay đổi của thiên nhiên. Từ “phả” là động từ mạnh diễn tả mùi hương ổi thơm nồng nàn lan tỏa. Gió se là gió nhẹ, khô và hơi lạnh – gió của mùa thu, gió báo hiệu mùa thu đã đến. Gió se mang theo hương ổi của đồng quê. Nhận ra trong gió có hương ổi là cảm nhận tinh tế của một người sống giữa đồng quê và nhà thơ đã đem đến cho ta một

tín hiệu mùa thu dần dần mà thi vị, ông đã phát hiện ra một nét đẹp thật đáng yêu của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

- Trong “Sang thu”, dấu hiệu đầu thu là hương ổi, làn gió và sương thu. Nhưng không phải là “sương thu man mát đầu ghèn” của Tân Đà mà là : “Sương chùng chình qua ngõ”- một hình ảnh lung linh huyền ảo. Không còn là những hạt sương mà đã là một màn sương mỏng nhẹ trôi, đang chuyển động chậm chậm nơi đường thôn ngõ xóm. “Chùng chình” là từ láy gợi hình diễn tả hành động chậm chạp như là cố ý chậm lại. Nhà thơ đã thổi hồn vào câu thơ khiến cho màn sương thu chứa đầy tâm trạng, như người đi còn vương vấn, ngập ngừng khi qua ngõ nhà ai.....

b. Cảm nhận của nhà thơ

- Cảm nhận phút giao mùa sang thu là sự ngỡ ngàng. Do ngỡ ngàng nên cả khứu giác, cả xúc giác và thị giác đều như mách bảo thu về mà vẫn chưa thể tin, chưa dám chắc. Từ “hình như” là sự phỏng đoán nửa tin, nửa ngờ, là cái ngỡ ngàng, ngạc nhiên trong cái cảm xúc băng khuâng, xao xuyến của thi sĩ. Qua đó, ta hiểu tâm hồn nhà thơ nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu hương thu với tình yêu tha thiết.

**\*khổ 2: Nhưng rồi mùa thu dần dần đến và hiện ra ngày càng rõ hơn trước mắt nhà thơ**

- Sự vận động của h/a thiên nhiên trong thời khắc chuyển mùa được cụ thể hoá bằng những đổi thay của vạn vật. **Sông lúc sang thu** không còn cuộn chảy dữ dội như những ngày hè mưa lũ, mà êm ả dềnh dàng như đang lắng lại, đang trầm xuống. Một chữ “dềnh dàng” mà nói lên được cái dáng vẻ khoan thai, thong thả của con sông mùa thu, ngỡ như nó được nghỉ ngơi thoải mái khi mùa nước lũ cuộn cuộn đã đi qua.

- Đối lập với hình ảnh đó là **hình ảnh đàn chim** bắt đầu vội vã bay về tổ lúc hoàng hôn. Từ “bắt đầu” trong ý thơ được dùng rất độc đáo “bắt đầu vội vã” chứ không phải là “đang vội vã”. Phải tinh tế lắm, yêu và gần gũi với thiên nhiên lắm mới nhận ra được sự bắt đầu trong những cánh chim bay.

- Cánh chim trời vội vã bay đi, “có **đám mây** mùa hạ” còn vương lại. Và mây lưu luyến bắc chiếc cầu:

“Vắt nửa mình sang thu”.

Một liên tưởng thú vị, một hình ảnh đầy chất thơ. Người ta thường nói: khăn vắt vai, con đường mòn vắt ngang sườn núi... Hữu Thỉnh điểm vào bức tranh thu của mình một hình ảnh mới mẻ, gợi cảm: hai nửa của một đám mây thuộc về hai mùa. Không phải vẻ đẹp của mùa hạ cũng chưa hẳn là vẻ đẹp của mùa thu mà đó là vẻ đẹp của thời khắc giao mùa được sáng tạo từ một hồn thơ tinh tế và nhạy cảm đang say thời khắc giao mùa này. Trong “chiều sông thương”, ông cũng có một câu thơ tương tự về cách viết: **Đám mây trên Việt Yên. Rủ bóng về Bó Hạ.**”

**c. Khúc giao mùa của không gian và thời gian khi sang thu còn được thể hiện ở chiều sâu suy ngẫm trong khổ cuối.**

- Khổ cuối nói về những biến chuyển của nắng, mưa, sấm trong lúc giao mùa với những nhận xét tinh tế của một người am hiểu tường tận các hiện tượng thời tiết này:



*Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

+Lại thêm một sự đối lập: nắng vẫn còn nhưng mưa đã vơi dần. Mùa thu nắng sẽ nhạt dần, nhưng lúc giao mùa, nắng cuối hạ vẫn còn nồng, còn sáng. Những ngày sang thu, đã ít đi những cơn mưa rào ào ạt và cũng bớt đi những tiếng sấm bất ngờ thường chỉ có trong mùa hạ. Các từ ngữ : “vẫn còn – đã vơi dần – cũng bớt bất ngờ” vừa cho thấy, vẫn còn đó dấu ấn, vẫn còn đó dư âm của mùa hạ. Nhưng tất cả đã đi vào chùng mực, vào thế ổn định mang nét đặc trưng của mùa nắng phút giao mùa sang thu. Những câu thơ vừa tả cảnh, vừa kín đáo bộc lộ cảm xúc giao mùa của lòng người trong mỗi luyện giao thấm quện với thiên nhiên.

+ Bài thơ khép lại bằng hai dòng thơ hàm chứa ý nghĩa:

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi*

Hai dòng cuối bài có hai tầng ý nghĩa: tả thực và ẩn dụ - gọi ta liên tưởng đến một tầng ý nghĩa khác – ý nghĩa về con người và cuộc sống. Những tiếng sấm bất ngờ của mùa hạ đã bớt đi lúc sang thu (cũng có thể hiểu: hàng cây không còn bị bất ngờ, bị giật mình vì tiếng sấm nữa), nhưng đó còn là những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời. Và hàng cây đứng tuổi ở đây vừa gợi lên hình ảnh những hàng cây không phải là còn non, vừa gợi tả những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời. Qua đó, con người càng trở nên vững vàng.

Hai câu kết đã khép lại bài thơ vừa là hình ảnh thiên nhiên sang thu, vừa là suy nghĩ chiêm nghiệm về bản thân, về con người, về đất nước. Nó vừa trang nghiêm chững chạc, vừa băng khuâng khiêm nhường nhưng cũng đầy tự hào kiêu hãnh. Chính nhà thơ Hữu Thỉnh tâm sự: với hình ảnh này, ông muốn gửi gắm suy nghĩ của mình: khi con người đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời (1). Bài thơ kết thúc, nhưng dư vị vẫn còn để người đọc tiếp tục nghĩ suy thêm về cái điều nhà thơ tâm sự.

**B. Câu hỏi luyện tập:**

**1. Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, hãy phân tích sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về biến chuyển trong không gian lúc sang thu ở khổ thơ:**

Bỗng nhận ra hương ổi.

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

(Sang thu - Hữu Thỉnh)

**Gợi ý:**

a. Về hình thức: trình bày bài tập bằng một đoạn văn ngắn khoảng 8 câu, có thể dùng đoạn diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp – phân tích - tổng hợp.

- Đoạn văn diễn đạt mạch lạc, tự nhiên, không mắc lỗi về diễn đạt.

b. Về nội dung:

- Phân tích để thấy biến chuyển trong không gian được nhà thơ cảm nhận tinh tế qua hương ổi chín đậm, nồng nàn phả vào gió se, lan toả trong không gian và qua làn sương mỏng “chùng chình” chuyển động chậm chậm, nhẹ nhàng đầu ngõ, đường thôn.
- Trạng thái cảm giác về mùa thu đến của nhà thơ được diễn tả ở các từ “bỗng, hình như” mở đầu và kết thúc khổ thơ, đó là sự ngạc nhiên thú vị như còn chưa tin hẳn, là tâm trạng ngỡ ngàng bàng khuâng, xao xuyến của một hồn thơ.

**2. Viết đoạn văn khoảng 6 câu trình bày cách hiểu của em về hai câu thơ cuối bài “sang thu” (Hữu Thỉnh):**

Sấm cũng bớt bất ngờ.

Trên hàng cây đứng tuổi”.

**Gợi ý:** Trong đoạn văn này người viết cần trình bày được cách hiểu hai câu thơ cả về nghĩa cụ thể và về nghĩa ẩn dụ.

- Tầng nghĩa cụ thể - nghĩa tường minh diễn tả ý: sang thu, mưa ít đi, sấm cũng bớt. Hàng cây không còn bị giật mình vì những tiếng sấm bất ngờ nữa. Đó là hiện tượng tự nhiên.
- Tầng nghĩa thứ hai (ẩn dụ): suy ngẫm của nhà thơ về dân tộc, về con người: khi đã từng trải, con người đã vững vàng hơn trước những tác động bất ngờ của ngoại cảnh, của cuộc đời.

**3. Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của hình ảnh “đám mây mùa hạ” trong khổ thơ :**

Sông được lúc dềnh dàng.

Chim bắt đầu vội vã.

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu”.

**Gợi ý:** Đoạn văn có thể gồm các ý:

- Hình ảnh được cảm nhận tinh tế kết hợp trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ.
- Diễn tả hình ảnh đám mây mùa hạ còn sót lại trên bầu trời thu trong xanh, mỏng, kéo dài nhẹ trôi rất hững hờ như còn vương vấn, lưu luyến không nỡ rời xa, cảnh có hồn.
- Đó là hình ảnh gợi cảm giác giao mùa, hạ đã qua mà thu chưa đến hẳn.

=====

**NÓI VỚI CON - Y PHƯƠNG**

**A. Kiến thức cần nhớ**

**1. Tác giả:**

-Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Y Phương ra nhập ngũ năm 1968, phục vụ trong quân đội đến năm 1981, chuyển công tác về Sở văn hoá Thông tin Cao Bằng. Từ năm 1993, ông được bầu là Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng. Thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạch mẽ và trong sáng, cách tư duy hình ảnh của con người miền núi.

**2. Tác phẩm:**

- Bài thơ “Nói với con” rất tiêu biểu cho hồn thơ Y Phương: yêu quê hương, làng bản, tự hào và gắn bó với dân tộc mình.

- Mượn lời nói với con, nhà thơ gọi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người, gọi về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương mình.

**- Bố cục:**

+ Đoạn 1: ( từ đầu đến “ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời”): Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.

+ Đoạn 2: (phần còn lại): Lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.

=> Với bố cục này, bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống. Bài thơ đã vượt ra khỏi phạm vi gia đình để mang một ý nghĩa khái quát: Nói với con nhưng cũng là để nói với mọi người về một tư thế, một cách sống.

**3. Gọi ý phân tích bài thơ:**

a. Mở đầu bài thơ, bằng những lời tâm tình với con, Y Phương đã gọi về ***cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người***.

***Cội nguồn của hạnh phúc con người chính là gia đình và quê hương*** - cái nôi êm để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.

- Ngay từ bốn câu thơ đầu tiên người cha đã gọi ra một hình ảnh đậm ấm của gia đình qua cách nói thật lạ:

*Chân phải/ bước tới cha*

*Chân trái/ bước tới mẹ*

*Một bước / chạm tiếng nói*

*Hai bước / tới tiếng cười.*

Nhịp thơ 2/ 3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được láy lại, tạo ra một âm điệu tươi vui, quán quýt: *chân phải - chân trái* , rồi *một bước - hai bước* , rồi lại “*tiếng nói - tiếng cười*”....

Ta rất dễ hình dung một hình ảnh cụ thể thường gặp trong đời sống: đứa con đang tập đi, cha mẹ vây quanh mừng vui, hân hoan theo mỗi bước chân con. Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chút, nâng niu, đón nhận. Cả ngôi nhà như rung lên trong “tiếng nói, tiếng cười” củ cha, của mẹ. Tuy nhiên, đằng sau lời nói cụ thể đó, tác giả muốn khái quát một điều lớn hơn: con sinh ra trong hạnh phúc (cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới. Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời) và lớn lên bằng tình yêu thương, trong sự nâng đỡ, vỗ về, mong chờ của cha mẹ. Những hình ảnh ấm êm với cha và mẹ, những âm thanh sống động, vui tươi với tiếng nói tiếng cười là những biểu hiện của một không khí gia đình đậm ấm, quán quýt, hạnh phúc tràn đầy. Hình ảnh ấm lòng này muôn thuở vẫn là khát vọng hạnh phúc của con người. Đó sẽ là hành trang quý báu đối với cuộc đời, tâm hồn con.

- Bên cạnh tình cảm gia đình thấm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.

+ Ở khổ thơ tiếp theo này, tác giả đã sử dụng những cách nói, những hình ảnh của người miền núi - nơi sinh dưỡng của chính mình - để nói những điều chân thực về quê hương rừng núi:

*“Người đồng mình yêu lắm con ơi!*

*Đan lò cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.”*

+ Y Phương có cách gọi rất độc đáo về những con người quê hương: “người đồng mình”, một cách gọi rất gần gũi và thân thương. Cách gọi ấy gắn liền với lời đối thoại tha thiết “con ơi”.

+ Người cha đã có cách lí giải rất cụ thể của người dân tộc khiến người con có thể hiểu được: Người đồng mình đáng yêu như thế nào. Họ sống rất đẹp. Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của “người đồng mình” - người bản mình- người buôn làng mình được gọi lên qua các hình ảnh đẹp, đậm sắc màu dân tộc. Họ làm một cách nghệ thuật từ cá dụng cụ lao động để bắt cá thường ngày : “đan lò cài nan hoa”. Trong căn nhà của họ, lúc nào cũng vang lên tiếng hát: “vách nhà ken câu hát”. Những động từ “đan, ken, cài” rất gợi cảm bên cạnh giúp cho người đọc hình dung được những công việc cụ thể của con người trên quê hương còn gợi ra tính chất gắn bó, hoà quyện, quán quýt của con người và của quê hương, xứ sở.

+ Cuộc sống lao động ấy, sinh hoạt gia đình đầy niềm vui ấy được đặt trong cả một quê hương giàu đẹp, nghĩa tình. Quê hương của “người đồng mình” với hình ảnh rừng, một hình ảnh gắn liền với cảnh quan miền núi:

*“Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng”.*

Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh “gió gào ngàn, giọng nguồn thét núi”, những bí mật của rừng thiêng..... Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất. Hoa trong “NÓi với con” có thể là hoa thực - như một đặc điểm của rừng - và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mỹ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương với con. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “con đường cho những tấm lòng”. Điệp từ “cho” mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn cũng như lối sống của con người.

=> Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình” Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

***b. Lòng tự hào về vẻ đẹp của “người đồng mình” và mong ước của người cha.***

- Người đồng mình không chỉ “yêu lắm” với những hình ảnh đẹp đẽ, giản dị gợi nhắc cội nguồn sinh dưỡng tâm hồn, tình cảm, lối sống cho con người mà còn với những đức tính cao đẹp, đáng tự hào. Trong cái ngọt ngào kỉ niệm gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất cao đẹp của con người quê hương.

+ Tô hợp từ “người đồng mình” được lặp lại ba lần đã gây ấn tượng không phai mờ về con người quê hương. Lời gọi con thật tha thiết, lời nhắn nhủ thật chân thành: “*Người đồng mình thương lắm con ơi!*”

Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “thương lắm con ơi”, đó là tình cảm yêu thương, yêu thương một cách xót xa. Người cha đã lần lượt ngợi ca những phẩm chất dễ thương của “người đồng mình” với cách nói vừa rất cụ thể của người dân miền núi: “*Cao đo nỗi buồn. Xa nuôi chí lớn*” vừa mang sức khái quát. Lấy sự từng trả (buồn) để đo chiều cao, lấy chí lớn để đánh giá độ xa.

+ Những hình ảnh cụ thể của thiên nhiên như : “sông, suối, thác, ghềnh” đã được người cha dùng với tính chất biểu trưng cho khó khăn, gian khổ và sức mạnh vượt khó khăn gian khổ của những con người của quê hương.

+ Người đồng mình không sợ gian khổ, nghèo đói. Sự chấp nhận gian khổ ấy thể hiện trong điệp ngữ “*không chê*”, “*không lo*” và cách nói tha thiết: “*vẫn muốn*”. Và ông đã tự ví “người đồng mình” mạnh mẽ, hồn nhiên như sông như suối qua các hình ảnh cụ thể “*đá, thung, những thác những ghềnh ...*, dù có lên thác, xuống ghềnh vẫn không nhụt chí khí. Cặp từ trái nghĩa “*lên, xuống*” đã làm mạnh thêm sự diễn đạt này. Dù quê hương vất vả, nhọc nhằn, dù “người đồng mình” có thể có nỗi đau buồn rất lớn nhưng những người con của quê hương không bao giờ quay lưng lại với nơi mình đã từng chôn rau, cắt rốn, cha mẹ đã từng cấy xới vun trồng. Và phải chăng chính cuộc sống nhọc nhằn đầy nỗi khổ đau ấy lại khiến cho “chí lớn” thêm lên, thêm mãnh liệt?

- Gửi trong những lời tự hào không dấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thủy chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương.

- Phẩm chất của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong nhưng rất đúng với người miền núi:

*“ Người đồng mình thô sơ da thịt.*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”*

+ Đó là những con người sống giản dị mà mạnh mẽ, hồn nhiên mà mộc mạc. Người miền núi tuy có thể mộc mạc, thô sơ da thịt, có thể không biết nói khéo, không biết nói hay... nhưng ý nghĩ của họ, phẩm chất của họ thì thật là cao đẹp. Chính cái hồn nhiên mộc mạc ấy lại chứa đựng sức sống mạnh mẽ của dân tộc ; giàu chí khí, niềm tin, không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí và đặc biệt là khát vọng xây dựng quê hương. Ý chí và mong ước ấy được cô đúc trong hai câu thơ vừa có hình ảnh cụ thể lại vừa hàm chứa ý nghĩa sâu sắc:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục.*

+ Việc “ đục đá” là khó, là đòi hỏi nghị lực, nhưng người quê hương ta đã làm, vẫn làm để làm rạng rỡ quê hương. Chính những đức tính tốt đẹp cùng với sự lao động cần cù, nhẫn nại hàng ngày đã tạo nên sức mạnh để làm nên quê hương với truyền thống với phong tục tập quán tốt đẹp. Người cha đã tâm sự với con về tất cả những gì tốt đẹp nhất của người quê hương, nơi con đang sinh sống, cái nôi đang nuôi con khôn lớn, trưởng thành.



\* Nói với con là lời thủ thi tâm tình của người cha với con về quê hương, 1 quê hương nhọc nhằn vất vả đã nuôi dưỡng chí lớn cho những đứa con. Quê hương với sức sống giản dị mà mãnh liệt, hồn nhiên mà mạnh mẽ. Tất cả được thể hiện qua thể thơ tự do với những từ ngữ, hình ảnh mộc mạc, cụ thể nhưng lại có sức khái quát sâu sắc. Gửi trong những lời tự hào không dấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thủy chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương.

- Không chỉ gửi mong ước của mình đầy tự hào, kết thúc bài thơ, người cha còn bộc lộ trực tiếp niềm mong ước này trong lời thủ thi dặn dò con thiết tha, chân tình, triu mến trong tiếng gọi “con ơi!” và lời nhắn nhủ “nghe con”. Song cái điều người cha nói với con thì thật là ngắn gọn, hàm súc mà sâu sắc, đồng thời lại có chút nghiêm nghị của mệnh lệnh trái tim:

*“Con ơi tuy thô sơ da thịt  
Lên đường  
Không bao giờ nhỏ bé được  
Nghe con.*

- Câu thơ ngắn lại như khắc sâu, có câu chỉ có hai tiếng. Điều mà người cha muốn khuyên con qua cách nhắc lại một phẩm chất của người đồng mình đã nêu ở trên: nghĩa là phải sống cho cao đẹp. Trong những lời thơ cuối cùng ấy, người cha dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên đường đời, tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của “người đồng mình”. Con sống được như thế chính là con phát huy được truyền thống tốt đẹp của cha ông, của quê hương yêu dấu.

## **B. Luyện tập.**

**Câu 1: Nêu cảm nhận về những câu thơ mở đầu bài: “Nói với con” của Y Phương:**

*Chân phải bước tới cha  
Chân trái bước tới mẹ.  
Một bước chạm tiếng nói  
Hai bước chạm tiếng cười.*

**Gợi ý:** Em có thể nêu các ý sau về những câu thơ mở đầu bài “Nói với con” (Y Phương)

- Bằng các hình ảnh thật cụ thể, Y Phương đã tạo nên hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc, đầm ấm và quấn quýt.

+ Người con được nuôi dưỡng chở che trong vòng tay ấm áp của cha mẹ.

+ Con được lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ.

+ Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chú, vui mừng, đón nhận.

- Lời thơ rất đặc biệt: nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trừu tượng của người miền Núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm khiến cho tình cha con thêm chân thành, thấm thía. Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được lấy lại, tạo ra âm điệu tươi vui, quấn quýt: chân phải, chân trái rồi một bước, hai bước rồi lại tiếng nói, tiếng

cười...tạo nên không khí gia đình đầm ấm mà đưa con đang lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, chăm sóc và mong chờ của cha mẹ.

- Cha nói với con lời đầu tiên đó để nhắc nhở con về tình cảm gia đình ruột thịt, về cội nguồn của mỗi người.

**Câu 2: Cha muốn nói với con điều gì trong những dòng thơ sau:**

*Dan lò cài nan hoa.*

*Vách nhà ken câu hát*

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng*

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

**Gợi ý:**

- Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.

+ Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của “người đồng mình” được nhà thơ gợi lên qua các hình ảnh đẹp: “Đan lò cài nan hoa. Vách nhà ken câu hát”. Các động từ “cài, ken” được dùng rất gợi cảm vừa miêu tả cụ thể công việc lao động của người miền núi, vừa nói lên sự gắn bó, quấn quýt.

+ Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. “Rừng cho hoa” là cho cái đẹp, một chữ “hoa” đủ nói lên về thơ mộng của rừng núi quê hương. “Con đường cho những tấm lòng” là cho nghĩa tình, tâm hồn và lối sống. Rừng núi đâu chỉ là thiên nhiên, cây, đá mà còn là tình người, là những tấm lòng yêu thương gắn bó bên nhau.

**Câu 3: Nhà thơ Y Phương muốn nói với con điều gì trong những dòng thơ sau:**

*Người đồng mình thương lắm con ơi*

*..... không lo cực nhọc”*

**Gợi ý:**

- Trong cái ngọt ngào kỉ niệm gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất cao đẹp của con người quê hương qua cách nói rất khác lạ mà cũng rất hay: “Người đồng mình thương lắm con ơi... không lo cực nhọc”

+ Tổ hợp từ “người đồng mình” được lặp lại ba lần đã gây ấn tượng không phai mờ về con người quê hương. Lời gọi con thật tha thiết, lời nhắn nhủ thật chân thành: “*Người đồng mình thương lắm con ơi!*”

+ Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “thương lắm con ơi”, đó là tình cảm yêu thương, yêu thương một cách xót xa. Người cha đã lần lượt ngợi ca những phẩm chất dễ thương của “người đồng mình” với cách nói vừa rất cụ thể của người dân miền núi: “*Cao đo nỗi buồn. Xa nuôi chí lớn*” vừa mang sức khái quát. Lấy sự từng trải để đo chiều cao, lấy chí lớn để đánh giá độ xa.

+ Những hình ảnh cụ thể của thiên nhiên như : “sông, suối, thác, ghềnh” đã được người cha dùng với tính chất biểu trưng cho khó khăn, gian khổ và sức mạnh vượt khó khăn gian khổ của những con người của quê hương.

+ Người đồng mình không sợ gian khổ, nghèo đói. Sự chấp nhận gian khổ ấy thể hiện trong điệp ngữ “*không chê*”, “*không lo*” và cách nói tha thiết: “*vẫn muốn*”. Và ông đã tự

ví “người đồng mình” mạnh mẽ, hồn nhiên như sông như suối qua các hình ảnh cụ thể “*đá, thung, những thác những ghềnh ...*, dù có lên thác, xuống ghềnh vẫn không nhụt chí khí. Cặp từ trái nghĩa “*lên, xuống*” đã làm mạnh thêm sự diễn đạt này. Dù quê hương vất vả, nhọc nhằn, dù “người đồng mình” có thể có nỗi đau buồn rất lớn nhưng những người con của quê hương không bao giờ quay lưng lại với nơi mình đã từng chôn rau, cắt rốn, cha mẹ đã từng cấy xới vun trồng. Và phải chăng chính cuộc sống nhọc nhằn đầy nỗi khổ đau ấy lại khiến cho “chí lớn” thêm lên, thêm mãnh liệt?

- Gửi trong những lời tự hào không dấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thủy chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương.

**Câu 4:** Viết đoạn văn ngắn có dùng lời dẫn trực tiếp để nêu suy nghĩ của em về những điều người cha nói với con trong các câu thơ sau:

*"Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục.*

**Gợi ý:**

- Người cha đã ca ngợi đức tính cao đẹp của người đồng mình bằng những hình ảnh đầy ấn tượng

+ Đó là “người đồng mình thô sơ da thịt”, những con người chân chất, khoẻ khoắn, họ mộc mạc mà không nhỏ bé về tâm hồn, ý chí. Họ tự chủ trong cuộc sống, giàu bản lĩnh, đầy niềm tin.

+ Đó là những con người tự đục đá kê cao quê hương, lao động cần cù không lùi bước trước khó khăn. Tất cả những điều đó đã khiến họ giữ vững bản sắc văn hoá của dân tộc.

+ Họ yêu quê hương, lấy quê hương làm chỗ dựa tâm hồn

- Nói với con về những điều đó, người cha mong con biết tự hào về truyền thống của quê hương, tự hào về dân tộc để tự tin trong cuộc sống.

=====

## **BÊN QUÊ - NGUYỄN MINH CHÂU**

**I. Giới thiệu chung.**

**1. Tác giả :**

- Nguyễn Minh Châu (1930 -1989) là một trong những nhà văn tiêu biểu của văn học VN thời kỳ chống Mỹ với những thành công về tiểu thuyết và truyện ngắn. Sáng tác của Nguyễn Minh Châu thời kỳ này là thể hiện khát vọng của nhà văn ‘đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người’

- Sau kháng chiến, ông là người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học để đáp ứng những đòi hỏi của cuộc sống ở một thời kỳ mới.

- Tác phẩm của ông đã thể hiện những tìm tòi đổi mới về t tưởng và nghệ thuật, gây được những tiếng vang rộng rãi trong công chúng và giới văn học.

**2. Tác phẩm :** Truyện ngắn « Bến quê » in trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Minh Châu, xuất bản năm 1985.

## **II. Một số câu hỏi xoay quanh tác phẩm.**

**Câu 1 :** Nêu tình huống truyện « Bến Quê » và tác dụng của việc xây dựng tình huống đó.

\* Tình huống.

- Căn bệnh hiểm nghèo khiến Nhĩ, người đã đi đến hầu khắp mọi nơi trên thế giới - hầu như bị liệt toàn thân không thể tự di chuyển được, dù chỉ là nhích nửa người trên giường bệnh. Tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của người khác mà chủ yếu là của Liên, vợ anh.

- Tình huống trở trêu ấy lại dẫn đến một tình huống tiếp theo, cũng đầy nghịch lí. Khi Nhĩ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh, nhưng anh biết rằng sẽ không bao giờ có thể được đặt chân lên mảnh đất ấy, dù nó ở rất gần anh, Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát ấy, nhưng rồi cậu ta lại sa ào một đám chơi cờ trên hè phố và có thể lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày.

\* Tác dụng : Tạo ra một chuỗi những tình huống nghịch lí như trên, tác giả muốn lưu ý người đọc một nhận thức về cuộc đời : cuộc sống và số phận con người chứa đựng những điều bất thường, những nghịch lí, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định, ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính củ người ta. Bên cạnh đó, tác giả còn muốn gửi gắm mọi suy ngẫm : trong cuộc đời, người ta hướng đến những điều cao xa mà vô tình không biết đến những vẻ đẹp gần gũi ngay cạnh mình.

**Câu 2 :** Tóm tắt truyện « Bến quê » khoảng 5 -6 dòng.

Buổi sáng đầu thu. Nhĩ bị bệnh nặng nằm bên cửa sổ để Liên - vợ anh săn sóc. Anh nghĩ suốt đời mình đã làm vợ khổ. Nhĩ nhìn qua cửa sổ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh và trong anh bỗng bùng lên khao khát được đặt chân lên vùng đất ấy, anh cũng biết rằng sẽ không bao giờ thực hiện được điều ấy. Anh sai thằng Tuấn (con trai) thay anh sang bên kia sông chơi loanh quanh một lúc. Chàng trai vâng lời nhưng lại ham vui nên muộn chuyến đò. Bọn trẻ hàng xóm sang giúp anh. Cụ giáo Khuyến ghé vào hỏi thăm. Nhĩ cố sức giơ tay ra ngoài cửa sổ như ra hiệu khẩn thiết cho một người nào đó.

**Câu 3 :** *Tìm hiểu những hình ảnh, chi tiết trong truyện mang tính biểu tượng :*

Trong truyện « Bến quê », hầu như mọi hình ảnh đều mang hai lớp nghĩa : nghĩa thực và nghĩa biểu tượng. Ý nghĩa biểu tượng được gợi ra từ hình ảnh thực và hai lớp nghĩa này gắn bó thống nhất với nhau đem đến cho truyện ngắn này một vẻ đẹp riêng : vừa gợi cảm, sinh động, vừa khái quát triết lí.

- Hình ảnh bãi bồi, bên sông và toàn bộ khung cảnh thiên nhiên được dựng lên trong truyện mang ý nghĩa biểu tượng cho vẻ đẹp gần gũi, bình dị, thân thuộc của quê hương, xứ sở, của những gì thân thương nhất mà trong một đời người thường dễ dàng lãng quên bởi chính cái điều vòng vèo hay chùng chình thường mắc phải.

- Những bông hoa bằng lăng nhợt nhạt khi mới nở ; đậm sắc hơn khi đã sắp hết mùa, rồi lại càng thâm màu hơn, một màu tím thâm như bóng tối. Đó là ý nghĩa biểu tượng về không gian và thời gian : cái đẹp gần gũi bình dị rồi cũng tàn phai bởi thời gian luôn thay đổi với những bước đi của nhịp hải hà.

- Những tảng đất lở bên bờ sông khi con lũ đầu nguồn đã dồn về, đổ ụp vào trong giấc ngủ của Nhĩ báo hiệu trước sự sống của nhân vật Nhĩ cũng đã sắp lụi tàn

- Chân dung và cử chỉ của Nhĩ ở đoạn cuối truyện : chỉ còn đôi bàn tay với những ngón tay vừa bấu chặt vừa run lẩy bẩy.. Cánh tay gầy guộc đưa ra ngoài phía cửa sổ khoát khoát như đang hực nắng, cố bám víu hiện tại nhưng lại vô vọng bởi chính cái sự vòng vèo và chùng chình của người con. Hình ảnh này mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Chân dung của Nhĩ ở cuối truyện là chân dung của một con người đang đi vào cõi chết nhưng đã thức nhận được cuộc đời và chính mình trong « một nỗi mê say đầy đau khổ ». khiến mặt mũi « đỏ rựng một cách khác thường ». Hành động cuối cùng của Nhĩ có thể hiểu là anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau kéo lối chuyển đồ duy nhất trong ngày. Nhưng không dừng ở cụ thể, hình ảnh này còn mang ý nghĩa khái quát. Cái cánh tay giơ lên khoát khoát của con người đã bước tới ngưỡng cửa của cái chết phải chăng là ước muốn cuối cùng của Nhĩ gửi lại cho đời : anh muốn thức tỉnh mọi người hãy sống khẩn trương, có ích, đừng sa vào những cái « vòng vèo, chùng chình », hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị gần gũi và bền vững của gia đình và của quê hương.

***Câu 4 : Phân tích niềm khao khát của nhân vật Nhĩ trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời.***

- Trên giường bệnh, qua khung cửa sổ, Nhĩ đã nhận thấy vẻ đẹp của thiên nhiên trong một buổi sáng đầu thu với những bông hoa bằng lăng cuối mùa thưa thớt nhưng lại đậm sắc hơn ; con sông Hồng màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra ; vòm trời như cao hơn ; và sau cùng là điểm nhìn của anh dừng lại ở cái bãi bồi bên kia sông : « Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khung cửa gian gác nhà Nhĩ một một thứ màu vàng thau xen lẫn màu xanh non- những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, như hơi thở của đất màu mỡ ». Thật kì lạ, cái bãi bồi vốn quen thuộc gần gũi ấy bỗng như mới mẻ với anh trong buổi sáng đầu thu này, ngỡ như lần đầu tiên anh cảm nhận được tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó. Bởi đây là một chân trời gần gũi mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến ». Cho nên trong cái giờ phút cảm thấy sắp từ giã cõi đời, trong anh bỗng bùng dậy khao khát mãnh liệt là được đặt chân một lần lên cái bãi bồi bên kia sông- cái bãi bồi thân quen của quê hương mà suốt cả cuộc đời dường như anh đã quên nó, thờ hững với nó. Giờ đây, thấy lại được vẻ đẹp và sự giàu có của nó thì đã quá muộn và niềm khát khao ấy tuy bùng lên mạnh mẽ nhưng chỉ là một niềm khát khao vô vọng, vì hơn ai hết, anh biết chắc mình sẽ chẳng bao giờ đến được đó.

- Sang được bờ sông bên kia, với Nhĩ vừa là ước mơ, vừa là suy ngẫm về cuộc đời. Tính biểu tượng từ « cái bên kia sông mở ra hai tầng ý nghĩa. Trước hết đó là một ước mơ : con người ta hãy đi đến cái « bên kia sông » của cuộc đời mà mình chưa tới. Hình ảnh con sông Hồng phải chăng là ranh giới giữa cái thực và cái mộng mà chiếc cầu nối là con



đò qua lại mỗi ngày chỉ có một chuyến mà thôi. Muốn đến với cái thế giới ước mơ kia đừng có do dự, vòng vèo mà bỏ lỡ. Thế giới ước mơ ấy chẳng qua chỉ là trong tâm tưởng của con người nên có thể nó sẽ là một ước mơ tuyệt mỹ hoặc chẳng là cái gì cụ thể cả. Tuy vậy nó lại là cái đích mà con người ta phải bôn tẩu, kiếm tìm, vượt qua bao nhiêu gian truân, khổ ải mà chưa chắc đã đến được. Cái vùng « mơ ước tâm tưởng » ấy không phải ai cũng hiểu được nếu chưa ở độ chín của sự từng trải hoặc quá ngây thơ. Chẳng hạn như Tuấn, con trai anh, do không hiểu được cái thế giới ước mơ kia của Nhĩ, vâng lời bố mà đi nhưng không hề biết vì sao nó phải đi, ở bên kia sông có gì lạ. Nó sẵn sàng và sà vào đám người chơi phá cờ thế bên hè » là lẽ dĩ nhiên. Còn Nhĩ, khi biết thằng bé đã đi, tâm hồn anh trào dâng bao nhiêu náo nức. Nó cũng là « một cánh buồm vừa bắt gió căng phồng lên ». Hình ảnh đứa con, hình ảnh của ước vọng từ « cái mũ cối rộng vành và chiếc sơ mi màu trứng sáo » cứ chập chờn, khi là đứa con, khi chính là mình. Hình ảnh tuyệt vời, trẻ trung này là mơ ước của anh.

- Niềm khao khát đó nói lên nhiều điều có ý nghĩa :

+ Sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống - những giá trị thường bị người ta bỏ qua, lãng quên, nhất là lúc còn trẻ, khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người tìm đến.

+ Đó là sự thức tỉnh « giống như một niềm mê say pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn » nhưng đó là một « sự thức nhận đau đớn sáng ngời của con người » (Lê Văn Tùng)

**Câu 5 : Tìm hiểu nội dung miêu tả tâm lí của Nguyễn Minh Châu ở truyện ngắn này.**

- Tinh tế : phát hiện những biến thái tinh tế trong tâm trạng nhân vật. Nhĩ đã nhận ra bằng trực giác cái giờ phút cuối cùng của cuộc đời đã đến (câu hỏi của Nhĩ với Liên : « Đêm qua lúc gần sáng em có nghe thấy tiếng gì không ? » và « Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ ? »). nhưng tác giả đã không để cho Liên trả lời thì đó chính là nhân đạo. Liên cảm nhận được tình cảnh của Nhĩ nên chị đã lánh tránh.

- Người cha sắp từ giã cõi đời đang giấu một tâm sự bí mật gì đó trong cái vẻ lúng túng. Đó là một nhận xét tinh tế của tác giả về Nhĩ khi anh bắt đầu nói chuyện với con để nhờ cậy nó sang cái bãi bồi bên sông hộ mình. Và trong cuộc đối thoại này, tâm lí Nhĩ đã bộc lộ thật đúng qua sự miêu tả tinh tế của tác giả (qua thái độ, lời nói) và chính sự tinh tế này lại thấm đượm tinh thần nhân đạo ở chỗ nó đã nói lên một cách sâu sắc cái ước muốn nhỏ nhoi của Nhĩ.

- Cũng như vậy, đoạn Nhĩ nghĩ về con người khi nhận ra thằng con trai của anh đang sà vào một đám người chơi phá cờ thế có thể sẽ bị lỡ chuyến đò ngang sang sông duy nhất trong ngày và hình ảnh cuối cùng khi Nhĩ cố hết sức đu mình nhô người ra ngoài, giờ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát... đều là những nét miêu tả tâm lí vừa tinh tế, vừa nhân đạo của tác giả.

**Câu 6 : Phân tích hình ảnh nhân vật Nhĩ ở đoạn cuối truyện**

Đây là hình ảnh cuối cùng của nhân vật để lại một ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc trong lòng người đọc. Tác giả miêu tả một nét chân dung khác thường với một cử chỉ cũng rất khác thường của nhân vật. Giờ đây, trong những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời, Nhĩ mới thấm thía. Anh đang cố gắng bấu chặt tay vào cửa sổ như bám chặt lấy niềm

hạnh phúc cuối cùng. Anh run lên trong nỗi xúc động, nỗi mê say đầy đau khổ. Phải chăng lúc này, ranh giới giữa sự sống và cái chết mỏng manh như tờ giấy? Phải chăng anh đang cảm nhận được sự ngăn ngùi của đời người? Vì thế anh lấy hết sức « đu mình, nhô người ra ngoài cửa sổ » như để được đến gần hơn với miền đất mơ ước. Cánh tay gầy guộc như khăn thiết ra hiệu cho con trai thực hiện niềm mong ước cuối cùng này của mình hay như muốn chạm vào, muốn với đến miền đất mơ ước? Cánh tay vẫy vẫy đó cũng như đang vẫy chào con đò, tạm biệt con đò quen thuộc đã chở nặng mơ ước của Nhĩ, con đò đã đưa Nhĩ sang sông trong tâm tưởng, với niềm mê say đầy đau khổ với quê hương, với cuộc sống. Cái vẫy tay ấy như lời vĩnh biệt của anh, vĩnh biệt tất cả những gì là thân thuộc, gần gũi, những nét đẹp vĩnh hằng của đời sống mà nhiều khi những bận rộn lo toan, mục đích của cuộc sống đã che lấp khiến cho chúng ta không dễ nhận ra, khi nhận ra thì cũng là lúc anh phải xa lìa. Đó cũng là lời nhắc nhở đầy xót xa, day dứt của Nguyễn Minh Châu tới tất cả chúng ta: hãy sống có ích, đừng sa đà vào những điều vòng vèo, chùng chình, những cám dỗ, hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp, hãy dứt khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn giản dị, gần gũi và bền vững của gia đình và quê hương.

**Câu 7 : Em có suy nghĩ gì về những người xung quanh Nhĩ.**

- Những người xung quanh Nhĩ là những người rất tốt. Họ có lẽ sống ân tình, quan tâm đến mọi người. Hình ảnh cụ giáo Khuyến sáng nào đi qua cũng tạt vào thăm Nhĩ là một hình ảnh ân tình ân nghĩa nuôi dưỡng tâm hồn. Một câu hỏi thăm về sức khỏe, một lời động viên, an ủi ân cần: « Hôm nay ông Nhĩ có vẻ khỏe ra nhỉ? » thật cao quý và ấm áp nghĩa tình. Các cháu Huệ, Hùng, Vân, Tam, xinh tươi, ngoan ngoãn, nghe Nhĩ gọi, chúng ríu rít chạy lên, xúm vào, nương nhẹ giúp anh xê dịch chỗ nằm từ mép tấm nệm ra mép tấm phản, lấy gối đặt sau lưng Nhĩ, làm cho anh như trẻ lại « toét miệng cười với tất cả, tận hưởng sự thích thú được chăm sóc và chơi với ». Huệ đã giúp nhiều nên đã quen với việc đỡ cho Nhĩ nằm xuống. Đặc biệt là vợ con Nhĩ. Tuấn không hiểu mục đích của chuyến đi, nhưng vẫn sẵn sàng nghe lời bố, dẹp thú đọc sách lại để đi sang bên kia sông. Vợ Nhĩ thì vì chồng mà từ một cô thôn nữ trở thành người đàn bà thị thành, vẫn mặc áo vá, tần tảo và chịu đựng, không kêu ca một lời. Có gì hạnh phúc hơn khi được sống trong tình yêu thương của gia đình và quê hương như thế?

**Câu 8 : Nhận xét nào sau đây đúng với câu : « Đêm qua lúc gần sáng, em có nghe thấy tiếng gì không? »**

A. Chỉ là một câu hỏi bình thường, không có hàm ý gì?

B. Có hàm ý nói đến việc đất lở ven sông.

C. Có hàm ý nói đến việc đất lở ven sông, gợi sự đồ vỡ, mất mát, gợi sự liên tưởng đau lòng đến tình trạng nguy kịch của người chồng đang ốm, khiến anh lo buồn thêm.

(Câu C đúng với câu đó)

**Câu 9 : Giải thích nhan đề truyện « Bến quê ».**

- Đặt tên cho truyện ngắn « Bến quê », điều ấy vừa bình thường, vừa có gì khác thường. Nó bình thường ở chỗ « : Bến quê là nơi sinh hoạt đông vui ở làng quê như bến nước, mái đình, cây đa... ; bến quê còn là nơi bến đậu của con đò quen thuộc, của những con người quê hương đã từng bôn ba đây đó, đã từng trải qua nhiều sóng gió của cuộc đời nay

trở về sông những ngày tháng cuối cùng, cảm thấy được che chở và bình yên. Bến quê với họ lúc này là nơi trú ngụ êm đềm nhất trong cuộc đời mỗi con người bởi con người ta ai chẳng có một quê hương để một đời gắn bó. Còn khác thường là ở chỗ : cái bến quê ấy, cái bãi bồi bên kia mà nhân vật Nhĩ hướng về chưa hẳn là nơi chôn rau cắt rốn của anh ? Có lẽ đó là quê hương của những người mà anh nhìn thấy : cả một đám khách đợi đò, quê hương của những người đi bộ hay dắt xe đạp, rõ hơn nữa, trong số ấy có « một vài tốp đàn bà đi chợ về đang ngồi khéo chuyện hoặc xỏ tóc ra bắt chấy » đằng kia. Với nhân vật Nhĩ, đây chỉ là một miền tưởng nhớ, một mơ ước xa xôi. Con đò sang bên kia sông cũng là con đò chở niềm ao ước gần gũi mà xa vời của anh. Và con đò đến bến bờ cũng là thực hiện niềm ao ước ấy. Nhan đề truyện cho thấy cách lựa chọn đề tài của tác giả thật dung dị nhưng mang tính biểu tượng sâu sắc. Đó là một đặc điểm nghệ thuật bao trùm của « Bến quê » tạo nên cách hiểu đa dạng và ý nghĩa nhiều tầng của thiên truyện.

#### **10. Nhận xét nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên trong truyện « Bến quê ».**

- Thiên nhiên trong truyện ngắn « Bến quê » không mang vẻ đẹp như thiên nhiên trong nhiều thi phẩm khác mà ta đã được biết. Nếu như trong các tác phẩm « Cô Tô » của Nguyễn Tuân, « Sang thu » của Hữu Thỉnh, « Đoàn thuyền đánh cá » của Huy Cận, hay « Lặng lẽ Sa Pa » của Nguyễn Thành Long... cảnh thiên nhiên đẹp rực rỡ, lung linh, huyền ảo, mộng mơ được cảm nhận qua tâm hồn rung cảm của người nghệ sĩ thì trong truyện ngắn « Bến quê », thiên nhiên hiện lên dung dị hơn qua cảm nhận của một người con quê hương. Đoạn truyện đã thể hiện rõ cái cảm quan hiện thực của người viết - một cái nhìn thiên nhiên, khung cảnh rất đời, rất gần gũi. Trong những giây phút cuối đời, anh nhìn ra ngoài cửa sổ, nhận thấy những thay đổi rất nhỏ nhặt như « những cánh hoa bằng lăng đường như thắm màu hơn- một màu tím thắm như bóng tối ». Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khung cửa gian gác nhà Nhĩ một một thứ màu vàng thau xen lẫn màu xanh non- những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, như hơi thở của đất màu mỡ ». Những sắc màu thân thuộc như khí trời, hơi thở, gần gũi như đời sống nhưng dường như lần đầu tiên Nhĩ mới nhận ra, mới thấm thía hết vẻ đẹp của nó. Phải chăng, trong cuộc sống bình dị cũng có những nét đẹp của nó nhiều khi không dễ nhận ra. Trong câu hỏi anh hỏi vợ : « Đêm qua em có nghe thấy tiếng gì không ? » ta bắt gặp những âm thanh quen thuộc mà bình thường Nhĩ cũng chẳng bận tâm, nhưng giờ đây với anh nó thật thân thuộc và quý giá biết bao ! Hình ảnh cánh buồm nâu cứ trở đi trở lại trên con sông như đọng lại trong tâm tưởng của Nhĩ, anh quá hiểu rằng mình chỉ có thể sang bờ đất mơ ước trong tâm tưởng mà thôi. Cánh buồm tượng trưng cho sự nghèo đói của quê hương được nhìn dưới con mắt đầy tình yêu thương và xót xa của Nhĩ. Mảnh vá trên cánh buồm hay trên tấm áo của Liên... đó là tất cả hình ảnh quê hương gần gũi, yêu thương mà nặng trĩu niềm xót xa, thương cảm. Hình ảnh quê hương trong văn học Việt Nam vốn hiện lên với nét đẹp rất thơ mộng... Trên trang văn của Nguyễn Minh Châu thì khác hẳn, quê hương vất vả tiêu điều, trong sự tàn tạ sớm hôm. Đằng sau sự gắn bó với quê hương, với bờ bãi bên kia sông gần gũi mà xa lắc, ẩn dưới nó là nỗi niềm day dứt gần như xót xa. Cái nhìn thiên nhiên của Nhĩ là một cái nhìn rất hiện thực, rất đời, rất tinh táo mà chan chứa tình yêu thương da diết.

Giờ đây, trong những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời, Nhĩ mới thấm thía. Anh đang cố gắng bấu chặt tay vào cửa sổ như bám chặt lấy niềm hạnh phúc cuối cùng. Anh run lên trong nỗi xúc động, nỗi mê say đầy đau khổ. Phải chăng lúc này, ranh giới giữa sự sống và cái chết mỏng manh như tờ giấy? Phải chăng anh đang cảm nhận được sự ngăn ngùi của đời người? Vì thế anh lấy hết sức «đu mình, nhô người ra ngoài cửa sổ» như để được đến gần hơn với miền đất mơ ước. Cánh tay gầy guộc như khẩn thiết ra hiệu cho con trai thực hiện niềm mong ước cuối cùng này của mình hay như muốn chạm vào, muốn với đến miền đất mơ ước? Cánh tay vẫy vẫy đó cũng như đang vẫy chào con đò, tạm biệt con đò quen thuộc đã chở nặng mơ ước của Nhĩ, con đò đã đưa Nhĩ sang sông trong tâm tưởng, với niềm mê say đầy đau khổ với quê hương, với cuộc sống. Cái vẫy tay ấy như lời vĩnh biệt của anh, vĩnh biệt tất cả những gì là thân thuộc, gần gũi, những nét đẹp vĩnh hằng của đời sống mà nhiều khi những bận rộn lo toan, mục đích của cuộc sống đã che lấp khiến cho chúng ta không dễ nhận ra, khi nhận ra thì cũng là lúc anh phải xa lìa. Đó cũng là lời nhắc nhở đầy xót xa, day dứt của Nguyễn Minh Châu tới tất cả chúng ta: hãy sống có ích, đừng sa đà vào những điều vòng vèo, chùng chình, những cám dỗ, hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp, hãy dứt khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn giản dị, gần gũi và bền vững của gia đình và quê hương.

=====

## **NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI - LÊ MINH KHUÊ**

### **I. Giới thiệu chung.**

#### **1. Tác giả :**

- Lê Minh Khuê sinh năm 1940, quê ở huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá. Trong kháng chiến chống Mỹ, gia nhập thanh niên xung phong và bắt đầu viết văn vào đầu những năm 1970, chủ yếu viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của Minh Khuê bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới. Lê Minh Khuê là cây bút chuyên về truyện ngắn.

**2. Tác phẩm :** Truyện « Những ngôi sao xa xôi » là một trong những tác phẩm đầu tay của LMK, viết năm 1971, trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra ác liệt.

### **II. Một số câu hỏi xoay quanh tác phẩm.**

**Câu 1 : Giải thích nhan đề : Những ngôi sao xa xôi.**

- Thoạt đầu, có vẻ như không có gì thật gắn bó với nội dung của truyện. Và chỉ gần đến cuối câu chuyện, hình ảnh những ngôi sao mới xuất hiện trong những cảm xúc hồn nhiên, mơ mộng của Phương Định, ngôi sao trên bầu trời thành phố.

- Ánh đèn điện như những vì sao lung linh trong xứ sở thần tiên của những câu chuyện cổ tích.



+ Biểu hiện cho cho những tâm hồn hết sức hồn nhiên, mơ mộng, lãng mạn của những cô gái thành phố.

+ Biểu hiện cho những khát vọng, ước mơ trong tâm hồn thiếu nữ về một cuộc sống thanh bình, êm ả giữa những gì gần gũi khốc liệt của chiến tranh, không khí bàng hoàng của bom đạn, tất cả như trở nên xa vời.

+ Ánh sáng của các vì sao thường nhỏ bé, không dễ nhận ra, không rực rỡ chói loà như mặt trời, và cũng không bàng bạc, thấm đẫm bao phủ như mặt trăng. Nhiều khi nhìn lên bầu trời, ta phải thật chăm chú mới phát hiện ra những ngôi sao ấy.

- Và phải chăng vẻ đẹp của các cô thanh niên xung phong ấy cũng như vậy. Và chúng lại « xa xôi », vì thế phải thật chăm chú mới nhìn thấy được, mới yêu và quý trọng những vẻ đẹp như thế.

### ***Câu 2 : Tóm tắt nội dung cốt truyện và nêu ý nghĩa của truyện ?***

a. Tóm tắt : Ba nữ thanh niên xung phong làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một địa điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Họ gồm có : hai cô gái rất trẻ là Định và Nho, còn tổ trưởng là chị Thao lớn tuổi hơn một chút. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom. Công việc của họ hết sức nguy hiểm vì luôn phải đối mặt với thân chết trong mỗi lần phá bom và phải làm việc giữa ban ngày dưới bom đạn của quân thù trên một tuyến đường ác liệt. Tuy vậy, họ vẫn lạc quan yêu đời, vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản, mơ mộng và đặc biệt họ rất gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội, dù mỗi người một cá tính. Cái hang đá dưới chân cao điểm là « ngôi nhà » của họ đã lưu giữ biết bao kỉ niệm đẹp của ba cô gái mở đường trong những tháng ngày gian khổ mà anh hùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

b. Ý nghĩa của truyện :

- Làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu vô cùng gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

### ***Câu 3 : Truyện được trần thuật từ nhân vật nào ? Việc chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung truyện ?***

- Truyện được trần thuật từ ngôi thứ nhất và những người kể chuyện cũng là nhân vật chính. Sự lựa chọn ngôi kể như vậy phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Để cho nhân vật là người trong cuộc kể lại thì câu chuyện sẽ thật hơn, cụ thể và sinh động hơn, tạo cho người đọc cảm giác tin vào câu chuyện hơn. Và ở đây, truyện viết về chiến tranh, tất nhiên phải có bom đạn, chiến đấu, hi sinh, nhưng trong truyện này, hiện lên khá rõ là thế giới nội tâm của các cô gái thanh niên xung phong với vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ. Đó cũng là do cách lựa chọn vai kể của tác giả - nhất là vai kể ở đây lại là một cô gái trẻ Hà Nội có cá tính nhiều mơ mộng với những kỉ niệm đẹp của thời thiếu nữ.

### ***Câu 4 : Tìm hiểu những nét chung và những nét riêng của ba nhân vật cô gái thanh niên xung phong trong truyện.***



### a. Nét chung :

- Họ đều thuộc thế hệ những cô gái thanh niên xung phong thời kì kháng chiến chống Mĩ mà tuổi đời còn rất trẻ (như Phương Định vốn là một cô học sinh thành phố), có lí tưởng, đã tạm xa gia đình, xa mái trường, tự nguyện vào chiến trường tham gia một cách vô tư, hồn nhiên. Việc họ lấy hang đá làm nhà, coi cao điểm đây bom đạn là chiến trường hàng ngày đối mặt với cái chết trong gang tấc đã nói lên tất cả. Nét chung này không chỉ có ở đây mà còn được nói đến ở nhiều tác phẩm khác như « Gửi em, cô thanh niên xung phong » của Phạm Tiến Duật, « khoảng trời hố bom » của Lâm Thị Mỹ Dạ và truyện ngắn « mảnh trăng cuối rừng » của Nguyễn Minh Châu... Tạo thành biểu tượng gương mặt đẹp và đáng yêu của những cô gái mở đường thời kháng chiến chống Mĩ.

- Họ đều có những phẩm chất chung của những chiến sĩ thanh niên xung phong ở chiến trường : tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ, lòng dũng cảm không sợ hi sinh, tình đồng đội gắn bó. Có lệnh là lên đường, bất kể trong tình huống nào, nguy hiểm không từ nan dù phải đối mặt với máy bay và bom đạn quân thù, và đã lên đường là hoàn thành nhiệm vụ ( d/c – SGK). Khi đồng đội gặp tai nạn thì khẩn trương cứu chữa và tận tình chăm sóc (câu chuyện Nho bị thương khi phá bom). Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, nguy hiểm và luôn căng thẳng nhưng họ vẫn bình tĩnh, chủ động, luôn lạc quan yêu đời, trong hang vẫn vang lên tiếng hát của ba cô gái.

- Cùng là ba cô gái trẻ với cuộc sống nội tâm phong phú đáng yêu : dễ cảm xúc, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui, dễ buồn. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng và hát... Cả ba đều chưa có người yêu, đều sống hồn nhiên tươi trẻ (chị tiết trận mưa đá bất chợt đến và niềm vui trẻ trung của ba cô gái khi được « thương thức » những viên đá nhỏ.

### b. Nét riêng:

- **Nho** là một cô gái trẻ, xinh xắn, « trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng », có « cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn » rất dễ thương khiến Phương Định « muốn bế nó lên tay ». Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên của trẻ thơ : « vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo » ; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhồm dậy, xò tay xin mấy viên đá mưa, nhưng khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » ... Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người.

- **Phương Định** cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng của các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

- Còn **Thao**, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu nhưng khát khao và rung động của tuổi trẻ. « Áo

lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu».Chị lại hay tia đôi lông mày của mình, tia nhỏ như cái tăm. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. ĐẶC biệt là sự « bình tĩnh đến phát bực » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « móc bánh quy trong túi, thong thả nhai ». Có ai ngờ con người như thế lại sợ máu và vắt : « thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét ».VÀ không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị không hát trôi chảy được bài nào. Nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rồi là chị ngồi chép bài hát.

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn.

**Câu 5: *Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật Phương Định. (khoảng 12 => 15 câu)***

**Gợi ý: Triển khai các ý sau :**

Phương Định là hình ảnh tiêu biểu của những người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc.

- Cô rất trẻ, có thời học sinh hồn nhiên vô tư bên người mẹ trong những ngày thanh bình của thành phố.

- Ngay giữa chiến trường ác liệt, Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng : cô hiện lên rất đời thường, rất thực với những nét đẹp tâm hồn : nhạy cảm, hay mơ mộng và thích hát. ( Cảm xúc của Đình trước cơn mưa đá)

- Là cô gái kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình. (Hay ngấm mắt mình qua gương, biết mình đẹp và được các anh bộ đội để ý nhưng không tỏ ra sẵn sàng, vồn vã...., nét kiêu kì của những cô gái Hà thành)

- Tình cảm đồng đội sâu sắc : yêu mến hai cô bạn cùng tổ, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. (Chăm sóc Nho khi Nho bị thương....)

- Ngồi lên những phẩm chất đáng quý: có trách nhiệm với công việc, dũng cảm, bình tĩnh, tự tin....

- Truyện kể theo ngôi thứ nhất (nhân vật kể là nhân vật chính) phù hợp với nội dung truyện và thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật. Tác giả am hiểu và miêu tả sinh động nét tâm lí của những nữ thanh niên xung phong.

=> Nhân vật Phương Định đã để lại trong lòng người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục về phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

**Đoạn văn mẫu :**

Là con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc, cô mang theo những kỉ niệm đẹp của một thời học sinh vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô (1). Ở chiến trường 3 năm, đã quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô không hề mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai : nhạy cảm, mơ mộng và thích được hát(2). Cô hồn nhiên đến đáng yêu khi gặp cơn mưa đá trên cao điểm : « Tôi chạy vào, bỏ trên bàn tay đang xoè ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng. Rồi mưa tạnh, tôi bỗng thần thờ tiếc không nói nổi »(3). Cùng với trận mưa đá ấy, những kỉ niệm thời thiếu nữ lại trào lên trong cô « xoáy mạnh như sóng » biết bao hình ảnh thân thương của

gia đình, thành phố và quê hương (4). Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường (5). Là cô gái xinh đẹp, đầy nữ tính, biết điệu đà làm dáng nhưng lại rất kín đáo, tế nhị, có chiều sâu trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (6). Biết mình được các anh lính để mắt, điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng cô không hề tỏ ra vồn vã, sẵn đón, cô luôn kín đáo giữa đám đông : « *đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt* » (7). Cô yêu mến đồng đội, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ, luôn lo lắng sau mỗi lần phá bom : « *Tôi phủ áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao... Chị Thao vấp ngã. Tôi đỡ chị... Tôi moi đất, bẻ Nho đặt lên đùi mình* », rồi chăm sóc đồng đội như một y tá(8). Cô còn yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn (9). Trong suy nghĩ của cô : « *những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ* (10). Cuộc sống chiến đấu đôi mắt với kẻ thù hàng ngày, thần Chết luôn đe dọa từng giây phút đã rèn luyện cho cô gái Hà thành đức tính dũng cảm, gan dạ, tự tin để hoàn thành mọi nhiệm vụ (11). Công việc hàng ngày của cô và đồng đội rất nhiều và nguy hiểm : phá bom, ít nhất là 3 quả, có ngày 5 quả », công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim, nhưng cô nói về chùng ấy công việc gọn gàng, khô khốc, tĩnh nhẹ như không, cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị và còn cho là có cái thú riêng : « *có ở đâu như thế này không. Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang âm ì xa dần. Thần kinh căng ra như chèo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ* » (12). Chiến tranh và đạn bom giặc Mỹ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết : « *quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến 5 lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể* » (13). Thế đấy, những cảm xúc, suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục (14). Tất cả đã được tác giả kể chân thực, sinh động và tự nhiên qua tâm lí nhân vật ở những sự việc và chi tiết có ý nghĩa trong truyện, và những nét tâm lí này lại được chính nhân vật nói lên qua vai kể của mình nên lại càng thấm thía(15).

**Câu 6 : *Viết một đoạn văn quy nạp (12 câu): « Những ngôi sao xa xôi » đã khắc họa vẻ đẹp tâm hồn của thanh niên Hà Nội qua hình ảnh Phương Định dũng cảm gan dạ mà cũng thật trong trẻo, mộng mơ.***

**Gợi ý :**

- Đoạn văn giàu chất thơ (tâm trạng trước trận mưa đá) => cảm xúc băng khuâng xao xuyến, niềm vui nỗi buồn chợt đến, chợt đi.
- Niềm tin ấy cứ lấp lánh mãi như ánh sáng của những ngôi sao xa xôi mà không gì, không một thế lực tàn bạo, khắc nghiệt nào có thể dập tắt được
- Trong cảm xúc băng khuâng, xao động, thoáng qua của PĐ, hình ảnh ngôi nhà, người mẹ, những gì thân thuộc gần gũi đến hình ảnh lung linh của những ngôi sao mà tác giả đã hơn một lần nhắc đến, ánh sáng của đèn điện ngõ là thực mà như là ảo. Tất cả hiện lên trong ánh sáng lung linh của kí ức mộng mơ, rất thiếu nữ, rất dung dị của người Hà Nội.

**Câu 7 :** Trong truyện « Những ngôi sao xa xôi » có đoạn : « Không hiểu vì sao mình gất nữa.... đang bắn ». Những câu văn trên đã thể hiện hiện thực như thế nào ? Nhận xét về hiệu quả diễn đạt của những câu văn ấy ?

**Gợi ý :**

- Nhịp điệu dồn dập của những câu văn như những đợt bom đang liên tiếp dội xuống, như khói đang dồn vào hang => Góp phần tô đậm hiện thực.

- Sợ + lo lắng => « gất »

- « Trên cao điểm vắng vẻ, chỉ có »=> Vẫn tiếp tục bằng những câu văn ngắn, rất ngắn, một loạt các câu đặc biệt diễn tả sự cách biệt của con người trên cao điểm.

- Câu văn « và bom » đặt giữa hai câu => dường như quả bom ngăn cách Định và đồng đội của cô. Từ « và » liên kết câu tựa như những ý nghĩ, những suy nghĩ tình cảm gắn kết PĐịnh với Nho và Thao. Nhưng đồng thời chính ý nghĩ về đồng đội lại khiến cho PĐịnh bớt sợ, bớt cô đơn. Cô gái Hà Nội ấy cảm thấy vững lòng hơn khi thấy « Cao xạ đặt bên kia quả đồi ». Tiếng súng cao xạ - tiếng của những người đồng chí khiến cô vững tâm hơn.

=> Đoạn văn vừa gợi được sự khốc liệt của chiến tranh, vừa diễn tả được tâm trạng lo lắng bồn chồn của PĐ đồng thời cũng thể hiện những tình cảm, suy nghĩ về tình đồng đội rất âm áp.

=====

## NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI - LÊ MINH KHUÊ

**Đề 1 : Cảm nghĩ về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn « Những ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê**

**A. Mở bài :** - Giới thiệu con đường Trường Sơn trong kháng chiến chống Mĩ - được coi là biểu tượng anh hùng của cuộc chiến đấu giành độc lập tự do.

- Nhà văn Lê Minh Khuê đã từng là thanh niên xung phong trên tuyến đường TS máu lửa.

- Những tác phẩm của chị viết về cuộc sống chiến đấu của bộ đội và thanh niên xung phong ở đây đã gây được sự chú ý của bạn đọc mà truyện ngắn « những ngôi sao xa xôi » là một trong những tác phẩm ấy.

- Truyện viết về 3 cô gái trong một tổ trinh sát mặt đường làm nhiệm vụ phá bom trên tuyến đường TS đạn bom khốc liệt. Phương Định, nhân vật kể chuyện cũng là nhân vật chính để lại nhiều ấn tượng đẹp và tình cảm sâu sắc trong lòng người đọc.

**B. Thân bài.**

**1. Cảm nhận về tính hồn nhiên, ngây thơ, tinh nghịch của Phương Định.**

- Phương Định là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường. Phương Định có một thời học sinh- cái thời áo trắng ngây thơ, hồn nhiên và vô tư lự của cô thật vui

sướng ! Những hoài niệm của cô về thời học sinh thật đáng yêu luôn sống trong cô ngay giữa chiến trường.

- Con mưa đá ngán ngủi đột ngột xuất hiện ở cuối truyện, ngay sau trận phá bom đầy nguy hiểm cũng thức dậy trong cô bao niềm vui thơ trẻ : cô nhớ về mẹ, cái cửa sổ căn nhà, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố... Nó thức dậy những kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh, khốc liệt và nóng bỏng của chiến trường.

- Những thử thách và nguy hiểm ở chiến trường, thậm chí cả cái chết không làm mất đi ở cô sự hồn nhiên trong sáng và những ước mơ về tương lai. Phương Định vẫn là người con gái nhạy cảm, hồn nhiên, hay mơ mộng và thích hát.

- Cô đem cả lòng say mê ca hát vào chiến trường TS ác liệt. Cô thích hát những hành khúc bộ đội, những bài dân ca quan họ, dân ca Nga, dân ca Ý. Giọng của Phương Định chắc là hay lắm nên « chị Thao thường yêu cầu cô hát đây sao » ? Định còn có tài bịa ra lời bài hát nữa. Chị Thao đã ghi cả vào sổ những lời hát cô bịa ra....

+ Phương Định là một cô gái xinh xắn. Cũng như các cô gái mới lớn, cô nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Chiến trường khốc liệt nhưng không đốt cháy nỗi tâm hồn nhạy cảm của cô. Cô biết mình đẹp và được nhiều người để ý : « Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá..... » ; còn mặt tôi thì các anh lái xe bảo « : Cô có cái nhìn sao mà xa xăm ». Điều đó làm cô thấy vui và tự hào.

+ Biết mình được cánh lính trẻ để ý nhưng cô « không sẵn sàng, vồn vã », không biểu lộ tình cảm của mình, nhưng chưa để lòng mình xao động vì ai : « thường đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt ». Đó là cái vẻ kiêu kì đáng yêu của các cô gái Hà Nội như chính cô đã thú nhận : « chẳng qua là tôi điệu đấy thôi ».

- Cô luôn yêu mến đồng đội của mình, yêu mến và cảm phục tất cả các chiến sĩ mà cô gặp trên truyền đường Trường Sơn.

## **2. Cảm nhận về chất anh hùng trong công việc của cô.**

- Là một nữ sinh, Phương Định xung phong ra mặt trận, cùng thể hệ của mình « xẻ dọc TS đi cứu nước – mà lòng phơi phơi dậy tương lai » để giành độc lập tự do cho TQ. Cô ra đi mà không tiếc tuổi thanh xuân, nguyện dâng hiến hết mình cho Tổ quốc.

+ Cô kể : « chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Con đường đi qua trước hang bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có thân cây bị tước khô cháy. Trên cao điểm trống trơn, cô và các bạn phải chạy giữa ban ngày phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch.

+ Cô nói về công việc của mình gọn gàng khô khốc, tinh nhẹ như không : « việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom » .

+ PD nghĩ về công việc của mình quá giản dị, cô cho là cái thú riêng : « có ở đâu như thế này không : đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ỹ xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn không hay biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng



*nhất định sẽ nổ* ». Giản dị mà cũng thật anh hùng. Chiến tranh và đạn bom đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết. Thật đáng phục !

### **3. Cảm nhận về tình thần dũng cảm trong một cuộc phá bom đầy nguy hiểm.**

- Lúc đến gần quả bom :

+ Trong không khí căng thẳng và vắng lặng đến rợn người, nhưng rồi một cảm giác bỗng đến với cô làm cô không sợ nữa : « tôi đến gần quả bom . Cảm thấy ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới ». Lòng dũng cảm của cô như được kích thích bởi sự tự trọng.

+ Và khi đã ở bên quả bom, kề sát với cái chết có thể đến tức khắc, từng cảm giác của cô như cũng trở nên sắc nhọn hơn và căng như dây đàn : « thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi, tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí ! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành ». Thần chết nằm chờ ở đó chờ phút ra tay. Cô phải nhanh hơn, mạnh hơn nó, k được phép chậm chễ một giây.

- Tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Thật đáng sợ cái công việc chọc giận Thần Chết đó. Ai dám chắc là quả bom sẽ không nổ ngay bây giờ, lúc Phương định đang lúi húi đào đào, bới bới ấy. Thế mà cô vẫn không run tây, vẫn tiếp tục cái công việc đáng sợ : « tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mình xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Tôi khoá đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình : liệu mìn có nổ, bom có nổ không ? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai.. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thanh trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu. Bốn quả bom đã nổ. Thảng rồi ! Nhưng một đồng đội đã bị bom vùi ! Máu túa ra từ cánh tay Nho, túa ra, ngấm vào đất. Da xanh, mắt nhắm nghiền, quần áo đầy bụi... ». Nhưng không ai được khóc trong giờ phút rất cần sự cứng cỏi của mỗi người.

- Cái công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim ấy không chỉ đến một lần trong đời mà đến hàng ngày : « Quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. »

=> Cảm xúc và suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm yêu mến và sự kính phục. Một cô nữ sinh nhỏ bé, hồn nhiên, giàu mơ mộng và nhạy cảm mà cũng thật anh hùng, thật xứng đáng với những kỉ tích khắc ghi trên những tuyến đường TS bi tráng. Một ngày trong những năm tháng TS của cô là như vậy. Những trang lịch sử TS không thể quên ghi một ngày như thế.

### **C. Kết luận.**

- Chúng ta luôn tự hào về những chiến sĩ, những thanh niên xung phong TS như Phương Định và đồng đội của cô. Lịch sử những cuộc kháng chiến và chiến thắng hào hùng của dân tộc không thể thiếu những tấm gương như cô và thế hệ những người đã đổ máu cho nền độc lập của Tổ Quốc.

- Chúng ta càng yêu mến tự hào về cô, càng biết ơn và học tập tinh thần của những người như cô trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay.

**Đề 2 : « Những ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê là vẻ đẹp tâm hồn của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, vừa có những nét chung đáng quý, vừa mang những nét riêng của « những ngôi sao xa xôi ». Hãy phân tích.**

**A. Mở bài :**

**Cách 1 :** - Cuộc kháng chiến chống Mĩ đã đi qua..... nhưng ánh sáng chói lọi của nó vẫn luôn tồn tại cùng với lịch sử dân tộc ta qua các tác phẩm văn học như..... Và có những con người bình dị, đã làm nên cuộc kháng chiến ấy, đó là những người lính, những cô thanh niên xung phong, những chiến sĩ vô danh.... « Những ngôi sao xa xôi » viết về những con người như vậy. Ba cô gái thanh niên họp thành một tổ trinh sát mặt đường....

*Họ đã sống và chết.*

*Giản dị và bình tâm*

*Không ai nhớ mặt đặt tên*

*Nhưng họ đã làm nên đất nước.*

(Ngã ba Đồng Lộc)

**Cách 2:**

- Truyện « những ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê được viết năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt.

- Truyện kể lại cuộc sống của ba cô gái thanh niên xung phong làm công tác trinh sát và phá bom thông đường trên một cao điểm của TS những năm tháng chống Mĩ. Qua đó thể hiện và ca ngợi tâm hồn và phẩm chất cao đẹp của những người con gái VN thời chống Mĩ : Hồn nhiên, trong sáng trong cuộc sống, dũng cảm trong chiến đấu và luôn lạc quan trước tương lai.

- Họ đã để lại một ấn tượng rất sâu sắc, giúp người đọc nhận ra rằng trong chiến thắng vinh quang của dân tộc trước một cường quốc lớn, có những con người làm việc và hiến dâng cả tuổi xuân, cả máu của mình cho đất nước.

**B. Thân bài.**

**1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu :**

- Họ ở trong một hang dưới chân một cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, tức là ở nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt, từng ngày, từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc : đường bị đánh « lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn » tưởng như sự sống bị huỷ diệt : « không có lá xanh » hai bên đường, « thân cây bị tước khô cháy »... Những cây rế nằm lẫn lộn, ngổn ngang những hòn đá to... han rỉ trong lòng đất ».

=> Quả là một hiện thực khô khốc đầy mùi chiến tranh, nó không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy tử thần luôn rình rập.

- Công việc trinh sát, phá bom lại càng đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là một công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.

+ Không khí của chiến tranh không giống như tương lai hay quá khứ có một âm điệu riêng. Chẳng hạn như sự im lặng : « Cuộc sống ở đây đã dậy cho chúng tôi thế nào là sự

*im lặng* ». *Im lặng có nghĩa là cái chết đang rình rập đâu đây, nó ập đến bất cứ lúc nào.* Chưa hết, đó mới chỉ là hiện thực lúc yên tĩnh, còn lúc có bom của địch thì sao ? « *Nghe tiếng bom đầu tiên, có đũa chết giắc, nằm dãn xuống đất* », rồi « *chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy « hai con mắt lấp lánh* », « *hàm răng loá lên* » khi cười, *khuôn mặt thì « lem luốc* ».

## **2. Vẻ đẹp tâm hồn của ba cô gái thanh niên xung phong và cũng là của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.**

**a. Những nét chung :** Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục

- Họ đều thuộc thế hệ những cô gái thanh niên xung phong thời kì kháng chiến chống Mĩ mà tuổi đời còn rất trẻ (như Phương Định vốn là một cô học sinh thành phố), có lí tưởng, đã tạm xa gia đình, xa mái trường, tình nguyện vào cái nơi mà cái sự mất còn chỉ diễn ra trong nháy mắt, một cách vô tư, hồn nhiên, công hiến tuổi thanh xuân. Họ thực sự là những anh hùng không tự biết. Nét chung này không chỉ có ở đây mà còn được nói đến ở nhiều tác phẩm khác như « *Gửi em, cô thanh niên xung phong* » của Phạm Tiến Duật, « *Khoảng trời hố bom* » của Lâm Thị Mỹ Dạ và truyện ngắn « *Mảnh trăng cuối rừng* » của Nguyễn Minh Châu... Tạo thành biểu tượng gương mặt đẹp và đáng yêu của những cô gái mở đường thời kháng chiến chống Mĩ.

- Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ, lòng dũng cảm không sợ hi sinh, tình đồng đội gắn bó. Có lệnh là lên đường, bất kể trong tình huống nào, nguy hiểm không từ nan dù phải đối mặt với máy bay và bom đạn quân thù, và đã lên đường là hoàn thành nhiệm vụ ( d/c – sgk).

+ Nghe Phương Định kể lại một lần phá bom : « *tôi một quả bom trên đồi. Nho, hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới cái chân hầm ba-ri-e cũ. Cảnh tượng chiến trường trở nên « vắng lặng đến phát sợ* ». Đến với tọa độ chết, đến với quả bom cần phải phá nổ (mà không biết nó sẽ nổ vào lúc nào , sự cầu viện tâm linh của cô gái (nhân vật tôi) giống như một ảo ảnh : « *Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không ?* » Mặc dù « *quen rồi* ». Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần » nhưng cái hồi hộp dường như không hề thay đổi. Như cái cảm giác chờ bom phát nổ : *tất cả đều đứng im, cả gió, cả nhịp tim trong lồng ngực. Chỉ có chiếc đồng hồ : « Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng đê lên những con số vĩnh cửu... ».* Quả bom có hai vòng tròn màu vàng nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Thần chết đang đợi chờ. Vỏ quả bom nóng. Định dùng lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Có lúc Định « *rùng mình* » vì cảm thấy tại sao mình lại làm *quá chậm thế !* ...Hai mươi phút đã trôi qua. Tiếng còi chị Thao rúc lên,, Định cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi vào dây mìn. ... tiếng không khí. Đất rơi lộp bộp. Bom nổ văng óc, ngực đau nhói, đôi mắt cay mãi mới mở ra được. Mồ hôi thấm vào môi, cát lạo xạo trong miệng. Nguy hiểm, căng thẳng không thể nào kể xiết... .Chị Thao vấp ngã, Nho bị thương. Bom nổ, hàm sập, chị Thao và Định phải moi đất bế Nho lên. Máu tóa ra, ngấm vào đất »...Định rửa vết thương cho Nho, tiêm thuốc, pha sữa cho Nho, chị Thao ghen ngào....

+ Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, nguy hiểm và luôn căng thẳng nhưng họ vẫn bình tĩnh, chủ động, luôn lạc quan yêu đời. Phương Định cho biết : « *Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể... ».*

=> Phải nói rằng trong đoạn văn tả cảnh phá bom trên cao điểm, Lê Minh Khuê đã sử dụng bút pháp hiện thực để tái hiện lại cảnh phá bom vô cùng nguy hiểm, dựng nên một tượng đài về khí phách anh hùng liêm liệt của tổ trinh sát mặt đường từ những con người bằng xương bằng thịt. Chị Thao, Nho, Định như những ngôi sao xa xôi sáng ngời lên những sắc xanh trong khói lửa đạn bom. Chiến công thầm lặng của họ bắt tử với năm tháng và lòng người như những nữ anh hùng ngã ba Đồng Lộc : « *Đất nước mình nhân hậu*

*Có nước trời xoa dịu vết thương đau  
Em nằm dưới đất sâu  
Như khoảng trời đã nằm yên trong đất  
Đêm đêm, tâm hồn em tỏa sáng*

*Những vì sao ngời chói, lung linh... (Khoảng trời hố bom – Lâm Thị Mỹ Dạ)*

- Họ đều là những cô gái trẻ với cuộc sống nội tâm phong phú đáng yêu : dễ cảm xúc, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui, dễ buồn. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng và hát... Cả ba đều chưa có người yêu, đều sống hồn nhiên tươi trẻ. Không lúc nào họ k nhớ về Hà Nội. Một trận mưa đá bất ngờ trở thành nỗi nhớ : « mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố ». Nỗi nhớ ấy chính là sự nỗi dài, quá khứ, hôm nay và khát vọng mai sau.

- Những kỉ niệm sống dậy như những khoảng sáng trong tâm hồn trong trẻo, ngây thơ, dịu dàng. Những xúc cảm hồn nhiên như nguồn sống, điểm tựa, giúp họ thêm vững vàng, sức mạnh vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. « Khoảng trời xanh » trong thơ « Phạm Tiến Duật » và khoảng trời xanh của kí ức như có sức mạnh vô hình đặc biệt là trong tâm hồn những trí thức trên đường ra trận. => Quả thực, đó là những cô gái mang trong mình những tính cách tưởng như không thể cùng tồn tại : vô cùng gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu mà vẫn hồn nhiên, vô tư trong cuộc sống. Những người như họ thật đáng trân trọng biết bao !

**b. Nét riêng :** - Mỗi người thể hiện cái chung đó theo cách riêng của mình.

+ Chị Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu những khát khao và rung động của tuổi trẻ. « *Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu* ». *Chị lại hay tía đôi lông mày của mình, tía nhỏ như cái tăm*. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. Đặc biệt là sự « *bình tĩnh đến phát bực* » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « *móc bánh quy trong túi, thong thả nhai* ». Có ai ngờ con người dày dặn trước sự sống và cái chết hàng ngày như thế lại sợ máu, sợ vắt: « *thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét* ». Và không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị chăm chép bài hát dù chẳng thuộc nhạc, giọng lại chua, chị k hát trôi chảy được bài nào nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rồi là chị ngồi chép bài hát.

+ Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, « *trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng* », có « *cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn* » rất dễ thương khiến Phương Định « *muốn*



*bé nó lên tay* ». Nho rất thích tắm suối ngay cả khi khúc suối đó đang chứa bom nổ chậm và rất hồn nhiên – cái hồn nhiên của trẻ thơ : « *vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo* ». Hồn nhiên là thế nhưng cô lại bình thản vô cùng khi bị thương : « *Không chết đâu. Đơn vị đang làm đường kia mà. Việc gì phải khiến cho nhiều người lo lắng* ». Ngay cả lúc đau đớn như vậy nhưng gặp mưa đá, Nho vẫn nhồm dậy, môi hé mở xoè tay xin mấy viên đá mưa : « *Nào, mày cho tao mấy viên nữa* ». Đặc biệt, khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « *Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi* », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » ... Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người. Có lẽ với những người con gái ấy, sự sống luôn cao hơn cái chết.

+ PĐ là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta. PĐ cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu yêu thương đồng đội. Cô rất nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. (d/c). Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng của các cô gái trẻ HN vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

- Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn. Trái tim đỏ rực của họ là « *những ngôi sao xa xôi* » mãi mãi lung linh, toả sáng.

**C. Kết luận.** - Chiến tranh đã qua đi, sau hơn ba mươi năm, nhưng đọc truyện « Những ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê, ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Nhà văn khiến lòng ta sống lại hình ảnh tuyệt đẹp và những chiến công phi thường của tổ trinh sát mặt đường, của Định, của Nho, của Thao, của hàng ngàn, hàng vạn cô thanh niên xung phong thời chống Mỹ. Chiến công thầm lặng của họ mãi mãi là một bài ca bất tử.

### **ĐỀ 3; Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong đoạn trích sau:**

*“...Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vệt vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.*

*Quả bom nằm lạnh lùng lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...*

*Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.*

*Chị Thảo thổi còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống*



*cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình.*

*Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...*

*Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đừng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mằn, cát lạo xạo trong miệng.*

*Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngược tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”..*

## **Hướng dẫn làm bài**

### **1. Mở bài:**

Giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, nhà văn nữ trưởng thành trong giai đoạn chống Mĩ, đã trực tiếp tham gia chiến đấu trên đường mòn Trường Sơn;

Giới thiệu nhân vật chính trong các sáng tác: người nữ thanh niên xung phong trên đường mòn Trường Sơn trong giai đoạn chống Mĩ. Trong đó, có nhân vật Phương Định, một cô gái Hà Nội để lại nhiều cảm nhận nơi người đọc.

### **2. Thân bài:**

Giới thiệu đoạn trích : được trích từ truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê sáng tác năm 1971 lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

Nội dung đoạn trích thuật lại khung cảnh và công việc phá bom của Phương Định và hai nữ đồng đội ở một cao điểm trên đường mòn Trường Sơn.

*Đoạn trích biểu hiện những phẩm chất của Phương Định:*

- Phương Định đã sống trong một hoàn cảnh chiến tranh rất gian khổ và nguy hiểm : vùng đất bị bom đạn tàn phá; cây còn lại xơ xác; đất nóng và khói đen thì vật vờ từng cụm.

- Phương Định là một cô gái có tình cảm tha thiết đối với đồng đội, nhất là với các chiến sĩ lái xe trên đường mòn, các chiến sĩ ở các cao điểm gần nơi mà các cô công tác.

- Là một cô gái xuất thân từ Hà Nội, lãng mạn, giàu xúc cảm. Cho nên, khi làm công việc phá bom, Phương Định không tránh khỏi cảm xúc bình thường ở nơi con người: cảm thấy hồi hộp, căng thẳng, cảm thấy nhức nhối, mắt cay.

- Phương Định là một cô gái dũng cảm. Để phá được bom, cô phải đến gần quả bom, dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom trong lúc vỏ quả bom nóng (một dấu hiệu chẳng lành). Cô bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, sau đó châm ngòi, chạy lại chỗ ẩn nấp... bom nổ, tiếng kỳ quái đến váng óc... Đó là một công việc diễn ra một cách thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày của Phương Định và các đồng đội. Công việc nguy hiểm nhưng cô luôn cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ thật tốt.

- Ngoài đoạn trích này, nhà văn còn có những chi tiết khác về Phương Định : một cô gái Hà Nội đẹp, nhiều mơ mộng, lãng mạn, giàu tình cảm đối với gia đình, đối với quê hương. Điều đó mang lại cho hình ảnh nhân vật một vẻ đẹp hoàn chỉnh, tiêu biểu cho vẻ đẹp người thanh niên Việt Nam thời chống Mĩ.
- Khi xây dựng nhân vật, nhà văn đã đặc biệt khai thác hoàn cảnh sống và hành động, ngôn ngữ của nhân vật để khắc họa tính cách.

### 3. Kết bài:

Phương Định, một hình tượng đẹp, có ý nghĩa tiêu biểu về người thanh niên Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Cùng với những hình tượng nghệ thuật khác như hình tượng anh thanh niên trong Lặng lẽ SaPa, người chiến sĩ lái xe trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính... thì nhân vật Phương Định đã góp phần phong phú hóa hình tượng cao đẹp của con người Việt Nam trong chiến đấu.

**ĐỀ 4: “Càng từng trải chiến tranh, càng chứng kiến nhiều hơn sức mạnh hủy diệt, sức mạnh biến tất cả thành tro bụi của nó, Kiên càng tin rằng chiến tranh không tiêu diệt được cái gì hết. Tất cả vẫn còn lại đó, y nguyên”**

*(Bảo Ninh, Nỗi buồn chiến tranh, NXB Văn học 2006. Tr 279)*

**Từ những chiêm nghiệm trên, hãy nói về những điều “chiến tranh không tiêu diệt được” trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật và truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.**

Hướng dẫn làm bài

#### 1. Giới thiệu chung

\* Phạm Tiến Duật

Tác giả:

- Là nhà thơ khoác áo lính, một gương mặt tiêu biểu cho thế hệ thơ trẻ kháng chiến chống Mĩ.

- Hình tượng trung tâm trong thơ ông là người lính và cô thanh niên xung phong.

- Nghệ thuật: giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc.

Tác phẩm: Viết năm 1969, được in trong “Vàng trắng quàng lửa”.

Đoạn trích: ba khổ thơ cuối bài đã thể hiện tình đồng đội keo sơn, gắn bó và ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của những người lính.

\* Lê Minh Khuê

- Thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Tác giả tham gia thanh niên xung phong và bắt đầu sáng tác vào đầu những năm 70.

- Lê Minh Khuê thành công ở thể loại truyện ngắn:

+ Trong chiến tranh, hầu hết sáng tác tập trung viết về cuộc sống, chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn.

+ Sau 1975, sáng tác của Lê Minh Khuê bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới.

- Sáng tác của Lê Minh Khuê cuốn hút người đọc nhờ lối viết giản dị, tự nhiên, lối kể chuyện sinh động, khả năng phân tích tâm lí nhân vật chân thực, tinh tế.

- Tác phẩm được viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt.

## 2. Giải thích

“Càng từng trải chiến tranh, càng chứng kiến nhiều hơn sức mạnh hủy diệt, sức mạnh biến tất cả thành tro bụi của nó, Kiên càng tin rằng chiến tranh không tiêu diệt được cái gì hết. Tất cả vẫn còn lại đó, y nguyên”

=> Chiến tranh với những thứ vũ khí có sức tàn phá lớn, nó hủy diệt mọi thứ mà thực tế lại không hủy diệt được gì, đó là: đau thương, mất mát và hơn cả nó không thể hủy diệt sự dũng cảm, lòng yêu nước của thế hệ trẻ

## 3. Chứng minh

### 3.1 Không tiêu diệt được sự sôi nổi, trẻ trung, nhiệt huyết của tuổi trẻ

#### a. Bài thơ về tiểu đội xe không kính

- Tinh thần lạc quan, sôi nổi, tinh nghịch, trẻ trung:

+ Giọng thơ tếu nhộn, hài hước: “Không có”, “ừ thì có”.

+ Hiện thực: gió, bụi, mưa vốn khắc nghiệt bỗng mờ đi dưới sắc thái tươi vui, hóm hỉnh.

+ Cái nhìn lạc quan: mưa ngừng, miệng cười ha ha, trời xanh thêm.

- Tâm hồn lãng mạn:

+ Cảm nhận thiên nhiên như một người bạn nồng hậu, phóng khoáng: sao trời, cánh chim.

+ Như nhìn thấy “trời xanh thêm” phía cuối con đường. Họ lái chiếc xe không kính đến một chân trời đẹp đẽ.

#### b. Những ngôi sao xa xôi

- Họ là ba cô gái trẻ có nội tâm phong phú. Ở họ có những nét chung của cô gái hay mơ mộng, dễ xúc động, dễ vui, dễ buồn.

- Họ cũng rất nữ tính, thích làm đẹp dù ở chiến trường khói lửa. Nho thích thêu thùa, Thao chăm chép bài hát, Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ màng và thích hát.

- Cuộc sống ở chiến trường rất khó khăn nhưng họ vẫn luôn bình tĩnh, lạc quan, yêu đời. Trong hang vẫn vang lên tiếng hát của ba cô gái và những dự định về tương lai. Chiến tranh bom đạn không thể phá đi được những giây phút mơ mộng ấy. Đó còn là thời gian để nhớ về gia đình, về những kỉ niệm, là niềm vui của Nho và Phương Định khi thấy những cơn mưa đá.

### 3.2 Không tiêu diệt được tình đồng đội gắn bó khăng khít

#### a. Bài thơ về tiểu đội xe không kính

- Tình đồng đội sâu nặng:

+ Cử chỉ đơn sơ: “bắt tay” nhưng người lính lái xe Trường Sơn đã chia sẻ cho nhau niềm tự hào, kiêu hãnh, đã bộc lộ sự đồng cảm sâu sắc, là lời động viên thâm lặng mà nồng nhiệt.

+ Sự gắn bó, đầm ấm, thân thương như trong một gia đình -> Đây là những khoảnh khắc bình yên, hạnh phúc hiếm hoi trong cuộc đời người lính. Họ được quây quần bên nồi cơm nấu vôi, được sống với những tình cảm êm đềm, ấm áp nhất -> Bữa cơm thời chiến đã xóa mọi khoảng cách giữa họ, khiến họ có cảm giác gần gũi như ruột thịt.

#### b. Những ngôi sao xa xôi

- Tình đồng đội keo sơn, gắn bó:

+ Tình cảm ấy nằm trong sự chân thành, dứt khoát khi ai cũng muốn giành phần nguy hiểm, gian khổ về mình. Phương Định lo lắng, bồn chồn khi chờ Thao và Nho đi trinh sát trên cao điểm với nỗi lo lắng hai bạn không về.

+ Tình cảm ấy nằm trong sự lo lắng, cử chỉ chăm sóc khi Nho bị thương, Phương Định tận tình cứu chữa, chị Thao luống cuống không cầm được nước mắt.

+ Tình cảm ấy còn được thể hiện trong sự nể phục, kính trọng những chiến sĩ mà họ gặp trên đường.

### *3.3 Không tiêu diệt được lòng dũng cảm, sẵn sàng hi sinh và lòng yêu nước nồng nàn*

#### *a. Bài thơ về tiểu đội xe không kính*

- Phong thái ung dung, hiên ngang, dũng cảm:

+ Đảo ngữ: tô đậm sự ung dung, bình thản, điềm tĩnh đến kì lạ.

+ Điệp từ “nhìn”, thủ pháp liệt kê và lối miêu tả nhìn thẳng, không né tránh gian khổ, hy sinh, sẵn sàng đối mặt với gian nan, thử thách.

- Vẻ đẹp của lí tưởng cách mạng:

+ Vì miền Nam, vì một ngày chiến thắng không xa, nước nhà độc lập, đất nước thống nhất hai miền.

+ Trái tim: Hoán dụ cho tất cả con người với sức lực, tâm huyết dành trọn cho đất nước. Đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ cho tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu.

-> Tiêu biểu cho vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ, là một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời chống Mĩ.

#### *b. Những ngôi sao xa xôi*

- Có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ:

+ Có lệnh là họ lên đường, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ phá bom mở đường cho những đoàn xe nối đuôi nhau ra tiền tuyến và về đích an toàn.

+ Trong khi phá bom họ chỉ quan tâm đến một điều duy nhất: Liệu bom có nổ không, nếu không thì làm cách nào để bom nổ. Như vậy, với họ nhiệm vụ còn quan trọng hơn tính mạng bản thân.

- Gan dạ, dũng cảm, không sợ hy sinh:

+ Cuộc sống trong bom đạn chiến tranh cái chết có thể ập đến bất cứ lúc nào, song họ chưa bao giờ thấy ám ảnh, chưa bao giờ phải trằn trọc đêm đêm, cái chết đối với họ là một khái niệm rất mờ nhạt, không cụ thể.

+ Lòng dũng cảm còn thể hiện qua sự kiên cường trong chiến đấu:

Chị Thao rất gan dạ, ai cũng phải phát bực về cái tính bình tĩnh đến lạ của chị.

Nho khi máu thấm ra đỏ đất, vẫn bình tĩnh không một tiếng kêu, không cho ai được khóc, không cho ai gọi về đơn vị.

Phương Định bình tĩnh gan dạ, nhất định không chịu đi khom.

### **3. Tổng kết, đánh giá**

- Cả hai tác phẩm đã tái hiện chân thực cuộc sống đầy khó khăn nơi chiến trường, nhưng đồng thời làm ánh lên vẻ đẹp phẩm chất người sáng đó là lòng dũng cảm, tình đồng đội keo sơn và lòng yêu nước nồng nàn. Những tình cảm đẹp đẽ đó, bom đạn chiến tranh mãi mãi không thể xóa nhòa, vui lập.

- Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, giàu cảm xúc.

---

---

## **PHẦN 2: VĂN BẢN NHẬT DỤNG CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI (VŨ KHOAN)**

### **I. Vài nét về tác giả, tác phẩm:**

#### **1. Tác giả: SGK**

#### **2. Tác phẩm:**

- Đăng trên tạp chí “Tia sáng” năm 2001
- In vào tập “Một góc nhìn của tri thức” – năm 2002.

### **II. Đọc – hiểu văn bản:**

#### **1. Tìm hiểu chung:**

- Phương thức biểu đạt: Nghị luận.
- Vấn đề nghị luận: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.
- Bố cục 3 phần
- Hệ thống ý trong phân giải quyết vấn đề:
  - + Sự chuẩn bị của bản thân con người.
  - + Bối cảnh thế giới hiện nay và mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước ta.
  - + Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam.

#### **2. Tìm hiểu chi tiết:**

##### **2.1 Đặt vấn đề:**

- Vấn đề được nêu một cách trực tiếp, ngắn gọn, rõ ràng.
- > Đặt vấn đề trong thời điểm hiện tại – năm 2001 – thời điểm thiêng liêng cho nên con người cần chuẩn bị, cần rèn luyện hành trang để bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

##### **2.2 Giải quyết vấn đề:**

###### **a. Sự chuẩn bị của bản thân con người:**

- Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển lịch sử.
- Trong thời kì kinh tế tri thức thì vai trò của con người lại càng nổi trội.

###### **b. Bối cảnh thế giới hiện nay và mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước ta.**

- Khoa học, công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng.
- Nhiệm vụ và mục tiêu của đất nước ta:
  - + Thoát khỏi nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.
  - + Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
  - + Tiếp cận nền kinh tế tri thức.

###### **c. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam:**



- Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.
  - Cần cù, sáng tạo nhưng thiếu tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ lao động khẩn trương.
  - Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc nhưng thường đố kỵ trong làm ăn.
  - Thích ứng nhanh nhưng lại nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kì thị trong kinh doanh, quen thói bao cấp, thói sùng ngoại, bài ngoại hoặc thói khôn vặt...
- => Cách nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người VN rất cụ thể, chính xác và sâu sắc. Điểm mạnh, điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người VN, tác giả đã tôn trọng sự thực, nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, toàn diện, không thiên lệch một phía. Khẳng định và trân trọng những phẩm chất tốt đẹp, đồng thời cũng thẳng thắn chỉ ra những mặt yếu kém, không sa vào sự đề cao quá mức hay tự ti, miệt thị dân tộc.

### 2.3: Kết thúc vấn đề:

- Khẳng định, chỉ ra phương pháp hành động.
  - + Lập đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu.
  - + Làm cho lớp trẻ nhận ra điều đó...
- => Nhắc lại ý đã nêu ở phần đặt vấn đề, tác giả khắc sâu chủ đề hướng tới lớp trẻ.

### III. Tổng kết:

#### 1. Nghệ thuật:

- Ngôn ngữ báo chí, gắn với đời sống dân tộc.
- Cách nói giản dị, trực tiếp, dễ hiểu.
- Sử dụng cách nói sinh động, cụ thể, lại ý vị sâu sắc mà vẫn ngắn gọn của tục ngữ, thành ngữ.

#### 2. Nội dung: Ghi nhớ, sách giáo khoa.

### IV. Bài tập vận dụng:

Viết đoạn văn từ 7 đến 10 câu trình bày cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”.

## PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH (LÊ ANH TRÀ)

### I. GIỚI THIỆU:

1. **Tác giả:** Lê Anh Trà (1927 – 1999), quê ở xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

#### 2. Tác phẩm:

- Đây là phần trích từ bài viết Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị, in trong tập Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam, Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1990.
- Chủ đề: Bản sắc văn hóa dân tộc.
- Kiểu loại: Văn bản nhật dụng (Nghị luận xã hội).
- **Bố cục:** 3 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu ... rất hiện đại → Quá trình hình thành và điều kỳ lạ của phong cách Hồ Chí Minh.

+ Đoạn 2: Tiếp theo ... hạ tầm ao → Vẻ đẹp cụ thể của phong cách sống và làm việc của Bác Hồ.

+ Đoạn 3: ... còn lại: Bình luận và khẳng định ý nghĩa của phong cách văn hóa Hồ Chí Minh.

- Giọng đọc: Chậm rãi, bình tĩnh, khúc triết.

## **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:**

### ***1. Vốn tri thức văn hóa nhân loại sâu rộng của Hồ Chí Minh:***

- Vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh hết sức sâu rộng: ít có vị lãnh tụ nào am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Bác Hồ.

→ Cách viết so sánh bao quát để khẳng định giá trị của nhận định.

- Nhưng đó không chỉ là trời cho một cách tự nhiên, nhờ thiên tài mà còn nhờ Bác đã dày công học tập, rèn luyện không ngừng trong suốt bao nhiêu năm, suốt cuộc đời hoạt động cách mạng.

+ Đi nhiều, có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với văn hóa nhiều nước, nhiều dân tộc, nhiều vùng khác nhau trên thế giới, từ Đông sang Tây, từ Bắc chí Nam, khắp các châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ... Ghé lại nhiều hải cảng, thăm các nước...

+ Nói và viết thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài: Pháp, Anh, Hoa, Nga... (đây là 4 loại ngôn ngữ Bác tinh thông nhất) → Công cụ giao tiếp quan trọng bậc nhất để tìm hiểu và giao lưu văn hóa với các dân tộc trên thế giới.

+ Có ý thức học hỏi toàn diện, sâu sắc... đến mức uyên thâm, vừa tiếp thu tinh hoa vừa phê phán cái tiêu cực của chủ nghĩa tư bản.

+ Học trong công việc, trong lao động, ở mọi nơi, mọi lúc.

- Điều quan trọng và kỳ lạ nhất của phong cách văn hóa Hồ Chí Minh là: Những ảnh hưởng quốc tế sâu đậm đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam.

- Một lối sống rất bình dị, rất phương Đông, rất Việt Nam nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.

- Nói cách khác, chỗ độc đáo, kỳ lạ nhất trong phong cách văn hóa Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa những phẩm chất khác nhau thông nhất trong một con người Hồ Chí Minh. Đó là: truyền thống và hiện đại, phương Đông và phương Tây, xưa và nay, dân tộc và quốc tế, vĩ đại và bình dị. Đó là sự kết hợp và thống nhất hài hòa bậc nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay. Một mặt, tinh hoa Hồng Lạc đúc nên Người, nhưng mặt khác, tinh hoa nhân loại cũng góp phần làm nên phong cách Hồ Chí Minh.

### ***2. Phong cách sống và làm việc của Người:***

- Phong cách sống và làm việc của vị Chủ tịch nước đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tác giả kể lại và bình luận trên một số phương diện sau:

+ Nơi ở: ngôi nhà sàn độc đáo của Bác Hồ ở Hà Nội với những đồ đạc mộc mạc, đơn sơ.

+ Trang phục, trang bị: Áo bà ba nâu, áo trấn thủ, đôi dép lốp, cái quạt cọ, cái đồng hồ báo thức, cái radiô...

+ An uống: đậm bạc với những món ăn dân tộc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa...

- Lời bình luận, so sánh: Từ cổ chí kim, chưa có vị nguyên thủ quốc gia nào có cách sống như vậy, giản dị, lão thực đến vậy. Đó là nếp sống của các vị hiền triết xưa như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm – nếp sống thanh đạm, thanh cao.

- Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc ... khi đó tôi sẽ... à Lời nói rất mực chân thành của Bác, cảm động lòng người, xuất phát từ trái tim người Việt Nam vĩ đại và bình dị nhất.

### **3. Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh:**

- Giống các vị danh nho, không phải tự thân thánh hóa, tự làm cho khác đời, lập dị, mà là cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về lẽ sống.

- Khác các vị danh nho: đây là lối sống của một người cộng sản lão thành, một vị Chủ tịch nước, linh hồn của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### **4. Ý nghĩa văn bản:**

Bằng lập luận chặt chẽ, chứng cứ xác thực, tác giả Lê Anh Trà đã cho thấy cốt cách văn hóa Hồ Chí Minh trong nhận thức và trong hành động. Từ đó đặt ra một vấn đề của thời kì hội nhập: tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

## **III. TỔNG KẾT:**

### **1. Nghệ thuật:**

- Sử dụng ngôn ngữ trang trọng.

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, biểu cảm, lập luận.

- Vận dụng các hình thức so sánh, các biện pháp nghệ thuật đối lập.

### **2. Nội dung:**

\* Ghi nhớ: SGK

## **IV. LUYỆN TẬP:**

### **1. Tìm đọc và kể lại những câu chuyện về lối sống giản dị mà cao đẹp của Hồ Chí Minh.**

(Gợi ý: Sách Bác Hồ – Con người – Phong cách)

### **2. Viết một đoạn văn ngắn trình bày những nét nổi bật về phong cách lối sống của Hồ Chí Minh qua văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của nhà văn Lê Anh Trà.**

\* Gợi ý:

- Tuy là một vị lãnh tụ của một đất nước nhưng người có lối sống bình dị, thanh cao:

+ Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ: ngôi nhà sàn độc đáo chỉ với vài phòng làm việc và tiếp khách...

+ Trang phục giản dị: áo bà ba nâu, áo trấn thủ, dép lốp...

+ An uống đậm bạc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa...

- Phong cách sống ấy là cách di dưỡng tinh thần, thể hiện quan niệm thẩm mỹ cao đẹp...

### **3. Vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh có thể sâu rộng như thế là nhờ những yếu tố nào?**

- Nhờ quá trình đi, tiếp xúc nhiều văn hóa trên thế giới.

- Khả năng tự học.
- Nói và viết thạo nhiều thứ tiếng.
- Hiểu biết sâu rộng về các dân tộc và văn hóa thế giới một cách uyên thâm.
- Tiếp thu có chọn lọc.

#### **4. Em học tập được điều gì ở Bác qua văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của nhà văn Lê Anh Trà?**

- Biết học hỏi, siêng năng, chăm chỉ.
- An cần ở kiệm.
- Tinh thần tự học.
- Tiếp nhận những thứ bên ngoài một cách chọn lọc.

---

### **BẢN VỀ ĐỌC SÁCH -CHU QUANG TIỀM**

#### **I. Tìm hiểu chung:**

**1. Tác giả:** Chu Quang Tiềm (1897-1986) là nhà mỹ học, lí luận văn học nổi tiếng Trung Quốc.

#### **2. Tác phẩm:**

- Văn bản là kết quả của quá trình tích lũy kinh nghiệm, dày công suy nghĩ, là những lời tâm huyết của người đi trước muốn truyền lại cho các thế hệ sau.
- Tác phẩm được in trong “Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui, nỗi buồn của việc đọc sách”, giáo sư Trần Đình Sử dịch.
- **Phương thức biểu đạt:** Nghị luận
- **Vấn đề nghị luận:** Tầm quan trọng của sách và phương pháp đọc sách.
- **Hệ thống luận điểm: ( Bộ cục ) 3 luận điểm.**
  - + Luận điểm 1: Từ đầu...đến...”nhằm phát hiện thế giới mới”: Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.
  - + Luận điểm 2: Tiếp...đến... “tự tiêu hao lực lượng”: Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay.
  - + Luận điểm 3: Phần còn lại :Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách.

#### **II. Đọc – hiểu văn bản:**

##### **1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách:**

###### **a, Tầm quan trọng:**

- Sách đã cô đúc, ghi chép và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người đã tìm tòi, tích lũy qua từng thời đại.
- Sách là kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy ngàn năm.
- Những cuốn sách có giá trị được coi là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại.

###### **b, Ý nghĩa:**

- Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn – con đường tích lũy và nâng cao tri thức cho bản thân.
- Coi thường không đọc sách là xóa bỏ quá khứ, lạc hậu, làm cho xã hội thụt lùi.

- “Đọc sách là trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức...”

- Mỗi cuốn sách đã tích tụ kinh nghiệm và tư tưởng của cha ông hàng nghìn năm để lại. Đọc sách, lắng nghe và làm theo những lời dạy đó, rút kinh nghiệm và tiếp nối con đường của thế hệ trước là cách đền ơn đáp nghĩa đối với thành quả nhân loại trong quá khứ.

- Đọc sách là có thể chuẩn bị cho cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới. Tác giả đã so sánh ngầm ẩn ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách giống như “ làm được cuộc trường chinh vạn dặm”. Việc đọc sách nhằm nâng cao nhận thức, bồi dưỡng trí tuệ, phát triển tâm hồn, tình cảm... để lớn lên, thành công trong cuộc sống vốn là ý niệm trừu tượng, trở nên cụ thể, dễ hiểu, hấp dẫn.

## **2. Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay.**

### **a, Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối ăn tươi, nuốt sống:**

- Để chứng minh cho cái hại này, tác giả đã so sánh cách đọc sách của người xưa và học giả ngày nay. Đó là đọc kỹ, nghiền ngẫm, đọc ít mà tinh còn hơn đọc nhiều mà rời; còn lối đọc của ngày nay không chỉ vô bổ mà còn lãng phí thời gian công sức, thậm chí còn có hại.

- Cách so sánh đọc sách với ăn uống vô tội vạ đã đem đến cho lời bàn thật trí lí sâu sắc.

### **b, Sách nhiều khiến người ta khó chọn lựa, dẫn đến lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn sách không có ích:**

- Để chỉ ra cái hại thứ hai, tác giả đã có so sánh rất đặc biệt – so sánh việc đọc sách với việc đánh trận, làm tự tiêu hao lực lượng của mình. Đây là cách so sánh khá mới mà vẫn quen thuộc và lí thú.

=> **Bằng những so sánh cụ thể, xác thực, tác giả vừa chỉ ra những nguy hại do lối đọc sách sai lệch; vừa phân tích, lí giải những nguy hại đó một cách thuyết phục.**

## **3. Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách.**

### **a, Cách chọn sách:**

- Chọn cho tinh, không cốt lấy nhiều.

- Tìm đọc những cuốn sách thật sự có giá trị và có ích cho bản thân.

- Chọn sách phải có mục đích, có định hướng rõ ràng, không nhất thời tùy hứng.

- Chọn sách nên hướng vào hai loại:

+ Kiến thức phổ thông

+ Kiến thức chuyên sâu.

### **b, Phương pháp đọc sách:**

- Đọc cho kỹ, đọc đi, đọc lại nhiều lần cho đến thuộc lòng.

- Đọc với sự say mê, ngẫm nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy và kiên định mục đích.

- Đọc có kế hoạch, hệ thống, không đọc tràn lan.

- Đọc về kiến thức phổ thông và kiến thức chuyên sâu.

- Đọc sách không chỉ là việc tích lũy tri thức mà còn là việc rèn luyện tư cách, chuyên học làm người, rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại.



=> Để nêu bật việc đọc sách hời hợt, tác giả so sánh với việc cưỡi ngựa qua chợ như “trọc phú khoe của”... Cách đọc ấy thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém...

III. Tổng kết: Ghi nhớ, sgk, trang 7.

#### IV. Luyện tập:

1. Phát biểu điều mà em thấm thía nhất khi học bài “Bàn về đọc sách”.
2. Suy nghĩ về câu nói: “Đọc sách là mở cái cửa để nhìn vào thế giới thần tiên” (Mori ax).

---

---

## TIẾNG NÓI VĂN NGHỆ (NGUYỄN ĐÌNH THI)

### I. Tìm hiểu chung:

#### 1. Tác giả:

- Nguyễn Đình Thi (1924-2003) quê ở Hà Nội.
- Ông là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, soạn kịch, sáng tác nhạc, viết tiểu luận phê bình,.. –
- => Ở lĩnh vực nào, ông cũng có đóng góp đáng kể.
- Là một nghệ sĩ tiên phong trong việc tìm tòi, đổi mới nghệ thuật, đặc biệt là thơ ca.
- Ông là một nghệ sĩ gắn bó với Hải Phòng, có nhiều sáng tác nổi tiếng về Thành phố Cảng như: Nhớ Hải Phòng (thơ), Vỡ bờ (tiểu thuyết)...
- Năm 1996, ông được Nhà nước trao tặng Giải thưởng HCM về văn học – nghệ thuật

#### 2. Tác phẩm:

##### a. Xuất xứ:

- Văn bản được viết ở chiến khu Việt Bắc (1948) – giai đoạn đầu cuộc k/c chống Pháp – thời kì đang nỗ lực xây dựng một nền văn nghệ với phương châm: dân tộc – khoa học – đại chúng.
- Văn bản trích trong bài tiểu luận cùng tên.
- Tác phẩm in trong tập “Mấy vấn đề văn học”, xuất bản năm 1956.

##### b. Phương thức biểu đạt: Nghị luận.

##### c. Vấn đề nghị luận: Sức mạnh lớn lao của văn nghệ trong đời sống.

##### d. Luận điểm:

- + Luận điểm 1: Nội dung phản ánh hiện thực của văn nghệ.
  - + Luận điểm 2: Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với đời sống con người.
  - + Luận điểm 3: Con đường đến với người đọc của văn nghệ.
- ( Cũng có thể gộp luận điểm 2 và 3 thành một luận điểm: Sức mạnh kì diệu của văn nghệ).

### II. Đọc – hiểu văn bản:

#### 1. Nội dung phản ánh hiện thực của văn nghệ:

- Là thực tại khách quan và nhận thức mới mẻ.
- Văn nghệ phản ánh hiện thực cuộc sống nhưng văn nghệ không chỉ phản ánh khách quan cái hiện thực ấy mà còn biểu hiện cái chủ quan của người sáng tác – qua lăng kính của tác giả.
- Để làm nổi bật luận điểm này, tác giả đã đưa ra 2 dẫn chứng:

+ Hai câu thơ tả cảnh mùa xuân tươi đẹp trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du – đây không chỉ là tả cảnh mùa xuân mà còn là sự rung động của Nguyễn Du trước cảnh mùa xuân -> đem đến cho người đọc sự sống, tuổi trẻ...

+ Cái chết của nhân vật An-na Ca-rê-nhi-na khiến người đọc bàng khuâng, thương cảm.  
=> Người đọc đã nhận ra được tư tưởng, tình cảm của người nghệ sĩ gửi vào cái hiện thực cuộc sống ấy. Chính lời nhắn gửi toát lên từ hiện thực khách quan được biểu hiện trong tác phẩm đã đem đến cho người đọc một nhận thức mới mẻ

\ - Nội dung phản ánh của văn nghệ khác với nội dung của các khoa học xã hội khác là ở chỗ: các khoa học này miêu tả tự nhiên xã hội theo quy luật khách quan, còn văn nghệ tập trung khám phá, miêu tả chiều sâu tình cảm, số phận con người, miêu tả thế giới nội tâm của con người.

=> Tóm lại, với phép lập luận phân tích, với những dẫn chứng tiêu biểu cụ thể, Nguyễn Đình Thi cho thấy: nội dung văn nghệ là phản ánh hiện thực. Hiện thực ấy mang tính hình tượng cụ thể, sinh động, là đời sống, tư tưởng, tình cảm của con người thông qua cái nhìn và tình cảm của người nghệ sĩ.

## **2. Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với đời sống của con người:**

- Văn nghệ giúp cho con người có cuộc sống đầy đủ hơn, cảm thấy cuộc đời đẹp hơn và có ý nghĩa hơn:

+ Văn nghệ giúp con người tự nhận thức chính bản thân mình, giúp ta sống đầy đủ, phong phú hơn cuộc sống của chính mình.

+ Trong những trường hợp con người bị ngăn cách giữa cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ là sợi dây buộc chặt họ với cuộc đời thường bên ngoài với tất cả những sự sống, hành động vui buồn, gần gũi.

+ Văn nghệ góp phần làm tươi mát sinh hoạt khắc khổ hằng ngày, giữ cho đời vẫn tươi. Tác phẩm văn nghệ giúp cho con người vui lên, biếu trung động và ước mơ trong cuộc đời còn vất vả, cực nhọc.

## **3. Con đường đến với người đọc của văn nghệ:**

- Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm.

- Chỗ đứng của văn nghệ chính là chỗ giao nhau giữa tâm hồn con người với cuộc sống sản xuất, chiến đấu; là ở tình yêu ghét, nỗi buồn vui trong đời sống tự nhiên với đời sống xã hội.

- Nghệ thuật là tư tưởng nhưng là tư tưởng đã được nghệ thuật hóa – tư tưởng cụ thể sinh động, lắng sâu, kín đáo chứ không lộ liễu, khô khan, áp đặt.

=> Tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc, đi vào nhận thức, tâm hồn người đọc bằng con đường tình cảm. Đến với một tác phẩm văn nghệ, chúng ta sống cùng cuộc sống được miêu tả trong đó, được yêu ghét, buồn vui đờchờ, cùng với các nhân vật và người nghệ sĩ. Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi mà vào đốt lửa trong lòng khiến chúng ta phải tự bước lên đường.

**III. Tổng kết:** Ghi nhớ, SGK, trang 17:

## **IV. Luyện tập:**

Bài tập 1: Trong văn bản “Tiếng nói của văn nghệ” Nguyễn Đình Thi viết:

“ Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho người đọc sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”.

Em hiểu câu văn trên như thế nào? Lấy một ví dụ cụ thể đã học chứng minh cho nhận xét đó.

=====

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN BÀI THƠ “ĐỒNG CHÍ” – CHÍNH HỮU

### **Đề 1: Cảm nhận về người lính trong bài thơ “Đồng Chí” Của Chính Hữu**

Người lính nông dân đã đi vào thơ ca bằng những hình ảnh chân thật và đẹp trong “Nhớ” của Hồng Nguyên, “Cá nước” của Tố Hữu... nhưng tiêu biểu hơn cả là bài “Đồng chí” của Chính Hữu. Bài thơ được sáng tác vào năm 1948 là năm cuộc kháng chiến hết sức gay go, quyết liệt. Trong bài thơ này, tác giả đã tập trung thể hiện mối tình keo sơn gắn bó, ngợi ca tình đồng chí giữa những người lính trong những năm kháng chiến chống Pháp. Cảm nhận đầu tiên của chúng ta khi đọc bài thơ là hình ảnh người lính hiện lên rất thực, thực như trong cuộc sống còn nhiều vất vả lo toan của họ. Ngỡ như từ cuộc đời thực họ bước thẳng vào trang thơ, trong cái môi trường quen thuộc bình dị thường thấy ở làng quê ta còn đói nghèo lam lũ:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua,  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”.*

Quê hương xa cách nhau, mỗi người mỗi nơi. Người quê ở miền biển “nước mặn đồng chua”, người ở vùng đồi núi “đất cày lên sỏi đá”. Song dù xa cách nhau, dù khác nhau, nhưng đều là quê hương của lam lũ, vất vả, đói nghèo. Chữ nghĩa bình thường mà như đang cựa quậy khi cuộc sống thực đã ùa vào câu thơ đem đến những cảm nhận sâu sắc về quê hương người lính. Tuy ở những phương trời khác nhau, “chẳng hẹn quen nhau”, nhưng cùng sống và chiến đấu với nhau trong một đội ngũ, những người lính đã tự nguyện gắn bó với nhau:

“Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ” Cái rét ở rừng Việt Bắc đã nhiều lần vào trong thơ bộ đội chống Pháp vì đó là một thực tế ai cũng nếm trải trong những năm chinh chiến ấy. Có điều lạ là câu thơ nói đến cái rét gọi cho người đọc một cảm giác ấm cúng của tình đồng đội, nghĩa đồng bào. Câu thơ của Chính Hữu đã diễn tả tình đồng chí thật cụ thể và cô đọng, sự gắn bó giữa những người đồng chí cùng chung nhau chiến đấu “súng bên súng”, cùng chung một

lí tưởng “đầu súng bên đầu”. Sự gắn bó mỗi lúc lại càng thêm sâu sắc: Là súng bên súng đến đầu bên đầu, rồi thân thiết hơn nữa là đắp chung chăn, thành tri kỉ. Đoạn thơ đầu của bài thơ kết thúc bằng hai chữ “Đồng chí” làm sáng tỏ thêm nội dung, ý nghĩa của cả đoạn thơ. Nó giải thích vì sao người lính từ bốn phương trời xa lạ, không hẹn gặp nhau mà bỗng trở thành thân thiết hơn máu thịt. Đó là sự gắn bó giữa những người anh cùng chung một lí tưởng chiến đấu, là sự gắn bó kì diệu, thiêng liêng và mới mẻ của tình đồng chí. Những người lính, những đồng chí ấy ra đi chiến đấu với tinh thần tự nguyện:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.  
Họ vốn gắn bó sâu nặng với ruộng nương, với căn nhà thân thiết, nhưng cũng sẵn sàng rời bỏ tất cả để ra đi. Nhà thơ đã dùng những hình ảnh quen thuộc và tiêu biểu của mọi làng quê Việt Nam như biểu tượng của quê hương những người lính nông dân. Giếng nước, gốc đa không chỉ là cảnh vật mà còn là làng quê, là dân làng. Cảnh vật ở đây được nhân cách hoá, như có tâm hồn hướng theo người lính. Tác giả tả rất thực về cuộc sống của người lính. Nhà thơ không che giấu mà như còn muốn nhấn mạnh để rồi khắc hoạ rõ nét hơn cuộc sống gian lao thiếu thốn của họ. Và phải là người trong cuộc thì mới vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với một sự đồng cảm sâu sắc như vậy:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh.  
Sốt run người vùi trán ướt mồ hôi.  
Áo anh rách vai  
Quần tôi có vài mảnh vá  
Miệng cười buốt giá  
Chân không giày  
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.  
Thơ ca kháng chiến khi nói tới gian khổ của người lính thường nói rất nhiều tới cái lạnh, cái rét. Đoạn thơ thứ hai này kết thúc bằng câu “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Một sự cảm thông, chia sẻ vừa

chân thành, vừa tha thiết làm sao. Người ta bảo bàn tay biết nói là thế. Hình ảnh kết thúc đoạn thơ thứ hai này cất nghĩa vì sao người lính có thể vượt qua mọi thiếu thốn, gian khổ, xa quê hương, quần áo rách vá, chân không giày, mùa đông lạnh giá với những cơn sốt rét “run người”... Hơi ấm của tình đồng chí truyền cho nhau đã giúp người lính thắng được tất cả. Hình ảnh kết thúc bài thơ chỉ có ba dòng:

*Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo*

Sau những câu thơ tự do đang trải dài “Đêm nay rừng hoang sương muối”... câu kết thúc thu vào trong bốn chữ làm nhịp thơ đột ngột thay đổi, dồn nén, chắc gọn, gây sự chú ý cho người đọc. Hình ảnh kết thúc bài thơ đầy thơ mộng, cái thơ mộng của gian khổ, hiểm nguy: một cánh rừng, một màn sương, một vầng trăng với hai ngọn súng, hai con người chờ giặc. “Đầu súng trăng treo” cũng là một câu thơ dồn nén và có sức tạo hình, nó đẹp như một biểu tượng chiến đấu của những người lính giàu phẩm chất tâm hồn. Đó cũng là vẻ đẹp trữ tình mới của thơ ca kháng chiến, kết hợp được súng và trăng mà không khiên cưỡng. Toàn bài “Đồng chí” từ chi tiết cuộc sống đến cảm giác của tác giả đều rất thật, không một chút tô vẽ đắp điểm, không bình luận, thuyết minh. Bài thơ thiên về khai thác đời sống nội tâm, tình cảm người lính, vẻ đẹp của “Đồng chí” là vẻ đẹp của đời sống tâm hồn người lính mà nơi phát ra vầng ánh sáng lung linh nhất là mối tình đồng đội, đồng chí hoà quyện vào tình giai cấp. Hình ảnh “đầu súng trăng treo” ở cuối bài nâng vẻ đẹp

người lính lên đến đỉnh cao khái quát trong đó có sự hài hoà giữa hiện thực và lãng mạn đồng thời mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

## **Đề 2: Suy Nghĩ Của Em Về Tình Đồng Chí Đồng Đội Trong Bài Thơ Đồng Chí**

### **Mẫu 1:**

Có những cái nhìn về hình ảnh người lính ở những hoàn cảnh và những khía cạnh khác nhau. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ ác liệt như Bài thơ về tiểu đội xe không kính, hay khi hoà bình đã lập lại trên khắp đất nước Việt Nam như Ánh trăng. Và ở mỗi thời kì, những người lính lại thực sự gắn bó với nhau bởi một thứ tình cảm thiêng liêng

và cao đẹp. Có thể khẳng định rằng thứ tình cảm ấy đều có những nét tương đồng nhưng ở một góc nhìn nào đó, nó lại có nét riêng biệt. Và Chính Hữu đã làm nên nét riêng biệt về tình cảm đồng chí đồng đội của người lính cách mạng thời kì kháng chiến chống Pháp qua bài thơ Đồng chí. Bài thơ Đồng chí được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Pháp, cuộc kháng chiến của quân và dân Việt Nam. Bởi vậy, bài thơ dường như hoà quyện vẻ đẹp của quê hương, của nông thôn Việt Nam. Nhưng đặc sắc và tinh tế chính là: ở Đồng chí ta thấy được sự chia sẻ lúc ốm đau, lúc nhớ nhà và khi gian khổ. Ở Đồng chí có một thứ tình cảm gắn kết giữa những người lính, thì tình cảm mà có thể dễ dàng nhận thấy ở một tác phẩm nào khác. Nhưng có điều, ở một tác phẩm khác, trong một hoàn cảnh khác, tình đồng chí đồng đội được cảm nhận theo một cách khác. Với thể thơ tự do, diễn tả cảm xúc lắng đọng Đồng chí đã thực sự thể hiện cơ sở thiêng liêng để hình thành tình đồng chí. Nó xuất phát từ những điều thực sự giản đơn mà những người lính nhận ra ở nhau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.  
Những người lính ấy đều xuất thân từ những miền quê đồng chiêm nước trũng. Nếu như nơi anh ra đi là đồng chua nước mặn, là miền trung du nghèo đói; thì nơi tôi ra đời là mảnh đất cằn cỗi chỉ toàn sỏi đá. Những người lính nhận thấy ở nhau cùng một hoàn cảnh xuất thân. Họ đều là những người nông dân chân lấm tay bùn vác súng đi lên để tham gia kháng chiến, để bảo vệ quê hương. Có lẽ vì thế, tình cảm cao đẹp giữa những người lính còn xuất phát từ một lí tưởng chung: Súng bên súng, đầu sát bên đầu.

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.  
Có thể nhận thấy rõ hình ảnh súng bên súng không giản đơn là một hình ảnh để cho người đọc thấy rằng họ cùng chung công việc và nhiệm vụ. Nhưng sâu xa hơn, những người lính cùng ý thức được nhiệm vụ đó, cùng hiểu rõ và nhận ra rằng: lí tưởng của họ là chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Và hai chữ tri kỉ thật thiêng liêng. Đôi tri kỉ hình thành từ hai con người hoàn toàn xa lạ, đến từ những phương trời khác nhau sẽ chia tấm chăn vào những đêm giá rét. Thật đơn giản, họ trở thành những tri âm,

tri kỉ của nhau. Và đó là hai chữ tri kỉ tồn tại trong những trái tim người lính, có lẽ vì vậy mà cái tên thiêng liêng và hiện thực: tình đồng chí. Nếu như những điểm chung thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí thì Chính Hữu đã khắc hoạ những biểu hiện của tình đồng chí thật rõ nét. Tình đồng chí được bộc lộ và lột tả ngay trong cuộc sống hàng ngày,



tưởng chừng giản đơn nhưng đầy những thiếu thốn và khó khăn, gian khổ. Những người lính khi ra đi mang theo một nỗi nhớ: Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay Những người lính đã thực sự san sẻ một sự thiếu hụt lớn về tinh thần. Sự thiếu thốn tinh thần quả thực khó có thể bù đắp được cho nhau. Nhưng những người lính hiểu rằng, những người bạn tri âm, tri kỉ có thể làm vơi bớt nỗi buồn của nhau. Họ san sẻ với nhau những nỗi nhớ, những tâm trạng và suy tư của người con xa quê. Nơi quê nhà, họ để lại ruộng nương, gian nhà không thiếu vắng bóng dáng họ vào ra. Và đặc biệt, Chính Hữu đã rất tinh tế khi thể hiện nỗi nhớ quê hương qua hình ảnh giếng nước gốc đa nhớ người ra lính. Giếng nước gốc đa luôn là biểu tượng của quê hương nông thôn Việt Nam. Cùng sẻ chia nỗi nhớ nhà, tình đồng chí đã được thể hiện sâu sắc. Nhưng không quá trừu tượng như nỗi đau tinh thần, tình đồng chí còn là sự sẻ chia những khó khăn, thiếu thốn về vật chất trong cuộc sống của người lính cách mạng. Đó là cái giá rét của mùa đông, nơi rừng hoang và đầy sương muối, là từng cơn sốt rét mà mồ hôi ướt đầm vùng trán. Chiến đấu nơi rừng núi hiểm trở, người lính phải chịu đựng sự khắc nghiệt của thời tiết luôn thay đổi. Trong hoàn cảnh ấy, những người lính vẫn luôn sát cánh bên nhau để sẻ chia những thiếu thốn: Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Dù là manh áo rách, dù là cái buốt lạnh cảm nhận được khi bàn chân không đi giày, nhưng hình ảnh thương nhau tay nắm lấy bàn tay đã minh chứng cho một tình đồng chí, tình tri âm, tri kỉ gắn kết sâu sắc. Tình đồng chí còn là tình thương, sự cảm thông của những người lính trước khó khăn gian khổ.

Và ba câu cuối trong bài thơ đã thực sự khắc họa một tình đồng chí trong chiến đấu hiểm nguy. Nếu như những người lính, họ gắn bó với nhau từ khi làm quen, rồi gắn bó với nhau trong cuộc sống thì không lẽ nào những con người cùng chung lí tưởng cách mạng và chiến đấu lại tách rời nhau khi làm nhiệm vụ. Đêm nay rừng hoang sương muối câu thơ khắc họa không gian và thời gian khi những người lính chiến đấu. Đó là vào ban đêm nhưng gian khổ và khắc nghiệt hơn, là những đêm trong rừng lặng im với không gian đầy sương muối. Nhưng sự lặng im của khu rừng ấy đã làm nổi bật hình ảnh thơ đặc sắc của Chính Hữu: Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo.

Trong gian khổ, trong giá rét, các anh bộ đội Cụ Hồ vẫn hiên ngang sát cánh bên nhau, sẵn sàng chiến đấu. Hình ảnh đó thực sự đặc sắc bởi nó mang ý nghĩa tượng trưng tinh tế. Chính Hữu đã tả thực khi dùng thị giác để miêu tả. Khi trăng chênh bóng người ta sẽ nhìn trăng như treo trên đầu ngọn súng. Nhưng Chính Hữu cũng đã gọi lên sự tượng trưng khi miêu tả bằng cảm nhận, sự liên tưởng và khối óc tinh tế của mình. Cây súng tượng trưng cho người lính cách mạng. Và ánh sáng của vàng trăng lan tỏa trong đêm giá rét thể hiện lí tưởng cách mạng. Sự soi sáng của Bác và Đảng cho những tinh thần chiến đấu. Trong sự lẫm mạp của thơ ca cũng có thể coi ánh trăng là biểu tượng hòa bình. Những người lính sát cánh bên nhau, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ sự tự do cho đất nước. Ba câu thơ cuối với hình ảnh đầu súng trăng treo đã lột tả sự gắn kết với nhau trong khó khăn gian khổ của những anh bộ đội Cụ Hồ.

Bằng những hình ảnh thơ đặc sắc, bài thơ *Đồng chí* đã thể hiện sâu sắc, chân thực tình cảm đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí ấy hiện lên thật thiêng liêng, cao đẹp, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ và đáng trân trọng của những người lính trong cuộc sống và chiến đấu hiểm nguy.

### **Bài Mẫu Số 2:**

"*Đồng chí*" của Chính Hữu được sáng tác năm 1948 trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc đang diễn ra rất quyết liệt. Bài thơ giúp người đọc hiểu hơn về hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ và tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn của họ.

Bài thơ mở đầu bằng những lời tâm tình của hai người bạn, những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mặn mà như một lời thăm hỏi quê quán của nhà:

Quê hương anh nước mặn đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.  
Hai dòng thơ đủ giới thiệu với người đọc về hoàn cảnh xuất thân của hai người lính. Người thì ở vùng đồng bằng chiêm trũng "nước mặn đồng chua", người ở vùng trung du bạc màu "đất cày lên sỏi đá". Như vậy cả "quê anh" và "làng tôi" đều là những miền quê lam lũ, vất vả, đói nghèo. Từ những phương trời xa lạ, họ "chẳng hẹn" mà "quen nhau" bởi họ có cùng chung mục đích đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng quê hương. Vào bộ đội họ kề vai sát cánh bên nhau, cùng chia sẻ với nhau những gian lao thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ:

Súng bên súng, đầu sát bên đầu  
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.  
Cùng là những người nông dân nghèo mặc áo lính, chung lý tưởng đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng quê hương. Họ vào bộ đội, chung nhiệm vụ, chung một chiến hào, cùng đắp chung một tấm chăn khi trời giá lạnh. Điều kỳ lạ là khi chiếc chăn chung đắp lại đó là lúc dòng tâm sự mở ra. Có lẽ vì vậy mà họ hiểu nhau, thân nhau và trở thành tri kỉ. Lúc đó "*Đồng chí*" "mới vang lên, như tình yêu thương được hình thành từ thử thách và gian khó, bị dồn nén tận đáy lòng đến giờ bật dậy, đủ sức đứng riêng thành một câu thơ. Nhịp thơ thất lại, chắc khoẻ, mộc mạc, giản dị mà thiêng liêng, cảm động. Ta chợt nhận ra, lấp lánh đằng sau những câu thơ nói về gió, về rét, lặng lẽ cháy một ngọn lửa ấm nồng tình đồng đội... Và như vậy "*đồng chí*" vừa là cao trào cảm xúc được dồn tụ trong sáu câu thơ trước, vừa mở ra những gì chứa đựng ở suy nghĩ tiếp sau:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

Đi dọc bài thơ là sự sóng đôi của hai hình tượng "anh" và "tôi". Tình tri kỉ, tình đồng chí được bắc qua sự sóng đôi có ý nghĩa bổ sung ấy. Vì vậy đến đây, khi tác giả chỉ nói một cảnh ngộ, người đọc vẫn có ấn tượng chung cho cả hai. Những câu thơ nói về gia cảnh của người này hoá ra lại diễn đạt sâu sắc tình yêu thương lặng lẽ của người kia. Là nông dân, với họ ruộng đất quý hơn vàng, vào bộ đội, họ để lại đằng sau xóm làng, đất đai, nhà cửa. "Mặc kệ" "đầy mà sao lưu luyến thế, đến cả giếng nước gốc đa cũng chợt có hồn, biết nhớ, biết thương người nơi tiền tuyến. "Giếng nước gốc đa" hay chính là đôi mắt hẹn ngày về của người bạn gái, làm ấm lòng người lính phương xa? Tất cả đều có thể, bởi một chút nhung nhớ ấy cùng với ngôi nhà, ruộng nương và xóm làng thân thuộc là động lực để vì nó mà anh chấp nhận bao nhiêu gian khổ:

Tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi . Áo anh rách vai , Quần tôi có vài mảnh vá , Miệng cười buốt giá , Chân không giày . Không một chút tô vẽ điểm trang , Chính Hữu tái hiện cuộc sống thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ bằng những chi tiết thành thực đến thương lòng : áo rách, quần vá, chân không giày, sao chông nổi những cơn sốt rét giữa rừng sâu ?! Trong hoàn cảnh ấy, người lính sẽ chia cho nhau tình yêu thương ở mức tốt cùng "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay ". Một câu thơ thôi song nói được bao điều. Bàn tay tìm đến nhau như san sẻ cho nhau , truyền cho nhau hơi ấm , niềm tin và sức mạnh . "Anh - tôi "nhoà đi sau "miệng cười buốt giá" để niềm tin , niềm lạc quan , sự bất chấp khó khăn gian khổ của người lính hiện lên . Chính Hữu đã rất tinh khi phát hiện ra nội lực tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính . Chính nó đã góp phần tạo nên chiều sâu cho tình đồng chí thâm lặng nhưng rất đỗi thiêng liêng này .

Những câu thơ cuối bài hoàn thiện một cách xuất sắc chân dung người lính mộc mạc mà khoẻ khoắn, can trường:

*Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo.*

"Rừng hoang sương muối". Lại là cái giá , cái rét run người của thiên nhiên khắc nghiệt , song thiên nhiên không thể nào can thiệp tới ý chí và tình cảm của người chiến sĩ . Bởi các anh đứng cạnh bên nhau, chờ che, nương tựa vào nhau trong tư thế chủ động chờ giặc tới . Và hình ảnh thơ cuối cùng mới đẹp làm sao! ở một góc nhìn nghiêng, vàng trăng như treo trên đầu nòng súng giơ cao của người chiến sĩ . Hình ảnh súng và trăng trở thành biểu tượng cho sự kết hợp hài hoà giữa thực và mộng, giữa chất chiến đấu và chất trữ tình , giữa tâm hồn chiến sĩ và tâm hồn thi sĩ . Giữa rừng đêm hoang lạnh , hình ảnh ấy tạc vào đêm tạo thành bức tượng đài chiến sĩ vững vàng mà thơ mộng.

Bài thơ dừng lại khi đã hoàn thiện trong tâm khảm bạn đọc hình ảnh những người nông dân mặc áo lính chân thật mà ấm nồng tình đồng đội . Bởi thế bài thơ không chỉ là tác phẩm xuất sắc của Chính Hữu mà còn là thi phẩm xuất sắc nhất về người lính Cụ Hồ của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

### **Bài Mẫu Số 3:**

Năm mươi sáu ngày đêm bom gầm pháo dội Ta mới hiểu thế nào là đồng đội Đồng đội ta là hớp nước uống chung Năm cơm bẻ nửa Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa Chia khắp anh em một mẫu tin nhà Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết... ("Giá từng thước đất" - Chính Hữu) Đó là tình đồng đội, tình đồng chí gắn bó, keo sơn được viết ra từ người trong cuộc, từ người chiến sĩ làm thơ - Chính Hữu. Có thể nói đề tài đồng chí là một ám ảnh với hồn thơ ông, có lẽ vì trong hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến trường: nào bom đạn, nào thiếu ăn, thiếu mặc, sốt rét, bệnh tật... Chính Hữu và những người bạn đều đã trải qua. Và lúc ấy, chỉ có tình đồng chí mà chính là tình đồng đội đã giúp ông vượt qua gian

khó mà vươn lên chiến thắng chính mình. Vì thế, các bài thơ về tình đồng chí, Chính Hữu đều gửi tặng những người bạn của mình. Nó như một lời cảm ơn chân thành, thiết tha mà nhà thơ muốn gửi tới đồng đội. Và một trong các thi phẩm tuyệt vời, gây ấn tượng sâu

sắc tới bạn đọc là bài thơ "Đồng chí". Qua bài thơ, chúng ta thấy được vẻ đẹp tình đồng chí cao đẹp, thiêng liêng của chàng trai nông dân vệ quốc trong cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp.

Bài thơ được viết vào mùa xuân năm 1948, sau khi Chính Hữu cùng đồng đội của mình tham gia chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947. Vậy là, tác phẩm đã cách xa chúng ta 70 năm rồi nhưng mỗi khi đọc xong bài thơ, người đọc vẫn cảm thấy thấm thía, rung động về tình đồng chí giản dị, mộc mạc, chân thành của người lính cách mạng trong cuộc sống nơi chiến đấu. Trước hết, vẻ đẹp tình đồng chí được thể hiện ở sự tương đồng nhau về hoàn cảnh xuất thân, cùng chung mục tiêu chiến đấu và gắn bó với nhau trở thành đôi bạn tri kỉ: *Quê hương anh nước mặn đồng chua*

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá Anh với tôi đôi người xa lạ  
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau  
Súng bên súng, đầu sát bên đầu  
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí! Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành, đã cho thấy những người lính, họ đều xuất thân từ những người nông dân chân nắm tay bùn, vất vả và nghèo khó. Thành ngữ "nước mặn đồng chua", gọi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt. Còn cụm từ "đất cày lên sỏi đá" lại gọi lên trong lòng người đọc về một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. Đó là xuất phát điểm về hoàn cảnh xuất thân và cuộc sống của những chàng trai nông dân nghèo khó, lam lũ, cực nhọc. Và cũng nhờ có điểm chung gặp gỡ giống nhau ấy, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng chí, hữu ái giai cấp, tạo tiền đề làm nên tình đồng chí, đồng đội, gắn bó keo sơn.

- Đang quen tay cuốc, tay cày nhưng khi đất nước có giặc ngoại xâm, những người nông dân như vươn lên trở thành tráng sĩ. Họ cùng nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, lời vẫy gọi thiết tha của đất nước thân thương đang lâm nguy, họ gác lại tất cả mà vác ba lô, vác súng ra chiến trường chiến đấu. Vì thế, họ lại gặp chung một lí tưởng cách mạng, một mục tiêu chiến đấu thiêng liêng: tình yêu tổ quốc và niềm khát khao đất nước được hòa bình, độc lập.

Anh với tôi đôi người xa lạ  
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau  
Qua thời gian năm tháng,  
trong hoàn cảnh khắc nghiệt của khói lửa chiến tranh, những người lính áo vai đã xích lại gần nhau, coi nhau như anh em, ruột thịt:

*Súng bên sung đầu sát bên đầu*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*

*Đồng chí!*

Từ hai con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí. Một lí do rất đơn giản nhưng lại rất thiêng liêng và cao cả. Bởi tình cảm đồng chí ấy được chấp cánh bởi lí tưởng và khát vọng cao đẹp của tình yêu đất nước. Và cũng từ đó, tình đồng chí bắt đầu nảy nở và trở nên bền chặt, keo sơn trong chiến đấu và cuộc sống có chiến tranh. Hình ảnh thơ có sự sóng đôi, gọi nên tình gắn bó keo sơn của người lính cách mạng. Trong chiến tranh: "súng bên súng": họ cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ. Trong cuộc sống nơi hòn tên, mũi đạn, họ "đầu sát bên đầu", "đêm rét chung chăn", gắn

bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi những lúc thiếu thốn về vật chất (chung chẫn) và sự khắc nghiệt, dữ dội của tiết trời, khí hậu (sương muối, mưa rừng). Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với nhau mà vượt lên gian khó, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà lịch sử đang giao phó. Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn "tri kỉ" tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng.

Trong bảy câu thơ mở đầu, người đọc nhận ra cách xưng hô "anh - tôi" trong mỗi dòng thơ có những sắc thái biểu cảm khác nhau, cho thấy quá trình phát triển về mặt tình cảm của tình đồng chí, đồng đội của người lính: Ban đầu với hai câu đầu, hai đại từ nhân xưng "anh - tôi" chỉ dùng để gọi, giao tiếp của hai con người ở hai thế giới hoàn toàn khác biệt ( một người vùng biển; một người vùng cao); Tiếp đó, hai câu thơ tiếp, "anh - tôi" đã gặp gỡ mà quen biết nhau khi cùng chung lí tưởng và mục tiêu chiến đấu, nhưng vẫn chỉ là "đôi người xa lạ". Cuối cùng, qua thời gian năm tháng đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, họ đã biến sự xa lạ thành thân quen, biến thân quen thành đôi bạn tri kỉ, tri âm. Từ một cá nhân riêng lẻ nhưng sau dần đã trở thành một khối thống nhất và đoàn kết mạnh mẽ không tách rời. Vì thế, hai tiếng "Đồng chí!" được gieo giữa bài thơ vừa có ý nghĩa khép lại đoạn thơ mở đầu, vừa có tính chất mở ra để kết nối đoạn thơ tiếp theo. Đồng thời nó như một lời hô gọi thiêng liêng, trầm hùng và xúc động của những người lính trong chiến tranh và trong tranh đấu. Đó là một câu thơ đặc biệt như là một lời kết luận cho những lí lẽ, cơ sở mà tác giả đưa ra để làm "minh chứng" cho quá trình phát triển hình thành của tình đồng chí. Từ đó, ta bắt gặp một cách định nghĩa bằng thơ rất riêng của Chính Hữu về "Đồng chí". "Đồng chí" là cùng chung hoàn cảnh, cùng chung lí tưởng, mục tiêu cách mạng, cùng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn, vất vả trong chiến đấu. Cách lập ý rõ ràng, tạo nên một kết cấu logic chính luận cho bài thơ trữ tình.

Không dừng lại ở đó, vẻ đẹp tình đồng chí còn được thể hiện ở chỗ, họ sẵn sàng chia sẻ cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính  
Chúng ta thấy, cả ba câu thơ chỉ xuất hiện đại từ xưng hô "anh" mà không phải "tôi", điều đó cho thấy lời thơ là lời nói hộ, bộc lộ hộ những tâm tư tình cảm của người bạn mình. Đó là nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ người thân yêu nơi hậu phương của người lính. Và qua cách nói hộ ấy, người đọc thấy được tình cảm đồng đội, đồng chí hiện lên thật sâu đậm, họ hiểu bạn mình cũng như hiểu chính mình vậy. Vì thế cho nên, lời thơ cũng chính là bộc bạch chân thành của chính nhân vật trữ tình "tôi" về nỗi nhớ quê hương sâu sắc.

Ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa... là những hình ảnh giản dị, quen thuộc ở mọi làng quê Việt Nam. Có lẽ lúc này người lính đang rất nhớ tới quê hương, nơi có gia đình, người thân, có ruộng nương, gian nhà, những tình cảm đẹp đẽ của họ từ thuở ấu thơ đến lúc trưởng thành. Nhưng từ "mặc kệ" đã cho thấy sự quyết tâm ra đi của những người lính; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui



của thời thơ ấu cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước. Tinh thần hi sinh mạnh mẽ ấy đã được nhà thơ Thanh Thảo bộc bạch bằng lời thơ của mình:

"Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi tổ quốc" Như vậy, câu thơ đã cho thấy được ý thức trách nhiệm công dân cao độ của người lính đối với dân tộc khi tổ quốc lâm nguy. Điều đó cho thấy lòng yêu nước mạnh mẽ, sâu sắc của họ. Hình ảnh "giếng nước gốc đa" là một hình ảnh rất giàu sức gợi, đây vừa là nhân hóa, lại vừa là hoán dụ biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết. Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. Nỗi nhớ hai chiều nên càng da diết, khôn nguôi. Nhưng chính nỗi nhớ quê hương ấy, lại là động lực mạnh mẽ, thôi thúc và tiếp bước cho họ vươn lên mà mạnh mẽ, trưởng thành, vì sự nghiệp chung lớn lao của đất nước, dân tộc. Không chỉ chia sẻ với nhau những chuyện riêng tư, nỗi nhớ nhung về quê hương, người thân, người lính còn sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau trong lúc hoạn nạn khó khăn. Và "tôi" với "anh" hai cá thể riêng biệt nay đã hòa với nhau làm một, trở thành một cặp đồng chí gắn bó với nhau:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. Đầu tiên, người lính chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật quái ác - những cơn sốt rét ghê gớm. Hình ảnh: "ớn lạnh, sốt

run người, ướt mồ hôi" là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Vì thế các anh phải cắn răng chịu đựng, tự lực, tự cường mà vượt qua. Nhưng khi mắc bệnh, những người lính lại nhận được sự chăm sóc tận tình, chu đáo của những người bạn, người đồng đội nên căn bệnh dù có quái ác nhưng vẫn không thể quật ngã được họ. Từ "với" trong cụm từ "anh với tôi" đã diễn tả sự sẻ chia của người lính đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét. "Với" ở đây có nghĩa là có sự đồng cảm, sẻ chia, cộng hưởng của tình cảm. Chính sự giúp đỡ động viên chân tình ấy đã giúp họ cùng nhau vượt qua được những căn bệnh sốt rét nguy hiểm - một nỗi ám ảnh kinh hoàng của người lính trong chiến tranh.

Người lính không chỉ chia sẻ với nhau về bệnh tật mà còn đồng cam, cộng khổ khi phải đối diện với sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất. Hình ảnh: "áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày" là những hình ảnh thực có ý nghĩa diễn tả điều đó. Nhưng trong hoàn cảnh ấy, họ đã chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau bằng những hành động chân thành: "Miệng cười buốt giá", "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay". Chính nụ cười đã xoá tan đi cái lạnh lẽo của đêm đông giá rét. Họ đùa vui trong gian khổ thiếu thốn. Cùng động viên nhau qua ánh mắt nụ cười. Dù đó chỉ là nụ cười gượng gạo trong "buốt giá" nhưng vẫn chứa chan tình cảm, cho thấy được sự lạc quan mạnh mẽ của họ trong cuộc sống chiến đấu. Còn hành động "tay nắm lấy bàn tay" là một cử chỉ rất cảm động và cần thiết vào lúc này. Họ đã truyền cho nhau hơi ấm của tình thương, cùng dắt tay nhau tiến lên phía trước, vì mục tiêu lí tưởng cách mạng lớn lao: vì hòa bình dân tộc. Và có lẽ, tình yêu thương nhau đã lấp đầy khoảng trống, làm dịu vơi đi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương. Tất cả những cử chỉ ánh mắt, nụ cười, nắm tay ấy đã giúp họ có thêm động lực để vượt qua khó

khăn, thử thách. Điều ấy đã làm cho tình đồng chí thêm keo sơn, gắn bó và hóa thành sức mạnh đoàn kết trong suốt cuộc kháng chiến trường kì. Cuối cùng biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng chí là họ cùng chung một chiến hào. Chiến hào là nơi giáp mặt với kẻ thù, là nơi sự sống và cái chết chỉ kề nhau trong gang tấc. Vì thế tình đồng chí được tôi luyện trong thử thách gian lao và đầy thử thách nhất.

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo. Ba câu thơ tuy không trực tiếp nói về tình đồng chí nhưng vẻ đẹp của tình đồng chí vẫn cứ hiển hiện, vừa thực, lại vừa lãng mạn. Đó là khoảng thời gian "đêm nay" rất cụ thể với khung cảnh "rừng hoang - sương muối" hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt nhưng những người lính vẫn "đứng cạnh bên nhau" để "chờ giặc tới". Nghệ thuật tương phản đối lập được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lấn át cả không gian toàn cảnh của người lính. Chính sức mạnh của tình đồng chí đã làm cho người lính vượt lên trên hiện thực khắc nghiệt đó. Các từ gần nghĩa "cạnh - bên" cho thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết, gắn bó luôn có nhau của những người lính. Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, dưới cái nhìn lãng mạn hóa của Chính Hữu, ánh trăng như đang treo ở đầu mũi súng. Và "Trăng" theo đó như trở thành người bạn vừa chứng minh cho tình cảm đồng chí keo sơn của người lính, vừa soi sáng và sưởi ấm cho không gian của rừng đêm sương muối lạnh lẽo bên trên. Hình ảnh "súng - trăng" được đặt cạnh bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng: giữa thực tại - mơ mộng; chiến tranh - hòa bình; chiến sĩ - thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ lại vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu. Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả.

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN BÀI THƠ “MÙA XUÂN NHỎ NHỎ”- THANH HẢI

### **Đề 1: Phân tích vẻ đẹp của bức tranh mùa xuân trong hai đoạn thơ sau:**

*Ngày xuân con én đưa thoi,  
Thiếu quang chín chục đã ngoài sáu mươi  
Cỏ non xanh tận chân trời  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

*Mọc giữa dòng sông xanh  
Một bông hoa tím biếc  
Ôi con chim chiền chiện  
Hót chi mà vang trời  
Từng giọt long lanh rơi  
Tôi đưa tay tôi hứng*

(Thanh Hải, Mùa xuân nho nhỏ)

## Dàn ý chi tiết:

**I. Mở bài** - Từ đề tài mùa xuân trong thơ ca, dẫn dắt, giới thiệu hai bức tranh mùa xuân của Nguyễn Du và Thanh Hải trong hai văn bản thơ - Trích dẫn hai đoạn thơ xuân của Nguyễn Du và Thanh Hải

## II. Thân bài

1. Phân tích vẻ đẹp chung của cả hai đoạn thơ - Hai đoạn thơ đều vẽ nên những bức họa mùa xuân với những đường nét phóng khoáng, màu sắc tươi sáng, hài hòa, có không gian, chiều cao, có độ rộng, có xa, gần, tĩnh, động, có hình ảnh thơ quen thuộc - Cảnh sắc mùa xuân trong hai đoạn thơ được thể hiện qua vài nét chấm phá và ngôn ngữ giàu chất tạo hình. - Cả hai bức tranh mùa xuân đều tràn ngập sức sống mùa xuân thể hiện tình yêu thiên nhiên, cuộc sống của các nhà thơ

2. Vẻ đẹp độc đáo của mỗi đoạn

\* Đoạn thơ *cảnh ngày xuân*

- Bức tranh thiên nhiên hiện lên qua nét vẽ vô cùng tinh tế kết hợp hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ tài hoa, uyên bác, bút pháp tả và gợi, nghệ thuật phối sắc tài tình \

+ Bức tranh mùa xuân tháng ba, không gian khoáng đạt, trong sáng với những cánh chim én rộn ràng bay liệng + Nhà thơ bày tỏ sự nuối tiếc khi thời gian mùa xuân qua nhanh chóng, ngày xuân như “con én đưa thoi” - Hai câu thơ kết tinh vẻ đẹp của mùa xuân: “Cỏ non xanh tận chân trời/ Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”

+ Hai câu thơ diễn tả bức tranh tuyệt mỹ là chân dung của mùa xuân chỉ giản đơn là hoa trắng, cỏ xanh nhưng gợi lên được bức tranh có hồn, khoáng đạt

+ Thảm cỏ non xanh chính là gam nền cho bức tranh mùa xuân trở nên đầy sức sống, điểm xuyết một vào bông hoa lê trắng + Bức tranh mùa xuân của Nguyễn Du được dệt bằng những hình ảnh ước lệ và thi liệu cổ song vẫn tươi mới, và mang vẻ đẹp riêng nhờ kế thừa, vận dụng sáng tạo câu thơ cổ Trung Quốc “Phương thảo liên thiên bích- Lê chi sở điểm hoa”

+ Bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ mang đậm chất cổ thi, không gian không xác định rõ ràng được nhà thơ thể hiện khéo léo bằng thể thơ lục bát tạo âm hưởng mượt mà - Bút pháp chấm phá, hình ảnh giàu sức gợi, ngôn từ hàm súc...

+ Sự kết hợp hài hòa giữa không gian rộng lớn ngút ngàn màu xanh cỏ cây, với hình ảnh thu nhỏ trên một cành hoa xuân nhưng không cụ thể sắc xuân ở vùng miền nào. → Ngòi bút của Nguyễn Du quả là tuyệt bút, ngòi bút của ông tài hoa, giàu chất tạo hình của ngôn ngữ biểu cảm khi kết hợp tả và gợi.

Qua đó, ta thấy tâm hồn con người vui tươi phấn chấn qua cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn, hồn nhiên, nhạy cảm với vẻ đẹp của tự nhiên

- Phân tích vẻ đẹp mùa xuân trong bài *Mùa xuân nho nhỏ*

+ Bức tranh xứ Huế hiện ra qua ngôn từ đậm thắm, ngọt ngào bằng những chi tiết hình ảnh thơ giản dị cùng nhạc điệu trong sáng, tha thiết đậm nét đặc trưng xứ Huế: hình ảnh dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện hót vang trời...

+ Bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong thơ Thanh Hải mang tính cụ thể, xác thực về không gian, ngôn ngữ thơ hiện đại, đặc biệt âm thanh tươi vui, rộn rã chứ không tĩnh lặng thể hiện niềm yêu đời, khao khát sống bất tận của nhà thơ

+ Cảm xúc của nhà thơ trước thiên nhiên, sự sống được thể hiện rõ nét qua câu thơ

“ *Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng*” → Biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: âm thanh từ chỗ cảm nhận bằng thính giác nay chuyển sang cảm nhận bằng thị giác thể hiện cảm xúc say sưa ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế khi vào xuân

+ Thanh Hải sử dụng thể thơ ngũ ngôn gần với giọng điệu dân ca miền Trung tạo ra âm hưởng nhẹ nhàng và tha thiết, thấm vào lòng người

+ Giọng điệu bài thơ phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của tác giả: hứng khởi, say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp đất trời xứ Huế vào xuân → Cả hai bức tranh xuân đều có những vẻ đẹp chung nhưng cũng ẩn chứa những vẻ đẹp chung cũng như những nét riêng biệt độc đáo bởi mỗi nhà thơ có những cảm nhận khác nhau

+ Hơn nữa, mỗi nhà thơ lại sống trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, có những hoàn cảnh riêng khác nhau

+ Qua bức tranh thiên nhiên mỗi tác giả phác họa, ta thấy được tình yêu tha thiết của các nhà thơ với thiên nhiên, cảm hứng thiên nhiên là cảm hứng bất tận.

**III. Kết bài** - Khái quát về vẻ đẹp của hai bức tranh mùa xuân - Khẳng định giá trị của đoạn thơ nói riêng, của hai tác phẩm nói chung trong việc bồi đắp tư tưởng, tình cảm cho con người.

#### **Bài tham khảo 1:**

Mùa xuân vốn là đề tài vô tận của thi nhân xưa và nay. Nếu như họa sĩ dùng đường nét và màu sắc, nhạc sĩ dùng giai điệu và âm thanh thì thi sĩ lại dùng hình ảnh và ngôn từ để diễn tả cảm xúc của mình - đặc biệt là diễn tả tình yêu thiên nhiên, yêu cái men say nồng của sắc hương xuân. Hãy lật tìm trang sách đến với bốn câu thơ đầu trong đoạn trích Cảnh ngày xuân trong kiệt tác Truyện Kiều của Nguyễn Du hãy hòa nhập tâm hồn vào đất trời xứ Huế với bốn câu thơ đầu trong Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, bạn sẽ thấy non sông gấm vóc, quê hương Việt Nam đẹp biết bao!

Ngày xuân còn én đưa thoi Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi  
Cỏ non xanh tận chân trời Cành lê trắng điểm một vài bông hoa và: Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc  
Ơi con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời. Nguyễn Du và Thanh Hải họ tuy không cùng một thể hệ thơ, hoàn cảnh sống khác nhau nhưng trong tâm hồn của những người nghệ sĩ ấy luôn tràn đầy một tình yêu thiên nhiên đến lạ kì! Ngòi bút của các thi sĩ đã thăng hoa, đã đồng điệu với vạn vật tự nhiên, thổi vào đó một tình yêu, ý xuân ngọt ngào say đắm. Sao không yêu chứ, sao không ngây ngất chứ! Vẻ đẹp của xuân hương, xuân của lòng người rộn ràng lắm, náo nức lắm.

Mùa xuân ấy là màu xanh bát ngát của sự sống, của chồi non lộc biếc đang cựa quậy trong từng vân thơ. Hai nguồn cảm hứng ở hai thời đại cũng như những sợi tơ lòng dệt nên những bức danh họa tuyệt đẹp của mùa xuân có hình khối màu sắc, có xa, có gần, có tĩnh, có động, có âm thanh rộn rã, có tình người đắm say. Chỉ một vài nét chấm phá mà sao hai bức tranh xuân ấy lại đẹp đến vậy. Ở mỗi đoạn thơ lại có những nét riêng, độc đáo. Nếu như Nguyễn Du tài hoa, uyên bác trong ngôn từ thì Thanh Hải lại đắm say,

ngọt ngào với những vần thơ đầy ấp hình ảnh. Nguyễn Du khi gọi tả mùa xuân đã kế thừa và sáng tạo từ một câu thơ cổ Trung Quốc Phương thảo thiên liên bích / Lê chi sở điểm hoa. Nếu như nhà thơ cổ Trung Quốc đã phác họa bức tranh xuân có màu cỏ xanh non, có vẻ đẹp của mấy bông hoa lê trên cành thì Nguyễn Du lại thể hiện được cả sức xuân căng tràn, dạt dào của cỏ... cỏ càng xanh hoa càng trắng, chỉ mấy chữ non, xanh, trắng mà như chứa cả hương thơm, cả sắc màu, cả tình người gửi vào đó. Nguyễn Du báo tín hiệu mùa xuân bằng én đưa thoi thì với Thanh Hải là một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh. Nguyễn Du đã dùng không gian để vẽ thời gian. Thời gian thấm thoắt đã trôi qua hai tháng, nhanh như thoi đưa, chỉ đọng lại ánh sáng rực rỡ, cuối cùng của mùa xuân trong tiết thanh minh. Còn Thanh Hải với cách đảo động từ mọc đã phác họa một hình ảnh rất ấn tượng về sự sống mãnh liệt của loài hoa lục bình xứ Huế đang vươn lên giữa phong nền của dòng sông xanh căng tràn sức sống. Nguyễn Du dùng những thi liệu là cỏ non, cánh én đưa thoi, thiều quang, hoa lê trắng để vẽ nên bức tranh xuân cao rộng, thoáng đãng đầy thi vị thì Thanh Hải đã dùng những hình ảnh dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện hót vang trời để làm nên cái độc đáo mà chỉ ở quê hương xứ Huế mộng mơ mới có. Tiếng gọi của Thanh Hải ơi con chim chiền chiện hót chi nghe sao mà tha thiết, ngọt ngào như con người xứ Huế vốn rất đẹp, rất chân thành đó thôi. Bức tranh xuân của Nguyễn Du non xanh như tâm hồn của cô thiếu nữ Thúy Kiều, Thúy Vân trong buổi du xuân. Bức tranh xuân của Thanh Hải tươi sáng, ân tình, chứa chan cảm xúc, thấm thía lòng người. Tâm hồn họ đều thăng hoa, rất thiết tha, nhưng mỗi người lại có một bút pháp nghệ thuật riêng để ghi đậm cái tôi cá nhân trong lòng độc giả. Nếu như Nguyễn Du đã vận dụng khéo léo thể thơ lục bát của dân tộc thì Thanh Hải cũng rất mượt mà với thể thơ ngũ ngôn ngân nga như điệu nhạc xứ Huế trong bản hòa ca của đất nước đang xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nguyễn Du với mười lăm năm lưu lạc, còn Thanh Hải đang phải giáp ranh với cái chết nhưng ở họ vẫn nồng cháy tình yêu thiên nhiên, đất trời. Tình cảm ấy đã hòa chung dòng chảy với các tác phẩm khác cùng viết về mùa xuân.

Đã nhiều năm trôi qua, nhưng khi đọc những dòng thơ trên, lòng người đọc vẫn không khỏi xúc động, rạo rực, mê say. Có lẽ Nguyễn Du cũng như Thanh Hải sẽ còn sống mãi trong trái tim người đọc bởi những vần thơ như thế, bởi tâm lòng yêu mùa xuân, yêu thiên nhiên, đất trời và con người tha thiết. Bởi ngòi bút của họ đã thăng hoa thành những nét vẽ sâu sắc trong hồn ta một mùa xuân bất diệt, vĩnh hằng và truyền vào lòng ta khát vọng được cống hiến, được làm Một mùa xuân nho nhỏ / Lặng lẽ dâng cho đời...

**Đề 2: Mùa xuân nho nhỏ là bức tranh mùa xuân rực rỡ, tươi đẹp, cùng với đó là tình yêu mãnh liệt, sôi nổi của Thanh Hải đối với mùa xuân, đất nước và cuộc đời. Dựa vào bài thơ đã học, em hãy trình bày cảm nhận tình yêu thiên nhiên của thi nhân qua bài thơ Mùa xuân nho nhỏ.**

### **I. Dàn ý bài viết**

**1. Mở bài** Giới thiệu nhà thơ Thanh Hải và bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”: Tình yêu đối với thiên nhiên luôn là một trong những đề tài nổi bật của nền văn học Việt Nam từ trước



đến nay. Các nhà thơ hiện đại Việt Nam đã đóng góp một phần không nhỏ vào đề tài chung bằng những nét riêng độc đáo của mình. Qua bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải, chúng ta đã cảm nhận được tình yêu thiên nhiên tha thiết của tác giả

**2. Thân bài** - Sự trở dậy mãnh liệt của thiên nhiên khi mùa xuân về qua cảm nhận của tác giả: + Tác giả quả thực mang trong mình một tình yêu sâu sắc mới có thể cảm nhận cảnh sắc thiên nhiên tinh xảo đến thế + Nghệ thuật phối màu sắc thể hiện được cái đẹp hài hòa của thiên nhiên: bông hoa màu tím biếc và dòng sông trong xanh - Tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên mùa xuân: + Từ “Ơi” cho thấy niềm vui, niềm say mê ngây ngất của nhà thơ trước tiếng chim hót, giọng điệu thân thương của con người xứ Huế cũng được tác giả đưa vào diễn tả cảm xúc hòa hợp giữa con người và tạo vật. + Trước thiên nhiên đất trời mùa xuân, tác giả bồi hồi sung sướng - Ước nguyện của tác giả thể hiện tình yêu thiên nhiên: + Chẳng ước mong gì cao xa, nhà thơ chỉ muốn được trở thành hóa thân trong thiên nhiên xinh đẹp ấy, được làm “con chim hót” để gọi mùa xuân về, đem tiếng hót cất làm niềm vui cho người. + Muốn làm “một cành hoa” dù chỉ nhỏ bé nhưng sẽ làm đẹp cho đời, làm đẹp cho thiên nhiên, sông núi quê hương, và muốn làm một “nốt trầm” trong bản “hòa ca” của đất trời để làm xao xuyến lòng người, cổ vũ và động viên nhân dân ta

### **3. Kết bài**

Ý nghĩa tình yêu thiên nhiên của thi nhân: Tình yêu thiên nhiên của nhà thơ Thanh Hải và đặc biệt là tình yêu mùa xuân trong bài “Mùa xuân nho nhỏ” đã trở thành một chất xúc tác mạnh mẽ, bồi đắp thêm cảm xúc và tình yêu mến thiên nhiên trong mỗi người đọc. Không chỉ thể hiện tình yêu thiên nhiên, tác giả cũng đã bộc lộ rõ tình yêu với quê hương, đất nước.

#### **Bài tham khảo 1:**

Tình yêu đối với thiên nhiên luôn là một trong những đề tài nổi bật của nền văn học Việt Nam từ trước đến nay. Các nhà thơ hiện đại Việt Nam đã đóng góp một phần không nhỏ vào đề tài chung bằng những nét riêng độc đáo của mình. Qua bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải, chúng ta đã cảm nhận được tình yêu thiên nhiên tha thiết của tác giả. Bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của nhà thơ Thanh Hải, bài thơ nói về tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên trong tiết trời mùa xuân trên mảnh đất quê hương. Quê hương xứ Huế của nhà thơ có núi Ngự, sông Hương và thiên nhiên mùa xuân trên mảnh đất ấy được thể hiện rất tinh tế. Mở đầu bài thơ, tác giả đã nhấn mạnh sự vươn lên, trở dậy mạnh mẽ của thiên nhiên khi mùa xuân về:

“Mọc giữa dòng sông xanh  
Một bông hoa tím biếc”  
Tác giả quả thực mang trong mình một tình yêu sâu sắc mới có thể cảm nhận cảnh sắc thiên nhiên tinh xảo đến thế, kết hợp với nghệ thuật phối màu sắc thể hiện được cái đẹp hài hòa của thiên nhiên: bông hoa màu tím biếc và dòng sông trong xanh. Biện pháp đối trật tự cú pháp trong câu thơ vắt dòng đã vẽ nên một sắc xuân riêng của đất trời xứ Huế, màu xanh của trời in trên dòng sông thể hiện sự thanh bình, trong sáng, màu tím của bông hoa khiến bức tranh mùa xuân trở nên bình dị và thắm thiết.

“Ơi con chim chiền chiện  
Hót chi mà vang trời”

Từ “Ơi” cho thấy niềm vui, niềm say mê ngây ngất của nhà thơ trước tiếng chim hót, giọng điệu thân thương của con người xứ Huế cũng được tác giả đưa vào diễn tả cảm xúc hòa hợp giữa con người và tạo vật. Trước thiên nhiên đất trời mùa xuân, tác giả bồi hồi sung sướng:

“Tùng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng” Đưa tay hứng là một hành động thể hiện rõ sự đón nhận, nâng niu trong xúc động của nhà thơ. Dù là giọt sương ban mai hay là giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện, nhà thơ đều muốn nhận lấy và ôm trọn vào lòng mình. Với tình yêu thiên nhiên tha thiết gắn liền với tình yêu quê hương xứ Huế thơ mộng của mình, nhà thơ đã có những lời nguyện cầu được hóa thân: “Ta làm con chim hót...

Một nốt trầm xao xuyến” Chẳng ước mong gì cao xa, nhà thơ chỉ muốn được trở thành hóa thân trong thiên nhiên xinh đẹp ấy, được làm “con chim hót” để gọi mùa xuân về, đem tiếng hót cất làm niềm vui cho người. Muốn làm “một cành hoa” dù chỉ nhỏ bé nhưng sẽ làm đẹp cho đời, làm đẹp cho thiên nhiên, sông núi quê hương, và muốn làm một “nốt trầm” trong bản “hòa ca” của đất trời để làm xao xuyến lòng người, cổ vũ và động viên nhân dân ta. Có thể nói, tình yêu thiên nhiên của nhà thơ Thanh Hải và đặc biệt là tình yêu mùa xuân trong bài “Mùa xuân nho nhỏ” đã trở thành một chất xúc tác mạnh mẽ, bồi đắp thêm cảm xúc và tình yêu mến thiên nhiên trong mỗi người đọc. Không chỉ thể hiện tình yêu thiên nhiên, tác giả cũng đã bộc lộ rõ tình yêu với quê hương, đất nước.

### **Bài tham khảo 2:**

Thanh Hải viết bài thơ Mùa xuân nho nhỏ trên giường bệnh, hai tháng trước khi ông mãi mãi đi vào cõi vĩnh hằng. Ở vào thời điểm ngay lần ranh giữa sự sống và cái chết ấy, con người thường hay nghĩ về sự kết thúc hơn là những khởi đầu của sự sống. Ấy thế mà, Thanh Hải đã

dành tất cả tâm tư, tình cảm để chuẩn bị cho những khởi đầu mới mẻ và diễn biến của sự sống lâu bền. Không có một sự bi lụy nào được gắn kết trong từ ngữ. Tất cả đều rất tươi vui, rạo rực sức sống. Một sức sống cuộn lên từ niềm tin và khát vọng cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời tươi xanh. Mở đầu bài thơ hiện lên bức tranh mùa xuân tràn đầy thanh sắc:

“Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc Ơi, con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời!”. Thủ pháp đảo trật tự cú pháp trong câu thơ vắt dòng: “Mọc giữa dòng sông xanh. Một bông hoa tím biếc” không làm người đọc khá bất ngờ mà còn muôn phần thú vị. Chỉ bằng hai câu thơ ngắn ngủi mà cảnh xuân, sắc xuân, tình xuân đã trào lên chất chứa. Giữa dòng sông xanh, một bông hoa lục bình sắc tím đĩnh đạc, lộng lẫy nổi bật trên cái nền xanh thắm của sông nước, đất trời. Nghệ thuật phối sắc thể hiện cái đẹp hài hòa của thiên nhiên. Chỉ một đóa hoa ít ỏi thôi nhưng nó không hề đơn độc. Bông hoa không tách mình khỏi cảnh vật mà hòa mình vào với tất cả. Cũng không có một sự khác biệt nào giữa sắc màu của sông xanh, của nước xanh, của cỏ xanh, của trời xanh hay của hoa tím. Người đọc nhận thấy ở đó là một gam màu nhẹ nhẹ, đằm thắm dễ chịu. Đó là màu của sức sống đang tràn trào khắp cảnh vật.

Trên bầu trời cao, tiếng chim chiền chiện không ngừng lãnh lót. Hai từ “hót chi” không phải để hỏi mà là sự đồng cảm, thấu hiểu. Nó hát bài ca mến yêu ánh sáng và cuộc

đời. Nó hát bài ca ca ngợi cuộc sống tự do và hạnh phúc. Đó cũng là lời ca, là niềm vui, niềm tin yêu của lòng người trước cuộc đời mới tươi đẹp và vĩnh hằng. Với tiếng chim chiền chiện, không gian nghệ thuật mở ra rộng lớn hơn, cao vời hơn. Thoát khỏi điểm nhìn dưới thấp nhưng cái màu xanh vẫn còn tiếp nói đến tận xa xôi. Giữa con người và thiên nhiên đất trời giờ đây xích lại gần nhau hơn, hòa quyện trong niềm vui bất tận. Bởi thế mà, nhà thơ đã trêu mếu gọi: “Ồi, con chim chiền chiện” thân thương như gọi một người bạn cần đến để tâm tình, sẽ chia niềm vui sướng đang dồn ứ trong lòng. Sự gắn kết giữa con người và thiên nhiên đất trời bước đến sự hòa nhập thực sự khi nhà thơ nhận thấy:

“Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng”. Vẻ đẹp và sức sống của thiên nhiên không còn xa vời mà hiện hữu ngay trên bàn tay đón đợi. Có cái gì đó mếu yêu, ngọt ngào, long lanh đang rơi xuống khiến nhà thơ đưa tay ra hứng. Từng giọt long lanh có nhiều cách hiểu. Đó có thể là giọt sương đêm còn treo đầu ngọn cỏ xanh trong buổi bình minh nắng sớm. Đó có thể là giọt mưa còn vương lại trên lá thắm chồi non. Đó có thể là âm thanh của tiếng chim chiền chiện kết tụ tinh anh giữa đất trời thắm biếc, trong cuộc đời rộn rã tươi vui.

Dù hiểu theo cách nào thì hình ảnh đó vẫn rất đẹp, rất nên thơ, đủ sức dẫn dắt ta phiêu du trong cảnh sắc mùa xuân đang chờ đợi bước chân ta tới. Chẳng gì mùa xuân đang vui mà bởi lòng người đang hân hoan với niềm vui lớn. Có lẽ, Thanh Hải đã nhận biết đó có thể là mùa xuân cuối cùng mà ông được chào đón nên mới vồn vã đến thế. Mùa xuân xứ Huế được miêu tả đẹp như một bức tranh cổ kính phẳng phát chất Đường thi thuở nào. Nó vừa kín đáo vừa rộng mở ra trước mắt với dòng sông, hoa cỏ, tiếng chim hót, bầu trời cao, sương mai e ấp, ánh xuân tươi và con người luôn sẵn sàng mạnh bước tới. Tất cả sắc xuân, tình xuân, nhạc xuân cuộn quyện trong tâm cảm con người hòa thắm yêu thương.

### **ĐỀ 3: Bức tranh thiên nhiên qua bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh và Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải**

Từ xưa đến nay, thiên nhiên luôn là người bạn thân thiết gắn bó với con người và là nguồn cảm hứng sáng tạo của người nghệ sĩ. Nhà thơ không chỉ yêu thích ngắm nhìn vẻ đẹp phong phú, bí ẩn của thiên nhiên mà còn gói gắm trong đó những tâm tư thầm kín, những chiêm nghiệm sâu sắc về lẽ sống, về cuộc đời. Chúng ta có thể bắt gặp điều này qua hai bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh và Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải.

Thiên nhiên chính là môi trường sống bao quanh chúng ta như trời xanh, mây trắng, gió mát, trăng thanh, rồi hoa thơm cỏ lạ, núi thẳm non xanh, .... Thiên nhiên ấy thật bao la rộng lớn, nên thơ tươi đẹp và hùng vĩ vô cùng. Và thiên nhiên ấy khi đi vào thơ qua cách cảm nhận tinh tế của người nghệ sĩ nó lại đẹp hơn gấp trăm ngàn lần.

Với thi nhân, thiên nhiên là bầu bạn thân tình. Thiên nhiên gọi lên thi hứng và tình yêu cuộc sống ở con người. Thi ca cũng lấy chất liệu từ thiên nhiên để làm nhân tố cho sự biểu đạt của nó. Trong quá trình tìm kiếm sự hòa hợp, con người phương Đông luôn học cách sống hài hòa với thiên nhiên, thấy mình là một phần không thể thiếu của tự nhiên thanh sạch và thuần khiết ấy.

Độc Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải chúng ta sẽ có dịp đắm mình trong bức tranh mùa xuân êm đềm, nên thơ, dịu mát của vùng đất cố đô Huế, nơi ông đã sinh ra và lớn lên:

Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc  
Ơi con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời  
Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.  
Thiên nhiên hiện ra đầu tiên với hình nahr dòng sông xanh biếc. Dòng sông chính là cội nguồn bồi đắp phù sa và sự sống cho vạn vật. Dòng sông còn là tượng trưng của dòng sống, dòng đời chậm trôi. Trên cái dòng sông ấy mọc lên một bông hoa tím biếc. Có lẽ không chỉ là một. Nhà thơ đã làm mờ đi tất cả, chỉ giữ lại một bông hoa để cảm nhận sự đơn độc, lẻ loi và sự héo tàn sắp xảy ra không có gì để thay thế. Bông hoa tím vừa đẹp lại vừa buồn. Đẹp vì sắc tím là màu sắc gợi cảm, gợi tình, khơi động nhớ thương. Buồn là vì qua hình ảnh một bông hoa tím, ta cảm nhận được sự mong manh, hạn hữu của đời người. Càng nhìn ngắm càng thấy cô đơn.

Vượt ra khỏi mặt đất, nhà thơ tìm đến bầu trời cao với tiếng chim chiền chiện ca vang. Tiếng chim líu lo, trầm bổng, đôi khi chói gắt. Tiếng gọi “ơi con chim” vừa trù mến thân thương vừa giận hờn, trách móc. Thương là bởi tiếng chim say mê, yêu bầu trời, yêu cuộc đời đắm say. Giận là bởi nó phá tan cái yên bình của cảnh vật, nó làm con người lay động không thể đắm thắm lại được. Tiếng chim tràn trề sinh lực của cuộc sống hoàn toàn trái ngược với sự sống đang dần vơi cạn ở con người. Thế nên nhà thơ vội đưa tay hứng lấy nguồn sinh lực của đất trời đang ào ạt đổ xuống để mong bồi đắp thêm cho sự sống của mình. Hành

động vội vã, háo hức. Lấy sức mạnh của thiên nhiên để làm giàu thêm cuộc sống của chính mình. Hòa mình trong cuộc sống lớn để tìm kiếm sự tương trợ của vũ trụ vĩnh hằng. Đọc đoạn thơ, ta thấy Thanh Hải có một tâm hồn đối với thiên nhiên rất sâu nặng. Ở đó không chỉ có vẻ đẹp của cảnh vật mà còn thấy một tấm lòng tha thiết với cảnh vật. Đó là tình yêu vĩnh cửu với thiên nhiên vô tận, với vẻ đẹp tráng mỹ và sự đồng cảm trước tiếng chim ca, bông hoa nở.

Đến với Sang thu, chúng ta ngỡ ngàng nhận ra bức tranh mùa thu êm đềm nên thơ, dịu mát, không ồn ào, náo động mà trầm lắng, suy tư. Thiên nhiên cảnh vật trong khoảnh khắc giao mùa hết sức nhẹ nhàng và tinh tế. Chứa đựng trong đó là biết bao nỗi luyến lưu bịn rịn, ngập ngừng do dự của một con người. Thi nhân như muốn cưỡng lại thời gian, muốn níu giữ chút gì đó những năm tháng tuổi trẻ của đời mình. Bài thơ không chỉ đơn thuần là tả cảnh mà còn nói lên những suy nghĩ chiêm nghiệm sâu sắc của con người về lẽ sống, cuộc đời.

Bỗng nhận ra hương ổi Phả vào trong gió se  
Sương chùng chình qua ngõ  
Hình như thu đã về.  
Bước đi của thời gian khiến lòng ta bồi hồi, xao xuyến. Xao xuyến không chỉ vì cái đẹp nên thơ, thanh sạch, tươi mát của thiên nhiên cảnh vật khi xuân đến thu sang mà còn là sự xao xuyến bởi khát vọng hòa nhập, gắn kết mình với thiên nhiên ấy.

Những dấu hiệu đầu tiên của khoảnh khắc cuối hạ đầu thu hiện ra vừa mơ hồ vừa hết sức rõ ràng. Hương ổi nồng đượm, làn sương nhẹ trôi, gió mùa se lạnh vừa như thực vừa như không thực. Thi nhân đã cảm nhận thấy nhưng chưa dám khẳng định bởi sợ

nhằm lẫn với biểu hiện của buổi sớm mai thường thấy. Thế nên, ông mới tìm đến với không gian rộng lớn hơn để kiểm chứng và khẳng định điều ấy:  
Sông được lúc dềnh dàng Chim bắt đầu vội vã Có đám mây mùa hạ Vắt nửa mình sang thu.

Hình ảnh dòng sông, cánh chim, mây trời tiếp tục xuất hiện trong bài thơ để biểu hiện cho cái đẹp của thiên nhiên. Nếu ở Mùa xuân nhỏ nhỏ là dòng sông xanh và tiếng chim ca vang thì ở Sang thu là dòng sông chảy và cánh chim vội vã. Sự vận động của thiên nhiên lại hiện hữu ở những sự vật khác biệt. Nó chưa hẳn đã đẹp như lại rất đẹp khi được ngắm nhìn bởi một tâm hồn đẹp. Cái đẹp trong đoạn thơ dồn nén lại ở hình ảnh đám mây trời đầy xung đột:

Có đám mây mùa hạ Vắt nửa mình sang thu Rõ ràng, giữa mùa hạ và mùa thu làm gì có ranh giới. Thế mà, bằng hình ảnh đám mây, thi nhân gợi cho ta thấy được cái ranh giới ấy với những xung đột kịch liệt. Đám mây một nửa chói sáng, sôi động như đang còn ở mùa hạ. Còn nửa kia đã vắt sang thu với vẻ u mờ, trầm lắng. Sự xung đột ấy không chỉ ở đám mây trời mà còn diễn ra trong khắp đất trời:

Vẫn còn bao nhiêu nắng Đã vơi dần cơn mưa Sấm cũng bớt bất ngờ Trên hàng cây đứng tuổi Cái nắng chói gắt và rộn ràng của mùa hạ hãy còn nhiều lắm. Những cơn mưa giông dữ dội của mùa hạ đã dần vơi, nhường chỗ cho sự yên tĩnh và bình tâm của mùa thu. Tiếng sấm cũng không còn rầm rã trên bầu trời. Hàng cây tư lự đứng nhìn đất trời chuyển động. Vũ trụ dần đi vào tĩnh mịch vốn có mùa mùa thu.

Đối với thi nhân, thiên nhiên là tri kỉ, là tình nhân. Vũ trụ là gia đình, là nơi nương náu tâm hồn. Bởi thế, họ luôn biết nâng niu vẻ đẹp giao hòa giản dị của thiên nhiên bình dị, đều xúc động trước những sự việc rất tầm thường của vạn vật cỏ cây. Thi nhân âm thầm quan sát thiên nhiên và bằng tâm hồn rộng rãi sẵn sàng hòa điệu cùng vũ trụ, cảm nhận vẻ đẹp của tự nhiên. Và đôi khi, sự tương thông của lòng người với nhau không phải qua lời nói bề ngoài ồn ào mà sự tương giao ấy biểu hiện qua cái tĩnh lặng say mê với cảnh vật.

Chính cái không lời vĩnh viễn ấy mới thấu biết được mọi lẽ trong cõi hiện sinh đầy mệt nhọc này. Bởi vậy, tràn lấp trong các dòng thơ là vẻ đẹp của hoa cỏ, núi sông, là thanh âm của sự sống. Ta cũng thấy được cái cảm giác an nhiên, viên mãn giữa tự nhiên khoáng đạt và rộng lớn. Và ẩn sâu trong đó là khát vọng trường tồn cùng thiên nhiên, vũ trụ ấy.

Với cách biểu đạt nhẹ nhàng, tinh tế hai bài thơ đã thể hiện cái đẹp nồng thắm, mê say của cảnh sắc thiên nhiên đất trời. Ở đó, thiên nhiên vừa tươi đẹp, tràn trề sức sống vừa chứa đựng tâm tư, suy nghiệm của con người về cuộc đời, về lẽ sống. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người cũng luôn tìm kiếm một tiếng nói chung với thiên nhiên để tìm kiếm một sự hợp nhất viên mãn nhất. Đó là niềm vui, là hạnh phúc, là lối sống đẹp mà con người luôn hướng tới.

#### **ĐỀ 4: Phân tích khổ đầu bài Mùa xuân nhỏ nhỏ của Thanh Hải.**

Mùa xuân là hoa nở trên nhành mai Mùa xuân là chim hót trên cành cây Mùa xuân là ánh mắt em nhìn ai Thoáng trên mắt môi bao nụ cười... Mùa xuân, đó có thể gọi là một



khoảng thời gian tươi đẹp nhất trong năm. Nói đến mùa xuân là ta dường như đang nói đến lòng yêu đời đang cuộn cuộn chảy và những mơ ước cháy bỏng của con người trong cuộc sống. Có lẽ chính vì vậy mà từ lâu mùa xuân đã trở thành một đề tài quen thuộc của các nhà thơ. Viết về mùa xuân, thì mỗi thi nhân đều có được những vần thơ thật hay, thật đặc trưng và nhất là đều mang được tính độc đáo riêng của mình, ở đây, ta chỉ nói về hình ảnh của mùa xuân trong bài thơ quen thuộc “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải. Mở đầu bài thơ, tác giả đã phác họa lên một bức tranh mùa xuân trước mắt chúng ta giữa khung cảnh thiên nhiên và đất trời, vũ trụ: Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc

Oi! Con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời... Khung cảnh mùa xuân dần dần được hiện ra với một vẻ đẹp thật bình dị, đơn sơ nhưng cũng không kém phần nên thơ và sâu sắc. Ở đây, mùa xuân của Thanh Hải đến với ta không rực rỡ kiêu sa với cánh đào

Hà Nội, với những nụ mai vàng đang phô trương sắc thắm, mà chỉ đơn giản là một bông hoa tím đang mọc lên giữa dòng sông nước xanh như lọc. Cánh hoa nghiêng mình xuống mặt nước tựa như gương ấy để nổi bật lên trên một khung trời được in bóng dưới lòng sông, với màu sắc thật nhẹ, thật hài hòa mà cũng rất dễ thương, Thanh Hải đã tạo nên cho bức tranh mùa xuân của mình một nét gì đó vô cùng độc đáo. Và bức tranh ấy lại càng được đẹp hơn, có “hồn” khi cái màu tím kia được nhà thơ tô đậm lên thành “tím biếc”. Gam màu ấy đã được tô vẽ vào bức tranh thật khéo léo, tài tình, làm cho người đọc chúng ta có thể hình dung ra ngay trước mắt cả một bông hoa tím biếc, thật nhỏ, thật xinh, nhưng dường như cũng có đủ khả năng để nhuộm tím cả bầu trời, cả không gian mùa xuân đang căng tràn sức sống. Cái màu tím ấy lan ra, chơi vui, và khẽ lay động theo những ngọn gió xuân đang thổi lên từ lòng sông xanh mát rượi. Cảnh vật mùa xuân trong bài thơ có lẽ cũng bình dị, giản đơn, và thâm trầm, tĩnh lặng như vùng đất miền Trung quê hương tác giả. Xứ Huế vốn nổi tiếng mộng mơ với núi Ngự sông Hương, với những điệu hò mái nhì mái chèo, giờ lại càng thêm xinh đẹp dưới ngòi bút tô vẽ của nhà thơ... Bức tranh thiên nhiên kia này giờ đang tĩnh lặng như chất chứa suy tư, chợt sinh động và “sống” hẳn lên vì một nét đậm ngang của cánh chim chiền chiện:

Oi! Con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng! Bức tranh ấy giờ đây chợt đẹp hẳn lên và cũng độc đáo hơn vì có sự pha trộn giữa hai sắc màu: hài hoa (xanh, tím) và lung linh rực rỡ (long lanh). Câu thơ giờ cũng mang một nét gì đó lạ lùng chùng chùng như là vô lí; con chim chiền chiện mà lại hót đến vang cả trời! Thực ra, khoảng trời ấy chính là khoảng không gian của riêng tác giả, trong tim tác giả, vì vậy mà chỉ có một mình tác giả mới cảm nhận được và nghe thấy được mà thôi. Tâm hồn nhà thơ nhỏ bé trước đất trời, chính vì vậy mà tất cả mọi cảnh của tâm hồn ấy cũng trở nên nhỏ xinh và dễ thương đến lạ: con chim nhỏ của mùa xuân nhỏ trong một khoảng không gian nhỏ. Nhưng chính cái “nhỏ” ấy đã phần nào tạo nên được nét độc đáo riêng trong thể

đổi lập của câu thơ. Tâm hồn ấy, trái tim ấy tuy nhỏ nhưng chỉ chính nó mới cảm nhận được hết mùa xuân của đất trời và vũ trụ thiên nhiên... Và giờ đây tiếng chim lại vang lên, tiếng chim quen thuộc của đồng quê dân dã:

Ồ! tiếng hát vui say

Con chim chiến chiến Trên đồng lúa chiêm Xuân chao mình bay liệng...

(Tố Hữu) Say mê với tiếng chim, trước mắt nhà thơ dường như xuất hiện những giọt long lanh đang nhẹ nhàng rơi xuống: “Từng giọt long lanh rơi, Tôi đưa tay tôi hứng!”.

“Từng giọt long lanh”... giọt gì? Giọt nắng, giọt sương, giọt hạnh phúc, hay là giọt xuân đang êm đềm rơi xuống từ cánh chim chiến chiến nhỏ đang tung mình bay lượn để ban phát mùa xuân đến cho mọi người? Nhưng chính xác hơn nhất có lẽ là giọt tiếng chim, giọt tiếng chim mà chỉ có một mình tác giả cảm nhận được, và “trông thấy” được! Nhìn được những vật mà mắt thường không thấy có lẽ do Thanh Hải đang nhìn bằng con mắt của một nhà thơ. Tiếng chim thì nghe, nhưng ở đây tác giả lại nhìn. Hiện tượng chuyển đổi cảm giác này lẽ ra chỉ có được ở những người say. Câu thơ đang vô lí giờ lại bỗng nhiên hợp lí. Quả thật Thanh Hải đang say, ông say trước khung cảnh thiên nhiên vào mùa xuân thật xinh tươi, đẹp đẽ, say vì nàng chúa xuân quá diễm lệ, yêu kiều. Và từ đó trân trọng, thật nhẹ nhàng, tác giả đã đưa tay ra hứng để đón lấy những điều may mắn, cái tốt đẹp và cái “lộc” của mùa xuân đã ban tặng cho tâm hồn của mỗi con người, và đặc biệt là cho tác giả.

Càng đọc thơ Thanh Hải, ta càng thêm cảm thấy thú vị và say sưa. Nhất là sau khi đọc “Mùa xuân nho nhỏ”, ta như thấy được cả men rượu của mùa xuân đang lan tỏa vào đất trời, hòa vào trong lòng mùa xuân và trong lòng người đọc. Đây quả thật đúng là mùa một “mùa xuân nho nhỏ” mà Thanh Hải đã dâng tặng cho đời. Nếu chúng ta biết rằng Thanh Hải viết bài thơ này khi ông đang nằm trên giường bệnh, ông viết không phải vào dịp xuân... và chỉ ít tháng thôi ông đã ra đi mãi mãi... dù sao, bông hoa tím biếc chung với đời, dòng sông xanh biếc của hi vọng, của niềm tin với đời vẫn là hình ảnh nhỏ nhẹ nói với ta bao điều...

## **Bài tham khảo 2:**

“Mùa xuân nho nhỏ” là một trong những thi phẩm xuất sắc của Thanh Hải. Khổ thơ mở đầu bài thơ đã để lại cho người đọc rất nhiều cảm xúc về vẻ đẹp thiên nhiên đất trời:

“Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc, Ôi! con chim chiến chiến Hót chi mà vang trời” Bài thơ được sáng tác giữa mùa đông rét buốt trên xứ Huế, đó là những tháng ngày cuối cùng tác giả được sống trên cõi đời này. Bài thơ được bắt đầu từ những xúc cảm trực tiếp hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên. Từ đó gọi cho người đọc suy ngẫm về mùa xuân đất nước. Mở đầu bài thơ là vẻ đẹp tươi xanh của thiên nhiên xứ Huế khi vào xuân với cảnh sắc tươi đẹp, đậm ấm:

“Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc” Chữ “mọc” đã thể hiện rất chân thực sức sống muôn vasion của cỏ cây. Trong cái không gian bao la rộng lớn ấy hiện lên một bông hoa màu tím biếc giữa nền xanh của dòng sông. Màu tím của bông hoa vừa khéo trở thành nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động đem lại một vẻ đẹp tự nhiên, hài hòa, một màu sắc đặc trưng của xứ Huế. Cái tím biếc của bông hoa hòa vào bức tranh màu xanh rộng lớn, tươi mát đã xua đi cái đơn điệu của bức tranh nhưng lại nhuốm màu u buồn lên chính mình. Người đọc như nhìn thấy một bông hoa đang lẻ loi trôi nổi giữa dòng nước vô định. Phải chăng dòng sông xanh đó chính là dòng đời, còn hoa lục bình là kiếp người nhỏ bé giữa dòng đời rộng lớn. Đến đây, người đọc chợt nhớ đến hoàn cảnh đặc biệt của nhà thơ khi viết nên thi phẩm này. Dường như trước lúc rời xa cuộc đời về cõi vĩnh hằng

Thanh Hải đang chiêm nghiệm lại về cuộc đời mình. Nhà thơ quan niệm sống là phải đẹp, phải có ích cho cuộc đời như bông hoa tím biếc kia dù đơn độc nhưng vẫn tô điểm, làm sinh động bức tranh thiên nhiên rộng lớn.

Trong không gian đó, nhà thơ hướng tâm mắt lên bầu trời, nghe theo tiếng chim chiền chiện đang say mê ca hát giữa bầu trời xanh:

“Ơi con chim chiền chiện. Hót chi mà vang trời”. Chữ “ơi” đặt trong nhịp 1-4 đã mang đến giọng điệu reo vui cho cả câu thơ. Tác giả như đang đón nhận, đang hưởng thụ vẻ đẹp, sức sống của thiên nhiên. Cảm xúc của nhà thơ như trào dâng trong câu hỏi tu từ: “Hót chi mà vang trời”. Âm thanh vui tươi của tiếng chim như làm sống dậy một tâm hồn đang phải đối mặt với những đau đớn của bệnh tật, u ám của cái chết cận kề. Ý thơ còn giúp chúng ta nhận ra được niềm vui của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân. Nhà thơ và những cảnh sắc, âm thanh kia như đã hòa vào làm một. Cảm xúc từ đó mà òa ra thành lời, thật ngỡ ngàng, thật thích thú.

Chỉ bằng bốn câu thơ với những nét nghệ thuật chấm phá độc đáo Thanh Hải đã vẽ nên những nét tươi đẹp, sinh động của thiên nhiên, của con người khi xuân về. Phải có một tình yêu tha thiết với cuộc sống đến nhường nào thì nhà thơ mới có thể viết lên được những lời thơ tươi tắn và dạt dào đến thế? Khi đặt bài thơ vào hoàn cảnh sáng tác đặc biệt của nó càng hiểu, càng trân trọng thêm những giá trị của “Mùa xuân nho nhỏ”. Như vậy bằng ngôn ngữ mộc mạc, dễ hiểu cùng với những nét chấm phá bức tranh thiên nhiên Thanh Hải đã khiến người đọc như muốn đắm chìm vào không gian mùa xuân. Và với tất cả tình cảm mà ông đã gửi vào bài thơ chắc chắn khúc ca mùa xuân của ông sẽ luôn sống mãi trong lòng độc giả.

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN TÁC PHẨM “TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH” – PHẠM TIẾN DUẬT

### **Đề 1: Phân tích hình tượng người lính trong bài thơ Tiểu Đội Xe Không Kính**

**Dàn ý chi tiết:**

**I. Mở bài:** giới thiệu về bài thơ tiểu đội xe không kính Ví dụ: Phạm Tiến Duật (1941 - 2007) là một gương mặt tiêu biểu cho thế hệ nhà thơ trẻ thời chống Mỹ. Ông có các tác phẩm nổi tiếng như Trường Sơn Đông-Trường Sơn Tây, Lửa đèn, Gửi em cô thanh niên xung phong,... và đặc biệt nhất là bài thơ Tiểu đội xe không kính, nói về một thời kháng chiến oanh liệt của bộ đội ta và thể hiện lòng yêu nước của nhà thơ qua những câu thơ rất hào hùng và dí dỏm.

**II. Thân bài:** Cảm nghĩ về những người chiến sĩ trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính  
1. Tư thế của những người chiến sĩ: “Ung dung buồng lái ta ngồi, Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.”

Tư thế rất ung dung Khi lái xe trên một chiếc xe tàn, mà các chiến sĩ vẫn đứng cả, ung dung và vui tươi Các chiến sĩ nhìn trời, nhìn đất một cách rất bình thản và thản nhiên Thể hiện nên sự ung dung, tập trung lái xe của những chiến sĩ trên đường hành quân.  
2. Tinh thần của các chiến sĩ:

*“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  
Như sa, như ùa vào buồng lái”*

Cho dù những khó khăn như gió cay, bụi phun,.. nhưng các chiến sĩ vẫn tiếp tục lái xe. Thể hiện giọng điệu rất ngang tàn, bất chấp của các chiến sĩ Tinh thần bất chấp khó khăn, nguy hiểm, dù thể nào họ vẫn vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ 3. Tình đồng đội của các chiến sĩ: “Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.”

Các chiến sĩ bắt tay qua cửa kính Những cái bắt tay không chỉ là chào hỏi mà còn thể hiện sự lạc quan và cổ vũ tinh thần nhau Tinh đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn Dù có khó khăn gian khổ họ vẫn vượt qua để đem lại hòa bình, độc lập cho dân tộc.

**III. Kết bài:** nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh người chiến sĩ Ví dụ: Hình ảnh người chiến sĩ đã được thể hiện rất rõ ràng và chân thật. qua các hình ảnh ấy ta thấy được sự khóa khăn và gian khổ của những người lính oai hùng.

### **Bài tham khảo 1:**

“Tôi gắn bó máu thịt với Trường Sơn và có thể nói Trường Sơn đã “đẻ” ra nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trước đây, bây giờ và sau này nếu tôi viết được chút gì neo lại trong lòng bạn đọc chính là nhờ những năm tháng ở Trường Sơn”. Đó là những lời tâm sự chân thành của nhà thơ Phạm Tiến Duật khi ông đang trên giường bệnh chiến đấu với căn bệnh ung thư quái ác. Những năm tháng chiến tranh đã để lại dấu ấn sâu đậm trong trái tim người lính ấy, để rồi ngân thành những cung bậc cảm xúc, những giai điệu hào hùng, trẻ tráng và hồn nhiên. Bài thơ về tiểu đội xe không kính là một trong những khúc ca hay nhất, mang đậm âm hưởng của những ngày tháng gian khổ mà tràn đầy hùng tâm tráng trí của những người lính trên tuyến đường Trường Sơn những năm chống Mỹ.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính đã “ghi lại những nét ngang tàng, dũng cảm và lạc quan của người chiến sĩ lái xe trong binh đoàn vận tải quân sự, qua đó ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời chống Mỹ”. Ấn tượng đầu tiên của người đọc về những người lính lái xe Trường Sơn ấy là tư thế ung dung, hiên ngang :

Ung dung buồng lái ta ngồi, Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng. Ta tưởng như đó là dáng ngồi khoan thai, thong thả của những con người nhàn nhã trong cuộc sống đời thường chứ đâu phải là của người lính trên tuyến đường Trường Sơn mưa bom bão đạn ! Tính từ “ung dung” được đảo lên đầu câu thơ, cũng là từ đầu tiên Phạm Tiến Duật dùng để nói về người lính, như một sự khắc sâu vào tâm trí người đọc tâm thế của những con người anh dũng ấy. Nhưng ấn tượng mạnh mẽ nhất về họ không phải là tư thế ngồi “ung dung” mà chính là cái nhìn – cái nhìn khoáng đạt, dũng mãnh, chứa đựng cả tinh thần sẵn sàng hi sinh và lòng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Nó cho ta thấy một tư thế hùng dũng, hiên ngang. Họ dám nhìn thẳng vào gian khổ, vào hi sinh mất mát, cũng chính là nhìn thẳng vào bản thân ; không hề run sợ, né tránh. Đó là thái độ của những trái tim dũng cảm, những con người chân chính. Hai chữ “ta ngồi” kết hợp với điệp từ “nhìn” được lấy lại ba lần cùng giọng thơ đĩnh đạc đã giúp Phạm Tiến Duật dựng nên thành công tư thế của những người lính lái xe : hiên ngang, kiên định, bất khuất. Nhịp thơ 2/2/2 gọi cho người đọc hình ảnh chiếc xe đang lăn bánh, nhẹ nhàng, thanh thản trước tay lái tự tin của người

lính. Chính tâm thế ấy giúp họ bình tĩnh đối diện với những khó khăn, gian khổ của chiến trường :

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim Thấy sao trời và đột ngột cánh chim Như sa như lìa vào buồng lủi. Đoạn thơ mang đến cho ta cảm giác như một thước phim quay chậm theo ánh nhìn của người chiến sĩ. “Gió”, được nhân hoá qua biện pháp chuyển đổi cảm giác đầy ấn tượng : “xoa mắt đắng”. Hiện thực khó khăn khốc liệt của chiến tranh không làm mất đi nét trẻ trung, lãng mạn trong tâm hồn của người lính. Hình ảnh “Con đường chạy thẳng vào tim” phải chăng là một lời nhắc nhủ của các chiến sĩ : con đường chiến đấu, con đường đến với miền Nam ruột thịt là con đường của trái tim, được sự chỉ dẫn của trái tim. Những từ “nhìn”, “thấy”, “sa”, “lìa” có tác dụng đặc tả tốc độ phi thường của những chiếc xe đang lướt nhanh, băng mình qua mưa bom bão đạn. Trên con đường ấy, đồng hành với gió là bụi:

Không có kính, ù thì có bụi Bụi phun tóc trắng như người già Không cần rửa, phì phèo châm điều thuốc Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha. Gió bụi tượng trưng cho những gian khổ, thử thách mà các chiến sĩ trên tuyến đường Trường Sơn phải trải qua. Tiếng “ù” vang lên như là sự chấp nhận, nhưng là sự chấp nhận một cách chủ động của người chiến sĩ. Độc đáo và dí dỏm biết bao là hình ảnh so sánh : “Bụi phun tóc trắng như người già”. Hiện thực khó khăn, gian khổ đã được những tâm hồn trẻ trung, lạc quan của người lính nhìn nhận một cách hóm hỉnh, bình thản. Đó là cái bình thản của những người coi thường khó khăn, gian khổ. Với họ, những trở ngại trên con đường chiến đấu là không đáng kể. Vì thế mà : “Chưa cần rửa, phì phèo châm điều thuốc – Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”. Phạm Tiến Duật đã đưa vào câu thơ chất hiện thực ngồn ngộn, tựa như một câu chuyện của đời sống, tựa nó đã mang trong mình chất thơ và người nghệ sĩ chỉ làm công việc của người chấp bút. Chính nhà thơ Phạm Tiến Duật đã từng tâm sự : “lúc đó, việc sáng tác thơ không còn theo vần điệu, cú pháp cổ điển nữa mà lấy vần nhịp của cuộc sống thay cho vần nhịp chữ nghĩa”. Nhịp chiến đấu sôi động của những người lính đã phổ nhạc vào câu chữ, làm nên khúc ca hào hùng về chính cuộc sống của họ. Đó là một cuộc đời bi tráng, đậm chất lính.

Không chỉ có gió bụi chiến trường, những người lính còn phải trải qua những cơn mưa rừng dữ dội :

*Không có kính ù thì ướt áo  
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời  
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa  
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.*

Ta nhận ra ở đây sự lặp lại cấu trúc của câu thơ đầu khổ thơ thứ hai. Đó là sự lặp lại có tính chất liệt kê những gian khổ, qua đó thể hiện tinh thần không nao núng trước những khó khăn của người lính. Họ thản nhiên coi việc mưa giội vào xe là điều tất yếu. Tác giả lại sử dụng một loạt những động từ mạnh để chỉ sự dữ dội của mưa “tuôn”, “xối”, càng nhấn mạnh thêm những gian khổ mà người lính phải trải qua. Nhưng họ chấp nhận một cách ngang tàng, lạc quan:



Không cần thay, lái trăm cây số nữa Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi. Đó là thái độ của những người lính mang trong mình tâm thế bất khuất, coi thường gian khổ, hi sinh, luôn sẵn sàng tiến về phía trước để chi viện cho chiến trường miền Nam. Tinh thần ấy được tính bằng con số cụ thể : “trăm cây số“. Cụ thể nhưng lại mang ý nghĩa biểu tượng. Đó là biểu tượng cho quãng đường mưa bom bão đạn, hi sinh, mất mát. Đọc những câu thơ này ta càng thêm thấm thía rằng con đường Trường Sơn huyền thoại đã thấm bao mồ hôi, xương máu của chiến sĩ ta. Thơ Phạm Tiến Duật được dệt nên từ chất liệu của cuộc đời chiến đấu vừa khốc liệt, vừa lãng mạn mà chính ông đã từng trải nghiệm. Vì thế, nó gần gũi lắm, thân thiết lắm. Nó khiến ta có thể cảm nhận được hơi thở của chiến trường, nhịp sống của những người lính. Những con người tràn đầy tinh thần lạc quan ấy đã biến khó khăn thành cơ hội để thể hiện tình đồng đội sâu sắc :

Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi Đây là cái bắt tay thân tình của những con người cùng chung chí hướng, cái bắt tay truyền lửa – ngọn lửa soi sáng những chặng đường khốc liệt được thắp lên từ triệu trái tim chiến sĩ tràn đầy nhiệt tình cách mạng. Những con người vốn “xa lạ”, gặp nhau nơi chiến trường, đồng điệu nhau ở tình yêu Tổ quốc và trở thành đồng đội, “đồng chí“. Họ kề vai, sát cánh bên nhau không chỉ trong những giờ phút khốc liệt băng qua mưa bom bão đạn, đối mặt với kẻ thù, cận kề cái chết mà cả trong những phút giây âm áp, thân tình :

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời  
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy.*

Một định nghĩa về gia đình thật mới mẻ, giản dị và thiết thân biết bao. Những lần nghỉ ngơi vội vã, những bữa cơm đạm bạc chan chứa tình thân đã mang lại không khí gia đình đầm ấm, giúp người lính vui đi nỗi nhớ quê hương, người thân. Nó như một nguồn sức mạnh nâng bước các chiến sĩ :

Võng mắc chông chênh đường xe chạy Lại đi, lại đi trời xanh thêm. Lắng nghe những vần thơ này ta mới càng thấm thía hơn nhận định : Phạm Tiến Duật là nhà thơ của Trường Sơn. Hình ảnh “bếp Hoàng Cầm”, “võng mắc chông chênh” là hiện thực của cuộc sống chiến trường được đưa vào thơ tự nhiên như hơi thở núi rừng. Hồn thơ cứ tự nó được khởi nguồn từ chính những hiện thực bình dị ấy. Nhưng nhịp điệu thơ lại được tạo nên bởi nhịp võng đưa, bởi nhịp bánh xe quay đều. Từ láy “chông chênh” không chỉ mang lại vần điệu cho câu thơ mà còn có ý nghĩa gợi hình sâu sắc. Đó là hình ảnh thực của con đường xe chạy hay là những khó khăn trở ngại, những hiểm nguy mà người lính phải đối mặt trong chiến tranh ? Nhưng khí phách, ý chí chiến đấu của những người lính ấy vẫn luôn vững vàng, kiên định. Ngọn lửa trái tim và tình đồng chí – tình cảm của những con người trong cùng “gia đình” đã nâng những bước chân lạc quan, phơi phới, ngân lên thành câu hát, băng qua “bom giạt bom rung” để “Lại đi, lại đi trời xanh thêm”. Điệp từ “lại đi” lặp lại hai lần vừa thể hiện nhịp sống, chiến đấu của tiểu đội xe không kính vừa khẳng định tinh thần, ý chí cách mạng kiên định vững vàng không sức mạnh bạo tàn nào có thể ngăn nổi của những người lính. Dường như chính những bước chân ấy đã nhuộm lên màu xanh của bầu trời – màu xanh chứa chan hi vọng gọi lên tâm hồn lạc quan, sức trẻ, khát vọng và niềm tin chiến thắng của người lính Trường Sơn. Trong khổ thơ cuối cùng, một lần nữa tác giả lại nhấn mạnh sự khốc liệt của chiến trường đồng thời

khăng định ý chí chiến đấu bất khuất của những người lính. Phạm Tiến Duật tâm sự rằng ông đã “gắn bó với những nẻo đường bom đạn bằng máu”. Những trải nghiệm ấy giúp ông hiểu hơn ai hết sự hi sinh của những người lính, và cũng hơn bất cứ người nào, nhà thơ biết rõ sức mạnh của họ bắt nguồn từ chính nhiệt huyết cách mạng tràn đầy. Nhiệt tâm ấy là ánh sáng dẫn lối chỉ đường cho những chiến sĩ thẳng bước trên đường Trường Sơn trập trùng, gian khó :

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước :  
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Một từ “vẫn” giản dị mà có sức nặng khăng định mạnh mẽ. Nó như lời hứa định ninh của những chiến sĩ lái xe sẵn sàng vượt lên trên mọi gian lao, thử thách, tiến về miền Nam. Họ đạp bằng tất cả, “Chỉ cần trong xe có một trái tim”. Từ “chỉ cần” đảo lên đầu câu vừa nhấn mạnh thái độ hiên ngang, vừa khăng định sức mạnh của “trái tim”. “Trái tim” là hình ảnh hoán dụ chỉ những người chiến sĩ trẻ, tràn đầy lòng yêu nước và ý chí kiên cường. Đó là trái tim sục sôi tình yêu Tổ quốc và lòng căm thù quân xâm lược.

Tác giả mở đầu bài thơ bằng dấu ấn về những cái “không có” : “Không có kính không phải vì xe không có kính”. Nhưng khép lại bài thơ lại là : “Chỉ cần trong xe có một trái tim”. Cái không có là những cơ sở vật chất. Cái có là trái tim, là nhiệt huyết của tuổi thanh xuân dâng hiến cho Tổ quốc. Cái không có đó làm nổi bật cho cái có.

Nhà thơ Vũ Quần Phương từng nhận xét : “Chỗ đặc sắc của thơ Phạm Tiến Duật là lấy cuộc sống để nói tình cảm. Cái sâu sắc của tình cảm trong thơ anh phải tìm trong cuộc sống, không tìm trong chữ nghĩa”. Quả thật, chất thơ trong thơ Phạm Tiến Duật nói chung, trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính nói riêng toát lên từ thực tế cuộc chiến đấu, từ niềm vui sống của thời đại, từ sức trẻ, từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam mà nhà thơ đã trải nghiệm. Những vần thơ ấy một thời đã là nguồn sống tiếp sức cho những người lính trên khắp các mặt trận. Cho đến nay, nó vẫn chứng tỏ sức sống của mình.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước anh dũng của dân tộc, biết bao chiến sĩ đã hoà thân thể cùng núi rừng xanh thẳm. Phạm Tiến Duật sáng tác thơ như một sự hồi thúc của con tim, như một nén tâm nhang gửi tới những đồng đội thân yêu. Khi thơ là tiếng nói và điệu hồn dân tộc thì nó sẽ tìm được bến neo đậu vĩnh hằng trong lòng độc giả. Thơ Phạm Tiến Duật chính là những vần thơ như thế. Tiếng nói của một thế hệ thanh niên thời chống Mỹ đã được nhà thơ tài hoa phổ thành thơ, trở thành khúc tráng ca về những con người giản dị mà kiêu hùng, bất khuất. Hình ảnh những người lính của “tiểu đội xe không kính” ấy sẽ còn sáng mãi trong tâm trí nhiều thế hệ bạn đọc.

## **ĐỀ 2: Phân tích hình tượng chiếc xe không kính**

### **I. Dàn ý chi tiết: 1. Mở bài**

Giới thiệu tác giả, tác phẩm và những chiếc xe không kính: Trong các tác phẩm về người lính của Phạm Tiến Duật không thể không nhắc tới tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội

xe không kính”. Bài thơ không chỉ khắc họa vẻ đẹp người lính lái xe hiên ngang mạnh mẽ mà còn thể hiện sự tàn khốc của chiến tranh qua hình ảnh những chiếc xe không kính

## 2. Thân bài

- Giải thích nhan đề bài thơ: tác giả thêm vào hai chữ “bài thơ” nhằm muốn khẳng định và nhấn mạnh chất thơ có trong bài thơ, thể hiện được tâm hồn và cái nhìn lãng mạn của tác giả trước hiện thực chiến tranh khốc liệt, gian khổ.

- Giải thích nguyên nhân xe không có kính: Điệp từ “không” nhấn mạnh tư thế chủ động của người lính, biến cái không bình thường thành bình thường và thú vị hơn

- Những chiếc xe không kính nhiều tới mức lập nên những tiểu đội: Đồng thời nhấn mạnh sức tàn phá dữ dội của bom mìn trong chiến tranh. Nhiều những xe bị tàn phá tới nỗi tạo nên những tiểu đội xe không kính Hiện thực trần trụi, méo mó và thiếu thốn của chiếc xe không kính: Điệp từ “không có” rồi liệt kê các bộ phận của xe đã dựng lên hình ảnh chiếc xe bị tàn phá nghiêm trọng trong chiến tranh Lí tưởng và linh hồn của những chiếc xe không kính: Dù cho bom đạn có phá hủy chiếc xe tới mức nào nhưng chỉ cần trái tim của người lính lái xe vẫn tồn tại sẽ thay thế cho tất cả các bộ phận đã mất đi của xe

## 3. Kết bài

Ý nghĩa những chiếc xe không kính: Tác giả Phạm Tiến Duật đã đưa những chiếc xe không kính vào trong thơ, trở thành biểu tượng độc đáo cho thời kì chống Mỹ của nước ta. Những chiếc xe vừa phơi bày hiện thực chiến tranh khốc liệt và dữ dội, vừa tô đậm vẻ đẹp của những người lính lái xe hiên ngang, bất khuất và lạc quan.

### Bài tham khảo 1:

Tác giả Phạm Tiến Duật là một người lính, nhà văn tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống đế quốc Mỹ xâm lược. Vừa cầm súng, vừa cầm bút dùng tiếng thơ của mình để góp phần vào công cuộc bảo vệ nền hòa bình độc lập dân tộc. Trong các tác phẩm về người lính của Phạm Tiến Duật không thể không nhắc tới tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Bài thơ không chỉ khắc họa vẻ đẹp người lính lái xe hiên ngang mạnh mẽ mà còn thể hiện sự tàn khốc của chiến tranh qua hình ảnh những chiếc xe không kính.

Những chiếc xe không kính của Phạm Tiến Duật là hình ảnh có thật, và thật đến trần trụi, chỉ có ở trên tuyến đường Trường Sơn những năm tháng đất nước kháng chiến chống Mỹ. Cách đặt nhan đề bài thơ đã gây ấn tượng đầu tiên đối với người đọc. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, nhan đề khá dài và tác giả thêm vào hai chữ “bài thơ” nhằm muốn khẳng định và nhấn mạnh chất thơ có trong bài thơ, thể hiện được tâm hồn và cái nhìn lãng mạn của tác giả trước hiện thực chiến tranh khốc liệt, gian khổ.

Bên cạnh đó nói đến cả “tiểu đội xe không kính” là tác giả muốn nhắc tới số lượng những chiếc xe bị tàn phá ấy có rất nhiều, rất đông. Qua các đặt nhan đề đã gợi tả được sự tàn khốc của chiến tranh, tinh thần hiên ngang bất khuất và lạc quan của người lính lái xe. Những chiếc xe không kính vẫn băng băng ra chiến trường, mà nguyên nhân xe không có kính đó là: “Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi”

Đây là những chiếc xe đã đi qua thử thách của bom đạn trong sự khốc liệt của chiến trường. Điệp từ “không” nhấn mạnh tư thế chủ động của người lính, biến cái không

bình thường thành bình thường và thú vị hơn. Đồng thời nhấn mạnh sức tàn phá dữ dội của bom mìn trong chiến tranh. Nhiều những xe bị tàn phá tới nỗi tạo nên những tiểu đội xe không kính: “Những chiếc xe từ trong bom rơi Đã về đây họp thành tiểu đội”

Tác giả đã bóc trần trụi sự thật về chiếc xe không kính bị biến dạng và thiếu thốn đủ thứ:

“Không có kính, rồi xe không có đèn  
Không có mui xe, thùng xe có xước”

Điệp từ “không có” rồi liệt kê các bộ phận của xe đã dựng lên hình ảnh chiếc xe bị tàn phá nghiêm trọng trong chiến tranh. Tuy nhiên tác giả đã khẳng định rằng linh hồn của chiếc xe không nằm ở chi tiết máy móc, phụ kiện mà là ở tấm lòng người chiến sĩ: “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim”

Dù cho bom đạn có phá hủy chiếc xe tới mức nào nhưng chỉ cần trái tim của người lính lái xe vẫn tồn tại sẽ thay thế cho tất cả các bộ phận đã mất đi của xe. Tất cả hướng về mục tiêu của Tổ quốc, vì miền Nam ruột thịt.

Tác giả Phạm Tiến Duật đã đưa những chiếc xe không kính vào trong thơ, trở thành biểu tượng độc đáo cho thời kì chống Mỹ của nước ta. Những chiếc xe vừa phơi bày hiện thực chiến tranh khốc liệt và dữ dội, vừa tô đậm vẻ đẹp của những người lính lái xe hiên ngang, bất khuất và lạc quan.

### **Đề 3: phân tích 4 khổ thơ đầu trong bài thơ Tiểu đội xe không kính**

#### **Bài tham khảo 1:**

Từ nơi em gửi đến nơi anh Những đoàn quân trùng trùng ra trận Như tình yêu nói lời vờ tận Đông Trường Sơn, nói tây Trường Sơn... "Những đoàn quân trùng trùng ra trận" được nhà thơ Phạm Tiến Duật nói đến trong bài thơ Trường Sơn đông, Trường Sơn tây và hàng ngàn, hàng vạn thanh niên, thanh nữ Việt Nam ào ào ra trận với khí thế "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" thời chống Mỹ, trong đó có những tiểu đội xe không kính trên con đường mòn Hồ Chí Minh.

"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" được Phạm Tiến Duật viết năm 1969, hơn 40 năm sau người đọc vẫn cảm thấy hùng hực không khí chiến trường và khí thế ra trận của những chiến sĩ trong binh đoàn vận tải quân sự. Đây là bốn khổ thơ đầu. Giọng thơ mạnh mẽ hùng hồn vang lên như một tráng ca anh hùng.

"Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi"

Hai câu đầu như một lời hỏi - đáp rất hồn nhiên của người lính. Chiếc xe vận tải vốn có kính nhưng trong bom đạn "kính vỡ đi rồi". Các điệp ngữ: "không có.. không phải... không có", "bom giạt, bom rung" đã làm cho âm điệu thơ hùng tráng gợi tả không khí ác liệt chiến trường. Văn thơ đã làm hiện lên những chiếc xe vận tải quân sự mang đầy thương tích chiến tranh, và hình ảnh người chiến sĩ can trường, dày dạn kinh nghiệm trong khói lửa.

Một tư thế chiến đấu rất đẹp: "Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng" Cái ngồi "ung dung" đàng hoàng làm chủ tình thế. Một cái nhìn khoáng đạt bao la giữa chiến trường: "Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng". Nhịp thơ 2/2/2 với điệp từ "nhìn" đã

thể hiện tuyệt đẹp một tư thế chiến đấu rất đĩnh đạc hào hùng của người lính trẻ trong mưa bom bão đạn của giặc Mỹ.

Khổ thơ thứ hai mở ra một không gian rộng lớn, những cung đường chiến lược phía trước. "Nhìn thấy gió...", "nhìn thấy con đường...", rồi "nhìn thấy sao trời..." các điệp ngữ ấy có giá trị gợi tả tiểu đội xe không kính, nối đuôi nhau hành quân ra chiến trường. Xe không kính, xe phóng băng băng, nên "gió vào xoa mắt đắng". Chữ "đắng" chuyển đổi cảm giác, một cách viết tài hoa. Sao trời và cánh chim mà người chiến sĩ "thấy" tưởng "như sa vào buồng lái" đã diễn tả thật hay tốc độ phi thường của tiểu đội xe không kính ra trận trong mọi thời gian đêm ngày, trên mọi địa hình gian khổ:

"Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  
Như sa như ùa vào buồng lái"  
Sau gió "xoa mắt đắng" là bụi. Bốn chữ "ừ thì có bụi" như một tiếng "mặc kệ" cất lên, biểu thị một thái độ sẵn sàng chấp nhận. Bụi làm cho những mái tóc xanh trở thành "tóc trắng như người già". "Mặt lấm" cũng chẳng cần gội rửa. Cách hút thuốc "phì phèo", tiếng "cười ha ha" là những chi tiết nghệ thuật hóm hỉnh thể hiện tinh thần lạc quan, hồn nhiên, yêu đời của tiểu đội xe không kính:

"Không có kính, ừ thì có bụi,  
Bụi phun tóc trắng như người già,  
Chưa cần rửa phì phèo  
châm điếu thuốc Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha."  
Tiểu đội xe không kính đã xông pha trong cảnh "bom giạt bom rung", đã ném trái nhiều gió bụi, vô cùng gian khổ, các anh còn hành quân trong mưa. Hai câu thơ nối tiếp xuất hiện như tiếng nói của người lính coi thường mọi thử thách: - Không có kính, ừ thì có bụi, - Không có kính, ừ thì ướt áo.

Mưa rừng dữ dội, vả lại xe không kính, gian khổ không thể nào kể xiết: "Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời". Trong gian khổ các anh vẫn hiên ngang xông tới chi viện cho chiến trường miền Nam phía trước: "Không có kính, ừ thì ướt áo, Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi."

Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. Con người và thời đại được nói đến trong đoạn thơ trên là những chiến sĩ lái xe can trường và dũng cảm, lạc quan và yêu đời, trẻ trung và hồn nhiên trong gian khổ và nguy hiểm trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mỹ. Tiểu đội xe không kính tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng của tuổi trẻ Việt Nam trong chống Mỹ cứu nước.

Đoạn thơ trên đây hội tụ bao vẻ đẹp nghệ thuật. Câu thơ mang màu sắc văn xuôi thể hiện "chất lính" thời máu lửa. Các điệp từ, điệp ngữ, các hình ảnh về chiếc xe không kính, về tư thế lái xe, về cái nhìn, mái tóc, nụ cười,... đã diễn tả thật đẹp chí khí anh hùng của tiểu đội xe không kính, đồng thời làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, hào hùng mang âm điệu anh hùng ca.

Bom, gió, bụi, mưa được nhà thơ nói đến đã diễn tả đầy ấn tượng về sự gian khổ, ác liệt của chiến trường. Trên cái nền ấy, hình tượng tiểu đội xe không kính sừng sững hiện lên trong tầm vóc những anh hùng cho ta nhiều ngưỡng mộ.

**ĐỀ 3: phân tích 4 khổ thơ cuối trong bài thơ tiểu đội xe không kính Bài tham khảo 1:**



Từ mái trường Đại học Hà Nội, Phạm Tiến Duật bước vào đời lính chiến đấu và hoạt động trên con đường chiến lược Trường Sơn những năm tháng đánh Mỹ ác liệt nhất. Lửa khói chiến trường, chủ nghĩa anh hùng Việt Nam, những cô gái thanh niên xung phong, những chiến sĩ lái xe dũng cảm... in dấu chói lọi, kỳ vĩ như những tượng đài trong thơ Phạm Tiến Duật.

"Bài thơ tiểu đội xe không kính" tiêu biểu cho hồn thơ Phạm Tiến Duật trong "Vàng trắng - Quảng lửa" những bài ca chiến trận thấm đẫm màu sắc lãng mạn. Đây là đoạn cuối bài thơ ghi lại cảnh trú quân dã chiến của tiểu đội xe không kính, ca ngợi tinh đồng đội và lý tưởng chiến đấu cao cả của những chiến sĩ lái xe trên con đường mòn Hồ Chí Minh: "Những chiếc xe từ trong bom rơi

.... Chỉ cần trong xe có một trái tim"

Sau những tháng ngày chiến dịch chở vũ khí lương thực... chi viện cho tiền phương, vượt qua hàng nghìn hàng vạn cây số trong mưa bom bão đạn, tiểu đội xe không kính "đã về đây"... Một cái bắt tay thăm tình bè bạn, tình đồng chí: "Những chiếc xe từ trong bom rơi Đã về đây họp thành tiểu đội Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi"

Cũng là cái nắm tay, cái bắt tay của người lính, nhưng mỗi thời một khác. Anh Vệ Quốc quân trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp: "Miệng cười buốt giá Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" ("Đồng chí" – Chính Hữu, 1948) Anh Giải phóng quân trên đường chiến dịch, gặp bè bạn đồng đội "bắt tay qua cửa kính vỡ rồi". Tình thương yêu đồng chí đồng đội là bản chất, là sức mạnh của người lính không hề thay đổi. Từ cái "nắm lấy bàn tay" đến cái "bắt tay qua cửa kính vỡ rồi" là một quá trình trưởng thành và hiện đại của quân đội ta trong chiến tranh giải phóng dân tộc và đất nước.

Cuộc trú quân dã chiến của tiểu đội xe không kính ngăn ngui mà thấm tình đồng chí, tình đồng đội. Chỉ bằng ba chi tiết nhưng rất điển hình: "bếp Hoàng Cầm", "chung bát đũa", "võng mắc chông chênh". Đời lính vốn giản dị, bình dị mà lại rất sang trọng. Giữa chiến trường đầy bom đạn mà họ vẫn đàng hoàng "Bếp Hoàng Cầm ta dùm giữa trời". Giữa trời là giữa thánh thiên bạch nhật. Bữa cơm dã chiến chỉ có một bát canh rau rừng, có lương khô... thế mà rất đậm đà: "Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy". Một chữ "chung" rất hay gợi tả gia tài người lính, tấm lòng, tình cảm của người lính. Tiểu đội xe không kính đã trở thành một tiểu gia đình chan chứa tình thương.

"Thơ là nữ hoàng nghệ thuật", có người đã nói như vậy. Nếu thiế, thì ngôn từ là chiếc áo của nữ hoàng. Hai chữ "nghĩa là" chỉ dùng để "đưa đẩy" nhưng dưới ngòi bút của những tài thơ đích thực thì nó trở nên óng ánh, duyên dáng, đậm đà. Với Xuân Diệu, mùa xuân, tuổi trẻ thật đẹp, thật đáng yêu, một đi không trở lại: "Xuân đang tới nghĩa là xuân đương qua Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già Mà xuân hết nghĩa là tôi cũng mất..."

("Vội vàng" - 1938) Với Tố Hữu, người thanh niên cộng sản quyết chiến đấu và hy sinh vì một lý tưởng cách mạng cao đẹp thì hận, nhục, tranh đấu là lẽ sống thiêng liêng: "Tôi chưa chết nghĩa là chưa hết hận Nghĩa là chưa hết nhục của muôn đời Nghĩa là còn tranh đấu mãi không thôi Còn trừ diệt cả một hài thú độc!"

("Tâm tư trong tù" - 1939) Và Phạm Tiến Duật, 1969, tình đồng đội cũng là tình anh em ruột thịt, vô cùng thân thiết: "Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy"

Có yêu thơ mới tìm đến thơ. Tìm đến thơ, một phần là tìm đến ngôn từ chữ nghĩa. Thơ đâu là chuyện "nhai câu nhá chữ" (chữ dùng của Cao Bá Quát). Thi sĩ có thực tài mới có thể thổi hồn vào ngôn từ. Chỉ qua hai chữ "nghĩa là" ta đã thấy nhà thơ trẻ rất xứng đáng với các thi sĩ đàn anh. Cảnh đoàn viên tri kỷ: "võng mắc chông chênh đường xe chạy". Sau một bữa cơm thân mật, một vài câu chuyện thân tình lúc nằm võng, những người lính trẻ lại lên đường. Tiền phương vẫn gọi: "Lại đi, lại đi trời xanh thêm"

Điệp ngữ "lại đi" diễn tả nhịp bước hành quân, những cung đường, những chặng đường tiến quân lên phía trước của tiểu đội xe không kính. Hình ảnh "trời xanh thêm" là một nét vẽ rất tài hoa mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc: lạc quan, yêu đời, chứa chan hy vọng.

Là hy vọng, là chiến công đang đón chờ. Đây là một đoạn thơ thể hiện sinh hoạt vật chất và tinh thần người lính thời đánh Mỹ, rất độc đáo mà ta ít gặp trong thơ thời ấy: "Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời Chung bát đũa nghĩa là gia đình đây Võng mắc chông chênh đường xe chạy Lại đi, lại đi trời xanh thêm"

Khổ cuối bài thơ nói lên suy nghĩ của tác giả về tiểu đội xe không kính. Chiếc xe đầy thương tích, chiến tích. Không kính, không đèn, không mui xe, thùng xe bị xước. Chiếc xe vận tải quân sự mang tâm vóc những anh hùng lẫm liệt vô danh. "Không" mà lại "có", có "một trái tim" của người lính. Trái tim rực lửa, sẵn sàng hy sinh chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc: "Không có kính, rồi xe không có đèn, Không có mui xe, thùng xe có xước Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim"

Các điệp ngữ "không có", các từ ngữ tương ứng: "vẫn ... chỉ cần có ..." đã làm cho giọng thơ, ý thơ trở nên mạnh mẽ, hào hùng. Quyết tâm chiến đấu và chí khí anh hùng của người lính không có bom đạn nào của quân thù có thể làm lay chuyển được. "Trái tim" trong thơ Phạm Tiến Duật là một hình ảnh hoán dụ, tuy không mới mẻ nhưng đây ý vị.

Đoạn thơ trên đây thể hiện rất thực, rất hay cách sống, cách nghĩ, cách cảm của những người chiến sĩ lái xe trên con đường mòn Hồ Chí Minh thời đánh Mỹ. Tình đồng đội, tinh thần chiến đấu dũng cảm ngoan cường vì sự nghiệp giải phóng miền Nam của người lính tỏa sáng vần thơ. Ngôn từ, hình ảnh, vần thơ, giọng thơ... đều mang chất lính thể hiện một hồn thơ trẻ trung phơi phới, tài hoa, anh hùng. Đoạn thơ trên đây là một tiếng ca của khúc tráng ca "Bài thơ về tiểu đội xe không kính".

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ”- HUY CẬN

### **Đề 1: phân tích vẻ đẹp người lao động trong Đoàn thuyền đánh cá** **DÀN Ý CHI TIẾT**

#### **I. Mở bài**

- Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. - Bài thơ đã khắc họa được vẻ đẹp và sức mạnh của người lao động trước thiên nhiên - vũ trụ kỳ vĩ.

#### **II. Thân bài**

- Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ: Đẹp, rộng lớn, lồng lẫ - Cảm hứng vũ trụ đã mang đến cho bài thơ những hình ảnh thiên nhiên hoành tráng - Cảnh hoàng hôn trên biển và cảnh bình minh được đặt ở vị trí mở đầu, kết thúc bài thơ vẽ ra không gian rộng lớn mà thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ. - Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi: Không phải là con thuyền mà là đoàn thuyền tấp nập. - Con thuyền không nhỏ bé mà kì vĩ, hoà nhập với thiên nhiên, vũ trụ. - Vẻ đẹp rực rỡ của các loại cá, sự giàu có của biển cả. Trí tưởng tượng của nhà thơ đã chấp cánh cho hiện thực, làm giàu thêm, đẹp thêm vẻ đẹp của biển khơi. - Người lao động giữa thiên nhiên cao đẹp - Con người không nhỏ bé trước thiên nhiên mà ngược lại, đầy sức mạnh và hoà hợp với thiên nhiên. - Con người ra khơi với niềm vui trong câu hát. - Con người ra khơi với ước mơ trong công việc. - Con người cảm nhận được vẻ đẹp của biển, biết ơn biển - Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niềm vui, phấn khởi trước thắng lợi.

### III. Kết bài

- Hình ảnh người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn cho thấy niềm vui phơi phới của họ trong cuộc sống mới.  
- Thiên nhiên và con người phóng khoáng, lớn lao. Tình yêu cuộc sống mới của nhà thơ được gửi gắm trong những hình ảnh thơ lãng mạn đó.

#### Bài tham khảo 1:

Nói về Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận người ta không chỉ ấn tượng ở thiên nhiên giàu có, trù phú mà hơn hết là ở những con người lao động cần cù, chăm chỉ. Họ là hình ảnh tiêu biểu cho con người mới, cuộc sống mới đang trên hành trình lao động hăng say để xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. Bằng bút pháp lãng mạn Huy Cận đã tái hiện một cách chân thực và đẹp đẽ nhất những người ngư dân trong lần ra khơi đánh cá.

Bài thơ ra đời sau một chuyến đi thực tế của Huy Cận ở Quảng Ninh. Chính khung cảnh lao động hăng say của những người dân nơi đây đã khơi nguồn cảm xúc trong ông sáng tác nên bài thơ này. Hình ảnh những ngư dân hiện lên với những phẩm chất đáng quý đẹp đẽ, họ không chỉ có thân hình vạm vỡ, khỏe mạnh mà còn có lòng yêu lao động, tinh thần làm việc hăng say tha thiết.

- Trước hết họ là những con người yêu và hăng say lao động. Khi màn đêm vừa buông xuống, sóng đã cài then đêm sập cửa cũng chính là lúc những người ngư dân bắt đầu công việc của mình: "Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi Câu hát căng buồm cùng gió khơi"  
- Nếu như vũ trụ đã nghỉ ngơi thì cũng là lúc đoàn thuyền lại ra khơi. Cách dùng từ của ông thật tinh tế, đối ứng với câu trên thiên nhiên nghỉ ngơi, câu dưới lại là bắt đầu quá trình làm việc của con người. Chữ lại này còn cho người đọc thêm một thông tin khác, ấy là quá trình làm việc này diễn ra đều đặn, tuần hoàn, không ngưng nghỉ. Kết hợp với câu hát ở câu thơ sau cho thấy niềm hăng say, niềm vui và hứng khởi lao động của những con người nơi đây.

Họ còn là những con người chủ động trong công cuộc chinh phục thiên nhiên. Hành trình đánh cá trên biển chắc hẳn sẽ gặp không ít nhưng khó khăn, vất vả, nhưng những ngư dân vẫn hiên ngang, chủ động trong quá trình làm việc của mình: Thuyền ta lái gió với buồm trăng/ Lướt giữa mây cao với biển bằng/ Ra đậu dặm xa dò bụng biển/ Dàn đan

thế trận lưới vây giăng. Thuyền ta hay cũng chính những người dân đánh cá lái, lưới giữa không gian thiên nhiên bao la, rộng lớn. Họ chủ động tiến tới, chủ động chinh phục thiên nhiên. Hệ thống hình ảnh lái gió, buồm trắng, mây cao, biển bằng cho thấy con người mang trong mình sinh lực lớn lao, mạnh mẽ để chinh phục biển cả, thu về những mẻ cá bội thu. Sự chủ động đó còn được khắc họa rõ hơn trong hai câu thơ sau, những ngư dân ra những vùng biển xa, vùng biển sâu để dò tìm những mẻ cá lớn và giăng lưới để bắt chúng. Tất cả những cử chỉ, hành động đó cho thấy tầm vóc lớn lao và tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ vũ trụ của con người.

Không chỉ vậy, họ còn là những ngư dân tài ba khỏe khoắn. Với tài năng của mình, cộng với kinh nghiệm dày dặn nhiều năm bôn ba trên biển họ thu về những mẻ cá lớn, động tác: Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng/ Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng, không chỉ cho thấy khí thế lao động gấp gáp, khẩn trương, mà còn cho thấy sức khỏe phi thường của họ. Từ xoăn tay vừa cho thấy sức vóc vạm vỡ của con người vừa cho thấy sức nặng của mẻ cá lớn. Kết hợp với hình ảnh thơ Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông càng làm rõ hơn nữa về thành quả lao động. Câu thơ đó khiến ta nhớ về cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong bài Quê hương của Tế Hanh: Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe. Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Bà mẹ thiên nhiên đã ban tặng cho con người những gì đẹp đẽ, quý giá nhất, bởi vậy đáp lại tấm lòng ấy, người dân không quên công ơn, thể hiện niềm biết ơn sâu sắc qua câu thơ: Biển cho ta cá như lòng mẹ/ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào. Biển cả là nguồn sữa mẹ, là nguồn tài nguyên khổng lồ nuôi sống con người. Tác giả ví biển như lòng mẹ còn cho thấy biển gần gũi, ấm áp yêu thương con người như những người mẹ thương những đứa con của mình. Đằng sau câu thơ thể hiện niềm biết ơn sâu sắc của người dân chài lưới với bà mẹ biển cả ân tình.

Những câu hát xuất hiện từ đầu đến cuối bài thơ, cho thấy những người dân lao động là mang tâm hồn vui tươi, yêu đời, lạc quan, họ luôn mang trong mình niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng. Nhưng mỗi câu hát lại mang một ý nghĩa riêng: Lần thứ nhất, thứ hai và thứ ba tiếng hát thể hiện niềm vui phơi phới, niềm say mê, hứng khởi của những người lao động. Lần thứ tư là khúc khải hoàn ca, khúc ca chiến thắng, sau một đêm đánh bắt bội thu. Khúc ca lặp đi lặp lại khiến cả tác phẩm trở thành một bài ca lao động vui tươi, lạc quan, hào hứng trong công cuộc lao động xây dựng cuộc sống mới.

Đoàn thuyền đánh cá là một bài ca hào hùng, tràn ngập niềm vui về cuộc sống và lao động của những ngư dân trên biển. Tác phẩm ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của con người nơi đây, vẻ đẹp của sự cần cù, chăm chỉ, gan góc, không quản ngày đêm làm giàu cho quê hương đất nước. Bằng bút pháp lãng mạn, giọng điệu thơ vui tươi đã đậm tô thêm vẻ đẹp phẩm chất của con người nơi đây.

### **Bài tham khảo 2:**

Nếu trước cách mạng tháng 8, Huy Cận mang một hồn thơ của cái tôi ảo não sầu bi “một mạch sầu ngàn năm ngấm ngấm trong cội đất này” (Hoài Thanh) thì sau cách mạng tháng 8, Huy Cận hướng ngòi bút đến sự hòa hợp riêng - chung, biểu hiện niềm vui và sự hòa nhập với cuộc đời mới. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" được sáng tác vào năm 1958,

trong hoàn cảnh miền Bắc nước ta đã được giải phóng và đang từng bước xây dựng Chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới trong không khí hào hứng, phấn khởi. Bên cạnh bức tranh thiên nhiên vùng biển đẹp, trù phú, thơ mộng thì bài thơ còn khắc họa thành công hình ảnh người ngư dân lao động đánh bắt cá chứa chan sức sống, khỏe khoắn, tươi vui tràn đầy tinh thần hăng say trong công việc.

Thi phẩm là một sự sáng tạo nghệ thuật độc đáo của nhà thơ trong việc xây dựng hình ảnh bằng sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú, hấp dẫn. Âm hưởng chung của toàn bài: khỏe khoắn, tươi vui, hào hùng, lạc quan mạnh mẽ.

Trước hết mở đầu bài thơ là những con người hăng say, miệt mài lao động không quản ngày đêm làm giàu cho quê hương, đất nước:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then đêm sập cửa  
Đoàn thuyền đánh cá lại  
ra khơi  
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.  
Cứ mỗi khi ánh mặt trời ở phía đằng Đông  
ngả về phía Tây,  
cánh cửa màn đêm của vũ trụ như khép lại  
sau một chu trình hoạt động thì những người ngư dân lại bắt đầu dong thuyền ra khơi đánh cá. Từng đoàn, từng đoàn thuyền lần lượt nhổ neo tiến về biển lớn đại dương. Phụ từ “lại” như vừa diễn tả sự đối lập giữa hoạt động của vũ trụ với hoạt động của đoàn thuyền; đồng thời cũng gọi lên tư thế chủ động, hết sức khẩn trương, mau lẹ, tích cực trong công việc mà hằng ngày cứ diễn ra lặp đi lặp lại của người dân chài lưới: "lại ra khơi". Tuy nhiên, khí thế ra khơi của họ vẫn hăm hở, náo nức, rộn rã tiếng nói, tiếng hát vui cười. “Câu hát căng buồm” là một ẩn dụ đẹp, biểu trưng cho tâm hồn lạc quan, niềm vui và sức mạnh của con người lao động. Và họ hiện lên như những vị chủ nhân mới của biển cả đại dương. Chính tiếng hát đã hòa cùng với gió trời thổi phồng cánh buồm, đẩy con thuyền tiến ra ra khơi xa. Câu thơ gắn kết ba sự vật và hiện tượng: cánh buồm, gió khơi, và câu hát, tạo nên hình ảnh vừa thực, vừa lãng mạn, khỏe và lạ. Tâm tư của người đánh cá gửi gắm trong tiếng hát: phấn khởi, say mê với công việc và niềm hi vọng tin tưởng sẽ bắt được nhiều cá tôm, đem về làm giàu cho tổ quốc.

Hát rằng cá bạc biển Đông lặng  
Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
Đêm ngày dật biển  
muôn luồng sáng  
Đến dật lưới ta đoàn cá ơi!  
Với hình thức liệt kê hình ảnh các loài cá: cá bạc, cá thu, Huy Cận đã cho người đọc thấy sự giàu có của biển Đông. Biển Đông có rất nhiều cá và đang chờ mọi người tới khai thác. Cá được nhà thơ so sánh “như đoàn thoi”. Đoàn thoi hoạt động rất nhanh và nhiều trên bến phà. Và cá ở biển Đông cũng nhiều và bơi rất nhanh như thoi đưa vậy. Câu thơ cất cao lên tiếng hát, tràn ngập niềm say mê, phấn khởi trước sự ưu ái của thiên nhiên ban tặng cho người dân vùng chài. Vì thế, hai câu thơ cuối, Huy Cận như nhập thân vào người lao động, thể hiện niềm mong mỏi của người ngư dân có thể bắt được nhiều cá tôm. Họ hi vọng, những đàn cá "đêm ngày dật biển" ấy sẽ vào “dật lưới” của đoàn thuyền. Văn "ơi" kết hợp với dấu chấm cảm ở câu thơ cuối khiến cho hình ảnh của những đàn cá hiện lên thật sinh động, thật gần gũi, thân thiết với con người.

Trong bài thơ, có bảy khổ thơ thì tới có bốn khổ thơ xuất hiện từ "hát" (4 lần) nhưng lại có sắc thái ý nghĩa khác nhau: khi bắt đầu ra khơi thì họ cất cao tiếng hát để đẩy thuyền ra khơi "Câu hát căng buồm cùng gió khơi"; khi đưa được chiếc thuyền tiến ra giữa biển, chứng kiến sự giàu



đẹp của biển Đông thì họ lại hát lên bài ngợi ca biển cả "Hát rằng cá bạc biển Đông lặng/ Cá thu biển Đông như đoàn thoi"; khi tung chài bắt cá thì họ lại cất lên tiếng hát gọi cá vào lưới "Ta hát bài ca gọi cá vào"; và đến khi trở về, tiếng hát của họ lại hòa cùng với gió trời, thổi căng cánh buồm đẩy thuyền về đất liền: "Câu hát căng buồm với gió khơi". Như vậy, xuyên suốt bài thơ, tiếng hát của người lao động cứ réo rắt, ngân nga, vang vọng giữa biển trời thật vui tươi, sống động. Điều đó không chỉ cho thấy tinh thần lao động đầy hăng say, hào hứng mà còn mở ra một tâm hồn đầy lạc quan, đầy tin tưởng, hi vọng vào cuộc sống mới của người ngư dân miền biển.

Với tài năng quan sát miêu tả tinh tế, hòa cùng với cảm hứng vũ trụ thật mãnh liệt, Huy Cận đã phóng bút tái hiện vẻ đẹp của cảnh đánh cá trên biển trong đêm trăng với niềm vui phấn khởi của con người lao động thật hào hùng, mạnh mẽ và đầy chất thơ, chất họa: Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng Ra đậu dặm xa dò bụng biển Dàn đan thế trận lưới vây giăng Dưới sự hình dung và tưởng tượng bay bổng, hình ảnh con thuyền đánh cá hiện lên thật đẹp, thật độc đáo, mang tầm vóc vũ trụ: người lái thì là gió trời; cánh buồm thì là vàng trăng và con thuyền đang bay giữa không trung (lướt giữa mây cao), như có thể chạm vào mây trời. Nó khác hẳn với con thuyền cô đơn, nhỏ bé, lạc lõng giữa không cùng trời đất mệnh mang trong bài thơ "Tràng Giang" trước cách mạng:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp Con thuyền xuôi mái nước song song Thuyền về nước lại sầm uất ngàn Cúi một cành khô lạc mấy dòng. Còn ở đây, con thuyền không hề nhỏ bé, đơn độc mà lại rất lớn lao, như vươn tới sao trời trước biển rộng bao la. Bức tranh không gian của biển cả được mở rộng ra ba chiều: chiều cao của mây, chiều sâu của bụng biển và chiều rộng của biển khơi có tác dụng tôn thêm tầm vóc lớn lao của con thuyền và con người lao động. Các động từ được sử dụng dày đặc: "lái – lướt- đậu – dò – dàn đan – vây giăng" có tác dụng diễn tả hành động đánh cá rất nhanh, rất khẩn trương của những đoàn thuyền đánh cá trên biển. Hình ảnh: "dàn đan thế trận" là một hình ảnh ẩn dụ cho hành động đánh cá của ngư dân. Đánh cá nhưng cũng cần phải bày binh bố trận, có chiến thuật, chiến lược thì mới có thể bắt được nhiều tôm cá. Chính vì thế, họ đã đưa con thuyền tiến ra tận khơi xa, dò bụng biển để tìm được nguồn cá lớn. Và nhưng con thuyền hiện lên như là những con tuấn mã, băng băng lướt qua sóng dào, chinh phục tự nhiên. Và ngư dân thì làm việc với tinh thần dũng cảm, hăng say và trí tuệ nghề nghiệp với một tâm hồn phơi phới của người làm chủ thiên nhiên, vũ trụ. Đặc biệt, hình ảnh người lao động hiện lên thật sống động, trở thành trung tâm của bức tranh thiên nhiên với những nét phác họa tạo hình đầy góc cạnh, gân guốc, khỏe khoắn trong cảnh kéo lưới khi trời bắt đầu sáng:

Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng, Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng. Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng. "Sao mờ" là khoảng thời gian chuẩn bị trời đã bắt đầu rạng sáng, đó cũng chính lúc công việc của người ngư dân càng trở nên khẩn trương, mau lẹ để kéo lưới cho kịp trời sáng. Cảnh lao động hiện lên như một bức tranh sống động, với những nét tạo hình đầy khỏe khoắn, gân guốc với hình ảnh trung tâm là con người lao động. Cụm từ "kéo xoăn tay" không chỉ cho thấy những mẻ cá bội thu, nặng trĩu mà đây còn là một nét vẽ tạo hình với những bắp thịt săn chắc của những chàng

thanh niên ngư dân cuộn cuộn nổi lên để kéo cá vào khoang thuyền. Từ đó khiến ta chợt nhớ tới câu thơ của nhà thơ Tế Hanh trong bài thơ “Quê hương” khi cũng viết về dân chài lưới quê mình:

Dân chài lưới nà da ngăm dăm nắng Cả thân hình nòng thở vị xa xăm. Ánh nắng hồng của bình minh hòa cùng với sắc màu của cá: “bạc”, “vàng” có tác dụng tô đậm thêm sự giàu có và quý giá “rừng vàng bể bạc” của biển cả mà thiên nhiên ban tặng cho con người. “Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng” gợi tả công việc nhộn nhịp của ngư dân với sự vận hành của vũ trụ. Khi lưới xếp lên khoang cũng là lúc đoàn thuyền trở về đón ánh bình minh, kết thúc một ngày lao động vất vả, mệt nhọc. Hình ảnh “nắng hồng” ở cuối khổ thơ biểu tượng cho niềm vui, niềm lạc quan tin tưởng của người lao động trước thành quả mà họ đã gặt hái được. Và người ngư dân như càng thấm thía hơn niềm vui và sự biết ơn đối với người mẹ biển khơi:

Biển cho ta cá như lòng mẹ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào. Nghệ thuật so sánh và nhân hóa vừa cho thấy được tình cảm bao la, vĩ đại, cao cả của người mẹ biển cả tự nhiên; lại vừa bộc lộ niềm biết ơn sâu sắc của con người ngư dân đối với người mẹ thiên nhiên, vũ trụ.

Bài ca lao động khép lại trong khổ thơ cuối với hình ảnh đoàn thuyền trở về trong thắng lợi lúc bình minh lên. Lúc này, con người lao động trở nên hài hòa cùng với vũ trụ thiên nhiên: phấn khởi, hồ hởi trong niềm vui chiến thắng sau một đêm kéo lưới vất vả:

Câu hát căng buồm cùng gió khơi Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời Mặt trời đội biển nhô màu mới Mặt cá huy hoàng muôn dặm phơi. Mở đầu bài thơ lúc ra khơi bắt cá là câu hát và khép lại bài thơ khi đoàn thuyền đánh cá trở về cũng là câu hát của con người lao động ngư dân làng chài, điều đó cho thấy cả hành trình đánh bắt cá của ngư dân đã trở thành bài ca lao động. Nếu tiếng hát mở đầu khi ra khơi là tiếng hát biểu trưng cho tinh thần lạc quan, niềm hi vọng, tin tưởng để rồi khi trở về sẽ bắt được nhiều cá tôm, làm giàu cho tổ quốc thân yêu thì câu hát ở cuối bài thơ lại biểu tượng cho niềm vui sướng, hạnh phúc trước thành quả lao động mà họ đã gặt hái được sau một đêm kéo lưới vất vả. Hình ảnh mặt trời cũng là hình ảnh được lặp lại khi mở đầu và kết thúc bài thơ. Mở đầu là hình ảnh mặt trời xuống biển, kết thúc bài thơ lại là mặt trời đội biển giữa muôn trùng sóng nước. Điều đó gợi nên sự vận động của thời gian và công việc lao động của con người đã hoàn tất. Tuy nhiên, sắc thái ý nghĩa qua mỗi lần hình ảnh "mặt trời" xuất hiện lại khác nhau. Nếu như hình ảnh mặt trời ở khổ đầu báo hiệu thời khắc của ngày tàn, đêm xuống và công việc lao động của người ngư dân bắt đầu mở ra thì "mặt trời" ở khổ cuối lại báo hiệu thời khắc của một ngày mới bình minh, biểu tượng cho ánh sáng mới, cuộc sống mới, chan chứa niềm vui, hạnh phúc của con người sau chuyến hành trình lao động nhọc nhằn, gian khó, hiểm nguy. Trong bức tranh ấy, con người ngư dân xuất hiện trong tư thế sánh ngang với mặt trời, với thiên nhiên, vũ trụ: “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”. Từ "với", "cùng" đã diễn tả sự hài hòa cân đối giữa thiên nhiên và con người lao động. Nếu trong thơ xưa, con người thường chìm khuất trước thiên nhiên thì nay, dưới cái nhìn của người chiến sĩ cách mạng trong thời đại mới, con người hiện lên thật tự tin, mạnh mẽ trong tư thế “chạy đua” với vũ trụ, trời đất. Và sự thực thì con người đã chiến thắng. Bởi khi mặt trời lóe rạng đông thì cũng là lúc đoàn thuyền đã trở về bến đỗ. Ánh mặt trời đã điểm tô cho thành quả lao động thêm rực rỡ. Mặt trời chiếu rọi vào những mắt

cá khiến muôn mắt cá như muôn mặt trời tỏa ánh huy hoàng. Như vậy khổ thơ cuối đã khắc họa thành công hình ảnh đoàn thuyền và con người ngư dân hiện lên thật lớn lao, kì vĩ, thể hiện niềm vui, niềm hân hoan vào thành quả lao động, niềm tin tưởng vào cuộc sống mới, vào ngày mai tươi sáng của đất nước. Nét nghệ thuật đặc sắc và nổi bật của "Đoàn thuyền đánh cá" là hình ảnh thơ. Cả bài thơ được dệt bằng nhiều hình ảnh đẹp, đa dạng, rộng lớn và tinh tế với nhiều màu sắc. Hầu như ở khổ thơ nào cũng có những hình ảnh đặc sắc, mới mẻ. Nhà thơ đã sáng tạo hình ảnh từ sự quan sát, cảm nhận chính xác về sự vật kết hợp với sự liên tưởng và trí tưởng tượng mạnh bạo cùng với cảm hứng lãng mạn bay bổng. Phương thức nghệ thuật chủ yếu và phổ biến để xây dựng hình ảnh trong bài thơ này là so sánh và ẩn dụ, tượng trưng, thêm vào đó là lối phóng đại, khoa trương đã đạt được hiệu quả thẩm mỹ và tạo được dấu ấn riêng cho thi phẩm. Bên cạnh đó thì các yếu tố như lời thơ, nhịp điệu, vần... cũng tạo nên âm hưởng giọng điệu khỏe khoắn, tươi vui, mạnh mẽ... góp phần làm nên một bức tranh lao động thật đẹp, thật sống động.

Tóm lại, với cảm hứng lãng mạn bay bổng, nhà thơ đã phác họa thành công hình ảnh người lao động với niềm vui phấn khởi của họ trong cuộc sống mới. Bài thơ có thể coi là một bản tráng ca anh hùng lao động tuyệt vời, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước sự hồi sinh của đất nước và cuộc sống mới trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam trong những năm đầu lịch sử.

## **Đề 2: phân tích bức tranh thiên nhiên trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá**

### **Dàn ý chi tiết**

**1. Mở bài** Giới thiệu tác giả và tác phẩm, bức tranh thiên nhiên trong bài thơ: Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận mang hồn thơ của một sức sống mới, sự hồi sinh của một tâm hồn và một đất nước. Bài thơ là bài ca về lao động thời kì mới của nhân dân sau bao năm chịu đau thương lửa đạn

**2. Thân bài** Bức tranh thiên nhiên trên biển lúc hoàng hôn: Hình ảnh mặt trời được nhân hóa và so sánh như một hòn than đang đi xuống mặt biển, tạo nên một tín hiệu của sự vận động, trôi chảy của thời gian, ngày tàn đêm đến Bức tranh thiên nhiên với sự giàu có và trù phú của biển cả: Những đàn cá thu được so sánh như "đoàn thoi" cho thấy số lượng nhiều và bơi nhanh, những "luồng sáng" dưới biển chính là các loài hải sản làm nên sự sống của biển cả Bức tranh thiên nhiên đậm chất thơ mộng: Sự phối hợp màu sắc của thiên nhiên với màu sắc của các loài cá trên biển tạo nên những màu sắc rực rỡ: lấp lánh, đen hồng, vàng chóc,... Vẻ đẹp thiên nhiên khi đoàn thuyền trở về: Ánh sáng của mặt trời rọi khắp muôn nơi trên biển vừa khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên, vừa biểu tượng cho sự hồi sinh của đất nước của người dân lao động.

**3. Kết bài** Ý nghĩa của bức tranh thiên nhiên trong bài thơ: Qua bức tranh thiên nhiên miền biển trong bài thơ, chúng ta cảm nhận được một bức tranh tuyệt đẹp, cuốn hút và vô cùng rực rỡ. Đồng thời cảm nhận được sức sống mãnh liệt và vẻ đẹp của người lao động khỏe khoắn, tươi vui, hăng say lao động.

### **Bài tham khảo 1:**

Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận mang hồn thơ của một sức sống mới, sự hồi sinh của một tâm hồn và một đất nước. Bài thơ là bài ca về lao động thời kì mới của nhân dân sau bao năm chịu đau thương lửa đạn. Hiện lên trong bài thơ không chỉ có hình ảnh người ngư

dân lao động mà còn là cả bức tranh thiên hùng vĩ, tráng lệ, kì diệu của biển cả bao la.

Ngay mở đầu bài thơ ta đã bắt gặp một bức tranh thiên nhiên trên biển lúc hoàng hôn, đó là một khung cảnh huy hoàng và tráng lệ: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then đêm sập cửa” Hình ảnh mặt trời được nhân hóa và so sánh như một hòn than đang đi xuống mặt biển, tạo nên một tín hiệu của sự vận động, trôi chảy của thời gian, ngày tàn đêm đến. “Sóng” và “đêm” được nhân hóa với hành động cài then, sập cửa, cho ta hình dung biển cả như một ngôi nhà lớn đang đóng cửa trước khi đêm xuống, dường như thiên nhiên cũng đang “dọn dẹp” để nghỉ ngơi. Chuyển ra khơi của đoàn thuyền đánh cá đã phô diễn được sự giàu có và trù phú của biển cả:

“Cá thu biển Đông như đoàn thoi Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng” Những đàn cá thu được so sánh như “đoàn thoi” cho thấy số lượng nhiều và bơi nhanh, những “luồng sáng” dưới biển chính là các loài hải sản làm nên sự sống của biển cả. Chiếc thuyền ra khơi xa, ngư dân bắt đầu giăng lưới bủa vây, dàn đan thế trận đánh bắt cá:

“Cá nhụ cá chim cùng cá đé... Đêm thở sao lùa nước Hạ Long” Nghệ thuật liệt kê các loài cá đã thể hiện sự giàu có và đa dạng của biển cả, biển không chỉ giàu có mà còn rất thơ mộng. Sự phối hợp màu sắc của thiên nhiên với màu sắc của các loài cá trên biển tạo nên những màu sắc rực rỡ: lấp lánh, đen hồng, vàng chóc,... Rồi những đàn cá tung tăng quẫy đuôi dưới mặt nước làm cho ánh trăng in trên mặt nước như bị đánh tan ra thành một biển trắng. Biển cả như một cái lồng ngực của một người khổng lồ đang thở những hơi thở đều đặn, có thể thấy, không gian biển cả qua cái nhìn của tác giả vừa thực, vừa hư đậm chất lãng mạn và bay bổng.

“Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng... Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng” “Chùm cá nặng” là biểu hiện của một mùa lao động bội thu, ánh nắng hồng của bình minh hòa cùng với sắc màu của cá bạc đã tô đậm thêm sự giàu có và quý giá mà biển cả đã ban tặng cho con người. Về

đẹp thiên nhiên trong những câu thơ cuối bài lại là một bức tranh khác, đó là bức tranh của bình minh hiện lên lung linh và rực rỡ, chan hòa cùng với đoàn thuyền thắng lợi trở về:

“Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời... Mặt cá huy hoàng muôn dặm phơi” Hình ảnh mặt trời ở đầu và cuối bài thơ đã diễn tả một chu trình hoạt động của người dân miền biển. Ánh sáng của mặt trời rọi khắp muôn nơi trên biển vừa khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên, vừa biểu tượng cho sự hồi sinh của đất nước của người dân lao động.

Qua bức tranh thiên nhiên miền biển trong bài thơ, chúng ta cảm nhận được một bức tranh tuyệt đẹp, cuốn hút và vô cùng rực rỡ. Đồng thời cảm nhận được sức sống mãnh liệt và vẻ đẹp của người lao động khỏe khoắn, tươi vui, hăng say lao động.

## **Bài tham khảo 2:**

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu, nổi tiếng trong phong trào thơ Mới cả trước và sau cách mạng. Hòa cùng với không khí của ngày hội dân tộc, Huy Cận như tận mắt chứng



kiến sự hồi sinh của đất nước, của nhân dân sau khi hòa bình lập lại trên toàn miền Bắc. Vì thế, hồn thơ Huy Cận bỗng nảy nở trở lại sau bao năm không cầm bút. Và bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" (1958) được ra đời như một định mệnh. Bài thơ là bài ca lao động, ca khúc khải hoàn về sự đổi thay của cuộc sống nhân dân, sau bao năm lửa đạn đau thương dưới sự xâm lược của thực dân. Đọc xong bài thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được tinh thần khỏe khoắn, lao động hăng say của những người ngư dân miền biển, mà bài thơ còn sáng lên vẻ đẹp lấp lánh của một bức tranh thiên vừa hùng vĩ, tráng lệ, vừa lung linh huyền ảo và rực rỡ tươi sáng của biển trời bao la.

Trước hết, mở đầu bài thơ là một bức tranh thiên nhiên trên biển vào lúc buổi chiều hoàng hôn buông xuống thật huy hoàng, tráng lệ:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then đêm sập cửa.  
Hình ảnh "mặt trời" được nhân hóa (xuống biển) và so sánh (như hòn lửa) trở nên sống động, huy hoàng, gần gũi và ấm áp. Đó là tín hiệu của sự vận động, chảy trôi của thời gian, báo hiệu thời khắc của ngày tàn

đêm đến. "Sóng" và "đêm" cũng được nhân hóa với hành động "cài then", "sập cửa". Vũ trụ được hình dung như một ngôi nhà lớn đang vào đêm với động tác như con người: tắt lửa, cài then, sập cửa. Màn đêm như là tấm cửa khổng lồ đã sập xuống, còn những con sóng lượn là cái then cài. Thiên nhiên như dọn dẹp để nghỉ ngơi sau một chu trình hoạt động. Cảnh thật đẹp, diễm lệ, xuất phát từ cảm hứng vũ trụ mạnh mẽ, có phần thi vị lãng mạn hóa.

Theo nhịp bước vận động của thời gian, của một chuyến hành trình tiến ra khơi xa của đoàn thuyền đánh cá, mọi vẻ đẹp và sự giàu có trù phú của biển cả như dần hiện hình, nổi sắc dưới ống kính quay chậm của nhà thơ. Các loài cá biển được liệt kê ra như biểu trưng cho sự giàu đẹp của biển Đông mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người:

Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng.  
Những đàn cá thu được so sánh "như thoi đưa", có tác dụng diễn tả cá ở biển Đông thật nhiều, thật đông và bơi nhanh như thoi đưa vậy. Và chính các loài cá tôm, thủy sản ở dưới biển ấy, đã làm nên những "luồng sáng", sự sống của biển cả thiên nhiên. Và sau khi đã đưa chiếc thuyền tiến ra khơi xa, quăng lưới bủa vây đánh bắt cá thì tất cả cảnh đẹp giàu có và hết sức thơ mộng của biển cả như thu lại vào trong tầm mắt của người ngư dân trên khoang thuyền:  
Cá nhụ cá chim cùng cá đé

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng  
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe  
Đêm thở sao lùa: nước Hạ Long.  
Nhà thơ như nhập thân vào những người ngư dân trên biển cả mà cảm nhận tất cả vẻ đẹp vốn có của thiên nhiên. Biển đẹp và giàu có đã tô điểm cho sức sống của biển cả và làm cho bức tranh lao động thêm rực rỡ, tươi vui. Nghệ thuật liệt kê các loài cá: cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song có tác dụng thể hiện sự giàu có của biển cả. Biển cả rất phong phú thủy hải sản, toàn loài cá hiếm, cá ngon (chim, thu, nhụ, đé là tứ quý của biển Đông) đang đợi con người tới đánh bắt. Biển không chỉ giàu mà còn rất đẹp, rất thơ mộng. Điều đó được tạo nên bởi sự phối hợp màu sắc của thiên nhiên với sắc màu của các loài cá trên biển: lấp lánh, đen hồng, vàng chóe. Những con cá song hiện lên như những ngọn đuốc đen hồng đang bơi trong luồng nước dưới ánh trăng đêm. Những đàn cá tung tăng, bơi lội quẫy đuôi làm cho ánh trăng in xuống mặt nước như bị tan ra thành



biển trắng “vàng chóa”. . Câu thơ cuối qua phép nhân hóa, khiến cho thấy vũ trụ hiện lên như một người khổng lồ, biển cả như một cái lồng ngực đang phập phồng những hơi thở đều đặn. Những ánh sao đêm in xuống mặt nước, thủy triều xô bóng sao dưới mặt nước mà tạo thành sao lùa nước Hạ Long. Và trong hình dung của nhà thơ, ấy chính là tiếng thở của đêm, của biển cả thiên nhiên sóng nước. Không gian biển cả chao nghiêng vừa như thực, vừa như hư, đậm chất lãng mạn bay bổng. Và chính sự giàu đẹp của biển đã đem lại cho những người ngư dân vùng chài một mùa lao động bội thu:

Ta kéo xoắn tay chùm cá nặng. Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng. Hình ảnh người lao động kéo lưới "xoắn tay" là một nét vẽ tạo hình đầy góc cạnh, không chỉ cho thấy vẻ đẹp gân guốc, cường tráng mạnh mẽ của những bắp thịt trên cánh tay các chàng thanh niên khỏe mạnh mà còn cho thấy sức nặng như "ngàn cân" của những chùm cá nặng trĩu, đầy ắp. Ánh nắng hồng của bình minh hòa cùng với sắc màu của cá: “bạc”, “vàng” có tác dụng tô đậm thêm sự giàu có và quý giá “rừng vàng biển bạc” của biển cả mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Vì thế, con người như càng thấm thía biết ơn trước biển cả quê hương:

Biển cho ta cá như lòng mẹ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào. Nghệ thuật so sánh và nhân hóa vừa cho thấy được tình cảm bao la, vĩ đại, cao cả của người mẹ biển cả tự nhiên; lại vừa bộc lộ niềm biết ơn sâu sắc của con người ngư dân đối với người mẹ thiên nhiên, vũ trụ.

Cuối cùng, vẻ đẹp thiên nhiên biển cả hiện lên lung linh, rực rỡ, chan hòa ánh sáng trong buổi sớm bình minh, cùng với đoàn thuyền đánh cá thắng lợi trở về: Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới Mặt cá huy hoàng muôn dặm phơi. Kết cấu vòng tròn đã tạo nên sự tuần hoàn của vũ trụ. Hình ảnh mặt trời ở khổ đầu đã mở ra tứ thơ và khép lại ở khổ cuối, diễn tả một chu trình hoạt động của một đêm đánh cá trên biển của người ngư dân vùng chài. Mặt trời với ánh sáng của bình minh tươi đẹp đã chiếu rọi vào đôi mắt cá như điểm tô cho thành quả lao động của con người thêm rực rỡ, huy hoàng. Mặt trời chiếu rọi vào những mắt cá khiến muôn mắt cá như muôn mặt trời tỏa ánh hào quang. Đồng thời, ánh sáng mặt trời chiếu rọi khắp muôn nơi trên biển cả đại dương mênh mông bát ngát ấy, không chỉ dừng lại ở việc khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn có ý nghĩa biểu tượng cho sự hồi sinh của đất nước, của nhân dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới sau bao nhiêu năm đọa đầy dưới làn bom, mũi súng của kẻ thù thực dân.

Tóm lại, qua vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên vùng biển, chúng ta thấy được khả năng quan sát, miêu tả cảnh vật thiên nhiên thật sinh động, tỉ mỉ, kĩ càng của nhà thơ; đồng thời cho thấy tưởng tượng bay bổng, phong phú cùng cảm hứng vũ trụ thật mãnh liệt của Huy Cận. Từ đó, làm cho bức tranh thiên nhiên như một bức tranh sơn mài đẹp, rực rỡ, cuốn hút lạ thường, góp phần làm tôn nên vẻ đẹp của con người lao động: khỏe khoắn, tươi vui, tràn đầy sức sống. Qua đó người đọc cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, niềm rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu cuộc sống, yêu con người của hồn thơ Huy Cận sau cách mạng.

**Bài tham khảo 3:**

Sau cách mạng hồn thơ Huy Cận đã có những bước chuyển mình mới, ông tìm thấy ánh sáng, con đường, lí tưởng cho mình. Huy Cận trở nên hăm hở hăng hái, vì thế những vần thơ cũng trở nên tươi sáng, tràn ngập tình yêu cuộc đời, yêu thiên nhiên đất nước. Trong chuyến đi thực tế Quảng Ninh ông đã sáng tác tác phẩm Đoàn thuyền đánh cá, không chỉ làm nổi bật vẻ đẹp con người mà qua đó còn làm nổi bật vẻ đẹp trù phú của quê hương, đất nước.

Thiên nhiên được miêu tả theo trình tự vận động từ hoàng hôn đến minh bình với khung cảnh có sự biến đổi linh hoạt. Cảnh tượng như ngưng vận động sau một ngày dài, nhưng thực tế lại liên tục vận động, khung cảnh thiên nhiên vì thế mà ngập tràn sức sống.

Mở đầu bài thơ là hình ảnh mặt trời dần dần lặn vào đại dương, hình ảnh đó được Huy Cận tái hiện hết sức huy hoàng :

"Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then đêm sập cửa."  
Thật khéo léo, tài tình tác giả đã kết hợp những hình ảnh cụ thể như mặt trời, sóng, biển với biện pháp so sánh, nhân hóa để tạo nên một bức tranh hoàng hôn tuyệt mỹ. Mặt trời được ví như hòn lửa khổng lồ đang từ từ xuống biển, chìm vào màn đêm yên tĩnh. Sóng và biển được nhân hóa như những sinh thể, để đánh dấu sự nghỉ ngơi thực sự của mặt trời. Nhưng ở đây chỉ có mặt trời đi ngủ, còn tất cả các sự vật khác lại như bừng thức :

"Hát rằng : cá bạc biển Đông lặng  
Cá thu biển Đông như đoàn thoi."  
Bút pháp tả thực kết hợp với trí tưởng tượng vô cùng phong phú, những con cá thu được ví như những đoàn thoi, với tốc độ bơi vun vút, dẹt lên tấm vải khổng lồ giữa biển cả, khiến cả không gian bừng lên muôn luồng sáng, đó là luồng sáng của sự phong phú, giàu có. Sự giàu có ấy tiếp tục được tác giả liệt kê ở khổ thơ tiếp theo, đến đây không chỉ có các bạc, cá thu mà còn có muôn ngàn loài cá khác : cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song,... Với hình thức liệt kê, ông đã khẳng định và ngợi ca tài nguyên phong phú, dồi dào của đất nước ta. Đặc biệt trong khổ thơ thứ tư, Huy Cận đã sử dụng những nét bút hết sức tài hoa, vẽ lên bức tranh sơn mài tuyệt mỹ. Bức tranh ấy được sáng tạo trên cơ sở của trí tưởng tượng, sự liên tưởng bay bổng, mơ mộng nhưng đồng thời vẫn có cơ sở hiện thực. Trên nền cảnh của không gian đêm tối, với ánh trăng trên cao rọi chiếu khiến cho cảnh vật trở nên huyền bí, mờ ảo. Trong không gian ấy, mọi sự vận động của thiên nhiên đều trở nên lấp lánh, phát ra thứ ánh sáng diệu kì: chiếc đuôi của cá song lấp lánh đuốc đen hồng, với hành động cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc đã khiến bức tranh trở nên đa dạng về màu sắc, sinh động, có hồn hơn. Vẻ đẹp thiên nhiên thật đẹp đẽ, tràn đầy hơi thở sự sống: Đêm thở sao lùa nước Hạ Long. Thiên nhiên trù phú, giàu có chính là nguồn sống nuôi dưỡng con người khôn lớn, trưởng thành, bởi vậy, ngay sau đó, tiếng thơ tha thiết như một lời cảm ơn chân thành của đứa con với bà mẹ biển cả: Biển cho ta cá như lòng mẹ/ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Thời gian có sự vận động không ngừng, mặt trời sau một đêm dài nghỉ ngơi, đã dần dần lóe rạng đông. Câu thơ: Mặt trời đội biển nhô màu mới/ Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi, cho thấy nếu vẻ đẹp hoàng hôn rực rỡ bao nhiêu thì vẻ đẹp của nó khi bình minh lại huy hoàng bấy nhiêu. Màu mới ở đây là màu gì? Có thể hiểu màu mới là màu nắng lúc bình minh, màu nắng lúc ấy bao giờ cũng rực rỡ, đẹp đẽ hơn, nó mang vẻ đẹp của sự khởi đầu, khơi nguồn sự sống. Hình ảnh đẹp đẽ nhất, thể hiện rõ nhất bút pháp lãng mạn của

Huy Cận là câu thơ cuối cùng: Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi. Hình ảnh hoán dụ mắt cá cho người đọc liên tưởng dường như con muôn vàn mắt cá được phản chiếu dưới ánh nắng mặt trời, khiến nó trở nên lung linh, huy hoàng hơn. Câu thơ vừa tả được cái rực rỡ của ngày mới sang, vừa tả được sự trù phú, giàu có của biển cả. Đây quả là một câu thơ hay, xuất sắc thể hiện được tài năng nghệ thuật và trường liên tưởng độc đáo của Huy Cận.

Bức tranh thiên nhiên biển cả được tạo nên từ trường liên tưởng độc đáo, cùng bút pháp khoa trương, phóng đại. Với việc ông vận dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ (mặt trời như hòn lửa, cá như đoàn thoi, mắt cá,...) đã tái hiện trước mắt chúng ta bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, tràn đầy sự sống, một thiên nhiên giàu có và trù phú.

Qua bức tranh thiên nhiên, ta thấy được tài năng quan sát, trí tưởng tượng phong phú, tài hoa của Huy Cận. Không chỉ vậy còn thấy được vẻ đẹp trù phú của quê hương đất nước. Đó là sự hồi sinh của thiên nhiên sau bao năm gánh chịu nỗi đau chiến tranh. Thiên nhiên cũng như con người mỗi ngày lại hồi sinh, làm giàu cho tổ quốc. Tác phẩm là bài ca, ca ngợi vẻ đẹp của đất nước Việt Nam.

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN BÀI THƠ “ÁNH TRĂNG”- NGUYỄN DUY

### **Đề bài: Cảm nhận về bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.**

**I. Mở bài** - Giới thiệu đôi nét về tác giả Nguyễn Duy - là một trong những những tác giả viết hay về trăng. Ông là một nhà thơ tiêu biểu của thế hệ trẻ sau năm 1975 góp vào mảng thơ thiên nhiên một “Ánh trăng” - Ánh trăng là lời ân hận trong tâm sự sâu thẳm của nhà thơ về sự vô tình trước những kỉ niệm thời quá khứ

**II. Thân bài 1.** Vàng trăng trong quá khứ (khổ 1+2) của tác giả và vàng trăng trong hiện tại (khổ 3) - Khổ 1: Dòng hoài niệm mở ra + “Hồi nhỏ...hồi chiến tranh”: đánh dấu mốc thời gian + Phép liệt kê tăng cấp “đồng, sông, bể”: Tuổi thơ gắn bó với sông nước, trăng sao đầy ắp kỉ niệm. ⇒ Chỉ thứ tự từ hẹp đến rộng, từ quê hương đến đất nước, mở rộng hơn là sự gắn bó giữa những con người ở quê hương đến đồng đội nhân dân ⇒ Như vậy khi còn nhỏ nhân vật trữ tình sống chan hòa với thiên nhiên + “vàng trăng thành tri kỉ”: đất nước có chiến tranh, con người lên đường tham gia chiến đấu, ở rừng là những năm tháng khó khăn gian khổ, trăng được nhân hóa trở thành người bạn tri kỉ không thể nào quên. - Khổ 2: + Phép so sánh sánh “trần trụi, hồn nhiên” kết hợp với phép liệt kê “thiên nhiên, cây cỏ”: lối sống đơn giản, mộc mạc mọi buồn vui sướng khổ đều gắn bó với trăng. + Ngõ: nghĩ là, tưởng là, vậy mà kết quả lại ngược lại + Nhân hóa “cái vàng trăng tình nghĩa”: khẳng định mối quan hệ giữa người và trăng là bền vững mãi mãi ⇒ Mạch thơ biến đổi đánh dấu một sự thay đổi lẽ ra phải trân trọng. - Khổ 3: Vàng trăng trong hiện tại + Khi chiến tranh kết thúc, người lính từ già núi rừng trở về với thành phố nơi đô thị hiện đại.

+ Nhân hóa liệt kê “ánh điện cửa gương”- cuộc sống đầy đủ tiện nghi. Mặc dù vậy trăng vẫn tròn đầy lặng lẽ đi qua thành phố nhưng người bạn năm xưa chỉ coi trăng như một vật

chiếu sáng + Hình ảnh so sánh “vàng trắng đi qua ngõ - như người dung qua đường”: thể hiện một sự bội bạc vẫn thường xảy ra trong cuộc sống hằng ngày: có mới nới cũ ⇒ Hoàn cảnh sống thay đổi kéo con người đổi thay, quên đi ân tình trong quá khứ 2. Tình huống bất ngờ xuất hiện (khổ 4) - Phép đảo ngữ từ láy “thình lình”, “đột ngột” được đưa lên đầu câu: nhấn mạnh sự việc bất ngờ là mất điện - Ba động từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau: diễn tả sự khó chịu và hành động khẩn trương của nhân vật trữ tình đi tìm nguồn sáng - Ngay lúc đó trắng hiện ra “đột ngột” khiến con người bàng hoàng xúc động. ⇒ Vàng trắng đến bất ngờ làm sáng lên những góc tối trong tâm hồn, thức tỉnh sự ngủ quên trong điều kiện sống đã hoàn toàn đổi khác. 3. Vàng trắng thức tỉnh con người và sự hối hận của tác giả (khổ 5+6) - Khổ 5: Tâm trạng, cử chỉ của con người khi đối diện với vàng trắng + Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt”: là tư thế trực tiếp đối mặt + Phép nhân hóa, từ mặt thứ hai chỉ vàng trắng tròn, đó là thiên nhiên hồn nhiên tươi mát, đó còn là quá khứ bạn bè tươi đẹp. + So sánh, liệt kê, điệp ngữ, lặp cấu tứ “như là đồng là bể - như là sông là rừng”: diễn tả dòng hoài niệm ủa về và con người thấy trắng là thấy người bạn tri kỷ ngày nào. ⇒ Cảm xúc chùng như nén lại nhưng cứ trào ra thồn thức - Khổ 6: Bài thơ khép lại ở hình ảnh sâu lắng + Trăng tròn đầy vành vạnh có hai lớp nghĩa: nghĩa tả thực về sự tròn đầy lung linh của trăng, thiên nhiên vũ trụ vĩnh hằng, gọi quá khứ bạn bè tươi đẹp chẳng thể phai mờ + Trăng còn được nhân hóa “kể chi người vô tình - ánh trăng im phăng phắc” gọi thái độ bao dung, nhân hậu + Trăng tròn vành vạnh-con người vô tình, trăng im phăng phắc- con người vô tình.

⇒ Câu thơ cuối mang ý nghĩa nhân văn, cái giật mình thức tỉnh của con người từng bội bạc trở nên đáng trân trọng bởi nhớ quên là lẽ thường tình, quan trọng là biết thức tỉnh lương tâm. **III. Kết bài** - Khẳng định lại giá trị nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ: thể thơ năm chữ, nhịp thơ linh hoạt theo mạch cảm xúc,... - Bài thơ chứa đựng một ý nghĩa triết lí sống “Uống nước nhớ nguồn”

### **Bài tham khảo 1:**

Tình cảm là thứ quan trọng nhất đối với mỗi con người. Nó như dòng nước ngọt ngào chảy dọc trong ống nhựa tắm mát tâm hồn ta, tưới nước cho cái hạt giống tinh thần bên trong ta nảy nở. Thiếu đi cái ngọt ngào của tình cảm, ta sẽ chỉ như cái ống nước rỗng ruột, khô cứng, tâm hồn ta sẽ chẳng khác gì hoang mạc cằn khô nứt nẻ. Tình cảm trong quá khứ gian khổ khó khăn lại càng đáng nhớ hơn, nó thể hiện sự gắn bó, yêu thương không điều kiện, đồng cam cộng khổ vượt qua những chông gai đường đời. Thế nhưng trong xã hội hiện đại ngày nay vẫn có một số người vì mãi mê chạy theo những giá trị vật chất mà bỏ quên mất tình cảm yêu thương của một thời đã qua, hờ hững với những gì thuộc về quá khứ. Qua bài thơ “Ánh trăng” của mình, nhà thơ Nguyễn Duy đã nhắc nhở một cách nhẹ nhàng những kẻ đang tự cuốn mình theo cái vòng xoay vô tận của phù du hãy dừng lại, dù chỉ một chút thôi, mà nhớ về những gì đã xảy ra trong quá khứ. Rằng những cái mình có được hôm nay là nhờ đâu, cái gì đã từng là một phần trong cuộc sống của mình...để từ đó biết trân trọng quá khứ hơn, sống đẹp hơn, “Uống nước nhớ nguồn” hơn.



Vàng trắng luôn là cảm hứng bất tận trong thơ ca, luôn gắn bó mật thiết với đời sống của con người: Trăng soi bóng những tối cùng nhau lao động vui tươi của người nông dân: "Trong đêm thanh, trăng tàn canh, bao tiếng ca theo tiếng chày nhanh nhanh Dư âm xa, còn vang mãi trong ánh đêm trăng tà" ("Gạo trắng trăng thanh") là chút gì đó lãng mạn như "Say trăng" của Hàn Mặc Tử:

"Ta bay lên! Ta bay lên! Gió tiễn đưa ta tới nguyệt thiềm..." là chứng nhân cho lời nguyện thề tình tự của bao đôi lứa yêu đương: "Vàng trắng vàng vặc giữa trời Đinh ninh hai mặt một lời song song" ("Truyện Kiều") Trăng còn là tri âm, tri kỉ, là người bạn gắn bó thờ ầu thơ, là nỗi niềm gợi nhớ quê hương như trong chủ đề "Nguyệt vọng hoài hương" của thơ văn cổ. Và Nguyễn Duy đã đem lại cho ta một góc nhìn, một cách nhìn mới về trăng qua tác phẩm của ông. Trăng trong "Ánh trăng" mang đậm dấu ấn của tình cảm qua từng chặng đường khác nhau của thời gian, là hình ảnh sống động của quá khứ, là những gì tốt đẹp của một thời đã qua: tình cảm bạn bè, lý tưởng chiến đấu,... và là biểu tượng của nghĩa tình. Tác phẩm được sáng tác sau khi đất nước thống nhất, tác giả già từ cuộc đời người lính đến sống tại thành phố Hồ Chí Minh để rồi từ đây, bao cảm xúc chân thành trào dâng đã cô đọng thành bài thơ có lối viết đặc biệt: chữ đầu mỗi câu thơ không viết hoa. Chính nét sáng tạo đặc biệt đó đã làm "Ánh trăng" trở nên khác biệt: vừa như một bài thơ với những vần, những âm điệu nhịp nhàng, đều đặn, vừa như một câu chuyện với mạch xúc cảm tuôn dâng, hiện lên dần dần theo trình tự thời gian.

Mở đầu bài thơ là dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình về tuổi thơ, về quãng thời gian chiến đấu giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do: "Hồi nhỏ sống với đồng với sông rồi với bể hồi chiến tranh ở rừng vàng trắng thành tri kỉ" "Hồi" biểu thị thời gian trong quá khứ. Trong khoảng thời gian ấy con người đã có những phút giây sống chan hòa với thiên nhiên. Các hình ảnh lớn dần "đồng, sông, bể" mang nhiều ý nghĩa đặc biệt khác nhau, nhưng có một điểm chung là đều mang nét hồn nhiên trong trẻo của thời trẻ con vô tư. Cánh đồng lúa, hay cỏ hoa, lúc nào cũng ngập tràn nắng gió, ngập tràn những tâm tư dịu dàng, ngập tràn cái thanh bình, hạnh phúc. "Sông" dạt dào chảy, nước sông trong vắt "soi tóc những hàng

tre", soi bóng cả cái tâm hồn ngây thơ, đong đầy biết bao ước mơ trẻ nhỏ. "Bể" hiền hậu nhưng cũng hung hăng, mang theo bao con sóng vỗ bờ, mang theo bao hoài bão của tuổi hồng mộng mơ. Và "đồng, sông, bể" đã gắn bó với nhân vật trữ tình, một cách thấm thiết, như người bạn thờ ầu thơ thân thương gần gũi. Từ "với" được lặp lại ba lần càng tô đậm thêm sự kết nối con người với những tươi đẹp tuổi thơ, với vàng trắng dung dị của quá khứ. Bức tranh không gian về thiên nhiên đầm thắm ấy đã kéo theo sự vận động của thời gian, mang vàng trắng tròn đầy thời ấu thơ đi qua quãng đời chiến đấu của người lính: "hồi chiến tranh ở rừng vàng trắng thành tri kỉ" Biện pháp nhân hóa đã được sử dụng để biến trăng thành "tri kỷ", thành người bạn chí cốt lúc nào cũng hiểu hết về nhau. Hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vàng trắng bên cạnh. Trăng ở bên, bầu bạn, cùng cảm nhận cái giá buốt nơi "Rừng hoang sương muối" ("Đồng chí"), cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cung xao



xuyến, bốn chôn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê. Vàng trắng vẫn tròn đầy dù trải qua bao mưa bom bão đạn, vẫn sáng trong dù đã trải qua thời gian khó khăn nhất, tối tăm nhất, vẫn: ”Trần trụi với thiên nhiên hồn nhiên như cây cỏ” Vàng trắng ngày ấy mới đẹp làm sao! Phép liên tưởng đầy tính nghệ thuật “trần trụi với thiên nhiên” cho ta thấy rõ hơn về đôn hậu hiền hòa của ánh trăng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bấy giờ: không giả tạo, giả dối, không lọc lừa nhỏ nhen, không có những toan tính thiệt hơn, những đố kỵ ghen ghét. Trong sáng vô tư như tuổi thơ, chân thành và thật thà như nhiệt huyết sục sôi của người lính trẻ\_ cách so sánh trăng với vẻ hồn nhiên như cây cỏ của nhà thơ Nguyễn Duy đã đem lại cho ta ấn tượng đó về ánh trăng quá khứ. “Cây cỏ”\_những sự vật tưởng chừng vô tri giác nhưng lại mang một hàm ý lớn lao: cây cỏ tạo ra dưỡng khí giúp ích cho đời, sống cuộc sống hồn nhiên, không chen lấn giành giật với đời, không nghi kỵ xảo trá mà tự nhiên, chan hòa với mọi người mọi vật. Vàng trắng của ngày ấy thật tự nhiên, không giấu, không che đậy, gần gũi hoang sơ như dáng vóc mộc mạc của người lính, tỏa sáng vắng vặc, đẹp đến nỗi nhân vật trữ tình – người lính đã phải nói rằng: ngỡ không bao giờ quên cái vàng trắng tình nghĩa Từ “ngõ” ở đây không dung lại làm ta hình dung rõ cái mầm mống, cái dự báo của sự lãng quên. Lãng quên cái vàng trắng tròn ấp đầy tình nghĩa, hoang sơ mộc mạc như cây cỏ, chân chất đôn hậu như người chiến sĩ đã trải lòng mình ra với thiên nhiên. Đoạn thơ cũng diễn tả một cách rõ nét những nỗi đau trong lòng con người: Lúc nào cũng nghĩ là mình sẽ nhớ, cũng khẳng khẳng sẽ khắc sâu vào tâm tưởng nhưng rồi tự bao giờ, ta đã không thể cùng ánh trăng tình nghĩa kia đi trọn kiếp người được nữa. Bởi vì nó đã bị ta bỏ lại đằng sau, cùng với những kỉ niệm đáng nhớ của một thời xưa cũ ấy\_ ta đã quên. Ý thơ lay động tâm hồn, thức tỉnh lương tâm những kẻ vô tình, gợi nhắc về cái “vàng trắng tình nghĩa”, về biểu tượng đẹp của một thời quá khứ hào hùng. Chiếc thuyền mang bao kỉ niệm gắn bó đã lùi xa vào quá khứ, theo dòng chảy bất tận của thời gian. Theo dòng chảy đó, chiến tranh cũng đã kết thúc, và người lính ngày xưa trở về, nhưng không phải là về nơi “đồng, sông, bể” dung dị và thân thương, mà là trở về chốn phồn hoa đô hội, chốn thị thành tấp nập đông vui. Bao khó khăn gian khổ của cuộc sống chiến đấu nay đã trở thành dĩ vãng, còn cái tình cảm gắn kết xưa kia giờ nay đã đi về đâu? Ở khổ thơ tiếp theo, tác giả đã nói về điều đó: ”Từ hồi về thành phố quen ánh điện, cửa gương vàng trắng đi qua ngõ như người dung qua đường” Câu thơ đột ngột quay trở về thực tại, dứt khỏi khoảng không kí ức của nhân vật trữ tình. Ở cái thực tại không xa ấy, nhân vật trữ tình bắt đầu quen với những thuận lợi vật chất, những “ánh điện cửa gương” bóng loáng giả tạo. Hình ảnh ẩn dụ đối lập giữa “vàng trắng tình nghĩa” mộc mạc, hiền hòa với “ánh điện cửa gương” tuy có sáng hơn ánh trăng thật, nhưng thứ ánh sáng nhân tạo đó không thể nào bằng được cái ánh sáng nghĩa tình mà trăng đem lại. Biện pháp liệt kê “ánh điện, cửa gương” như cũng đồng thời liệt kê ra cái tiện nghi đủ đầy vật chất xuất hiện trong đời sống người lính, bên cạnh những bộn bề lo toan của cuộc sống thường ngày. Và mới thật bạc bẽo làm sao, cái đủ đầy vật chất, cái ngồn ngang bận bịu của sự đời đã lấn át đi nhu cầu đủ đầy về mặt tinh thần, về tình cảm son sắt từng một thời được coi như máu thịt của người lính. Vàng trắng bây giờ đối với anh lính năm xưa giờ chỉ là dĩ vãng, dĩ vãng nhạt nhòa của quãng thời gian xa xôi nào đó. Cái bóng của sự xa hoa đã che lấp đi “vàng trắng

tình nghĩa”, vòng xoay của thời gian đã thay đổi cả bản chất, tâm hồn con người. Để rồi giờ đây, khi mà anh lính năm xưa bị che mắt bởi những phồn vinh thành thị, người đã không thể thấy được sự hiện diện của trăng, dù trăng vẫn đều đặn “đi qua ngõ”. Trăng vẫn tồn tại, vẫn thủy chung, tròn đầy, sáng vàng vặc, không thay đổi nhưng thật đau xót làm sao, lòng người đã lại đổi thay\_ không còn đủ sáng để hòa nhịp tâm hồn cùng trăng, không còn đủ yêu thương để gắn bó với những ân tình quá khứ. Đối với người lính lúc này, trăng chẳng khác gì “người dung qua đường”, hờ hững, lạnh nhạt, không đáng để bận tâm. Trăng được nhân hóa, đi qua ngõ mà như người dung. Một hình ảnh đối lập tinh tế mang nặng màu chua xót: “ngõ không bao giờ quên” – “như người dung qua đường”. Một sự đổi thay quá là phù phàng của con người. Tình cảm là thứ dễ bị chia lìa đến thế sao, lòng người dễ dàng phai pha chỉ bởi những phù phiếm vật chất đến thế sao? Trăng lại xuất hiện, trong một tình huống bất ngờ, cùng với kết cấu thơ pha chút kịch tính, hồi hộp: ”Thình lình đèn điện tắt phòng buyn-đinh tối om vội bật tung cửa sổ đột ngột vàng trăng tròn” Mất điện. Cả căn phòng “tối om”. Không còn chút ánh sáng nào cạnh bên, nhân vật trữ tình bèn theo phản xạ tự nhiên mà “bật tung cửa sổ”, và cái mà người lính nhìn thấy, cảm nhận thấy đầu tiên không phải là ngọn gió mát rượi hay ngọn đèn đường rọi vào phòng mà là vàng trăng\_ vàng trăng tròn như những nghĩa tình thủy chung không phai nhòa theo thời gian\_ xuất hiện một cách “đột ngột”. Các từ ngữ “thình lình, vội, bật tung, đột ngột” gợi tả cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ của con người. Ánh trăng tròn hiện lên sừng sững giữa bầu trời đen đặc kia đâu phải chỉ lúc “đèn điện tắt” mới có? Trăng vẫn luôn ở đó, vẫn luôn mang tấm lòng.

trọn vẹn thủy chung với người, nhưng chính sự vô tâm lạnh lùng đã ngăn cản nhân vật trữ tình để ý đến trăng, nhìn thấy trăng. “Bật tung cửa sổ”, cái cửa sổ ấy có lẽ không chỉ đơn thuần là cửa sổ bình thường, mà là cái cửa sổ của lạnh nhạt che khuất tâm hồn người lính, là rào cản đưa lòng người rời xa tình cảm quá khứ, là bức tường vốn đang từng ngày đưa tâm hồn con người vào bóng tối của sự hững hờ, bạc bẽo, tách dần khỏi ánh sáng nghĩa tình của vàng trăng yêu thương. Đến khi người lính vội vàng “bật tung cửa sổ”, không còn gì ngăn cách, không còn một ranh giới rào cản nào nữa, người chiến sĩ xưa mới nhận ra trăng, một cách thình lình và đột ngột, như không hề ngờ tới, không hề nghĩ tới. Trăng vẫn tròn như những nghĩa tình vẫn đầy ắp không sút mẻ, vẫn hiện diện bên cạnh nhân vật trữ tình như thuở ấu thơ, như thời chiến đấu; nhưng người đã không còn nhớ gì cả. Để khi gặp mặt, người lính cảm thấy ngỡ ngàng tội độ, và sau đó: ”Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì rung rung như là đồng là bể như là sông là rừng” Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ “mặt” trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ “bật tung” ra, trào dâng đến nổi như “có cái gì rung rung”. Rung rung của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rung rung của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rung rung”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính. Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng\_

biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “như là đồng là bể, như là sông là rừng”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm. Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rung rung”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ. ”Khéo trách người sao quá vội vàng Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ Khá trách người sao quá phũ phàng Lãng quên những yêu thương tình tự”. Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng trăng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trăng như người dung, và giờ là lúc người bị cắn rứt lương tâm tốt độ. Mặc dù như vậy, trăng – gương mặt của ân tình quá khứ, vẫn điềm đạm, cao thượng và bao dung: ”Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giạt mình.” Trăng vẫn tròn như tình nghĩa trọn vẹn thủy chung son sắt, nhân hậu của đất nước, cuộc đời, trái ngược với cái hồ hững của kẻ sống bạc bẽo. Trăng không lên tiếng trách móc mà im lặng, chẳng giận dỗi “người vô tình” mà bao dung. Tuy vậy, người lính vẫn không tránh khỏi bản án lương tâm, không tránh khỏi ám ảnh bởi ánh nhìn im lặng đầy vẻ trách cứ. Trăng độ lượng, khoan dung, nhưng chính cái khoan dung ấy của trăng lại khiến lòng người nhói đau hơn bao giờ hết. Phải chi trăng cứ hờn dỗi, cứ trách mắng người lính năm xưa thì người lính đã chẳng phải đau lòng như thế. Đôi khi sự im lặng lại là sự trừng phạt nặng nề nhất. “Ánh trăng im phăng phắc”\_ cái im lặng của trăng lại càng làm cho sóng gió trời dậy trong tâm trí, càng làm lương tri nhân vật trữ tình – người lính cảm thấy đau xót, đau xót đến “giạt mình”. Giạt mình đồng nghĩa với việc thức tỉnh, nhưng không phải sự thức tỉnh nhẹ nhàng mà lại vô cùng dữ dội. Cả bài thơ như lắng đọng trong từ “giạt mình”, và tâm trạng giạt mình đó cũng chính là cái kết của bài thơ, của một câu chuyện đời đầy ý nghĩa. Bài học tình nghĩa về tri ân quá khứ được viết ra, nhưng con người đã phải trả cái giá quá đắt để học nó. Người ta không thể nào mãi chìm đắm trong quá khứ mà tiến lên, nhưng cũng không thể nào tiến lên mà không có bước đệm của quá khứ. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. Luôn nhớ, yêu thương, không quên ngày đã qua. Một triết lý sống giản đơn nhưng sâu sắc: tình người. Với ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, cô đọng, giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm được thể hiện qua thể thơ năm chữ kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình, cùng đạo lý làm người không bao giờ cũ: uống nước nhớ nguồn; bài thơ như một lời tâm sự, nhắc nhở người ta sống tình cảm với những quá khứ đã qua, trân trọng, biết ơn những thứ mình đã có và đang có. Nhịp thơ sâu lắng làm người đọc phải suy gẫm. Cùng nói về vầng trăng gợi nhớ nhưng trăng trong “Ánh trăng” không phải là vầng trăng cổ hương như “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch: ”Sàng tiền minh nguyệt quang Nghi thị địa thượng sương Cử đầu vọng minh nguyệt Đề đầu tư cố hương.” mà là vầng trăng trữ tình đong đầy yêu

thương, chất chứa hàng bao xúc cảm, về một thời “ngày ấy” của thiên nhiên, đất nước, cuộc đời, và cả tâm hồn con người. “Ánh trăng” thực sự để lại trong lòng người đọc rất nhiều những suy tư đáng quý. Bài thơ kết thúc nhưng ánh trăng vẫn còn đó, như muốn soi tỏ những ngồn ngộn nơi lòng người, để những tâm hồn chìm đắm trong phù du có thể tìm đường về với những ân tình ân nghĩa, có thể tìm lại phút giây bình yên trong khoảng trời kỉ niệm thân thương. Bài thơ đã đem lại cho dàn hợp xướng như bài thơ về trăng một nốt nhạc mới lạ, lắng sâu vào trái tim độc giả.

### **Bài tham khảo 2:**

Nguyễn Duy thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sau chiến tranh, Nguyễn Duy tiếp tục làm thơ và thơ ông ngày càng trở nên đậm đà với một phong cách, giọng điệu “quen thuộc mà không nhàm chán”. Thơ Nguyễn Duy giản dị, gần gũi song đầy suy tư, chiêm nghiệm triết lí sâu sắc về cuộc đời và con người.

Bài thơ "Ánh trăng" là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ đó của Nguyễn Duy. Tác phẩm được viết vào năm 1978, ba năm sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Qua bài thơ, Nguyễn Duy muốn lời nhắc nhở, thức tỉnh người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa, thủy chung cùng quá khứ, thức dậy trong tâm hồn người lính lòng trung hiếu vẹn tròn với cách mạng, với nhân dân về những năm tháng gắn bó với thiên nhiên, với đất nước.

Bài thơ là một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại. Dòng xúc cảm của nhà thơ cũng men theo dòng tự sự này mà bộc lộ tâm tư, suy ngẫm chiêm nghiệm.

Trước hết, bài thơ mở ra những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ xa xôi:

Hồi nhỏ sống với đồng với sông rồi với bể hồi chiến tranh ở rừng vầng trăng thành tri kỉ trần trụi với thiên nhiên hồn nhiên như cây cỏ ngỡ không bao giờ quên cái vầng trăng tình nghĩa Với giọng thơ tâm tình, thủ thỉ, tác giả đã gợi nên những kỉ niệm của một quãng thời gian dài từ khi còn nhỏ cho tới lúc trưởng thành trở thành người lính trong chiến tranh. Tất cả đều thấm đẫm ánh trăng. “Hồi nhỏ” gắn mình với thiên nhiên như với đồng ruộng, với sông bể của quê hương. Lớn lên trở thành người lính xông pha trận mạc gắn mình với rừng núi bao la, bát ngát. Trong cuộc ấy, con người sống chan hòa với thiên nhiên, bình dị, âm áp, hiền hòa. Và vầng trăng “tri kỉ”, “tình nghĩa” đã minh chứng cho sự gắn kết giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ. Ở đây, Trăng được nhân hóa như con người và trở thành người bạn tuyệt vời cùng với con người: Trăng chia sẻ mọi vui buồn, gian khó, đồng cam cộng khổ xoa dịu những vết thương của chiến tranh bằng thứ ánh sáng dịu hiền nên trở thành người bạn “tri kỉ”, tri âm. Con người sống “trần trụi với thiên nhiên”, “hồn nhiên như cây cỏ”, một cuộc sống thanh thản, giản dị và thỏa lòng. Và trăng với người sống chan hòa, gắn bó đắm thắm “tình nghĩa” với nhau. Vì vậy, lòng đã tự hẹn với lòng bằng một tấm lòng thủy chung, tình nghĩa, son sắt: “bao giờ quên”. Nhưng từ “ngỡ” như vừa thể hiện niềm xót xa, tiếc nuối, ân hận; lại vừa báo hiệu trước sự đổi thay một tình nghĩa đáng lẽ cần phải trân trọng.



Nếu như ở hai khổ thơ đầu, tác giả đưa người đọc trở về với quá khứ xa xăm, thì đến với khổ ba, Nguyễn Duy lại đã đưa người đọc trở về với hiện tại trong sự tác động của hoàn cảnh đến con người, khiến con người lãng quên vàng trắng:

Từ hồi về thành phố quen ánh điện cửa gương vàng trắng đi qua ngõ như người dung qua đường Thành phố là một địa điểm khác, hoàn toàn mới mẻ, đối lập với không gian sống hồi nhỏ và khi còn là người lính trên chiến trường. Hình ảnh “ánh điện cửa gương” là hình ảnh hoán dụ, biểu tượng cho cuộc sống đủ đầy, tiện nghi, khép kín trong những căn phòng hiện đại nơi phồn hoa đô thị, rời xa với thiên nhiên. Từ đó, nhà thơ đã diễn tả sự thay đổi tình cảm của con người: “Vàng trắng tri kỉ, tình nghĩa” kia đã trở thành “người dung qua đường”. Vàng trắng đi qua ngõ nhưng con người hờ hững, thờ ơ, không còn nhận ra trắng từng là người bạn tri kỉ, tình nghĩa một thời nữa. Câu chuyện tâm tình được kể ngắn gọn, súc tích, mộc mạc, giản dị mà chân thành; những câu chữ đầu dòng thơ không viết hoa đã diễn tả dòng suy tư miên man không dứt của nhà thơ trước sự chảy trôi của thời gian, năm tháng và sự thay đổi của lòng người trước cuộc sống tiện nghi. Tương chừng như Trăng cứ thế mà chìm khuất đi mãi mãi, người với Trăng sẽ chẳng còn cơ hội mà gặp gỡ nhau. Bởi trước phồn hoa đô hội, dưới ánh sáng cửa gương, đèn điện, dưới sự bận bịu, lo toan cho cuộc sống của con người thì Trăng sẽ trở nên nhạt nhòa, chìm khuất nhưng nó đã có dịp bùng sáng lên khi một tình huống bất ngờ xảy đến, để rồi đánh thức biết bao nhiêu là suy ngẫm, kỉ niệm dội về trong lòng thi nhân:

Thình lình đèn điện tắt phòng buyn-đinh tối om vội bật tung cửa sổ đột ngột vàng trắng tròn Nếu ở các khổ thơ trước, giọng thơ đều đều, chậm rãi, miên man trong những kỉ niệm tươi đẹp của quá khứ thì đến khổ bốn, giọng thơ đã đột ngột cất cao, thể hiện sự choáng ngợp, bất ngờ trước sự xuất hiện đột ngột của vàng trắng trước khung cửa sổ. Mất điện, theo một lẽ tự nhiên khi con người chỉ tìm tới nơi có ánh sáng, hạnh động phản xạ như một thói quen “vội bật tung cửa sổ” và con người đã vô tình bắt gặp “vàng trắng tròn” tình nghĩa năm nào. Nghệ thuật đảo ngữ đã đẩy từ “đột ngột” lên đầu câu thơ, nhấn mạnh đến sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên, bàng hoàng của con người khi bắt gặp vàng trắng. Vàng trắng tròn vành vạnh, chan chứa tình nghĩa vẫn luôn dõi theo, đồng hành cùng con người, vẫn luôn lặng lẽ tỏa sáng không hề hao khuyết. Còn con người thì lãng quên vàng trắng nên khi bắt gặp vàng trắng mới cảm thấy bất ngờ, đột ngột đến như vậy. Mọi khoảng lặng xung quanh rất cần cho lúc này, mọi thứ như ngừng trôi đi, nhường chỗ cho hai tâm hồn gặp gỡ:

Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì dung dung như là đồng là bể như là sông là rừng Nhà thơ lặng lẽ đối diện với trăng “Ngửa mặt lên nhìn mặt” và ngâm ngùi “rung rung” như trực trào nước mắt sắp khóc, vừa vui mừng, vừa ngẹn ngào không nói được thành lời. Từ “mặt” ở cuối câu thơ đầu là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa nghĩa của ý thơ: Nhà thơ đối diện với vàng trắng, người bạn tri kỉ mà mình đã lãng quên. Người đối diện với trăng, trăng đối diện với người hay chính là quá khứ đối diện với hiện tại, thủy chung tình nghĩa đối diện với sự bạc bẽo, vô tình. Đối diện với trăng, nhà thơ như soi thấy cả mình trong đó, như được sống lại với những năm tháng gắn bó với thiên nhiên “đồng, sông, rừng, bể”. Vì thế, đã làm cho con người nhà thơ “rung rung” xúc động. Sự xúc động ấy vừa là niềm vui khi được sống lại với quá khứ; lại vừa là giọt nước mắt của sự ăn năn, cảm thấy



hỗ thẹn, ân hận về sự đổi thay của chính mình. Giọng thơ chuyển từ sự bất ngờ, đột ngột chuyển sang xúc động “rung rung”. Điệp ngữ “như là”, kết hợp với biện pháp liệt kê hình ảnh “đồng – sông – rừng – bể” đã khiến nhịp thơ trở nên trầm lắng, chậm rãi và những lớp sóng của hoài niệm xa xăm cứ tự dưng ùa về thật xúc động thiêng liêng. Từ hồi tưởng đến hiện tại, từ hiện tại tới xúc động rung rung và cuối cùng lắng dần vào trong những suy ngẫm, chiêm nghiệm. Đó là những phút giây bùng nổ của tâm hồn nhà thơ mà cũng chính là lời nhắn nhủ thiết tha mà Nguyễn Duy muốn gửi gắm trong cuộc đời:

Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình. Suốt chiều dài bài thơ, Trăng được miêu tả với rất nhiều những định ngữ khác nhau: trăng tri kỉ, trăng tình nghĩa, vàng trăng tròn và cuối cùng kết tinh thành "Trăng cứ tròn vành vạnh". Điều đó đã cho thấy, trăng trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng, không thay đổi; biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên tươi đẹp trong quá khứ, trong hiện tại và cả tương lai, cho dù lòng người đổi thay, khiếm khuyết “vô tình”. Hình ảnh ánh trăng được nhân hóa với thái độ “im phăng phắc” gọi cho chúng ta liên tưởng tới cái nhìn nghiêm khắc như trách móc, nhắc nhở con người về thái độ “vô tình” bạc bẽo, lãng quên của chính mình. Nhưng đồng thời thái độ "im phăng phắc" đó của trăng cũng chứa cả sự bao dung, nhân từ, độ lượng của người bạn thủy chung, tình nghĩa. Bởi dù lòng người thay đổi nhưng trăng vẫn dõi theo người, vẫn lặng lẽ tỏa sáng, vẫn cứ “tròn vành vạnh”. Dòng thơ cuối dồn nén biết bao nhiêu là cảm xúc trong cái “giật mình” của con người. Chính sự im lặng của trăng đã làm cho con người phải “giật mình” thức tỉnh, hay đó chính là cái "giật mình" của nhân cách, của lương tâm, là lời sám hối chân thành để rửa sạch tội lỗi, để tâm hồn trở nên trong sạch và sống tốt đẹp hơn.

Lời thơ chuyển từ “vàng trăng tròn vành vạnh” sang hình ảnh “ánh trăng” chất chứa nhiều ý nghĩa khái quát: nếu như vàng trăng tròn là để nói về quá khứ thủy chung, tình nghĩa vẹn nguyên thì “ánh trăng” lại để nói đến vàng hào quang của quá khứ, ánh sáng của lương tâm, của đạo đức soi rọi xua tan đi những bóng tối của sự lãng quên, bội bạc và làm con người thức tỉnh, tâm hồn trở nên trong sáng hơn, đẹp đẽ hơn. Vì thế, ánh trăng của Nguyễn Duy là một thứ vàng trăng mang đầy tính nhân văn, nhân bản sâu sắc. Nó trở thành một bài học không chỉ dành riêng cho những người lính mà còn có ý nghĩa với tất cả mọi người, mọi thời đại để rồi từ đó, tự mỗi người trong mỗi chúng ta sẽ tự đối diện với chính mình, với quá khứ xem mình đã sống ra sao, như thế nào...

Bài thơ kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa biểu cảm và tự sự, tạo nên như một câu chuyện riêng, một lời tâm sự chân thành, một lời tự nhắc nhở có giọng trầm tĩnh mà sâu lắng. Kết cấu và giọng điệu làm nổi bật chủ đề và tạo sức truyền cảm cho bài thơ. Hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa khái quát, mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa và chất chứa chiều sâu suy ngẫm, triết lí. Các câu thơ liền mạch, không dùng dấu câu, không viết hoa đầu dòng (trừ chữ cái đầu mỗi khổ thơ) như diễn tả dòng tâm tư triền miên, thiết tha, sâu lắng.

Tóm lại, qua bài thơ, người đọc thấy được những ẩn ý sâu xa và những bài học mang tầm triết lí sâu sắc mà nhà thơ muốn gửi gắm tới người đọc, đó là thái độ sống "uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung trong quá khứ.

**Đề 2: Phân tích hình ảnh ánh trăng trong tác phẩm cùng tên của Nguyễn Duy**

Từ lâu, ánh trăng thơ mộng đã đi vào thi ca nhạc họa, nuôi một nguồn cảm hứng dồi dào bất tận. Nếu như trong ca dao xưa, trăng là nơi hò hẹn, trao gửi tâm tư thầm kín của đôi lứa yêu nhau; trong "Tĩnh dạ tứ" của Lí Bạch đời Đường, nhà thơ nhìn trăng soi mà thồn thức nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương thì đến với "Ánh trăng" của Nguyễn Duy, người đọc lại bắt gặp hình ảnh ánh trăng chất chứa một ý nghĩa triết lí sâu sắc, một đạo lí tốt đẹp ở đời, đó là đạo lí "uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung trong quá khứ. Bài thơ ra đời năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau ba năm đất nước được hòa bình, thống nhất.

Nguyễn Duy thuộc thế hệ nhà thơ – chiến sĩ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là thế hệ từng trải qua bao thử thách, gian khổ, từng chứng kiến bao hi sinh lớn lao của nhân dân, đồng đội trong chiến tranh, từng sống gắn bó cùng thiên nhiên tình nghĩa. Nhưng khi đã qua thời máu lửa, nước nhà thống nhất, được sống trong hòa bình, giữa những tiện nghi hiện đại, người ta dễ lãng quên những gian lao, nghĩa tình của một thời đã qua. "Ánh trăng" được viết trong bối cảnh cảm xúc đó, như một lần "giật mình" của Nguyễn Duy trước sự vô tình, lãng quên dễ có ấy. Trong bài thơ, nhà thơ đã sáng tạo nên hình ảnh ánh trăng, hình ảnh này có tính chất ẩn dụ, biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên; cho vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của cuộc sống trong quá khứ, chẳng thể phai mờ; và là biểu tượng của phẩm chất cao đẹp, trong sáng, thủy chung, tình nghĩa, bao dung và vô tư không đòi hỏi sự đáp đền. Vì thế, chúng ta có thể co gọn hình ảnh vầng trăng trong ba tầng nghĩa: vầng trăng tri kỉ; vầng trăng nghĩa tình và vầng trăng thức tỉnh.

Trước hết, vầng trăng được nhân hóa trở thành người bạn tri kỉ, nghĩa tình của con người trong thuở quá khứ xa xăm. Khi đó trăng và người như hòa với nhau làm một, với tình cảm mặn nồng, gắn bó thiết tha: Hồn nhỏ sống với đồng với sông rồi với bể hồn chiến tranh ở rừng vầng trăng thành tri kỉ trần trụi với thiên nhiên hồn nhiên như cây cỏ ngỡ không bao giờ quên cái vầng trăng tình nghĩa

Tất cả những hoài niệm xa xăm ấy đều thấm đẫm ánh trăng, từ thuở ấu thơ cho tới lúc trưởng thành, nhất là trong những năm tháng chiến tranh. "Hồn nhỏ" gắn mình với thiên nhiên như với đồng ruộng, với sông bể của quê hương. Lớn lên trở thành người lính xông pha trận mạc gắn mình với rừng núi bao la, bát ngát. Trong cuộc ấy, con người sống chan hòa với thiên nhiên, bình dị, âm áp, hiền hòa. Và vầng trăng "tri kỉ", "tình nghĩa" đã minh chứng cho sự gắn kết giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ. Ở đây, Trăng được nhân hóa như con người và trở thành người bạn tuyệt vời cùng với con người: Trăng chia sẻ mọi vui buồn, gian khó, đồng cam cộng khổ xoa dịu những vết thương của chiến tranh bằng thứ ánh sáng dịu hiền nên trở thành người bạn "tri kỉ", tri âm. Con người sống "trần trụi với thiên nhiên", "hồn nhiên như cây cỏ", một cuộc sống thanh thản, giản dị và thỏa lòng. Và trăng với người sống chan hòa, gắn bó đậm thắm "tình nghĩa" với nhau. Vì vậy, lòng đã tự hẹn với lòng bằng một tấm lòng thủy chung, tình nghĩa, son sắt: "bao giờ quên". Nhưng từ "ngỡ" như vừa thể hiện niềm xót xa, tiếc nuối, ân hận; lại vừa báo hiệu trước sự đổi thay một tình nghĩa đáng lẽ cần phải trân trọng.

Thế nhưng, từ sau tuổi thơ và chiến tranh, hòa bình của đất nước được lập lại, người lính đã giã từ nơi rừng núi trở về thành phố, nơi đô thị phồn hoa thì cái vầng trăng tình

nghĩa tri kỉ năm nào đã bị con người lãng quên, coi "như người dung qua đường": Từ hồi về thành phố quen ánh điện cửa gương vầng trăng đi qua ngõ như người dung qua đường

Thành phố là một môi trường sống mới, một địa điểm khác hoàn toàn mới mẻ, hiện đại, đối lập với không gian sống hồi nhỏ và khi còn là người lính trên chiến trường ác liệt. Nơi ấy, có cuộc sống đủ đầy, tiện nghi, khép kín trong những căn phòng hiện đại nơi phồn hoa đô thị "ánh điện cửa gương", rời xa với thiên nhiên "đồng, sông, rừng, bể". Vì thế, tình cảm của con người dần phai nhạt và "Vầng trăng tri kỉ, tình nghĩa" kia đã trở thành "người dung qua đường". Vầng trăng đi qua ngõ nhưng con người hờ hững, thờ ơ, không còn nhận ra trăng từng là người bạn tri kỉ, tình nghĩa của một thời đó nữa. Câu thơ dung dung - lạnh lùng - nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Có lẽ nào sự biến đổi về kinh tế, về điều kiện sống tiện nghi lại kéo theo sự thay dạ đổi lòng?. Và từ đó, trong lòng người đọc lại dộn lên lời thơ khắc khoải của Tố Hữu trong bài thơ "Việt Bắc". Trong giờ phút chia tay giữa người lính và đồng bào nhân dân miền Tây, người dân Việt Bắc cũng băn khoăn, canh cánh một tâm trạng xót xa: Mình về thành thị xa xôi Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng? Phố đông còn nhớ bản làng Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

Từ sự xa lạ giữa người với trăng, giữa hiện tại và quá khứ, Nguyễn Duy muốn nhắc nhở chúng ta: đừng để những giá trị vật chất, guồng quay bận bịu, lo toan của cuộc sống cuốn chúng ta đi mất để rồi lãng quên giá trị bình dị mà vững bền sâu xa, những kỉ niệm, ngọt ngào, đong đầy tình cảm, những điều đáng để chúng ta phải khắc cốt ghi tâm, ân tình trọn vẹn. Câu chuyện tâm tình được kể ngắn gọn, súc tích, mộc mạc, giản dị mà chân thành; những câu chữ đầu dòng thơ không viết hoa đã diễn tả dòng suy tư miên man không dứt của nhà thơ trước sự chảy trôi của thời gian, năm tháng và sự thay đổi của lòng người trước cuộc sống tiện nghi.

Và rồi tưởng chừng như Trăng cứ thế mà chìm khuất đi mãi mãi, người với Trăng sẽ chẳng còn cơ hội mà gặp gỡ nhau. Bởi trước phồn hoa đô hội, dưới ánh sáng cửa gương, đèn điện, dưới sự bận bịu, lo toan cho cuộc sống của con người thì Trăng sẽ trở nên nhạt nhòa, chìm khuất nhưng nó đã có dịp bừng sáng lên khi một tình huống bất ngờ xảy đến, để rồi đánh thức biết bao nhiêu là suy ngẫm, kỉ niệm dội về trong lòng người đổi thay: Thành linh đèn điện tắt phòng buyn-đinh tối om vội bật tung cửa sổ đột ngột vầng trăng tròn

Nếu ở các khổ thơ trước, giọng thơ đều đều, chậm rãi, miên man trong những kỉ niệm tươi đẹp của quá khứ thì đến khổ bốn, giọng thơ đã đột ngột cất cao, thể hiện sự choáng ngợp, bất ngờ trước sự xuất hiện đột ngột của vầng trăng trước khung cửa sổ. Mất điện, theo một lẽ tự nhiên khi con người chỉ tìm tới nơi có ánh sáng, hạnh động phản xạ như một thói quen "vội bật tung cửa sổ" và con người đã vô tình bắt gặp "vầng trăng tròn" tình nghĩa năm nào. Nghệ thuật đảo ngữ đã đẩy từ "đột ngột" lên đầu câu thơ, nhấn mạnh đến sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên, bàng hoàng của con người khi bắt gặp vầng trăng. Vầng trăng tròn vành vạnh, chan chứa tình nghĩa vẫn luôn dõi theo, đồng hành cùng con người, vẫn luôn lặng lẽ tỏa sáng không hề hao khuyết. Còn con người thì lãng quên vầng trăng nên khi bắt gặp vầng trăng mới cảm thấy bất ngờ, đột ngột đến như vậy. Mọi khoảng lặng

xung quanh rất cần cho lúc này mọi thứ như ngừng trôi đi, nhường chỗ cho hai tâm hồn gặp gỡ: Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì dung dung như là đồng là bể như là sông là rừng

Con người lặng lẽ đối diện với trăng “Ngửa mặt lên nhìn mặt” và ngậm ngùi “rung rung” như trực trào nước mắt sắp khóc, vừa vui mừng, vừa ngen ngào không nói được thành lời. Từ “mặt” ở cuối câu thơ đầu là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa nghĩa của ý thơ: Nhà thơ đối diện với vàng trăng, người bạn tri kỉ mà mình đã lãng quên. Người đối diện với trăng,

trăng đối diện với người hay chính là quá khứ đối diện với hiện tại, thủy chung tình nghĩa đối diện với sự bạc bẽo, vô tình. Đối diện với trăng, nhà thơ như soi thấy cả mình trong đó, như được sống lại với những năm tháng gắn bó với thiên nhiên “đồng, sông, rừng, bể”. Vì thế, đã làm cho con người nhà thơ “rung rung” xúc động. Sự xúc động ấy vừa là niềm vui khi được sống lại với quá khứ; lại vừa là giọt nước mắt của sự ăn năn, cảm thấy hổ thẹn, ân hận về sự đổi thay của chính mình. Giọng thơ chuyển từ sự bất ngờ, đột ngột chuyển sang xúc động “rung rung”. Điệp ngữ “như là”, kết hợp với biện pháp liệt kê hình ảnh “đồng – sông – rừng – bể” đã khiến nhịp thơ trở nên trầm lắng, chậm rãi và những lớp sóng của hoài niệm xa xăm cứ tự dưng ùa về thật xúc động thiêng liêng. Từ hồi tưởng đến hiện tại, từ hiện tại tới xúc động rung rung và cuối cùng lắng dần vào trong những suy ngẫm, chiêm nghiệm. Đó là những phút giây bùng nổ của tâm hồn nhà thơ mà cũng chính là lời nhắn nhủ thiết tha mà Nguyễn Duy muốn gửi gắm trong cuộc đời. Vì thế, khổ cuối chính là nỗi niềm suy tư và sự trăn trở, suy ngẫm mang tính tổng kết triết lí của nhà thơ trước vàng trăng tình nghĩa: Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình.

Suốt chiều dài bài thơ, Trăng được miêu tả với rất nhiều những định ngữ khác nhau như: trăng tri kỉ, trăng tình nghĩa, vàng trăng tròn và cuối cùng kết tinh thành "Trăng cứ tròn vành vạnh". Điều đó đã cho thấy, trăng trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng, không thay đổi; biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên tươi đẹp trong quá khứ, trong hiện tại và cả tương lai, cho dù lòng người đổi thay, khiếm khuyết “vô tình”. Hình ảnh ánh trăng được nhân hóa với thái độ “im phăng phắc” gọi cho chúng ta liên tưởng tới cái nhìn nghiêm khắc như trách móc, nhắc nhở con người về thái độ “vô tình” bạc bẽo, lãng quên của chính mình. Nhưng đồng thời thái độ "im phăng phắc" đó của trăng cũng chất chứa cả sự bao dung, nhân từ, độ lượng của người bạn thủy chung, tình nghĩa. Bởi dù lòng người thay đổi nhưng trăng vẫn dõi theo người, vẫn lặng lẽ tỏa sáng, vẫn cứ “tròn vành vạnh”. Dòng thơ cuối dồn nén biết bao nhiêu là cảm xúc trong cái “giật mình” của con người. Chính sự im lặng của trăng đã làm cho con người phải “giật mình” thức tỉnh, hay đó chính là cái "giật mình" của nhân cách, của lương tâm, là lời sám hối chân thành để rửa sạch tội lỗi, để tâm hồn trở nên trong sạch và sống tốt đẹp hơn.

Lời thơ chuyển từ “vàng trăng tròn vành vạnh” sang hình ảnh “ánh trăng” chất chứa nhiều ý nghĩa khái quát: nếu như vàng trăng tròn là để nói về quá khứ thủy chung, tình nghĩa vẹn nguyên thì “ánh trăng” lại để nói đến vàng hào quang của quá khứ, ánh sáng của lương tâm, của đạo đức soi rọi xua tan đi những bóng tối của sự lãng quên, bội bạc và làm con người thức tỉnh, tâm hồn trở nên trong sáng hơn, đẹp đẽ hơn. Vì thế, ánh trăng



của Nguyễn Duy là một thứ vàng trắng mang đầy tính nhân văn, nhân bản sâu sắc. Nó trở thành một bài học không chỉ dành riêng cho những người lính mà còn có ý nghĩa với tất cả mọi người, mọi thời đại để rồi từ đó, tự mỗi người trong mỗi chúng ta sẽ tự đối diện với chính mình, với quá khứ xem mình đã sống ra sao, như thế nào...

Tóm lại, qua hình ảnh ánh trăng trong bài thơ, chúng ta thấy được những lớp nghĩa ẩn dụ sâu xa mà nhà thơ gửi gắm. Đó là một bài học mang ý nghĩa triết lí nhân sinh sâu sắc ở đời, chứa đựng đạo lí truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, mang ý nghĩa nhắc nhở về lòng biết ơn, sự thủy chung son sắt và tấm lòng biết trân trọng đối với những giá trị thiết thân, bình dị mà bền vững mà ta đã từng gắn bó, từng trải qua, nay đã thuộc về quá khứ. Và ánh trăng thực sự là tấm gương soi sáng, giúp mọi người nhìn lại chính mình mà "đối diện đàm tâm", để tìm lại cho mình những điều mà ta chợt quên lãng...

### **ĐỀ 3: Phân tích hình tượng đầu súng trăng treo trong Đồng chí và hình ảnh ánh trăng trong Ánh trăng**

Ánh trăng luôn hấp dẫn con người bởi sự bình dị và rất đời thân thương. Cũng chính bởi vậy mà nó luôn là cảm hứng vô tận của những nhà thơ, nhà văn. Ánh trăng sáng vàng vặc rọi chiếu vào tâm hồn thi sĩ những tình cảm ngọt ngào, dung dị và mang những giá trị biểu tượng sâu sắc. Trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu và Ánh trăng của Nguyễn Duy, hình ảnh vàng trắng cũng đi vào từng dòng thơ một cách nhẹ nhàng và rất đời tự nhiên như thế.

" Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng, trăng treo" Tình đồng chí chân thành, mộc mạc của những người lính ra đi vì lí tưởng chiến đấu giành độc lập, dân tộc, từ những vùng đất nghèo khô cằn sỏi đá. Họ sống và chiến đấu bên nhau, cùng nhau sẻ chia đắng cay, ngọt bùi. Giữa cạnh rừng hoang vu đầy khó khăn nguy hiểm, tình đồng chí lại càng bền chặt và gắn kết hơn. Hình ảnh đầu súng hướng về ánh trăng đậm chất hiện thực mà cũng rất đời trữ tình và lãng mạn. Có nét gì đó thơ mộng nơi chiến trận hiểm nguy. Súng biểu tượng cho hiện thực chiến tranh, cho bom đạn kẻ thù, chiến tranh vẫn đầy rẫy hiểm nguy bủa giăng người chiến sĩ. Hình ảnh vàng trắng biểu tượng cho sự đẹp đẽ, đậm chất thơ và khát vọng hòa bình. Giữa sự khắc nghiệt của hiện thực chiến tranh, người chiến sĩ vẫn mở rộng tâm hồn mình đón nhận vẻ đẹp của ánh trăng, vẻ đẹp của thiên nhiên. Dường như, trong trái tim mỗi người lính vẫn hướng về một ánh trăng tròn viên mãn, ngày mà đất nước được độc lập, khi mà bầu trời được yên bình không còn khói bụi của chiến tranh. Ánh trăng và đầu súng song hành với nhau như tình đồng chí vậy, tạo nên sự hài hoà về chất chiến sĩ và thi sĩ trong lòng người lính. Đó là một nét đẹp đầy mới mẻ. Trong gian khổ người lính vẫn tìm thấy những vẻ đẹp bình dị nhất. Vàng trắng giờ đây trở thành khát vọng, lí tưởng và niềm tin của người chiến sĩ để vững tâm thực hiện nhiệm vụ của mình. Súng và trăng là tình đồng chí, là tình thân như hai mà một - cứng rắn mà dịu dàng, thực tại và lãng mạn, ý chí và lí tưởng. Đến với thơ Nguyễn Duy, vàng trắng cũng mang đầy dấu ấn và tính triết lí sâu sắc. Vàng trắng đã gắn liền với tác giả trong suốt những năm tháng của cuộc đời. Đó là vàng trắng cùng với những ngày tháng tuổi thơ êm đềm bên chị Hằng, chú cuội, là vàng trắng của những đêm rằm Trung thu toả sáng một khoảng trời. Vàng trắng cũng đã cùng tác giả bước qua



những ngày tháng chiến tranh oanh liệt, nơi chiến trận xa gia đình và người thân, ánh trăng trở thành người bạn tri kỉ soi sáng mọi bước đường của cuộc chiến đấu gian khổ. Trăng trở nên đẹp đẽ và gắn bó với tác giả biết bao. Vẻ đẹp của vầng trăng thiên nhiên đã gợi nên trong tác giả những tình cảm gần gũi và ngọt ngào, trăng song hành với thiên nhiên và con người một cách hồn nhiên, chẳng màng lo toan tính toán. Cũng bởi vậy mà trong lòng tác giả lúc này dành cho vầng trăng ấy một vị trí đặc biệt, một tình cảm rất đáng trân trọng, ngỡ mãi mãi cũng chẳng thể nào phải dấu đi hình ảnh ấy. "Ngỡ không bao giờ quên Cái vầng trăng tình nghĩa" Nhưng, khi hoà bình lập lại, khi mà cuộc sống hiện đại với những đèn điện, với những trang thiết bị tiện nghi hơn thì tình cảm ấy trong tác giả nhạt phai đi hay thậm chí chìm vào quên lãng. Ánh trăng như một "người dung" đã từng gặp gỡ. Và có lẽ cũng bởi vậy, khi đèn điện tắt, cánh cửa sổ được mở ra chào đón ánh sáng của vầng trăng tròn vành vạnh cũng là lúc tác giả giật mình thổn thức. Bao nhiêu quá khứ nghĩa tình với vầng trăng dường như hiện ra trước mắt, tuổi thơ ulla về, những năm tháng chiến đấu bên vầng trăng ulla về, người bạn tri kỉ trước mắt ấy khiến tác giả bất ngờ, hoảng hốt và ân hận. "Ngửa mặt lên nhìn mặt Có cái gì rung rung Như là sông là bể Như là sông là rừng" Trăng vẫn cứ như vậy, âm thầm lặng lẽ dõi theo ta mỗi bước đường. Chẳng trách móc nhưng vẫn khiến lòng người phải thổn thức nghĩ suy: "Trăng cứ tròn vành vạnh Kể chỉ người vô hình Ánh trăng im phăng phắc Đủ cho ta giật mình" Vầng trăng mang nhiều tầng nghĩa, chứa đựng những giá trị triết lí sâu sắc. Nó không chỉ là một vầng trăng đơn thuần giữa bầu trời đêm mà gợi cho chúng ta về đạo lí sống ở đời, hãy sống ân nghĩa thủy chung với quá khứ, đừng vì những thứ mới mẻ mà vội quên đi quá khứ nghĩa tình. Cả Chính Hữu và Nguyễn Duy đều viết về hình ảnh ánh trăng. Tuy cách biểu đạt và tư tưởng có phần khác nhau nhưng đều ca ngợi những vẻ đẹp ẩn sau vẻ bình dị của vầng trăng.

#### **Đề 4:**

#### **Cảm nhận của em về đoạn thơ: "Từ hồi... giật mình" trong bài Ánh trăng**

Trăng có lẽ là hình ảnh thơ xuất hiện nhiều nhất, thường xuyên nhất trong các tác phẩm của các thi nhân xưa và nay. Trăng là hình ảnh bình dị mà quen thuộc, gần gũi, lãng mạn mà trữ tình. Hình ảnh vầng trăng trong thơ Hàn Mặc Tử "Ai mua trăng tôi bán trăng cho" là tình yêu đôi lứa tha thiết, trong thơ Hồ Chí Minh "trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ" là tình yêu thiên nhiên nồng nàn, ... nhưng phải đến thơ Nguyễn Duy, người ta mới thấy một hình ảnh về trăng khác lạ nhất. Đó là hình ảnh ánh trăng với triết lí sâu sắc của cuộc đời mỗi người "uống nước nhớ nguồn". Triết lí ấy thể hiện rất rõ qua ba khổ thơ cuối của bài thơ: " Từ hồi về thành phố ... đủ cho ta giật mình" Nếu ai đã từng biết tới Nguyễn Duy thì hẳn không quên được những tác phẩm đặc sắc của ông như *Đò Lèn*, *Tre Việt Nam*, ... Chúng đều là những tác phẩm thấm đẫm cái hồn của ca dao, tục ngữ, của những áng văn thơ dân gian Việt Nam. Bởi thơ ông không đi tìm những điều mới lạ như Xuân Diệu mà lại đi tìm lại, khai thác sâu thêm những cái nền nã, cái vốn có tình nghĩa lâu đời của người Việt. Chính thế, người ta mới được biết tới Ánh trăng. Một vầng trăng tri kỉ của con người, một vầng trăng tình nghĩa bao năm tháng và một vầng trăng thức tỉnh cái lương tâm ta. Tác phẩm là lời nói thức tỉnh mỗi con người chúng ta, đừng bao giờ vì những thứ hào nhoáng, mới mẻ mà quên đi quá khứ của mình. Mở đầu những trang thơ,

người ta thấy xuất hiện trong thơ Nguyễn Duy một vàng trắng sáng tỏa. Vàng trắng ấy chứa chan những kí ức của tuổi thơ, của những ngày gian khổ chiến tranh: "Hồi nhỏ sống ở đồng với sông rồi với bể hồi chiến tranh ở rừng vàng trắng thành tri kỉ" Vàng trắng ấy trong thơ Nguyễn Duy trải rộng ra trong không gian mênh mông của tuổi thơ. Tuổi thơ hồn nhiên bên những dòng sông và biển lớn và cả bên vàng trắng nữa. Rồi khi đi lính, vàng trắng lại dời theo chân ông, trở thành người bạn đường hành quân, trong những lần đứng gác. Đó là vàng trắng tri kỉ của Nguyễn Duy, cũng là vàng trắng tri kỉ của con người, của chúng ta. Bởi mỗi chúng ta sống và lớn lên đều có những kí ức bên vàng trắng yêu quý ấy. Thế nhưng, khi từ rừng, từ sông trở về đời thường, bước chân vào một hoàn cảnh sống mới mẻ, tâm hồn của người lính qua chiến tranh, của cậu bé hồn nhiên ngày nào dường như đã đổi khác. Chính Nguyễn Duy cũng nhận ra cái thay đổi ấy trong suy tư của mình: "Từ hồi về thành phố quen ánh điện cửa gương vàng trắng đi qua ngõ như người dung qua đường" Ông nhận ra rằng, từ khi bước chân đến một cuộc sống mới, một cuộc sống hòa bình như mong đợi, nơi có ánh điện chiếu sáng, có cửa gương hào nhoáng, đẹp đẽ, những điều đó khiến ông quen thuộc dần. Để rồi, một ngày ông phát hiện ra vàng trắng trôi lơ lửng qua mình chỉ như một người dung qua đường vội vã, chẳng lưu lại chút tình nghĩa gì. Thời gian có lẽ là thứ vô tình nhất trên thế gian này. Nó cuốn phăng đi tất cả quá khứ, tuổi thơ, tất cả chỉ như một cơn lốc, cuốn ào đi trong nháy mắt, chẳng còn lại gì cả. Có chăng, chỉ còn chút tình cảm vẫn vương còn lưu lại trong tâm trí những con người một thời đã sống bên nhau. Thế nhưng, con người - Nguyễn Duy lại chẳng kháng cự lại cái sự thay đổi trong tâm trí của mình. Ông cứ mặc nhiên coi sự thay đổi đó là tự nhiên, tất yếu. Ông quen với những hào nhoáng, xa hoa của phố thị "ánh điện, cửa gương". Và trong chính cái xa hoa ấy, người lính đã quên đi những năm tháng "chiến tranh ở rừng", quên đi "hồi nhỏ sống ở đồng", quên đi vàng trắng tri kỉ năm nào của mình ngày xưa. Đối với ông, giờ đây, vàng trắng ấy - người tri kỉ ấy đi qua có chăng chỉ là một người dung qua ngõ, không quen, không biết mà thôi. Có một phép nhân hóa Nguyễn Duy đã dùng ở đây, vàng trắng kia chính là con người, là một người bạn thân thuộc của ông. Đọc câu thơ mà chúng ta không khỏi rung rung, vàng trắng tình nghĩa, tri kỉ ngày xưa sao lại chỉ "như một người dung qua đường"? Phải chăng, những ồn ào nơi phố thị, những xô bồ nơi đây, những lo toan vật chất tầm thường đã cuốn đi, kéo con người ra khỏi những giá trị tinh thần vô giá, những kí ức tuổi thơ, những kỉ niệm ngày lính? Hay phải chăng là cái vô tâm vốn có của con người lẫn át lý trí họ, khiến họ là kẻ phản bội, quay lưng lại với quá khứ của chính mình? Con người khi được sống trong đầy đủ, xa hoa của vật chất, lại thường hay quên đi những giá trị tinh thần, những giá trị cốt lõi, nền tảng của cuộc sống. Thế nhưng, một tình huống thật bất ngờ đã xảy đến với người lính, buộc ông phải đối mặt với vàng trắng - với người bạn năm nào của mình: "Thình lình đèn điện tắt phòng buyn-đinh tối om vội bật tung cửa sổ đột ngột vàng trắng tròn" Giữa cái xa hoa đầy đủ vật chất kia, người lính đã quen được bao bọc trong ánh điện sáng chói, đột nhiên hôm nay, ông phải đối diện với một sự kiện bất ngờ, một thực tại tối tăm. Bởi dòng sông cuộc đời cứ uốn lượn chảy mãi nhưng sẽ có lúc nó sẽ bắt gặp một biển cổ thật bất ngờ. "Thình lình, đột ngột" giữa trong cái thành thị lộng lẫy ánh đèn ấy, "phòng buyn-đinh tối om". Người lính già "vội bật tung cửa sổ", vội vã làm một hành động quen thuộc

khi xưa để chợt nhận ra: "đột ngột vàng trắng tròn" Một vàng trắng tròn vành vạnh đang lơ lửng trên không trung ngắm nhìn xuống người bạn xưa của mình. "Đột ngột" - một sự thật bất ngờ, ngạc nhiên đến cực độ xảy ra trước mắt ông. Dường như người lính không hề tưởng tượng trước được rằng, vàng trắng tròn kia vẫn luôn ở đó, trước mắt ông, tồn tại trong cuộc sống của ông. Còn vàng trắng sáng ngoài kia, dường như chẳng biết người lính ấy đã lãng quên mất mình để rồi nó luôn ở đó chờ đợi người bạn tri kỉ của mình. "Người bạn" vàng trắng ấy không hề một câu oán trách, thở than rằng người lính đã bỏ rơi nó mà chỉ khoan dung, vị tha, dịu dàng ngắm nhìn người bạn đã lâu không gặp gỡ. Có chăng, nó đã tha thứ, đã khoan dung trước lỗi lầm của người xưa, để đón họ trở về, sẵn sàng bao dung, đón nhận lòng thành tâm sám hối của một con người. Cuộc đời mỗi người là một dòng chảy bất tận. Bất cứ ở đâu, hoặc vì bất cứ điều gì cũng có thể làm ta bất chợt rơi vào hoàn cảnh tối tăm, mịt mù. Chẳng có ai hay bất cứ điều gì có thể sống mãi một cuộc đời yên ổn cả. Thế nhưng, sau mỗi thử thách bất ngờ ấy, ta mới nhận ra điều gì thực sự là quan trọng, là cái gắn bó với ta suốt đời. Và chắc chắn rằng, nó sẽ chẳng phải là những thứ hào nhoáng, xa hoa "ánh điện, của gương" kia mà nó là thứ ánh sáng vĩnh cửu, trường tồn "vàng trắng". Đến lúc này đây, những tâm tình, những cảm xúc từ lâu đã bị quên lãng, đã bị những "ánh điện" thành thị cuốn đi chợt ùa về trong lòng người lính. Ông chợt nhận ra, tuổi thơ đang ùa về, những kí ức về những năm tháng chiến tranh gian khổ cùng vàng trắng cũng ùa về thật nhanh trong ông, hiện lên trong ánh trắng vàng. Cảm xúc dồn nén bật ra thành từng giọt nước mắt "rung rung" trên khuôn mặt con người: "Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì rung rung như là đồng là bể như là sông là rừng" Ngẩng mặt mình lên đối diện với vàng trắng, đối diện với "khuôn mặt" người bạn tri kỉ của mình, người lính mới chợt nhận ra: bao lâu nay, ông đã lãng quên những gì tình nghĩa nhất, tri kỉ nhất. Tác giả đã tinh tế khi đặt ở đây hình ảnh nhân hóa "mặt" trắng. Vàng trắng cũng là một con người, cũng có khuôn mặt, đôi mắt và đôi mắt, khuôn mặt ấy đang nhìn thẳng, đối diện vào người bạn của mình. Đối diện với khuôn mặt người xưa, Nguyễn Duy không khỏi "rung rung" dòng lệ. Bao kỉ niệm tuổi thơ bên cánh đồng, bên dòng sông, cửa bể, rồi những kí ức về cuộc sống ở rừng, tất cả như một cuộn phim chậm chậm đang ùa về, bao trùm lấy con người ông. Vàng trắng ấy đã gọi lại cho ông tất cả, nhắc nhở ông về quá khứ ngày xưa, quá khứ mà ông đã tạm lãng quên khi sống trong thành thị hào hoa này. Và giọt nước mắt ấy của người lính dường như đã khiến ông có được chút thanh thản, làm tâm hồn ông được sống lại thêm một lần nữa. Vẻ đẹp trong tâm hồn con người, cái "tính bản thiện" luôn luôn tồn tại lặn lẽ trong mỗi chúng ta. Chẳng qua, sự lương thiện, vẻ đẹp ấy đang bị những thứ hào nhoáng che khuất tạm thời. Nó đang chờ đợi một ngày con người bừng tỉnh, thức giấc, đánh thức những vẻ đẹp còn giấu kín bên trong. Những lời thơ mộc mạc, chân thành của Nguyễn Duy thật đã cho ta những cảm xúc chân thật nhất, đi vào lòng người tự nhiên nhất. Đến tận giờ đây, con người mới được vàng trắng thức tỉnh hoàn toàn:

"Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình". Khổ thơ cuối thật hàm súc biết bao. Vàng trắng tròn trên cao cứ im lặng chiếu rọi tâm hồn của người bạn của mình. Vàng trắng mà Nguyễn Duy miêu tả "tròn vành vạnh"

như cái vẻ đẹp tròn đầy, viên mãn, không bao giờ suy suyển dù trải qua bao năm tháng thăng trầm. Ánh trăng ấy cứ ngắm nhìn người bạn, chỉ vậy thôi cũng khiến cho người lính "giật mình". Đó là cái giật mình của sự bừng tỉnh, giật mình tự hỏi tại sao mình có thể quên lãng những ngày tháng đó? Ánh trăng như tấm gương chiếu rọi con người, để con người qua đó mà thức tỉnh lương tri của mình, để con người nhận ra rằng, họ có thể quên đi bất cứ điều gì nhưng không được quên đi quá khứ, quên đi những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc, quên đi những năm tháng máu lửa và xương máu của dân tộc ta đã đổ xuống để có được tự do hôm nay. Bằng lời thơ được viết như một câu chuyện kể, Nguyễn Duy đã kể cho chúng ta nghe một câu chuyện về sự thức tỉnh lương tri của một người lính già qua hình ảnh vầng trăng - người bạn tri kỉ. Những ngôn từ mộc mạc, giản dị, lời thơ nhẹ nhàng, không hề bay bổng, nó đã giúp ghim sâu vào tâm trí người đọc một hình ảnh vầng trăng tròn vành vạnh mang đầy nghĩa tình, sống với con người ta trải qua bao năm tháng. Qua đó, nhà thơ muốn gửi gắm những điều quý giá rằng: con người phải luôn trân trọng quá khứ, trân trọng những gì đã có ngày hôm qua, không được phép quên lãng đi những giá trị tinh thần cốt lõi của dân tộc.

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN TÁC PHẨM “ LẶNG LẼ SA PA ”- NGUYỄN THÀNH LONG

### **Đề 1: Phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.**

**I.Mở bài** - Là một trong những truyện ngắn khá thành công của Nguyễn Thành Long, viết về những tấm gương điển hình trong những năm chống Mỹ. - Đặc sắc là đã từ một cuộc gặp gỡ giữa các nhân vật trên một chuyến xe khách, chúng ta cảm nhận về đẹp con người, tiêu biểu về đẹp của chân dung nhân vật anh thanh niên: công việc thầm lặng, cách sống, suy nghĩ, tình cảm trong quan hệ với mọi người.

### **II.Thân bài**

1. Khái quát tác phẩm - Hoàn cảnh ra đời. Nội dung.

2. Nội dung chính

a. Hoàn cảnh sống và làm việc - Anh thanh niên xuất hiện dần dần, từ từ trong cái nhìn và ấn tượng của các nhân vật khác trong truyện. Là người thanh niên mang những nét đẹp dễ mến. - Anh sống giữa "Lặng Lẽ Sa Pa" khuất lấp giữa mây mù bạt ngàn, lặng lẽ - đầu phải để du lịch, thưởng thức, nghỉ ngơi, mà làm việc và suy nghĩ, quan hệ... ở một nơi "đỉnh cao", "quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây, mây núi, công việc là đo mưa, đo gió, tính mây,..." để dự báo trước thời tiết,... phục vụ sản xuất và chiến đấu.

b. Phẩm chất của anh thanh niên - Công việc yêu cầu tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm trong bất kỳ tình huống thời gian, thời tiết như thế nào ? - Gian khổ và thử thách lớn nhất đó là phải vượt qua đó là sự: cô đơn, vắng vẻ quanh năm trên một đỉnh núi cao không một bóng người. - Giúp anh vượt qua hoàn cảnh ấy là: bản lĩnh, ý thức và lòng yêu công việc - cái công việc thầm lặng mà lợi ích cho đất nước. Anh đã hưởng hạnh phúc khi góp phần dự báo thời tiết, bắn cháy máy bay Mỹ ở Hàm Rồng. - Anh có suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về công việc: "gắn liền công việc với bao anh em đồng chí ... gian khổ thế đấy... cất đi, cháu buồn đến chết mất" - Anh biết tạo cuộc sống tinh thần hạnh phúc, vui tươi



nhờ đọc sách báo: "như có một người bạn để trò chuyện tổ chức sắp xếp cuộc sống một mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, trồng hoa, nuôi gà, tự học, ... Qua chi tiết này, mỗi người nhận ra và thấm thía rằng chỉ sợ mình nghèo tâm hồn. - Cởi mở, chân thành, quý trọng tình người, khao khát chan hòa với mọi người: ân cần, chu đáo, vui mừng, cảm động, khi có khách xa tới thăm bất ngờ: + Tặng cô kĩ sư bó hoa tươi. + Biểu bác lái xe củ tam thất để chữa bệnh cho bác gái. - Anh giản dị, khiêm nhường, cầu tiến: + Từ chối vẽ chân dung mình. + Đề nghị vẽ chân dung anh kĩ sư vẽ bản đồ sét, bác công nhân trồng su hào. 3. Tổng kết nghệ thuật: - Cốt truyện đơn giản, nhân vật hiện lên qua một cuộc gặp gỡ trên một chuyến xe với nhân vật khác. Tác giả đã để nhân vật bộc lộ tính cách, phẩm chất qua ấn tượng, suy nghĩ, quan hệ với các nhân vật khác. Đó là chân dung một anh thanh niên mang những ấn tượng khó phai.

### III. Kết bài

Suy nghĩ của em về anh thanh niên từ đó nêu lên ý nghĩa và tư tưởng tác giả muốn xây dựng

#### Bài tham khảo 1:

Tôi là một cô gái sinh ra giữa chốn “phồn hoa đô thị” của thành phố Sài Gòn. Ngày ngày đến trường quần quanh với những nỗi lo toan ích kỷ, tầm thường, cuộc sống thật vô vị và nhàm chán. Nếu như không đọc truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của nhà văn Nguyễn Thành Long thì không biết cuộc sống đơn điệu của tôi sẽ kéo dài bao lâu nữa. Câu chuyện đã cuốn hút tôi. Không, phải nói đúng hơn là anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn ở Sa Pa, nhân vật trung tâm câu chuyện, đã có một sức thuyết phục mạnh mẽ đối với tôi. Anh, cũng như trăm ngàn con người một trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta trước đây, sống có lí tưởng sẵn sàng cống hiến tuổi thanh xuân cho quê hương, cho đất nước. Điều nổi bật ở con người ấy là tinh thần tự giác vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, anh cũng chính là con người cầu tiến. Phải hiểu rõ anh, ta mới thấy được chân giá trị của cuộc sống làm người.

Như đã nói, người cán bộ khoa học trẻ đó là người yêu nghề, hăng say tận tụy với công việc. Anh đã tự đề ra cho mình nhiệm vụ công tác và đã vượt qua mọi khó khăn thử thách để đạt được kết quả tốt nhất. Nơi làm việc của anh được tác giả giới thiệu thật độc đáo, nơi cô độc nhất thế gian. Một mình giữa núi cao, cô đơn nơi cao nguyên. Anh tự nguyện lên đây không phải vì sự bốc đồng nhất thời, mà là cả một nhận thức chín chắn, đúng đắn, sâu sắc nhất. Làm trai đứng trước cảnh nước nhà còn đang gặp nhiều khó khăn thì làm sao có thể ngồi yên hưởng thụ được. Từ đáy lòng anh từng tiếng gọi của non sông đất nước, cứ mãi vang lên từng hồi thúc như hồi kèn xung trận. Không ai có thể bắt buộc anh phải lên cái nơi “khỉ ho cò gáy” này để làm việc cống hiến, ở thành thị, tham gia lao động sản xuất, tạo nên những thành phẩm, không phải là làm giàu thêm cho quê hương đất nước? Nhưng nếu ai cũng tìm những nơi đầy đủ tiện nghi để lao vào làm việc thì nơi hẻo lánh không có ai cả sao? Trong khi đó, nơi rừng núi xa xôi hẻo lánh vẫn có những viên kim cương lẫn trong cát bụi đang chờ bàn tay đãi nhặt của con người. Anh thanh niên, một cán bộ vật lý kiêm khí tượng địa cầu, đã sẵn sàng đi đến bất cứ nơi nào để có thể phát huy tài năng và thực hiện ước mơ của mình. Sống đơn độc nơi rừng núi mà làm việc thì không phải là chuyện dễ dàng. Biết bao nhiêu vất vả, gian lao rình rập, thiếu



thôn vật chất, lại phải làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, nhưng với lòng hăng say trong công tác người con trai của rừng núi Sa Pa vẫn cố gắng vượt qua và hoàn thành nhiệm vụ. Qua lời tâm sự của anh với bác sĩ ta càng hiểu hơn những gian khổ mà anh phải chịu: “Gian khổ nhất là lần đi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. ở đây có cả mưa tuyết ấy”. Khuya rét, mưa tuyết... đây có thể là lí do để anh trốn tránh trách nhiệm. Lúc một giờ khuya lạnh lẽo heo hút ấy đến ông trời cũng còn đi ngủ thì ai đâu mà kiểm tra xem anh có làm “ốp” hay không. Nhưng không, anh vẫn tự giác làm việc, những bản báo cáo vẫn đều đặn gửi về trạm. Hơn ai hết, anh hiểu rõ tầm quan trọng của việc mình làm là “dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”. Nếu chỉ một đêm ngủ quên hay một suy nghĩ biếng nhác của anh thôi thì hậu quả sẽ không lường trước được. Một cơn bão sẽ tràn vào và cướp hết những gì đã và đang làm được từ mồ hôi nước mắt của nhân lao động. Công việc của anh thật chẳng kém gì nhiệm vụ của các anh chiến sĩ biên phòng đang ngày đêm bảo vệ Tổ quốc.

Qua cách miêu tả của nhà văn, ta thấy trái tim anh, tuổi thanh xuân của anh vẫn ngập tràn tình yêu thương, căng đầy nhựa sống. Và có lẽ chính lòng thương yêu bao la này đã trở thành sức mạnh để anh vượt qua tất cả. Thật vậy đã có lúc anh yếu mềm trước con “thèm người” đang dâng trào trong huyết quản. Anh đã làm đủ mọi cách để gặp con người, được nghe họ nói, được thấy họ cười, dù chỉ trong một giây phút. Những khuôn mặt anh chưa bao giờ gặp sao trở nên thân thiết lạ lùng! Nhưng cuối cùng chàng trai đã vượt qua cơn xúc động để trở về cuộc sống bình thường. Anh vẫn có thể trốn đi được đấy. Nhưng anh không làm vậy, tính anh là thế đó. Đã làm là phải làm cho đến nơi đến chốn. Có lẽ con người anh đã toát ra vẻ đẹp quyến rũ, buộc những người đã gặp gỡ không thể nào quên. Họ đang sống trong cộng đồng xã hội, giữa những người, nhưng họ lại vẫn “thèm” anh, một người “đơn độc nhất thế gian”. Sống giữa núi cao, nhưng anh không hề bị bóng núi che khuất, con người anh tuy bé nhỏ, nhưng anh vẫn cao lớn lạ thường. Vì anh như một vận động viên leo núi cố gắng vượt qua mọi chông gai để lên đỉnh núi cao nhất. Người “vận động viên” kiên cường ấy đã làm việc trong sự tự nguyện, tự giác vượt khó để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, gặt hái những thành quả tốt đẹp, ở anh còn là cả một sự khát khao được vươn xa, bay cho đến những mơ ước cao đẹp.

Sống một mình nơi hoang vắng, anh thanh niên tự lao động để cải thiện đời sống của mình. Một vườn hoa rực rỡ, những vườn chè thơm ngào ngạt đã làm cho cuộc sống của anh đẹp hơn, làm người cán bộ thêm yêu đời, yêu nghề tha thiết. Người bạn lặng lẽ, nhưng thân thương với anh là sách. Những cuốn sách đã làm bạn, làm thầy nâng cao hiểu biết cho anh. Tóm lại, anh thanh niên nơi Sa Pa là con người sống giản dị mà sâu sắc. Tác phong bộc trực, vô tư, hồn nhiên cầu tiến. Người cán bộ trẻ ấy đã được Nguyễn Thành Long xây dựng khá sắc nét với những đặc điểm, suy nghĩ, hành động tích cực, đã gieo vào lòng tôi nhiều tình cảm. Sau khi được làm quen với anh, tôi như được đón luồng gió lạ mang đến hương vị của cuộc sống thật thơ mộng, tốt đẹp. Tính cách của anh thôi thúc tôi muốn cống hiến, muốn làm gì đó có ích cho xã hội như một câu thơ “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.

**Bài tham khảo 2:**

Lặng lẽ Sa Pa là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nguyễn Trung Thành, tác phẩm là câu chuyện đẹp và cảm động về những con người đang ngày đêm lặng thầm góp phần xây dựng đất nước. Nổi bật trong những nhân vật ấy là người thanh niên, không tên không tuổi, nhưng những gì anh góp lại cho đời thật lớn lao, thật đáng trân trọng.

Tác phẩm có một cốt truyện đơn giản nhưng thật thú vị và ẩn chứa bên trong nhiều ý vị sâu sắc. Câu chuyện khắc họa lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn ở Sa Pa và người lái xe đưa mọi người đến vùng đất ấy.

Chàng thanh niên trẻ tuổi ấy, với sức trẻ và lòng nhiệt tình của mình, luôn mong muốn làm một điều gì có ích cho cuộc đời. Anh muốn đi bộ đội, nhưng không được và xin về làm việc ở đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm lạnh giá, sống một mình giữa “bốn bề cây cỏ, mây mù lạnh lẽo” của Sa Pa. Làm công việc có nhiều áp lực tại một nơi thiên nhiên khắc nghiệt, anh rất cô đơn và có cảm giác thèm được tiếp xúc với con người. Anh đã nghĩ ra mọi cách để được gặp con người.

Trong hoàn cảnh như vậy, anh vẫn là người yêu nghề và tinh thần trách nhiệm cao, anh đã tự nguyện lên đỉnh núi cao vắng vẻ để thực hiện công việc “đo mưa, đo gió” thầm lặng nhưng rất ý nghĩa, có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Một mình ở nơi hoang vắng, không ai quản lí đến hoạt động của mình nhưng anh luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Anh luôn nghĩ cho mọi người và luôn lạc quan trong công việc. Dẫu một mình ở nơi vắng bóng, thiếu âm thanh của con người và chống chọi với sự khắc nghiệt của thời tiết nhưng anh luôn hoàn thành thật tốt công việc của mình. Thái độ và cách làm việc của anh chứa đựng bao nhiêu tình yêu, niềm mê say với công việc. Mọi khó khăn đối với anh là niềm vui là nghị lực, anh không tô đậm cái gian khổ nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết mình đã góp phần bắn rơi phản lực Mĩ và đã thể hiện lòng yêu nghề của mình với ông họa sĩ già: “Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. Đó là con người với tâm hồn thật đáng quý, thật đáng trân trọng.

Một trong những đức tính đáng quý của anh đó là con người giản dị, sống có trách nhiệm với bản thân. Tuy sống một mình ở cái nơi hoang vu lạnh lẽo ấy, nhưng anh không hề buông thả bản thân. Mọi thứ xung quanh anh, gắn bó với anh rất ngăn nắp và sạch sẽ. Anh không hề buồn bã, chán nản ở nơi núi cao lạnh lẽo, trái lại anh vẫn ham học tập, trồng hoa, nuôi gà và anh còn có niềm vui đọc sách mà anh thấy như có bạn tâm giao.

Giữ khung cảnh hoang vu ấy, khi có khách đến thăm, ta còn thấy được lòng hiếu khách nồng nhiệt, sự quan tâm đến người khác nơi anh. Anh luôn quan tâm đến người khác, điều đó được thể hiện ở chi tiết khi nghe vợ bác tài xế bị bệnh, anh đã đào củ tam thất để biếu vợ bác. Anh đã cắt hoa tặng cho cô kĩ sư và thể hiện niềm hạnh phúc của mình ở trong đó. Khi khách ra về, anh còn biếu quà cho khách, thành quả lao động mà anh đã làm được và cảm thấy rất hạnh phúc vì điều này. Anh luôn cho rằng những đóng góp của mình là nhỏ bé, khó khăn của anh chưa thấm vào đâu so với ông kĩ sư nông nghiệp ngày đêm vất vả tạo ra những củ su hào to hơn ở vườn rau Sa Pa hay anh cá bộ khí tượng nghiên cứu, thiết lập bản đồ sét. Anh đã hiểu ra giá trị của sự hi sinh thầm lặng, cái nghĩa tình của những con người ngày đêm làm việc và lo nghĩ cho đất nước.

Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa là người sống đẹp, sống có ý nghĩa, luôn nghĩ và làm việc cho đất nước. Anh là tấm gương là động lực cho thế hệ trẻ của đất nước đang lặng thầm góp sức mình vào công cuộc xây dựng đất nước. Với cách kể chuyện tự nhiên giản dị, càng làm cho hình tượng anh thanh niên gần gũi, thân thiện với mọi người. Hình ảnh anh thanh niên trong truyện thật đáng khâm phục, là tấm gương sáng để thế hệ trẻ noi theo. Câu truyện khiến ta thêm yêu con người và cuộc sống, thấy được ý nghĩa và niềm vui của lao động vì những mục đích chân chính một cách tự giác. Qua nhân vật người thanh niên, người đọc thấy được trách nhiệm của mình với sự nghiệp chung của đất nước, thôi thúc ta rèn luyện bản thân để sống đẹp và làm gì đó có ích cho xã hội.

Truyện Lặng lẽ Sa Pa được Nguyễn Thành Long sáng tác năm 1970. Tác phẩm xây dựng từ một tình huống thật đơn giản. Với câu chuyện bằng bạc chất thơ, Tác giả đã đưa người đọc đến với Sa Pa thơ mộng để cảm nhận về những con người lặng lẽ làm việc và lo nghĩ cho đất nước. Nhân vật chính trong truyện là anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Suy nghĩ và việc làm của anh thể hiện một vẻ đẹp tâm hồn, một tính cách của thế hệ thanh niên. Có thể nói chất thơ của truyện không chỉ ở những hình ảnh đẹp của thiên nhiên mà còn toát lên từ vẻ đẹp tâm hồn nhân vật chính trong truyện - Anh thanh niên. Nhân vật chính của truyện - anh thanh niên - chỉ xuất hiện trong chốc lát nhưng là điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh mà tác giả tập trung thể hiện. Sức thu hút của anh chính là ở thái độ và những suy nghĩ về cuộc sống và công việc của một người sống và làm việc một mình giữa lặng lẽ của thiên nhiên. Tác giả khắc họa nổi bật hình ảnh anh thanh niên ở một hoàn cảnh sống và làm việc thật đặc biệt: Một mình trên đỉnh Yên Sơn, quanh năm suốt tháng giữa cái lặng lẽ mênh mông của cỏ cây, mây núi. Công việc của anh thật gian khổ, thật vất vả. Anh "Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất". Anh phải dậy vào lúc 1 giờ đêm, khi bên ngoài rét đến nổi lúc vào lại không ngủ được". Anh kể "Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung" Lời kể ấy chứng tỏ anh đã nếm trải gian khổ để mà hoàn thành công việc. Nhưng cái khó khăn, thách thức lớn nhất đối với anh chính là sự cô đơn thường trực, lúc nào cũng "thèm người".

Đặt nhân vật vào hoàn cảnh thơ mộng mà gian khổ, lặng mạn mà đầy thử thách. Vậy điều gì giúp anh thanh niên vượt qua hoàn cảnh gian khổ, thử thách ấy? Trước hết, đó chính là sức mạnh của ý thức trách nhiệm và tình yêu đối với công việc. Công việc "Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất". Công việc gian khổ ấy được anh lặng lẽ hoàn thành. Anh hiểu được nhiệm vụ của anh là "Phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu". Được biết từ việc báo tin về một đám mây khô của anh mà bộ đội ta bắn rơi máy bay địch trên cầu Hàm Rồng, anh " thấy thật hạnh phúc. ". Tinh thần trách nhiệm đã là động lực chính để anh một mình sống, làm việc tận tụy, để anh hiểu được hạnh phúc là làm việc, là cống hiến. Tác giả để anh thanh niên nói lên những suy nghĩ từ tiếng lòng tha thiết. Đó là những suy nghĩ sâu sắc, nghiêm túc về nghề nghiệp và về công việc. Với công việc, anh nghĩ ". . . Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được" Đó là tình yêu nghề, sự gắn bó với nghề nghiệp. Phải chăng khi ta yêu thích công việc của mình, thì công việc đem lại cho ta niềm vui, khi đó ta không còn cảm

thấy đơn độc. Anh càng hiểu "Huông chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy nhưng cắt bỏ nó đi cháu buồn đến chết mất" Rõ ràng, với anh nghề nghiệp như là lẽ sống. Phải chăng lòng yêu nghề tha thiết ấy, sự gắn bó với nghề nghiệp bằng một tình yêu sâu sắc. Tình yêu nghề đã làm anh không thấy cô đơn dù một mình anh giữa Sa Pa quanh năm với cây cỏ và mây mù.

Không chỉ suy nghĩ sâu sắc về công việc, về nghề nghiệp, anh thanh niên còn có những suy nghĩ về cuộc sống thật sâu sắc, thật trách nhiệm. Anh đã suy nghĩ " người thì ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì. . . mình vì ai mà làm việc?" Đó, rõ ràng, là những trăn trở của anh với cuộc sống. Anh hiểu rằng là con người ai cũng phải làm việc vì sự sống của bản thân và sự sống của cộng đồng. Thật đáng quý là anh đã tách mình ra khỏi những suy nghĩ tầm thường, cách sống tầm thường "Cháu bỗng tự hỏi: cái nhớ xe nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô thị thì xoàng". Có thể nói những suy nghĩ nghiêm túc của anh thanh niên đã bộc lộ tâm hồn trong sáng, cách sống đẹp, một thái độ trách nhiệm với cuộc sống.

Anh đã chiến thắng nỗi cô đơn, sự vắng vẻ, chiến thắng hoàn cảnh bằng một cách sống thật nghiêm túc mà cũng thật lãng mạn. ở một mình nhưng ngôi nhà của anh vẫn rất ngăn nắp, gọn gàng. Đó là ngôi nhà ba gian với cuộc đời riêng của anh thanh niên thu gọn lại một góc trái gian

với chiếc giường con, một bàn học một giá sách. Anh nuôi gà, trứng ăn không xuê, anh trồng hoa. Trong vườn rất nhiều hoa: Hoa đơn, hoa thực dược vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong. Anh tìm thấy niềm vui từ những trang sách. Tóm lại, trong ngôi nhà ngăn nắp, vườn hoa, chuồng gà, giá sách. . . Những điều đó phản ánh một tâm hồn đẹp, lãng mạn. Tất cả điều đó là do anh tạo ra để chiến thắng sự cô đơn giữa Sa Pa lạnh lẽo và mây mù.

Không chỉ vượt khó để hoàn thành công việc bằng một tình yêu nghề, một ý thức trách nhiệm, anh thanh niên còn luôn quan tâm, tận tụy với mọi người. Anh gửi bác lại xe một gói tam thất về cho bác gái đang ốm nặng, chuẩn bị ly trà nóng cho khách đường xa, một làn trứng cho người họa sĩ già, tặng hoa cho cô kĩ sư trong lần gặp cũng như khi chia tay. Những cử chỉ quan tâm đó thật tự nhiên, chân thành và chu đáo. Nó thể hiện sự trân trọng yêu thương và quan tâm đến mọi người. Khi người họa sĩ kí họa về anh, anh đã giới thiệu về một kĩ sư rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào để tạo giống su hào to hơn, ngọt hơn cho nhân dân miền Bắc; một đồng chí suốt ngày chờ sét, mười một năm không một ngày xa cơ quan. . . để lập bản đồ sét cho nước ta; anh giới thiệu về người bạn trên đỉnh Pan Xi phẳng xa xôi kia. . . Anh đã quan tâm đến những con người thầm lặng đang miệt mài lao động sáng tạo để phục vụ nhân dân. Anh am hiểu, ngưỡng mộ, ngợi ca từng công việc, từng con người, tôn vinh sự lao động của mọi người. Ta thấy anh hiện lên bằng một đức tính khiêm nhường, một sự quý trọng lao động sáng tạo, quên mình vì hạnh phúc của nhân dân.

Đọc truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa, ta như đồng cảm với tâm trạng của người họa sĩ khi nghĩ về anh. Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm ông khó nhọc quá. Đúng là anh đáng yêu thật. Đáng yêu ở tâm hồn, ở cách sống, ở sự tha thiết với nghề nghiệp để cống hiến. Vẻ đẹp đáng yêu ở anh thanh niên cũng là vẻ đẹp của con người mới đang hăng hái xây dựng đất nước. Vẻ đẹp mà người họa sĩ ví von "Thanh niên bây giờ lạ thật !



các anh chị cứ như con bướm" phải chăng đó là vẻ đẹp hồn nhiên muôn màu, có sức hấp dẫn của vẻ đẹp đa dạng và bất ngờ của thế hệ trẻ. Phải chăng từ cách sống, từ tâm hồn của anh thanh niên trong tác phẩm làm người họa sĩ cũng như mọi người đọc càng thêm cảm nhận mới mẻ, thêm tin yêu, thêm hy vọng vào thế hệ thanh niên trong công cuộc xây dựng đất nước. Nguyễn Thành Long đã xây dựng một cốt truyện giản dị nhưng gợi nhiều suy nghĩ sâu xa về cách sống. Nhân vật anh thanh niên đã gợi trong lòng ta những cảm xúc đầy tin tưởng, yêu mến, trân trọng về những con người lặng lẽ suy nghĩ, cống hiến xây dựng cuộc sống tươi đẹp của chúng ta.

Nếu như truyện Lặng lẽ sa pa đã ca ngợi những con người lặng lẽ làm việc và cống hiến cho Tổ quốc, thì nhân vật anh thanh niên là tiêu biểu, là trung tâm. Anh thanh niên cũng như bao người khác với công việc lặng lẽ của mình đã làm nền tảng của cuộc sống. Chính anh cũng như bao nhiêu người lao động bên ngoài cuộc sống vượt khó khăn, say mê cống hiến là những người làm nên vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời mới. Công việc của anh, thái độ sống của anh, suy nghĩ, tâm hồn anh góp một phần làm nên chất thơ trong truyện của tác phẩm. Và nên chăng gọi anh là anh hùng thầm lặng với chiến công thầm lặng mà người đọc cảm nhận đầy trân trọng!

### **Bài tham khảo 3:**

Gấp lại truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long lòng ta cứ xao xuyến vấn vương trước vẻ đẹp của những con người, trước những tình cảm chân thành, nồng hậu trong một cuộc sống đầy tin yêu. Dù được miêu tả ít hay nhiều nhân vật nào của "Lặng lẽ Sa Pa" cũng hiện lên với nét cao quý đáng khâm phục. Trong đó anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu đã để lại cho chúng ta nhiều ấn tượng khó phai mờ.

Trước tiên anh thanh niên này đẹp ở tấm lòng yêu đời, yêu nghề, ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc lắm gian khổ của mình. Trong lời giới thiệu với ông họa sỹ già và cô gái, bác lái xe gọi anh là "người cô độc nhất thế gian". Đã mấy năm nay anh "sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m bốn bề chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo". Công việc hàng ngày của anh là "đo gió, đo mưa, đo chấn động mặt đất" rồi ghi chép, gọi vào máy bộ đàm báo về trung tâm. Nhiều đêm anh phải "đồi chọi với gió tuyết và lặng im đáng sợ". Vậy mà anh rất yêu công việc của mình.

Anh quan niệm: "khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?" Anh hiểu rõ: "Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất". Sống một mình nhưng anh không đơn độc bởi "lúc nào tôi cũng có người để trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà".

Tuy sống trong điều kiện thiếu thốn nhưng người thanh niên ấy vẫn ham mê công việc, biết sắp xếp lo toan cuộc sống riêng ngăn nắp, ổn định. Anh nuôi gà, trồng hoa, đọc sách, thỉnh thoảng anh xuống đường tìm gặp bác lái xe cùng hành khách để trò chuyện cho vui bớt nỗi nhớ nhà.

Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn. Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi "thèm người", lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo. Ngay từ những phút gặp gỡ ban đầu, lòng mến khách, nhiệt tình của anh đã gây được thiện cảm tự nhiên đối với người



hoạ sỹ già và cô kỹ sư trẻ. Niềm vui được đón khách dào dạt trong anh, toát lên qua nét mặt, cử chỉ: anh biểu bác lái xe củ tam thất, mừng quynh đón quyển sách bác mua hộ, hỏi đón mọi người lên thăm "nhà", hồn nhiên kể về công việc, đồng nghiệp và cuộc sống của mình nơi Sa Pa lặng lẽ. Khó người đọc nào có thể quên, việc làm đầu tiên của anh khi có khách lên thăm nơi ở của mình là: hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái lần đầu quen biết. Bó hoa cho cô gái, nước chè cho ông hoạ sỹ già, làn trứng ăn đường cho hai bác cháu... Tất cả không chỉ chứng tỏ đó là người con trai tâm lý mà còn là kỷ niệm của một tấm lòng sốt sắng, tận tình đáng quý.

Công việc vất vả, có những đóng góp quan trọng cho đất nước nhưng người thanh niên hiếu khách và sôi nổi ấy lại rất khiêm tốn. Anh cảm thấy đóng góp của mình bình thường, nhỏ bé so với bao người khác. Bởi thế anh ngưng ngưng khi ông hoạ sỹ già phác thảo chân dung mình vào cuốn sổ tay. Con người khiêm tốn ấy hào hứng giới thiệu cho ông hoạ sỹ những người khác đáng vẽ hơn mình: "Không, không, bác đừng mất công vẽ cháu, để cháu giới thiệu cho bác những người khác đáng vẽ hơn." Đó là ông kỹ sư ở vườn rau vượt qua bao vất vả để tạo ra củ su hào ngon hơn, to hơn. Đó là "người cán bộ nghiên cứu sét, 11 năm không xa cơ quan lấy một ngày"... Dù còn trẻ tuổi, anh thấm thía cái nghĩa, cái tình của mảnh đất Sa Pa, thấm thía sự hy sinh lặng thầm của những con người đang ngày đêm làm việc và lo nghĩ cho đất nước. Bằng một cốt truyện khá nhẹ nhàng, những chi tiết chân thực tinh tế, ngôn ngữ đối thoại sinh động Nguyễn Thành Long đã kể lại một cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi Sa Pa lặng lẽ. Chưa đầy 30 phút tiếp xúc với anh thanh niên, khiến người hoạ sỹ già thêm suy ngẫm về vẻ đẹp cuộc đời mà mình không bao giờ thể hiện hết được và còn làm cô kỹ sư trẻ lòng bao cảm mến băng khuâng...

Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định: Cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phần đầu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy, khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.

## **ĐỀ 2: Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long**

### **Bài tham khảo 1:**

Nguyễn Thành Long là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và bút kí. Các tác phẩm của ông là sự chất lọc hiện thực của cuộc sống. Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn đặc sắc, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc. Truyện được viết sau chuyến đi thực tế ở Sa Pa, một vùng núi đẹp nổi tiếng. Tác phẩm không chỉ khắc hoạ vẻ đẹp độc đáo của thiên nhiên Sa Pa mà còn nêu lên vẻ đẹp của những con người ở chốn Sa Pa lặng lẽ đó. Thiên nhiên Việt Nam có rất nhiều cảnh đẹp trong đó có Sa Pa là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở miền Bắc. Khí hậu ở đây hài hoà, chính vì thế mà hoa trái bốn mùa tươi tốt. Sa Pa hiện lên trong truyện ngắn của Nguyễn Thành Long với ngôn ngữ điêu luyện đã trở thành một bức tranh đẹp, sống động, và đầy chất thơ. Đọc truyện của ông, người đọc không còn thấy Sa Pa có vẻ đẹp hoang dã, bí ẩn mà ngược lại, thiên nhiên nơi đây đi vào truyện của Nguyễn Thành Long với một cái nhìn dịu dàng, trong trẻo như một bức tranh thủy mặc làm cho người đọc không khỏi băng khuâng, xao xuyến. Theo bước chân của nhà văn, ta không

khỏi ngỡ ngàng trước bầu trời xanh bao la. Mây ở đây hiện ra mang một vẻ đẹp kì thú: mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe làm cho không gian ở đây trở nên mát lạnh, mờ ảo. Nắng ở Sa Pa cũng thật là đẹp. Ngòi bút miêu tả đặc sắc của Nguyễn Thành Long đã tôn lên vẻ đẹp rực rỡ của nắng Sa Pa: nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây, hùng hực như một bó đuốc lớn. Qua sự miêu tả của nhà văn, hình ảnh những cây thông chỉ cao quá đầu, rung títt trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng đã làm nổi bật lên vẻ đẹp rực rỡ của Sa Pa. Những con đèo trên Sa Pa khi được nắng chiếu sáng cũng trở nên đẹp lạ thường: nắng đã mạ bạc cả con đường đèo. Hoa ở Sa Pa thì muôn màu rực rỡ. Khi đọc đến đây, với cảnh đẹp như vậy, người đọc mang theo cảm nhận khao khát được đến với Sa Pa để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nơi này. Có thể nói, thiên nhiên Sa Pa hiện lên đẹp thơ mộng, hư ảo và phải là người có con mắt nhìn tinh tế và chính xác, ngôn ngữ nghệ thuật giàu chất thơ mới có thể vẽ lên một bức tranh tuyệt đẹp như vậy.

Trên nền bức tranh thiên nhiên kì ảo ấy, Sa Pa còn đẹp thêm biết bao với những con người làm việc quên mình cho đất nước. Trước hết là anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu, một mình sống trên đỉnh Yên Sơn cao hơn hai ngàn sáu trăm mét, quanh năm suốt tháng, giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Đó là một con người đầy trách nhiệm, say mê với công việc và ân tình với mọi người. Anh hiểu công việc của mình tuy gian khổ nhưng thiếu nó cháu buồn đến chết mất vì công việc là niềm vui, là nguồn sống của anh. Anh đã tìm được hạnh phúc trong công việc. Anh quan niệm công việc là người bạn đồng hành với mình, chính vì thế cuộc sống của anh không bao giờ tẻ nhạt và buồn chán. Anh tâm sự: khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí dưới kia. Con người đó cũng có quan niệm về hạnh phúc thật giản dị nhưng hết sức cao đẹp - đó là được lao động, được cống hiến sức mình cho đất nước. Vì thế, khi biết tin nhờ mình phát hiện đám mây khô mà không quân ta hạ được nhiều máy bay Mỹ, anh thấy mình thật hạnh phúc. Tóm lại, được cống hiến cho khoa học là lí tưởng sống của anh. Suy nghĩ của anh về cuộc sống thật đẹp, thật sâu sắc. Không chỉ là người có suy nghĩ đẹp, anh còn là người biết hành động đẹp. Trong hoàn cảnh hết sức gian khổ, một mình sống vất vẻo trên đỉnh Yên Sơn, làm bạn với rừng xanh, mây trắng, bão tuyết, sương rơi để đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, tham gia vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Dù không ai đôn đốc, kiểm tra, nhưng anh vẫn tự nguyện tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Công việc đòi hỏi phải thực hiện vào những thời khắc khó khăn như nửa đêm giữa mùa đông giá rét, nhưng bất kì trong hoàn cảnh nào, đến đúng thời điểm ấy là anh thức giấc, xách đèn đi ốp, xách máy đi đo, không bỏ sót một ngày nào, không quên một buổi nào, âm thầm bền bỉ suốt nhiều năm trời. Nhưng khó khăn hơn tất cả đối với anh chính là vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng không một bóng người. Và anh đã vượt qua được bằng sự miệt mài, say mê trong công việc. Anh đã dùng tất cả thời gian, nhiệt huyết, tâm trí, sức lực cho nhiệm vụ được giao, rảnh một chút là anh lại lấy sách ra để trò chuyện. Từ những công việc lặng lẽ âm thầm đó, anh đã góp phần trực tiếp vào chiến thắng chung của quân và dân miền Bắc.

Đặc biệt, Nguyễn Thành Long đã khéo léo đưa vào truyện chi tiết anh thanh niên tặng cô gái bó hoa nhiều màu sắc sặc sỡ. Bó hoa ấy không chỉ là vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời Sa Pa mà nó còn là vẻ đẹp của cuộc đời mà anh thanh niên đã hào phóng tặng cho mọi người. Chi tiết ấy đã toát lên một chân lí: hãy sống đẹp, hãy quan tâm đến nhau, hãy đến với nhau bằng tất cả tấm lòng và tình cảm nhân hậu.

Thông qua lời kể của anh thanh niên, ta còn thấy một ông kĩ sư vườn rau cần cù, say mê, chăm chỉ làm việc, ngày ngày quan sát cách lây mật của ong, cách ong thụ phấn để tìm cách tăng năng suất cây trồng, đó là một mục đích đẹp. Còn nhà nghiên cứu khoa học thì mười một năm không xa rời cơ quan, luôn trong tư thế sẵn sàng đọt sét để lập bản đồ sét Việt Nam, tìm cho ra cửa chìm nông, chìm sâu dưới lòng đất để làm giàu cho đất nước. Anh mặc cho tuổi xuân trôi đi, quên cả hạnh phúc riêng tư, bất chấp mọi nguy hiểm. Dù chỉ được giới thiệu một cách gián tiếp nhưng họ đã tạo thành một thế giới những con người tương tự như anh thanh niên luôn miệt mài lao động, trong sự hi sinh âm thầm lặng lẽ. Nhan đề của truyện là Lặng lẽ Sa Pa nhưng Sa Pa có thật sự lặng lẽ không? Tác giả đã giải thích một cách hết sức đơn giản cho người đọc: Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ của Sa Pa, một Sa Pa mà chỉ nghe tên người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi có những con người đang làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước. Qua cách đặt nhan đề của truyện, tác giả muốn ca ngợi những con người sống đẹp, họ lao động một cách say mê và quên mình cho đất nước, họ đã nâng cao và mở rộng tâm hồn người đọc: hãy yêu thương nhau và sống đẹp hơn. Nhà văn Nguyễn Thành Long đã đem đến cho chúng ta niềm cảm hứng dạt dào về vẻ đẹp thiên nhiên và con người Sa Pa. Người đọc như nghe thấy được những lời khuyên nhủ nhỏ nhẹ, tâm tình của nhà văn qua thiên truyện đầy chất thơ với cái tên độc đáo Lặng lẽ Sa Pa. Đó là hãy nhìn vào mọi người để phát hiện những điều vô cùng nhỏ nhưng đáng ca ngợi biết bao.

## **Bài tham khảo 2:**

Xanh ngát trong nền văn học Việt Nam thế kỉ 20, nổi bậc lên cây bút Nguyễn Thành Long. Không khai thác hiện thực cuộc sống khốc liệt, sắc cạnh và sôi sục như các nhà văn khác, Nguyễn Thành Long đã lựa chọn cách biểu đạt nhẹ nhàng, sâu lắng như chính tâm hồn ông, bởi ông yêu văn, yêu cả cuộc sống. Truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật ấy. Vẻ đẹp Lặng lẽ Sa Pa trầm lắng nhưng rạo rức và tinh tế vô cùng.

Văn Nguyễn Thành Long có giọng buồn êm dịu như một bài thơ, nhỏ xinh run rẩy như một bông cúc nở trong sương sớm. Ta ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của bông hoa và đắm say trước đất trời hòa thắm yêu thương. Nhiều khi, hồn văn Nguyễn Thành Long làm dịu mát lòng ta như mạch nguồn trong trẻo, dịu dàng.

Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long lúc nào cũng nhẹ nhàng, tình cảm, thường pha chất kí và giàu chất thơ, thấm đẫm chất trữ tình. Văn ông thường ánh lên vẻ đẹp của con người nên có khả năng thanh lọc làm trong sáng tâm hồn, khiến chúng ta thêm yêu cuộc sống. Truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" được xây dựng xoay quanh một tình huống truyện khá đơn giản mà tự nhiên. Đó chính là cuộc gặp gỡ tình cờ của mấy người khách trên chuyến xe lên Sa Pa với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.

Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi cũng đủ để tác giả khắc họa "bức chân dung" anh thanh niên - nhân vật chính một cách tự nhiên và tập trung, qua sự quan sát của các nhân vật khác và qua chính lời lẽ, hành động của anh.

Đồng thời, qua "bức chân dung" của người thanh niên, qua sự cảm nhận của các nhân vật khác về anh và những người như anh, tác giả đã làm nổi bật được chủ đề của tác phẩm: Trong cái lặng lẽ, vắng vẻ trên núi cao Sa Pa, nơi mà nghe tên người ta chỉ nghĩ đến sự nghỉ ngơi, vẫn có bao nhiêu người đang ngày đêm làm việc miệt mài, say mê, cống hiến sức mình dựng xây đất nước.

Đọc Lặng lẽ Sa Pa, người đọc lặng lẽ bước theo bước chân của các vị du khách, rời Hà Nội, rời xa phố phường chật chội đến với thiên nhiên thắm xanh Tây Bắc. Cái thú vị đầu tiên là mở đầu thiên truyện, nhà văn đã hướng ngòi bút vào miêu tả vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên Tây Bắc, rồi đến cái đẹp tĩnh mịch, mê hồn của Sa Pa.

Có lẽ nhà văn luôn mong đợi điều đó. Ông cũng yêu thiên nhiên lắm, thế nên đến với với Tây Bắc ông cũng hồ hởi như con trẻ, say đắm biểu đạt nó. Tây Bắc hiện ra với nắng đốt cháy rừng cây, nắng mạ bạc con đèo... Cây hoa tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luôn cả vào gầm xe. Chỉ vài nét chấm phá điểm xuyết như trong thơ cổ, nghệ thuật nhân hóa, so sánh đặc sắc, tác giả đã mau chóng khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, quyến rũ tình người. Người đọc không hề thấy một Tây Bắc dữ dội với đèo cao, vực thẳm, dốc đá trơn trượt,... mà chỉ thấy một Tây Bắc tươi xanh, trẻ đẹp như một sơn nữ, thấp thoáng trong làn sương mờ ảo vừa hữu tình vừa khơi gợi đam mê khám phá.

Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét, hình khối, sắc màu. Người đọc cứ rộn ràng theo nhịp điệu văn mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước, thổi thức lòng người đến với miền địa đầu tổ quốc.

Có thể nói, Nguyễn Thành Long đã khéo léo để cho bức tranh ấy được cảm nhận bởi du khách, với nhiều tâm trạng, nhiều lứa tuổi, nhiều trải nghiệm khác nhau. Có khi rất quen thuộc của người lái xe, có khi lạ lẫm của cô kĩ sư, có khi triết lí của ông họa sĩ. Hình ảnh thiên nhiên

được lột tả nhiều mặt, chuyển đổi liên tục, càng ngày càng rõ, có sức cuốn hút vô cùng.

Trên nền cảnh hùng vĩ ấy, nhân vật anh thanh niên dần dần hiện lên qua lời giới thiệu của bác lái xe trong cuộc trò chuyện với khách. Đó là "một trong những người cô độc nhất thế gian", rằng anh ta rất "thèm người" và nếu họa sĩ đến gặp thì thế nào "cũng thích vẽ". Lời chào đầu đã thực sự gây hứng thú đối với ông họa sĩ và cô kĩ sư - những người luôn mong ước được gặp gỡ để ghi nhận những anh hùng người thầm lặng trên khắp đất nước mình.

Không để cho các nhân vật chờ đợi lâu hơn nữa, Nguyễn Thành Long đã rất hạn chế diễn giải dài dòng, cuộc gặp gỡ diễn ra ngay sau đó. Đúng như lời bác tài xế đã giới thiệu, anh thanh niên quả thật tuyệt vời. Cuộc sống đơn độc, công việc vất vả nhưng không vì thế mà tâm hồn khô héo, nó vẫn tươi xanh và tràn đầy sinh lực. Anh vẫn nhớ tặng bác tài xế củ tam thất cho bác gái bồi bổ sức khỏe. Vừa tiếp chuyện, anh vẫn kịp



chạy đi cắt mấy bông hoa tặng cô kỹ sư trẻ. Cuộc sống của anh lúc nào cũng rộn ràng dù chỉ có mình anh trên đỉnh mây mù.

Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ. Công việc của anh là hằng ngày là "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu". Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. Hoàn cảnh làm việc khó khăn, lại không có ai quản lí thế nhưng anh không hề sao nhãng hay lười biếng: "nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc".

Sự heo hút, vắng vẻ của núi rừng Tây Bắc; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, nhàm chán...là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Thú vị nhất là chi tiết cô đơn đến mức "thèm người", anh thanh niên phải lẩn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện. Người đọc sẽ mỉm cười khi đến đoạn này và càng yêu mến anh hơn. Thật có gì khủng khiếp hơn khi tách ta ra khỏi cuộc sống con người. Đó cũng là bản năng của con người mà anh thanh niên quyết giữ gìn lấy, không để cho cái lạnh và làn sương mù Tây Bắc làm cho khô kiệt đi. Chi 30 phút trò chuyện nhưng cũng đủ để những người tiếp xúc kịp ghi một ấn tượng sâu sắc, kịp để ông họa sĩ thực hiện bức kí họa chân dung, kịp để cô kỹ sư bối rối và có những cái gì đó thật thân thiết với anh thanh niên. Rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Trong cái im lặng của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.

Nguyễn Thành Long đã rất thành công khi chọn cách kể chuyện nhỏ nhẹ như lời tâm tình. Sự hòa lẫn giữa lời dẫn chuyện và sự dẫn dắt giữa các nhân vật làm cho câu chuyện trở nên tự nhiên, cảnh vật phô bày trước mắt người đọc. Nhân vật chính hiện lên đa chiều giúp người đọc nhanh chóng cảm nhận khá toàn diện. Với Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long đã đóng góp một tiếng nói thầm lặng ngợi ca những người anh hùng đã quên mình làm việc, góp sức xây dựng quê hương, đất nước trong thời đại mới. Đó cũng là một phát hiện khá mới mẻ, một điểm nhìn đặc sắc của nhà văn.

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN TÁC PHẨM “ CHIẾC LƯỢC NGÀ”- NGUYỄN QUANG SÁNG

**Đề 1: Một truyện ngắn hay là truyện mà ở đó nhà văn sáng tạo được những chi tiết độc đáo. Em hãy chọn và phân tích một chi tiết trong tác phẩm "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng mà theo em là độc đáo và có nhiều ý nghĩa trong việc làm nổi bật chủ đề tác phẩm.**

**Gợi ý:** \* Đây là một đề bài mở. Các em được quyền lựa chọn một chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm "Chiếc lược ngà" để nghị luận. Có thể là chi tiết chiếc lược ngà, chi tiết "vết thẹo" trên khuôn mặt của ông Sáu;... \* Sau đây, cô sẽ chọn chi tiết "vết thẹo" trên



khuôn mặt của ông Sáu, để giúp các em định hướng được các ý mà mình cần phải có trong bài viết.

### **Dàn ý Chi Tiết:**

**I. Mở bài:** - Giới thiệu được tác giả Nguyễn Quang Sáng - Giới thiệu được tác phẩm "Chiếc lược ngà". - Giới thiệu được vấn đề nghị luận: Chi tiết "vết thẹo" trên khuôn mặt của ông Sáu.

**II. Thân bài: 1. Vai trò của chi tiết trong truyện ngắn:** - Truyện ngắn là thể tài văn học gần gũi với đời sống hằng ngày, có tác dụng và ảnh hưởng to lớn đến đời sống và nhu cầu thẩm mỹ của độc giả. Ngoài việc đảm bảo những yêu cầu khắt khe của thể loại như: hình thức tự sự cỡ nhỏ, đảm bảo tính tình huống, nhân vật điển hình, thì truyện ngắn luôn đòi hỏi sự có mặt của các chi tiết nghệ thuật độc đáo, tiêu biểu. - Chi tiết là một trong những yếu tố nhỏ nhất tạo nên tác phẩm. Để làm nên một chi tiết nhỏ có giá trị đòi hỏi nhà văn phải có sự thăng hoa về cảm hứng và tài năng nghệ thuật. - Nghệ thuật là một lĩnh vực đặc thù: Tầm vóc của người nghệ sỹ có thể được làm nên từ những yếu tố nhỏ nhất. Nhà văn lớn có khả năng sáng tạo được những chi tiết nhỏ nhưng giàu giá trị biểu đạt, góp phần đắc lực trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm, quan niệm nghệ thuật của mình. => Đánh giá giá trị của chi tiết "vết thẹo" trong truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.

#### **2. Phân tích:**

\* Chi tiết "vết thẹo" xuất hiện 3 lần trong tác phẩm. Lần thứ nhất, phút đầu bé Thu gặp ba; lần thứ hai, qua cuộc trò chuyện với bà ngoại; lần thứ ba, Thu nhận ra ba, hôn cùng khắp, hôn cả vết thẹo.

\* Chi tiết này góp phần tạo sự hoàn chỉnh, chặt chẽ cho cốt truyện. Vết thẹo trên mặt ông Sáu là chi tiết nghệ thuật đặc sắc, nối kết các tình tiết trong truyện, tạo nên nghệ thuật thắt nút, mở nút bất ngờ, hợp lý: - Chỉ vì "vết thẹo" mà bé Thu không nhận ra ba, đối xử với ba một cách lạnh lùng, cự tuyệt.

- Khi được bà ngoại giải thích về "vết thẹo" trên gương mặt ba, mối nghi ngờ của bé Thu về ông Sáu đã được giải tỏa, khiến bé Thu nhận ra ba.

- Khi nhận ra ba, tình cảm, thái độ của em đã thay đổi hoàn toàn. Thu nhận cha, yêu cha, yêu vết thẹo, không muốn chia tay cha

=> Như vậy, chi tiết "vết thẹo" đã tạo nên kịch tính, tình huống truyện làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của tác phẩm.

\* Chi tiết nghệ thuật "vết thẹo" góp phần quan trọng làm rõ vẻ đẹp của các nhân vật:

- Ông Sáu yêu nước, dũng cảm, dám chấp nhận hi sinh.

- Bé Thu có cá tính mạnh mẽ, có tình yêu thương cha sâu sắc, mãnh liệt.

\* Chi tiết "vết thẹo" còn thể hiện chủ đề, nội dung tư tưởng của tác phẩm:

- Vết thẹo là chứng tích của chiến tranh, chiến tranh đã gây ra nỗi đau về thể xác và tinh thần cho con người, đã chia cắt nhiều gia đình. - Chứng tỏ chiến tranh có thể hủy diệt tất cả nhưng không thể hủy diệt được tình cảm con người: cụ thể là tình cha con, tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng. 3. Nhận xét, đánh giá: - Chi tiết "vết thẹo" trong tác phẩm không chỉ đặc sắc về nội dung, mà còn độc đáo về nghệ thuật.

- Chi tiết cũng góp phần làm cho tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng sống mãi cùng thời gian. **III. Kết bài: khẳng định lại vấn đề.**

### **BÀI THAM KHẢO 1:**

Nếu như trong Chuyện người con gái Nam Xương tác phẩm được tác giả Nguyễn Dữ xây dựng cốt truyện trở nên hấp dẫn và đầy kịch tính nhờ những chi tiết đặc sắc như chi tiết kỳ ảo và chi tiết cái bóng thì trong Chiếc lược Ngà - Nguyễn Quang Sáng, vai trò của những chi tiết ấy cũng thể thiếu được. Và đó chính là chi tiết chiếc lược ngà cùng vết thẹo dài trên ông Sáu.

Với chi tiết Chiếc Lược ngà đây là cũng là nhan đề chính của câu chuyện. Chi tiết này mang lại nhiều ý nghĩa đối với từng nhân vật trong tác phẩm. Như với ông Sáu đây là kỷ vật duy nhất ông dành cho con, là lời hứa sẽ trở về cùng đoàn tụ với con gái, nhưng quan trọng nhất là đây là vật giúp ông gỡ rối được trong lòng mình vì khi tức giận đã đánh bé Thu. Đồng thời, chiếc lược ngà mỗi khi ông mang ra mài dũa cũng là lúc giúp ông vui bởi nỗi nhớ con gái.

Và chi tiết chiếc lược ngà có ý nghĩa với ông Sáu bao nhiêu thì nó lại càng quan trọng với Bé Thu bấy nhiêu. Bởi đây là di vật thể hiện giấc mơ tuổi thơ về lời hứa của ông Sáu với cô bé sẽ trở về và đem mua cô một chiếc lược. Và món quà duy nhất mà cha cô để lại này nó chất chứa biết bao tình cảm của ông Sáu dành cho bé Thu, đó là tình cha con thiêng liêng và đáng quý bởi nó diễn ra vô cùng ngắn ngủi trong thời khắc mà cô bé nhận ra ba của mình nhưng đó cũng là thời khắc éo le trong cuộc chia tay của họ.

Không chỉ bé Thu hay ông Sáu, chiếc lược ngà ấy cũng vô cùng ý nghĩa với Bác Ba. Đó là sự ủy thác thiêng liêng của người bạn thân mà giây phút trước khi hy sinh ông Sáu không kịp trần trời điều gì chỉ có thể rút chiếc lược ra và nhờ Bác Ba đem tận tay cho cô con gái bé nhỏ. Và Bác Ba đã trở thành người giúp kết nối tình cảm cha con cho ông Sáu với Bé Thu.

Nhưng đặc biệt hơn, chi tiết đặc sắc chiếc lược Ngà không chỉ có ý nghĩa với các nhân vật trong truyện mà nó là biểu tượng cho tình phụ tử thiêng liêng, giúp gắn kết các câu chuyện với nhau tạo nên một mạch câu chuyện diễn ra có sự liên kết và hấp dẫn, cảm động hơn. Và hơn hết, chiếc lược ngà đó là nhân chứng cho nỗi đau và sự hi sinh do chiến tranh gây ra. Cùng với chi tiết chiếc lược ngà, chi tiết vết thẹo trên mặt ông Sáu song song, đồng hành góp phần làm cho câu chuyện trở nên đầy kịch tính và lôi cuốn, chạm đến trái tim người đọc hơn.

Cũng giống như chi tiết cái bóng trong Chuyện người con gái Nam Xương thì chi tiết vết thẹo đặc sắc này trong Chiếc lược Ngà đóng vai trò quan trọng cho cốt truyện, bởi đó là chi tiết thắt nút - mở nút cho câu chuyện. Nó ý nghĩa thắt nút cho câu chuyện bởi vì chính vết thẹo mà bé Thu không nhận ra ngay từ lần gặp đầu tiên. Khi vừa thấy một đứa trẻ vui đùa trên bến, ông Sáu vội vàng gọi bé Thu và vết thẹo của ông cũng đỏ ửng lên, tình tiết này đã làm cho bé Thu hoảng sợ và chạy khóc gọi mẹ. Cảnh tượng ấy xuất hiện thật éo le, còn nỗi đau hay sự thất vọng nào bằng chính sự hoảng sợ và con gái không nhận ra ba nó. Và chính vì vết thẹo ấy mà bé Thu một mực không nhận Ba, quyết không gọi ba, bởi với cô bé người ba này không giống với ba chụp chung hình với má.

Bên cạnh thắt nút, chi tiết đặc sắc vết thẹo cũng là chi tiết mở nút cho câu chuyện. Và cho đến khi được bà ngoại giải thích vì sao trên mặt ông Sáu có thẹo là do thằng Mĩ gây nên đã góp phần giải tỏa sự nghi ngờ của cô bé mới 8 tuổi. Và khi mở nút cho câu chuyện từ chi tiết vết thẹo, kịch tính của câu chuyện như được đẩy cao trào lên khi cô bé nhận ra ba mình trong thời khắc của một cuộc chia tay. Cô nhận ra ba mình và không muốn xa lìa ông, nên cô bé có những cử chỉ trái ngược với ban đầu của câu chuyện, nếu như trước đây vết thẹo làm cô sợ thì cô bé lại càng yêu vết thẹo ấy, cô hôn lên trán, lên má và cả lên vết thẹo dài của ba mình.

Cũng từ chi tiết mở nút ấy, ta nhận ra được nhiều điều hơn về nhân vật cũng như chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Với ông Sáu, vết thẹo là dấu vết của chiến tranh, là minh chứng cho lòng dũng cảm và sự hy sinh của một chiến sĩ cách mạng. Đồng thời nó là rào cản làm ông mất đi 3 ngày không được làm cha. Còn với bé Thu, nó thể hiện được cá tính mạnh mẽ và tình yêu sâu sắc của cô bé dành cho ba vô cùng lớn. Còn với nội dung, chủ đề tư tưởng của tác phẩm, chi tiết vết thẹo là minh chứng cho những nỗi đau trong chiến tranh đồng thời khẳng định tình phụ tử thiêng liêng, vĩnh cửu và mạnh liệt, nó không thể bị hủy diệt cho dù chiến tranh có xảy ra.

Như vậy, qua hai chi tiết đặc sắc như chiếc lược Ngà và vết thẹo đã góp phần làm cho câu chuyện trở nên kịch tính, hấp dẫn và ý nghĩa hơn. Đặc biệt nó đã khẳng định được tình yêu cha con thật thiêng liêng và đáng trân quý ở mọi hoàn cảnh, đó cũng là tư tưởng mà tác giả Nguyễn Quang Sáng muốn gửi đến qua tác phẩm "Chiếc lược Ngà".

## **BÀI THAM KHẢO 2:**

Trong mưa bom lửa đạn, trong chất cay xè của mùi thuốc súng, tình cảm cao đẹp nhất của tình đồng chí đồng đội trào dâng. Những bụi ngùi dẫu tận đáy lòng của những người cha lên đường chiến đấu gởi lại quê hương đứa con thân yêu nhất của mình để rồi trong giờ phút hiem hoai giữa cuộc hành quân nỗi nhớ con không còn dấu được. Tình cảm thiêng liêng ấy càng mãnh liệt hơn trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau năm 1945, tập kết ra Bắc Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mĩ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng thuộc nhiều thể loại : Truyện ngắn có “Con chim vàng”, “Người quê hương”, “Chiếc lược ngà”, “Người đàn bà đức hạnh”, “Vẽ lại bức tranh xưa”...

Các tiểu thuyết “Đất lửa”, “Mùa gió chướng”, “Dòng sông thơ ấu” được nhiều độc giả biết đến và đặc biệt là kịch bản phim nổi tiếng “Một thời để nhớ một thời để yêu”. Có lẽ vì sinh ra, lớn lên và hoạt động chủ yếu ở chiến trường miền Nam nên các tác phẩm của ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình.

“Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một truyện ngắn viết về tình phụ tử sâu nặng của cha con ông Sáu sau chiến tranh. Đây là một truyện ngắn giản dị nhưng chứa đầy sức bất ngờ như ta thường thấy ở văn của Nguyễn Quang Sáng. Đoạn trích đã cho thấy một khoảnh khắc nhỏ mà trong đó có sự cao cả thiêng liêng về tình phụ tử .

“Chiếc lược ngà ” được viết vào năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên. Nội dung văn bản trong là cuộc gặp gỡ của anh Sáu – một người xa nhà đi kháng chiến. Mỗi khi con gái lên tám tuổi, anh mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu – con gái anh không nhận cha , trái lại đã đối xử lạnh nhạt, có lúc vô lễ với cha. Điều đó làm anh Sáu đau lòng, nhưng anh vẫn yêu thương con bằng tình cha con ruột thịt. Sau vài ngày ngắn ngủi sum họp gia đình, anh Sáu phải ra đi.

Đến lúc ấy Bé Thu bỗng thay đổi thái độ. Em ôm chặt lấy cha không muốn cha con phải xa nhau .Mọi người ngỡ ngàng sửng sốt. Thì ra mấy ngày trước do nhìn thấy trên mặt anh Sáu có vết sẹo lớn, bé Thu thấy anh không giống cha chụp chung ảnh với mẹ. Nhờ bà ngoại giảng giải, Thu đã hiểu ra mọi chuyện, em cất tiếng gọi “Ba...ba!..” và hẹn “Ba mua cho con một cây lược nghe!”. Ở khu căn cứ, anh Sáu dồn hết tình cảm yêu quý nhớ con vào việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để mang về tặng cô con gái bé bỏng. Nhưng trong một cuộc chiến đấu anh đã ngã xuống. Trước lúc nhắm mắt anh còn kịp trao cây lược cho người bạn, gửi về tận tay cho con. Truyện được viết theo lời kể qua cái nhìn của ông Ba – nhân vật xung tôi. Tuy đây là một đề tài khá phổ biến trong văn chương nhưng chính vì thế mà giá trị nhân văn của truyện càng trở nên sâu sắc.

Chi tiết “vết thẹo” xuất hiện 3 lần: lần 1, phút đầu bé Thu gặp ba; lần 2, qua cuộc trò chuyện với bà ngoại; lần 3, Thu nhận ra ba, hôn cùng khắp, hôn cả vết thẹo.

Vết thẹo trên gương mặt ông Sáu là chi tiết nghệ thuật độc đáo, vừa thắt nút truyện, đẩy mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, lại vừa mở nút truyện. Vì vết thẹo mà bé Thu không nhận ra ba, đối xử với ba một cách lạnh lùng, cự tuyệt. Khi được bà ngoại giải thích về vết thẹo trên gương mặt ba, mỗi nghi ngờ của bé Thu về ông Sáu đã được giải toả, khiến bé Thu nhận ra ba. Khi nhận ra ba, tình cảm, thái độ của em đã thay đổi hoàn toàn. Như vậy, chi tiết vết thẹo đã tạo nên kịch tính, tình huống truyện làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của tác phẩm.

Chi tiết nghệ thuật vết thẹo góp phần quan trọng thể hiện tính cách và tình cảm của nhân vật bé Thu – một em bé có bản lĩnh và có tình yêu ba sâu sắc. Chi tiết nghệ thuật vết thẹo còn thể hiện sự tàn khốc của chiến tranh và là lời tố cáo chiến tranh nhẹ nhàng mà thấm thía. Chiến tranh không chỉ khiến vợ phải xa chồng, con phải xa cha. Chiến tranh không chỉ tàn phá thể xác mà còn làm tổn thương tinh thần, khiến con không nhận ra cha. Chiến tranh khiến người ta phải xa cách và phải xa cách trong chính lúc gặp mặt.

“Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”, cời chi tiết nghệ thuật đặc sắc: vết thẹo, tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa tính cách nhân vật bé Thu, đồng thời góp phần tạo nên sự lôi cuốn hấp dẫn người đọc. Chi tiết cũng góp phần làm cho tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng sống mãi cùng thời gian.

Chi tiết “vết thẹo” đã thắt nút và mở nút câu truyện về chính vết thẹo đã làm bé Thu không nhận ra cha nên em đã lạnh nhạt và xa lánh ông Sáu, kiên quyết không gọi ông Sáu là “ba”. Nhưng trong thái độ đó ta lại nhận ra một tình cảm thủy chung, sâu sắc mà bé Thu dành cho cha của nó. Và cũng chính “vết thẹo” ấy, sau khi đã hiểu được ngọn nguồn của nó lại làm cho bé Thu càng yêu cha nhiều hơn. Ngoài ra, “vết thẹo” còn là chứng tích của chiến tranh gây ra bi kịch trong tình cảm của cha con ông Sáu, gợi cho



người đọc nghĩ đến những mắt mắt đau thương éo le của chiến tranh. Vì vậy, chi tiết “vết thẹo” còn mang ý nghĩa tố cáo chiến tranh. Từ đó, ta thấy chi tiết “vết thẹo” đã thể hiện sự già dặn trong ngòi bút của Nguyễn Quang Sáng.

## **Đề 2: Cảm nhận về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.**

**Gợi ý:** - Xác định đúng vấn đề : trình bày được cảm nhận của bản thân về nhân vật bé Thu-một nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc về tình thương cha mãnh liệt và có cá tính mạnh mẽ. - Giới thiệu được hoàn cảnh của bé Thu ( thực chất là việc giới thiệu đôi nét cốt truyện và tình huống truyện để làm nổi bật tình cảm và tính cách của cô bé ): Chiến tranh đã làm bé Thu phải xa cha từ nhỏ. Nhiều năm xa cách, ngày cha về thăm nhà, bé Thu không thể nhận cha ngay vì gương mặt cha đã bị thương tích làm thay đổi. Khi em hiểu ra và nhận cha lại là lúc cha phải lên đường trở lại chiến trường. Ai ngờ, đó là lần cha em ra đi mãi mãi. Bé Thu trở thành chiến sĩ giao liên đi tiếp con đường cha em đã đi. Tình thương cha và tính cách đầy ấn tượng của nhân vật bé Thu được khắc họa sinh động trong hoàn cảnh cảm động, éo le đó. - Ấn tượng về một tấm lòng yêu thương cha mãnh liệt Trình bày cảm nhận về tình thương yêu cha của bé Thu qua phân tích các chi tiết về hành động, lời nói, thái độ, tâm trạng của nhân vật được thể hiện trong hai hoàn cảnh : + Khi người cha từ chiến trường về thăm nhà : tình thương yêu cha của bé Thu được thể hiện một cách hết sức bất thường, đó là dứt khoát chối bỏ người cha hiện tại mà em cho là không phải cha mình để dành trọn vẹn tình thương yêu cho người cha mà em hằng mong nhớ ... HS cần chọn và phân tích các chi tiết: hốt hoảng, mặt tái đi, rồi vụt chạy, kêu thét lên khi mới gặp ông Sáu; chỉ nói trống không, kiên quyết không gọi ba, đặc biệt là không chịu nhờ vả khi gặp khó khăn (khi nấu cơm), dứt khoát không nhận sự chăm sóc ( hất đi cái trứng cá mà ông Sáu gắp cho trong bữa cơm), bỏ sang nhà ngoại đêm trước ngày ông Sáu lên đường... + Khi người cha chuẩn bị lên đường : một tình thương yêu cha mãnh liệt được bộc lộ gây xúc động khác thường. Trước lúc ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Khi được ngoại giảng giải, nó trần trọc thờ dãi suốt đêm như hồi hận, dằn vặt vì thấy có lỗi; trở về nhà, lẳng lặng đứng quan sát và chờ đợi cha; phút chót cất tiếng gọi ba “tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người...”, “chạy thót lên, và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó...”, “nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”, “Hai tay nó xiết chặt lấy cổ...nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó...”. Có thể nói, trong giây phút nhận ra cha, mọi cảm xúc dồn nén trong bé vỡ òa làm xúc động lòng người về một tình phụ tử sâu sắc. Xuyên suốt đoạn trích, trong hai hoàn cảnh và hai cách ứng xử hoàn toàn khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một tấm lòng yêu cha sắt son của bé Thu-một em bé mới chỉ tám tuổi. Ấn tượng mà nhân vật để lại sâu sắc là vì thế. - Ấn tượng về một nhân vật đầy cá tính Đó là một nhân vật trẻ em có tính cách cứng cỏi, mạnh mẽ, dứt khoát (đến nỗi, nhìn thoáng qua, người ta có thể cho là ương ngạnh, bướng bỉnh, khó bảo...) nhưng cũng hết sức hồn nhiên, đáng yêu, ngoan ngoãn ... Nhà văn Nguyễn Quang Sáng rất thành công khi xây dựng nhân vật bé Thu. Có thể kể đến cách tạo tình huống bất ngờ : sự am hiểu tâm lý và tính cách trẻ em; cách chọn chi tiết nghệ thuật “đắt” ( như chi tiết bé Thu không gọi ba, chi tiết bé Thu loay hoay chặt nước



com, hắt cái trứng ba gấp cho, chi tiết chiếc lược ngà mà Thu xin ba trước lúc ba đi...) . Nhờ những thành công nghệ thuật này mà nhân vật bé Thu để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về tình người- tình cha con trong những năm tháng chiến tranh xa cách, thương đau; để lại ấn tượng về một em bé Nam Bộ thời chiến với tính cách đáng yêu, đáng mến.

### **BÀI THAM KHẢO 1:**

Có một nhà văn đã nói rằng : "Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng chính cuộc sống viết ra". Cuộc chiến tranh chống Mĩ của dân tộc ta với biết bao câu chuyện đã trở thành huyền thoại được các nhà văn ghi lại như những câu chuyện cổ tích hiện đại. Trong số ấy phải kể đến "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng. Nhân vật bé Thu trong truyện đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc về tình thương cha mãnh liệt và có cá tính mạnh mẽ.

Ra đời năm 1966, những năm tháng gian khổ, đau thương nhất của đồng bào Nam bộ trong 30 năm chiến tranh, "Chiếc lược ngà" được kể lại qua sự chứng kiến của bác Ba, người đồng đội của anh Sáu. Người đã lặng lẽ dõi theo từ đầu đến cuối câu chuyện cảm động của cha con anh Sáu- bé Thu. Qua sự quan sát tinh tế, sâu sắc của bác Ba, chúng ta mới thấm thía hết nỗi đau của người dân Nam bộ trong chiến tranh và sức mạnh của tình cha con thiêng liêng, bất tử.

Bé Thu trong câu chuyện, cũng như bao cô bé miền Nam khác đều thiếu thốn tình cha từ nhỏ do cuộc chiến tranh. Khi anh Sáu ra đi, em chưa đầy một tuổi, tám năm trời, cha con em chỉ biết nhau qua hai tấm ảnh. Lần về phép ba ngày của anh Sáu là cơ hội hiếm hoi để ba con Thu gặp gỡ nhau, bày tỏ tình phụ tử. Nhưng nhà văn lại đặt bé Thu vào một tình huống đầy éo le: vì một sự hiểu lầm trẻ con, Thu không chịu nhận anh Sáu là ba, đến lúc nhận ra thì cũng là giây phút ba em lên đường tập kết. Và lần gặp mặt ấy, là lần gặp mặt đầu tiên, duy nhất, cuối cùng của cha con em.

Tuy nhiên, từ tình huống truyện éo le ấy, người đọc vẫn nhận ra đặc điểm riêng, cá tính riêng của nhân vật bé Thu: một cô bé tám tuổi bướng bỉnh nhưng dễ thương và đặc biệt có tình yêu ba sâu sắc, mãnh liệt. Tình yêu ấy được thể hiện trong hai hoàn cảnh trái ngược nhau, trước và sau khi nhận ra ba.

Lúc chưa chịu nhận anh Sáu là ba, Thu là một cô bé trẻ con, bướng bỉnh và đáo đê đến nỗi làm anh Sáu đau lòng vì thái độ khước từ tình thương ba dành cho em. Phút đầu tiên hai ba con gặp mặt, trái ngược với nỗi mong nhớ, sự sốt ruột và suy nghĩ của anh Sáu, bé Thu vụt chạy đi, nét mặt đầy sợ hãi kêu "má, má" để lại anh Sáu đứng một mình "nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai cánh tay buông xuống như bị gãy". Trong ba ngày anh Sáu ở nhà, anh không dám đi đâu vì muốn ở bên con, vỗ về, chăm sóc và bù đắp sự thiếu thốn trong 8 năm qua cho nó nhưng bé Thu lại tỏ ra cứng đầu, không chịu nhận anh, cũng không chịu gọi anh một tiếng "ba" dù chỉ một lần. Nhà văn đã xây dựng một loạt các chi tiết để miêu tả tâm lí, thái độ rất trẻ con, cố chấp của bé Thu. Khi má bắt kêu ba vô ăn cơm, dọa đánh để cô bé gọi ba một tiếng, Thu vẫn chỉ nói trống không "vô ăn cơm! cơm chín rồi", "con kêu rồi mà người ta không nghe". Hai tiếng "người ta" mà Thu thốt lên làm anh Sáu đau lòng đến mức

“không khóc được, chỉ khe khẽ lắc đầu cười”. Thậm chí, ngay cả khi bị má đặt vào một hoàn cảnh khó khăn để buộc Thu gọi anh Sáu một tiếng ba là chắt nước nồi com to đang sôi, Thu cũng lại nói trống không “com sôi rồi, chắt nước giùm cái”. Sự im lặng của anh Sáu và cả sự gợi ý của bác Ba đều không thể làm cô bé gọi tiếng “ba” đơn sơ, giản dị. Tiếng gọi mà mỗi đứa trẻ đều ghi nhớ và bập bẹ lần đầu tiên trong cuộc đời mình. Đỉnh điểm của sự kiên quyết chối từ tình yêu thương của anh Sáu trong bé Thu là chi tiết cái trứng cá trong bữa cơm gia đình. Bằng lòng thương con của người cha, anh Sáu gắp cái trứng cá ngon nhất vào chén com của Thu nhưng con bé bất thần hất nó ra khỏi chén com. Nỗi đau khổ trong ba ngày nén chịu trào lên, anh Sáu đánh con, Thu không khóc, lầm lì bỏ trứng cá lại vào chén com và bỏ sang nhà bà ngoại, lúc đi còn cố ý khua dây xuong cho thật to. Những chi tiết bình thường mà tình tế này chứng tỏ nhà văn rất thấu hiểu tâm lí trẻ em. Trẻ con vốn rất thơ ngây nhưng cũng đầy cố chấp, nhất là khi chúng có sự hiểu lầm, chúng kiên quyết chối từ tình cảm của người khác mà không cần cân nhắc, nhất là với một cô bé cá tính, bướng bỉnh như Thu. Người đọc nhiều khi thấy giận em, thương cho anh Sáu. Nhưng thật ra em vẫn là cô bé dễ thương. Sự ương ngạnh của Thu không hoàn toàn đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá nhỏ để có thể hiểu được những tình thế éo le, khắc nghiệt của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường. Chính thái độ ngang ngạnh, quyết liệt của bé Thu lại thể hiện sâu sắc tình cảm yêu thương dành cho ba. Đơn giản Thu không nhận ra cha là vì người tự nhận là ba kia không hề giống người cha mà em đã thấy trong bức ảnh. Ba em trong ảnh không có vết sẹo dài trên mặt như thế. Cô bé không tin, thậm chí là ngờ vực. Không ai tháo gỡ được thắc mắc thầm kín trong lòng của Thu, nghĩa là bé Thu chỉ dành tình cảm cho người cha duy nhất trong bức ảnh. Sự bướng bỉnh của Thu phải chăng còn là mầm sâu kín, sau này làm nên tính cách cứng cỏi ngoan cường của cô giao liên kiến định có lập trường.

Sự nghi ngờ của Thu được giải tỏa khi nghe bà ngoại giải thích vì sao ba lại có vết sẹo dài trên má. Nghe những điều ấy, “nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”. Bởi thế, tình yêu ba trong Thu đã trở dậy mạnh liệt vào cái giây phút bất ngờ nhất, giây phút ông Sáu lên đường. Cái tiếng “ba” mà ông Sáu đã chờ đợi từ lâu bất ngờ vang lên “Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, đến lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên: - Ba...a...a...ba! Tiếng kêu của nó như tiếng xe, xé sự im lặng, xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung từ đáy lòng nó”. Tiếng gọi thân thương ấy đứa trẻ nào cũng gọi đến thành quen nhưng với cha con Thu là nỗi khát khao của 8 năm trời xa cách thương nhớ. Đó là tiếng gọi của trái tim, của tình yêu trong lòng đứa bé 8 tuổi mong chờ giây phút gặp ba. Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc: -Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!”. Tình cảm con với ba được thể hiện một cách mãnh liệt, mạnh mẽ, cuồng quýt, hối hả và có xen lẫn phần hối hận. Đó là những cảm xúc đã dồn nén từ lâu bỗng vỡ òa ra: “Ba bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, và hôn cả vết sẹo dài bên má của ba nó nữa”.

Bà con và người kể chuyện cũng như người đọc không thể kìm được nỗi xúc động như có ai đang nắm chặt tim mình bởi vì cái éo le của tình cha con ở đây. Lúc cha con nhận nhau lại cũng chính là lúc người cha phải ra đi. Sự níu kéo của đứa con càng khắc nhấn sự éo le của chiến tranh: “Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. Những nỗ lực của Thu không giữ được ba nó. Ông Sáu vẫn phải ra đi dù giây phút cha con nhận nhau thật ngắn ngủi! Xót thương thay cho Thu bởi cô đâu hiểu rằng cuộc gặp gỡ đầu tiên này cũng là lần cuối cùng. Ba cô đã hi sinh trong một trận càn. Chứng kiến những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con ông Sáu phải chia tay, có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

Xuyên suốt đoạn trích, trong hai hoàn cảnh và hai cách ứng xử hoàn toàn khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một tấm lòng yêu cha sắt son của bé Thu – một em bé mới chỉ tám tuổi. Tuy nhiên, Thu trước sau vẫn chỉ là một cô bé ngây thơ, em đồng ý cho ba đi để ba mua một chiếc lược, món quà nhỏ mà bất cứ em bé gái nào cũng ao ước. Bắt đầu từ chi tiết này, chiếc lược ngà bước vào câu chuyện, trở thành một chứng nhân âm thầm cho tình cha con thiêng liêng, bất tử. Đoạn trích kết thúc trong ánh mắt thiết tha của anh Sáu trước lúc hy sinh nhờ bác Ba trao cây lược ngà cho Thu. Với bé Thu, cây lược nhỏ mang dòng chữ đầy yêu thương “yêu nhớ tặng Thu con của ba” là kỉ vật chứa đựng tình thương, nỗi nhớ, hình bóng, tấm lòng người cha. Chiếc lược ngà đã động viên em vững vàng trong cuộc chiến đấu. Khi bác Ba tình cờ gặp lại Thu và trao cây lược, thì cô bé bừng tỉnh cá tính ngày nào đã trở thành cô giao liên dũng cảm. Và nguồn sức mạnh tiếp thêm cho Thu là tình yêu ba, tình yêu đất nước.

Nguyễn Quang Sáng đã rất thành công trong việc xây dựng nhân vật bé Thu - một nhân vật trẻ em có tính cách cứng cỏi, mạnh mẽ, dứt khoát (đền nổi, nhìn thoáng qua, người ta có thể cho là ương ngạnh, bướng bỉnh, khó bảo...) nhưng cũng hết sức hồn nhiên, đáng yêu, ngoan ngoãn và có tình yêu cha sâu sắc. Có thể kể đến cách tạo tình huống bất ngờ, sự am hiểu tâm lí và tính cách trẻ em, cách chọn chi tiết nghệ thuật “đắt” (như chi tiết bé Thu không gọi ba, chi tiết bé Thu loay hoay chặt nước cơm, hắt cái trứng cá ba gấp cho, chi tiết cây lược mà Thu xin ba trước lúc ba đi...) Nhờ những thành công nghệ thuật này mà nhân vật bé Thu để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về tình người – tình cha con trong những năm tháng chiến tranh xa cách, thương đau, để lại ấn tượng về một em bé Nam bộ thời chiến với tính cách đáng yêu, đáng mến.

### **BÀI THAM KHẢO 2:**

Tình cảm gia đình là một đề tài quan trọng của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Khai thác mảng đề tài này, Nguyễn Quang Sáng đã có một số tác phẩm đặc sắc như “Chiếc lược ngà”, “Bông cẩm thạch”,... Trong đó, “Chiếc lược ngà” tạo được nhiều ấn tượng hơn cả. Một trong những yếu tố làm nên thành công của tác phẩm là nhà văn đã xây dựng thành công nhân vật chính - nhân vật bé Thu - một cô bé cá tính, đáng yêu và có tình yêu ba tha thiết.

“Chiếc lược ngà” ra đời năm 1966 rồi được đưa vào tập truyện cùng tên (Chiếc lược ngà) của Nguyễn Quang Sáng. Câu chuyện được xây dựng trên một tình huống hiểu lầm tạo nhiều bất ngờ cảm động: Anh Sáu đi kháng chiến chống Pháp từ khi đứa con duy nhất của anh chưa đầy một tuổi. Từ đó hai ba con chưa hề gặp lại nhau, cho đến khi kháng chiến kết thúc, anh trở về, đứa con gái tám tuổi không chịu nhận ba. Trong ba ngày ở nhà, bằng đủ mọi cách mà con bé vẫn không chịu gọi lấy một tiếng ba. Đến lúc phải ra đi nhận nhiệm vụ mới, bé Thu mới gọi anh bằng ba. Thật bất ngờ. Thì ra, nó không chịu nhận ba là vì vết sẹo trên má đã khiến anh không còn giống như trong bức ảnh chụp ngày cưới. Con bé chỉ gọi ba khi bà ngoại giải thích cho nó rõ điều này. Giây phút anh nghe được tiếng gọi mà anh chờ đợi đã bao năm ấy cũng là lúc cha con xa nhau. Anh Sáu hứa sẽ mang về tặng con một cây lược. Những ngày chiến đấu trong rừng, anh Sáu cặm cụi làm chiếc lược bằng ngà cho con gái. Chiếc lược đã làm xong nhưng chưa kịp trao cho con gái thì anh hi sinh.

Nhân vật cô bé tám tuổi ấy là Thu, mới có tám tuổi nhưng cô đã bướng bỉnh, gan góc và rất có cá tính. Trong tâm hồn trẻ thơ của bé Thu, chỉ có duy nhất hình ảnh một người ba mà nó biết qua bức ảnh chụp với má ngày cưới. Nó nhất quyết không chịu nhận ông Sáu là ba dù cả nhà - trong đó có bà nội - thừa nhận điều đó. Họ đón ông với tất cả tấm lòng chân thành, yêu thương của con người Nam Bộ. Chẳng những thế, ông còn vô cùng xúc động khi gặp nó. Nhưng bỏ qua tất cả, Thu vẫn hét lên sợ hãi khi ông Sáu lập cập đến với nó và lắp bắp gọi: “Thu! Ba đây con...”. Có điều đó bởi Thu thấy ba nó trong bức ảnh không hề có vết sẹo trên má còn người cứ gọi nó là con, bắt nó gọi bằng ba bây giờ lại có vết sẹo dài trên má.

Không chỉ vậy, qua nhiều chi tiết miêu tả hành động của bé Thu Nguyễn Quang Sáng vừa thể hiện được tính cách đặc biệt của cô bé vừa tỏ ra rất am hiểu tâm lý trẻ thơ. Khi mẹ yêu cầu “mời ba vô ăn cơm”, Thu gọi “trông” “vô ăn cơm”. Nồi cơm sôi, không tự chắt được con bé nhất quyết không chịu gọi ba để được giúp đỡ. Nó tìm mọi cách chắt nước không cần nhờ vả. Đặc biệt, tính cách rắn rỏi, ngang bướng vô cùng trẻ con của Thu được thể hiện qua chi tiết bé hất đổ cả chén cơm khi anh Sáu gắp cho nó cái trứng cá. Bị ba đánh, tưởng đâu “con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm.”. Đành rằng trẻ con chỉ tin vào những gì chúng thấy, đành rằng bé Thu không thể biết được sự ác nghiệt của bom đạn là thế nào, và nó có cách suy nghĩ theo kiểu trẻ con của nó, nhưng phải thừa nhận rằng cô bé này có một cá tính mạnh mẽ. Sự bướng bỉnh, gan góc đến kì lạ của bé Thu đã trở thành tiền đề để sau này trở thành lòng dũng cảm, sự lạnh lợi của cô giao liên Thu.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, Thu cùng “Chiếc lược ngà” sẽ nằm lẫn vào vô vàn tác phẩm khác viết cho thiếu nhi. Điều khiến nhân vật cùng tác phẩm đi xa hơn trong lòng người đọc là ở chỗ bé Thu có một tình yêu ba nồng nàn, tha thiết.

Cô bé không nhận ba bởi cô hiểu nhầm về vết sẹo trên mặt ba. Cô đã nghĩ rằng “người ta” mang đến cho mình một người “ba giả”! Và vì thế, Thu càng phản đối quyết liệt người “ba giả” ấy bao nhiêu càng thể hiện cô bé yêu ba mình bấy nhiêu. Cái tình yêu ấy thật sâu sắc: nó chỉ có một, không thể chia sẻ cho bất kì ai khác, ngay cả khi đó là



người được tất cả mọi người thừa nhận là ba của nó, là người yêu thương và quan tâm đến nó rất chân thành.

Khi biết rằng ông Sáu là ba thật của mình, và vết sẹo trên mặt ông là do thằng Mĩ gây nên, buổi sáng cuối cùng trong những ngày phép của ba "Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó, vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không buồn bĩnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngờ ngạc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa. " Không hiểu con bé "nghĩ ngợi sâu xa" điều gì, chỉ biết rằng khi ông Sáu buồn rầu quay lại nhìn nó - không dám lại gần sợ nó lại bỏ chạy như lần trước - nói: "Ba đi nghe con" thì nó bất ngờ lao đến thét lên: Ba., a... a...ba! Rồi ôm chặt lấy ông nước nở "Con không cho ba đi". Đến đây, người đọc mới vỡ lẽ ra rằng Thu thêm được gọi ba như thế nào. "Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.". Bé Thu là đứa trẻ giàu tình cảm. Thái độ của bé Thu với ba bây giờ trái ngược trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà. Song, trái ngược mà vẫn nhất quán. Vì quá yêu ba, quá khao khát được có ba nên khi nhận định không phải ba nó thì nó nhất định không chịu nhận, nhất định không gọi "ba" lấy một tiếng. Cho nên, khi tiếng gọi như xé kia cất lên ta thấy nó thiêng liêng vô cùng. Tiếng gọi ấy càng trở nên thiêng liêng, quý giá bởi đón chờ nó là cả tấm lòng cao đẹp, thương yêu con vô hạn của người cha.

Trong quá trình thể hiện diễn biến tâm lí nhân vật bé Thu có một chi tiết vô cùng quan trọng: chi tiết cái thẹo. Chính cái thẹo là nguyên nhân gây ra những hiểu lầm trong tình cảm của cha con mà Thu dành cho ba. Cái thẹo là vết thương mà giặc Mĩ gây ra cho ba Thu. Sự chia cắt gia đình không chỉ riêng gia đình bé Thu mà còn hàng triệu gia đình người Việt cũng là do giặc Mĩ gây ra. Thấu hiểu sâu sắc điều đó, sau này, Thu đã trở thành một nữ giao liên dũng cảm, can đảm. Cô đã quyết tâm tiếp bước con đường cha cô đã đi để đánh đuổi kẻ thù của gia đình, kẻ thù của dân tộc.

Xây dựng nhân vật bé Thu - một cô bé buồn bĩnh, cá tính nhưng có tình cảm yêu ba tha thiết cảm động - Nguyễn Quang Sáng đã tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ thơ bởi vậy nhà văn đã tạo nên được một nhân vật trẻ thơ thực sự sống động gây nhiều niềm xúc động sâu xa trong lòng người đọc. Bên cạnh đó, tác phẩm đã tạo nên một tình huống hiểu lầm độc đáo mà chi tiết quan trọng nhất là chi tiết cái thẹo. Chi tiết này có giá trị giống như một "cái bóng" trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ hay "chiếc lá cuối cùng" trong truyện ngắn cùng tên của Ô Hen-ri,...

Nhân vật bé Thu trong "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc bởi một tính cách đặc biệt khó có thể nhầm lẫn. Nhân vật này đã góp phần tạo nên giá trị nhân văn sâu sắc cho tác phẩm. Và vì vậy, cùng với tác phẩm, nhân vật bé Thu đã giành được một vị trí riêng trong lòng độc giả yêu truyện ngắn Việt Nam.



### **ĐỀ 3: PHÂN TÍCH TÌNH CHA CON GIỮA ÔNG SÁU VÀ BÉ THU TRONG TRUYỆN CHIẾC LƯỢC NGÀ**

#### **Dàn ý chi tiết:**

I. Mở bài: - Giới thiệu tác giả: Nguyễn Quang Sáng là nhà văn gắn liền với miền đất Nam Bộ, văn ông có giọng điệu tự nhiên, thân mật, dân dã, ngôn ngữ gần gũi khẩu ngữ, lời ăn tiếng nói của nhân dân Nam Bộ. - Truyện ngắn Chiếc lược ngà được sáng tác năm 1966 đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. II. Thân bài: \* Tình cảm cha con trong truyện ngắn này được thể hiện từ hai phía: tình cảm của con dành cho cha và tình cảm của cha dành cho con. 1. Tình cảm của bé Thu dành cho ông Sáu – Khi chưa nhận ra ông Sáu với vết sẹo dài trên mặt, bé Thu đã có thái độ xa lánh, hành động cự tuyệt và những lời nói cử chỉ khiến ông Sáu phải đau lòng: (hét toáng lên khi nhìn thấy ba, toàn nói lời trống không, nhất định không chịu nhờ ông Sáu chặt nước cơm cho, hắt cái trứng cá...). => Tất cả những hành động ấy đã thể hiện được cá tính mạnh mẽ và tình cảm yêu thương rạch ròi của cô bé. – Khi nhận ra ông Sáu là cha mình, trong buổi sáng cuối cùng trước khi ông Sáu phải lên đường, thái độ, hành động của bé Thu đột ngột thay đổi: + Nó bỗng kêu thét lên "ba" – tiếng kêu như xé tan sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người. + Cô bé chạy xô tới, dang hai tay ôm lấy cổ ba, hôn ba cùng khắp (hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, hôn vết sẹo), dang cả hai chân để câu chặt lấy ba, đôi vai nhỏ bé run run. Tình yêu thương ba được bộc lộ một cách mãnh liệt, dâng trào, không thể kìm nén nổi. Em yêu ba, nhớ ba, mong ba. Nay tình cảm ấy mới có dịp vỡ òa ra nên vô cùng mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt. 2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con

– Khi bị con từ chối, ông cảm thấy vô cùng hụt hẫng, đau khổ, cáu giận, không thể kìm chế nổi. Ông đã đánh con vì nó không chịu nhận mình. Đây là biểu hiện đau khổ tột cùng của người cha khi bị con khước từ. – Về đơn vị, ông day dứt, ân hận vì trong lúc nóng giận đã đánh con. Chi tiết này thể hiện tình yêu con tha thiết. – Khi kiếm được khúc gỗ voi, ông vô cùng vui mừng sung sướng, dành hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược. Chiếc lược đã trở thành vật báu thiêng liêng đối với ông Sáu. Nó làm dịu đi những ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến của ông với đứa con xa cách nơi quê nhà. – Trước lúc hi sinh, lời trăng trối sau cùng, ông muốn nhờ bạn trao tận tay chiếc lược ngà cho con. III. Kết bài - Truyện ngắn Chiếc lược ngà đã khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng trở nên cao đẹp, thiêng liêng hơn trong những cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh tàn khốc.

#### **BÀI THAM KHẢO 1:**

Nguyễn Quang Sáng quê ở An Giang, tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ông là nhà văn nổi tiếng với những tác phẩm viết về cuộc sống gian nan mà hào hùng của đồng bào miền Nam trong cuộc đối đầu lịch sử với quân xâm lược Mỹ.

Truyện Chiếc lược ngà sáng tác năm 1966 tại chiến trường miền Tây Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên.

Câu chuyện kể về tình cha con đặc biệt cảm động giữa ông Sáu – một người cán bộ cách mạng luôn thương nhớ và khao khát được gặp con sau bao năm xa cách – và bé Thu, đứa con gái tám tuổi của ông. Chủ đề tình cảm cha con không mới lạ, nhưng sự thành công của Nguyễn Quang Sáng là đã khai thác và biểu hiện tình cha con trong tình huống rất tự nhiên, hợp lý – chiến tranh tàn bạo khiến những người thân phải xa lìa nhau. Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa rõ nét hình ảnh hai nhân vật chính – ông Sáu, một người chiến sĩ và cũng là một người cha hết mực yêu thương con dù cho tình cảm nồng nàn của mình có bị đứa con ương ngạnh xa lánh; và bé Thu, cũng là một nhân vật trọng tâm của câu chuyện. Dưới ngòi bút tinh tế, nhạy bén của tác giả, bé Thu hiện lên là một cô bé giàu cá tính, bướng bỉnh và gan góc nhưng lại là một đứa con hết mực yêu cha.

Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến lúc đứa con gái đầu lòng mới một tuổi. Mãi đến khi con được tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà. Thế nhưng, con gái ông là bé Thu lại không nhận ra cha mình do có vết sẹo mới trên mặt khiến ông không giống như trong ảnh. Trong ba ngày nghỉ phép ngắn ngủi đó, ông ở nhà suốt để vỗ về con và cho con cái cảm giác có cha ở bên. Thế nhưng bé Thu không chịu nhận cha, càng ngày càng ương bướng, thậm chí lúc được cha gấp cho cái trứng cá, bé đã hất ra. Ông Sáu nổi giận, không kiềm chế được mà đánh vào mông nó. Nó buồn chạy sang nhà bà, kể hết mọi chuyện cho bà. Được bà giải thích, bé hiểu ra và trong giây phút cuối cùng trước khi cha trở lại chiến trường, tình cha con trong bé đã trở dậy mãnh liệt, bé nhận cha trong sự xúc động của mọi người và bé đã vội cha mua cho mình một chiếc lược. Xa con, ông Sáu nhớ mãi lời dặn của con, ông dồn hết tình cảm để làm cho con một cây lược. Ngày ngày, ông đem chiếc lược ra ngắm cho đỡ nhớ. Nhưng trong một trận càn của địch, ông Sáu đã bị thương nặng. Trước khi nhắm mắt, ông Sáu đã giao lại cây lược cho một người đồng đội nhờ chuyển tận tay cho bé Thu. Chiếc lược ngà được người đồng đội ấy trao lại cho Thu một cách tình cờ, khi cô làm giao liên dẫn đường cho đồng chí ấy trong kháng chiến chống Mĩ.

Tình phụ tử giữa ông Sáu và bé Thu được thể hiện sâu sắc qua hai tình huống: Tình huống thứ nhất là khi hai cha con gặp lại nhau sau tám năm trời xa cách nhưng éo le thay, bé Thu lại không chịu nhận cha, mãi đến lúc ông Sáu phải ra đi, bé mới gọi tiếng “Ba” trong nước mắt. Tình huống thứ hai là khi ở chiến khu, ông Sáu dành hết tâm sức làm chiếc lược ngà cho con nhưng ông đã hy sinh trước khi món quà được trao tận tay bé Thu.

Lúc con ở rừng, ông Sáu chỉ biết mặt con qua tấm ảnh nhỏ, ông lúc nào cũng nhớ thương con, khao khát được nhận con và được sống trong tình yêu thương của con. Được nghỉ phép, ông Sáu về thăm gia đình, nghĩ đến việc sẽ được gặp lại đứa con, “cái tình cha cứ nôn nao trong người ông”. “Không thể chờ xuống cập bến, ông nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra xa”, “bước vội vàng với những bước dài rồi dừng lại kêu to: “Thu ! Con. Ba đây con !”. Ông cứ ngỡ con bé sẽ chạy xô vào lòng và ôm chặt lấy cổ mình, tình cảm bị dồn nén cùng những mong muốn bấy lâu khiến ông không thể không

vui mừng, không thể không hy vọng. Tâm trạng ông Sáu xúc động mạnh mẽ, “vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, trông rất dễ sợ”, có lẽ cũng vì vậy mà bé Thu mới “giật mình”, “tròn mắt nhìn”, mặt tái đi rồi vụt chạy kêu thét lên “Má! Má!”. Điều bất ngờ khiến ông Sáu từ tâm trạng sung sướng náo nức, nôn nóng muốn được ôm con chuyển thành nỗi thất vọng, bất lực, bao nhiêu niềm vui sướng, hy vọng của ông bỗng chốc vụn vỡ và hơn hết là nỗi buồn, sự đau khổ khi bị chính đứa con mình thương yêu nhất sợ hãi, xa lánh, “mặt ông tối sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông thõng xuống như bị gãy”. Suốt 3 ngày nghỉ phép, ông Sáu lúc nào cũng muốn gần gũi, quan tâm con nhưng ông càng khao khát yêu thương con, bé Thu càng lạnh lùng khước từ sự chăm sóc, vỗ về của ông. Ngọn lửa nồng nàn của tình cha cứ bị xa lánh, lạnh lùng, bé Thu bướng bỉnh, ương ngạnh không chịu nhận cha, bé vẫn nghe lời mẹ gọi ông vào ăn cơm nhưng lại nói trống: “Vô ăn cơm!”. Cứ ngỡ ông Sáu sẽ bực tức vì thái độ vô lễ của bé Thu nhưng trái lại, ông không la mắng bé và cũng không ép buộc con bé phải chấp nhận ông bởi lẽ ông hiểu rõ, tình cảm là một thứ không thể gượng ép; ông Sáu chỉ đành “nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười”, “có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên ông mới cười vậy thôi.”

Bé Thu gây ấn tượng cho người đọc về một cô bé dường như lì lợm, đến ghê gớm, khi mà trong mọi tình huống em cũng nhất quyết không gọi tiếng Ba. Nguyễn Quang Sáng đã khéo léo xây dựng nhiều tình huống thử thách cá tính của bé Thu, nhưng điều khiến người đọc phải bất ngờ là sự nhất quán trong tính cách của bé, dù là bị mẹ quơ đũa dọa đánh, dù là bị dồn vào thế bí, dù là bị anh Sáu đánh, bé Thu luôn bộc lộ một con người kiên quyết, mạnh mẽ. Cái cảm giác đó không đơn thuần là sự bướng bỉnh của một cô bé đồng đánh, nhiều sách mà là sự kiên định, thẳng thắn, của một người có lập trường – cái mầm sâu kín sau này làm nên tính cách cứng cỏi ngoan cường của cô giao liên giải phóng.

Bất chấp mọi lời khuyên, giảng giải của mẹ bé Thu kiên quyết không cất lên cái tiếng mà cha bé mong đợi nhất, thậm chí khi bé bị dồn vào thế bí “nồi cơm sôi lên sùng sục, cơm nhào má về sẽ đánh đòn”, bé vẫn không chịu gọi: “Ba chắt nước giùm con”, con bé tự mình nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước. Thái độ và tâm lý của bé Thu đã được tác giả thuật lại qua những chi tiết vừa cảm động, vừa buồn cười. Trong bữa cơm, bé Thu hất đi cái trứng cá ngon mà ông Sáu gắp cho mình, làm cơm văng tung tóe, hành động đó đã khiến ông Sáu vô cùng tức giận, trong một phút giây không kiềm chế được cơn giận, ông đã đánh con: “Sao mà cứng đầu quá vậy, hả?” làm con bé uất ức bỏ sang nhà ngoại, lúc cởi dây xuống, nó còn cố ý khua dây xích kêu rộn ràng để tỏ ý bất bình. Điều này khiến ông Sáu đau lòng khôn xiết, ông cứ trách mình vì đã làm tổn thương con. Và với bé Thu, giữa một bên là sự cứng cỏi, già dặn hơn tuổi, nhưng ở khía cạnh khác cô bé vẫn mong được yêu quý vỗ về. Trong khi “Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không chịu về”, cái cá tính cố chấp một cách trẻ con của bé Thu được tác giả khắc họa vừa gần gũi, vừa tinh tế.

Có lẽ những chi tiết trên sẽ khiến người đọc “giận thay” cho ông Sáu vì sự bướng bỉnh của bé Thu, thế nhưng tác giả xây dựng tình tiết như vậy là hoàn toàn hợp lý. Sự ương ngạnh của Thu đúng là tâm lý và tính cách điển hình của trẻ nhỏ, vì vậy không đáng

trách, nó còn quá nhỏ để có thể hiểu hết sự tàn khốc của bom đạn, thuốc súng cùng bao điều cay nghiệt, oan trái của chiến tranh, và hoàn cảnh đáng thương, éo le của những người chiến sĩ... Đối với trẻ con, thật khó để chấp nhận một người “bỗng nhiên xuất hiện” làm cha, hơn nữa người này lại không giống với ba bé Thu “trong tấm hình chụp chung với mẹ” vì vết sẹo dài trên mặt. Đây lại là một biểu hiện của tình thương yêu sâu nặng dành cho cha của bé Thu, sâu trong thâm tâm, con bé tự hào và dành niềm thương yêu tuyệt đối cho người cha “điên trai” trong bức hình chụp. Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện được điều đó qua chi tiết bé Thu giận dữ ba bỏ qua nhà ngoại. Ở đoạn cuối, khi mà bé Thu nhận ra cha, thật khó để phủ nhận bé Thu là đứa bé giàu tình cảm. Nghe bà giải thích, nó mới nhận ra mình đã hiểu lầm ba. Con bé ân hận hơn bao giờ hết, chỉ bởi những hành động sai trái mà nó đã làm với ba. Nghe ngoại kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thờ dài như một người lớn. Có lẽ giờ đây Thu đang nghĩ rằng ba nó tốt với nó như thế, thương nó nhiều như vậy mà nó lại một mực từ chối ông, kiên quyết không chịu nhận ba. Con bé lại càng thêm khó xử khi đối mặt ông Sáu. Nhưng câu chuyện éo le của tình cha con lẽ nào có êm đềm được vậy. Khi thắc mắc của bé Thu về vết sẹo trên mặt ông Sáu được giải đáp, cũng là lúc ông phải ra đi, trong tim con bé dấy lên sự ân hận tiếc nuối, và tình thương dành cho cha đã trào dâng mãnh liệt hơn bao giờ hết. Sáng hôm ấy, Thu chỉ dám đứng trong góc nhà lặng lẳng nhìn ba nó. Vết sẹo của bé Thu đã thay đổi, nó “không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có như ngày trước mà sầm mặt lại đượm buồn”. Dường như nó thêm khát cái sự ấm áp của tình cảm gia đình, nó cũng muốn chạy lại và ôm hôn cha nó lắm chứ, nhưng lại có cái gì chặn ngang cổ họng nó, làm nó cứ đứng nguyên ở đấy, ước mong cha nó sẽ nhận ra sự có mặt của nó. Ông Sáu vẫn day dứt niềm tiếc nuối không nguôi khi chưa gặp được đứa con gái ông hằng yêu thương. Ông cũng muốn ôm con, hôn con nhưng lại sợ nó giẫy lên bỏ chạy. Chỉ đành đưa mắt nhìn con bằng đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu rồi khe khẽ nói: “Thôi! Ba đi nghe con!”. Có ai mà ngờ vừa nhận được sự quan tâm của ông Sáu, con bé lại ùa tới hét lên trong nước mắt: “Ba...a...a....ba! “. Nó “chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó”, những giọt nước mắt nóng hổi, chứa đựng sự ân hận muộn màng lăn dài trên má nó như trách móc nó vì đã không biết trân trọng ba ngày hạnh phúc được sống cùng cha. Có ai ngờ một cô bé không được gặp cha từ năm một tuổi vẫn luôn vun đắp một tình yêu bền bỉ và mãnh liệt với cha mình, dù người cha ấy chưa hề bông bế nó, cung nựng nó, săn sóc, chăm lo cho nó, làm cho nó một món đồ chơi kể từ khi nó bắt đầu làm quen với cuộc sống. Chỉ tiếng gọi ba như thế cũng đủ xé lòng người. “Xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người”. Tiếng gọi ba chất chứa tự đáy lòng từ lâu nghe sao quá đỗi xót xa. Tiếng gọi ấy không chỉ khiến ba nó bật khóc mà còn mang một giá trị thiêng liêng với nó. Lần đầu tiên nó cảm nhận mơ hồ về niềm sung sướng của một đứa con có cha. Nỗi đau xa cách tình cha con dai dẳng trong lòng bấy lâu như bùng cháy. Làm bé Thu chỉ muốn chạy xô tới câu chặt lấy ba nó, không muốn ông rời xa. Nó hôn ba khắp mọi nơi, hôn lên luôn vết sẹo. Như mọi đứa bé khác, con bé vừa ôm ba vừa nói trong tiếng khóc: “Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con”. Tình cha con sao quá éo le, trắc trở. Ba thương yêu con, con không nhận. Đến lúc con hiểu chuyện thì ba phải đi xa. Tiếng gọi “ba” thiêng liêng lần đầu tiên cũng chính là tiếng gọi cuối cùng ông Sáu được nghe. Bà con xung quanh chứng kiến cảnh cha



con nhận nhau cũng “không cầm được nước mắt”. Riêng ông Ba cảm thấy khó thở, nghẹn ngào như “có bàn tay ai nắm lấy trái tim”. Đọc đến đây, không ai có thể tránh khỏi rơi lệ. Những giọt nước mắt nóng hổi, chứa đựng sự ân hận muộn màng lăn dài trên má bé Thu như trách móc nó vì đã không biết trân trọng ba ngày hạnh phúc được sống cùng ba. Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và méo mào: “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!”. Kể từ giây phút đó, chiếc lược ngà chính thức bước vào câu chuyện tình phụ tử, là minh chứng của tình yêu thương giữa hai cha con. Một chiếc lược, đó là mong ước đơn sơ của đứa con gái bé bỏng trong phút giây từ biệt. Phút chia tay sao mà cảm động biết bao. Để lại hình ảnh bé Thu với tình yêu ba sâu sắc đã gây xúc động mạnh trong lòng người đọc, để lại một ấn tượng vô cùng sâu sắc trong lòng mỗi người đọc. Nỗi đau, nỗi nhớ thương và mất mát... do quân giặc đem đến cho ông Sáu, cho bao người lính, cho bao bà mẹ, em thơ trên khắp mọi miền đất nước ta có bao giờ nguôi! Sự hi sinh của thế hệ đi trước để làm nên độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình là vô giá.

Những ngày xa bé Thu, ông Sáu lúc nào cũng ân hận vì đã đánh con. Nỗi nhớ thương, sự hối tiếc cùng tình yêu con đã được ông dồn việc thực hiện lời hứa với con – tặng cho con bé một cây lược. Tìm thấy khúc gỗ voi, “mặt ông hớn hở như đứa trẻ được quà”, mỗi lúc rảnh rỗi, ông “cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc”, ông “gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: "Yêu, nhớ tặng Thu con của ba". Khi chiếc lược hoàn thành, ông “thường hay lấy chiếc lược ra ngắm nghía rồi cài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt”. Chính lòng yêu con vô bờ bến đã khiến ông Sáu – một người chiến sĩ – trở thành một nghệ nhân “chỉ tạo ra một sản phẩm duy nhất trong đời”. Chiếc lược là sự kết tinh của tình phụ tử thiêng liêng, của bao nỗi nhớ, yêu thương nồng nàn ông Sáu dành cho đứa con gái duy nhất, nên thấm đẫm trong nó là tình cảm chân thành, sâu sắc, cao cả và tình người rục rịch giữa chiến trường đau thương, tàn khốc. Điều đó cho thấy, ông Sáu cũng như hàng triệu chiến sĩ, đồng bào ta hi sinh chiến đấu vì đất nước và dân tộc, vì hạnh phúc gia đình, vì tình vợ chồng, tình cha con.

Nhưng rồi trong một trận càn, ông Sáu đã bị thương nặng, khó qua khỏi, và ông cũng biết rõ điều này. Thật cảm động thay chi tiết ông Sáu đưa tay vào túi, móc cây lược ra và trao lại cho bác Ba trong những giờ phút cuối cùng của mình, chỉ đến khi bác Ba khẽ nói rằng bác sẽ mang chiếc lược ngà về trao tận tay bé Thu, “ông Sáu mới nhắm mắt đi xuôi”. Cũng từ hình ảnh này, nhà văn đã khẳng định: Bom đạn và chiến tranh có thể hủy diệt được sự sống, nhưng tình cha con – tình phụ tử thiêng liêng không gì có thể giết chết được. Ông Sáu dường như đã trao lại lời trăng trối cuối cùng, tuy ông chỉ “nhìn bác Ba một hồi lâu” mà không nói thành lời, nhưng nó rõ ràng, nó thiêng liêng hơn mọi lời di chúc, đó là sự ủy thác, lòng tin dành cho người bạn thân nhất của mình, và bắt đầu từ giây phút đó, cây lược của tình phụ tử đã biến người đồng đội của ông Sáu thành một người cha thứ hai của bé Thu.

Thứ mà truyện ngắn mang đến cho ta không đơn thuần là tình cảm gia đình nồng ấm mà còn là sự rung động của con tim, cái “tình người” đã tỏa rạng rực rỡ giữa gam màu u ám của chiến tranh, nó như một ngọn lửa sưởi ấm con người, khiến họ thêm vững tin vào tình cảm chân thành, cao quý của đồng bào đối với nhau.



Nguyễn Quang Sáng đã ghi lại dấu ấn khó phai trong lòng các bạn đọc với “Chiếc lược ngà” bằng cốt truyện chặt chẽ, cách lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý cùng sự am hiểu, miêu tả chân thật tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý trẻ nhỏ, qua việc làm nổi rõ tính cách của bé Thu – một cô bé cứng cỏi, ương ngạnh nhưng vẫn nhìn thấy trong nó sự hồn nhiên, ngây thơ như bao đứa trẻ khác, bé Thu có tình cảm dành cho cha sâu, sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi. Điều này chứng tỏ nhà văn rất thấu hiểu tâm lý, tính cách trẻ thơ, thể hiện tình cảm yêu quý, trân trọng của ông dành cho các em nhỏ. Ngoài ra cách lựa chọn ngôi kể cũng là một yếu tố góp phần vào sự thành công của của truyện, việc lựa chọn nhân vật kể truyện – bác Ba – làm cho câu truyện đảm bảo tính khách quan, đáng tin cậy và hoàn toàn chủ động nhịp kể, dẫn dắt nội dung truyện theo dòng cảm xúc của nhân vật.

### **BÀI THAM KHẢO 2:**

“Chiếc lược ngà” là tiêu biểu của tình cha con nồng nàn bất diệt, đồng thời cũng là một lời tố cáo, lên án tội ác, những đau thương, mất mát mà chiến tranh đã gây ra cho biết bao gia đình. Nó khiến ta thêm trân trọng và quyết tâm giữ gìn những tháng ngày hạnh phúc, độc lập của dân tộc mình; nhắc nhở mọi người tình cảm gia đình quý giá không dễ gì mà có được. Sau khi đọc xong câu truyện, chúng ta bỗng muốn ôm chầm lấy người đàn ông mà suốt cả cuộc đời dãi nắng dầm sương, luôn làm tất cả vì con. Truyện ngắn đã làm thức tỉnh trái tim những ai luôn hời hợt với cha mình, nhắc nhở mỗi người con về sự hiếu thảo đối với cha.

Truyện "Chiếc lược ngà" (Nguyễn Quang Sáng) được viết trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nhưng chủ yếu tập trung nói về tình người trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đoạn trích "Chiếc lược ngà" (Sgk Văn 9, tập I) thể hiện tình cha con thấm thiết, sâu nặng của ông Sáu và bé Thu. Ông Sáu về thăm nhà sau bao năm ở chiến khu với cái tình của người cha nôn nao, cháy bỏng khát khao được gặp con. Nhưng ngay từ giây phút đầu, điều mà ông bấy lâu mong đợi được nghe con gái gọi tiếng "Ba !" không được đền đáp. Đứa trẻ hoàn toàn ngỡ ngàng, lạnh lùng, đối xử với ông như người xa lạ. Với lòng mong nhớ con, ông càng đón chờ tình cảm của con, nó càng cố tình cự nự. Điều đó, khiến ông đau đớn "hai tay buông xuống như bị gãy". Có những tình huống, tương chừng thế nào nó cũng chịu thua, không ương ngạnh được nữa, phải gọi tiếng "Ba". Nhưng nó vẫn không chịu cất tiếng "Ba" mà ông Sáu chờ đợi. Hành động trẻ con, nói năng cộc lốc, ngang ngạnh của Thu dành cho Ba khiến ông Sáu, bạn ông Sáu và cả người đọc đau lòng và suy nghĩ. Khi có gia đình, hạnh phúc được làm cha, tiếng gọi "Ba" của đứa con gái yêu chưa dành cho ông khiến ông "khổ tâm đến nỗi không khác được, chỉ biết nhìn con vừa khẽ lắc đầu vừa cười".

Phản ứng tâm lý của Thu là hoàn toàn tự nhiên. Thu còn quá bé để có thể hiểu tình thế éo le xảy ra trong chiến tranh. Bản thân người lớn cũng chưa ai chuẩn bị cho Thu ứng phó với bất thường. Điều đó, người đọc cảm được tình cảm chân thật, sâu sắc, mãnh liệt Thu dành cho ba - người mà Thu biết trên ảnh, người cha được cô bé ghi sâu trong lòng từ tấm ảnh, không phải người đàn ông xưng là "ba". Đến khi được bà ngoại tháo gỡ thắc mắc trong lòng, về lai lịch vết sẹo, Thu vỡ lẽ đó thực là ba mình. Trăn trở dằn vặt, cùng

tình yêu, khát khao bấy lâu mong gặp mặt cha dồn nén, bùng nổ dữ dội, quyết liệt vào giờ phút trước khi người cha lên đường. Tiếng "Ba... a... a... ba !" vỡ ra từ sâu thẳm lòng cô bé. Tiếng kêu mà ba nó chờ đợi bao năm ròng. Tiếng kêu làm nhói tim mọi người. Ông Sáu sung sướng, hạnh phúc nghẹn lời, không cảm được nước mắt. Thu vồ vập, cuống quýt, níu giữ cha, níu giữ yêu thương bấy lâu nó mong đợi. "Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa", "hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run".

Đối với người cha, đó là tiếng "ba" đầu tiên và cũng là tiếng yêu thương cuối cùng ông được nghe từ con ! Ở chiến khu, ông cố gắng hết sức, thận trọng, tỉ mỉ làm cho con chiếc lược ngà. Ông đặt vào đấy tất cả tình cảm cha con. Chiếc lược trở thành vật thiêng, an ủi ông "gỡ rối phần nào tâm trạng", nuôi dưỡng tình cha con. Ông thường xuyên "lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt". Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Trước khi nhắm mắt xuôi tay, ông Sáu vẫn nhớ chiếc lược, nhờ bạn chuyển lại cho con - cử chỉ chuyển giao đó là một ước nguyện giữ gìn muôn đời tình cảm cha con, ruột thịt.

Truyện "Chiếc lược ngà" đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Hình ảnh cây lược được gắn vào đó một trái tim thổn thức tình ruột thịt, khẳng định giá trị nhân bản sâu sắc, cao đẹp thiêng liêng !

### **BÀI THAM KHẢO 3:**

Trong mỗi chúng ta, ai mà chẳng được sống trong những giây phút xúc động của tình cảm gia đình. Đến với văn học ta càng cảm nhận rõ nét hơn sự rung cảm đến tột cùng đó. Nếu đến với " Bếp lửa" của Bằng Việt ta được sống lại cuộc sống êm đềm bên người bà... Đến với " Tắt đèn" của Ngô Tất Tố ta được chìm ngập trong tình mẹ con sâu nặng...Thì đến với tác phẩm " Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện thật cảm động tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu. Dưới cây bút tài ba của nhà văn ta được đến với những tình huống vô cùng độc đáo và bất ngờ, qua đó càng nhấn mạnh tình cảm cha con sâu sắc cao đẹp trong cảnh ngộ éo le. Cái cảnh ngộ đã làm bé Thu và ông Sáu trở nên xa cách và lạnh lùng. Sau tám năm xa cách gia đình, vợ con để đi chiến đấu lúc nào ông Sáu cũng nuôi trong mình hy vọng là được về thăm nhà. Thế rồi cái ước mơ đó đã trở thành hiện thực, ông được về thăm nhà, thăm vợ con. Lúc về đến nhà ông vô cùng hồi hộp được nhìn thấy đứa con sau bao năm xa cách, nhưng ông càng hy vọng bao nhiêu thì càng thất vọng bấy nhiêu. Bé Thu - con gái ông đã không nhận ra cha bởi vì cái vết thẹo dài trên má. Đã làm cho ông Sáu đau lòng nhưng ông vẫn yêu thương con bằng tất cả tấm lòng. Chỉ vì cái vết thẹo mà chiến tranh tàn khốc đã gây nên đã tạo ra những bi kịch đáng buồn, là bức rào ngăn cản cha con. Đọc tác phẩm, ta thấy trong mình sự căm ghét chiến tranh, không những gây nên sự hy sinh đau khổ mà còn gây lên những trở trêu mà ngay cả những đứa trẻ thơ ngây, hồn nhiên cũng phải gánh chịu. Hành động chạy vụt đi của bé Thu khi ấy cũng chỉ là xuất phát từ tình yêu mà bé dành cho cha, vì người cha trước mặt không giống với người cha trong ảnh mà mẹ đã chỉ. Bé cũng chỉ là nạn

nhân của chiến tranh, không được sống gần gũi, yêu thương của cha mà phải xa cha từ nhỏ. Nhưng vết theo dài trên mặt ấy chỉ là bức cản tạm thời, nó đã không che lấp được tình cha con. Tình cha con sâu nặng đã vượt lên trên tất cả sự đau thương mất mát để được bên nhau. Tuy chỉ là những giây phút ngắn ngủi nhưng chứa đựng là những kỷ niệm khó quên trong tâm hồn bé Thu và ông Sáu.

Mà có lẽ, ta không thể không xúc động trước tình cảm yêu thương tha thiết của ông Sáu dành cho đứa con gái. Ôi ! ta phải thốt lên trước những hành động suy nghĩ của ông Sáu khi ở căn cứ. Vì nỗi nhớ thương con da diết đã khiến ông dồn hết tâm trí và sức lực những lúc dỗi dãi ông chau chuốt làm cho con một chiếc lược thật đẹp bằng ngà voi. Cái hình ảnh ấy cứ thấp thoáng đâu đây: " Anh cứ từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc". Chiếc lược đã trở thành vật thiêng liêng quý giá chứa đựng bao nỗi nhớ thương yêu con của ông Sáu. Ông đã từng tưởng tượng cái giây phút hạnh phúc khi được tận tay trao chiếc lược cho con nhưng tất cả đã trở thành kỷ niệm, ông Sáu đã hy sinh. Một lần nữa người đọc lại thấm thía về sự mất mát hy sinh của chiến tranh.

Tóm lại, khi đọc tác phẩm " Chiếc lược ngà" với cốt truyện chặt chẽ, bất ngờ đã đưa người đọc đến với tình cảm cha con sâu nặng nhưng vô cùng éo le trong cảnh ngộ chiến tranh. Qua đó Nguyễn Quang Sáng muốn gửi đến bạn đọc rằng : tình cảm cha con là một tình cảm vô cùng thiêng liêng và cao quý đối với mỗi chúng ta. Vậy nên chúng ta hãy biết trân trọng tình cảm và quý mến tình cảm ấy.

#### **ĐỀ 4: Suy Nghĩ Về Đời Sống Tình Cảm Gia Đình Trong Chiến Tranh Qua Truyện Ngắn Chiếc Lược Ngà Của Nhà Văn Nguyễn Quang Sáng**

##### **BÀI THAM KHẢO 1:**

Truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một truyện cảm động về tình cha con của những gia đình Việt Nam mà ở đó "lớp cha trước, lớp con sau, đã thành đồng chí chung câu quân hành". Trong truyện đoạn cảm động nhất là đoạn "ba ngày nghỉ phép về quê của anh Sáu". Năm 1946, năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, anh Sáu lên đường theo tiếng gọi của quê hương. Bây giờ, bé Thu, con gái anh chưa đầy một tuổi. Chín năm đằng đẵng xa quê, xa nhà, anh Sáu vẫn mong có một ngày trở về quê gặp lại vợ con.

Thế rồi, kháng chiến thắng lợi, anh được nghỉ 3 ngày phép về thăm quê, một làng nhỏ bên bờ sông Cửu Long. Về đến nhà, anh tưởng tượng bé Thu - con gái anh sẽ rất vui mừng khi được gặp cha. Giờ đây, nó cũng đã mười tuổi rồi còn gì. Mang một nỗi niềm rạo rức, phấn chấn, anh nôn nóng cho mau về đến nhà.

Không chờ xuống cập bến, anh đã nhảy lên bờ vừa bước, vừa gọi: "Thu! Con!" thật tha thiết. Ta có thể tưởng tượng nỗi vui sướng của anh như thế nào. Khi anh vừa bước đi, vừa lom khom người xuống đưa tay chờ con. Thế nhưng ngược lại với những điều anh Sáu mong chờ. Bé Thu tròn mắt nhìn anh ngạc nhiên rồi bỏ chạy. Phản ứng của bé Thu khiến anh Sáu sững sờ, đau khổ. Còn gì đáng buồn hơn khi đứa con mà anh hết lòng thương yêu và khắc khoải từng ngày để được gặp mặt, giờ đây trở nên xa lạ đến mức phũ phàng ấy.

Thế rồi, anh Sáu tìm mọi cách gặp con để làm quen dần vì anh nghĩ rằng khi anh đi nó vừa mấy tháng tuổi nên nó lạ. Anh mong sao nó gọi một tiếng "ba", vào ăn cơm nó chỉ nói trống không "Vô ăn cơm!"

Bữa sau, cũng là ngày phép thứ hai, bé Thu trông hộ mẹ nồi cơm để chị Sáu chạy mua thức ăn. Trước khi đi, chị Sáu dặn nó có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nồi cơm quá to mà bé Thu thì còn nhỏ, vậy mà khi nồi cơm sôi không tìm được cách nào để chắt nước, loay hoay mãi, nó nhìn anh Sáu một lúc rồi kêu lên: "Cơm sôi rồi, chắt nước dùm cái!" anh Sáu vẫn ngồi im, chờ đợi sự thay đổi của nó. Thế nhưng, nó nghĩ ra cách lấy vá múc ra từng vá nước chứ nhất định không chịu gọi anh Sáu bằng "Ba". Con bé thật đáo để!

Đến bữa ăn cơm, anh Sáu gấp cho bé Thu một cái trứng cá to, vàng bỏ vào chén. Lúc đầu nó để đó rồi bất thần hất cái trứng ra làm cơm đổ tung toé. Giận quá, không tìm được nữa, anh Sáu vung tay đánh vào mông nó. Thế là bé Thu vội chạy ra xuống mở "lò tói" rồi bơi qua sông lên nhà bà ngoại.

Phép chỉ còn ngày cuối cùng, anh Sáu phải trở về đơn vị để nhận nhiệm vụ mới. Bao nhiêu mơ ước được hôn, ôm con vào lòng từ bấy lâu nay của anh Sáu giờ chỉ càng làm cho anh thêm đau lòng và gần như anh không còn để ý đến nó nữa. Thân nhân, họ hàng đến chia tay anh cũng khá đông nên anh cứ bịn rịn mãi. Chị Sáu cũng lo sắp xếp đồ đạc cho chồng, không ai quan tâm bé Thu đang đứng bơ vơ một mình bên cửa nhà. Thì ra nó theo bà ngoại trở về vì bà ngoại sang đây để tiễn chân anh Sáu. Giờ này, trên gương mặt Thu không còn cái vẻ bướng bỉnh, ương ngạnh nữa, mà thoáng một nét buồn trông đến dễ thương. Nó nhìn mọi người, nhìn anh Sáu. Đến lúc mang ba lô và bắt tay với mọi người, anh Sáu mới nhìn quanh tìm bé Thu. Thấy con, dường như mọi việc trong ba ngày phép hiện lên trong anh nên anh chỉ đứng nhìn con với bao nỗi xót xa ... cuối cùng, anh cũng phải nói lên lời chia tay với con mà không hy vọng bé Thu sẽ gọi một tiếng "ba" thiêng liêng ấy. Thật là đột ngột và không ngờ, bé Thu chạy đến bên anh Sáu và tiếng "Ba!" được thốt lên thật cảm động biết nhường nào. Nó ôm chầm thật chặt như không muốn rời ba nữa. Nó khóc, khóc thật nhiều và hét lên những lời khiến mọi người xung quanh đều xúc động: "Không cho ba đi nữa, ba ở nhà với con!"

Sung sướng, hạnh phúc và cũng thật đau lòng, anh Sáu cũng chỉ biết ôm con và khóc cùng với con. Rồi cũng đến lúc phải chia tay, thật bịn rịn vô cùng. Vừa mới nhận được tiếng "ba" của đứa con thân yêu cũng là lúc phải nghẹn ngào chia tay với con để trở về đơn vị làm tròn trách nhiệm khi đang ở quân ngũ.

Trước kia anh Sáu đã thương con, giờ đây anh càng thương con gấp bội. Bởi lẽ anh đã hiểu lí do vì sao bé Thu quyết định từ chối không gọi anh bằng "ba" từ ba hôm nay.

Làm sao chấp nhận một người xa lạ mà khuôn mặt không giống trong tấm ảnh mà mẹ nó thường ngày vẫn nói với nó đó là "ba" được. Chính vết sẹo quái ác kia đã làm cho bé Thu không nhận anh Sáu, hằn học với anh Sáu. Sau khi hiểu rõ nguyên nhân của vết sẹo hằn trên gương mặt của ba, bé Thu mới thấy hổ thẹn và ăn năn. Tình cảm cha con bỗng dâng đầy, tràn ngập trong lòng em. Tình cảm đó được thể hiện bằng thái độ, cử chỉ dồn dập, gấp rút khi nó gọi và ôm chầm lấy anh Sáu. Ba ngày phép ngắn ngủi nhưng lại rất nặng nề với anh Sáu và bé Thu. Nghịch cảnh này là một trong muôn ngàn nghịch cảnh



khác mà đã có biết bao gia đình phải ngậm ngùi vì những ngộ nhận đáng thương. Đó cũng là một sự thật đau lòng của nước Việt Nam ta trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Chiến tranh đã đi qua nhưng qua tài liệu chúng ta có thể thấy được chiến tranh tàn ác như thế nào và khiến đời sống của chúng ta nhà tan, cửa nát, mất mát và chia li. Đọc truyện ngắn Chiếc Lược Ngà chúng ta có thể thấy được lòng yêu thương con sau bao nhiêu năm xa cách như thế nào, nó đã làm rung động biết bao trái tim khi đọc qua tác phẩm này.

## **BÀI THAM KHẢO 2:**

Chiến tranh! Hai tiếng vang lên nghe thật thương tâm, cũng chính vì hai tiếng đó mà bao người phải khổ đau. Chiến tranh tàn khốc, gây ra các cuộc sinh ly tử biệt, vợ xa chồng, cha xa con, con xa nhà. Chiến tranh không thể tha thứ khi đã cướp đi sinh mạng, xương máu của biết bao người con Việt Nam, nhưng một phần nào, ta cũng cảm ơn chiến tranh, bởi vì không có nó, những tình cảm thiêng liêng nhất của cuộc đời không thể nào bộc lộ ra hết được, tình yêu đôi lứa, tình đồng chí đồng đội, tình yêu quê hương và đặc biệt nhất là tình cảm gia đình. Nguyễn Quang Sáng một nhà văn của thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã ngưỡng mộ trước thứ tình cảm cao đẹp này, ông đã khai thác và xây dựng nên câu chuyện về cuộc gặp gỡ của hai cha con đây xúc động, đó là "Chiếc lược ngà" được ông viết vào năm 1966.

Câu chuyện kể về cha con ông Sáu và bé Thu sau hơn tám năm xa cách mới có dịp gặp lại nhau, nhưng Thu đã không nhận ra cha mình chỉ vì một vết sẹo dài trên má, thay vào đó là sự vô cảm, thờ ơ như căm ghét ông. Nhưng rồi thật bất ngờ, khi ông Sáu chuẩn bị lại đi, Thu mới chịu kêu lên tiếng "ba" với ông Sáu, không còn đủ thời gian để yêu thương nhau, ông Sáu đã ra chiến khu và làm chiếc lược cho con mình. Nhưng cũng sau khi ông làm sau, ông đã hy sinh bởi bọn giặc, trong vài giây cuối cuộc đời, ông đã kịp trao lại chiếc lược cho bác Ba - người bạn của ông và nhờ đưa lại cho Thu, rồi ông mới ra đi.

Đọc qua truyện ngắn này, ta mới thấy được tình cảm gia đình, cụ thể là tình cảm cha con thiêng liêng và cao đẹp biết nhường nào. Trong hoàn cảnh khó khăn nhất đó là chiến tranh, tình cảm ấy vẫn không biến mất mà vẫn còn ẩn chứa trong mỗi con người. Điều đó đã được thể hiện một cách sâu sắc qua nhân vật ông Sáu. Ông Sáu cũng như bao người nông dân Việt Nam khác, ông phải đi theo tiếng gọi của Tổ Quốc, mà đành bỏ lại phía sau những gì thân thương nhất của đời mình, ruộng nương, nhà cửa, vợ và cả người con chưa đầy tuổi của mình. Xa nhà suốt tám năm, từng nỗi nhớ lại càng lớn thêm và ngày càng chồng chất:

"Anh đi anh nhớ quê nhà Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương" Nhớ quê, nhớ nhà, nhớ tình làng nghĩa xóm, và ông nhớ da diết đứa con gái của mình. Bởi vì xa con đến tám năm, chưa một lần ông được nghe thấy tiếng nói của con, chưa một lần tận mắt thấy người con bé bỏng, có chăng chỉ là một tấm hình mà vợ ông đã gửi, hòa bình lập lại, được về nhà chỉ có ba ngày ngắn ngủi, ông vô cùng hạnh phúc. Cùng người bạn, bác Ba, ông về thăm nhà, cốt là để gặp con mình, đã xa con quá lâu nên lòng ông cứ nôn nao khi đến gần hơn với nhà, "...cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh". Và lòng háo



hức, niềm khát khao được thấy con, đã thúc giục ông không thể chậm trễ được nữa khi nhìn thấy đứa bé giống đứa con mà mình đã nhìn qua tấm ảnh, "...không thể chờ xuống cặp lại bên, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuống tạt ra, khiến tôi bị chói vớ". Rồi hành động đã chuyển thành tiếng nói và những biểu hiện trên khuôn mặt ông, ông kêu to một tiếng: Thu! Con, lại gần con ông xúc động vô cùng".. vết thẹo dài trên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ", bật lên hai câu vớ giọng run run: "Ba đây con!". Qua tất cả những điều đó, ta thấy được ở ông là một niềm thương con da diết, nhớ con và khao khát gặp con, chính vì thế ông đã không ngăn cản được cảm xúc của mình dâng trào. Nhưng con người ta lại hy vọng quá mức vào một điều để rồi thất vọng cũng vì điều đó, từ một cảm giác vui sướng tột cùng, thay vào đây là sự hụt hẫng vô bờ của cảm xúc, ông bàng hoàng trước sự sợ hãi, lạnh lùng, xa lánh của bé Thu, niềm háo hức đã trở thành nỗi đau, "...nỗi đau như khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy". Đó chắc chắn là một cảm giác rất đau đớn và thất vọng, nỗi đau ấy có lẽ còn đau hơn khi ông phải hy sinh trên mặt trận, khi ông mong quay về sẽ được nghe lại tiếng gọi: "Ba" mà ông chưa từng được nghe từ đứa con bé bỏng của mình, qua đó ta thấy lòng yêu thương con của ông Sáu là rất chân thực và vô cùng to lớn.

Nhưng tình phụ tử không cho phép ông khóc ngay lúc này, chính vì yêu con, mà trong mấy ngày nghỉ phép ông không ghét con mà tiếp tục vỗ về và chăm sóc con, làm mọi cách để con có thể kêu lên một tiếng: "Ba" duy nhất. Nhưng trớ trêu thay, ông càng tỏ ra yêu thương bé Thu, cố gắng xóa bỏ một đoạn ngăn cách giữa hai cha con, thì Thu lại nói rộng thêm khoảng cách đó ra. Thứ ông nhận được chỉ là những lời nói trống không, sự vô cảm tàn nhẫn của bé Thu. Nỗi đau tinh thần lại càng lớn dần, khiến ông không thể khóc mà chỉ cười được thôi "Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh cười vậy thôi", nụ cười mang trong đó là sự ngượng ngạo, sự bất đắc dĩ, cười chỉ để quên đi nỗi đau vô bờ bến nhưng nỗi đau vẫn còn trong lòng. Và từ tâm trạng thất vọng, ông đã trở thành tuyệt vọng khi bé Thu hát trưng cá ra khỏi bát, không thể kìm nén được nữa, bây giờ cũng không thể cười được, nên ông đành giận dữ và đánh thật mạnh vào mông bé Thu rồi hét lên rằng: "Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?". Thật là khổ tâm cho ông, tình yêu chưa thể hiện được bao nhiêu, đã phải đánh con, nỗi đau đánh con còn lớn hơn cả nỗi đau con không nhận ra cha, bởi vì đánh con tức là phủ nhận tất cả niềm yêu thương mà ông đã dành cho con mình, nhưng ông đành thế, vì ông muốn con biết ông chính là người cha của em. Và rồi, nỗi tuyệt vọng càng kéo dài không nguôi đi được, nhưng ông vẫn không ghét con, chào tạm biệt con ông cũng chỉ nói nhỏ nhẹ: "Thôi! Ba đi nghe con!". Nhưng một lần nữa, chuyện lại càng trớ trêu và đầy bất ngờ, lúc ông cảm thấy không còn một chút hy vọng gì thì bé Thu lại kêu dài một tiếng như xé toang cả khoảng không gian im lặng: " Ba...a...a...Ba" và điều đó là một món quà vô cùng ý nghĩa đối với ông, yêu con mà phải chịu cảnh thờ ơ của con đến mức giận dữ không kìm nén được thì giờ đây còn gì bất ngờ và hạnh phúc hơn nữa. Chính tiếng kêu tha thiết của bé Thu đã làm một người lính như ông phải tỏ ra mềm yếu, và xúc động vô cùng, không thể nào ngăn được ông trào nước mắt "...anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con" Niềm vui sướng

có pha lẫn một chút tiếc nuối vì giờ đây ông không thể dành thời gian yêu thương con được nữa, ông phải đi rồi, bởi vậy, mang theo lời hứa "chiếc lược" cũng là lời hứa sẽ quay về nhà để được ở bên con nhiều hơn. Nhưng ước sao ông hãy ở lại bên bé Thu một lúc mà đừng ra đi quá sớm, bởi vì lúc ông lần đầu nghe tiếng gọi "Ba" của Thu cũng là lần cuối cùng mà ông được nghe và thấy mặt con.

Ở chiến khu, lòng nhớ con lại càng lớn dần lên, chính vì nhớ con mà ông rất ân hận vì đã trót đánh con, và lòng yêu thương con càng thôi thúc ông làm chiếc lược tặng con mình. Hãy thử cảm nhận được sự vui sướng khi ông tìm thấy chiếc ngà voi làm chiếc lược cho con mình, bằng một vỏ đạn ông "...cưa từng chiếc răng lược, thân trọng tỉ mỉ công công như người thợ bạc", giờ đây ta có thể thấy được chính tình phụ tử, tình cảm gia đình khiến chúng ta như biến thành một con người khác, cũng như ông Sáu là một người lính, nhưng với sự nhớ con vô bờ bến, ông đã trở thành một nghệ nhân kiệt xuất với dụng cụ chỉ là một vỏ đạn và thứ ông chỉ có thể làm duy nhất là chiếc lược ngà cho riêng con gái mình. Không chỉ vậy, thời gian ông làm chiếc lược là thời gian mà ông cảm thấy hạnh phúc nhất, khắc lên trên cây lược dòng chữ: "Yêu nhớ tặng Thu con của ba", ông muốn ghi dấu thời khắc quan trọng này, chính tình cha con đã làm ông thêm mạnh mẽ để có thể quên đi mùi đạn khói của chiến tranh mà vẫn tiếp tục nâng niu chiếc lược cho con gái. Nhưng rồi mọi chuyện thật tồi tệ, chiến tranh tàn ác hơn thế, tạo ra vết sẹo để Thu không nhận ra cha, lại còn dập tắt một niềm khao khát nhỏ nhoi là được tận tay trao chiếc lược cho đứa con gái của mình, ông Sáu đã bị chiến tranh giết chết, một vỏ máy bay giặc bắn vào người ông. Tưởng như một vết thương nặng có thể khiến ông ra đi lập tức, nhưng ông trút hết những hơi thở cuối cùng bằng việc thò tay vào chiếc túi đựng máu để lấy ra chiếc lược ngà và trao lại cho người đồng đội nhờ đưa cho bé Thu, đến lúc đó, ông mới chịu "...nhắm mắt đi xuôi". Một hành động thật thiêng liêng cao đẹp, chính tình phụ tử đã góp sức cho ông làm công việc cuối cùng này, "...tình cha con là không thể chết được", tình cha con được khẳng định là một tình cảm bất diệt, cao quý, chiến tranh có thể làm sứt mẻ tình cảm gia đình, nhưng không thể làm tổn thương đến tình cảm cha con, bởi vì trong chiến tranh, tình cha con lại càng sâu nặng và thấm thiết hơn, chiếc lược ngà mà ông Sáu đã gửi lại ở cuối đoạn trích chính là một nhân chứng chân thực nhất về tình cảm đẹp đẽ này.

Tình cảm của ông Sáu đối với bé Thu là vô bờ bến nhưng với bé Thu, em cũng rất yêu cha mình. Xa cha từ khi còn nhỏ, mới khi biết nói và biết cảm nhận, em đã có thể thấy thiếu vắng hình ảnh của người cha, người trụ cột trong gia đình mình. Cha là ai? Cha trông thế nào? Chắc những câu hỏi đó vẫn hay vương vấn trong tâm trí em, hình ảnh người cha duy nhất mà em thấy được là qua bức ảnh cũ kĩ mà ông Sáu đã chụp với vợ. Chính vì vậy, một hình ảnh người cha trong tấm ảnh đã ăn sâu vào tâm trí và suy nghĩ của em, nên không có gì quá ngạc nhiên khi em tỏ ra "ngơ ngác, lạ lùng" khi mới gặp ông Sáu, phản ứng đầu tiên là "mặt bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má!", đó là một cảm giác sợ hãi, cảm giác như thế mình mất ba rồi, qua đây, ta thấy bé Thu thật trẻ con và thật yêu cha, chính vì trẻ con mà khi thấy vết sẹo trên má ông Sáu thì không cần nghĩ, em vẫn không tin đó là cha, yêu cha bởi vì chỉ có thương nhớ người cha mà em không chấp nhận ai khác làm cha của mình. Rồi trong những ngày nghỉ phép của ông Sáu, đáp lại một niềm

mong mỗi kêu lên tiếng "Ba" của ông, Thu chỉ tỏ ra thờ ơ với ông, nói trống không và kiên quyết không kêu lên tiếng "Ba" nào mà tự mình làm công việc chắt nước. "Vô ăn cơm!... Cơm chín rồi!... Con kêu rồi mà người ta không nghe.... Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái.... Cơm sôi rồi nhão bây giờ!"

Hàng loạt những câu nói của bé Thu cho thấy một sự ngang ngạnh, bướng bỉnh của cô bé. Từ "người ta" mà em dùng để gọi ông Sáu cho thấy một sự nhất quyết không lên bất cứ tiếng "Ba" nào. Nhưng ta lại cảm thấy đáng thương hơn là đáng trách bé Thu, xuất phát từ lòng yêu cha, nhớ cha và mong mỗi gặp cha, cô bé chắc chắn không gọi bất cứ ai là "Ba" nếu như chưa tin chắc đó là "Ba" mình, chính vì xa lánh ông Sáu ta mới thấy bé Thu yêu ba mình, thật là một tâm hồn ngây thơ của trẻ con. Và rồi, sự ngang ngạnh đã đến mức đỉnh điểm, dẫn đến phản ứng quyết liệt, Thu hất trứng cá ra khỏi bát khi được ông Sáu gắp cho và bị ông Sáu đánh thật mạnh vào mông. Tưởng chừng sau cái đánh đó, cô bé sẽ khóc lên nhưng không "...nó cầm đũa, gắp lại trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm.... mở lời tới cổ làm cho dây lời tới khua rồn rảng, khua thật, rồi lấy dầm bởi qua sông", hành động bất ngờ nhưng cũng thật tự nhiên, bé Thu mạnh mẽ khi không khóc tiếng nào, thay vào đó như là một việc làm trút giận lên chiếc dây lời tới, nhưng bên trong đó, ta còn cảm thấy rằng, dường như tâm trí bé Thu đã có suy nghĩ ông Sáu là ba của mình, bởi vì thế mà em mới không cãi lại ông Sáu, em khua lời tới để ông Sáu nếu là cha thì phải đi tìm để đỡ dành mình, toàn bộ hành động tuy thật trẻ con nhưng lại rất đáng thương cho một cô bé như Thu. Và sau khi nghe được bà giải thích, Thu mới hối hận nghĩ lại, trăn trở suốt đêm, thờ dài và không ngủ được. Đến khi ông Sáu ra đi, cô bé mới để cho cảm xúc của mình được bộc lộ ra hết. "...kêu thét lên: Ba...a...a...ba!.... ...Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con. ...Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết sẹo dài bên má của ba nó nữa" Đó là một tình cảm đã dồn nén từ rất lâu rồi, hơn tám năm rồi, Thu chỉ mong được biểu lộ tình cảm với ba thôi, tình cảm ấy được thể hiện thật mãnh liệt nhưng lại hòa lẫn sự hối hận của bé Thu. Cái trẻ con trong bé Thu còn được thể hiện lần cuối khi xin ông Sáu mua chiếc lược cho mình. Đó là kết thúc cho một cuộc gặp gỡ cảm động và thật thiêng liêng. Qua cuộc gặp gỡ ấy, ta thấy Nguyễn Quang Sáng tuy không đề cập đến chiến tranh nhưng chiến tranh vẫn luôn hiện lên qua vết sẹo của ông Sáu. Kết quả của tám năm đi lính xa nhà của ông Sáu cũng là nguyên nhân khiến bé Thu không nhận ra cha mình, giá như không có vết sẹo ấy thì bé Thu đã được hưởng ba ngày tuyệt vời trong tình yêu thương của cha mình, nhưng nếu không có vết sẹo ấy, tình cảm gia đình cũng không được thử thách và bộc lộ lên được, tình cảm cha con mà vì thế đã trở nên thiêng liêng cao đẹp hơn trong tình cảnh chiến tranh. Câu chuyện với tình huống bất ngờ độc đáo, khi bé Thu không nhận ra cha mình, qua đó làm nổi bật lên tính cách, tình cảm cha con thực sự giữa ông Sáu và cả bé Thu. Ngôi kể bằng nhân vật bác Ba tạo nên sự chân thực, khách quan và tự nhiên làm tăng thêm yếu tố cảm xúc.

"Chiếc lược ngà" là một câu chuyện cảm động và rất chân thực của Nguyễn Quang Sáng. Bằng một sự cảm nhận chân thực về tình cảm gia đình trong chiến tranh, ông đã

gợi lên một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, đẹp đẽ, và trên thực tế còn rất nhiều tình cảm khác mà ta cần phải trân trọng và giữ gìn.

## **CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN TÁC PHẨM “ NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI”- LÊ MINH KHUÊ**

**Đề bài: Cảm nhận nhân vật Phương Định trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.**

**Dàn ý chi tiết:**

**I. Mở bài:** “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Đó là tinh thần của cả thời đại chống Mỹ. Đó là hình ảnh những anh bộ đội, những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn đã đi vào văn chương và trở thành mạch nguồn cảm xúc xuyên suốt văn học một thời. Đó là những người lính lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật; “Mảnh trăng cuối rừng” của Nguyễn Minh Châu; những cô gái mở đường trong “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mĩ Dạ... Cũng được khơi nguồn từ cảm hứng ấy, truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê lại đem đến cho người đọc những cảm xúc mới mẻ về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Họ vừa mang vẻ đẹp của những cô gái tuổi mười tám, đôi mươi hồn nhiên giàu mộng mơ, lại vừa mang vẻ đẹp của người lính giữa chiến trường gan dạ, dũng cảm không sợ hi sinh. In đậm nhất trong tâm trí bạn đọc là hình ảnh nhân vật chính, cô thanh niên xung phong, cô “hoa hậu” trong lòng bom đạn – Phương Định.

**II. Thân bài:**

**1. Khái quát ( Dẫn dắt vào bài ):** - Lê Minh Khuê là nữ nhà văn đã từng có năm tháng tuổi trẻ gắn bó với những con đường Trường Sơn mưa bom, bão đạn, từng chứng kiến, trải qua và chia sẻ những gian khổ, hi sinh của người lính giữa chiến trường. Bởi vậy những trang viết của bà về con người và cuộc sống nơi đây thật chân thực và xúc động vô cùng. Ở “Những ngôi sao xa xôi” cũng vậy, hiện thực cuộc sống giữa chiến trường và hình ảnh những nữ thanh niên xung phong với cuộc sống gian khổ một thời cứ hiện lên sống động sau từng câu chữ. - Ấn tượng sâu đậm nhất mà Lê Minh Khuê để lại trong lòng bạn đọc ở “Những ngôi sao xa xôi” là hình ảnh những con người dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao, có tình đồng chí, đồng đội sáng ngời, có tâm hồn trong trẻo, giàu mơ mộng, và nhạy cảm. Tất cả những vẻ đẹp ấy được thể hiện tập trung nhất ở nhân vật Phương Định, và chủ yếu qua đời sống nội tâm của cô.

**2. Hoàn cảnh sống và chiến đấu đầy gian khổ:**

- Phương Định cùng những người đồng đội của mình ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt, từng ngày từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ.



Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: “Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lẫn lộn. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất”. Đó là hiện thực đầy mùi chiến tranh, không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy thân chết luôn rình rập. - Công việc của các cô đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.

### **3. Về đẹp của Phương Định:**

- Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng Phương Định vẫn giữ được sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ, luôn thể hiện tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh, lòng lạc quan và tình đồng đội gắn bó sâu sắc. Cô ngời sáng lên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.

**a. Lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần dũng cảm:** - Vẻ đẹp của nhân vật Phương Định được tỏa sáng ở lí tưởng sống cao đẹp và tinh thần dũng cảm, không sợ gian khổ, hi sinh + Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, cùng thế hệ của mình “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” để giành độc lập, tự do của Tổ quốc. Cô ra đi mà không tiếc tuổi thanh xuân, nguyện dâng hiến hết mình cho đất nước: “Ôi Tổ quốc! Nếu cần, ta chết Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...”. + Đối mặt với nguy hiểm, cô và những người đồng đội của mình thật sự là những anh hùng. Phương Định nghĩ về hoàn cảnh sống nơi đây một cách giản dị và cho là có cái thú riêng: “Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ...”. Công việc phá bom đầy nguy hiểm và phải luôn đối mặt với thân chết được cô kể với giọng điệu bình thản, pha sự hóm hỉnh: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Thật là biết đùa trước gian khó. + Đặc biệt, hi sinh mất mát của bản thân cũng được Phương Định coi hết sức nhẹ nhàng: “Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên Tôi không vào viện quân y”. Nếu không có cái nhìn lạc quan và một tinh thần dũng cảm thì Phương Định không thể có cách nói bình thản như thế. + Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác. Khung cảnh và không khí chưa đầy sự căng thẳng nhưng Phương Định vẫn có nét tâm lí rất con gái, cảm giác: “Có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình” để rồi sự dũng cảm ở cô như được kích thích bởi lòng tự trọng: “Tôi đến gần quả bom,... tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đường hoàng mà bước tới”. Ở bên quả bom, cận kề với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn: “Thình thoảng lưỡi xẻng



chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”. Tiếp đó, là cái giây phút căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, còn cái chính vẫn là: “liệu mình có nổ, bom có nổ không?”. Đây là một trách nhiệm rất cao trong công việc, là lòng dũng cảm vô song. Có thể khẳng định rằng: Phương Định và những đồng đội của cô thực sự là những người anh hùng, nhưng là những anh hùng mà không tự biết. Chính điều đó, khiến cho nhân vật Phương Định trở nên đáng mến.

### **b. Tính hồn nhiên, mơ mộng, và tinh nghịch của Phương Định:**

- Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất ở Phương Định chính là vẻ đẹp của một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và mơ mộng: + Phương Định là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường. Cô có một thời học sinh – cái thời áo trắng ngây thơ, hồn nhiên và vô tư sống bên mẹ trong một căn buồng nhỏ ở một đường phố yên tĩnh. Những hoài niệm của cô về thời học trò thật đáng yêu, luôn sống trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến tranh.

+ Sau những giây phút căng thẳng ở cao điểm, xong việc là thở phào chạy vào hàng, là sa ngay vào một thế giới khác – thế giới con gái với những mơ mộng: nằm dài trên nền ẩm, lười biếng nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ, có thể nghe, có thể nghĩ ngợi lung tung... Phương Định mê hát và thích nhiều bài hát: những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngã đường mặt trận; thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng; thích Ca-chiu-sa của hồng quân Liên Xô; thích ngồi bó gối mơ màng trước lời bài hát dân ca Ý trữ tình... Thích hát, Phương Định còn bịa ra lời mà hát, ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Rõ ràng, thích hát là nét tâm lí của thời đại

– cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình.

+ Cũng như bao cô gái mới lớn, Phương Định rất nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Phương Định đẹp với “hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn” và “đôi mắt nâu nâu dài dài hay nheo lại như chói nắng, hay có cái nhìn xa xăm”. Biết mình đẹp, cô thích ngắm mình trong gương, có chút kiêu ngâm khi biết mình được các anh pháo thủ và lái xe thăm hỏi. Cô vui và tự hào về điều đó nhưng không hay biểu lộ tình cảm của mình mà thường rỏ ra kín đáo giữa đám đông. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi phát hiện ra cái nét tâm lí kiêu ngâm ấy ở Phương Định. Đó là cái kiêu ngâm của một cô gái trẻ có ý thức sâu sắc về vẻ đẹp cuộc sống. Chính nét tâm lí rất đời thường, rất con gái này khiến nhân vật Phương Định càng trở nên gần gũi, chân thực và đáng yêu.

+ Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định ngời sáng nhất khi cơn mưa đá bất ngờ ập đến. Chỉ một cơn mưa đá mà bao ngọt ngào, căng thẳng, hiểm nguy của chiến trường tan biến, để nhường chỗ cho niềm vui con trẻ òa nở, cuồng cuồng:” Mưa đá!Cha mẹ ơi!Mưa đá!”. Chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức ở Phương Định rất nhiều kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, quê hương, về gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Sau cái say sưa của

niềm vui con trẻ là nỗi nhớ da diết khôn nguôi. Nhớ rất nhiều: người mẹ, cái cửa sổ ngôi nhà, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, cái cây, vòm trời của nhà hát, bà bán kém và đám trẻ háo hức vây quanh; con đường nhựa sau cơn mưa, những ngọn đèn trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên... Tất cả vừa rõ ràng, vừa mờ ảo; vừa đồng hiện, vừa vụt hiện trong tâm trí; vừa gần gũi, vừa xa xôi. Những hoài niệm làm dịu cơn khát, những cơn khát cháy lòng, những hi vọng xa xôi. Tất cả ào đến, xoáy mạnh cũng mãnh liệt, dữ dội như cơn mưa đá. Tất cả làm thành hành trang tâm hồn của cô thanh niên xung phong, tiếp cho cô sức mạnh, thấp cho cô niềm tin và tỏa sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ Trường Sơn, của những ngôi sao xa xôi.

### **c. Tình đồng chí, đồng đội nồng ấm:**

- Ở Phương Định nét đẹp còn được ngợi sáng trong tình đồng đội thắm thiết. Cô luôn yêu thương triu mến và quan tâm đến đồng đội. Cô lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điem chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Cô hiểu chị Thao và Nho như biết về những chị em ruột thịt. Đó là chị Thao sợ máu và vắt nhưng khi chiến đấu lại rất dũng cảm. Trong cuộc việc, ai cũng gờm chị bởi sự bình tĩnh, cương quyết, táo bạo. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muón bẻ trên tay. “trông nói nhẹ mát như một que kem trắng. Biết bao triu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: “moi đất, bẻ Nho đặt lên đùi”, “rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than”, “tiêm cho Nho” rồi “pha sữa trong cái ca sắt...”. Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô “những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ”. -> Tình đồng chí đồng đội của Phương Định thật thiêng liêng, cao cả và đáng quý! Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh cho cô để cô hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

### **4. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

- Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã chọn được những phương thức trần thuật hợp lí khi nhà văn đặt điểm nhìn vào nhân vật chính của mình để nhân vật tự kể chuyện. Nhờ vậy, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật – tâm lí Phương Định đạt đến độ tinh tế nhất. Ngôn ngữ trần thuật qua nhân vật chính làm cho tác phẩm có giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung, nữ tính. Lời kể linh hoạt, cùng câu ngắn dài, nhịp nhanh tạo không khí chiến trường, nhịp kể chậm lại khi hồi tưởng như gợi nhớ kỉ niệm của tuổi thơ êm đềm... Tất cả góp phần tạo nên một nhân vật chính- một Phương Định thật như ở ngoài đời và một Phương Định rất Hà Nội.

### **5. Ý kiến đánh giá, bình luận:**

- Qua dòng suy nghĩ và tâm trạng của nhân vật Phương Định, cuộc sống chiến đấu của các cô thanh niên xung phong được tái hiện đầy đủ, chân thực và sinh động với vẻ đẹp tỏa sáng. Hình tượng về những nữ thanh niên xung phong Trường Sơn không hiếm trong văn học chống Mĩ, song với những sáng tạo riêng của mình, Lê Minh Khuê trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, sự hi sinh và rất lạc quan của họ. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam đã sống và chiến đấu, hi sinh tuổi thanh xuân của mình cho Tổ quốc thân yêu: “Có biết bao người con gái, con trai Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi

Họ đã sống và chết Gián dị và bình tâm Không ai nhớ mặt đặt tên Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”. ( “Đất nước” – Nguyễn Khoa Điềm).

### III. Kết bài:

- Đọc truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" khám phá vẻ đẹp nhân vật Phương Định, ta yêu mến, tự hào về các cô thanh niên xung phong, Phương Định, Nho, chị Thao, mười cô gái ngã ba Đồng Lộc và bao nhiêu cô gái mở đường khác trên tuyến lửa Trường Sơn đã “Xéng tay mà viết nên trang sử hồng” (Tố Hữu). Vẻ đẹp của họ mãi mãi tỏa sáng như vì sao lấp lánh trên bầu trời, trong sự cảm phục và lòng biết ơn của cả dân tộc: “Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng Những vì sao ngồi chói lung linh” (“Khoảng trời hố bom” – Lâm Thị Mĩ Dạ)

#### Bài tham khảo 1:

Truyền thuyết kể rằng ngày xưa hoa hồng chỉ toàn một màu trắng tinh. Từ khi thần Mặt Trời và nữ thần Mặt Trăng ban cho hoa hồng sắc đỏ chói của mặt trời và sắc vàng êm dịu của mặt trăng, hoa mới có nhiều màu sắc rực rỡ. Hoa hồng và phụ nữ! Biểu tượng của cái đẹp, nơi mọi tinh túy của đất trời đồng lòng hội tụ. Viết về vẻ đẹp người phụ nữ, sao tôi cứ ám ảnh mãi với “đóa hoa” thanh khiết nở giữa núi rừng Trường Sơn trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” của nữ nhà văn Lê Minh Khuê, mà nổi bật là Phương Định- cô gái thuần túy chất Việt của muôn đời.

“Những ngôi sao xa xôi” là một trong những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, sáng tác năm 1971, là thời điểm mà cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đang bước vào thời kì khốc liệt nhất. Bản thân là một nữ thanh niên xung phong dày dạn trong mưa bom bão đạn, tác giả đã viết truyện ngắn này như một bài ca ca ngợi vẻ đẹp của nhân vật nói riêng, của cả một thế hệ thanh niên xung phong thời kháng chiến chống Mỹ nói chung.

Phương Định xuất thân là một cô gái Hà Thành chính thống. Bởi vậy, điều đầu tiên cuốn hút ở độc giả chính là nét trẻ trung, hồn nhiên, trong sáng và đầy mơ mộng như một đóa hoa hàm tiếu giữa núi rừng kháng chiến. Cũng như biết bao chàng trai, cô gái tuổi đôi mươi để lại sau lưng kỉ niệm đẹp thời cắp sách, Phương Định đã quyết định dấn thân nơi bom đạn với một niềm tin yêu phơi phới. Cô gái trẻ tự tin xếp ngoại hình của mình vào loại “khá”. Đó không phải biểu hiện của tính tự phụ. Thay vào đó là sự tự tin, bản lĩnh, đầy sức sống của một tâm hồn mới lớn. Sở dĩ tôi ví Phương Định như một đóa hoa tươi trẻ là bởi cô có “hai bím tóc dày tương đối mềm, cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn”. Đôi mắt cô đẹp đến nỗi các đồng nghiệp nam mỗi lần nhìn vào đều ngây ngất mà nhận xét rằng: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm...”. Nét đẹp ấy xét vào thời buổi hôm nay vốn đã rất đáng trân trọng. Lại ở vào cái không khí “Hịch tướng sĩ” thời chống Mỹ khốc liệt xưa, ta càng thêm nâng niu biết nhường nào.

Cô gái trẻ chẳng những “tốt nước sơn” mà còn “tốt gỗ”. Phương Định tiềm ẩn trong mình nét cá tính vô cùng ấn tượng: thích ngắm mình trong gương, thích làm duyên, cũng hay tỏ ra kiêu kì trước những anh lính trẻ. Vẻ đẹp ấy đủ để làm say lòng bao trái tim đến nỗi “không hiểu sao các anh pháo thủ và các anh lính lái xe lại hay hỏi thăm tôi”. Có thể nói, đó là nét tính cách tiêu biểu cho mọi thế hệ hệ thời chống mỹ bấy giờ, ra đi cứu nước và mang theo một tâm hồn lãng mạn hết sức trong ngần. Lại nhớ đến nhân vật

Chiến trong tác phẩm “Những đứa con trong gia đình” của nhà văn Nguyễn Thi. Nếu Phương Định thích soi gương thì chị Chiến khi ra trận cũng không quên mang theo một chiếc gương. Mạnh mẽ, dũng cảm nhưng cũng vô cùng nữ tính.

Chiến tranh bao giờ cũng khốc liệt tiếng bom. Nhưng chiến tranh trong văn Lê Minh Khuê còn có cả tiếng hát, tiếng hát của Phương Định. Chị thích hát, nghe ngao suốt cả ngày với những bản nhạc không đầu không cuối. Chính tâm hồn yêu đời đã mang đến cái bình thân cho cô gái trẻ giữa chiến trường đầy ác liệt. Tác giả đã đặt cái lãng mạn, cái hồn nhiên bên trong cái tàn khốc, chết chóc. Tiếng hát át tiếng bom. “Sự sống nảy sinh từ cái chết. Hạnh phúc hiện hình từ những hi sinh, gian khổ” (Nguyễn Khải). Đó phải chăng là thông điệp ý nghĩa mà nhà văn mang đến cho độc giả?

Mang trong mình vẻ lãng mạn vốn có của tuổi trẻ, Phương Định đã xua tan đi từng giọt “mồ hôi trên trán anh vàng nghệ”, xua đi cái khét lẹt của bom đạn kẻ thù. Ở đây ta thấy luôn nồng lên hơi ấm của tiếng cười, tiếng hát. Và chiến trường vì thế cũng gần với hai chữ “gia đình” hơn bất cứ khi nào.

Lãng mạn là thế nhưng bên cạnh đó, ta còn bắt gặp một Phương Định quả cảm, gan dạ, bất chấp mọi khó khăn, sẵn sàng đối diện với gin khổ và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Theo sát mạch truyện, qua lời kể theo ngôi thứ nhất là nhân vật trung tâm, người đọc như được chứng kiến tận mắt hoàn cảnh sống của Phương Định và những người đồng đội. Họ sống dưới chân một hang cao hiểm. Cuộc sống lại vô cùng thiếu thốn nhưng các cô luôn ngày đêm bám sát tuyến đường, đảm bảo tuyệt đối, giữ gìn mạch máu giao thông. Phương Định và đồng đội được giao nhiệm vụ “khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Công việc vô cùng gần kề với cái chết, đòi hỏi sự dũng cảm và bản lĩnh cao độ. Với riêng Phương Định và đồng đội, đó đã trở thành công việc thường nhật: “Quên rồi, ngày phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: Ba lần”.

Từ khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng: “Đất bốc khói, không khí chứa đầy sự căng thẳng, máy bay đang âm ỉ”, lúc nào cũng phải “thần kinh căng như chảo, tim đập bất chấp nhịp điệu”, ta mới thấu rõ nỗi khó khăn của thời bom đạn, cũng là tinh thần thép của thời đại bấy giờ. Qua ngòi bút miêu tả diễn biến tâm lý sắc sảo, nhà văn đã tái hiện thành công nét thông minh gan dạ của người con gái anh hùng. Trước một quả bom chưa nổ “một đầu vùi xuống đất, đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng”, quả bom chưa nổ và cố nhiên, nó có thể nổ bất cứ lúc nào. Kề bên nanh vuốt của cái chết, im lìm và bất ngờ, từng hành động của con người cũng trở nên sắc nhọn hơn. Cô đã kịp thời chân tĩnh, từng hành động diễn ra mau lẹ và chính xác. “Lưỡi dao chạm vào quả bom, một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt”. Nhà văn thật sắc sảo khi tái hiện cảm nhận đầy mong manh, tinh tế của nhân vật. Tiếng động “sắc đến gai người” ấy phải là cả một quá trình nhập thân vào nhân vật mới có thể miêu tả thật hơn cả đời thực đến vậy.

Mọi nỗ lực dường như đã được đền đáp xứng đáng. Tất cả đã trở về an toàn nhưng cái không khí ghê người trước không khí căng thẳng của bom đạn thì như vẫn còn nguyên trong tâm khảm độc giả. Điều khiến chúng ta xúc động ở chỗ dù trong bất cứ hoàn cảnh nào đang cận



kề với cái chết, phẩm chất của những người lính Cụ Hồ càng được tô luyện vững vàng. Đúng như cái tinh thần “Sát Thát” của thời Trần, cái tinh thần “trên trời có mây, dưới đất có mây, trong rừng chỉ có mình tao, tao cũng bắn được mây” của thời Mỹ (câu nói của Nguyễn Thi), nay lại được gửi gắm cả trong tâm hồn mong manh của một cô gái tưởng như yếu đuối. Họ chính là những bức tượng đài huyền thoại của lịch sử hào hùng dân tộc.

Đoạn văn tả cảnh phá bom có thể nói là đoạn văn xuất sắc nhất của toàn bộ thiên truyện. Lê Minh Khuê đã vận dụng tài tình bút pháp tả thực để tái hiện thành công cái không khí đầy chết chóc của chiến tranh. Đồng thời đó cũng là bài ca ca ngợi tinh thần quả cảm của con người trong cuộc chiến trường kì của dân tộc mà tiêu biểu là người con gái Phương Định mang trong mình khí phách anh hùng thời đại. Cùng với hình ảnh mười nữ thanh niên xung phong ngã ba Đồng Lộc, nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ đã dành cho họ những lời ca trân trọng nhất:

“Em nằm dưới đất sâu  
Như khoảng trời nằm yên trong đất  
Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng  
Những vì sao ngồi chói lung linh” (Khoảng trời và hố bom)

Đúng như vậy, họ chính là những người con gái Việt Nam anh hùng, những ngôi sao sáng nhất mãi mãi nằm trong trái tim chúng ta. Trong chiến đấu, Phương Định đẹp là vậy. Trong cuộc sống đời thường, cô cũng chan chứa trong mình một “cốt tủy chung tình bên trong”(Nguyễn Tuân). Đó là một trái tim giàu lòng thương yêu, nghĩa tình, quan tâm hết mực đến đồng đội.

Qua từng cử chỉ việc làm của nhân vật, nhất là những khi em Nho bị thương, ta càng thêm xúc động trước cô gái trẻ. Trong khi Thao chỉ biết ôm mặt khóc thì Phương Định đã bình tĩnh, kịp thời bế Nho vào hầm trú ẩn, rửa và băng bó vết thương cho đồng đội, pha sữa, lục tìm đến chiếc kẹo cuối cùng và hát cho Nho nghe. Đối với Định, nơi đây đã trở thành gia đình thứ hai của mình, cả Nho, cả Thao đều thân thiết và quan trọng như những chị em ruột. Vậy nên đối với cô mà nói, đồng đội bị thương, chính bản thân cô cũng đau gấp bội phần. Chưa bao giờ tình yêu thương và tấm lòng “lá lành đùm lá rách” lại cao đẹp như lúc này.

Xa gia đình, xa người thân, tình cảm đồng chí đồng đội còn tiếp thêm tinh thần và sức mạnh cho họ cùng nhau bước qua gian khổ và những thách thức của cuộc kháng chiến. Không chỉ với Nho, tình yêu của Phương Định còn dành cho cả các anh lính cùng chiến khu, Cứ mỗi lần bom nổ, chị lại nghĩ đến các anh, lo lắng cho các anh. Tình thương ấy nhiều khi chuyển hóa thành lòng khâm phục và sự ngưỡng mộ: hình ảnh đẹp nhất chính là “những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ”. Những con người “tự phương trời chẳng hẹn quen nhau” (Tố Hữu) nay đã chuyển hóa thành tình đồng đội, đồng chí keo sơn, thắm thiết. Thật quý giá biết nhường nào.

Để làm nổi bật Phương Định, truyện ngắn đã đạt được những thành tựu đáng kể. Ngôi kể ngôi thứ nhất giúp cho câu chuyện hiện lên đầy chân thực qua cái nhìn trải nghiệm của nữ thanh niên xung phong. Nghệ thuật miêu tả nội tâm, tâm lý một cách tài tình, bộc lộ tính cách nhân vật rõ nét. Từ đó, ta như hiểu thêm nhiều hơn về tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ: Họ đã sống, đã cống hiến, đã hy sinh thậm lạng cả thanh xuân và cuộc đời mình cho độc lập tự do của Tổ quốc. Chính họ đã nối liền mạch máu giao thông,



chi viện cho chiến trường miền Nam chống Mỹ dưới tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Cũng chính họ đã làm cho “đường ra trận mùa nay đẹp lắm”, ít nhất là đẹp hơn trong mắt bao độc giả thế hệ hôm nay

Chiến tranh đã qua đi nhưng vẫn còn đó một con đường Trường Sơn sừng sững, thấp thoáng bức chân dung chân thực về hình ảnh nữ thanh niên xung phong thời chống Mỹ. Hình ảnh của họ, đặc biệt là hình ảnh Phương Định mãi mãi là niềm tự hào vô bờ của thế hệ trẻ hôm nay, nhắc chúng ta hãy sống sao cho xứng đáng nhất với thế hệ đi trước, “những con người đi tới. Hai cánh tay như hai cánh bay lên. Ngực đón những phong ba dữ dội. Chân đạp bùn không sợ các loài sên..” (Tố Hữu)

### **Bài tham khảo 2:**

Nữ nhà văn Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Trong kháng chiến chống Mỹ, bà tham gia thanh niên xung phong, bắt đầu viết văn từ những năm 70 của thế kỉ XX, chuyên về truyện ngắn với năng lực phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, đặc biệt là tâm lí người phụ nữ. Phương Định – nhân vật chính của truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” là một trong những nhân vật tiêu biểu.

“ Những ngôi sao xa xôi” được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra hết sức ác liệt. Tác phẩm là một bức tranh sinh động về cuộc kháng chiến với những ngôi sao mà ánh sáng của nó chiếu rọi trong lòng ta – ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đó là những cô trinh sát mặt đường giữa bụi mù Trường Sơn.

Đó là câu chuyện kể về cuộc sống và chiến đấu của ba nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn những năm chống Mỹ ác liệt nhất. Thao, Định, Nho là ba cô gái thuộc tổ "trinh sát mặt đường" với nhiệm vụ phá bom, lấp đường để đảm bảo sự an toàn cho những chuyến xe chở đạn dược và bộ đội vào chiến trường miền Nam. Công việc của họ là một ngày từ ba đến năm lần xông lên cao điểm sau những trận bom để lấp hố bom, san đường. Những lúc được thanh thoi, họ lại trở về cái hang dưới chân cao điểm ngôi nhà của họ. Ba cô gái với ba tính cách khác nhau, ba ý thích, lối sinh hoạt khác nhau nhưng đều có một điểm chung là rất dũng cảm, làm việc hết mình. Khi đối diện với hiểm nguy họ rất cứng cỏi nhưng trong cuộc sống, giữa những giây phút yên bình hiếm hoi thì họ lại rất trẻ trung, tươi vui và yêu đời.

Phương Định là một cô gái trẻ để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc. Là cô gái Hà Nội vào chiến trường đã ba năm. Trước lúc ra trận, cô có một tuổi thơ hồn nhiên, vô tư bên mẹ già và trong căn buồng nhỏ trên một con phố yên tĩnh. Phương Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. "Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo : "Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!". Phương Định thích ngắm đôi mắt mình trong gương: "Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng". Nhiều pháo thủ và lái xe hay "hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây" cho Định. Ngoại hình ấy khiến cô vui và tự hào. Phương Định rất nhạy cảm nhưng ít bộc lộ cảm xúc. "Khi bọn con gái xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh tay trước ngực và nhìn đi chỗ khác". Cô

có vẻ kiêu kì, làm "điều" trước các anh bộ đội nhưng trong suy nghĩ của cô thì "những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ". Định rất yêu mến đồng đội và dành tình cảm đặc biệt cho những người lính.

Phương Định là cô gái dũng cảm, giàu lạc quan: Mỗi lần phá bom là một lần thử thách với thần kinh, luôn có cảm giác có các anh cao xạ dõi theo. Trên đường đến quả bom, Phương Định tự hỏi "các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?" rồi tự trả lời "Chắc có." Vì "các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt". Lòng dũng cảm được kích thích bởi sự tự trọng "Tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom" và Phương Định đàng hoàng bước tới.

Đến bên quả bom tức là đến bên cái chết đang im lìm và bất ngờ, cảm giác của con người trở nên sắc nhọn hơn, "lưỡi xẻng chạm vào quả bom" cùng tạo nên "một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt", khiến Phương Định có cảm giác "mình làm quá chậm", phải nhanh lên vì "vỏ quả bom nóng". Thần kinh căng thẳng nhưng vẫn rất bình tĩnh. Chờ bom nổ, thần kinh vẫn chưa hết căng thẳng, không gian im lìm, thời gian như ngưng đọng, nghe được cả tiếng động của chiếc kim đồng hồ. Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng ý thức về trách nhiệm vẫn lớn hơn: "Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai?..."

Nhà văn đã miêu tả tâm lí nhân vật một cách tỉ mỉ, chi tiết đến từng cảm giác, ý nghĩa dù chỉ thoáng qua trong giây lát, làm hiện lên thế giới nội tâm phong phú nhưng trong sáng, không phức tạp. Cái nhìn của nữ sĩ về con người thiên về cái đẹp, cái thiện, cái trong sáng.

Kết thúc truyện là hình ảnh Phương Định trong một cơn mưa đá trên cao điểm. Con dông bắt chợt kéo đến "Cát bay mù. Gió quật lên, quật xuống những cành cây khô cháy. Lá bay loạn xạ. Đột ngột như một biến đổi bất thường trong tim con người vậy. Ở rừng mùa này thường như thế. Mưa. Nhưng mưa đá". Cơn mưa làm "Những niềm vui con trẻ của tôi lại nở tung ra, say sưa, tràn đầy". Phương Định bồi hồi nhớ về những kí ức tuổi thơ, về mẹ, về ngôi nhà của mẹ và những con phố: "Tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố (...) bà bán kem đẩy chiếc xe chở đầy thùng kem.

Con đường nhựa ban đêm sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra...". "Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó... Những cái đó ở thiệt xa". Trong phút giây bình yên hiếm hoi của chiến tranh, Phương Định trở về với con người thực hồn nhiên, tươi trẻ. Lê Minh Khuê đã kết hợp nhuần nhuyễn phẩm chất anh hùng với sự bình dị để tạo nên một hình tượng nghệ thuật thật đẹp! Qua dòng suy tư của Định, người đọc không chỉ thấy sự toả sáng của phẩm chất anh hùng mà còn hình dung được thế giới nội tâm phong phú của Phương Định, của những cô gái rất trẻ trong cuộc chiến của dân tộc. Những con người ấy mang vào Trường Sơn cả tuổi thanh xuân với bao nhiêu ước mơ, khát vọng, với những nỗi nhớ gia đình, quê hương khôn nguôi. Chiến tranh đã không thể cướp đi niềm tin yêu cuộc sống, niềm lạc quan của những cô gái trẻ. Bởi thế, họ cũng như "những ngôi sao xa xôi"

tỏa ánh sáng dịu dàng, trong trẻo, làm sống dậy trong lòng ta hình ảnh tuyệt đẹp về vẻ đẹp tinh thần của các cô gái thanh niên xung phong. Tác phẩm thành công bởi nghệ thuật trần thuật theo ngôi thứ nhất, nhân vật chính tạo cho cốt truyện có tính chân thực cao, phù hợp miêu tả hiện thực chiến tranh. Miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo. Giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên, gần với khẩu ngữ, trẻ trung, giàu chất trữ tình.

Tóm lại, truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đã làm sống lại trong tâm hồn ta hình ảnh tuyệt đẹp của những cô gái thanh niên xung phong thời kháng chiến chống Mỹ với tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan. Phương Định, tuy chỉ là một ngôi sao bé nhỏ, nhưng sẽ luôn tỏa sáng, sáng lấp lánh trên bầu trời Việt Nam. Các cô mãi là những hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến.

“Em là người thanh niên xung phong

Không có súng chỉ có đôi vai tải đạn Giữa tầm đạn thù tâm lòng dũng cảm Em vượt đường dài tiếp thêm lửa chiến công”

(Những bông hoa trên tuyến lửa – Đỗ Trung Quân)

### **Bài tham khảo 3:**

Viết về người lính và chiến tranh là nguồn cảm hứng của rất nhiều nhà thơ, nhà văn. Với Phạm Tiến Duật, ta được đến với sự trẻ trung, ngang tàng của các chiến sĩ Trường Sơn qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Gặp “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mỹ Dạ, ta lại bắt gặp những cô gái mở đường không tiếc thân mình “đánh lạc hướng thù hứng lấy luồng bom”. Và đến với “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê ta lại không khỏi thán phục trước tinh thần dũng cảm, tình đồng đội nồng ấm, tâm hồn lạc quan trong sáng của ba nữ thanh niên xung phong mà đề lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em là Phương Định.

Phương Định cùng Nho và Thao – những cô gái thanh niên xung phong sống trên cao điểm mênh mông khói bụi Trường Sơn và bom đạn hủy diệt của kẻ thù. Công việc của chị và đồng đội trong tổ chinh sát mặt đường là “đo khối lượng đất đá lấp hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom” để bảo vệ con đường cho những đoàn xe băng về phía trước, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Công việc của chị thật vinh quang nhưng cũng đầy hi sinh gian khổ. Song chính hoàn cảnh gian khó hiểm nguy ấy đã làm cho chúng ta cảm nhận được những phẩm chất đáng quý của chị.

Cảm nhận đầu tiên về nhân vật Phương Định là vẻ đẹp của tinh thần dũng cảm, thái độ bình tĩnh vượt lên mọi hiểm nguy. Hằng ngày, chị thường xuyên phía chạy trên cao điểm bị bom đạn cày nát mà còn ẩn dấu những quả bom chưa nổ. Điều đó cũng có nghĩa chị luôn phải đối mặt với thân chết. Mỗi ngày, chị phải phá từ 3-5 lần bom, nguy hiểm là vậy nhưng chị vẫn bình thản thậm chí còn thấy thú vị dù trên mình còn có vết thương chưa lành miệng. Cứ mỗi lần phá bom, đất rần, tiếng xéng va chạm vào vỏ quả bom nghe sắc lạnh đến ghê người. Ngay cả lúc ấy, chị vừa trách vừa nhắc nhở mình “phải nhanh hơn chút nữa”, nếu không vỏ quả bom nóng lên hoặc nóng từ bên trong quả bom hay nóng do mặt trời khi đó sẽ rất nguy hiểm”. Xác định được tính chất nguy hiểm, song với tinh thần dũng cảm cùng tình yêu Tổ quốc, chị đã vượt qua tất cả. Thao tác, tư thế, thái độ bình tĩnh

khi phá bom là vẻ đẹp đáng quý ở Phương Định nói riêng và những cô gái trẻ nói chung. Có những lúc, chị cũng nghĩ đến cái chết nhưng cái chết này mờ nhạt. Còn ý nghĩa cháy bỏng là “ Liệu mình có nổ, bom có nổ không? LÀM thế nào để châm mìn lần thứ hai?” Mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được chị đặt lên trên hết.

Trong chị luôn thường trực tình đồng đội, đồng chí nồng ấm. Tấm lòng vị tha của chị luôn quan tâm tới đồng đội. Khi chị Nho và Thao ở trên cao điểm, phải ở nhà trực máy nhưng trong lòng Phương Định luôn lo lắng, sốt ruột, đứng ngồi không yên. Chị lo lắng đến mức chạy ra chạy vào lắng nghe cả tiếng súng hỗ trợ của các anh bộ đội pháo binh. Sự lo lắng ấy khiến chị cáu với cả đội trưởng “Chinh sát chưa về”. Điều đó thể hiện lòng quan tâm, lo lắng của chị với đồng đội thật sâu sắc. Chị luôn triu mến, yêu thương bạn bè, chẳng thế mà chị đã nhận xét về người đồng đội trẻ tuổi Nho, chị phát hiện ra vẻ dễ thương của Nho “nhẹ, mát mẽ như một que kem trắng”, chị còn hiểu rất rõ sở thích của bạn, của đồng đội. Chị Thao thích ghi bài hát mặc dù chị hát toàn sai nhạc, chị ghi tới ba cuốn sổ dày bài hát, chị Thao còn thích tĩa đôi long mày nhỏ như que tăm, chị hiểu được sự cương quyết, tạo báo nhưng rất đáng gờm trong công việc của chị Thao. Tuy vậy chị Thao rất sợ máu và vắt. Chị hiểu được ở Nho thích thuê thù, trên ngực áo của Nho luôn có một bông hoa. Chị còn hiểu được tâm trạng của đồng đội như khi Nho bị thương, chị Thao thì cuống quýt lên còn Nho lại bình tĩnh, gan dạ. Phương Định băng bó, tiêm thuốc và pha sữa cho Nho. Tình cảm đồng đội, đồng chí là ngọn lửa sưởi ấm lòng, là niềm tin, là động lực, là nguồn động viên khích lệ các chị thêm vững lòng trên mặt trận đầy gian nguy này. Ngược lại, chị Phương Định cũng rất cần sự cổ vũ, động viên của đồng đội. Chị cảm thấy ấm lòng và tự tin hơn khi cảm thấy ánh mắt dõi theo, khích lệ của các anh chiến sĩ pháo binh. Chị được rất nhiều chiến sĩ cảm mến. Điều đó càng làm tình đồng đội, đồng chí trong chị thêm sâu đậm biết bao! Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất của Phương Định với người đọc chúng ta là tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, là sự hồn nhiên như trẻ thơ của chị. Chị là cô gái Hà Nội vào chiến trường khói lửa, chị vẫn hay nhớ nhà, nhớ những kỉ niệm tuổi thơ. Chị hay hát, hay cười một mình, ngắm mình trong gương. Chị tự đánh giá mình là “một cô gái khá”. Chị có cái điệu đà của người Hà Nội nhưng là cái điệu thật đáng yêu vì nó hồn nhiên và vô cùng chân thực.

Qua nhân vật Phương Định, ta càng hiểu thêm về những vẻ đẹp đáng quý của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn nói riêng và thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng hào hùng ấy. Âm vang của những câu hát sau sẽ luôn vang vọng trong con người Việt Nam với lòng tự hào đầy trân trọng: “Cô gái mở đường ra đi cứu nước Tiếng hát ai vang vọng núi rừng.....”

## **Đề 2: Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.**

### **Dàn ý chi tiết:**

**1. Mở bài** – Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới. – Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở

trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

**2. Thân bài** \* Vẻ đẹp chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. – Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước. – Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam. – Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, coi thường gian khổ. Mỗi nhân vật có nét tính cách riêng nhưng họ yêu thương, lạc quan, có niềm tin vào tình yêu đất nước.

**\* Vẻ đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong**

**a) Nhân vật Phương Định.** – Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

– Phương Định là nhân vật kể chuyện xưng tôi đây nữ tính. Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

– Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

**b) Nhân vật Thao** Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tía tốt lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vắt.

– Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

– Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mỹ.

**c) Nhân vật Nho.**

– Nho xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẽ như một que kem trắng" 3. kết luận

– Khẳng định tâm hồn trong sáng sự hồn nhiên và tính cách dũng cảm, lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong

**Bài tham khảo 1:**



Lê Minh Khuê( 1949) quê ở Tĩnh Gia – Thanh Hóa, là cây bút chuyên viết về truyện ngắn. Trong chiến tranh các tác phẩm của chị viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. Tiêu biểu là truyện ngắn ” những ngôi sao xa xôi” ra đời năm 1971 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt. Đây là một số tác phẩm đầu tay của chị, truyện kể về ba nữ thanh niên xung phong trong tổ trinh sát phá bom trên một cao điểm Trường Sơn. Họ luôn phải sống trong gian khổ, nhiệm vụ khiến họ phải đối mặt với cái chết. Vậy mà họ vẫn hồn nhiên trong sáng, dũng cảm và luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Trước hết hoàn cảnh sống, chiến đấu nơi tuyến lửa đã gắn bó nhau thành một khối, họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữa một vùng trọng điểm tức là nơi tập trung nhất, bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Nơi ở của họ có biết bao thương tích ” đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn, hai bên đường không có lá xanh chỉ chốc những thân cây bị tước khô cháy”. Chỉ với vài chi tiết miêu tả cũng đủ khiến người đọc hình dung được cuộc sống ở nơi đây đang bị hủy diệt tàn khốc. Hoàn cảnh sống của ba nữ thanh niên xung phong khiến ta liên tưởng đến hoàn cảnh sống và chiến đấu của những chiến sĩ lái xe mà ta bắt gặp trong thơ của Phạm Tiến Duật.

Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi” Không những thế công việc của họ lại càng ngày càng nguy hiểm, họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình dưới con mắt ” cú vọ của giặc Mỹ”. Sau mỗi trận bom họ phải lao ra trọng điểm để ” đo khối lượng đất đá, san lấp mặt đường, đánh dấu vị trí những quả bom

chưa nổ nếu cần thì phá bom”. Đó là một công việc nguy hiểm có khi cận kề với cái chết, “thần chết là một tay không thích đùa, hấn ta lẫn trong ruột của những quả bom”, làm công việc ấy thần kinh ta luôn căng thẳng đòi hỏi phải có lòng dũng cảm và sự bình tĩnh: ” có ở đâu như thế này không thần kinh căng như chảo, tim đập bất chấp nhịp điệu, xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ, nó có thể nổ bây giờ, có thể nổ chốc nữa nhưng nhất định sẽ nổ”. Có thể nói công việc vô cùng nguy hiểm nhưng với các cô thì đây là việc hết sức bình thường.

Chính trong hoàn cảnh gian khổ ác liệt ấy những phẩm chất đáng quý của các cô gái dần được bộc lộ. Trước hết họ đều có những phẩm chất chung của những chiến sĩ thanh niên xung phong ở tuyến đường trường Sơn, đó là tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ và lòng dũng cảm không sợ hi sinh. Theo tiếng gọi của Tổ Quốc họ phải lên đường và khi đã lên đường là phải hoàn thành tốt nhiệm vụ với họ những ai phải ngồi trực diện thoại trong hang là một cục hình, có bao nhiêu trái bom chưa nổ họ không cần ai giúp à phân công nhau phá cho hết ” tôi một quả bom trên đồi, Nho hai quả bom dưới lòng đường, chị Thao một quả dưới chân cái hầm Barie cũ. Đặc biệt tinh thần dũng cảm của các cô gái trẻ được bộc lộ rõ nét trong những lần phá bom. Mặc dù không phải đối mặt trực tiếp với kẻ thù nhưng các cô phải đối mặt với thần chết do kẻ thù ném bom xuống. Trong những lúc như vậy họ đã suy nghĩ gì và làm như thế nào để hoàn thành tốt nhiệm vụ? chiến thắng thần chết”. Bản thân vốn là nữ thanh niên xung phong nên Lê Minh Khuê tỏ ra am hiểu sâu sắc, miêu tả cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ của ba nữ thanh niên xung phong trong truyện. Nhất là Phương Định, trong một lần phá bom, một mình Phương Định phá quả bom trên đồi quang cảnh vắng lặng đến phát sợ, lẽ ra

Phương Định phải đi khom người nhưng sợ các anh cao xa có cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt nhìn thấy từng hành động cử chỉ của mình nên Phương Định cứ : ”đàng hoàng mà bước tới” và thế là lòng dũng cảm củ cô đã được kích thích bằng sự tự trọng. Khi đến gần quả bom, từng cảm giác của cô cũng trở nên sắc nhọn hơn, cô bình tĩnh trong các thao tác chạy đua với quả bom ” thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào vỏ bom một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí, vỏ quả bom nóng một dấu hiệu chẳng lành” Thế nhưng Phương Định vẫn không hề run tay, vẫn tiếp tục công việc ” tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào châm ngòi, dây mìn dài cong mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy vào chỗ ẩn lấp của mình, cuối cùng là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Điều đáng chú ý là công việc khủng khiếp không chỉ diễn ra một lần trong ngày mà nó diễn ra thường xuyên ” quen rồi một ngày chúng tôi phá bom đến 5 lần ngày nào ít cũng 3 lần. Những lúc phá bom Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng đó chỉ là một cái chết mờ nhạt không cụ thể cái chính là bom có nổ hay không. Đó chính là tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, là lòng quả cảm vô song, một ngày trong những năm tháng trường Sơn của các cô là như vậy. Những trang sử Trường Sơn không thể quên đi một ngày như thế, không chỉ có lòng dũng cảm trong công việc họ còn gắn bó với nhau trong tình đồng đội. Điều này được thể hiện sâu sắc trong một lần phá bom Nho bị thương Phương Định và chị Thao đã chăm sóc cho Nho như một người em gái. Phương Định ” tôi bé Nho lên, rửa vết thương cho Nho bằng nước đun sôi, tiêm thuốc cho Nho”, còn chị Thao lo cuống cuống không chỉ vậy với Phương Định mỗi lần đồng đội đi làm nhiệm vụ ở ngoài cao điểm là cô lo lắng và căng thẳng. Đặc biệt cô dành tình cảm yêu mến khâm phục những chiến sĩ hàng đêm cô gặp trên con đường ra mặt trận đối với cô:” những người đẹp nhất thông minh, can đảm, cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ.

Mang vẻ đẹp của những chiến sĩ thanh niên xung phong ở họ còn có những nét chung rất đáng yêu của những cô gái trẻ dễ xúc cảm, mơ mộng, trong sáng. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình ngay trong hoàn cảnh ác liệt: Nho thích ăn kẹo, chị Thảo thích chép bài hát, thích thêu thùa, còn Phương Định thích ngắm mắt mình trong gương và ngòi bó gói mơ màng và chỉ cần mưa đá thoáng qua cũng khiến họ vui thích cuống cuống, những niềm vui của con trẻ. Những cảm xúc hồn nhiên ấy như nguồn sống, như điểm tựa giúp họ thêm vững vàng để họ vượt qua những khó khăn gian khổ.

Dù sống trong một tập thể nhỏ rất gắn bó với nhau nhưng mỗi người vẫn có một nét cá tính. Nhp có nét trẻ trung xinh xắn ” trông nó mát mẻ như một que kem trắng” đồng thời cũng rất hồn nhiên.” Nho thích tắm suối, dù biết khúc suối ấy đang có bom nổ chậm” hồn nhiên

nhưng cô vẫn rất kiên định dũng cảm khi Nho bị thương không hề rên la, không muốn đồng đội phải lo lắng cho mình. Còn Phương Định là cô gái thành phố rất nhạy cảm và hay quan tâm đến hình thức của mình. Đặc biệt cô thường sống với những kỉ niệm vì thế khi trận mưa đá thoáng qua là tất cả những kỉ niệm về gia đình, về thành phố thân yêu sống dậy trong lòng cô một cách say sưa tràn đầy. Cuối cùng chị Thao là đội trưởng từng

trái hơn, không còn hồn nhiên như hai người đồng đội nhưng cũng không thiếu những khát khao những rung động tuổi trẻ. Chị chiến đấu dũng cảm nhưng lại rất sợ khi nhìn thấy máu, thấy vết. Những nét riêng đó làm cho nhân vật hiện lên một cách sống động và đáng yêu hơn. Có thể nói ngòi bút của Lê Minh Khuê rất thành công trong việc làm nổi bật vẻ đẹp của những nữ thanh niên xung phong. Điều đầu tiên là tác giả đã chọn một trong ba nhân vật là Phương Định kể lại câu chuyện làm cho nó vừa chân thật nhưng cũng hết sức khách quan. Đặc biệt là nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật rất xuất sắc.

Như vậy, bằng việc chọn ngôi kể thứ nhất, khắc họa nhân vật qua lời nói, hành động đồng thời sự am hiểu tâm lý nhân vật Lê Minh Khuê đã khắc họa tâm hồn trong sáng hồn nhiên và tính cách của Nho, Phương Định và chị Thao – những nữ thanh niên trong truyện: ” những ngôi sao xa xôi”. Qua họ Lê Minh Khuê đã giúp người đọc hình dung rõ vẻ đẹp của thế hệ trẻ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Họ sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng vô cùng lạc quan dũng cảm. Họ tiêu biểu cho thế hệ thanh niên xung phong trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. ” Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước Mà lòng phơi phới dậy tương lai”

### **Bài tham khảo 2:**

"Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tổ trinh sát mặt đường trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mỹ. Tổ trinh sát mặt đường gồm có ba cô thanh niên xung phong: Nho, Phương Định, và chị Thao. Họ ở trong một hang dưới chân cao điểm. Ở đó, máy bay giặc Mĩ đánh phá dữ dội. Đường bị đánh "lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn". Tưởng như sự sống bị hủy diệt: "không có lá xanh" hai bên đường, "thân cây bị tước khô cháy". Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: những cây rế nằm lãn lóc, ngổn ngang những hòn đá to, một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất.

Công việc của họ vô cùng nguy hiểm và gian khổ. Khi có bom nổ thì chạy đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ, phá bom. Họ bị bom vùi luôn. Thần chết "lấn trong ruột những quả bom". Thần kinh căng như chấu. Trong lúc đơn vị thanh niên xung phong thường "ra đường vào lúc mặt trời lặn, và làm việc có khi suốt đêm" thì tổ trinh sát lại "chạy trên cao điểm cả ban ngày" dưới cái nóng trên 30 độ. Từ cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy "hai con mắt lấp lánh, "hàm răng lóa lên" khi cười, khuôn mặt thì "lem luốc".

Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục. Nhưng Phương Định là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta. Phương Định, con gái Hà Nội "hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn". Đôi mắt Định được các anh lái xe bảo là "có cái nhìn sao mà xa xăm". Nhiều pháo thủ và lái xe hay "hỏi thăm" hoặc "viết những bức thư dài gửi đường dây cho Định. Cô có vẻ kiêu kì, làm "điệu" khi tiếp xúc với một anh bộ đội "tài giỏi" nào đấy, nhưng trong suy nghĩ của cô thì "những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ". Phương Định là một cô gái rất hồn nhiên yêu đời, giàu cá tính. Thuở nhỏ đã hay hát. Cô có thể ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình "hát say sưa âm ỉ". Bàn học lúc nào cũng "bày bừa bãi lên", để đến nỗi bà mẹ phải "nguyên rủa": "Con gái gì cái của mày. Láy chồng rồi mà no đòn... No đòn...!". Vì thế ngay từ lúc

còn ở nhà, cô đã thề là "không lấy chồng". Song trong hoàn cảnh bom đạn ác liệt, cái chết kề bên, Phương Định lại càng hát. Những bài hành khúc, những điệu dân ca Quan họ, bài ca Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô, bài dân ca ý... Định còn biết bịa ra những lời hát, thế mà chị Thao vẫn "say mê" chép vào sổ tay. Định hát trong những khoảnh khắc "yên lặng" khi máy bay trinh sát bay rè rè, cơn bão lửa sắp ụp xuống cao điểm. Định hát để động viên Nho, chị Thao và đồng viên mình. Hát khi "máy bay rít, bom nổ; nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300m". Hát trong không khí ngột ngạt: "Khói lên và cửa hang bị che lấp". Đúng là "tiếng hát át tiếng bom" của những người con gái trong tổ trinh sát mặt đường, những con người khao khát làm nên những sự tích anh hùng".

Trong kháng chiến chống Mỹ. Ở hai miền Nam, Bắc của Tổ quốc đã có hàng vạn, hàng triệu chàng trai lên đường ra trận với dũng khí và quyết tâm "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tiên tuyến vậy gọi, hàng ngàn hàng vạn cô gái mang chí khí Bà Trưng, Bà Triệu xung phong ra tiền tuyến. Con đường chiến lược Trường Sơn huyền thoại được làm nên bằng xương máu, mồ hôi và bao sự tích phi thường của những người con gái Việt Nam anh hùng.

"Những ngôi sao xa xôi" đã ghi lại một cách chân thực những chiến tích thầm lặng của tổ trinh sát mặt đường. Trọng điểm đang chìm trong mưa bom bão lửa. Tiếng Định lại cất lên: "Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, cậu quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ". Cảnh tượng chiến trường trở nên "vắng lặng đến phát sợ". Cảnh vật bị hủy diệt: cây xơ xác, đất nóng, khói đen vật vờ từng cụm trong không trung: Phương Định dững cảm và bình tĩnh tiến đến gần quả bom, "đàng hoàng mà bước tới". Quả bom có hai vòng tròn màu vàng nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Thần chết đang đợi chờ, vỏ quả bom nóng. Định dùng lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Có lúc Định cảm thấy tại sao mình làm quá chậm thế! Hai mươi phút đã trôi qua. Tiếng còi chị Thao rúc lên. Định cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi vào dây mìn. Có khóa đất rồi chạy nhanh về chỗ nấp... Tiếng còi của chị Thao lại thổi lên. Quả bom nổ. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Mảnh bom xé không khí. Đất rơi lộp bộp. Bom nó văng óc, ngực đau nhói, đôi mắt cay mãi mới mở ra được. Mồ hôi thấm vào môi, cát lạo xạo trong miệng. Nguy hiểm, căng thẳng không thể nào kể xiết. Chị Thao vấp ngã, vết sẹo bóng lên, mảnh dù bay trên lưng, chị cười, "răng trắng, đôi mắt mở to...". Nho bị thương. Bom nổ, hầm sập. Chị Thao và Định phải moi đất, bế Nho lên. Máu tứa ra, ngấm vào đất. Chị Thao ghen ngào. Định rửa vết thương cho Nho, tiêm thuốc cho Nho, pha sữa cho Nho... Rồi chị Thao lại giục: "Hát đi, Phương Định, mày thích bài gì nhất, hát đi!". Đó là cuộc sống chiến đấu thường nhật của họ.

Mỗi ngày, tổ trinh sát mặt đường phá bom đến năm lần: ngày nào ít: ba lần. Phương Định cho biết: "Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể...".

Đoạn văn tả cảnh phá bom trên cao điểm là đoạn văn xuất sắc nhất trong truyện "Những ngôi sao xa xôi". Lê Minh Khuê đã sử dụng bút pháp hiện thực nghiêm ngặt tái



hiện lại cảnh phá bom vô cùng nguy hiểm, dựng nên một tượng đài về khí phách anh hùng của tổ trình sát mặt đường. Chị Thao, Nho và Phương Định đã sáng ngời lên trong khói lửa bom đạn. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người. Tổ quốc và nhân dân có bao giờ quên những nữ anh hùng Đồng Lộc, những nữ anh hùng trên con đường chiến lược Trường Sơn:

... "Đất nước mình nhân hậu Có nước trời xoa dịu vết thương đau Em nằm dưới đất sâu Như khoảng trời đã nằm yên trong đất Đêm đêm, tâm hồn em tỏa sáng Những vì sao ngời chói, lung linh..." ("Khoảng trời hố bom" – Lâm Thị Mỹ Dạ) Định, cô gái Hà Nội xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu tình yêu thương đồng đội. Cô cũng thích làm duyên như cô thôn nữ ngày xưa soi mình xuống giếng làng vừa mỉm cười vừa vuốt tóc. Định "thích ngắm" đôi mắt mình trong gương. Cô tự hào về cặp mắt mình "nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng". Tâm hồn của Định rất trong sáng mộng mơ, cô đã gửi lòng mình theo tiếng hát; hát trong bom đạn. Định, trái tim dào dạt thương yêu. Cứ sau mỗi trận chiến đấu ác liệt, chị Thao cất tiếng hát, Nho vừa tắm dưới suối lên đã đòi ăn kẹo. Còn Định thì "niềm vui con trẻ... nở tung ra, say sưa, tràn đầy" khi nhặt được những hạt mưa đá trên cao điểm. Và hình bóng mẹ, cái cửa sổ, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, chiếc xe chở đầy thùng kem, con đường nhựa ban đêm, cái vòm tròn nhà hát... tất cả những cái đó "xoáy mạnh như sóng" trong lòng cô gái một thời đạn bom. Đôi mắt của Định, của Nho, của Thao, của hàng vạn cô thanh niên xung phong trên những cao điểm, những trọng điểm của con đường chiến lược Trường Sơn, và trái tim rực đỏ của họ, của những người con gái Việt Nam anh hùng là "Những ngôi sao xa xôi" mãi mãi lung linh, tỏa sáng.

Truyện "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê đã làm sống lại trong lòng ta hình ảnh tuyệt đẹp và những chiến công phi thường của tổ trình sát mặt đường, của Định, Nho, của chị Thao, của hàng ngàn, hàng vạn cô thanh niên xung phong thời chống Mỹ. Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội là bài ca anh hùng.

Chiến tranh đã đi qua. Sau ba thập kỉ, đọc truyện "Những ngôi sao xa xôi", ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Những Phương Định gần xa vẫn tỏa sáng hồn ta với bao ngưỡng mộ.

## CÁC BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC LIÊN QUAN ĐẾN TÁC PHẨM “ CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG” – NGUYỄN DŨ

**Đề 1: Hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua nhân vật Vũ Nương trong “ Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. (Trích “Truyện kì mạn lục” – SGK Ngữ Văn 9 – Tập 1)**

**Bài tham khảo 1:**

Nguyễn Dữ là một trong những cây bút mở đầu nền văn xuôi chữ Hán. Ông đã đi tiếp con đường của thầy mình là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm – học giỏi, thi đỗ làm quan rồi treo ấn từ quan về ở ẩn “đóng cửa, viết sách”. Trong thời kì ẩn dật, Nguyễn Dữ đã gia công sưu tầm, sao chép, biên soạn những câu chuyện kì dị trong dân gian để cho ra đời tập văn xuôi chữ Hán “ Truyện kì mạn lục”. Trong đó, “ Chuyện người con gái Nam Xương” để lại cho người đọc những ấn tượng sâu sắc về cuộc đời, số phận của Vũ



Nương, một nàng con gái đẹp người, đẹp nét. Ngay từ đầu câu chuyện, Vũ Nương đã được giới thiệu là một người con gái “thùy mị nét na, lại thêm có tư dung tốt đẹp”. Về làm dâu nhà họ Trương, Vũ Nương luôn biết giữ gìn khuôn phép “chưa từng để vợ chồng phải đến mức thất hoà”. Thời buổi chiến tranh loạn lạc, chồng phải đi lính đánh giặc Chiêm, Vũ Nương ở nhà lo bề gia thất, phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy con thơ. Tiền chồng ra đi, Vũ Nương không hề mơ tưởng đến việc chồng được “đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ” mà nàng chỉ mong “ngày về được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”. Nếu không yêu thương chồng tha thiết, làm sao nàng có được niềm mong mỏi bình dị mà thân thương như vậy.

Tình cảm yêu thương chồng còn bộc lộ ở nỗi nhớ mệnh mang mỗi khi “thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bẽ chân trời không thể nào nguôi được”. Tình yêu thương chồng của Vũ Nương thật bình dị mà sâu lắng biết là bao.

Ở nhà, đạo dâu con, nghĩa vợ chồng, tình mẹ con, nàng đều giữ gìn trọn vẹn, chu tất. Người mẹ chồng vì thương nhớ con mà ốm nặng, một tay Vũ Nương săn sóc thuốc thang, lễ bái thần Phật và lựa lời khôn khéo khuyên lơn. Trước khi mất, người mẹ chồng vẫn còn cảm thấy hạnh phúc vì có đứa con dâu hiếu thảo : “sau này trời xét lòng lành ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn. Xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ”. Lời chúc phúc của người mẹ chồng đã không bao giờ thành sự thật. Tưởng rằng hạnh phúc sẽ mỉm cười với Vũ Nương sau những tháng ngày hy sinh, chờ đợi. Nhưng ,ngày Trương Sinh trở về cũng là lúc bi kịch cuộc đời nàng xảy ra. Câu chuyện của bé Đản, đứa con trai vừa lên ba tuổi, về “một người đàn ông đêm nào cũng đến” đã làm cho Trương Sinh nghi ngờ. Với bản tính hay ghen cộng thêm tính gia trưởng, thất học, Trương Sinh đối xử với vợ hết sức tàn nhẫn. Giấu biệt lời con nói, Trương Sinh đã “mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi” mặc cho Vũ Nương hết sức phân trần, mặc cho “hàng xóm can ngăn cũng chẳng ăn thua gì”. Bi kịch dâng tràn đến đỉnh điểm, không cách gì biện bạch được, Vũ Nương đành chọn con đường kết thúc cuộc đời mình ở bến Hoàng Giang để tự minh oan.

Thật ra, nỗi bất hạnh của Vũ Nương không phải bắt đầu ở tấn bi kịch này. Nỗi bất hạnh đến với Vũ Nương từ khi nàng chấp nhận cuộc hôn nhân với Trương Sinh. Từ đầu, ta đã nhận ra đây là một cuộc hôn nhân không bình đẳng. Vũ Nương vốn “con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu”, còn Trương Sinh muốn lấy được Vũ Nương chỉ cần “nói với mẹ đem trăm lạng vàng cưới nàng về làm vợ”. Sự cách bức ấy cộng thêm cái thế của người chồng, người đàn ông trong chế độ nam quyền phong kiến đã khiến cho Trương Sinh tự cho mình cái quyền đánh đuổi vợ không cần có chứng cứ rõ ràng. Trong những ngày làm dâu nhà họ Trương, Vũ Nương cũng đâu hạnh phúc hơn gì! Nàng phải luôn chịu đựng sự xét nét “phòng ngừa quá sức” của chồng.

Lấy chồng không được bao lâu thì niềm vui “nghỉ gia nghi thất” của Vũ Nương bị mất đi bởi chồng “có tên trong sổ lính đi vào loại đầu”. Nàng thiếu phụ tuổi xuân còn phơi phới đã phải gánh chịu nỗi buồn “chiếc bóng năm canh” của đời người chinh phụ.

“Mặt biếng tô miệng càng biếng nói Sớm lại chiều dòi dôi nương song Nương song luống ngẩn ngơ lòng Vắng chàng điếm phấn tô hồng với ai”

(Chinh phụ ngâm khúc – Đoàn Thị Điểm.) Rồi gánh nặng gia đình chồng cộng thêm nỗi cô đơn vì phòng không gói chiếc đã bào mòn tuổi xuân của Vũ Nương. Ta có thể cảm nhận được nỗi vất vả của nàng qua những vần điệu ca dao cổ: “ Có con phải khổ vì con Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng” Hình như số phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến ngày xưa đều có chung nỗi bất hạnh như thế!

Ở phần sau của câu chuyện, ta thấy Vũ Nương được sống sung sướng dưới Thủy cung, được kề cận với Linh Phi, vợ vua biển Nam Hải nhưng không vì thế mà ta thấy nàng hạnh phúc. Và làm sao có thể hưởng thụ hạnh phúc cho được khi quyền làm mẹ, làm vợ của nàng vĩnh viễn không còn? Bị kịch vẫn đeo bám theo Vũ Nương vào tận chốn Thủy cung huyền bí. Người đọc càng cảm thấy xót xa hơn khi nghe câu nói của nàng ở cuối truyện: “ Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa”. Âm dương đã cách trở đôi đường. Hạnh phúc bị tan vỡ khó lòng hàn gắn lại được. Kết thúc câu chuyện bi đát này là một khoảng vắng mênh mông, mờ mịt... Đằng sau yếu tố hoang đường, câu chuyện về nàng Vũ Nương mang đậm tính hiện thực và thấm đẫm tinh thần nhân đạo. Câu chuyện kể với nhiều tình tiết bất ngờ. Cách kết thúc có hậu cộng với các chi tiết kì ảo hoang đường trong câu chuyện đã thu hút người đọc, giúp người đọc cảm thông hơn với cuộc đời và số phận của Vũ Nương. Câu chuyện đã kết thúc, nhưng hình ảnh Vũ Nương vẫn hiện lên với tất cả vẻ đẹp của tâm lòng vị tha, chung thủy. Phẩm chất sáng ngời đó cùng với câu chuyện về cuộc đời, nỗi oan khuất của nàng mãi mãi sống trong lòng người như một bản cáo trạng về chế độ phong kiến nam quyền bất công, độc đoán. “ Nghi ngút đầu ghèn tỏa khói hương Miếu ai như miếu vợ chàng Trương...” ( Lê Thánh Tôn)

### **Bài tham khảo 2:**

"Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son" ("Bánh trôi nước" - Hồ Xuân Hương) Những câu ca quen thuộc của nữ sĩ Hồ Xuân Hương trong bài thơ "Bánh trôi nước" nổi tiếng đã thể hiện phần nào vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ Việt Nam. Trong xã hội phong kiến xưa, những quy định khắt khe của lễ giáo phong kiến luôn là sợi dây vô hình trói buộc người phụ nữ và khiến họ phải chịu nhiều thiệt thòi, đắng cay và mất mát. Văn học trung đại đã ghi lại sự mâu thuẫn và đối lập giữa phẩm chất và số phận của người phụ nữ qua nhiều tác phẩm kiệt xuất. Và một trong số những tác phẩm thể hiện rõ điều này là "Chuyện người con gái Nam Xương" của tác giả Nguyễn Dữ. Thông qua hình tượng trung tâm là nhân vật Vũ Nương, câu chuyện đã tái hiện thành công bức chân dung của người phụ nữ trong xã hội phong kiến với phẩm chất cao đẹp cùng số phận bất hạnh.

Bằng ngòi bút nhân văn cao đẹp, tác giả Nguyễn Dữ đã phát hiện, trân trọng và đề cao những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ qua hình tượng nhân vật Vũ Nương. Ngay từ phần đầu thiên truyện, Vũ Nương đã hiện lên với vẻ đẹp "tính tình thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp". Đó là những vẻ đẹp hoàn toàn phù hợp với những tiêu chí, quy định khắt khe mà xã hội phong kiến đã đặt ra đối với người phụ nữ như "tam tòng, tứ đức", "công, dung, ngôn, hạnh". Và phẩm chất của nàng vẫn luôn ngời sáng dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào: trong cách ứng xử với chồng con cũng như trong mối quan hệ và cách chăm sóc mẹ chồng. Trong mối quan hệ với Trương Sinh, nàng hiện lên với vẻ đẹp

của một người vợ thủy chung và một lòng một dạ yêu chàng Trương hết mực. Vì biết chồng có tính hay ghen và đa nghi, nàng đã luôn ý thức trong việc giữ gìn khuôn phép và luôn cư xử đúng mực. Khi tiễn chồng đi lính, nàng đã sử dụng những lời lẽ thiết tha, mang nặng nghĩa tình để thể hiện sự trân trọng hạnh phúc gia đình hơn bất cứ điều gì: "... chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên". Trong những tháng ngày Trương Sinh đi lính, nàng luôn sống trong sự đợi chờ thủy chung và nhớ mong: "thôn thức tâm tình, buồn thương da diết". Nỗi nhớ và sự trông mong của nàng cũng chính là tâm trạng chung của những người "chính phụ" - một trong những nạn nhân trong thời loạn lạc, chiến tranh. Dù có lúc rơi vào tuyệt vọng bởi nỗi nhớ luôn thường trực và khắc khoải trong trái tim: "Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời" (trích "Chinh phụ ngâm" - Đặng Trần Côn) nhưng nàng vẫn một lòng gìn giữ tiết hạnh: "Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót". Bởi vậy, khi bị chồng nghi oan, nàng đã tìm đến cái chết để chứng minh cho phẩm giá của mình. Hành động quyết liệt đó đã thể hiện rõ đối với Vũ Nương, phẩm giá là thứ có giá trị nhất đối với người phụ nữ và quan trọng hơn cả sinh mạng và sự sống. Không chỉ là người vợ một lòng một dạ thủy chung, Vũ Nương còn hiện lên với vẻ đẹp của một nàng dâu hiếu thảo. Trong cách cư xử với mẹ chồng, nàng luôn lễ phép, thay chồng chăm sóc mẹ chồng khi già yếu, ốm đau. Chính sự ân cần, hiền lương thực đức của nàng đã khiến cho mẹ chồng hết sức cảm động. Bởi vậy nên lời trăn trối cuối cùng của bà là câu nói thể hiện sự ghi nhận những phẩm chất cao đẹp của nàng dâu: "Xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ". Trong tác phẩm, Vũ Nương còn hiện lên với vẻ đẹp của một người mẹ yêu thương con hết mực. Mặc dù không có Trương Sinh bên cạnh nhưng nàng vẫn vững tâm một mình nuôi dạy bé Đản. Như vậy, qua tác phẩm, chúng ta có thể thấy được nhân vật Vũ Nương hiện lên với những phẩm chất vô cùng cao quý. Nhưng đáng buồn thay, trong xã hội phong kiến với quan niệm trọng nam khinh nữ, mẫu số chung của số phận người phụ nữ luôn là sự trái ngang và bất hạnh. Cũng như biết bao người phụ nữ khác trong xã hội phong kiến, Vũ Nương là nạn nhân của chế độ nam quyền bất bình đẳng. Cuộc hôn nhân giữa nàng và chàng Trương đa nghi, hay ghen, độc đoán vốn dĩ là một cuộc hôn nhân không có tình yêu và tự do. Đó cũng chính là số phận chung của những người phụ nữ trong xã hội xưa:

"Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai" (Ca dao)

Chính vì không có quyền quyết định hôn nhân và hạnh phúc cá nhân nên Vũ Nương tiếp tục trở thành nạn nhân của bi kịch gia đình tan vỡ. Những tưởng ngày Trương Sinh trở về, hạnh phúc đoàn viên sẽ mỉm cười với nàng nhưng rồi, nàng vẫn không thể đặt đôi chân bước vào cánh cửa hạnh phúc. Mặc dù là người phụ nữ luôn ý thức về phẩm hạnh và giữ gìn tiết khí nhưng Trương Sinh - với bản tính đa nghi đã phủ nhận mọi nỗ lực của nàng và tin vào lời nói ngây ngô của bé Đản về chiếc bóng - người cha "đêm nào cũng đến". Và cuối cùng, rơi vào bế tắc, người phụ nữ với vẻ đẹp vẹn toàn, phẩm giá ngời sáng đã phải tìm đến cái chết như một sự giải thoát để minh chứng cho phẩm giá của mình.

Vũ Nương còn là nạn nhân của chiến tranh. Những cuộc chiến tranh phong kiến phân chia, tranh giành lãnh thổ phi nghĩa trong xã hội phong kiến đã khiến cho những đôi vợ chồng trẻ phải chia lìa: người chồng phải đối mặt với nhiều hiểm nguy, gian khổ; còn người vợ phải sống trong cảnh chờ mong đằng đẵng qua những tháng ngày biệt li. Đối với Vũ Nương, cuộc chiến tranh trở thành tác nhân châm ngòi và là chất xúc tác cho thói đa nghi và hay ghen của Trương Sinh bộc phát và kéo theo hàng loạt bi kịch xảy ra sau đó.

Qua sự mâu thuẫn và đối lập giữa phẩm chất tốt đẹp và số phận bất hạnh của nhân vật Vũ Nương, "Chuyện người con gái Nam Xương" đã thể hiện rõ những giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực vô cùng sâu sắc. Thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương, tác phẩm đã phản ánh rõ nét, chân thực số phận nghiệt ngã, bi kịch, bẽ tắc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công. Đồng thời, qua đó, chúng ta thấy được tiếng nói lên án, tố cáo xã hội phong kiến đã chà đạp lên thân phận của người phụ nữ và tiếng nói ngợi ca, cảm thông đối với những phẩm chất cao đẹp của họ.

**Bài tham khảo 3:** Nguyễn Dữ sống ở thế kỷ XVI quê ở huyện Trường Tân nay là Thanh Miện - Hải Dương. Ông là học trò của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Các tác phẩm của ông đã đóng góp rất lớn cho nền văn học trung đại Việt Nam. Điển hình là "Truyện kỳ Mạn Lục" gồm có hai mươi câu chuyện nhỏ. Trong đó tiêu biểu là chuyện người con gái Nam Xương là câu chuyện thứ 16 của Truyện Kỳ Mạn Lục, được bắt đầu từ truyện "vợ

chàng Trương". Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của tác giả trước số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đồng thời ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của họ qua nhân vật chính Vũ Nương. Trước tiên Vũ Nương là người phụ nữ mang nhiều phẩm chất tốt đẹp, là người phụ nữ bình dân xuất thân từ gia đình nghèo nhưng nàng vừa có nhan sắc, vừa có đức hạnh. Tính đã thùy mị nét na lại thêm tư duy tốt đẹp. Vẻ đẹp của Vũ Nương mang vẻ đẹp của một người phụ nữ - của chiếc bánh trôi trong thơ của Hồ Xuân Hương "vừa trắng lại vừa tròn". Vì vậy Trương Sinh con nhà hào phú đã xin với mẹ trăm lạng vàng cưới nàng về làm vợ, cuộc hôn nhân không bình đẳng, đã vậy Trương Sinh lại có tính đa nghi, hay ghen. Vậy mà trong đạo vợ chồng nàng tỏ ra là một phụ nữ thông minh, đôn hậu, biết chồng có tính đa nghi hay ghen nàng đã "luôn giữ gìn khuôn phép... thất hòa" chứng tỏ nàng rất khéo léo trong việc vun vén hạnh phúc gia đình. Sống trong thời loạn lạc nên cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì Trương Sinh tòng quân đi lính nơi biên ải. Buổi tiễn chồng ra trận nàng rót chén rượu đầy chúc chồng bình yên "chàng đi chuyến này thiếp chẳng mong... thế là đủ rồi". Ước mong của nàng thật giản dị chỉ vì nàng coi trọng hạnh phúc gia đình hơn mọi công danh phù phiếm ở đời. Những năm xa cách Vũ Nương thương nhớ chồng khôn xiết kể: "Mỗi khi bướm lượn đầy vườn mây che kín núi thì nỗi buồn chân trời góc bể lại không thể nào ngăn được" Tâm trạng thương nhớ ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của nhiều người chinh phụ trong thời loạn lạc ngày xưa.

"Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời Trời thăm thăm xa vời khôn thấu Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong" (Chinh phụ ngâm khúc - Đoàn Thị Điểm) Thể hiện tâm trạng ấy Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau xa cách chồng của Vũ Nương vừa ca ngợi tấm



lòng chung thủy của nàng. Không chỉ là một người vợ chung thủy, Vũ Nương còn là một người mẹ hiền, người con dâu hiếu thảo, chàng ra trận vừa tròn tuần thì nàng sinh con nuôi dạy con khôn lớn. Để bù đắp thiếu vắng cha của con nàng chỉ chiếc bóng của mình trên tường và nói là cha Đản, còn với mẹ chồng già yếu nàng chăm sóc mẹ rất chu đáo, thuốc thang phụng dưỡng như cha mẹ đẻ của mình. Nàng đã làm chọn chữ "công" với nhà chồng. Đây là điều rất đáng trân trọng của Vũ Nương bởi thời xưa quan hệ mẹ chồng nàng dâu dường như chưa bao giờ êm đẹp và chứa đầy những định kiến khắt khe. Tấm lòng của nàng đã được người mẹ chồng ghi nhận, điều này thể hiện qua những lời trấn trối của bà trước khi qua đời "Sau này trời xét lòng lành ban cho phúc đức giống dòng tôi tươi, xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ". Vũ Nương chính là người phụ nữ lý tưởng trong xã hội ngày xưa: Công, dung, ngôn, hạnh. Là người phụ nữ có bao phẩm chất tốt đẹp đáng lẽ nàng phải được hưởng cuộc sống hạnh phúc chí ít cũng như nàng mong ước đó là thú vui nghi gia, nghi thất - vợ chồng con cái sum họp bên nhau. Thế nhưng cuộc sống của Vũ Nương cũng như cuộc đời của người phụ nữ xưa là những trang buồn đầy nước mắt. Bất hạnh của nàng bắt đầu từ khi giặc tan Trương Sinh trở về, chuyện cái bóng của con thơ đã là Trương Sinh ngờ vực, rồi kết tội Vũ Nương. Chàng đinh ninh là vợ hư, nàng hết lời phân trần để bày tỏ lòng thủy chung, cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ những tất cả đều vô ích. Vốn có tính hay ghen lại vũ phu ít học. Trương Sinh đã đối xử với nàng hết sức tàn nhẫn "máng nhiếc, đánh đuổi nàng đi", bỏ ngoài tai những lời phân trần của vợ và những lời khuyên can của hàng xóm. Thất vọng đến tột cùng Vũ Nương đành mượn dòng nước quê hương để giải tỏa nỗi lòng trong trắng của mình. Nàng "tắm gội chay sạch ra bến sông Hoàng Giang ngửa cổ lên trời là than rằng kẻ bạc mệnh này duyên hẩm hiu... phi nhỏ". Nói rồi nàng nhảy xuống sông tự vẫn. Vũ Nương bị người thân nhất đẩy xuống bên bờ vực thẳm dẫn đến bi kịch gia đình. Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương (thân phận người phụ nữ trong XHPK) qua "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, "thà chết trong còn hơn sống đục" với tấm lòng yêu thương con người Nguyễn Dữ không để cho sự trong sáng cao đẹp của Vũ Nương phải chịu oan khuất nên phần cuối chuyện đầy ắp những chi tiết hoang đường kì ảo. Sau câu chuyện của Phan Lang, Trương Sinh lập đàn giải oan cho vợ. Nàng trở về trong thế rực rỡ uy nghi nhưng chỉ thấp thoáng trong giấy lát rồi biến mất mãi mãi. Vũ Nương mãi mất đi quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền làm vợ, làm mẹ. Bi kịch của Vũ Nương cũng chính là bi kịch của người phụ nữ xã hội xưa. Bi kịch ấy không chỉ dừng ở thế kỉ XVI, XVII, XVIII mà đến đầu thế kỷ XIX Nguyễn Du từng viết trong truyện Kiều: "Đau đớn thay phận đàn bà Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung" Với niềm xót thương sâu sắc Nguyễn Dữ lên án những thế lực tàn ác chà đạp lên những khát vọng chính đáng của con người - của phụ nữ. Ông tố cáo xã hội phong kiến với những hủ tục phi lý, trọng nam khinh nữ, đạo tam tòng bao bắt công và hiện thân của nó là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông mù quáng, vũ phu sống với hủ tục là thế lực đồng tiền bạc án nên Trương Sinh con nhà hào phú một lúc bỏ ra trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương. Ngoài ra ông còn tố cáo chiến tranh phi nghĩa đã làm phá vỡ hạnh phúc gia đình của con người. Như vậy bằng cách xây dựng truyện hết sức độc đáo là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự, trữ tình và yếu tố thực ảo. Chuyện "Người con gái



Nam Xương" của Nguyễn Dữ mang đến cho chúng ta bao ấn tượng tốt đẹp. Truyện ca ngợi Vũ Nương có đầy đủ phẩm chất tốt đẹp mang tính truyền thống nhưng cuộc đời nàng lại là những trang buồn đầy nước mắt. Vẻ đẹp số phận của nàng cũng là vẻ đẹp số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến cũ. Ngày nay chúng ta được sống trong thế giới công bằng dân chủ, văn minh người phụ nữ là một nửa của thế giới họ được hưởng những quyền lợi mà nam giới được hưởng. Vậy chúng ta hãy phát huy những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ xưa và thương cảm trước số phận của họ.

## **Đề 2: Tính cách nhân vật Trương Sinh trong Chuyện người con gái Nam Xương phản ánh sinh động bản chất của xã hội phong kiến đương thời**

**MB;** “Chuyện người con gái Nam Xương” là truyện thứ 16 trong tập Truyện kì mạn lục của Nguyễn Dữ. Truyện có nguồn gốc từ một truyện cổ tích Việt Nam có tên là “Vợ chàng Trương”. So với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, “Chuyện người con gái Nam Xương” phức tạp hơn về tình tiết và sâu sắc hơn về cảm hứng nhân văn.

**Thân bài:** Nhân vật Trương Sinh được nhắc đến trong truyện như một nhân vật chức năng, có vai trò làm nổi bật tình huống truyện, khắc sâu hơn tấn bi kịch cuộc đời của nhân vật Vũ Nương. Mở đầu câu chuyện, Trương Sinh được giới thiệu là con nhà nhà khá giả (hào phú) nhưng thất học, lại có tính hay đa nghi. Trương Sinh chỉ còn có mẹ già. Điều kiện vốn sung túc nhưng Trương lại là người lười biếng học tập, không có khát vọng công danh, sớm đã không màng đến việc đèn sách. Tính cách hay đa nghi, cộng với sự kiêu căng, thất học khiến cho Trương Sinh thường có những hành động hồ đồ, thiếu tình yêu thương. Vì yêu mến dung hạnh của Vũ Nương, Trương Sinh đã xin mẹ đem trăm lượng vàng cưới nàng về làm vợ. Nhưng đối với vợ, Trương Sinh lại hay phòng ngừa quá mức. Dù Vũ Nương đã hết sức giữ gìn khuôn phép, vợ chồng chưa bao giờ thất hòa nhưng lại luôn thấy tù túng trong một gia đình thiếu lòng tin tưởng. Có ngờ đâu, chính sự đa nghi của Trương Sinh lại gây ra mối tai họa lớn. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì giặc Chiêm phá rối biên cương, triều đình hoang mang tìm người trợ giúp. Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng không có học nên phải đầu quân ra trận. Tuy đã có Vũ Nương ở nhà thay chàng chăm lo mẹ già nhưng chàng vẫn canh cánh trong lòng một nỗi hoài nghi lớn Chính vì thiếu lòng tin tưởng vợ cho nên khi giặc giữ bị phá, chàng trở về, nghe câu nói ngây thơ của con trẻ, lòng ghen tuông của chàng trở dậy lán át cả tình thương khiến chàng hành động mù quáng. Trương Sinh đã đem lời mắng nhiếc, đánh đập Vũ Nương thậm tệ khiến nàng vô cùng đau đớn. Những lời thô bỉ, tệ hại trên đời chàng đều trút lên đầu vợ cho thỏa nỗi hoài nghi và cơn giận dữ bấy lâu, không cần quan tâm đến lời giải bày, biện minh của vợ. Trương Sinh còn là một con người hết sức cố chấp, bảo thủ. Nếu đã tin tưởng điều gì thì chàng khó lòng mà thay đổi. Khi Vũ Nương van nài muốn hiểu rõ nguồn cơn sự việc, chàng đã không nói. Bởi Trương Sinh tin tưởng chắc chắn vào điều mình nghĩ là sự thật và sợ nói ra Vũ Nương sẽ tìm lời mà thoái thác, phủ lấp sự việc. Bao năm chàng ra trận, sự việc diễn tiến đã đủ sâu sắc, nó lại nằm ngoài sự kiểm soát của chàng cho nên Trương Sinh quyết không nói ra sự tình. Hành động ích kỉ, đê tiện ấy của chàng đã đẩy Vũ Nương đến sự tuyệt vọng, khiến nàng phải lấy cái chết để chấm dứt nỗi ô nhục trong nỗi dày vò ghê gớm. Trương Sinh lại là một người vô tình bạc nghĩa. Khi Vũ Nương chết, Trương Sinh tuy giận cũng động lòng thương, tìm vớt thây nàng nhưng

không thấy. Sau đó cũng không cất công tìm thêm nữa mặc thân xác nàng nổi trôi phương trời, linh hồn làm ma làm quỷ chốn nhân gian, đời đời kiếp kiếp không được siêu thoát. Dẫu Vũ Nương có tội tình thì đó cũng là vợ chàng, người có công phụng dưỡng mẹ già lúc chàng đi lính. Thế nhưng, Trương Sinh đã không may may tưởng đến. Chàng ân đoạn nghĩa tuyệt với nàng, xem nàng là một nỗi ô nhục lớn, một thất bại trong cuộc đời mình. Cho đến một hôm khi ôm con trong nỗi cô đơn quanh quẩn, cũng từ câu nói ngây thơ của con trẻ, Trương Sinh hiểu ra mối oan tình của vợ, nhưng việc đã trót qua rồi, Trương Sinh cũng lảng lạng quên đi. Tuy có chút lòng cảm thương, ân hận nhưng sĩ diện quá lớn khiến chàng mặc nhiên để sự việc đó đi qua. Dường như đối với Trương Sinh, chàng có quyền làm điều đó, bắt vợ phải phục vụ ý nghĩ của mình, kể cả những ý nghĩ ngu xuẩn nhất. Chàng cho mình có quyền sỉ nhục, lăng mạ hay định đoạt sinh mệnh của người khác. Đó là tính cách của một con người gia trưởng, ích kỉ, hèn hạ và vô tình, vô nghĩa. Khi chàng lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang, Vũ Nương hiện về nhưng nàng không trở lại với trần thế nữa bởi vì Trương Sinh vì thiết tha sám hối mà lập đàn giải oan cho nàng nhưng lòng chàng vẫn chưa giải trừ được oan nghiệp, tính hồ nghi vẫn còn, lòng hẹp hòi, ích kỉ vẫn lớn, dẫu có trở về trước sau gì nàng cũng sẽ vướng vào một oan nghiệp khác mà thôi. Thế gian đã không có nơi để những người tận tụy, thủy chung và đức hạnh như nàng dung thân nữa rồi.

**Kết bài:** Nguyễn Dữ đã rất thành công khi xây dựng nhân vật Trương Sinh. Chỉ bằng vài dòng khắc học ngắn gọn nhưng nhân vật Trương Sinh đã trở nên nổi bật, làm nền tảng vững chắc để xây dựng cuộc đời và số phận Vũ Nương. Bản chất của Trương Sinh hay cũng chính là bản chất bất công thối nát của xã hội phong kiến đương thời đã chà đạp lên số phận con người. Tính cách cố chấp, bảo thủ của Trương Sinh phản ánh chế độ nam quyền, trọng nam khinh nữ đã gây nên biết bao tấn bi kịch thương tâm trong lịch sử phong kiến nước ta.

### **Đề 3: Suy Nghĩ Của Em Về Chuyện Người Con Gái Nam Xương**

#### **Bài tham khảo 1:**

Truyện kì mạn lục là một công trình nghệ thuật văn xuôi của nhà văn Nguyễn Dữ. Đúng như tên gọi truyện kì, nó đã ghi chép lại nhiều câu chuyện lạ kì trong cổ tích, trong dã sử và lịch sử Việt Nam. Chuyện người con gái Nam Xương chính là một trong những câu chuyện lạ kì như thế và đây cũng là câu chuyện vốn đã được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, rất quen thuộc với mọi người. Để nhào nặn, biến Chuyện người con gái Nam Xương từ một truyện cổ dân gian thành một tác phẩm mang dấu ấn thời đại phong kiến, tác giả đã phải tìm tòi, ghi chép, thêm vào đó những yếu tố kì ảo và ngày nay nó đã trở thành một tác phẩm rất lôi cuốn và được nhiều bạn đọc đón nhận và tôn vinh. Chuyện người con gái Nam Xương là một tác phẩm viết về một người phụ nữ mang đầy đủ những phẩm chất cao quý như công, dung, ngôn, hạnh nhưng lại bị người chồng nghi oan và cuối cùng nàng đã phải chọn cái chết để tự minh oan. Mở đầu câu chuyện, Nguyễn Dữ đã giới thiệu: Vũ Nương tính đã thủy mị nét na, lại có thêm tư dung tốt đẹp. Điều đó có

nghĩa là nàng không những có nhan sắc bề ngoài mà còn có bản tính tốt đẹp bên trong. Khi chung sống với Trương Sinh, nàng luôn giữ gìn, vun vén cho hạnh phúc của gia đình, luôn làm hết phận sự của người vợ hiền, dâu thảo, luôn là người biết mình, hiểu chồng, giữ gìn khuôn phép và không để vợ chồng phải đi đến bất hoà. Tới đây, Vũ Nương đã bắt đầu chiếm được nhiều cảm tình của người đọc bởi sự đức hạnh của nàng. Và phẩm hạnh của nàng còn được thể hiện rõ hơn khi nàng tiễn chồng đi lính. Vũ Nương không mong vinh hoa phú quý, tiền tài danh vọng mà chỉ mong chồng bình an trở về. Nàng còn quan tâm, cảm thông trước nỗi gian lao, vất vả mà người chồng phải chịu đựng. Từ xưa đến nay, mối quan hệ mẹ chồng, nàng dâu ít khi lại hoà thuận, vì thế mà những lời khen ngợi Vũ Nương được nói ra từ chính miệng mẹ chồng

nàng lại càng có ý nghĩa gấp bội, lại càng khẳng định được phẩm chất của nàng. Khi xa chồng, nàng luôn khắc khoải, nhớ mong chồng, lo cho chồng nơi xa xôi không biết sống chết thế nào. Nàng đã phải một mình gánh vác, lo toan việc nhà, sinh con, nuôi con, chăm sóc, thuốc thang lúc mẹ chồng đau ốm. Mẹ chồng nàng vì nhớ con trai nên sinh bệnh nặng và qua đời. Nàng đã ma chay tế lễ cho mẹ chồng chu đáo như mẹ đẻ của mình, không để bà con làng xóm phải chê trách nửa lời. Do đó mà mẹ chồng nàng trước khi mất đã ghi nhận và đánh giá cao những công lao của nàng đối với nhà chồng. Quả là một gia đình êm ấm, đê huê, phúc lộc, đáng lẽ phải là sự đền bù xứng đáng cho người phụ nữ chung tình và tận tụy ấy. Thế nhưng Vũ Nương chẳng phụ ai, để rồi lại bị người phụ. Trong thời gian Trương Sinh đi vắng, nàng thường nói đùa con rằng cái bóng của nàng trên tường chính là bố của nó. Có lẽ nàng không biết đối với nàng thì cái bóng chỉ đơn thuần là một cái bóng được tạo bởi ánh đèn nhưng đối với một đứa trẻ ngây thơ thì cái bóng đó đã in sâu vào tiềm thức của nó và cái bóng giả chính là một người bố thực. Và ngày mà Trương Sinh đi lính trở về cũng chính là ngày mà tai hoạ đổ lên đầu nàng. Trương Sinh đi lính trở về với nỗi đau nặng trĩu khi nghe tin mẹ mất và lời nói bi xô của đứa con trai đã được đặt không đúng chỗ. Do vậy đã làm bùng lên sự tức giận, tính ghen tuông, đa nghi của Trương Sinh. Chàng đã tin rằng con mình đã có một người cha khác, vợ mình đã có một người chồng khác. Bao nhiêu lời la lối, mắng nhiếc đã trút lên đầu Vũ Nương. Trương Sinh chỉ biết mắng nhiếc cho hả giận, không tin vợ, không tin hàng xóm và đã đánh đuổi vợ đi. Trương Sinh quả là một kẻ vũ phu, hồ đồ, có cách xử sự độc đoán, không đủ bình tĩnh để phân tích, phán đoán, không tin vào các nhân chứng, bỏ ngoài tai những lời phân trần, không nói ra nguyên do để rồi phải hối hận về sự nóng vội của mình. Trong lúc bị chồng nghi oan, Vũ Nương đã phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng, tình nghĩa vợ chồng, khẳng định lòng chung thủy của mình và cầu xin chồng đừng nghi oan để cố hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Nhưng Trương Sinh đã không nghe những lời giải thích của nàng. Trong lòng nàng lúc đó tràn trề sự thất vọng, đau đớn, nàng không hiểu tại sao mình lại bị đối xử như vậy và nàng cũng chẳng có quyền tự bảo vệ mình, kể cả khi có họ hàng, làng xóm bên vực. Nàng càng thất vọng hơn khi không thể giải bày lòng mình với chồng và nàng đã mượn dòng nước sông Hoàng Giang để chứng minh sự trong sạch của mình. Nhưng tấm lòng sắt son, thủy chung của người thiếu phụ chưa dừng lại ở đó. Khi nàng nhảy xuống sông tự vẫn, Linh Phi vì cảm động trước tấm lòng của nàng mà đã cứu nàng thoát chết. Dù ở chốn trần gian hay chốn lặn

mây cung nước thì nàng vẫn nặng tình với cuộc đời, vẫn lo lắng, quan tâm đến chồng, đến con, đến phần mộ tổ tiên, nàng vẫn luôn khát khao, mong mỗi chồng nàng sẽ luôn nhớ đến nàng và sớm giải oan cho nàng. Quả là đáng tiếc cho Vũ Nương bởi một người phụ nữ có tâm lòng đẹp như nàng lại có một cuộc đời đầy đau khổ như vậy chỉ vì nàng có một người chồng quá đa nghi. Hơn nữa, trong chế độ nam quyền của xã hội phong kiến xưa thì người chồng mới là người quyết định mọi việc. Do vậy mà ngay đến cả số phận của mình mà Vũ Nương cũng không thể nắm trong tay. Nhưng chúng ta cũng không thể nào phủ nhận được một nguyên nhân khác, đó là chiến tranh. Nếu không có chiến tranh thì Trương Sinh sẽ không phải đi lính, sẽ không phải xa rời Vũ Nương để rồi sinh ra sự hiểu lầm tai hại dẫn đến cái chết của Vũ Nương. Cái chết oan uổng của nàng không chỉ mang tính chất tự mình oan mà còn là sự giải thoát đối với nàng. Bởi nếu Vũ Nương còn sống trên trần gian thì có lẽ nàng sẽ phải sống trong cảnh gia đình bất hoà, trong sự ngờ vực của chồng và trong sự oan uổng chưa được giải bày. Nhưng chừng ấy chi tiết cũng không đủ tạo nên sự kì ảo của câu chuyện mà sự kì ảo đó đã được tác giả thể hiện thật nhiều ở phần kết với những yếu tố trong truyện cổ tích. Đó là chi tiết Phan Lang - người cùng làng với Vũ Nương nằm mộng thả rùa và khi Phan Lang chạy nạn bị chết đuối đã được thần rùa Linh Phi cho uống thuốc tiên sống lại, cho trở về trần gian. Đó là chi tiết Vũ Nương được Trương Sinh lập đàn giải oan. Trên bờ Hoàng Giang và trở về trên chiếc kiệu hoa lấp lánh giữa dòng lúc ẩn, lúc hiện. Đây cũng là những chi tiết làm hoàn thiện nét đẹp tâm hồn của Vũ Nương: vẫn luôn khát khao được phục hồi danh dự, vẫn mong muốn được chăm lo cho chồng con, nhà cửa. Và đồng thời đây cũng là một kết thúc có hậu, thể hiện được ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng trong cuộc đời: người tốt dù có bị nghi oan rồi cũng được đền trả xứng đáng và cái thiện luôn luôn chiến thắng cái ác.

Tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương khép lại đã cho thấy cái tài của Nguyễn Dữ khi ông đã xây dựng một nhân vật Vũ Nương hiền lành, đảm đang, chung thủy, một nhân vật Trương Sinh hay ghen tuông, ba phải. Đặc biệt hơn nữa, ông đã xây dựng nên một phần kết khiến chúng ta khi đọc xong phải bâng khuâng để rồi phải mộng lung suy ngẫm và tự đặt ra không biết bao nhiêu câu hỏi: liệu rằng Vũ Nương sẽ mãi mãi không quay trở lại? Cuộc sống ở thế giới bên kia của nàng sẽ ra sao? Cuộc sống đó liệu có đem lại hạnh phúc cho nàng không? Nhưng có một điều chắc chắn rằng: dù ở thời đại nào đi chăng nữa thì một con người đẹp đẽ như nàng sẽ luôn được biết đến với lòng tôn kính.

**Bài tham khảo 2:** Trong tác phẩm Truyền kì mạn lục có thể nói nổi bật nhất là Chuyện người con gái Nam Xương. Câu chuyện không chỉ có giá trị hiện thực mà qua đó còn nói lên số phận người phụ nữ lúc bấy giờ và mơ ước về một cuộc sống tốt đẹp hơn của con người. Câu chuyện này đã dựa theo một cốt truyện có sẵn trong dân gian. Thế nhưng khi đưa vào tác phẩm, Nguyễn Dữ đã cho thêm rất nhiều chi tiết. Tuy nhiên, nội dung của câu chuyện vẫn không hề thay đổi. Câu chuyện kể về số phận của người phụ nữ có phẩm hạnh tốt đẹp nhưng lại không được hưởng hạnh phúc. Vũ Nương tuy có tư dung tốt đẹp, thùy mị, nết na, xinh đẹp nhưng lại có chồng là Trương Sinh vốn tính hay ghen. Chính vì vậy mà nàng luôn giữ gìn khuôn phép, hết mực với chồng. Khi chồng đi lính, con còn



nhỏ, nàng hay chỉ cái bóng mình trên tường vào ban đêm bảo đó là cha nó. Cũng chính vì cái bóng ấy mà Trương Sinh đã nghi nàng có tình riêng, là đồ hư hỏng nên chửi mắng, đuổi nàng đi mà không cho nàng thanh minh. Do vậy, Vũ Nương không hề biết vì sao chồng lại nghi oan mà giải nỗi nghi ngờ. Quá thất vọng và đau khổ, nàng đã gieo mình xuống sông Hoàng Giang để rửa sạch oan tình, minh chứng cho tấm lòng trinh bạch của mình. Mãi sau này, Trương Sinh mới hiểu được nỗi oan của vợ, nhưng lúc đó nàng đã ở dưới thủy cung, không về được nữa. Chuyện người con gái Nam Xương đã nêu lên được hiện thực của xã hội lúc bấy giờ một cách chân thực, ở đầu câu chuyện, ta thấy Trương Sinh đã dùng một trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương về. Điều này cho thấy đây là một cuộc hôn nhân không có tình yêu và không hề có quyền lựa chọn của người con gái lúc bấy giờ. Tuy luôn biết giữ gìn, hiếu hạnh nhưng nàng lại bị chính chồng nghi oan rồi đánh chửi, đuổi đi. Xã hội lúc đó thật bất công, người con trai lại có quyền đánh đập, hành hạ vợ mình không thèm nghe lời thanh minh. Không chỉ thế, câu chuyện còn có ý nghĩa tố cáo chiến tranh. Vì chiến tranh mà gia đình li tán, mẹ xa con, nhớ con mà chết, vợ xa chồng khiến hàng ngày nàng phải chỉ chính cái bóng của mình mà nói với con đó là cha. Không chỉ thế, chiến tranh còn làm cho cuộc sống người dân thêm khổ cực, phải chạy loạn mà chết đói như Phan Lang. Chính vì thế, chiến tranh cũng phần nào là nguyên nhân khiến cho gia đình Vũ Nương bị li tán dẫn đến cái chết của nàng sau này. Cũng qua câu chuyện, ta thêm hiểu được số phận người phụ nữ lúc bấy giờ, họ phải sống phụ thuộc vào người đàn ông, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử. Chính vì vậy, tuy bị chồng nghi oan nhưng tới lúc chết vẫn mang theo trong mình nỗi lo lắng vì chưa làm tròn trách nhiệm của người vợ. Trong đoạn cuối bài, khi gặp Phan Lang ở dưới thủy cung, Vũ Nương đã khóc khi nghe Phan kể rằng nhà của nàng bây giờ đã trở nên xơ xác. Trong tâm hồn nàng vẫn mang nặng trách nhiệm của một người vợ, một người mẹ. Điều này cho ta thấy phẩm hạnh vô cùng đáng quý của người phụ nữ lúc bấy giờ mà đại diện là nhân vật Vũ Nương. Trong câu chuyện, tác giả còn nói lên ước mơ của người dân lúc bấy giờ. Họ luôn mong muốn về một thế giới mới hạnh phúc hơn, tốt đẹp hơn và con người luôn sống chan hoà với nhau. Vì thế mà sau khi Vũ Nương gieo mình xuống sông, nàng đã được các nàng tiên cứu giúp rồi sau đó cũng trở thành tiên. Người đàn ông đã cho một người tốt như Vũ Nương có thể gặp một cuộc sống tốt đẹp hơn khi ở một thế giới khác. Việc tác giả đưa yếu tố kì ảo vào trong tác phẩm cũng nhằm thể hiện được ước mơ của người dân trong thời đại lúc bấy giờ. Câu chuyện về người con gái Nam Xương đã nêu lên được số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến với những luật lệ không công bằng, trọng nam khinh nữ đã đẩy người phụ nữ phải vào con đường cùng dẫn đến cái chết oan uổng, bất công. Câu chuyện đã tố cáo chế độ phong kiến hà khắc, chiến tranh phi nghĩa và đã nói lên mong ước của người dân lúc bấy giờ. Đồng thời qua câu chuyện này, nó cũng khiến cho ta phải suy nghĩ thêm về số phận của những người phụ nữ xưa cũng như cuộc đời họ sẽ trôi tới đâu?

## NGHỊ LUẬN VĂN HỌC VỀ HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH CÁCH MẠNG QUA CÁC BÀI THƠ



## **ĐỀ 1: So Sánh Hình Ảnh Người Lính Cách Mạng Ở Bài Thơ Đồng Chí Và Tiểu Đội Xe Không Kính**

### **Dàn ý chi tiết:**

**I. Mở bài:** - Giới thiệu được hai tác giả, hai tác phẩm và vấn đề nghị luận ( hình ảnh người lính qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ).

\* **Mở bài 1:** Trong văn học Việt Nam hiện đại, hình ảnh người chiến sĩ cầm súng bảo vệ Tổ quốc có một vị trí hết sức quan trọng. Đó không chỉ là hình tượng nghệ thuật tiêu biểu trong nhiều tác phẩm mà còn là biểu tượng đẹp nhất của con người Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Phần lớn các tác giả đều có mặt ở những mũi nhọn của cuộc kháng chiến để kịp thời ghi lại một cách chân thực và sinh động hiện thực chiến đấu của chiến sĩ ta. Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm chống Pháp và người chiến sĩ Giải phóng quân miền Nam thời đánh Mỹ đã được phản ánh khá rõ nét với những vẻ đẹp khác nhau. Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua hai bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.

\* **Mở bài 2:** Dân tộc ta đứng lên tiên hành hai cuộc chiến tranh cách mạng oanh liệt chống Pháp và chống Mĩ. Lẽ tất nhiên, ở đất nước hơn ba mươi năm chưa rời tay súng, hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ là hình ảnh “con người đẹp nhất” đáng yêu nhất trong văn thơ và là niềm tự hào lớn của dân tộc. Cùng với nhiều bài thơ khác, bài thơ “Đồng chí” sáng tác vào đầu năm 1948 khi tác giả Chính Hữu chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc và bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” sáng tác năm 1969 khi tác giả Phạm Tiến Duật tham gia hoạt động ở tuyến đường Trường Sơn đã khắc họa thành công về đề tài người lính. Hình tượng anh bộ đội được ghi lại trong hai bài thơ đã lưu giữ trong văn chương Việt Nam hai gương mặt đẹp, đáng yêu của người lính trong hai thời kỳ lịch sử.

### **\* Mở bài 3:**

Đoàn giải phóng quân một lần ra đi.  
Nào có sá chi đâu ngày trở về.  
Ra đi ra đi bảo tồn sông núi.  
Ra đi ra đi thà chết cho vinh.

Khúc hát quen thuộc từ xa chợt vọng lại gợi trong lòng chúng ta biết bao suy tưởng. Chúng ta như được sống lại một thời hào hùng của dân tộc theo tiếng hát sôi nổi trẻ trung và cũng bình dị như cuộc đời người lính. Không biết đã có bao nhiêu bài thơ nói về họ - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho hai thời kì chống Pháp và chống Mĩ là hai bài thơ: “Đồng chí” của Chính Hữu và “Tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Những người lính trong hai bài thơ thuộc hai thế hệ khác nhau nhưng ở họ đều có nhiều nét đẹp chung của người lính cách mạng và của con người Việt Nam trong các cuộc kháng chiến cứu nước.

• **Mở bài 4:** Có những tác phẩm đọc xong, gấp sách lại là ta quên ngay, cho đến lúc xem lại ta mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi. Nhưng cũng có những cuốn sách như dòng sông chảy qua tâm hồn ta để lại những ấn tượng chạm khắc trong tâm khảm.”Đồng chí” của Chính Hữu và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật là hai tác

phẩm như thế! Hình tượng anh bộ đội được ghi lại trong hai bài thơ đã lưu giữ trong văn chương Việt Nam hai gương mặt đẹp, đáng yêu của người lính trong hai thời kỳ lịch sử.

**II. Thân bài: 1. Cách 1:** Người lính trong bài thơ “Đồng chí” -> Người lính trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”-> Điểm giống và khác nhau về hình ảnh anh bộ đội trong hai bài thơ:

a. Người lính trong bài thơ “Đồng chí”:

\* Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu thể hiện người lính nông dân thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp với vẻ đẹp giản dị, mộc mạc mà vô cùng cao quý.

- Những người lính xuất thân từ nông dân, ở những miền quê nghèo khó “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”. Họ “chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung”.

- Họ đến với cuộc kháng chiến với tinh thần yêu nước thật giản dị: nghe theo tiếng gọi cứu nước mà tự nguyện lên đường. Phía sau họ là bao cảnh ngộ: xa nhà, xa quê hương, phó mặc nhà cửa, ruộng vườn cho vợ con để sống cuộc đời người lính. Chữ “mặc kệ” trong câu thơ “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” đã lột tả được tinh thần “mến nghĩa” của những người nghĩa binh nông dân trong thơ Nguyễn Đình Chiểu, tinh thần “Ra đi không vương thê nhi” của các đấng trượng phu xưa và tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của những người tự vệ Thủ đô những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Nhưng khi đặt cạnh hình ảnh “gian nhà không” và chữ “gió lung lay” thì có gì đó cảm động quá. Người lính không hoàn toàn “mặc kệ” như khẩu khí đâu. Đó là đức hi sinh. Hi sinh cho quê hương đất nước. Một đức hi sinh giản dị làm cảm động lòng người.

- Trải qua những ngày gian lao kháng chiến đã ngời lên phẩm chất anh hùng ở những người nông dân mặc áo lính hiền hậu ấy.

+ Cái nhìn hiện thực đã giúp nhà thơ ghi lại được những nét chân thực về cuộc đời đi chiến đấu của người lính. Hình ảnh họ lam lũ với “áo rách vai”, “quần có vài mảnh vá”, với “chân không giày”. Đói, rét, gian khổ khắc nghiệt đã khiến người lính phải chịu đựng những cơn sốt rét: “miệng cười buốt giá”, “sốt run người”, “vùng trán ướt mồ hôi”. Trong hoàn cảnh đầy thử thách đó, sống được đã là kì tích. Chính Hữu còn ghi được hình ảnh người lính can trường vượt lên vũng vằng trên vị trí của mình: “Đêm nay rừng hoang sương muối/Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”.

- Họ có một đời sống tình cảm đẹp đẽ, sâu sắc:

+ Lòng yêu quê hương và gia đình thể hiện qua nỗi nhớ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”, niềm thương “gian nhà không”, qua ý thức về cảnh ngộ “quê hương anh nước mặn đồng chua” và “làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”.

+ Từ hiện thực cuộc sống gian lao thiếu thốn, họ vun đắp được tình đồng chí keo sơn, gắn bó. Không phải vô cớ Chính Hữu đặt tên bài thơ là “Đồng chí” và nhiều lần trong bài thơ hai tiếng ấy đã vang lên. Tình đồng chí, đồng đội như là sự hội tụ, tập trung tất cả những tình cảm, những phẩm chất của người lính: Lòng yêu thương giữa những con người cùng cảnh ngộ, tinh thần đồng cam cộng khổ, tinh thần kề vai sát cánh trong chiến đấu, sự gắn kết giữa những người cùng chung lí tưởng, chung mục đích và ước mơ. Gian lao thử thách khiến tình đồng chí, đồng đội thêm keo sơn, sâu sắc. Ngược lại, tình đồng chí ấy lại giúp người lính có sức mạnh để vượt qua gian lao thử thách.

=> Hình ảnh người lính Cụ Hồ trong những ngày kháng chiến chống Pháp được Chính Hữu khắc họa trong tình đồng chí cao đẹp, tình cảm mới của thời đại cách mạng.

=> Họ được khắc họa và ngợi ca bằng cảm hứng hiện thực, bằng những chất thơ trong đời thường, được nâng lên thành những hình ảnh biểu tượng nên vừa chân thực, mộc mạc, vừa gợi cảm lung linh.

b. Người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:

\* Nếu như những người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp xuất thân từ những người nông dân nghèo khổ, quê hương họ là những nơi “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá” thì những chiến sĩ lái xe Trường Sơn lại là những thanh niên có học vấn, có tri thức, đã được sống trong thời bình, được giác ngộ lí tưởng cách mạng cao cả, họ ra đi trong niềm vui phơi phới của sức trẻ hồn nhiên, yêu đời, yêu đất nước.

- Hình ảnh người lính lái xe – hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam những năm chống Mỹ phơi phới, dũng cảm, yêu thương được khắc họa qua hình ảnh những chiếc xe không có kính và một giọng điệu thơ ngang tàn, trẻ trung, gân gỏi.

- Những chiếc xe không có kính là hình ảnh để triển khai tứ thơ về tuổi trẻ thời chống Mỹ anh hùng. Đây là một thành công đặc sắc của Phạm Tiến Duật. Qua hình ảnh chiếc xe bị bom giặc tàn phá, nhà thơ làm hiện lên một hiện thực chiến trường ác liệt, dữ dội. Nhưng cũng “chính sự ác liệt ấy lại làm cái tứ, làm nền để nhà thơ ghi lại những khám phá của mình về những người lính, về tinh thần dũng cảm, hiên ngang, lòng yêu đời và sức mạnh tinh thần cao đẹp của lí tưởng sống chạy bỏng trong họ”. Phân tích các dẫn chứng: tư thế thật bình tĩnh, tự tin “Ung dung buồng lái ta ngồi”, rất hiên ngang, hào sảng “Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”. Một cái nhìn cuộc đời chiến đấu thật lãng mạn, bay bổng, trẻ trung: “Thấy sao trời và đột ngột cánh chim”. Và độc đáo hơn nữa là tinh thần hóa rủi thành may, biến những thách thức thành gia vị hấp dẫn cho cuộc đời, khiến cho lòng yêu đời được nhận ra và miêu tả thật độc đáo: các câu thơ “ừ thì có bụi”, “ừ thì ướt áo” và thái độ coi nhẹ thiếu thốn gian nguy “gió vào xoa mắt đắng”. Họ đã lấy cái bất biến của lòng dũng cảm, thái độ hiên ngang để thắng cái vạn biến của chiến

trường gian khổ và ác liệt. - Sâu sắc hơn, nhà thơ bằng ống kính điện ảnh ghi lại được những khoảnh khắc “bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”, “nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”. Đó là khoảnh khắc người ta trao nhau và nhà thơ nhận ra sức mạnh của tình đồng đội, của sự sẻ chia giữa những con người cùng trong thử thách. Nó rất giống với ý của câu thơ “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” của Chính Hữu, nhưng hồn nhiên hơn, trẻ trung hơn.

- Hai câu kết bài thơ làm sáng ngời tứ thơ “Xe vẫn chạy...” về tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ: Họ mang trong mình sức mạnh của tình yêu với miền Nam, với lí tưởng độc lập tự do và thống nhất đất nước. c. Điểm giống và khác nhau về hình ảnh anh bộ đội trong hai bài thơ: \* Giống nhau: + Mục đích chiến đấu: Vì nền độc lập của dân tộc.

+ Đều có tinh thần vượt qua mọi khó khăn, gian khổ.

+ Họ rất kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu. + Họ có tình cảm đồng chí, đồng đội sâu nặng.

\* **Khác nhau:**

+ Người lính trong bài thơ “Đồng chí” mang vẻ đẹp chân chất, mộc mạc của người lính xuất thân từ nông dân.

+ Người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” luôn trẻ trung sôi nổi, vui nhộn với khí thế mới mang tinh thần thời đại. 2. Cách 2: So sánh song hành trên mọi bình diện của hai đối tượng.

**a. Hoàn cảnh sáng tác:**

- “Đồng chí” được sáng tác vào năm 1948, giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. - “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” được sáng tác năm 1969, giai đoạn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang diễn ra khốc liệt nhất.

**b. Xuất thân của những người lính:**

- Người lính trong bài “Đồng chí” xuất thân là những người nông dân, đến từ những miền quê lam lũ “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”. Họ là những người lính “không chuyên”, vì yêu nước, căm thù giặc mà ra đi trực tiếp cầm súng chiến đấu. - Người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là những chàng trai trẻ, có học vấn, tri thức. Họ là những người lính được huấn luyện, đào tạo làm công việc chính là lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Mặc dù không trực tiếp tham gia chiến đấu nhưng họ cũng góp phần không nhỏ cho cuộc kháng chiến của dân tộc.

**c. Tư thế của những người lính:**

Trong cả hai bài thơ, những người lính đều hiện lên với tư thế hiên ngang, bất khuất.

- Trong bài “Đồng chí”, người lính hiện lên trong tư thế “Súng bên súng đầu sát bên đầu”... “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới” luôn sẵn sàng mai phục, chiến đấu với quân thù.

- Trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, người lính hiện lên trong tư thế “Ung dung buồng lái ta ngồi – Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng”. Đó là tư thế bình thản, hiên ngang, sẵn sàng nhìn thẳng vào gian khổ, không hề run sợ, không hề né tránh.

**d. Phẩm chất của những người lính:**

- Tâm hồn tinh tế nhạy cảm, luôn lạc quan, yêu đời: + Người lính trong bài “Đồng chí” ra đi đánh giặc nhưng lúc nào cũng canh cánh bên lòng nỗi niềm nhớ về quê hương, xứ sở - nơi có “giếng nước gốc đa”, “gian nhà không” và hình bóng những người thân yêu. Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” cũng là một hình ảnh lãng mạn tuyệt đẹp thể hiện được tâm hồn lãng mạn, trẻ trung, thi vị của người lính trong bài “Đồng chí”.

+ Vẻ đẹp tâm hồn của người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” được thể hiện qua những hình ảnh đầy vui tươi, dí dỏm: “Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

– Thấy con đường chạy thẳng vào tim”... Trên con đường ra trận, thiên nhiên khắc nghiệt cũng trở nên thơ mộng, gần gũi, làm bạn với con người, con đường đến với miền Nam thân yêu luôn ở trong tim mỗi người chiến sĩ.

- Tinh thần bất khuất vượt lên mọi khó khăn, thử thách:

+ Trong bài “Đồng chí”, người lính phải đối mặt với những thiếu thốn, khó khăn về vật chất, với căn bệnh sốt rét rừng quái ác...

+ Trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, người lính phải đối mặt với những khó khăn, gian khổ khi ngồi sau vô lăng của những chiếc xe không kính.

+ Họ đều vượt qua mọi khó khăn bằng ý chí, nghị lực phi thường, bằng niềm tin tưởng lạc quan, phơi phơi... - Tinh thần đoàn kết yêu thương gần gũi với nhau:

+ Đây là chủ đề xuyên suốt bài thơ “Đồng chí”.

+ Hình ảnh “Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi” trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” cũng đã thể hiện được một cách xúc động tình cảm yêu thương gắn bó với nhau của những người lính lái xe Trường Sơn.

- Tình yêu đất nước, lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí quyết tâm đánh đuổi quân thù là vẻ đẹp đáng khâm phục nhất của những người lính trong cả hai bài thơ.

### **III .Kết bài:**

Kết hợp giữa hiện thực hào hùng cùng cảm hứng lãng mạn cách mạng, hai bài thơ “Đồng chí” và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” vang lên âm hưởng sử thi hào hùng của văn học nước ta trong suốt ba mươi năm kháng chiến trường kì gian khổ. Xưa kia, những người lính chống Pháp ra đi với “Giọt mồ hôi rơi trên má anh vàng nghệ

- Anh vệ quốc quân ơi, sao mà yêu anh thế”, rồi những người lính trong kháng chiến chống Mĩ lên đường trong sự phấn khởi, với tinh thần “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước – Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Còn hôm nay, khi những người lính của thời hòa bình đang ngày đêm canh giữ ngoài đảo Trường Sa, bảo vệ bình yên cho đất nước, ta mới thấy vẻ đẹp cao vời vợi của những người lính. Trước đây, bây giờ và sau này, những người lính sẽ mãi là biểu tượng đẹp của dân tộc...

#### **Bài mẫu 1:**

Là những nhà thơ quân đội trưởng thành trong những cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Chính Hữu và Phạm.Tiến Duật từng sống, trải nghiệm và thấm thía đời sống của người lính trên chiến trường. Trên đôi bàn tay của hai nhà thơ không chỉ vững vàng những cây súng đánh giặc mà còn từng bung nở cho đời những vần thơ diệu kì về người lính. Hai trong số những áng thơ ấy là Đồng chí của Chính Hữu và Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật. Cùng khắc họa hình ảnh người lính trong lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam nhưng bên cạnh những điểm chung vốn dễ nhận thấy, ở hai bài thơ, mỗi bài lại có những nét đẹp riêng.

Bài thơ Đồng chí của Chính Hữu ra đời năm 1948, những năm tháng đầu tiên của cuộc kháng chiến chống Pháp đầy vất vả, chính quyền ta vừa thành lập còn non trẻ. Những người lính của "Đồng chí" là những người lính chống Pháp, họ đến với kháng chiến từ màu áo nâu của người nông dân, từ cái nghèo khó của những miền quê lam lũ:

Quê hương anh nước mặn đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá  
Còn Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật ra đời năm 1969, thời diêm cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đang vào hồi ác liệt. Những người lính thời kì này còn rất trẻ. Họ phần lớn vừa rời ghế nhà trường, tâm hồn còn phơi phới tuổi xuân. Đó là những con người:

Xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ  
Mà lòng phơi phới dậy tương lai". Hoàn cảnh, điều kiện khác nhau như vậy tất yếu dẫn đến sự khác nhau về ý thức giác ngộ cách mạng của những người lính ở hai bài thơ. Nhận thức về chiến tranh của những người lính chống Pháp còn đơn giản, chưa sâu sắc như thời kì kháng chiến chống Mĩ. Trong "Đồng chí", tình cảm thiêng liêng nhất được nhắc tới là tình đồng chí, đồng đội. Trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" mới thấy xuất hiện ý niệm về ý chí, tinh thần yêu nước:



"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim" Sống giữa chiến trường với tình đồng đội thiêng liêng, người lính chống Pháp nhớ về gia đình với mẹ già, vợ dại, con thơ. Người lính kháng Mĩ thì đã khác. Họ hiểu rằng kháng chiến là gian khổ và còn trường kì nữa. Vậy nên xe hàng cùng con đường ra mặt trận đã trở thành ngôi nhà chung và những người đồng đội đã trở thành gia đình ruột thịt:

"Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy". Và điều khác nhau cơ bản giữa hai thi phẩm chính là bút pháp thơ của hai tác giả. Chính Hữu dùng bút pháp hiện thực - lãng mạn dựng lên hình ảnh những người lính thời kì đầu của cuộc kháng chiến với nhiều khó khăn thiếu thốn:

"Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày" Cảm hứng lãng mạn được lắng đọng trong cảm xúc về tình đồng chí thiêng liêng: "Đồng chí!" cùng những hình ảnh thơ giàu sức gợi "đầu súng trăng treo". Bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" lại được

xây dựng bằng bút pháp lãng mạn - hiện thực. Cái khó khăn thiếu thốn không bị lãng tránh:

"Không có kính rồi xe không có đèn Không có mui xe thùng xe có xước". Nhưng vượt lên trên tất cả vẫn là sự ngang tàng, tinh nghịch của những người lính trẻ lạc quan yêu đời:

"Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng" "ừ thì gió bụi" "ừ thì ướt áo",... Có thể nói, trong "Đồng chí" của Chính Hữu, nhà thơ đã dựng lên hình ảnh người lính với tình đồng đội thiêng liêng chia sẻ với nhau những khó khăn, cực nhọc của một cuộc sống kháng chiến gian nan, thiếu thốn. Bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật lại khắc họa tuổi trẻ trẻ trung, yêu đời, yêu sống tinh nghịch và đầy ước mơ, lí tưởng của những người lính chống Mĩ.

Tuy có những sự khác nhau do hoàn cảnh lịch sử chi phối như vậy song những người lính trong hai bài thơ vẫn mang những đặc điểm chung đáng quý của người lính quân đội nhân dân. Đó là tấm lòng yêu nước, yêu đồng chí, đồng đội.

Vì tiếng gọi của non sông tất cả đã bỏ lại phía sau những "bên nước gốc đạ", những con phố, căn nhà và cả những người thân yêu nhất. Trong điều kiện chiến đấu vô cùng gian khổ, thiếu thốn, thì tinh thần chiến đấu của những người lính lại bùng lên mạnh mẽ, sục sôi khí thế. Họ không nề nguy hiểm, khó khăn, vẫn vững lòng cầm chắc tay súng để bảo vệ quê hương, đất nước:

"Súng bên súng đầu sát bên đầu" "Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim". Họ cũng sát cụng bên nhau, bên những người đồng đội để cùng chiến đấu dũng cảm. Nếu trong "Đồng chí" là:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay Thì trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính hình ảnh đó đã trở nên thân quen:

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi

Không kể thiếu thốn, khó khăn, họ vẫn chấp nhận, vẫn vui vẻ lạc quan, yêu đời hơn. Cái bắt tay ấy là cả một tình đồng đội thiêng liêng, họ truyền cho nhau niềm tin

chiến thắng, tình yêu và lòng dũng cảm ấy. Sống và chết, dường như trong tim mỗi người lính chiến đấu không hề có khái niệm ấy.

Dù có những điểm giống và khác nhau rõ rệt nhưng điều đó càng khiến những người lính cụ Hồ hiện lên qua nhiều màu vẽ, sinh động và gần gũi. Điều đó trước hết giúp người đọc càng hiểu rõ hơn về những người lính. Hình ảnh của họ hiện lên thật đẹp đẽ, họ chính là biểu tượng, là niềm tin, khát vọng của nhân dân gửi gắm nơi họ. Ở các anh, người đọc nhận thấy một ánh sáng lí tưởng cao đẹp và thiêng liêng vô cùng. Không chỉ vậy, những nét khác biệt còn thể hiện từng phong cách riêng của mỗi tác giả trong phương thức thể hiện. Điều đó làm giàu, làm đẹp thêm cho vườn hoa nghệ thuật nước nhà.

### **Bài mẫu 2:**

Thơ ca bắt nguồn từ cuộc sống. Và có lẽ vì thế nên mỗi bài thơ đều mang đến sự đồng điệu giữa cảm xúc của người đọc, người nghe và tâm hồn thi sĩ của tác giả. Đặc biệt, những bài thơ gắn liền với hình ảnh người lính trong hai thời kì kháng chiến p và chống Mĩ lại càng khiến chúng ta thêm yêu cuộc sống chiến đấu gian khổ của dân tộc hơn. Tuy nhiên, hình ảnh người lính mỗi thời kì lại có những nét tương đồng và khác biệt, nên những bài thơ trong mỗi thời kì cũng khắc hoạ hình ảnh hai người lính khác nhau, mà tiêu biểu là bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu và "bài thơ tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật. Sự khác biệt đầu tiên của họ là hoàn cảnh chiến đấu và xuất thân. Những vần thơ của bài "Đồng chí" được Chính Hữu dùng ngòi bút của mình viết nên vào tháng 5.1948. Đây là những năm tháng đầu tiên giặc Pháp quay trở lại xâm lược nước ta sau cách mạng tháng 8, nên cuộc sống vô cùng khó khăn vất vả, nhất là đối với hoàn cảnh thiếu thốn trăm bề ở chiến khu. Hiêu được nỗi đau của dân tộc, những người nông dân nghèo ở mọi nẻo đường đất nước đã bỏ lại sau lưng ruộng đồng, "bến nước gốc đa" để đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc.

"Quê hương anh nước mặn đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá."

Khác với Chính Hữu, Phạm Tiến Duật - một nhà thơ trẻ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước cho ra đời "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" vào tháng 5.1969. Thời gian này là cột mốc đánh dấu cuộc kháng chiến của quân và dân ta đang trong thời khắc liệt nhất. Anh giải phóng quân bước vào chiến trường khi tuổi đời còn rất trẻ. Họ ra đi khi vai còn vươn cánh phượng hồng, lòng còn phơi phới tuổi thanh xuân. Những anh hùng "xé dọc Trường Sơn đi cứu nước" ấy chẳng màng đến tương lai đang rộng mở đón chào, đôi chân họ bị níu chặt nơi mặt trận vì hai từ "yêu nước".

Và vì hoàn cảnh, xuất thân khác nhau nên dẫn đến lí tưởng chiến đấu và ý thức giác ngộ cũng không tránh khỏi khác nhau. Trong bài "đồng chí", nhận thức về chiến tranh của người lính còn đơn giản, chưa sâu sắc. Họ chỉ biết chiến đấu để thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp, giành lại tự do, giành lại quyền làm người mà thôi. Trong tim họ, tình đồng chí đồng đội là món quà thiêng liêng, quý giá nhất mà họ nhận được trong suốt quãng thời gian dài cầm súng.

"Súng bên súng, đầu sát bên đầu,  
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.  
Đồng chí!"  
Còn trong thời chống Mĩ, khái niệm về tinh thần yêu nước, thống nhất nước nhà đã khắc sâu

vào tâm trí mỗi con người nơi chiến khu. Họ hiểu được điều ấy là vì giai đoạn này, khi miền Bắc đã đi vào công cuộc xây dựng CNXH thì miền Nam lại tiếp tục chịu đựng khó khăn bởi sự xâm lược của đế quốc Mỹ. Và "thống nhất" trở thành mục tiêu quan trọng hàng đầu của dân tộc ta. Trong trái tim chảy dòng máu đỏ của người Việt Nam, những người lính Trường Sơn mang trong mình tinh thần lạc quan, ý chí quyết thắng giải phóng miền Nam cùng tình đồng chí đã hình thành từ thời kháng chiến p.

"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước: Chỉ cần trong xe có một trái tim." Thật thiếu sót nếu như so sánh hai bài thơ mà không nói về vẻ đẹp của chúng. "Đồng chí" là hiện thân của vẻ đẹp giản dị, mộc mạc mà sâu sắc. Tình đồng chí được thể hiện thật tự nhiên hoà huyệt trong tinh thần yêu nước mãnh liệt và chia sẻ giữa những người bạn với nhau. Còn "bài thơ về tiểu đội xe không kính" là sự khắc hoạ nổi bật của nét trẻ trung, tinh thần lạc quan, dũng cảm với tinh thần yêu thần yêu nước rùng rục cháy trong tim. Khát vọng và niềm tin của họ được gửi vào những chiếc xe không kính, thứ đưa họ vượt dãy Trường Sơn thẳng tiến vì miền Nam yêu dấu.

Thế nhưng, những người lính ấy, dù trong thời kì nào thì cũng có những nỗi nhớ không nguôi về quê nhà. Sống giữa chiến trường với tình đồng chí thiêng liêng, lòng những người nông dân bỗng quặng thắt mỗi khi hình ảnh mẹ già, vợ đại, con thơ hiện về. họ cảm thấy thật xót xa khi nghĩ đến ruộng đồng bỏ không cỏ dại, gian nhà trống vắng lại càng cô đơn.

*"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày,  
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay,  
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính."*

Người lính chống Mỹ lại khác, nỗi nhớ của họ là sự vẫn vươn nơi mái trường, là sự nước tiếc những trang vở còn tinh tươm. Họ buồn vì phải khép lại ước mơ rục rờ trên hành trình đi đến tương lai. Nhưng họ hiểu rằng trách nhiệm với quê hương vẫn còn đó, nên họ quyết tâm chiến đấu hết mình. Họ biến con đường ra trận thành ngôi nhà chung gắn kết những trái tim vì tinh thần chống giặc ngoại xâm làm một.

*"Bếp Hoàng cầm ta dựng giữa trời,  
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy."*

Bàn về nghệ thuật của hai bài thơ, ta không khó để thấy rằng chúng có nét khác biệt tương đối rõ ràng. Chính Hữu dùng bút pháp lãng mạn, xây dựng trong thơ của mình biểu tượng nên thơ của tình đồng chí: "đầu súng trăng treo". Cảm hứng dâng trào lên rồi lại lắng đọng trong tâm hồn, hoá thành hình ảnh của chiến đấu và hoà bình, mang đến cho đời một bài thơ đầy chất trữ tình nhưng cũng không kém phần hấp dẫn. Ngược lại, Phạm Tiến Duật xây dựng hình ảnh người lính bằng những gì có thực trong cuộc sống chiến đấu gần gũi nhất: "xe không kính". Hình ảnh thơ này thật sự quá độc đáo, khiến người đọc nhiều lần ngỡ ngàng vì sự phá cách và nét đơn giản nhưng cũng ngập tràn chất thơ của "bài thơ về tiểu đội xe không kính".

Nhưng dù khác nhau từ hoàn cảnh, xuất thân cho đến lí tưởng chiến đấu, họ vẫn cùng chung một mục tiêu duy nhất: chiến đấu vì hoà bình, độc lập, tự do của tổ quốc. Họ lầy quyết tâm làm nền tảng, tinh thần làm cơ sở để vững bước đến tương lai được dựng nên bởi tình đồng chí. Dù biết rằng trong cuộc chiến một sống một còn ấy, đã có không ít

những người phải hi sinh, nhưng đó lại là động lực lớn hơn chắp cánh cho ước mơ của những người chiến sĩ bay xa, bay cao. Hình tượng người lính ở hai thời kì đều chứa những phẩm chất cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ mà chúng ta cần phải trân trọng và yêu quý. Nói tóm lại, người lính mãi mãi là biểu tượng tươi đẹp và sinh động nhất của chiến tranh, dù là thời kì p hay chống Mĩ. Họ hiện lên quá đỗi gần gũi và thân thương, với nghĩa tình đồng đội ấm áp đã, đang và sẽ mãi mãi ấp ủ trong trái tim. Họ là những cây xương rồng rắn rỏi, cố gắng vươn lên giữa xa mạc mênh mông khô cằn. Họ là ngọn đèn thấp sáng con đường của quê hương chúng ta, đưa đất nước đi đến hoà bình và phát triển như ngày hôm nay.

**Đề bài: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đâu phải là bài thơ về những chiếc xe mà về những con người, những anh bộ đội can trường, dũng cảm trong cuộc sống đầy gian khổ ác liệt nhưng vô cùng đẹp đẽ của họ. Hãy viết bài văn nghị luận về vẻ đẹp của người lính trong Tiểu đội xe không kính?”**

Có thể nói, thơ Phạm Tiến Duật như một luồng gió mới thổi vào vườn thơ cách mạng với một phong cách vô cùng sáng tạo. Với quan niệm “chủ yếu đi tìm cái đẹp từ trong những diễn biến sôi động của cuộc sống”, ông đã đưa tất cả những chất liệu của hiện thực đời sống chiến trường vào trong thơ ca. Tuyến đường Trường sơn khói lửa – tuyến đường của mưa bom bão đạn, của chiến tranh tàn khốc và của lòng nhiệt huyết tuổi trẻ. “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước” mà lòng phơi phới hân hoan – niềm vui đó như ánh sáng chói chang soi sáng tâm hồn nhà thơ để tạo thành một hồn thơ chiến sĩ rất lạ, rất mới, rất độc đáo. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là tác phẩm tiêu biểu của ông viết về những người lính lái xe can trường, dũng cảm, lạc quan, yêu đời trong mưa bom, bão đạn. Họ quyết chiến đấu hi sinh vì lý tưởng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc. Đó là tiếng nói chân thành của người trong cuộc với một tâm hồn đầy chất thơ.

Có lẽ chất thơ Phạm Tiến Duật hay bởi cái mới mẻ, sáng tạo, bởi hồn thơ chiến sĩ trẻ trung, tếu táo. Thơ ông không phản ánh một cách chân thực, giản dị đời sống cách mạng như thơ Chính Hữu mà phả vào đó một luồng chất thơ, chất tinh nghịch của tuổi trẻ. Ông đã thi vị hóa cái hiện thực để tạo được hình ảnh thơ sống động, độc đáo, đó là “những chiếc xe không kính”. Đây chỉ là thứ tưởng chừng như khô khan, trần trụi nhưng lại được Phạm Tiến Duật nhìn với con mắt rất thơ. Những chiếc xe không có kính chắn gió ư? Phải chăng đây là kết quả của một hành trình vượt qua mưa bom bão đạn? “Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi” – một lời lí giải chân thực, gần như văn xuôi lại pha thêm chút giọng thần nhiên khiến người đọc nhận ra chất thơ ngay từ hình ảnh đó. Những chiếc xe đã vượt qua bom đạn thử thách để rồi mang trong mình đầy thương tích. Mặc cho gian khổ, đoàn xe vẫn băng băng ra chiến trường vì miền Nam phía trước vì độc lập tự do của Tổ Quốc. Phải chăng qua hình ảnh ấy, Phạm Tiến Duật muốn làm nổi bật vẻ đẹp của những con người cầm lái?

Phải nói rằng, tác giả đã dùng cách mở hết sức tài tình. Bài thơ này đâu phải viết về những chiếc xe không kính! Vì sao vậy? Bởi hình ảnh đó tượng trưng cho những gian khổ, thiếu thốn của cuộc kháng chiến. Ông đã tạo nên một hình tượng người lính – nơi hội tụ những phẩm chất cao đẹp. Trên những chiếc xe không kính, họ vẫn cầm lái với tư

thể ung dung, hiên ngang giữa trời đất. Họ thiếu thôn về phương tiện, vật chất ư? Điều đó đã không còn là trở ngại lớn lao bởi họ biết biến nó thành “cơ hội” để hưởng thụ, để tiếp cận thiên nhiên. Phạm Tiến Duật đã lấy cái khó khăn, gian khổ làm cơ hội để bộc lộ được những phẩm chất cao đẹp của người lính cách mạng:

“ Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng” Cái ngồi “ung dung” đằng hoàng làm chủ tình thế – một tư thế chiến đấu rất đẹp Mặc cho mưa đạn khói lửa, mặc cho khó khăn thử thách, các anh vẫn bình tĩnh, tự tin, đưa hàng ra tiền tuyến. Để rồi, họ nhìn – một cái nhìn khoáng đạt bao la giữa đất trời: “Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”. Họ không thẹn với đất trời, họ không run sợ hay né tránh mà nhìn thẳng vào gian khổ, vào tương lai để lần theo ánh sáng lí tưởng cách mạng. Nhìn qua khung cửa vỡ – họ nhìn thấy cả một không gian rộng lớn, thấy những cung đường chiến lược phía trước. Đoàn xe vẫn vun vút bươn trải, vẫn lao nhanh với tốc độ phi thường. Dường như chính nhà thơ cũng dang cạm lái những chiếc xe không kính đó nên câu chữ mới sinh động, cụ thể, gợi cảm như vậy. Lời thơ nhịp nhàng, trong sáng như văng vẳng tiếng hát vút cao giữa chiến trường bom đạn.

Ở những người lính trẻ ấy còn sáng bừng lên tinh thần lạc quan, thái độ bất chấp mọi khó khăn gian khổ. Nếu ở hai khổ thơ trên là những cảm giác về khó khăn thử thách thì giờ đây những khó khăn thử thách lại ập đến một cách cụ thể, trực tiếp. Đó là “Bụi phun tóc trắng” và “Mưa tuôn mưa xối” Phải chăng đó chính là cái hậu quả tất yếu của những chiếc xe không kính? Nhưng những khó khăn đó đâu làm họ nao núng! Họ đã chấp nhận nó như một thử thách mới để rồi bình thản, cố gắng vượt lên trên hoàn cảnh. Nếu ở bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, tiếng “mặc kệ” cất lên biểu thị thái độ sẵn sàng chấp nhận thì ở bài này cũng vậy, trước khó khăn gian khổ, những người lính trẻ vang tiếng “Ừ thì” thật nhẹ nhõm. “Bụi phun tóc trắng”, “mưa tuôn mưa xối” ư? Điều đó chẳng là gì đối với những con người can trường, lạc quan này. Họ “chưa cần rửa”, “chưa cần thay” để rồi “phì phèo châm điếu thuốc và nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”. Phải chăng đây là sức mạnh của tinh thần lạc quan, thái độ bất chấp mọi hiểm nguy? Nhà thơ đã xây dựng hình tượng người lính vừa mang nét giản dị, phong trần nhưng lại không thiếu phần kiêu hùng, lãng mạn. Phải nói rằng, câu thơ Phạm Tiến Duật chẳng những hay về hình ảnh mà còn hay về âm điệu. Những thanh bằng, trắc được phối hợp linh hoạt, pho diễn được cái ngiệt ngã của người lính trong chiến tranh “Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi” hay “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha” – câu thơ với sáu thanh bằng gợi sự nhẹ nhõm, yên ả trong tâm hồn người lái xe. Phải chăng đó là nốt nhạc vui sôi nổi vang dậy cả Trường Sơn.

Hình tượng người lính lái xe còn được Phạm Tiến Duật phát hiện thêm một nét đẹp nữa, đó là tình đồng đội gắn bó, chia ngọt xẻ bùi. Những con người dũng cảm ấy đã vượt qua bao khó khăn thử thách, họ đến “từ trong bom rơi”, để rồi những chiếc xe không kính ấy “đã về đây

hợp thành tiểu đội”. Nhưng hiểm nguy, gian khổ là cơ hội để họ gần nhau hơn và trở thành bạn bè để rồi “bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi” – cái bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi” – cái bắt tay đầy ý nghĩa, thăm tình đồng đội. Cũng là cái nắm tay, cái bắt tay của



người lính, nhưng mỗi thời mỗi khác, anh chiến sĩ trong thời chống Pháp thì “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” Nhưng tất cả cái bắt tay ấy đều xuất phát từ bao gian khổ, hiểm nguy và mở ra một tình bạn cách mạng cao cả. Để rồi, ánh sáng của tình đồng chí, đồng đội đã làm ấm cả chiến trường bom đạn lạnh lẽo.

Cuộc đời người lính rất bình dị nhưng cũng vô cùng sang trọng. Giữa chiến tranh bom đạn, họ vẫn ung dung “Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời”. Bữa cơm gia đình thật ấm áp, khiến tình đồng chí, đồng đội đã trở thành tình cảm gia đình. Dường như giữa họ không hề tồn tại một sự ngăn cách nào. “Chung bát đũa nghĩa là chung gia đình đây” – một cách định nghĩa tếu táo mà sâu nặng nghĩa tình. Trong thơ Xuân Diệu, hai từ “nghĩa là” cũng được thi vị hóa trở nên óng ánh chất thơ:

“Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua  
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già  
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất”  
Dưới ngòi bút Phạm Tiến Duật, hai chữ “nghĩa là” lại trở nên đậm đà, chan chứa cái tình của người lính. Nhà thơ đã thực sự thành công khi thổi hồn vào ngôn từ, vào câu chữ. Chỉ với hai từ thôi mà tình đồng đội đã rút ngắn mọi khoảng cách để trở thành tình cảm anh em ruột thịt. Phải chăng tình cảm ấy là nguồn sức mạnh to lớn để họ tiếp tục lên đường? Những người lính trẻ vẫn tiếp tục ra mặt trận trong không khí hồ hởi của cuộc kháng chiến: “Lại đi, lại đi, trời xanh thêm” – đoàn xe vẫn không ngừng lăn bánh trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa. Điệp ngữ “lại đi” như nhấn mạnh nhịp hành quân đều đặn. “Trời xanh thêm cũng chính là niềm lạc quan yêu đời, chan chứa hy vọng của người lính. Vậy nếu có niềm tin thì chẳng có việc gì là họ không làm được. Trải qua bom đạn kẻ thù, những chiếc xe giờ đây không còn nguyên vẹn mà mang đầy thương tích. Xe không có kính, không có đèn, không có mui – đó là những khía cạnh của cái “Không có” mà Phạm Tiến Duật đã phát hiện một cách tài tình. Nhưng hoàn cảnh đó đâu làm nản chí những con người kiên cường kia!

Họ vẫn đàng hoàng ung dung, đoàn xe vẫn lăn bánh đều đặn ra mặt trận. Vì sao vậy? Bởi lẽ trong cái mảng “không có” mịt mù vẫn còn lóe lên một cái “có” – đó là “trái tim cầm lái”

“Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước  
Chỉ cần trong xe có một trái tim”  
Thì ra cội nguồn sức mạnh để họ vượt qua khó khăn gian khổ, đọng kết lại ở “trái tim” gan góc, kiên cường mà chan chứa yêu thương này. Đó là trái tim nồng nàn yêu nước, sẵn sàng hi sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước “Chỉ cần trong xe có một trái tim” – câu thơ nhẹ nhàng mà kiên quyết, làm tỏa sáng và chói ngời cả bài thơ “Trái tim ấy” – “trái tim” nhiệt huyết của người lính – “trái tim” vĩnh hằng bất biến của Tổ Quốc. Vậy sức mạnh quyết định chiến thắng đâu phải là vũ khí, công cụ! Đó là niềm tin và hi vọng về một ngày mai độc lập, tự do. Qua đây, vẻ đẹp của người lính đã được hoàn thiện qua nét vẽ của nhà thơ.

### **Đề văn cảm nhận hai đoạn trích, hai nhân vật trong 2 văn bản:**

Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long có đoạn:

"... Nhân dịp Tết một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đây. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế (...)

Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ở bác vẽ cháu đấy ư? Không, không đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn"

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 185).

Và tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê Có đoạn:

"Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần, Ngày nào Ít ba lần. Tôi cố nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đừng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi,, mằn mằn, cát lạo xạo trong miệng. "

(Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 118)

**Cảm nhận của em về hai đoạn trích trên. Từ đó, hãy nhận xét ngắn gọn về vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.**

### **GỢI Ý:**

#### **I. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và hai nhân vật
- + Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.
- Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

#### **II. Thân bài:**

- Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

#### **1. Vẻ đẹp trong cách sống**

##### **a. Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa**

- Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất..
- Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.
- Anh đã vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.
- Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.

– Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học..

#### b. Cô thanh niên xung phong Phương Định

– Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.

– Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.

– Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...

### 2. Vẻ đẹp tâm hồn

#### a. Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa

– Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.

– Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.

– Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.

– Là người nhân hậu, chân thành, giản dị. b. Cô thanh niên xung phong Phương Định

– Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.

– Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.

– Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.

-> Các tác giả đã miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.

• Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

• Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.

=> Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

### III. Kết bài

– Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.

– Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.

**Đề tham khảo: Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê. Hãy liên hệ thực tế trách nhiệm của thế hệ thanh niên trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình hiện nay.**

Hướng dẫn làm bài

Học sinh cần phải đảm bảo các nội dung sau:

- Phân tích vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm: “ Những ngôi sao xa xôi” của nhà văn Lê Minh Khuê.
- Từ các nhân vật trong tác phẩm học sinh có thể liên hệ thực tế về nhiệm vụ của thế hệ thanh niên trong việc xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc trong tình hình hiện nay bằng các ý cụ thể như sau:

**1. Mở bài**

- Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.
- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" là một trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.
- Tiêu biểu là vẻ đẹp về tâm hồn, phẩm chất anh hùng của ba nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm.

**2. Thân bài**

*\* Vẻ đẹp chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.*

- Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước.
- Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam.
- Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, coi thường gian khổ. Mỗi nhân vật có nét tính cách riêng nhưng họ yêu thương, lạc quan, có niềm tin vào tình yêu đất nước.

*\* Vẻ đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong*

*a) Nhân vật Phương Định.*

- Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...
- Phương Định là nhân vật kể chuyện xưng tôi đây nữ tính. Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

- Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

#### *b) Nhân vật Thao*

Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tia tốt lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vết.

- Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

- Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mĩ.

#### *c) Nhân vật Nho.*

- Nho xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẽ như một que kem trắng"

#### *\* Liên hệ thực tế:*

- Chúng ta hiểu được có cuộc sống như ngày hôm nay đó là nhờ biết bao thế hệ cha ông đổ biết bao mồ hôi, xương máu và nước mắt mới có được nền hoà bình. Cần tự hào về những truyền thống tốt đẹp đó.

- Hiện nay mặc dù chúng ta đang sống trong hoà bình nhưng vẫn còn các thế lực thù địch âm mưu thôn tính nước ta.

- Vì vậy là một công dân của đất nước chúng ta cần có trách nhiệm góp một phần nhỏ bé của mình trong việc xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc, phát huy những truyền thống anh hùng của ba nữ thanh niên trong tác phẩm.

### **3. Kết luận**

- Khẳng định tâm hồn trong sáng sự hồn nhiên và phẩm chất anh hùng dũng cảm, lạc quan của ba nữ thanh niên xung phong.

- Rút ra bài học cho bản thân.

### **Tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ qua nhân vật anh lính lái xe và Phương Định**

**Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua hai nhân vật: anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long) và Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê).**

Hướng dẫn làm bài:

- Nêu vấn đề nghị luận: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và luận đề:



+ Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.

+ Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

*a. Giới thiệu chung (khái quát đề tài hai tác phẩm; tóm tắt sơ lược...)*

+ Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

+ Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mỹ ác liệt nhất.

*b. Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam được thể hiện qua các nhân vật:*

- *Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:*

+ Trong công việc: anh là một người say mê công việc; có tinh thần trách nhiệm; có ý chí, nghị lực để vượt qua gian khổ; dũng cảm khi sống đơn độc giữa non xanh; biết lấy công việc làm niềm vui, thực sự hạnh phúc khi hiểu được ý nghĩa công việc của mình à Sống có lí tưởng, hoài bão: sống là để cống hiến, phục vụ cho nhân dân, cho đất nước.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống và làm việc, những công việc của anh thanh niên, những khó khăn vất vả trong công việc và những suy nghĩ đúng đắn tích cực của anh về công việc của mình)

+ Trong cách sống, trong tâm hồn: anh có cuộc sống giản dị, biết tổ chức cuộc sống khoa học, ngăn nắp, sạch sẽ; ham học hỏi, cần cù, chịu khó; giàu tình cảm; sống cởi mở, chân tình; và cũng rất khiêm tốn à Đời sống tâm hồn phong phú, sôi nổi trẻ trung, lạc quan yêu đời.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: về căn nhà của anh ở; việc anh ham đọc sách; trồng hoa, nuôi gà; rất hiếu khách, tiếp đón ông họa sĩ và cô kĩ sư chu đáo, nồng hậu; tặng củ tam thất cho vợ bác lái xe, tặng hoa cho cô gái, tặng trứng gà cho ông họa sĩ; lịch sự, khiêm tốn khi ông họa sĩ vẽ mình,...)

- *Nhân vật Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi:*

+ Trong công việc: hoàn cảnh sống và công việc rất gian khổ, nguy hiểm nhưng cô vẫn tự nguyện, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, hi sinh, làm việc với một tinh thần trách nhiệm cao; đặc biệt trong giờ phút căng thẳng đối diện với cái chết, cô vẫn tỏ ra bình tĩnh, gan dạ, dũng cảm.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống, làm việc; công việc của Phương Định; chi tiết kể về việc phá bom...)

+ Trong đời sống tâm hồn, tình cảm: dù sống trong hoàn cảnh ác liệt, căng thẳng, dữ dội nhất nhưng cô có một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, vô tư, lạc quan, yêu đời; nhạy cảm,

giàu mộng mơ; có tình cảm yêu mến, sự cảm phục và sẵn lòng giúp đỡ đồng đội trong tổ, trong đơn vị...

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: Phương Định thích ca hát, hay quan tâm đến hình thức của mình, thích ngắm mình trong gương; hay làm ra vẻ “điệu” khi gặp các anh bộ đội, quan tâm lo lắng khi Nho bị thương; như trẻ con khi nghịch mưa đá, sống lại những kỉ niệm về Hà Nội...)

- *Tổng hợp:*

+ Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.

Vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước mà hai nhà văn muốn khẳng định, ca ngợi.

- Đánh giá nghệ thuật hai tác phẩm (cách kể chuyện, giọng điệu; tình huống; xây dựng nhân vật, miêu tả nội tâm, tính cách; ngôn ngữ...)